
PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIAN

LỜI ĐẦU SÁCH

Phật pháp tại thế gian, chẳng thể lìa thế gian mà có. Thế nên biết, người muốn ngộ được lẽ thật của muôn pháp, cũng phải từ muôn pháp mà ngộ, muốn nhận rõ bản tâm chân thường cũng phải từ chiếc thân tứ đại vô thường mà nhận.

Người học Phật ngày nay nếu không muốn là kẻ đếm của báu cho người, phải sớm chuyển mê khai ngộ, tự mình dấn bước làm một hành giả nói ít hành nhiều. Được thế hy vọng có chút phần tương ưng.

Trên tinh thần ấy, vì muốn giúp cho tăng ni Phật tử đi đến chỗ rốt ráo viên mãn trong công phu tu hành, hòa thượng Viện trưởng đã đình ninh chỉ dạy rõ ràng chỗ thực dụng hằng ngày của một người con Phật. Nhận thấy giá trị quý báu ấy, chúng tôi biên tập lại những bài giảng dạy của ngài trên những chặng đường hồng pháp lợi sanh, với mục đích giao hòa cùng tất cả những bạn tu, một hướng sáng trên lối về quê xưa.

Được sự hoan hỷ chấp thuận và chứng nghĩa của hòa thượng Ân sư, chúng tôi xin được gửi đến độc giả tác phẩm Phật Pháp Tại Thế Gian như một niềm đồng cảm, chia sẻ chút kinh nghiệm tu hành của một bậc Thầy dẫn đường, đã để lại cho chúng ta những huấn thị bằng cả cuộc đời tu tập của ngài.

Vì là văn nói nên tác phẩm không sao tránh khỏi những sai sót tất yếu. Mong các bậc thức giả phủ chính và lượng thứ cho.

Thường Chiếu, ngày 02-02-2005

BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU

PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIAN
PHẦN I

PHẬT PHÁP RẤT CHÂN THẬT

Giảng tại Bỉ – 2002

Hôm nay, lần đầu tiên tôi đến chùa Hoa Nghiêm tại Bỉ theo lời mời của ni sư Trụ trì, thăm viếng chư ni và quý Phật tử, đồng thời đáp lại lòng chân thành thỉnh cầu của quý vị, thuyết một thời pháp. Đề tài tôi nói hôm nay là Phật Pháp Rất Chân Thật.

Sở dĩ tôi nói đề tài này vì có một số người hiểu lầm, tưởng đạo Phật huyền bí, khó hiểu. Như tụng kinh Bát-nhã thấy khó hiểu nên họ cho là bí hiểm. Nếu bí hiểm thì lời Phật dạy không có lợi ích cho chúng sanh. Vì vậy chúng tôi phải nói rõ giáo pháp của đức Phật rất chân thật, rất thiết yếu với cuộc sống của con người.

Phật là gì? Phật là người giác ngộ. Hồi xưa, từ thế kỷ thứ XIII trở về trước, người Việt Nam gọi Phật là Bụt. Sao ngày nay chúng ta lại gọi là Phật? Sự thật không có gì lạ. Ngày xưa, vùng Luy Lâu ở miền Bắc nước ta,

được các nhà buôn từ nhiều nơi tụ hội về buôn bán, trong số đó có chũ tăng Ấn Độ theo thuyền buôn sang Việt Nam truyền đạo. Các ngài phát âm theo tiếng Phạn gọi Phật là Buddha, dân ta gọi trại lại thành Bụt. Điều này chứng minh Phật giáo Việt Nam đã có rất lâu đời, không phải mới đây. Về sau này, chúng ta gọi là Phật vì gọi theo người Trung Hoa. Chũ Buddha dịch sang tiếng Hoa là Phật-đà.

Như vậy, Bụt hay Phật là chỉ cho người giác ngộ được viên mãn, triệt để tất cả pháp ở thế gian, không phải giác ngộ sơ sài. Phật là bậc giác ngộ, Bồ-tát cũng là bậc giác ngộ nhưng giác ngộ từng phần, chưa triệt để viên mãn như đức Phật. Bồ-tát nguyên âm chũ Phạn là Bodhisattva, phát âm theo Trung Hoa là Bồ-tát hay Bồ-đề-tát-đỏa. Bodhi là giác, sattva là phần. Bodhisattva là giác ngộ từng phần.

Bây giờ chúng ta được gọi là gì? Là Phật tử. Phật tử là âm từ chũ Phật nghĩa là giác, tử là con. Phật tử là con bậc giác ngộ. Vậy Bồ-tát giác từng phần, còn chúng ta giác một tí nhỏ thôi nên gọi Phật tử. Nhưng không biết Phật tử chúng ta có giác chưa? Bởi giác ngộ nên Phật thấy đúng như thật tất cả pháp ở thế gian. Thấy đúng như thật nên Phật dạy chúng ta tu, nếu chúng ta hiểu và tu đúng pháp đó thì cũng thấy được lẽ chân thật.

Đạo Phật là đạo chân thật. Tại sao nói chân thật? Ở đây tôi đi từng bước cho quý Phật tử dễ hiểu, dễ nhận. Bước thứ nhất, khi đức Phật giác ngộ viên mãn rồi,

ngài thấy rõ chúng sanh sau khi chết bị luân hồi sanh vào sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la và trời. Tại sao lại sanh trong sáu đường đó? Vì chúng sanh mê lầm tạo những nghiệp ác nên phải rơi vào ba đường xấu, ai sáng suốt tạo những nghiệp lành thì sẽ được sanh lên cõi lành.

Trong vòng luân hồi sanh tử, muốn được sanh chỗ lành thì phải tu nhân lành. Phật dạy chúng ta phải y cứ vào lý nhân quả. Còn đi trong luân hồi lục đạo là lý luân hồi. Như vậy luân hồi trong lục đạo do nghiệp dẫn nên gọi là nghiệp báo. Nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, là những bước đầu người Phật tử phải tu. Nhân đã gây thì quả phải chịu, đức Phật không hứa ai tin ngài, cầu xin ngài thì ngài sẽ ban cho phước lành. Phật không hứa sao Phật tử cứ lạy cầu cho con được cái này, được cái kia? Nếu Phật ban phước xuống họa thì không có nhân quả nữa. Thế nên quý vị phải hiểu rõ điều này, mà tự chịu trách nhiệm về những hành vi tạo nghiệp của mình.

Như Phật tử muốn đi xa, trước khi đi thấp hương cầu Phật gia hộ cho con đi đường được bình an. Đó là tốt rồi. Nhưng ra đường gặp ai nói những chuyện trái ý mình, quý vị nổi tức chửi lộn với họ. Lúc đó bình an không? Phật có chen vào can thiệp được không? Không. Chúng ta bị những hoạn nạn, khó khăn là vì lòng nóng giận của mình, không làm chủ được. Không làm chủ được mình mắng người ta, người ta chửi lại mình. Gieo nhân nào phải chịu quả nấy, chứ Phật không chen vào can thiệp được.

Phật dạy chúng ta tu là bỏ tham, bỏ sân, bỏ si. Phật tử không chịu bỏ, cứ nhờ Phật gia hộ cho được bình an, cho mọi tai nạn đều hết, Phật gia hộ được không? Phật dạy lẽ thật, mà lẽ thật thì khô khan, đòi hỏi trí tuệ và sức tự chủ của chúng ta nên ta ngán thực hành. Còn nói cầu Phật, Phật sẽ ban cho đủ thứ hết thì Phật tử vui lắm, vì chúng sanh có bệnh yếu đuối, giải đãi, ỷ lại, không muốn tự lực mà chỉ thích ai đó làm giùm mình. Đức Phật nói lẽ chân thật mà chúng ta đi quá xa lời Phật dạy. Từ lời dạy chân thật đó, lần lần chúng ta biến Phật thành ông thần, ông thánh và vì thế đạo Phật trở thành đạo của mê tín hoặc thần bí, tà ngoại.

Tại sao chúng ta có thái độ lệch lạc đó? Tại vì chúng ta yếu đuối, sợ sệt. Sợ cái này, sợ cái nọ, sợ cái kia, nên lúc nào cũng muốn trông cậy bề trên che chở cho mình. Nếu không có bề trên che chở thì sợ quá đi. Dù Phật nói ngài không ban phước xuống họa, mà cũng cứ xin Phật hoài hoài. Nếu xin được thì nói Phật linh, nếu xin không được thì nói Phật không thương mình. Đức Phật lúc nào không thương chúng sanh? Phật thương tất cả chúng sanh không bỏ rơi người nào. Phật thương muốn độ hết tất cả, nhưng vì chúng ta không hiểu lời Phật dạy, không ứng dụng đúng rồi tưởng Phật không thương. Nên trong kinh nói: “Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử”, Phật thương chúng sanh như mẹ thương con.

Như người muốn được một mẫu bắp tốt, cứ ra chấp tay lạy trời hoài, mà không chịu gieo giống. Quý vị tưởng chừng nào được? Không có nhân thì không bao giờ có quả.

Nhân không gieo mà đòi quả là chuyện không bao giờ có. Cũng thế, nhiều Phật tử không chịu gieo nhân mà đòi quả, đó là sai lầm. Muốn có một thửa bắp trổ nhiều hạt, trước chúng ta phải lựa hạt giống tốt, rồi gieo trồng chăm sóc kỹ lưỡng, sau mới có kết quả bắp tốt.

Chúng ta kiểm nghiệm lại thế gian không có gì ngoài nhân quả. Nhân quả là chân lý trong cái tương đối, là một sự thật không chối cãi được. Phật tử không tin nhân quả thì không thể gọi là trung thành với Phật được, vì lời Phật dạy chúng ta không làm theo. Cũng như cha mẹ dạy con, đừng tập theo mấy đứa ngõ nghịch hút á phiện, xì-ke, ma túy. Cha mẹ dạy vậy, đứa con có hiếu nào lại theo đám hư hỏng kia chơi không? Nếu nó chơi với bạn hư thì đâu thể gọi là có hiếu được. Cũng vậy, nếu là Phật tử chân chánh, chúng ta phải thực hành đúng lời Phật dạy. Không có cái gì tốt xấu đến với chúng ta một cách ngẫu nhiên, mà đều có nhân có quả cả.

Có khi nào ta không ghét người đó, mà người đó lại hung dữ với mình không? Phải có thù oán với nhau mới làm hung làm dữ. Đời này hoặc đời trước đã gây thù oán với nhau, bây giờ mới gặp lại, nhân quả không phải chỉ có một đời thôi. Nhân quả trải qua tới ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Ba đời đó liên hệ với nhau. Có những nhân mình gây từ đời trước, đến đời này mới trả quả. Có những nhân làm ngay đời này, đời này hưởng quả liền. Có nhân làm trong đời này nhưng đời này chưa được hưởng quả. Nó khác biệt như vậy, chứ không phải nói nhân quả là có liền.

Nhiều người cứ than thở tại sao tôi làm lành, mà cứ gặp những vui buồn, tai nạn hoài. Nghĩ như vậy rồi nói không có nhân quả hay nhân quả không thật, không đúng. Như trong phố có một căn nhà bán, người khác lại mua. Họ làm ăn rất siêng năng nhưng cuối năm hỏi anh chị dư giả không? Người đó nói tôi làm một năm rồi mà vẫn còn thiếu nợ. Lạ chưa! Tại sao làm ăn khá mà thiếu nợ? Truy nguyên ra khi mua căn nhà đó họ phải vay tiền. Làm ăn khá trả được phân nửa hoặc một phần ba, còn nợ lại phân nửa hoặc hai phần. Chứ không phải làm ăn khá liền hết nợ.

Cũng vậy, chúng ta làm lành nhưng nợ cũ còn, trả chưa hết thì quả lành chưa tới kịp. Khi nào chúng ta trả hết nợ cũ quả lành mới đến. Cũng như người mua nhà kia, ít ra phải hai ba năm làm ăn siêng năng cần mẫn, trả hết nợ rồi mới có dư. Đó là một lẽ thật. Cho nên đối với lý nhân quả, chúng ta phải nhìn xuyên từ quá khứ, hiện tại đến vị lai. Có khi hiện giờ chúng ta làm những điều rất tốt, mà chưa có quả tốt vì chưa tới giai đoạn chín mùi, phải qua đời sau mới hưởng được. Không bao giờ nhân tạo mà mất, nó vẫn còn nhưng đủ thời kỳ chín mùi mới thu gặt kết quả. Trong nhà Phật luật nhân quả được khẳng định, chứ không phải chuyện mơ hồ. Đó là một lẽ thật, không nghi ngờ gì nữa. Vì vậy tôi nói Phật pháp là lẽ chân thật.

Kế đến nói về luân hồi. Luân là bánh xe, hồi là lăn tròn. Bánh xe lăn tròn lên xuống, lên xuống trong sáu đường hoài gọi là luân hồi. Trong kinh Phật nói,

nếu đời này ta tạo nghiệp lành đời sau sanh vào cõi lành, tạo nghiệp dữ đời sau sanh vào cõi dữ. Hiện tại chúng ta làm lành, làm dữ thì nghiệp lành dữ đó sẽ dẫn ta sanh ở chỗ lành hay chỗ dữ. Điều này có thật không? Nói gần, như một gia đình sanh ba bốn đứa con, cũng người cha người mẹ đó mà mấy đứa con sanh ra giống nhau không? Đúng về mặt thể xác có phần giống một chút, nhưng về tâm lý thì mỗi đứa có khác. Đứa thích môn này, đứa thích môn kia, không giống nhau. Phải cha mẹ dạy không? Không. Phải thầy cô dạy không? Cũng không. Mà chính là tập nghiệp của quá khứ. Đời trước người đó là thợ mộc thợ hồ, nay sanh ra những việc thủ công họ làm giỏi lắm. Nếu người đó là nhà văn, bây giờ đi học văn chương giỏi. Ngày xưa là nhà toán học, bây giờ học toán rất mau. Chúng ta mới thấy có những vị thần đồng về âm nhạc, về toán... Như vậy biết rằng quá khứ của chúng ta, còn mang theo đến đời này chứ không phải hết.

Cũng thế đời này chúng ta tạo nghiệp lành, nghiệp tốt, thì đời sau được sanh vào cõi lành, cõi tốt. Nếu tạo nghiệp ác thì đời sau sanh chỗ ác. Đó là lý luân hồi. Luân hồi từ nghiệp dẫn đi, không phải bỗng dưng mà có. Đạo Phật nói nghiệp là do hành động của mình tạo, được lặp đi lặp lại nhiều lần trong cuộc sống, nên nghiệp chính là thói quen. Nghiệp lành, nghiệp dữ đều do chúng ta huân tập, không phải trời xui đất khiến mình khổ, hay trời xui đất khiến mình vui. Không có cái khổ vui từ bên ngoài đến, mà chính ở nơi mình. Nghiệp là một lẽ thật, không phải chuyện mơ hồ. Ai cũng tạo nghiệp, chỉ khác nhau là lành hay dữ thôi.

Nghiệp nào sẽ dẫn đi trong ba đường ác, nghiệp nào sẽ dẫn đi trong ba đường lành? Chúng ta chiếu theo năm giới: không sát sanh, không trộm cướp, không nói dối, không tà dâm, không uống rượu say, không hút á phiện, xì-ke, ma túy. Đó là năm điều lành để bảo đảm dẫn chúng ta đi đường lành, đường lành thấp nhất là cõi người. Năm giới này phạm hết thì đi ba đường dữ.

Nếu người giữ giới không sát sanh, đời sau sanh ra được khỏe mạnh sống lâu. Không trộm cướp đời sau sanh ra của cải nhiều. Không nói dối, không nói lừa ai, nói đúng lẽ thật, đời sau sanh ra nói năng lưu loát, ai cũng quý cũng tin. Không tà dâm sống hạnh trinh bạch, bảo vệ hạnh phúc gia đình mình và gia đình người, đời sau sanh ra đẹp đẽ, gia đình yên ấm. Không uống rượu, không uống say, không hút á phiện, xì-ke, ma túy, đời sau sanh ra sáng suốt. Rõ ràng nhân và quả theo nhau, không phải ngẫu nhiên người này sanh ra khôn ngoan, người kia sanh ra tầm tối. Tất cả đều có nhân duyên hết. Bởi vậy Phật dạy chúng ta tu để trở lại làm người tốt. Đó là luân hồi đúng theo nhân mình đã tạo, còn cái dẫn chúng ta đi vào các cõi gọi là nghiệp.

Hiện đời chúng ta có chứng thực được lý luân hồi này. Như quả địa cầu đang quay hết sáng tới tối, hết tối tới sáng. Quay như vậy là luân hồi. Trong con người chúng ta máu từ tim chảy đến khắp lục phủ ngũ tạng, rồi từ lục phủ ngũ tạng chảy về tim. Ra vào, ra vào lẫn lẫn như thế nên gọi là luân hồi. Như vậy từ địa cầu, từ bản thân, từ tâm niệm chúng ta, đều đi theo chiều hướng luân hồi. Nhiều người không hiểu, tưởng luân hồi là cái gì huyền bí. Sự thật nó như vậy.

Thấy được lý luân hồi, nhân quả chúng ta còn sợ sệt nữa không? Sợ ai? Thường thường sợ là sợ ai đó hành mình. Nhưng bây giờ chính ta là chủ nhân tạo ra mọi hoàn cảnh cho mình, thì còn sợ ai nữa. Có sợ chẳng là sợ mình không tạo nghiệp lành lại đi tạo nghiệp dữ. Không ai muốn mình khổ cả, vì thế chúng ta phải tạo nhân lành để tránh khổ, được vui chứ!

Như vậy, đạo Phật cho chúng ta quyền quyết định hoàn toàn, không ai chen vô hết, không phải trời Phật can thiệp vào. Con người khổ quá thường kêu trời, lẽ ra phải kêu mình mới đúng. Tại sao hồi xưa mình ngu tạo nghiệp dữ để bây giờ chịu khổ như vậy. Hiểu thế mới hối hận ăn năn sám hối chừa cái. Còn kêu trời, đổ thừa trời thì không nhận phần lỗi về mình, không chịu trách nhiệm về những hành vi mình đã tạo ra trước đó.

Chúng ta gặp khổ lại đổ trách nhiệm ở một đấng nào, điều này đúng không? Không đúng. Biết tất cả tốt xấu, hay dở đều do mình tạo, ta nhận lấy trách nhiệm về mình. Đó là lẽ thật. Biết nhận lấy trách nhiệm để sửa là khéo tu. Còn không nhận trách nhiệm, cứ theo đà cũ oán hờn, thù hận là chưa biết tu. Người tu phải sáng suốt, biết rõ những gì ta lỡ tạo phải can đảm nhận, chứ không đổ trút cho người khác.

Phật tử học Phật rồi, thấy được trách nhiệm đối với mình, với nghiệp quá khứ đã gây tạo. Gặp cảnh khổ ta không kêu trời kêu đất, chỉ cười vì biết hồi xưa ngu dại mình tạo nhân này, nên bây giờ gặp quả đây. Ngày nay ta không tạo mà gặp cảnh xấu thì biết đây là

quả ngu đại từ đời trước. Bây giờ phải ráng ăn năn sám hối. Nếu người gặp cảnh vui, làm gì cũng thành công thì không nên tự hào. Tự biết nhờ hồi xưa biết tu, biết làm lành nên bây giờ gặp cảnh tốt. Nghĩ thế càng gắng làm lành, không ngạo mạn tự cao. Có bổng được đâu mà ngạo mạn, đây là công của mình từ trước. Người biết tu rồi đứng trong xã hội rất vững vàng.

Người tin được nhân quả có can đảm không? Dám nhận trách nhiệm, không đổ thừa ai hết là can đảm. Do biết nhân quả, can đảm nhận hết những xấu dở để sửa mình, điều hay tốt cố gắng thêm lên. Hiểu đúng tin đúng như vậy, có giác ngộ không? Có giác ngộ chút chút nên nói là con Phật. Học Phật, bước đầu chúng ta phải nhận định cho thật thấu đáo, nếu không sẽ giống như người thế gian có bệnh nhất nhúa, hay đổ thừa. Việt Nam ta có những câu ca dao rất hợp lý nhân quả:

Bởi chưng kiếp trước khéo tu,

Ngày nay con cháu vông dù nghênh ngang.

Ông bà mình thấy rõ luật nhân quả. Sở dĩ ngày nay được tốt là tại hồi trước mình khéo tu. Ngày nay bị xấu là tại hồi trước mình không khéo tu, chứ có gì đâu. Phật tử mà không giác chút nào hết thì không phải là Phật tử, chỉ là kẻ tu mù thôi.

Tất cả quý Phật tử từ trước tới giờ sống đúng tinh thần nhân quả hay sống ỷ lại? Phần nhiều ỷ lại quý thầy, quý cô. Thôi kệ, làm ăn có tiền lâu lâu đem vô chùa cúng. Mình có tai nạn quý thầy cầu an cho,

có chết quý thầy cầu siêu, khỏi lo tu. Đó là hoàn toàn ỷ lại. Ngày nay Phật tử hiểu đạo rồi, đừng quan niệm như thế nữa, mà phải thật tu. Chư tăng ni là người đi trước, chỉ cho chúng ta đường lối tu, chứ không phải gánh hết những gì chúng ta làm. Nhiều Phật tử nói tôi cúng chùa nhiều quá, bây giờ tai nạn dồn dập, không ai thương. Nghĩ như vậy là không hiểu đạo Phật hay hiểu không đúng đắn. Đạo Phật là đạo chân thật, chỉ lẽ thật cho chúng ta, chứ không dạy cái gì huyền hoặc, xa lạ với con người.

Phật dạy nhân quả, luân hồi, nghiệp báo, để chúng ta tu ngay trong đời này và những đời sau. Nhưng đạo Phật không chỉ dạy tu trong sanh tử, mà còn dạy tu giải thoát sanh tử nữa. Đa số Phật tử thấy luân hồi trong ba đường tốt là hài lòng, ít ai muốn ra khỏi. Nhưng thật ra đạo Phật dạy phải làm sao giác ngộ cho sâu, cho triệt để, chứ không phải giác ngộ sơ sơ như vậy là đủ. Vì thế đức Phật còn dạy thêm các pháp tu để ra khỏi sanh tử. Đến đây tôi sẽ nói về lý nhân duyên.

Đức Phật dạy tất cả sự vật trên thế gian này không có cái gì tự nó thành hình, mà phải do nhiều nhân nhiều duyên tụ hợp lại mới thành. Như thế phải có hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất, trước khi nó tụ lại phải là Không. Ví dụ như trước khi đem những đóa hoa cúc cắm vào bình thì bình không. Không mới cắm hoa cúc vào được, chứ bình đầy cứng thì hết cắm hoa cúc. Như vậy trước khi cắm hoa cúc là cái bình không. Từ cái không đủ duyên tụ lại thành bình hoa cúc.

Cũng như trước khi cha mẹ chưa sanh, chúng ta có hay không có? Lúc đó đâu có. Không có trong bào thai cha mẹ chứ không phải không có trong vòng luân hồi. Khi đủ duyên ta vào trong bào thai, từ từ được nuôi lớn cho tới ngày ra đời. Như vậy ngày nay chúng ta có là từ cái không trước, rồi nhân duyên tụ hội mới thành có.

Bình hoa này bây giờ có nhưng đôi ba bữa không còn. Sao vậy? Vì nó héo tàn, người ta bỏ đi. Vậy những gì do duyên hợp thì có ngày tan rã. Có cái nào hợp mà không tan đâu. Thân chúng ta đã do duyên hợp thì phải tan, phải hoại nhưng con người lại không chịu hoại. Do đó mới khổ.

Chúng ta lúc nào cũng muốn giác ngộ, mà lại giữ mê hoài. Nếu ngày mừng một tết âm lịch, bạn bè tới chúc chị năm nay nghèo mạt, chúc chị năm nay đau, quý vị có nổi nóng không? Điều đó nhất định không chấp nhận được. Song giàu nghèo là nhân quả của mình. Chúc là chuyện nói bóng nói gió vậy thôi, có thật đâu mà nổi giận! Nổi giận như thế là hữu lý hay vô lý? Vô lý. Còn chúc sống trăm tuổi hay làm ăn phát tài thì vui lên liền. Mà chắc gì sống trăm tuổi, nhưng nghe chúc thế là vui. Như vậy chúng ta đang đi trong mê hay đi trong giác? Mê. Đạo Phật là đạo giác ngộ, mà con Phật lại đi trong mê thì nói sao đây!

Tôi thăm thía câu chúc tết của một hòa thượng Nhật Bản cho đệ tử: “Thầy chúc cho các đệ tử ông nội chết, bà nội chết, rồi cha chết, mẹ chết, con chết, cháu chết.”

Ông chúc chết từ trên xuống dưới, quý vị chịu nổi không. Không ai chịu nổi câu chúc đó. Vị cư sĩ tức quá hỏi: “Tại sao thầy chúc cho con lạ vậy?” Hòa thượng nói: “Thầy chúc tốt cho con đó.” Hỏi: “Tốt thế nào?” Đáp: “Con thấy già thì ông nội, ông ngoại chết, kế cha mẹ chết, con chết, cháu chết. Đó là chết theo thứ tự, người lớn đi trước người nhỏ đi sau. Bây giờ có nhiều người bất hạnh cha chưa chết mà con đã chết.” Hòa thượng chúc hợp lý như vậy mà có người nghe chịu nổi.

Con người sống trong tưởng tượng nhiều hơn lẽ thật. Cứ nghe những lời vuốt ve, tán thưởng rộng thì vui, còn lời nói thật lại buồn trách. Như vậy mới thấy chúng ta tu mà chưa giác. Nếu giác thì dù nói khổ, nói vui gì cũng biết nói rộng. Chẳng qua mình tạo nghiệp lành hay dữ nên phải thọ quả, chứ có ai nói mà thành tốt xấu cho mình được. Chúng ta không cầu cúng, mong mỗi Phật ban cho cái này, cái nọ mà phải thật tâm chỉnh sửa lại cái xấu dở thành cái hay tốt, đó mới là thật tu. Quý Phật tử mừng một tết có xin Phật không? Xin thôi là xin.

Nói thế có người thắc mắc tại sao mỗi đêm mình phải lạy Phật, nguyện này, nguyện nọ? Phật không cho cái gì hết, tại sao chúng ta lạy rất kính cẩn? Đó là sự hiểu lầm của người đời. Ví dụ như một nhà khoa học phát minh được một công thức lý hóa hay toán học. Từ khi họ mò mẫm cho tới ngày phát minh trải qua nhiều thời gian rất cực khổ, phải bóp đầu bóp trán mới được. Khi thành công thức rồi, chúng ta học và ứng dụng công thức đó

chỉ năm mươi ngày là thuộc. Nhờ công của người phát minh nhọc nhằn, khó khăn, sau này chúng ta biết thực hành được nhẹ nhàng và có nhiều lợi ích, cho nên ta mang ơn kính trọng người đó, đâu có gì phải ngạc nhiên. Đây là điều hoàn toàn hợp lý.

Cũng vậy, hồi Phật mới đi tu chưa giác ngộ, trải qua bao nhiêu năm khổ hạnh, phải ngồi dưới cội bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm mới được giác ngộ. Bây giờ ngài dạy lại chúng ta những điều ngài đã giác ngộ như nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, chỉ chưa tới một giờ đồng hồ, ta đã hiểu hết rồi. Vì vậy chúng ta kính trọng Phật đã gieo cho chúng ta mầm giác ngộ. Chúng ta lạy Phật vì rất quý, rất trọng chỗ ngài giác ngộ và ân đức ngài đã giáo hóa giúp chúng ta cùng được giác ngộ như ngài, chứ không phải lạy Phật để xin. Ngài đã tuyên bố ngài không cho mà. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy ý nghĩa của sự tu hành.

Theo lý nhân duyên tất cả những gì có hình, có tướng ở thế gian này đều không thật. Đã do duyên tụ thì cũng do duyên tán. Ngày nay đủ nó hợp, ngày mai thiếu nó tan. Đó là lẽ thật. Lẽ thật như vậy mà chúng ta chịu tu, chứ không chịu tán là mình vô lý. Thân này đủ duyên nó tụ, hết duyên nó hư hoại. Đủ duyên thì còn hết duyên thì mất, đó là chuyện bình thường, có gì phải sợ.

Chúng ta biết có tụ thì phải có tan, đó là một lẽ thật không chối cãi được. Đã là lẽ thật sợ cũng không được, cũng không khỏi, chỉ còn khéo tu thôi. Như hiện giờ

ta được thân tốt, muốn ngày mai nó tan rồi tụ lại cũng tốt thì phải tạo duyên nghiệp tốt. Cái gì đến thời kỳ hoại phải hoại, chúng ta có sợ, có khóc mấy cũng hoại thôi. Biết rõ vậy, ngày mai chết ta cũng chỉ cười, hết duyên thì đi có gì đâu mà sợ.

Người hiểu đạo rồi sống ung dung tự tại, không hoảng sợ gì hết. Ai nói chi cũng không sợ, vì mình biết rõ lẽ thật, không chạy trốn nơi đâu được. Quý vị làm hết bổn phận của mình, tới ngày hết duyên thì cười đi. Như vậy tốt không? Còn lo sợ, rên rĩ khóc lóc có được gì, chỉ làm tâm tư rối loạn thêm. Tâm tư càng rối loạn con đường trước càng mờ mịt, khó chọn được nơi tốt. Như vậy có phải nguy hiểm hơn không!

Biết thế rồi chúng ta dễ tu hay khó tu? Có gì khó. Bởi mình biết con người ai cũng tới chỗ chết, có sanh phải có tử. Trong khi sanh đây mà sơ sẩy một chút là bước vào cửa tử liền. Ví dụ đi xe lỡ tay đụng âm một cái, rồi. Đó là cửa tử đã chực mở ra, không kịp để lo âu sợ sệt nữa. Từ lo âu sợ sệt, nhiều người chạy đi coi bói xem năm nay tuổi tốt hay xấu, đủ thứ. Như vậy Phật tử tin Phật hay tin quỷ thần? Tin lời Phật thì phải tu sửa chuyển đổi từ xấu thành tốt, mới đúng là Phật tử. Nhờ Phật dạy chúng ta mới giác, có giác một chút mới ứng dụng tu. Ứng dụng tu là tin Phật và tu như lời Phật dạy.

Thân này do duyên hợp thì thành, duyên tan thì mất. Nó có rồi mất, có rồi mất nên thân không thật.

Từ không duyên hợp thành có, từ có hết duyên trở về không. Xác định vậy, chúng ta không còn tham sống tới trăm tuổi nữa. Hồi xưa mấy ông vua còn muốn phải muôn muôn tuổi kìa, nên bắt thần dân tung hô “Vạn vạn tuế”. Người nay chúc bá niên là một trăm năm, nhưng sự thật mấy người sống được tới tuổi đó. Chúc là chúc rỗng vậy thôi, mà thiên hạ lại thích chúc rỗng, không chịu nhìn lẽ thật. Đã duyên hợp thì phải tan, thân này không thật nên ai nói hơn nói thua, nói phải, nói quấy, có gì quan trọng.

Biết thân không thật, có ai nói anh hay chị xấu, dễ ghét... có buồn không? Thân này đã giả thì những lời khen chê cũng giả, cũng hư dối thôi. Giả sử có ai chửi bới, ta nên cười hay nên giận? Thân không thật thì chửi đó cũng rỗng, có gì để giận. Vậy mà ai nói nặng một câu thì giận năm bảy ngày chưa quên. Cái không thật mà ôm ấp giận, có phải khờ dại không? Cho nên thấy được thân không thật rất dễ tu, nhưng nếu thấy thân thật thì tu rất là khó.

Giả sử như bữa ăn thông thường của quý vị phải có muối tiêu, muối ớt. Hôm nào lỡ không có nó thì quý vị thấy khó ăn. Tại sao khó? Thân không thật, thức ăn tạm dùng cho qua ngày, đâu có gì quan trọng. Nhưng vì chúng ta đặt cái ngon cái dở lên trên nên thấy bực bội. Thân đã không thật thì vật thực nuôi nó cũng đâu có thật. Vậy mà ăn không ngon mặc không đẹp thì buồn. Phật tử thấy thân giả mà lại buồn giận những cái không đáng, đó là chưa khéo tu. Bởi vậy người xưa tu sống rất đơn giản,

cảnh nào các ngài cũng hoan hỷ vì thấy thân không thật. Còn chúng ta bây giờ sống đòi cái này, cái kia, thua kém ai một chút là buồn bực.

Dù chúng ta có nuôi dưỡng cương chiều cho thân sung túc, nhưng rồi cũng không giữ được nó, vậy cương chiều quá làm chi. Ta chỉ nên mượn thân để tu, tu cho khéo cho hay. Từ phương tiện tạm bợ này, ta tiến lên được những bậc cao siêu hơn. Chứ còn nuôi dưỡng thân giả này dù trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp cũng chỉ ở trong vòng trầm luân sanh tử, không có lợi ích gì.

Trong kinh Phật thường nói, pháp của Phật như chiếc bè để qua sông. Nhờ nó chúng ta qua được bờ giác ngộ, chứ không theo giữ nó hoài. Nếu quý vị biết chắc thân này không thật thì giác ngộ kha khá, cũng phần giác tức là Bồ-tát. Khi giác ngộ chúng ta đọc kinh Kim Cang không khó. Trong kinh Phật nói:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là tất cả những pháp có hình tướng sanh diệt đều giống như mộng, như huyễn hóa, như điện chớp, như sương mù, có đó rồi mất đó. Nhìn như thế là nhìn bằng con mắt giác ngộ. Thấy thân này thật là đang mê. Bây giờ chuyển thấy thân này giả, tốn chừng

bao nhiêu công? Có gì ngăn trở không? Đâu có gì ngăn trở. Chúng ta đủ thẩm quyền chuyển mê thành giác, vậy mà không chịu chuyển, rồi than Phật không thương. Chúng ta không chịu chuyển, Phật thương sao được! Từ mê chuyển thành giác rất nhẹ nhàng, chỉ đổi cái nhìn là được.

Thấy thân duyên hợp hư giả, ai nói gì mình cũng cười, không quan trọng chi hết. Cuộc sống đăm đục thế nào cũng tốt, lúc nào ta cũng chỉ nhớ cố gắng tu, cố gắng vươn lên. Đó là con người giác ngộ, dù chưa viên mãn nhưng cũng là Bồ-tát. Vậy Bồ-tát với phàm phu cách nhau bao xa? Cách nhau giữa mê và giác. Mê, giác từ trong tâm đổi là xong. Từ mê chuyển thành giác không phải trèo non lội suối gì hết, chỉ đổi cái nhìn thôi. Dễ không? Vậy mà Phật tử than “tu khó quá”. Phật đâu có bảo quý vị gánh đá lên núi, mà than gánh không nổi. Chỉ đổi cái nhìn sai lầm qua cái nhìn giác ngộ, gọi là chuyển mê thành ngộ. Chuyển một cái là xong, giống như trở bàn tay từ úp lật lên là ngửa vậy. Cho nên việc tu hết sức dễ.

Quý Phật tử hiểu đạo rồi nên cố gắng thực hiện tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Tinh thần đó là tinh thần đúng chân lý, không phải tinh thần dọa dẫm hay dụ dỗ gì hết. Đức Phật nói đúng lẽ thật cho chúng ta nhận ra, nhận ra lẽ thật rồi, ứng dụng tu hành dễ chứ không khó. Chỉ vì ta chưa hiểu nên tu khó, hiểu rồi tu không khó. Khi tu, lâu lâu chúng ta phải tự kiểm lại xem mình có giác chưa. Nhiều người đọc kinh Kim Cang không hiểu,

vì thấy thật mà Phật nói giả, thành ra lời Phật dạy không dính với quý vị. Bây giờ nếu hiểu căn bản từ lý nhân duyên, chúng ta thấy đó là lẽ thật, không phải Phật suy lý mà nói.

Có người lại nghi, nếu thấy các pháp như huyền hóa, người ta chán đời không muốn làm gì nữa? Thấy cái gì cũng giả dối tạm bợ, thôi nhịn đói chết cho rồi. Đó là hiểu sai lầm. Đạo Phật dạy chúng ta giác ngộ, khi giác ngộ rồi nhìn lại người mê mới thấy thương. Người đời giành giết hơn thua với nhau, nên có thương nhau cũng gượng mà thôi. Có những gia đình cha mẹ chết chia gia tài không đều, con cái oán hận, chứ thương gì. Rõ ràng tình thương đó không thật.

Chúng ta biết rõ cuộc đời như vậy, mình không còn vướng mắc, bận bịu nữa thì thấy những người đang vướng mắc, đang bận bịu mình thương. Thương là thương cái mê của họ. Vì chúng sanh mê mà Phật phải thương, tình thương ấy mới thật sự công bằng. Một ông tổng thống mê Phật cũng thương, chứ không phải chỉ thương người nghèo, người giàu không thêm thương. Tình thương chân thật là thương kẻ mê sau khi mình đã giác. Do thương nên tạo điều kiện hướng dẫn người còn trong mê. Đó là thực hiện lòng từ bi. Chúng sanh còn mê còn khổ, ta giác một mình sao được. Như trong kinh Lăng-nghiêm, ngài A-nan phát nguyện: “Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ Nê-hoàn”, nghĩa là nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, con nguyện không nhập Niết-bàn. Phật và Bồ-tát thương chúng sanh

là thương cái mê của họ, chứ không phải thương giàu nghèo. Khi mê thì giàu nghèo gì cũng mê, nhiều khi giàu còn mê đậm hơn nữa. Vì vậy Bồ-tát thương hết, không bỏ một ai. Thương và cứu độ hết lòng thì đâu thể nói tiêu cực yếm thế được.

Tất cả chúng ta học Phật, hiểu Phật rồi, dù không phát tâm Bồ-tát, nhưng thấy người mê cũng đáng thương. Câu kinh đức Phật dạy, tôi không bao giờ quên là: “Cái khổ ở địa ngục cũng chưa phải là khổ. Cái khổ ở ngã quý đói khát cũng chưa phải là khổ. Cái khổ súc sanh, làm trâu làm ngựa kéo cày kéo xe cũng chưa phải là khổ. Chỉ si mê không biết lối đi, đó mới thật là khổ.” Vì những cái khổ kia còn có ngày ra khỏi, còn khổ si mê này không biết chừng nào ra khỏi, cứ chìm trong sanh tử muôn kiếp. Cho nên cái khổ của luân hồi sanh tử là cái khổ lớn nhất. Chúng sanh còn mê là còn sanh tử, đây là cái đáng sợ nhất. Nhưng chúng sanh chỉ sợ nghèo, sợ thua người ta mà không sợ mê nên mới đáng thương. Người tu Phật sợ cái mê nên tránh, cầu được giác ngộ. Đó mới thật là người tu Phật.

Phật tử tụng kinh Bát-nhã thuộc lòng, trong đó Phật dạy: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”, nghĩa là người soi thấy năm uẩn không thật, liền qua hết các khổ nạn. Ngũ uẩn là gì? Sắc uẩn là vật chất, tức thể xác. Thọ, tưởng, hành, thức là tinh thần. Những thứ đó nguyên trước nó là không, duyên hợp giả có. Biết rõ nó có trong cái giả dối không thật, thì qua hết các khổ nạn. Quý vị thuộc Bát-nhã mà không chịu

chiếu kiến, không chịu xem xét nên khổ nạn tới hoài, rồi nói Phật dạy không linh. Phật nói độ tất cả khổ ách, mà sao tới giờ tôi không độ được khổ nào hết? Đó là vì chúng ta không tu theo trí tuệ Bát-nhã. Chứ khéo tu đúng như lời Phật dạy, chúng ta sẽ thấy hay đáo để, lời Phật là lời vàng. Phật nói lẽ thật triệt để, chúng ta cạn cợt nông nổi nên không thấy tới cái triệt để. Do không thấm, không biết nên nghĩ đọc kinh Phật cho có phước vậy thôi, chứ không hiểu lời Phật dạy. Không hiểu thì đâu có ứng dụng tu, cho nên khổ hoài.

Nên biết rõ thứ nhất là nhân quả, thứ hai là nghiệp báo, thứ ba là luân hồi. Đây là ba điều tu còn ở trong luân hồi, để chọn luân hồi trong ba đường lành. Nếu người biết đúng lý này, tạo nghiệp lành sẽ sanh vào đường lành. Nhưng trong kinh Phật không khuyến khích chúng ta lên cõi trời. Tại sao? Vì lên đó sướng quá, muốn gì được nấy, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, muốn đi chơi được đi chơi. Do không thấy khổ nên không phát tâm tu. Nơi nào có khổ có vui chúng ta mới thức tỉnh, mới phát tâm tu. Lên cõi trời điều gì cũng thỏa mãn hết, vì vậy khó tu. Chỉ ở cõi Ta-bà này khổ vui đầy đủ, chúng ta dễ tỉnh, dễ đánh thức mình. Trên trời có một chiều, ăn uống vui chơi thụ hưởng đến khi hết phước, rớt xuống cõi khổ. Sống trong cảnh khổ lại ráng tu để được lên trời, lên đó rồi tuột xuống nữa. Cứ như vậy lên xuống hoài, không ra khỏi trầm luân sanh tử. Người biết tu nên tìm một con đường chân thật, ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Đức Phật đã khổ công tìm ra ánh sáng của đạo chân thật, bây giờ ngài dạy lại chúng ta. Con đường khó khổ Phật đã gánh chịu hết, mình chỉ tu học theo những gì ngài tìm ra và chỉ dạy lại, đỡ mất thời gian, đỡ tốn công sức khó nhọc biết bao nhiêu, chỉ có ứng dụng pháp Phật dạy để tu, dễ quá chừng. Vậy mà chúng ta không chịu tu thì thật là đáng trách, đáng thương làm sao! Mong tất cả quý vị nghe tôi nói, cố gắng tu hành theo giáo pháp chân thật của đức Phật đã dạy, để dứt khổ được vui.



GIÁC NGỘ VÀ GIẢI THOÁT

Giảng tại Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay, tại đạo tràng Tam Hòa tôi giảng về đề tài Giác Ngộ Và Giải Thoát. Đó là mục đích tối thượng hay tột cùng của người tu. Khi nói tới mục đích tối thượng thì chắc rằng không dễ. Vì khó nên tôi phải đi thứ tự từ thấp lên cao cho tất cả thấy chỗ cao siêu của Phật giáo như thế nào?

Trước khi nói giác ngộ và giải thoát, chúng ta nhớ lại đức Phật Thích-ca-mâu-ni tu dưới cội bồ-đề được giác ngộ giải thoát sanh tử, đó là mục tiêu cuối cùng ngài đạt được. Như vậy với đề tài này, chúng ta sẽ đặt hai câu hỏi. Giác ngộ là giác ngộ cái gì? Và cái gì được giải thoát? Đa số người nói Phật giác ngộ, giải thoát mà ngài cũng chết như mình, tám mươi tuổi nhập Niết-bàn, thì giải thoát cái gì? Đó là nghi vấn mà đa số Phật tử không giải quyết được.

Trước hết nói về giác ngộ. Danh từ giác ngộ nhiều người đã biết, nhưng thật ra biết cạn chứ không được sâu. Thế gian có những trường hợp, như người say mê rượu chè được bạn bè khuyên nhắc, họ bỏ rượu thì người ta nói anh ấy giác ngộ. Như vậy giác ngộ theo thế gian là bỏ tật xấu tập hạnh tốt. Giác ngộ đó chưa phải nghĩa giác ngộ của đạo Phật. Đạo Phật nói giác ngộ là thấu triệt được lẽ thật nơi con người từ ban sơ cho tới cuối cùng, tìm được cái từ xưa đến giờ chúng ta chưa từng biết.

Chúng ta đọc lịch sử đức Phật, thấy Thái tử bỏ ngôi vua quyết chí đi tu là do thấy cái gì? Thấy cảnh sanh, già, bệnh, chết của con người. Ngài tự biết rõ rằng người kia già rồi ta cũng phải già, người kia bệnh rồi ta cũng phải bệnh, người kia chết rồi ta cũng phải chết. Sanh, già, bệnh, chết là một quy luật không ai chối cãi được. Thấy rõ như vậy nên ngài quyết chí đi tu, với mục đích phăng tìm cho ra con người có mặt đây là lần số một hay đã vô số lần? Mai kia nhắm mắt đi về đâu? Muốn ra khỏi sanh tử phải làm sao? Đó là những thắc mắc bản khoăn lớn của đức Phật. Như vậy, ngài xoáy thẳng vào con người, trước khi có mặt và sau khi mất thân này, phăng cho ra manh mối đó.

Khi tu gặp các vị tiên dạy từ Sơ thiên tới Tứ thiên, ngài chứng qua hết nhưng chưa giải quyết được ba vấn đề trọng đại của con người mà ngài đang phăng tìm, nên Phật bỏ đi. Đến thầy khác dạy ngài tu chứng định Tứ không là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ,

Phi tướng phi phi tướng xứ. Chúng được Tứ không rồi ngài vẫn chưa giải quyết được vấn đề con người, nên cũng bỏ đi. Rõ ràng đức Phật đi tu là để giải quyết vấn đề con người, chứ không muốn tỏ ra mình là một nhà bác học gì hết, mà phải tìm cho được manh mối của con người.

Những vấn đề của Phật nêu lên ngày xưa, bây giờ chúng ta có thắc mắc không? Có người thắc mắc, có người thờ ơ. Đa số chấp nhận thôi phải sao chịu vậy, có mặt đây thì cứ ở đây, mai kia đi đâu cũng mặc. Đó là thái độ thờ ơ cho thân phận mình. Đức Phật không đành lòng như vậy, ngài quyết tâm phải phăng tìm cho ra manh mối. Đến dưới cội bồ-đề, ngài nhập định bốn mươi chín ngày đêm. Đêm cuối cùng, canh thứ nhất đức Phật chứng được Túc mạnh minh, bùng sáng chuyện của mình từ vô lượng kiếp tới giờ. Trong Kinh kể, ngài nói: “Ta nhớ vô số kiếp về trước như nhớ chuyện mới xảy ra hôm qua.” Ngài biết rõ rằng con người không phải chỉ có mặt ở đây một lần, mà đã có vô số lần.

Quý vị tin điều đó không? Nếu không tin thì chúng ta sẽ không giải quyết nổi tại sao cùng một gia đình, cùng một cha mẹ sanh ra năm bảy anh em, mà không ai giống ai. Nói theo khoa học ngày nay, gien nào sanh ra giống hệt gien đó như khuôn đúc. Nhưng trên thực tế có khuôn đúc không? Không. Đó là nói về thể xác. Còn tinh thần, người thì thích cái này, người lại ưa cái khác, không ai giống ai hết. Vậy những ưa thích đó từ đâu ra? Cha mẹ không dạy, xã hội không dạy,

nhưng ta lại ưa thích. Người ưa văn học, người ưa toán học, nên vào trường mỗi người giỏi mỗi môn, không ai giống ai. Như vậy để thấy sự tích lũy từ trước vẫn còn đó, bây giờ ra đời nhớ lại những cái cũ mình thích. Do thích nên học hành đúng sở thích thì giỏi, thế gian thường gọi là khiếu thông minh. Như người tu chúng tôi, cha mẹ có dạy lớn lên đi tu đâu, sao lớn lên lại đi tu. Để thấy rằng, những gì chúng ta mang từ quá khứ vẫn còn đây, nên gặp duyên ta thích việc đó, chứ không phải ai dạy hết. Con người không phải mới có mặt lần này, mà đã vô số lần rồi, vì vậy trong mỗi chúng ta mang mỗi quá khứ còn tồn đọng từ trước.

Từ canh hai đến canh ba, ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy rõ chúng sanh sau khi chết theo nghiệp đi trong sáu đường luân hồi, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua người lại một cách rõ ràng. Như vậy, chúng ta chết rồi có mất không? Không mất, mà đi theo nghiệp. Nên nhà Phật nói nhân quả, nghiệp báo để cho chúng sanh tu. Những gì Phật thấy mới dạy, chứ không phải ngài suy lý như những nhà triết học. Do thấy rõ nên ngài nói không một chút ngờ vực.

Từ canh ba tới canh năm, khi sao mai mọc ngài chứng được Lộ tận minh, dứt hết mầm sanh tử tức là giải thoát sanh tử. Từ đó ngài mới dạy chúng sanh phương pháp tu để giải thoát sanh tử. Đức Phật đã chứng, đã biết, đã thấy rõ ràng, mới đem ra dạy cho mọi người.

Chúng ta ngày nay mê hay giác? Mê. Mê cái gì? Nhiều người cũng không biết mình mê cái gì. Đức Phật xoay thẳng nơi con người, tất cả đều xoay lại nhìn ở con người. Cho nên, cái giác của ngài là giác ngộ thẳng về con người. Chúng ta mê cũng là mê nơi con người. Vậy chúng ta mê cái gì? Mê là thấy thân này thật, trong khi Phật thấy thân này giả. Phật thấy thân giả nên ngài giác, chúng ta thấy thật nên mê.

Chúng ta đang đi đứng là sống còn, vừa có cái gì bất trắc ngã ùng ra chết thì mất. Thấy đó liền mất đó thì có thật được không! Vậy mà chúng ta ngỡ là thật, không mê sao được! Mê là mê như vậy. Bởi cho thân này thật nên quý thân, những gì nó ưa thích đều muốn được thỏa mãn. Mình muốn thân mình thỏa mãn, người khác cũng muốn thân họ thỏa mãn, tất cả đều muốn vậy thành ra giành giết nhau. Nhỏ giành giết theo nhỏ, lớn giành giết theo lớn. Như anh em trong gia đình, cha mẹ chết chia của cải, anh nhiều em ít không chịu, phải giành phần cho bằng cho hơn, không chịu thua. Vì vậy thấy thân thật là nhân đau khổ. Đó là nói chuyện trong một gia đình. Nói rộng hơn như vua một nước, nếu thấy thân thật thì giang sơn cũng thật. Muốn cho dân mình sung sướng thì thấy nước nào tài nguyên phong phú liền đem quân đi chiếm, đó là nhân giặc giả. Do thấy sai lầm nên lòng tham nổi dậy, gây tai hại lớn lao cho nhân loại. Đó là hiểm họa đang lan tràn trên thế gian, không yên ổn chút nào hết.

Ngược lại, nếu thấy thân giả thì sao? Đa số sẽ nói tiêu cực. Giả thì lo chi, cần gì làm việc. Bồ-tát thấy thân mình giả, thân chúng sanh giả, các ngài lăn xả vào đời cứu độ chúng sanh không niệm ngàn sợ. Tại sao? Cái giả mà chúng sanh lầm cho là thật nên giành giật, giết hại lẫn nhau, các ngài có bốn phận phải đánh thức họ, chỉ cho biết giả đừng lầm lẫn nữa. Như vậy các ngài càng biết giả càng thương những người mê. Chúng ta thấy thân thật nên ít thương ai. Chỉ thương những người thân thuộc của mình, còn chung quanh mặc kệ, không thương. Bồ-tát thấy cuộc đời tạm bợ, con người có đó rồi mất đó, không bền lâu mà chúng sanh lại chìm đắm đau khổ trong ấy nên các ngài dấy khởi lòng từ bi muốn cứu độ chúng sanh. Nhờ giác ngộ mới có từ bi, nếu không giác ngộ sẽ không có từ bi.

Chúng ta làm việc thiện nhưng không phải từ bi mà là ích kỷ. Ví dụ nói bố thí giúp người nghèo, sau sẽ được phước giàu sang. Như vậy bố thí vì mình chứ không phải vì người. Bố thí ấy không phải từ bi. Từ bi là vì người chứ không vì mình. Chúng ta mê lầm ở chạng thứ nhất là thấy thân này thật, nên cấu xé giành giật, làm khổ cho nhau. Nếu thấy thân giả thì anh em trong nhà có mặt đây tạm bợ vài chục năm rồi cũng đi, tranh gia tài làm chi, thôi thì chia nhau sống tạm mà. Đối với xã hội cũng vậy, mọi người cùng sống trong cõi tạm, biết rõ như vậy thì phải bảo bọc nhau sống ngày nào vui ngày ấy, giành giật chi cho khổ. Nhờ biết đúng lẽ thật, chúng ta dễ thương nhau hơn. Đó là lẽ thật người Phật tử phải biết.

Mê thứ hai là mê tâm mình. Quý vị nghĩ cái gì là tâm mình? Là tinh thần phải không? Khi thương ai nói tôi thương người đó, ghét ai nói tôi ghét người đó, giận ai nói tôi giận người đó. Một trăm thứ, nghĩ cái gì cũng tôi hết, khởi nghĩ là tôi. Chấp thân tạm bợ là tôi, chấp tâm sanh diệt đổi thay là tôi. Tâm sanh diệt đổi thay cho là tôi thì có bao nhiêu cái tôi? Vô số. Tâm ấy là một dòng suy nghĩ sanh diệt, không phải cái thường còn. Cái sanh diệt làm sao chân thật được. Tâm sanh diệt không thật mà chấp thật nên khi nghĩ điều gì cho là đúng, ai phản bác mình giận, ai hoan nghênh mình vui. Thế gian không biết bao nhiêu cái đau khổ, vì người ta cho là lý tưởng. Thọ, tướng, hành, thức, Phật bảo là không, chúng ta lại nói thật, rồi đặt thành lý tưởng. Thế là lý tưởng này chống lý tưởng kia. Một hai người chống nhau chỉ mới là luận chiến, nhiều người chống nhau thì kéo quân đánh âm ì. Như vậy con người chấp thân nên giành vật chất để hưởng, chấp tâm nên giành lý tưởng tốt về mình, do đó mà tranh đấu không dừng nghĩ. Đó là cái khổ của nhân loại.

Nói xa một chút, nhiều người thấy ai tài giỏi, thông minh đều gọi là nhà trí thức. Trí thức với trí tuệ giống nhau hay khác nhau? Đây là điều thế gian ít để ý. Trong nhà Phật chia tuệ làm hai trường hợp: tuệ sanh diệt, từ chuyên môn chữ Hán gọi là hữu lậu, tuệ xuyên suốt không còn sanh diệt gọi là vô lậu. Hữu lậu có ba văn, tứ, tu. Người đến với đạo Phật trước phải học. Văn là nghe học, học giáo lý Phật cho hiểu. Đạo Phật không chấp nhận

học bằng cách nghe sao hiểu vậy, mà bắt chúng ta phải suy gẫm, đó là tư. Nghe rồi suy gẫm xem có đúng không, chừng nào thấy đúng mới qua trường hợp thứ ba là tu tức thực hành.

Vậy văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ là ba trí tuệ còn trong sanh tử. Tại sao? Vì kinh do Phật nói, chúng ta học lời của ngài, hiểu được lời Phật dạy ứng dụng tu, đó là trí tuệ nhưng là trí tuệ ở ngoài được, nên thuộc về hữu lậu. Còn thế gian người ta học lý thuyết này, lý thuyết nọ, thông hiểu nói ra lưu loát, đem lý thuyết chứng minh lập luận của họ gọi là trí thức. Nghĩa là đem cái thức phân biệt của mình để xét đoán những triết lý, rồi phê phán đúng sai v.v... Những nhà trí thức còn được gọi là học giả hay nhà bác học. Học là cái ở ngoài đem vào, nên chưa phải cái thật của mình.

Trí tuệ vô lậu mà đức Phật dạy có ba thứ giới, định, tuệ còn gọi là tam giải thoát môn. Nói cách khác từ giới sanh ra định, từ định sanh ra tuệ. Như vậy cái tuệ này từ định phát sinh, không do học bên ngoài. Thế nên trí tuệ vô lậu có sẵn nơi mình, khai thác được trí tuệ này là trí tuệ chân thật. Tuệ này khi phát hiện ra được có ba từ để gọi: vô sư trí, tự nhiên trí, căn bản trí. Nó là trí sẵn từ thuở nào nơi mình, mà chúng ta không biết dùng. Bây giờ muốn dùng nó phải đi từ giới để gỡ bớt những buộc ràng bên ngoài rồi qua định, tâm định tuệ mới phát. Như vậy tuệ vô lậu là tuệ của mình chứ không phải học. Tuệ này từ tu hành mà hiển lộ.

Chúng ta học Phật, hiểu Phật là phải đi sâu vào trí tuệ vô sư. Chúng ta ngồi thiền để định. Định cái gì? Định tâm điên đảo sanh diệt của mình, cho nó dừng lại. Nó dừng hoàn toàn rồi thì trí tuệ sẵn có hiện đủ. Có người nói ngồi thiền bỏ hết vọng tưởng rồi ngu sao? Vì họ cho rằng cái khôn đối đãi sanh diệt là khôn thật. Đó là hiểu sai lầm. Trí tuệ chân thật chỉ xuất hiện khi tâm an định.

Chúng ta giác ngộ là giác ngộ cái gì? Trước nhất giác ngộ thân này giả, kể đến giác ngộ tâm sanh diệt là giả. Biết hai cái đó giả rồi thì sự tu hành dễ như trở bàn tay. Sở dĩ chúng ta tu chậm tiến là vì cứ nhớ những chuyện liên hệ tới thân. Hôm qua mình bị ai rầy, hoặc làm ăn thất bại, tiền của suy giảm, lý luận với ai bị thua, làm sao cho hơn họ..., cứ nhớ đi nhớ lại những thứ ấy. Do chấp thân, chấp tâm nên ngồi thiền không yên. Khi đã biết thân giả, biết tâm sanh diệt giả chúng ta ngồi thiền dễ yên lắm.

Biết thân giả, tâm sanh diệt giả, lúc đó là giác, mà giác thì thành Bồ-tát con rồi. Bồ-tát là phần giác tức giác ngộ từng phần. Như vậy Bồ-tát cách chúng ta xa gần? Chỉ như trở tay thôi. Chiều này là mê, lật ngược lại là giác chứ có gì đâu. Ai nhìn đúng lẽ thật là giác, nhìn sai lầm là mê. Trong kinh Kim Cang Phật dạy rất đơn giản: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.” Nghĩa là những gì có tướng đều hư dối, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức là giả, đó là thấy Phật, vì Phật là giác.

Như vậy tu dễ hay khó? Chỉ đổi cái thấy thôi. Giả biết giả, chuyện đó hợp lý trăm phần trăm sao lại nói khó! Lâu nay chúng ta đi trong mê nhiều kiếp nhiều đời quá, nên bây giờ chuyển lại giác khó, chứ không phải chuyện tu khó. Thấy thân thật chuyển qua thấy thân giả chừng bao lâu? Tích tắc hà, dễ quá chừng. Vậy mà chúng ta tu hoài không nổi. Kinh Kim Cang Phật nói, giả sử có người đem của bảy báu nhiều bằng núi Tu-di bố thí, không bằng người trì bốn câu kinh Kim Cang. Nhẹ làm sao! Trì tụng bốn câu kinh Kim Cang có khó gì? Còn của báu chất bằng núi Tu-di, muôn kiếp mình cũng chưa làm được nữa. Vậy tại sao Phật lại nói thế? Đó là để chỉ dạy chúng ta mê thân thật thì mê cảnh thật, mê tất cả sự vật hình tướng bên ngoài đều thật. Nhưng thật ra những gì có tướng đều do duyên hợp, tạm bợ, đủ duyên còn, hết duyên mất, chứ không còn mãi. Vậy được bao nhiêu cái giả đi nữa cũng chỉ là giả. Đem cái giả tạm đổi lấy cái thật thì không có gì sánh nổi. Trì bốn câu kinh Kim Cang tức là nhận và sống với cái thật của mình.

Đức Phật còn nói đem thân mạng này bố thí hết đời này qua đời khác, bao nhiêu đời cũng không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Quý vị nghe không sao hiểu nổi. Nhưng có gì lạ đâu, vì tất cả sanh mạng của chúng ta hiện giờ chỉ mấy chục năm rồi hoại, không thật. Còn bốn câu kinh Kim Cang là chân lý, là lẽ thật muôn đời không thay đổi. Nắm được chân lý thật mà sống thì mới siêu thoát, vượt hơn tất cả. Nếu chúng ta nhìn sự vật

đúng với con mắt thức tỉnh thì kinh Phật nói rõ như ban ngày, không có gì nghi ngờ hết.

Nhà Phật dạy chúng ta giác thẳng nơi con người, chứ đừng tìm cầu bên ngoài. Nếu giác thẳng con người rồi thì ở ngoài cũng giác, nếu mê con người thì ở ngoài cũng mê luôn. Cho nên trọng tâm đặt ở con người. Tất cả chúng ta học Phật là học đạo giác ngộ, mà không chịu giác thì không biết học cái gì? Có người càng học lại càng mê, nên mới đi cúng chỗ này chỗ kia, cầu xin ông này bà nọ đủ thứ hết. Đó là sai lầm lớn của người học Phật. Đạo Phật là con đường, là phương pháp đưa chúng ta tới giác ngộ. Đã đi con đường giác ngộ mà lại trở thành mê, thật không có lý chút nào.

Giác ngộ rồi mới tới giải thoát, không giác ngộ thì không bao giờ giải thoát được. Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật: “Thế nào là vô minh?” Đức Phật dạy: “Chấp thân tứ đại là thật, chấp tâm sanh diệt duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh.” Vô minh là gốc của luân hồi sanh tử. Nếu thấy thân tứ đại không thật và tâm hư dối không thật, đó là minh. Như vậy vô minh với minh ở cạnh một bên, không xa xôi gì hết. Chúng ta tu muốn cầu cái gì? Cầu minh bỏ vô minh, cầu giác bỏ mê. Cầu ở ai? Ở mình, tất cả gốc từ mình mà ra. Thay đổi cái nhìn, từ sai lầm chuyển qua thức tỉnh thì hết mê. Hết mê là giác, giác một phần là Bồ-tát nhỏ, Bồ-tát con. Như vậy từ một kẻ phạm phu chuyển qua Bồ-tát có khó không? Không khó, rất là dễ. Cho nên một hôm ông bán thịt nghe lời thiền sư dạy, liền thức tỉnh làm kệ:

*Tạc nhật dạ-xoa tâm,
Kim triều Bồ-tát diện,
Bồ-tát dữ dạ-xoa,
Bất cách nhất điều tuyền.*

Hôm qua mê là tâm dạ-xoa, ngày nay giác là mặt Bồ-tát. Bồ-tát với dạ-xoa không cách một đường tơ. Như vậy tại sao chúng ta cứ sợ khó, chớ chi có cái gì ngăn trở mình chuyển không được mới là khó. Đàng này mình trọn quyền chuyển mê thành giác, không thần thánh nào xen vào ngăn cấm cả, chuyển không được là tại chúng ta không quyết chí chuyển thôi. Nếu đã trọn quyền thì có kêu trời kêu đất không? Việc gì đến là lỗi tại mình, chứ không phải trời Phật xui khiến đâu. Hiểu như vậy mới thấy tu Phật có một sức mạnh phi thường. Chúng ta hiểu giác thì phải tập giác, ngày nay chưa được ngày mai tiếp tục. Ông hàng thịt còn chuyển cái một, chúng ta đâu có tội lỗi bằng ông hàng thịt. Nếu không chuyển được là chưa biết tu Phật.

Nói đến giải thoát là giải thoát cái gì? Nếu thân không thật, tâm suy nghĩ không thật, còn gì để chúng ta giải thoát? Cái gì ra khỏi sanh tử luân hồi? Tâm. Tâm nào? Đó là vấn đề sâu sắc tế nhị mà người đời không biết. Đức Phật khi thành đạo, ngài trừ trừ không chịu đi giảng, trải qua thời gian năm mươi ngày. Khi chư thiên xuống yêu cầu xin Thế Tôn mở phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Phật bảo vì cái thấy của ta nói người khác không hiểu. Chư thiên năn nỉ nhiều lần Phật mới chấp nhận dùng phương tiện để độ chúng sanh.

Sau đó ngài đến vườn Lộc Uyển nói pháp Tứ đế. Ngài không chỉ thẳng cái mình thấy, mà dạy pháp khác. Như vậy hai cái có khác không? Kinh Phật thường hay nói: “Giáo lý của ta như ngón tay chỉ mặt trăng hay như bè đưa khách qua sông.” Đó là phương tiện, không phải cứu cánh. Thấy mặt trăng thì phải bỏ ngón tay, qua bờ rồi phải bỏ thuyền bè. Biết được phương tiện chúng ta mới khỏi hiểu lầm. Như vậy chỗ Phật thấy nhưng không nói được là chỗ nào?

Tôi dẫn câu chuyện trên hội Linh Sơn, đức Phật ở trước đại chúng đông vậy không nói một lời, đưa cành hoa sen lên rồi nhìn khắp đại chúng. Mọi người đều ngơ ngác, tới ngài Ca-diếp thì Ca-diếp mỉm cười. Phật nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp.” Lúc đó Phật có nói lời gì đâu mà trao. Chỗ này quý vị không suy gẫm nổi, suy gẫm là trật. Đây là chỗ bí hiểm, nhưng thật ra không bí hiểm chút nào hết mà tại chúng ta quên. Câu chuyện đó tạm dừng lại, tôi dẫn thêm câu chuyện khác.

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật đưa tay lên hỏi A-nan: “Ông thấy không?” A-nan thưa: “Dạ, thấy.” Phật để tay xuống hỏi: “Ông thấy không?” A-nan thưa: “Dạ, không thấy.” Phật quở: “Ông quên mình theo vật.” Tay là đối tượng của cái thấy. Tay đưa thì thấy có cái tay, tay để xuống thì thấy không có tay, sao lại nói không thấy! Cái thấy đó của ai? Của mình. Nó có suy nghĩ không? Không. Có biết không? Biết. Thấy cái tay liền biết cái tay, có suy nghĩ gì đâu. Cái tay là đối tượng,

cái thấy là của mình mà chúng ta quên. Khi có tay nói có thấy, khi không tay nói không thấy, đó là quên mất cái thật đang hiện tiền.

Phật bảo La-hầu-la đánh tiếng chuông, rồi hỏi A-nan: “Có nghe không?” A-nan thưa: “Dạ, nghe.” Phật bảo: đánh tiếng chuông nữa hỏi có nghe không. A-nan cũng thưa: “Dạ, nghe.” Khi tiếng chuông im bật, Phật hỏi A-nan: “Có nghe không?” A-nan thưa: “Dạ, không nghe.” Phật liền quở: “Tiếng chuông là tiếng ở bên ngoài, còn cái nghe là cái của ông. Tiếng chuông qua mất, còn cái nghe hiện tiền, sao lại không nghe?” Chúng ta có bị lỗi này không? Có. Đó là quên mình theo vật. Cho tiếng là mình, có tiếng thì có mình, có nghe; không tiếng thì không có mình không có nghe. Chúng ta quên mất cái hay nghe là mình, tiếng là cái bị nghe, vì vậy Phật quở quên mình theo vật.

Nghe tiếng chuông biết tiếng chuông mà khỏi suy nghĩ, nghe chim kêu biết chim kêu cũng không suy nghĩ. Biết mà không suy nghĩ thì cái biết đó thật hay giả? Thật. Có suy nghĩ là có sanh diệt, biết mà không suy nghĩ thì không sanh diệt. Cái biết đó tuy có nhưng diễn tả không được vì nó không hình tướng, không dấy động. Lúc nào nó cũng thường trực nhưng chúng ta lại quên. Vì vậy Phật đưa cành sen lên không nói gì hết, mọi người không hiểu, tới ngài Ca-diếp, ngài cười. Cười tức là biết Phật muốn nói gì rồi. Chỉ có cái chân thật từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý hiện tiền nên ta mới thấy. Vậy mà mình quên, chạy theo suy nghĩ lăng xăng trong đầu, nên không nhận ra cái biết thường trực đó.

Phật muốn chỉ cho đại chúng cái lâu nay mình có nhưng lại quên. Song vì nó không hình tướng nên thật khó chỉ. Vì vậy ngài mượn phương tiện đưa cành hoa sen lên, ai khéo sẽ nhận ra cái hay thấy thường trực nơi mình. Cũng thế, những lúc chúng ta ngồi thiền nhiên tự tại, đầu óc không suy nghĩ gì trong một hai phút, lúc đó chúng ta vẫn thấy nghe như thường. Rõ ràng cái biết hiện tiền, nhưng chúng ta quen chạy theo những suy nghĩ phân biệt nên bỏ mất cái biết chân thật. Bây giờ Phật dạy chúng ta dừng cái biết suy nghĩ, để cái biết chân thật hiện ra. Cái biết chân thật không tướng mạo nên nó trùm khắp, luôn hiện tiền không vắng thiếu nên nó thường trực. Cái thường trực không sanh, không diệt, không tướng mạo, làm gì có vô thường!

Hiện giờ chúng ta là những người đáng thương, quên cái thật chạy theo cái giả, chấp cái giả là thật nên không nhận ra được cái thật. Vì vậy Phật dạy ngồi thiền để chặn dòng suy nghĩ lăng xăng, bao giờ chúng lặng rồi thì cái biết chân thật trùm khắp hiện tiền. Khi tâm trong sáng không bị che lấp gì hết, chúng ta mới giải thoát sanh tử. Nói tới giải thoát, tôi dẫn một ít câu chuyện như sau:

Tổ Tăng Xán ở Trung Hoa, một hôm gặp chú Sa-di mới mười hai tuổi tên là Đạo Tín. Đạo Tín thưa: “Bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng dạy con pháp môn giải thoát.” Tổ hỏi: “Ai trói buộc ông?” Đạo Tín nhìn lại thưa: “Dạ không ai trói buộc.” Tổ bảo: “Không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?” Ngay đó Đạo Tín liền ngộ.

Không ai trói buộc mình, chỉ vì chúng ta có cái thật nhưng quên. Bây giờ nhận ra cái thật là giác ngộ, giác ngộ thì giải thoát.

Câu chuyện thứ hai, ngài Trần Nhân Tông ở Việt Nam lúc tu ở núi Yên Tử ngộ đạo, ngài có làm bài Sơn Phòng Mạn Hứng tức là hứng thú ở hang núi:

*Thùy phược cánh tương cầu giải thoát,
Bất phạm hà tất mịch thần tiên.
Viên nhàn mã quyện nhân ưng lão,
Y cữu vân trang nhất tháp thiên.*

Thùy phược cánh tương cầu giải thoát, là ai trói mà ta lại cầu giải thoát?

Bất phạm hà tất mịch thần tiên. Mình không phạm thì cầu thần tiên làm gì? Tại sao không phạm? Vì ngay nơi chúng ta có tánh giác sẵn, mà tánh giác là Phật rồi. Vậy nếu giác ngộ thì mình là Phật. Giác ngộ cái gì? Giác ngộ cái sẵn có của mình. Vậy mà thiên hạ lo trèo non lội suối tìm thánh tìm thần để học đạo, không biết quay lại mình.

Viên nhàn mã quyện nhân ưng lão, tức là vượn nhàn ngựa mỏi, người đã già. Tất cả con vật trên thế gian cho đến người đều từ khỏe mạnh trẻ trung đi tới già lão rồi chết.

Y cữu vân trang nhất tháp thiên, tức là như cũ ở vân trang một vũng thiên. Nghĩa là về thân tất cả

loài vật đều đi tới chỗ sanh, già, bệnh, chết; chỉ có ở vãn trang một vườn thiên còn nguyên. Hình ảnh này biểu trưng cho thân tâm sanh diệt đều bại hoại, còn cái chân thật không bao giờ bại hoại. Cái chân thật đó là chỉ cho tâm sẵn nơi mỗi chúng ta. Tâm là cái biết. Cái biết suy nghĩ gọi là vọng tâm, cái biết không suy nghĩ là chân tâm. Tất cả chúng ta đều có sẵn hai cái biết đó. Suy nghĩ là một dòng tư tưởng liên tục. Còn biết không suy nghĩ có dòng nào không? Nó nguyên trạng không có cái gì lạ hết mà hằng biết. Gió qua nghe mát biết mát, chim kêu nghe tiếng biết chim, người đi thấy người biết người, không có chút suy nghĩ. Chúng ta có cái biết sẵn như vậy mà bỏ quên, lại chạy theo cái biết sanh diệt lăng xăng cho là mình. Cái biết sanh diệt lăng xăng tạo nghiệp đi trong sanh tử, chúng ta cứ bám vào nó trách gì không luân hồi sanh tử. Còn sống được với cái hằng biết không tướng mạo, không sanh diệt thì ra khỏi sanh tử.

Thật ra quý vị nói tu khó tôi thông cảm lắm. Tại sao? Vì một người tỉnh ở trong trăm ngàn người mê. Người tỉnh nói thì những người mê bảo điên, thành ra nói không được, riết người tỉnh cũng mê luôn. Đó là cái khó. Chứ nếu người tỉnh nói với những người tỉnh thì dễ biết mấy. Ví dụ, có một Phật tử đi chợ, vô cơ có người kiếm chuyện mắng nhiếc. Sau Phật tử có anh chị em đi theo. Người tu khá nhin bỏ qua không cãi lại, nhưng mấy anh chị em đi theo chê chị ngu quá hoặc anh ngu quá. Nghe chê ngu, Phật tử tức cũng cãi lại, rớt cuộc ngu cả đám.

Cho nên tu hành nên gần gũi những bạn lành để huynh đệ cùng nhau sách tấn, như vậy mới giữ được niệm hiền lành chân thật của mình. Ngược lại cứ ở trong đám mê hoài thì khó mà tu tiến.

Chỗ tu hành nhất là tu thiền, ít ai hiểu được. Như Lâm Tế hỏi xưa tới tổ Hoàng Bá hỏi: “Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?” Hoàng Bá đập cho một gậy, không nói lời nào hết. Tàn nhẫn chưa! Năm ba hôm sau thầy thủ tọa xúi ngài hỏi Hòa thượng nữa đi. Ngài lên hỏi cũng ăn gậy nữa. Hỏi ba lần, ngài Hoàng Bá đều cho ăn gậy cả ba, ngài chùi nước mắt lui xuống, trong lòng nghĩ chắc hết duyên rồi nên định cuốn gói đi. Thủ tọa biết nên báo trước khi đi huynh lên từ giã Hòa thượng. Ngài Hoàng Bá hỏi: “Ông tính đi đâu?” Ngài thưa: “Vì con hết duyên ở đây nên phải đi nơi khác, chứ không biết đi đâu?” Hoàng Bá bảo: “Ông qua Đại Ngu sẽ chỉ cho.”

Lâm Tế đi tới thiền sư Đại Ngu. Đại Ngu hỏi: “Ông từ đâu đến?” Lâm Tế thưa: “Con ở chỗ Hoàng Bá đến.” Đại Ngu hỏi: “Hoàng Bá đã dạy gì?” Lâm Tế thuật lại: “Con ba lần hỏi thế nào là đại ý Phật pháp, ba lần đều ăn đòn. Không biết con có lỗi hay không lỗi?” Đại Ngu nắm hai vai Lâm Tế đẩy, nói: “Ông được Hoàng Bá chỉ chỗ tốt cùng mà còn nói có lỗi không lỗi.” Nghe đến đây Lâm Tế liền ngộ, nói: “Phật pháp Hoàng Bá rất ít.” Đại Ngu nắm đứng hỏi: “Khi nãy nói có lỗi không lỗi, bây giờ thấy cái gì mà nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít.” Lâm Tế liền thôi cho Đại Ngu một thôi. Đại Ngu xô ra,

nói: “Thầy ngươi là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì tới ta.” Lâm Tế trở về Hoàng Bá, sau trở thành vị khai Tổ nổi tiếng tông Lâm Tế, dòng thiền này truyền thừa tới Việt Nam.

Cũng ý đó, tôi dẫn một thiền sư Việt Nam. Vua Lê Dụ Tông hỏi thiền sư Hương Hải “Thế nào là ý của Phật?” Thiền sư Hương Hải đáp bằng bốn câu thơ:

*Nhạn quá trường không,
Ảnh trầm hàn thủy.
Nhạn vô di tích chi ý,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.*

Dịch:

*Nhạn bay qua trong không,
Ảnh hiện đầm nước lạnh,
Nhạn không ý lưu bóng,
Nước không tâm giữ nhận.*

Ý nói chim nhận bay qua trong không, bóng hiện dưới hồ, dưới sông. Chim nhận không có ý lưu bóng dưới hồ, dưới sông. Nước sông cũng không có ý giữ lại bóng nhận. Đó là Phật ý.

Tổ Lâm Tế hỏi đại ý Phật pháp bị đánh, vua Dụ Tông hỏi ý Phật được trả lời bằng bốn câu thơ: chim nhận bay trên không, bóng hiện xuống dưới nước, nhận không có ý lưu bóng dưới nước, nước cũng không có ý giữ bóng của nhận. Đó là ý Phật. Hiểu được ý này thì hiểu cái đánh của tổ Hoàng Bá.

Sự truyền pháp của Trung Hoa và Việt Nam về hình thức có khác, nhưng nội dung không khác. Nếu chim nhận bay qua có ý để bóng dưới nước hay nước có ý giữ bóng chim nhận, thì hai bên đều có ý dính mắc. Ở đây nhận không có ý, nước cũng không ý, để nói rằng đối với tất cả cảnh, ta và cảnh không vướng mắc. Chim nhận ví cho người, nước ví cho cảnh. Người, cảnh thấy là thấy, nghe là nghe, đừng thêm niệm đẹp xấu, khen chê, thì cái thấy, cái nghe đó là ý Phật.

Hỏi thế nào là đại ý Phật pháp, đập cho một gậy là chỗ không suy nghĩ được. Vừa khởi nghĩ là trật rồi không phải ý Phật, cho nên đánh một gậy cho bật không còn nghĩ gì hết. Nhưng Lâm Tế cứ nghĩ vì ngài chưa hiểu. Tới chừng thiền sư Đại Ngu hỏi, ngài nói không biết con có lỗi hay không lỗi. Đại Ngu bảo Hoàng Bá là tâm lão bà chỉ tội cho ông, mà còn thấy có lỗi không lỗi, là còn hai bên. Nghe đến đó ngài liền ngộ, chỉ chỗ không hai bên, không có niệm suy nghĩ mới là chỗ thật. Ngài Đại Ngu hỏi ông thấy gì mà nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít, Lâm Tế thoi cho một thoi vì chỗ đó nói không được, chỉ còn thoi thoi. Các tổ ở Trung Hoa rất bạo, còn chư tổ Việt Nam hiền lành hơn, dùng thơ nói vậy thoi, nhưng cũng đều chỉ cái ấy.

Ngài Điều Ngự Giác Hoàng, làm bài Cư Trần Lạc Đạo Phú, kết thúc bằng bốn câu thơ chữ Hán:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Câu *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*, tức thiên ngay đó đừng hỏi nữa. Rõ ràng các ngài thấy tới chỗ tốt cùng, như đức Phật đưa cành hoa sen, ngài Ca-diếp chỉ thấy thôi, không nghĩ gì hết là đúng, nên ngài mới được truyền tâm ấn. Còn các thầy Tỳ-kheo suy nghĩ không biết Phật muốn nói gì, nên không được truyền tâm ấn. Đó là chỗ uyen thâm của Phật pháp. Cái hiện tiền hằng biết của mình không một niệm, không hai bên, không vướng mắc, chính đó mới ra khỏi sanh tử. Như vậy chúng ta có hòn ngọc báu mà không biết dùng nên trở thành kẻ cùng tử lang thang, như trong kinh Pháp Hoa Phật đã nói.

Chúng ta tu Phật không gì khác hơn là trở về cái chân thật của chính mình. Cái chân thật đó gọi là Phật tánh, pháp thân v.v... Khi nhận và sống được tánh Phật rồi, ta có đầy đủ tất cả diệu dụng. Cho nên, Lục tổ Huệ Năng khi ngộ được Phật tánh, có người hỏi từ tám thức tu chuyển thành tứ trí là thế nào? Ngài giải thích, khi sống được với tánh thật rồi thì thức thứ tám là tàng thức tức thức chứa tất cả chủng tử thiện ác chuyển thành Đại viên cảnh trí, thức thứ bảy là mặt-na thức chuyển thành Bình đẳng tánh trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu quan sát trí, năm thức trước mắt, tai, mũi,

lưỡi, thân chuyển thành Thành sở tác trí. Như vậy là chuyển thức sanh diệt trở thành trí mầu nhiệm bất sanh bất diệt, chứ đâu phải tu tới đó hết.

Quý vị đừng sợ không suy nghĩ là mất mình. Chính mình đừng suy nghĩ rồi mới đạt tới chỗ chân thật. Khi đạt đến chân thật viên mãn rồi có những diệu dụng phi thường, tức là chân không mà diệu hữu, do công năng chuyển thức thành trí. Tóm lại khi được giải thoát, không phải là hết mà chúng ta có cái biết chân thật, không sanh diệt gọi là chân tâm, Phật tánh lưu xuất ra vô số diệu dụng. Hiểu sâu như vậy, trên đường tu chúng ta không nghi ngờ gì nữa. Nếu không hiểu thì tu như mù, đó là lỗi lầm do không nắm vững đường lối tu của Phật dạy.



HAI ÔNG VUA XEM NGAI VÀNG NHƯ DÉP RÁCH

Thiền viện Trúc Lâm – Pháp – 2002

Hôm nay tôi về thăm thiền viện Trúc Lâm thì hòa thượng Thiện Châu đã vắng bóng, cụ Hoàng Xuân Hãn cũng không còn. Lần thứ nhất tôi đến đây năm 1994 tới bây giờ là tám năm, kỳ trước được cụ đến thăm và giúp chúng tôi nhiều tài liệu về Phật giáo Việt Nam.

Kỳ này tôi qua với tinh thần một người bạn quen thuộc về thăm Thiền viện, vì trước tôi và hòa thượng Thiện Châu cùng có chỗ tâm đắc là hướng về Việt Nam, muốn làm sao cho Phật giáo Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn, làm sao đem cái hay cái quý của Phật giáo Việt Nam cho mọi người trên thế giới thấy biết, nên chùa này Hòa thượng để thiền viện Trúc Lâm, ở Lâm Đồng Việt Nam tôi cũng để tên thiền viện Trúc Lâm.

Chúng tôi cùng hướng về Trúc Lâm Yên Tử, nơi có một hệ thống tu thiền của chư tổ Việt Nam, làm nền tảng cho Phật giáo nước nhà.

Tại núi Yên Tử, người lên đó tu đạt đạo đầu tiên là thiền sư Hiện Quang cuối đời Lý đầu đời Trần. Kế ngài Hiện Quang là ngài Đạo Viên, có chỗ gọi Viên Chứng Phù Vân. Dưới ngài Viên Chứng là thiền sư Đại Đăng. Dưới thiền sư Đại Đăng có thiền sư Huệ Tuệ. Dưới Huệ Tuệ sau này có Tam Tổ Trúc Lâm. Như vậy hệ thống tu thiền đặc đạo ở núi Yên Tử gần như là một hệ thống lớn nhất của Phật giáo Việt Nam. Vua Trần Nhân Tông sau khi xuất gia đặc đạo đã khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Vì thế những người có tâm muốn tìm hiểu Phật giáo Việt Nam đều quay về núi Yên Tử. Hôm nay tôi nói tinh thần của những vị vua Trần ở Việt Nam, cái nhìn, cái thấy đối với đạo Phật thế nào. Đề tài đó là Hai Ông Vua Đời Trần Xem Ngai Vàng Như Dép Rách.

Chúng ta muốn tìm hiểu Phật giáo Việt Nam phải nhìn thẳng vào hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, vì hệ phái này do một vị vua Việt Nam đi tu đặc đạo sáng lập ra. Trước vua Trần Nhân Tông có vua Trần Thái Tông, là một vị vua được sử sách luôn tán thán vừa có tài lãnh đạo đất nước, vừa là một nhà văn, một nhà đạo đức. Cho nên nói đến vị thứ nhất xem ngai vàng như dép rách đó là vua Trần Thái Tông.

Ngài sanh năm 1218 tịch năm 1277, vào thế kỷ XIII. Khi lên ngôi ngài có tâm tìm hiểu Phật pháp,

nhất là Phật pháp thiền. Có lần đọc kinh Kim Cang tới câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài dừng lại đó và bỗng dưng giác ngộ. Sau này ngài có viết những quyển sách thiền rất hay như Khóa Hư Lục... nhưng rất tiếc chúng ta không còn được nhiều. Ngài ngộ câu Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm trong kinh Kim Cang, nguyên văn chữ Hán là “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là “Không nên trụ tâm ở sắc, ở thanh, ở hương, ở vị, ở xúc, ở pháp. Nên không để tâm trụ nơi nào.” Đó gọi là an trụ tâm. Tại sao?

Bình thường tâm chúng ta lăng xăng xuôi ngược là do chạy theo sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngày nay muốn nó an trụ thì đừng cho dính với sáu trần, nên Phật dạy không dính với sáu trần là trụ tâm. Ngày xưa Lục tổ Huệ Năng nghe được câu này bỗng nhiên đại ngộ, thốt lên “không ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, không ngờ tâm mình xưa nay bất sanh bất diệt v.v...” năm lần không ngờ như vậy. Do đây Ngũ Tổ truyền y bát cho ngài.

Vua Trần Thái Tông đọc tới chỗ tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ngài vừa để cuốn kinh xuống nghiên ngẫm thì bỗng nhiên cũng ngộ ngay chỗ ấy. Do ngộ nên ngài thấu hiểu được đạo và sống gần gũi với đạo, tuy ở địa vị một ông vua. Có lần ngài bỏ kinh thành trốn lên Yên Tử tu, ông chú Trần Thủ Độ tìm lên mời về, ngài không chịu. Thủ Độ đòi đem tất cả kinh thành lên núi, nhà vua sợ quá mới trở về. Được làm vua

là điều thế gian cho là hiếm quý, nhưng ngài lại muốn bỏ, mới thấy Thái Tông xem ngài vàng như dế rách. Tôi dẫn một ít đoạn nhỏ trong bài Phổ Khuyến Phát Bồ-đề Tâm, tức là “Khấp khuyên mọi người phát tâm Bồ-đề” để chúng ta thấy rõ tinh thần này của nhà vua:

*Công danh cái thế chẳng qua một giấc mộng dài,
Phú quý kinh người khó tránh vô thường hai chữ.*

Người được công danh, phú quý rất cao, rất quý nhưng chỉ là một giấc mộng dài thôi, chứ không đáng gì hết. Giàu có, sang trọng cũng khó tránh được vô thường. Cái nhìn như vậy rõ ràng đâu còn quý trọng ngài vàng nữa!

*Tranh nhân, tranh ngã rốt cuộc là không,
Khoe giỏi, khoe hay rốt cùng chẳng thật,
Tứ đại rã rời thôi già trẻ,
Lối xe mòn mỏi hết anh hùng.*

Một ông vua không mền danh, không giành lợi, không đắm mình thụ hưởng những tài sắc thế gian. Ngài ngồi trên ngài vàng để bảo vệ đất nước, làm lợi cho dân tộc, chứ không phải vì thụ hưởng. Do đó ngài sớm thức tỉnh, không mê đắm ngài vàng như bao vị vua khác, nên người đời rất quý kính ngài. Tuy chưa xuất gia nhưng vua Thái Tông đã thấy tột được lý đạo, biết rõ cuộc đời nên đời sống của ngài rất thanh thản, nhẹ nhàng, dù có giặc ngài cũng giải quyết một cách dễ dàng. Cuối cùng ngài kết thúc bằng bài kệ rất dài, tôi chỉ trích một đoạn ngắn:

*Vô vị chân nhân xích nhục đoàn,
 Hồng hồng, bạch bạch mạc tương man,
 Thùy tri vấn quyện, trường không tịnh,
 Thúy lộ thiên biên, nhất dạng san.*

Dịch:

*Vô vị chân nhân thịt đỏ au,
 Hồng hồng, bạch bạch chó lằm nhau,
 Ai hay mây cuộn không toàn tịnh,
 Phương biếc bên trời một màu xanh.*

Vô vị chân nhân thịt đỏ au. Hồng hồng, bạch bạch chó lằm nhau, chữ vô vị chân nhân là của Lâm Tế ở Trung Hoa, ngài nói mỗi người có vô vị chân nhân từ cửa mắt, cửa tai mà ra v.v... nhưng chúng ta không thấy biết được. Ở đây dịch sát Vô là không, Vị là ngôi vị, Chân nhân là người thật. Người thật không có nơi chốn. Tất cả chúng ta ai cũng nghĩ thân này là mình, cái nghĩ suy tốt xấu, hơn thua, phải quấy là tâm mình. Với cái nhìn của người đạt đạo thân này là tướng duyên hợp, tạm bợ, có đó rồi mất chứ không thật. Nếu người thật thì còn nguyên vẹn, không bao giờ bại hoại, không bao giờ tan biến, nếu bại hoại tan biến thì không phải người thật. Đó là nói về thể xác. Về tinh thần thế gian cho cái hơn thua, phải quấy, khôn dại v.v... là tâm mình. Như vậy tâm ấy là một hay nhiều? Khi nghĩ phải, khi nghĩ quấy, khi buồn, khi giận đủ thứ hết, cái nào là mình thật? Nếu nghĩ phải là mình thật thì nghĩ quấy là ai?

Thương là mình thật thì ghét là ai? Chẳng lẽ mình lộn xộn, không có cái thật! Thế mà tất cả chúng ta ôm ấp cái không thật đó cho là tâm mình, chấp xác thân vô thường tạm bợ là thân mình, chấp tâm lăng xăng không thật là tâm mình. Cả ngày chúng ta sống với hai thứ thân tạm bợ, tâm sanh diệt đổi thay, còn cái mình thật thì không biết. Tổ bảo ngay cái thân thịt đỏ au này có một cái thật không nơi chốn, không chỗ trú, trùm hết mà chúng ta bỏ quên. Tuy ta bỏ quên, không biết nhưng nó vẫn hiện tiền đầy đủ. Nên ngài nói vô vị chân nhân ở trong khối thịt đỏ au này, chứ không ở đâu hết. Đó là câu thứ nhất. Hồng hồng, bạch bạch chớ lẫn nhau. Người ta gạt nhau bằng cái gì? Hoặc được màu da hồng hoặc được màu da trắng, trau chuốt điểm tô cho đẹp để lừa nhau, gạt nhau. Nếu lột lớp da ngoài bỏ đi thì chỉ còn một khối thịt đỏ au như nhau thôi. Thấy người qua thân thịt đỏ au thì có ghét, có thương không? Không. Tại vì thấy hồng hồng, bạch bạch mới có thương ghét. Đó là sự lẫn lộn của con người.

Ai hay mây cuộn không toàn tịnh. Ai biết được rằng khi mây tan hết thì còn lại một bầu hư không trong trẻo. Mây dụ cho những tâm niệm vui buồn, thương ghét luôn luôn dấy động trong tâm con người. Chỉ cần năm ba phút chúng ta không suy nghĩ cũng khó kiếm rồi, ngay khi ngồi thiền muốn yên năm ba phút cũng không được. Đó là vì quen, như mây cứ bị gió đùa bay tới bay lui, che khuất bầu trời trong trẻo. Một khi đám mây tâm niệm cuồng loạn tan hết thì bầu trời xanh hiện ra.

Trăng đêm rằm dù có sáng, tròn giữa bầu trời nhưng mây đen kéo đến mãi thì chúng ta cũng không thấy được mặt trăng. Còn những niệm lăng xăng, lộn xộn thì chúng ta không thấy được con người chân thật của mình. Bao nhiêu phương pháp tu của đạo Phật đều quy về chỗ này. Niệm Phật để làm gì? Để nhất tâm. Tu thiền để làm gì? Để được định. Định cái gì? Định tâm lăng xăng. Định tức là dừng lại, dừng tâm lăng xăng lại thì cái chân thật hiện ra. Niệm Phật tới chỗ nhất tâm thì đức Phật hiện ra.

Như vậy trọng tâm của người tu Phật là thức tỉnh nơi mình có cái thật nhưng vì chạy theo cái giả nên ta quên đi. Bởi theo giả quên thật nên đức Phật mới dạy chúng ta phương pháp này, phương pháp nọ. Người giàu lòng tin, tin có cõi Cực lạc, có đức Phật A-di-đà, chú tâm niệm danh hiệu ngài chuyên nhất thì ngày nào đó tâm an định sẽ thấy Phật A-di-đà. Người tu thiền nếu tâm an định cũng thấy được cái chân thật sẵn của chính mình. Trong kinh A-hàm, Phật nói người tu Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày không dời đổi tâm niệm, người đó liền chứng A-la-hán. Người tu thiền cũng vậy, nhất là thiền tông, chúng ta thức tỉnh đừng cho tâm vướng mắc với sáu trần thì cũng thấy được chỗ chân thật của mình. Ở đây ngài Trần Thái Tông cũng thấy như vậy, nên ngài nói một khi mây tan hết, còn lại một bầu hư không thật là trong trẻo.

Phương biếc bên trời một màu xanh. Khi mây đen tan thì thấy bầu trời xanh biếc. Chừng đó chúng ta mới thấy

cả bầu trời toàn một màu xanh. Khi tâm lặng, niệm đầy động tan hết thì chúng ta mới thấy cái chân thật của mình trùm khắp, viên mãn, trong kinh thường gọi là Phật tánh. Nên người tu Phật không tìm bên ngoài, không cầu xin ở ai mà quay lại dọn dẹp nơi tâm mình, để bao nhiêu thứ loạn tưởng, bao nhiêu thứ mờ mịt che khuất đó tan hết thì tâm trong sạch.

Chúng ta bây giờ là người xuất gia vẫn chưa thấy cái chân thật nơi mình, còn ngày xưa vua Trần Thái Tông bận rộn với bao nhiêu việc quốc gia triều chính như thế mà ngài còn nghiền ngẫm thấy được con người chân thật nơi mình. Thật đáng khâm phục! Có nhiều Phật tử than tôi đã đoan công việc, không có thời giờ tu. Chúng ta thử đặt lại câu hỏi: Phật tử đã đoan công việc, chỉ là một việc làm trong sở, còn nhà vua bao nhiêu việc? Cả nước bao nhiêu việc phải lo, phải biết mà ngài còn tu được, nghĩ như thế rồi chúng ta có hổ thẹn không, có đổ thừa nhiều việc tu không được không?

Trần Thái Tông sanh ra Trần Thánh Tông, Trần Thánh Tông sanh ra Trần Nhân Tông, người dân Việt Nam thường gọi ngài là ông vua Phật tức Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Ngài là vị vua thứ hai cũng coi ngài vàng như dếp rách. Vua Trần Nhân Tông, Sơ Tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài sanh năm 1258, tịch năm 1308. Vì vua Trần Thánh Tông mộ tu thiền nên gửi thái tử Trần Khâm theo học với sư huynh Tuệ Trung thượng sĩ, là một cư sĩ ngộ được lý thiền. Tuệ Trung tuy làm quan sống giữa cuộc đời mà tu rất hay, nên Nhân Tông sớm được ngài dạy về Thiền học. Học được đôi ba năm,

đến lúc sắp trở về, ngài từ già thầy, hỏi rằng: “Việc chủ yếu của Thiên là gì?” Tuệ Trung thượng sĩ liền đáp bằng một câu chữ Hán: “Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, bất tùng tha đắc.”

Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, tức là chiếu rọi lại chính mình, đó là phạm sự gốc của người tu thiền. Chiếu rọi lại để thấy nơi mình cái gì là niệm lăng xăng hư ảo, cái gì là chân thật, buông xả hết lăng xăng hư ảo thì mới được cái chân thật. Vì vậy việc gốc của người tu thiền là quay lại. Khi ngài về làm thái tử rồi lên ngôi vua, nước nhà trải qua nhiều cuộc chiến tranh gian lao lắm mới được thanh bình trở lại. Khi việc quốc gia đại sự đã yên ổn ngài mới lo chuyện tu hành, nhưng vẫn ở trên ngai vàng vừa dạy vua con việc chấn dân giữ nước vừa tu, chứ chưa bỏ cuộc. Ở ngai vàng tu một thời gian, sau đó thấy con lớn khôn có thể trao ngôi lại được, ngài mới trao ngôi và lên núi xuất gia tu hành. Như vậy ngài ở ngoài đời từ khi sanh ra tới năm ba mươi một tuổi, sau đó ngài tập tu mười năm tức tới bốn mươi một tuổi. Từ bốn mươi một tuổi đến năm mươi một tuổi ngài vừa tu vừa giáo hóa chúng sanh, tức tu năm năm ngộ đạo rồi năm năm truyền bá, sau đó ngài tịch.

Ngài có bài thơ Sơn Phòng Mạn Hứng, diễn tả tâm niệm ưa thích ở núi của mình:

*Thùy phược cánh tương câu giải thoát,
Bất phàm hà tất mịch thân tiên.
Viên nhàn mã quyện nhân ưng lão,
Y cự vân trang nhất tháp thiên.*

Dịch:

*Ai trói lại mong cầu giải thoát?
 Chẳng phàm nào phải kiếm thân tiên.
 Vượt nhàn, ngựa mỗi, người đã lão,
 Như cũ vẫn trang một tháp thiên.*

Bài kệ này được viết khi ngài ở núi, đã đi tu và thấy đạo rồi. *Ai trói lại mong cầu giải thoát? Chẳng phàm nào phải kiếm thân tiên.* Thường thường người ta nói tu Phật để được giải thoát sanh tử, từ phàm chuyển thành thánh. Chữ thân tiên đây là chỉ cho bậc thánh. Tại sao ngài nói ai trói lại mong cầu giải thoát? Ý này xuất phát từ tổ Đạo Tín thứ tư ở Trung Hoa. Lúc gặp tổ thứ ba là ngài Tăng Xán, Đạo Tín mới có mười bốn tuổi mà đã phát tâm cầu đạo. Khi gặp tổ Tăng Xán, ngài hỏi:

- Bạch Hòa thượng, xin Ngài dạy con pháp tu giải thoát.

Tổ Tăng Xán nhìn thẳng vào mặt ngài, hỏi:

- Ai trói buộc ngươi?
- Bạch Hòa thượng, không ai trói buộc.
- Không trói buộc, cầu giải thoát làm gì?

Ngay đó ngài liền ngộ.

Chữ giải là cởi mở, thoát là ra khỏi cái buộc ràng. Kẻ bị trói yêu cầu người ta mở trói cho mình, mở được rồi gọi là giải thoát. Bây giờ mình không bị ai trói hết,

câu giải thoát là giải cái gì? Đó là một vấn đề lớn đối với người tu Phật.

Ở đây nói thẳng về thiên tông. Thiên tông không cho chúng ta nhìn theo mặt đối đãi, thấy có phải quấy, đúng sai, thật giả đều là thấy hai, là mê lầm, chưa giải thoát. Chừng nào không còn thấy hai mới giải thoát được. Cho nên tổ Tăng Xán có viết quyển Tín Tâm Minh, câu kết thúc là “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm.” Người tin tâm mình thì không hai, không hai mới là tin tâm mình.

Bây giờ chúng ta nhìn hai hay một? Mở miệng nói có hay không, phải hay quấy, giả hay thật... luôn luôn là đối đãi. Từ cái nhìn đối đãi mà sanh ra mọi sự ràng buộc, khổ đau. Nếu hết tâm đối đãi thì không còn ràng buộc, khổ đau. Như tổ Lâm Tế hồi còn là thiên sinh ở chỗ Hoàng Bá rất hiền lành, đức hạnh nghiêm chỉnh, nhưng suốt thời gian ở đây ngài không hỏi câu nào hết. Thấy vậy ngài Đạo Minh mới xúi:

- Sư huynh, lên hỏi Hòa thượng đi chứ.
- Tôi không biết hỏi gì bây giờ.
- Thì cứ lên hỏi “Thế nào là đại ý Phật pháp?”

Ngài vâng lời. Hôm đó đắp y lên đánh lễ, hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Vừa hỏi xong liền bị một gậy, đuổi xuống. Chúng ta bây giờ đi học đạo, gặp như vậy dám ở nữa không? Chắc xá lui về liền, nhưng ngài cũng trở xuống bình tĩnh

như thường. Thời gian sau, ngài Đạo Minh thúc hỏi nữa. Ngài cũng đáp y lên đánh lễ hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Lần này cũng bị phát cho một gậy nữa rồi đuổi xuống. Trở xuống ngài cũng ráng chịu đựng, thời gian sau ngài Đạo Minh xúi hỏi nữa. Lần thứ ba, ngài quyết chí hỏi cho được:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Cũng như hai lần trước, lần này bị một gậy nữa, ngài đau đớn quá chịu hết nổi, không biết mình hỏi như vậy có lỗi gì mà bị đánh, không được nghe một lời. Thất vọng quá ngài chuẩn bị cuốn gói đi. Thầy Đạo Minh biết cũng không nói gì, âm thầm lên thưa với tổ Hoàng Bá:

- Người hỏi đạo đức hạnh rất tốt, xin Hòa thượng tìm cách giải quyết cho y.

Ngài Hoàng Bá nhận lời. Khi tổ Lâm Tế sửa soạn đồ đạc, ngài Đạo Minh nói:

- Trước khi đi huynh lên bạch với Hòa thượng rồi hãy đi.

Ngài vâng lời lên bạch:

- Bạch Hòa thượng, con không đủ duyên ở đây, xin đi nơi khác.

Ngài Hoàng Bá hỏi:

- Ông đi đâu?

- Con cũng không biết đi đâu.

Tổ Hoàng Bá bảo:

- Hãy qua núi Đại Ngu.

Ngài xuống núi, vừa đi vừa khóc. Chúng ta nếu gặp trường hợp như ngài có khóc không? Chắc khóc sung vù, tức tối không biết mình lỗi làm gì mà bị đánh. Khi qua tới ngài Đại Ngu, Đại Ngu hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Ngài thưa:

- Con từ Hoàng Bá tới.

- Hoàng Bá dạy ông cái gì?

- Con ba lần hỏi “Thế nào là đại ý Phật pháp?” ba lần bị ăn đòn, không biết có lỗi hay không lỗi?

Ngài Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá thật là tâm lão bà, ông còn nói có lỗi không lỗi?

Ngay câu này ngài đại ngộ, nói:

- Thì ra Phật pháp Hoàng Bá rất ít.

Ngài Đại Ngu liền chụp vai hỏi:

- Vừa rồi nói có lỗi không lỗi, bây giờ thấy gì mà ông nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít?

Ngài thoi cho Đại Ngu một thoi vô hông, không nói gì hết. Ngài Đại Ngu xô ra bảo:

- Thầy của người là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì đến ta.

Trọng tâm của Phật pháp là chỗ không hai. Vừa đây niệm hỏi “đại ý Phật pháp” là thành hai rồi nên bị ăn đòn. Tổ Hoàng Bá cho ăn đòn để Lâm Tế tỉnh rằng cái đó không có lời, hỏi tức là có đối đãi. Ba lần như vậy nhưng ngài Lâm Tế tưởng như Hoàng Bá không dạy gì hết. Đến Đại Ngu, được khai thác cho thấy đó là chỗ tha thiết, chỗ dạy tột cùng mà ngài còn nghĩ có lỗi, không lỗi. Có lỗi không lỗi là hai bên, vừa nghĩ hai bên là đã sai đại ý Phật pháp rồi. Nghe vậy ngài tỉnh liền, mới biết đại ý Phật pháp. Chỗ không lời làm sao nói, cho nên khi được ngài Đại Ngu hỏi lại, Lâm Tế chỉ còn biết thoi cho một thoi.

Người không hiểu, đọc sách thiên thấy sao vũ phu quá, ông thầy đánh bằng gậy, học trò thoi bằng tay, không có đạo lý gì hết, nhưng đó là chỗ tối thiết yếu. Từ đó về sau, hệ của ngài Lâm Tế truyền dài cả ngàn năm, chính vì chỗ thấy tột cùng này. Ngài chịu đựng ba đòn, nhớ đời không quên, còn chúng ta bây giờ nếu gặp khó một chút, đánh một tát tai cũng bỏ đi rồi, nói chi đến đánh bằng gậy! Vì vậy nên tu không bao giờ thấy đạo.

Lục tổ Huệ Năng sau khi được Ngũ Tổ truyền y bát, ngài liền ra đi. Lúc hay được năm trăm người rầm rộ lên, nói tại sao bao nhiêu người tu lâu, kể cả vị giáo thọ đã dạy chư tăng mà không được truyền y bát, còn ông cư sĩ mới vô tám tháng, chưa cạo tóc mà được truyền y bát? Tức quá họ liền đuổi theo để giành y bát lại. Vì hồi xưa từ tổ Huệ Khả trở xuống,

lấy việc truyền y bát làm chánh yếu, ai được truyền là được tâm ấn, mới đáng tin. Bây giờ cả năm trăm chúng xuất gia không ai được y bát, còn ông cư sĩ mới tới mà được y bát, làm sao không tức? Trong đoàn người đuổi theo có thượng tọa Minh cưỡi ngựa giỏi nên đuổi kịp. Thấy vậy, Lục Tổ bèn để y bát ở ngoài tảng đá, ngài vô lùm trốn. Huệ Minh tới nơi thấy y bát mừng quá, tới ôm lên mà ôm không nổi. Hoảng hốt, ông biết đây không phải là vật thường, kẻ phàm tục không thể giành giật được, nên đổi tâm giật y bát thành tâm cầu đạo. Ông mới kêu:

- Hành giả, hành giả! Tôi đến đây vì pháp chứ không phải vì y bát.

Lục Tổ nghe thế liền chui ra nói:

- Nếu ông vì pháp thì nên đứng im lặng giây lâu, ta sẽ nói cho.

Huệ Minh đứng im lặng một hồi, Tổ bảo:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?

Ngay câu đó Huệ Minh liền ngộ.

Tôi nhắc lại câu chuyện này để quý vị thấy trọng tâm của đạo giải thoát là không hai. Câu “Ai trói mà cầu giải thoát?”, tức thấy có buộc, có giải là có hai nên trật mắt. Nếu không ai trói buộc thì cầu giải thoát làm gì? Cho nên tổ Trúc Lâm nói “Chẳng phàm nào phải kiếm thần tiên.” Mình đâu phải là phàm, nhưng ai cũng mặc cảm mình là kẻ phàm phu, ngu si nên cầu thần,

cầu thánh, cầu Phật... đủ thứ hết. Bởi không biết mình nên cầu xin bên ngoài.

Người tu Phật mục đích làm sao tìm được con người thật của chính mình mà lâu nay ta bỏ quên. Nhà Phật gọi là mê, mê tức quên. Giác là nhớ, nhớ tức tỉnh. Chúng ta có vật thật mà quên, cứ cầu xin bên ngoài hoài, suốt kiếp không bao giờ được. Bây giờ phải quay lại, phăng tìm cái thật của chính mình, chừng đó nó mới hiện ra. Phật nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nên đều có khả năng thành Phật. Có khả năng thành Phật mà không chịu, cứ đi xin Phật. Như vậy là bỏ nhà mà đi cầu bên ngoài. Chúng ta ngỡ mình yếu kém nên cứ cầu xin bề trên cho mình được cái này được cái kia. Vì tâm điên đảo lằng xằng lộn xộn đó che khuất nên không thấy được ông Phật thật của mình. Bây giờ đừng lặng tâm ấy thì Phật hiện ra. Không chịu đừng lặng mà cứ chạy xin chỗ này chỗ kia, chừng nào Phật mới hiện ra? Chắc Phật trốn luôn, tại mấy người này không ngó ngang tới mình mà.

Vượn nhàn, ngựa mỏi, người đã lão. Như cũ vân trang một tháp thiên. Con vượn, con khỉ có mặt rồi cũng phải già, con ngựa kéo xe rồi cũng mỏi mệt, con người trẻ rồi cũng già. Tất cả người vật đều bị vô thường chi phối, chỉ như xưa ở tại vân trang còn nguyên một tháp thiên. Đây muốn nói chỉ nơi ngôi thiên tại trang sở mà ngài gọi là vân trang là còn nguyên, để ngầm nói rằng chỉ ai biết quay lại, nhận ra cái thật của mình không thay đổi, còn tất cả sự vật và con người có hình tướng

đều vô thường bại hoại. Cái không bại hoại chính là ngôi yên sống trở lại với cái thật của mình. Người xưa nói hết cho chúng ta biết để tu, đâu có giấu giếm gì, nhưng vì mình có bệnh tin ở ngoài hơn tin mình nên tu hoài không xong.

Đó là đoạn thứ nhất của bài Sơn Phòng Mạn Hứng. Đoạn thứ hai, ngài viết:

*Thị phi niệm trục triều hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.*

Dịch:

*Phải quấy niệm rơi hoa buổi sớm,
Lợi danh tâm lạnh với mưa đêm.
Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng,
Chim kêu một tiếng lại xuân tàn.*

Phải quấy niệm rơi hoa buổi sớm, nghĩa là sáng thấy hoa rụng thì phải quấy trong lòng cũng rụng theo. Chúng ta trái lại, nuôi dưỡng phải quấy tươi hoài không rụng nổi.

Lợi danh tâm lạnh với mưa đêm, đêm khuya mưa lạnh thì tâm danh lợi của ngài cũng lạnh theo. Bây giờ tâm danh lợi của chúng ta lạnh hay nóng? Nóng. Sôi bỏng nữa là khác. Được cái này đòi cái kia, cấp thấp muốn lên cấp cao, cứ thế đuổi theo danh lợi, không lạnh được.

Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng. Mưa tạnh tức chỉ cho tâm lợi danh đã lạnh hết rồi. Hoa trơ tức tâm phải quấy cũng không còn. Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng, khi hai thứ đó đã không còn thì như mưa tạnh núi vẫn còn nguyên. Mưa không làm mất núi cũng như hoa rụng chứ núi đâu có rơi. Như vậy để thấy khi tâm chúng ta theo niệm phải quấy thì mờ đi, không thấy cái thật của mình. Cũng như mưa làm khuất núi, chứ núi không bao giờ mất.

Chim kêu một tiếng lại xuân tàn, trước nói hoa nói mưa, đến đây ngài nói tiếng chim kêu là loài động vật, những thứ thuộc bên ngoài cho tới thời gian như xuân, hạ, thu, đông v.v... tất cả đều bị lôi dẫn theo chiều sanh diệt, chỉ có hòn núi đứng trơ trơ, không thay đổi. Mọi thứ từ ngoại cảnh chung quanh đến người, vật đều là một dòng vô thường sanh diệt, còn cái chân thật của mình không từng đổi thay. Ngài nhắc như thế để chúng ta tỉnh thức biết nơi mình có cái quý báu mà qua bao đời đã bỏ quên không nhớ.

Khi làm Thái thượng hoàng chưa đi tu, ngài có viết bài phú Cư Trần Lạc Đạo bằng văn Nôm, để nói tâm trạng ngài sống trong cảnh trần tục mà vui với đạo. Đây là chỗ thiết yếu, tất cả quý Phật tử ráng học theo để ứng dụng tu. Tôi trích một đoạn:

Mình ngồi thành thị,

Nét dùng sơn lâm,

*Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tánh,
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.*

*Mình ngồi thành thị, đang làm Thái thượng hoàng, ở địa vị như vậy mà ngài thấy giống như ở núi, không nhiễm không đắm theo lợi danh, nên nói *nết dùng sơn lâm*. Chúng ta bây giờ có người ở sơn lâm mà cũng bắt chước thành thị, phải không? Đó là đi ngược lại với ngài.*

Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tánh. Nửa ngày rồi tự tại thân tâm. Muôn nghiệp lạng tức là tất cả các nghiệp dừng lạng hết, thể tánh rất an nhàn tự tại. Nửa ngày rồi, là Thái thượng hoàng làm việc một buổi, còn một buổi rảnh. Chữ “rồi” là rảnh. Nửa ngày nghỉ việc trong triều ngài thấy thân tâm tự tại, rất thanh thoi an nhàn. Bây giờ quý vị được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật rảnh mà có tự tại không? Cũng bận rộn chạy chỗ này chỗ kia, không dừng một chỗ để được tự tại gì hết.

Tham ái nguồn dừng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý

Thị phi tiếng lạng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.

*Tham ái nguồn dừng, tức là nguồn tham ái đã dừng rồi, thì *chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý*, không còn yêu châu nhớ ngọc gì nữa hết. Châu ngọc ở đây để chỉ cái đẹp của con người hay của ngọc báu. Do nghiệp*

đã lặng nên ngài rất tự tại trước tâm danh lợi và tham ái nên không còn mền thương cái gì nữa.

Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm, ở trong triều oanh yến nhiều lắm. Bà này bà kia ganh tỵ với nhau, râu vô râu ra, nói xấu nói tốt nhau... nhưng tiếng thị phi đối với ngài không còn vương mắc nữa, nó lặng hết rồi. Làm vua trong triều mà ngài còn như vậy. Chúng ta ở thế gian bao nhiêu lỗi lầm, phải quấy đều là việc thị phi. Người này nói phải, người kia nói quấy, nghe qua nghe lại rồi giận hờn, buồn trách nhau cho nên khổ đau dài dài.

Tôi trích tiếp một đoạn trong hội thứ hai:

Biết vậy!

Miễn được lòng rồi,

Chẳng còn pháp khác.

Gìn tánh sáng, tánh mới hầu an,

Nén niềm vọng, niềm dừng chẳng thác.

Biết vậy, là người biết được như vậy. Miễn được lòng rồi là lòng đã rộng, không còn bận rộn nữa. Chẳng còn pháp khác, tu cốt để tâm yên lặng, rảnh rồi chứ không còn pháp nào khác nữa. Đó là gốc của sự tu.

Gìn tánh sáng, tánh mới hầu an. Đối với tánh giác của mình, chúng ta phải nhớ đừng quên, vì đó là gốc để mình được bình an, thanh tịnh. Nén niềm vọng, niềm dừng chẳng thác. Những niệm nghĩ tưởng lôi thôi dấy lên, chúng ta buông xả hết. Nén đề thì không đúng,

buông xả mới khỏe. Tu là bỏ vọng, là buông hết những loạn tưởng. Đó là gốc của sự tu.

Dứt trừ nhân ngã thì ra tướng thật kim cương, dùng hết tham sân mới lấu lòng mâu viên giác. Người tu nếu mà còn chấp nhân chấp ngã thì không bao giờ được trí tuệ kim cương. Muốn được trí tuệ kim cương phải xóa hết nhân ngã. Nhân ngã chúng ta còn to quá nên tu hoài không sáng, rồi than tu khó. Bao giờ hết tham sân mới tỏ rõ được lòng mâu nhiệm viên giác. Muốn được giác ngộ tròn đầy phải dùng hết tham sân si. Chúng ta tu năm mười năm rồi, tham sân si giảm chừng bao nhiêu? Một nửa không? Được một nửa là tốt. Người tu cốt làm sao hết tham sân si, chừng đó lòng mới thanh thản, nhẹ nhàng. Giác ngộ tròn đầy gọi là viên giác. Còn tham sân si thì không bao giờ giác ngộ tròn đầy. Đó là điều thực tế.

Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương. Di-đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc. Di-đà là tính sáng soi. Tịnh độ là cõi trong sạch, yên lặng. Tịnh độ ở đâu? Ở nơi lòng trong sạch của mình. Nhà Phật có câu “Tâm tịnh là độ tịnh”. Người tu đòi về Cực lạc mà không lo tịnh tâm thì làm sao về được. Bởi vì ở Cực lạc không có tham sân si, nếu người còn ôm tham sân si về đó, chắc đức Phật Di-đà rước về ít bữa, khi nào tham sân si nổi lên ngài phải đưa trở lại, chứ ở bên đó ai chịu nổi. Đó là chuyện vô lý. Nên phải hết tham sân si mới hy vọng về Cực lạc, còn giữ tham sân si mà đòi về Cực lạc là chuyện không bao giờ có.

Nên ở đây Tổ nói Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hởi đến Tây phương. Tâm trong sạch thì đến Cực lạc, đến Tịnh độ nên nói tâm tịnh thì độ tịnh, còn tâm ô ế nhớp nhúa này thì độ cũng ô ế nhớp nhúa theo.

Ở cõi Ta-bà người ta gọi là ế độ, tại tham sân si làm ô ế. Bởi tham sân si nên nổi lên đủ thứ chuyện, ngồi trong nhà mà lo sợ hoài, làm khổ cho nhau đủ cách. Nếu hết tham sân si thì ở đây thành Cực lạc mất rồi, có ai giành giật với ai, có ai lấn hiếp ai, như vậy ở đây cũng là Cực lạc, đâu cần phải đòi về Cực lạc. Cái gốc không bỏ mà muốn được cái ngọn, làm sao có. Đó là chuyện ngớ ngẩn không có lẽ thật.

Di-đà là tánh sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc. Ngay nơi đây nếu chúng ta thấy được tánh sáng, tánh giác tức là Phật rồi. A-di-đà dịch là Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Vô lượng thọ là sống lâu không chết, Vô lượng quang là sáng mãi không tối. Tâm mình khi được chỗ chân thật rồi thì không sanh tử nữa nên đâu có chết. Chúng ta sống được với tánh giác hằng sáng thì đâu có tối. Như vậy Phật A-di-đà ở trong tâm mình, hình ảnh Cực lạc được mượn để cho những người tin bên ngoài, cố gắng niệm Phật đến chỗ nhất tâm thì sẽ nhận ra tánh giác chân thật của chính mình. Đó là gặp Phật Di-đà, được về Cực lạc.

Vua Trần Nhân Tông khi còn ở ngôi Thái thượng hoàng, ngài đã thấy rõ đạo lý, biết rõ tinh thần tu hành như vậy nhưng ngài chưa tự mãn. Sau đó thấy con lớn,

ngài liền truyền ngòi cho con rồi dứt khoát lên núi tu. Đó là điểm đặc biệt. Ngài làm bài phú này bằng chữ Nôm nhưng đúc kết bằng bốn câu kệ chữ Hán:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hê khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Ở cõi trần mà vui với đạo là nhờ biết tùy duyên. Tùy duyên làm sao? *Cơ tắc san hê khốn tắc miên*, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò, khỏe biết mấy phải không? Chúng ta nghe nói tùy duyên là đói ăn, mệt ngủ thì thấy dễ, trẻ con làm cũng được, nhưng không phải vậy. Thật ra người đời sống không biết tùy duyên. Ví dụ như đến bữa ăn, phải có ớt có tiêu, có rượu, nếu thiếu những thứ đó thì không chịu ăn hay ăn mà không vui. Như vậy có tùy duyên không? Không. Tùy duyên là có gì ăn nấy không đòi hỏi, không lựa chọn khen chê. Quý vị mệt có chịu ngủ không? Nằm xuống nhớ chuyện hôm qua hôm kia, ai rầy ai nói nặng, nói nhẹ mình, đủ thứ nhớ nên không ngủ được.

Hai hình ảnh đối ăn một ngủ, để nói lên mọi sinh hoạt trong cuộc sống chúng ta dù tốt, dù xấu đều tùy duyên, không oán hờn, không buồn giận khi gặp xấu, không vui mừng khi được tốt. Tùy duyên, đến thì nhận mất thì thôi, không buồn giận ai. Giả sử bữa đó quý vị trúng số cũng không quá mừng tới mất ngủ. Tùy duyên, trúng thì cứ trúng, chứ đừng lăn qua trở lại, ngủ không được, đó là chúng ta không biết tùy duyên. Hai chữ tùy duyên nghe dễ làm sao nhưng chúng ta khó thực hiện được. Bởi vậy nên mới nói phải khéo tu.

Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch. Trong nhà mình có báu sẵn, đừng tìm kiếm ở đâu hết. Nơi chúng ta có hòn ngọc quý mà mình quên, bây giờ cứ ngay đó dừng lại, ta tìm sẽ gặp nó chứ không có gì khác. Trong kinh Pháp Hoa, Phật dụ như anh chàng say rượu nọ đi ăn mày, khi gặp người bạn giàu đãi rượu chè rồi, anh say nằm mê man. Người bạn thương mới lấy hòn ngọc quý nhét trong túi áo, vì có việc đi gấp không chờ anh tỉnh dậy. Người bạn giàu đi đôi ba năm trở lại, gặp anh bạn say vẫn y nguyên là ăn mày. Người bạn tức quá hỏi: “Hôm đó tôi đã nhét hòn ngọc trong túi anh, sao bây giờ anh vẫn nghèo?” Nghe vậy anh giật mình sờ tay vô túi, lấy hòn ngọc ra. Từ đó anh trở nên giàu có.

Chúng ta ai cũng có hòn ngọc quý mà bỏ quên, tại vì say mê. Say mê cảnh trần tục quá nên quên hòn ngọc của mình. Phật tổ nhiều lần nhắc đi nhắc lại mà chúng ta cũng không chịu nhớ. Bởi vậy nên đừng nghĩ mình nghèo, chúng ta rất giàu nhưng chưa đem hòn ngọc ra xài.

Nếu lấy ra xài thì chúng ta cũng như ai, đâu có thua kém chi. Trên đường tu mình đừng mặc cảm người đó tu được, tôi tu không được. Có lắm Phật tử hỏi quý thầy: “Thưa thầy, coi tuổi con tu được không?” Ai cấm không cho mình tu mà đi hỏi tu được không, chuyện vô lý! Chúng ta tu là biết tìm cái quý của mình, ta có đủ thẩm quyền. Phật cho chúng sanh đủ thẩm quyền quyết định mê hay giác. Muốn mê thì mê, muốn giác thì chuyển mê thành giác, chứ Phật đâu có bắt chúng ta thế này thế kia. Rõ ràng đức Phật rộng rãi với chúng sanh vô kể. Ngài cứ chỉ ra, ai biết dùng thì lấy dùng, không chịu dùng thì thôi, Phật cũng không ép. Người nào chuyển mê thành giác, đó là tu. Ngược lại, cứ giữ mãi cái mê là không tu, là trầm luân không dứt. Chúng sanh thường sợ mê mà không dám giác. Sợ mê thì phải thích giác chứ. Mê với giác là quyền của chúng ta, sẵn nơi mỗi chúng ta, không ở đâu xa hết.

Phật tử đi chùa học đạo, hiểu đạo, thực hành đạo đúng như Phật pháp thì cuộc sống rất đẹp, rất cao siêu. Ngược lại, nếu Phật tử cứ đi con đường mê hoài thì dù Phật tử đông cũng không có lợi cho đạo. Mong tất cả quý vị nghe hai ông vua này rồi, tự hổ thẹn mình là dân thường, không bận rộn như nhà vua, mà cứ nói tu không được, thật xấu hổ! Ông vua ngồi trên ngai vàng mà chùng buông thì buông cái một. Như vậy mới thấy sự yếu đuối, hèn nhất của chúng ta.

Từ đây mong rằng tất cả tăng ni, Phật tử phải can đảm, cương quyết một lần thực hiện việc gì phải làm

đến nơi đến chốn. Tu phải tu cho đến giác ngộ mới thôi. Là Phật tử phải xứng đáng với danh hiệu Phật tử, bỏ tham, bỏ sân, bỏ si để trở thành một người con Phật toàn thiện, viên mãn, không lỗi thôi nữa. Con Phật là con đấng giác ngộ, chứ đâu phải con người thường, hiểu vậy tất cả quý vị sẽ thấy đời tu mình vinh hạnh, cao siêu. Nếu không hiểu vậy thì thấy đời tu mình cũng tầm thường như ai, không hơn không kém. Từ đó không cố gắng vươn lên, lầm chấp thân phận kẻ cùng tử mà quên mất nguồn gốc Trưởng giả của mình.



NÓI CHUYỆN VỚI PHẬT TỬ ĐẠO TRÀNG CHÂN NHƯ

Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay là lần đầu tiên chúng tôi tới thăm đạo tràng Chân Như. Quý Phật tử ở đây tuy không nhiều nhưng có thiện tâm thiện chí đối với đạo, vì vậy tôi nói qua một vài nét về đường lối chủ trương tu thiền cho quý vị nghe, hiểu để ứng dụng tu tập không sai lầm.

Chúng tôi chủ trương tu thiền có gì khác với thiền Nguyên thủy thời xưa không? Lúc trước khi đọc sử Phật tôi rất nghi ngờ, tại sao đức Phật có tâm đại từ đại bi, ra đời để cứu độ chúng sanh, nhưng khi ngộ đạo dưới cội bồ-đề rồi, ngài lại trù trừ không muốn giảng đạo. Ngài nói với chư thiên: “Cái thấy của ta, nói ra mọi người không thể hiểu được nên không muốn nói.” Đợi chư thiên đòi ba phen nài nỉ, yêu cầu ngài dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh, cuối cùng ngài mới đồng ý.

Sau đức Phật đến rừng Lộc Uyển giảng pháp Tứ đế cho năm anh em Kiều-trần-như và kể từ đó bắt đầu có tăng đoàn. Chư Tỳ-kheo nào tu đúng theo pháp Tứ đế Phật dạy thì sẽ chứng quả A-la-hán là vô sanh, nhập Niết-bàn không còn sanh trở lại nữa.

Đó là Phật dạy tu theo thiên Nguyên thủy, chứng quả vô sanh nhập Niết-bàn là chỗ cứu cánh. Nhưng sau này đức Phật đã truyền chánh pháp cho tổ Ca-diếp và từ đó chư tổ truyền nối Phật tâm tông mãi về sau, phương pháp có khác một chút. Ví dụ như sau khi đức Phật đi giảng một thời gian, Phật tử đều thâm nhập giáo lý, hôm nọ trên hội Linh Sơn đức Phật cầm cành hoa đưa lên rồi nhìn khắp hội chúng, ai cũng ngơ ngác. Khi Phật nhìn tới Ca-diếp, ngài liền mỉm cười. Phật liền bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, hôm nay trao cho Ca-diếp.” Như vậy ngài ấn chứng cho Ca-diếp làm tổ thứ nhất ở Ấn Độ. Quý vị thấy có gì lạ không?

Người ta không hiểu đức Phật đã dạy gì cho ngài Ca-diếp, mà sau này khi đức Phật nhập Niết-bàn, một hôm A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Thưa Sư huynh, ngoài việc đức Thế Tôn truyền y bát cho Sư huynh, còn truyền thêm cái gì không?” Lúc đó ngài Ca-diếp liền gọi: “A-nan!” A-nan liền dạ, ngài Ca-diếp bảo: “Cây phướn trước chùa ngã.” Ngay đó ngài A-nan liền ngộ. Lạ lùng chưa? Đó là hệ thống thiên tông truyền từ tổ Ca-diếp đến tổ A-nan rồi sau này tới tổ thứ hai mươi tám là Bồ-đề-đạt-ma và thiên tông được truyền sang Trung Hoa từ tổ Bồ-đề-đạt-ma.

Khi đến Trung Hoa, tổ Bồ-đề-đạt-ma gặp vua Lương Võ Đế, ông không thông cảm nên ngài đến chùa Thiếu Lâm ngồi xây mặt vào vách suốt chín năm trời. Sau đó có vị tăng tên Thần Quang đến cầu học, thấy ngài im lặng không nói gì hết, nên cũng đứng im ở ngoài trời. Đêm đó nhằm mùa đông, tuyết xuống tới đầu gối mà Thần Quang vẫn cứ thản nhiên đứng yên suốt đêm. Đến sáng, tổ Đạt-ma xoay ra nhìn thấy như vậy liền hỏi rằng:

- Ông vì việc gì mà cực khổ lắm vậy?

Thần Quang thưa:

- Con vì cầu pháp môn cam lồ tu hành để được giải thoát.

Tổ quở:

- Muốn giải thoát sanh tử thì phải học như những vị Bồ-tát thuở xưa. Có khi hy sinh cả thân mạng, có khi phải lấy thân làm giường cho bậc thầy ngồi, có khi làm tất cả việc khó khổ... Ông chỉ dùng chút ít phương tiện nhỏ vậy mà cầu pháp môn giải thoát được sao?

Sử nói rằng, ngài Thần Quang liền lén xuống nhà bếp mượn cái dao chặt cánh tay dâng lên Tổ và thưa:

- Con xin dâng cánh tay này để cầu đạo.

Tổ Đạt-ma khen “khá đở” và sau đổi tên Thần Quang thành Huệ Khả. Về chi tiết chặt cánh tay, có lẽ các bác sĩ không tin đâu. Chặt tay không lo băng bó mà đem lại dâng Tổ, lúc đó làm sao chịu nổi? Nhưng tôi cho rằng đây là một yếu tố để khích lệ người muốn cầu đạo

phải quên mình, không tiếc thân mới cầu đạo được, không thể đem tâm sơ sài mà cầu đạo. Đó là một hình ảnh tượng trưng chứ trên thực tế thì tôi cũng không biết thế nào? Song sử ghi sao thì tôi nói như vậy.

Huệ Khả được Tổ nhận làm đệ tử rồi, một hôm đến hỏi tổ Đạt-ma:

- Bạch Hòa thượng! Tâm con không an, xin ngài dạy con pháp an tâm.

Tổ Đạt-ma bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Ngài Huệ Khả sửng sốt, tìm lại cái tâm bất an coi nó ở đâu. Quay lại tìm thì không thấy, liền bạch rằng:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngay đây ngài Huệ Khả biết lối tu. Biết làm sao? Đó là một vấn đề lâu nay nhiều người cũng thắc mắc. Tại sao Tổ nói chuyện quan trọng một cách đơn giản như vậy? Huệ Khả thấy tâm lăng xăng không an, nên mới cầu xin một pháp tu để an tâm, Tổ bảo: “Đem tâm ra ta an cho”, ngài nói như đùa vậy, nhưng thật ra hết sức quan trọng. Khi Tổ bảo đem tâm ra thì Huệ Khả phải quay lại tìm xem tâm mình ở đâu, tìm lại nó mất. Ngài thật thà thưa rằng: “Con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi.” Thế thì pháp an tâm là pháp gì?

Trong nhà thiền thường hay dùng từ “không có một pháp cho người”. Thiền tông không có một pháp cho người nên gọi là giáo ngoại biệt truyền. Phật tử cũng như đa số người nghe câu này thường hay sửng sốt, không biết tổ Đạt-ma dạy pháp gì mà Huệ Khả biết lối tu? Tôi muốn nói như vậy để quý vị hiểu dạy thiền có nhiều lối. Như lối dạy theo pháp Tứ đế mà Phật đã nêu trước, đó là lối tu thiền thường dùng pháp Tứ niệm xứ của Nguyên thủy. Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Quán mãi cho tới khi nào tâm mình không còn dấy động nữa thì được định. Các ngài quán như vậy từ từ có những địa vị tu chứng như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

Tên chuyên môn của Sơ thiền là Ly sanh hỷ lạc, tức lìa tham dục mà được vui vẻ. Nhị thiền là Định sanh hỷ lạc, tức tâm an định sanh hỷ lạc. Tam thiền là Ly hỷ diệu lạc, tức lìa cái vui mừng thô để được cái vui nhẹ nhàng hơn, mầu nhiệm hơn gọi là diệu lạc. Tứ thiền là Xả niệm thanh tịnh, tức buông hết các niệm để được thanh tịnh. Đến Tứ thiền cũng chưa phải rồi mà còn bước qua quán Tứ niệm xứ nữa. Tới đó nếu hành giả khéo tu đúng theo chánh pháp Phật dạy sẽ đi tới Diệt tận định, nếu tu quanh một chút thì qua bốn thứ không: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ, tức là bốn thứ định Không. Cuối cùng mới đi tới Diệt tận định. Diệt tận định là diệt các cảm thọ và tư tưởng, nói đủ là Diệt thọ tưởng định.

Thọ là cảm giác do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, còn tưởng là tâm suy tư nghĩ tưởng. Tất cả những thứ này đều diệt sạch mới tới chỗ Diệt tận định. Được Diệt tận định thì chứng A-la-hán. Như vậy con đường đi trải qua thời gian rất dài, không phải đơn giản.

Còn thiên tông lại quá đơn giản. Như Phật đưa cành hoa lên, nhìn tới Ca-diếp thấy Tôn giả cười thông cảm, Phật liền ấn chứng. Hoặc như Huệ Khả thưa “tìm tâm không được”, tổ Đạt-ma bảo “an tâm cho người rồi”, Huệ Khả liền biết lối vào. Như vậy là sao? Đó là những hình ảnh cho chúng ta thấy thiên tông chỉ thẳng tắt, không có phương pháp. Tu theo thiên Nguyên thủy có phương pháp từ một tới hai v.v..., đi lần lên cho đến chứng quả A-la-hán. Còn thiên tông chỉ đi thẳng thôi, mà đi thẳng thì dễ hay khó? Chắc không dễ. Nếu dễ thì ai cũng làm được hết rồi. Thế nhưng tại sao chúng tôi lại chủ trương khôi phục thiên tông? Đó là một vấn đề hơi khó hiểu.

Chúng tôi dạy tu thiên là ngồi yên, nếu niệm dấy lên liền biết nó hư dối, bỏ. Niệm dấy lên biết nó hư dối buông thôi, không thêm việc gì hết. Lối đó gọi là phản quan tự kỷ tức nhìn thẳng lại chính mình. Quý vị nào có nghiên cứu thiên sẽ hiểu mười mục chấn trâu, các tổ vẽ ra ý nghĩa rất đầy đủ rõ ràng. Anh chấn trâu muốn tìm trâu, giai đoạn đầu thì phải tìm đây tìm kia. Anh chấn trâu biểu trưng cho trí tuệ Bát-nhã, con trâu biểu trưng cho tâm dấy động. Tâm dấy động dấy lên, ta tưởng là tâm mình, nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ hơn

ngĩ thua đều cho là tâm mình, tức nhận cái bóng dáng sanh diệt làm tâm. Tổ bảo đem tâm ra ta an cho, khi quay trở lại tìm nó mất tiêu. Nếu nó thật thì phải còn, đằng này tìm lại không thấy, nên biết nó chỉ là cái bóng, không thật.

Lâu nay chúng ta ngỡ vọng tưởng sanh diệt là tâm mình nên chạy theo nó. Vừa dấy niệm nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua... những thứ đó là nhân tạo nghiệp. Tại sao? Nghĩ tốt thì thích làm lành, nghĩ xấu thì ưa làm dữ, đó là tạo nghiệp lành nghiệp dữ. Tổ không muốn nói quanh co, nên bảo ngài Huệ Khả đem tâm ra ta an cho, nếu nó thật thì tìm thấy, bây giờ tìm lại không thấy tức nó mất. Mất là an rồi. Cho nên biết an tâm là nhìn lại tâm sanh diệt, nhìn thẳng nó mất chứ không có phương pháp nào hết. Tu như vậy dễ hay khó? Khó! Nên người tu thiền như kẻ qua cầu không có tay vịn. Tổ Đạt-ma nói “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức chỉ thẳng tâm người, thấy bản tánh thành Phật.

Khi chúng ta nhìn thấy niệm khởi liền buông, nó lặng đi. Khi khởi mình thấy, khi lặng mình biết, vậy cái gì thấy biết? Điều này chúng ta còn có một cái nằm trong ta nữa, chứ không phải chỉ có những nghĩ suy là tâm mình. Thế nhưng cả đời chúng ta cứ cho cái nghĩ suy là tâm mình, đó là mê lầm. Từ mê lầm này chúng ta theo nó tạo nghiệp luân hồi không có ngày cùng. Bây giờ mình thấy rõ nó hư dối không thật nên không theo nó, không theo nó là đã tỉnh rồi. Khi ấy, cái biết

không theo vọng tưởng còn hay mất? Nó đâu có mất. Nếu nó mất thì vọng tưởng sau đấy lên làm sao biết. Vừa đấy niệm khác thì nó vẫn biết để buông. Rõ ràng trong đó có một cái ngầm thấy ngầm biết vọng tưởng để buông, cái ngầm đó là chú chặn trâu.

Chú chặn biết tìm trâu, gặp trâu rồi nó phải dùng roi dùng dây để cột trâu, xỏ mũi trâu và đánh kìm chế đến khi nào con trâu hiền hòa. Tuy trâu hiền hòa chưa phải rồi việc, chú chặn còn phải điều phục từ từ cho tới lúc trâu mất. Con trâu mất, nhưng thằng chặn còn cũng chưa được, phải đi đến giai đoạn thằng chặn mất luôn. Chúng ta thấy cả một con đường tu cụ thể vô cùng. Thằng chặn là trí tuệ Bát-nhã ruồng phá mê lầm, buông cái tâm chấp là thật được rồi thì lần lần con trâu đầu hàng mình. Khi nó đầu hàng rồi sự tu mới nhẹ nhàng, đến khi trâu mất luôn là an định, đã được định thì trí Bát-nhã hết dùng. Cho nên con trâu mất thì thằng chặn cũng mất luôn. Đến đây nhà thiền gọi là “đầu sào trăm trượng”, phải nhảy qua khỏi chỗ này mới xong việc. Trong mười bức tranh thiền tông, tới chỗ vòng tròn trống rỗng, nếu chấp là cứu cánh thì kẹt, nên phải nhảy qua khỏi nó, tức bước vào mục thứ chín lá rụng về cội, chim bay về tổ. Đó là thể nhập pháp thân.

Thể nhập pháp thân rồi, sau đó mới có ứng thân để giáo hóa chúng sanh. Ứng thân được tượng trưng qua hình ảnh một ông già cầm cá chép, bầu rượu vô xóm. Như vậy thiền tông khác với thiền Nguyên thủy, chỗ Nguyên thủy gọi là Niết-bàn vô sanh, tức không còn

chăn không còn trâu là xong, yên lòng an trú ở đó. Tuy không sanh không tử, nhưng không thể nhập pháp thân để dùng báo thân, ứng hóa thân để độ sanh, nên Phật giáo Đại thừa không chấp nhận. Nếu người tu tới Diệt tận định rồi, an trú Niết-bàn thì chưa lợi ích cho chúng sanh. Trong khi đạo Phật dạy chúng ta tu phải giác ngộ. Muốn giác ngộ đầy đủ thì phải tự giác giác tha, hai phần này viên mãn mới gọi là Phật. Nếu tự giác xong rồi, dùng ngang đó thì chỉ gọi là A-la-hán, chứ không phải Phật.

Đến câu chuyện giữa tổ Ca-diếp và ngài A-nan. Chỗ này dường như rất bí mật nhưng thật ra Tổ không hề che dấu chúng ta điều gì hết. Bởi vì nơi mỗi chúng ta đều có sẵn cái biết ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Cái biết đó hằng hữu thường còn, chỉ tại chúng ta không nhớ thôi. Bây giờ giả sử tôi đưa tay lên, để tay xuống, quý vị thấy không? Hầu hết đều cho rằng khi tay đưa lên thì thấy, để xuống thì không thấy. Phật quả như thế là quên mình theo vật. Tại sao thấy là cái của mình, tay là vật ở ngoài mà chúng ta lại lẫn lộn. Cánh tay để xuống, lẽ ra thấy không có cánh tay chứ đâu phải không thấy. Nếu nói không thấy tức là mù sao? Vậy mà cả thế gian đều lầm như vậy.

Thế nên khi đức Phật đưa cành hoa lên, nhìn tới ngài Ca-diếp, thầy trò nhìn nhau rồi ngài Ca-diếp mỉm cười. Đó là chỉ ra tánh thấy sẵn có nơi chính mỗi người, ai cũng có hết, nếu thiếu thì chúng ta mù rồi. Ngài Ca-diếp nhận được điều này nên Phật nói

ta có chánh pháp nhãn tạng, tức kho chánh pháp ở trong mắt (pháp nhãn) truyền cho Ca-diếp. Lời ấn chứng này chứng tỏ ngài Ca-diếp đã nhận được cái thấy thật của mình.

Kế đến ngài A-nan hỏi tổ Ca-diếp ngoài chiếc y ra, Thế Tôn còn truyền cho Sư huynh cái gì nữa không? Tổ Ca-diếp kêu: “A-nan!” Ngài A-nan liền dạ, Tổ bảo: “Cây phước trước chùa ngã.” Ngay đây ngài A-nan liền ngộ. Sự thật không phải Tổ muốn nói cây phước, mà chủ yếu ở chỗ kêu liền dạ. Nghĩa là lỗ tai có nghe luôn không? Nghe. Cái nghe đó có sẵn nên vừa kêu liền dạ. Lúc đó ngài A-nan có suy nghĩ không? Không có một niệm nào nhưng rõ ràng biết. Không một niệm mà biết thì cái biết đó mới chân thật của mình. Còn nghĩ suy mà biết thì cái biết đó là hư vọng sanh diệt.

Phật tổ chỉ dạy chúng ta tu hết sức giản đơn. Đó là đi đường thẳng tắt, không có một pháp nào. Nhận ra cái nghe, nhận ra cái thấy là từ mình mà nhận chứ không có pháp nào cả. Như ngài Huệ Khả nói tâm không an là do ý niệm quá lăng xăng. Bây giờ Tổ bảo “đem tâm ra ta an cho”, ngài tìm không được, Tổ nói “ta an tâm cho người rồi.” Vì ý niệm đó không thật, nếu nhìn nó thì nó mất. Nó mất tức an tâm rồi. Cũng vậy, nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều có cái biết chân thật. Ai cũng có hết nhưng vì chúng ta không nhận ra nên gọi là mê. Bây giờ biết mình có cái đó nên quay trở về, nhà thiền gọi là phản quan, tức nhìn lại mình. Nhìn lại mình để thấy rõ nội tâm, biết những

nghĩ suy phân biệt chỉ là giả ảo, còn cái biết chân thật hiện tiền ta lại bỏ quên. Bởi khi chạy theo cái biết giả ảo thì cái biết chân thật bị khuất lấp.

Chỗ này, ngài Thân Hội dùng một ví dụ hết sức rõ ràng. Như khi đưa gương lên, trong đó hiện ra bóng mình, bóng người. Lúc đó chúng ta chỉ lo thấy bóng mà quên gương. Đến khi nhìn vào không thấy bóng nào, lúc đó cái gương mới thật sự hiển hiện trọn vẹn đúng như thật nó. Cũng thế, người tu Phật định cái tâm lắng xảng lại, nó lắng thì tâm chân thật hiện tiền. Còn cứ chạy theo cái lắng xảng thì sẽ quên tâm chân thật. Cho nên pháp tu nào của đạo Phật cũng đưa đến chỗ định, nghĩa là phải dừng tất cả những tạp niệm. Như pháp niệm Phật, chừng nào quý vị niệm được nhất tâm bất loạn, Phật A-di-đà mới hiện ra rước về Cực lạc. Nhất tâm bất loạn là tâm không còn nghĩ hai, nghĩ ba gì hết. Không còn một niệm nào mới gọi là nhất tâm, đây chính là định. Còn thiền Nguyên thủy thì tu đến Diệt tận định mới được. Riêng thiền tông, Phật chỉ cho ngài Ca-diếp một cái thẳng nhất, gần nhất nhưng khó nhất.

Như vậy tất cả chúng ta có một cái thật mà lại không nhớ. Hiện giờ quý Phật tử nhớ cái gì? Một là nhớ thân này thật, hai là cho tâm suy nghĩ thật. Ngoài hai thứ ấy ra, không biết mình còn có cái thật tiềm ẩn sẵn bên trong. Quý vị cho thân này là thật, điều đó bảo đảm không? Không. Tại sao? Bởi vì như đức Phật dạy mạng sống chỉ trong hơi thở. Thở khi ra không hít vô là chết ngay.

Nếu thật thì nó phải lâu dài, nguyên vẹn, còn khi thở khi ra không hít lại là chết, nói thật sao được! Như vậy mạng sống chỉ trong một cái tích tắc đồng hồ nên không thể nói là thật. Đó là chỗ chúng ta mê lầm.

Phật nói thân này không thật, duyên hợp hư giả. Chúng ta biết rõ nó không thật thì giác, còn ngỡ nó thật là mê. Bởi vậy Phật nói chúng sanh mê, đáng thương là vậy. Khi lầm chấp thân thật thì sẽ có những bệnh gì? Vì thấy thân thật nên muốn ăn ngon, muốn mặc đẹp, muốn thụ hưởng tất cả mọi thứ hơn người. Nếu muốn mà không được, bị ai ngăn trở thì nổi giận. Vì vậy cái muốn đó gọi là tham. Tham không được thì khởi sân. Tất cả chúng ta bị những thứ xấu tham sân si dẫn dắt kéo lôi, nhưng thật ra si là gốc, từ si ta khởi tham, từ tham bị ngăn trở ta nổi sân.

Khi thấy thân này không thật thì chúng ta còn tham không? Nó không thật thì được cũng tốt, không được cũng chẳng sao, sống qua ngày thôi, không tham gì hết. Ngược lại nếu thấy thân thật thì nhất định sanh tham. Tham nhỏ là cá nhân tham món này món nọ, còn tham lớn thì giành giật quyền lợi với thiên hạ, rồi xảy ra chiến tranh đủ thứ hết. Gốc từ mê lầm đưa tới đau khổ, từ đó chúng sanh trầm luân mãi thôi. Khi biết rõ thân này không thật chúng ta không còn tham, không còn tham thì đâu có sân. Cho nên biết rõ thân không thật là giác. Như vậy tìm cái giác khó hay dễ, xa hay gần? Dễ như trở bàn tay. Để xuống gọi là úp, lật lên gọi là ngửa. Thấy thân thật là mê, nhận định nó giả là giác, tốn bao nhiêu công? Nhanh như trở bàn tay.

Giá trị của người tu là phải giác. Giác được thân rồi tới giác tâm. Người đời thường cho tâm suy nghĩ hơn thua, phải quấy là tâm mình thật. Khi suy nghĩ một vấn đề mình cho là đúng, ai cãi lại có giận không? Nổi tức lên liền. Nhưng đặt câu hỏi lại, tất cả những suy nghĩ của chúng ta có đúng trăm phần trăm không? Nếu không đúng sao lại bắt người ta phải nghe mình. Từ sự sai lầm đó đưa tới bệnh độc tài, từ độc tài sanh ra đấu tranh. Nhóm này nghĩ đúng điều này, nhóm khác nghĩ đúng điều khác, hai cái đúng đụng nhau, sanh ra tranh đấu rồi khổ đau. Như vậy giành nhau về vật chất do thấy thân thật là gốc của khổ đau, giành nhau về tâm nghĩ phải nghĩ quấy cũng là gốc khổ đau.

Nếu đối với thân biết không thật, đối với tâm biết không thật, lúc đó còn gì không? Còn chứ! Cái biết. Những suy nghĩ vừa dấy lên rồi mất thì không thật, còn cái biết thường còn. Phút giây nào ngồi yên lại, không nghĩ suy gì hết chúng ta biết không? Cái biết đó hình dáng ra sao? Có động không? Nó không hình dáng, không động thì làm sao mất được! Chúng ta cứ chạy theo cái phân biệt suy nghĩ lăng xăng cho là thật tâm mình, như vậy phạm đến hai sai lầm lớn. Đó là chạy theo cái giả, chấp cái giả là thật và không nhận ra được cái thật.

Nhiều người thắc mắc, nếu thấy thân này giả, thấy tâm suy nghĩ là giả thì đâu còn lòng thương ai, giúp ai, cũng đâu có hăng hái làm việc gì nữa. Thấy giả đâu có ham làm, thấy thật mới ham làm,

như vậy đạo Phật đưa người ta tới chỗ bi quan rồi. Nhưng không phải vậy. Nếu thấy thân mình không thật, thân người không thật nhưng gặp kẻ mê chấp thân thật, tâm thật, chúng ta có thương không? Một người tỉnh thì phải thương người mê chứ. Đức Phật giác ngộ rồi ngài mới thương tất cả chúng sanh, thương nhưng không đòi hỏi gì hết. Chúng sanh mê nên bỏ cái thật đuổi theo cái giả, ngài thấy được mới đem hết lòng từ bi chỉ dạy cho. Cũng như tượng đức Phật Di-đà, ngài đuổi tay xuống để làm gì? Để cứu vớt những người chìm dưới biển, nhưng chúng sanh không chịu đưa tay lên cho ngài vớt, cứ lặn hụp hoài nên Phật càng thương hơn. Chính vì thấy rõ lẽ thật về thân tâm như huyễn, chúng ta mới có tinh thần lạc quan, làm lợi ích cho mình cho người một cách không ngại. Thí dụ như Phật tử thấy người nghèo đói, khổ quá, mình xuất một số tiền giúp đỡ họ. Giúp đỡ rồi mà họ không thềm cảm ơn mình, có buồn không? Nếu mê chắc là giận chứ không thềm buồn! Bởi vì mình còn chấp ta thật, việc làm của mình cũng thật, nên giúp đỡ ai thì người đó phải biết điều trở lại, có trao đổi rõ ràng chứ không làm không công. Cho nên hiểu Phật mới không bi quan, còn không hiểu Phật mới là người bi quan.

Chúng ta cứ theo dòng mê thì sẽ trôi lăn mãi, còn nếu tỉnh giác thì sẽ qua khỏi trầm luân. Nên đạo Phật là đạo giác ngộ, đặt sự giác ngộ lên trên tất cả. Không phải nói người theo đạo Phật bắt buộc phải làm tất cả việc thiện mới đúng tinh thần đạo Phật.

Đành rằng việc thiện là tốt nhưng đó chỉ là một phần phụ thôi, còn tu giác ngộ mới là mục đích trên hết. Cho nên trong kinh nói giữa bố thí tài và bố thí pháp thì bố thí pháp là hơn. Từ đó chúng ta thấy hệ thống truyền thừa thiền tông từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Việt Nam mang tinh thần tích cực, nhập thế chứ không phải từ bỏ thế gian. Thế kỷ thứ XIII các vua Trần ở nước ta đã liễu ngộ yếu chỉ thiền mà vẫn ngồi trên ngai vàng chăm lo việc quốc gia. Vua Trần Nhân Tông lúc còn làm thái tử thì đã được vua cha cho học thiền với Tuệ Trung thượng sĩ. Lúc chuẩn bị trở về lên ngôi vua, ngài hỏi thầy việc bốn phạm chính của người tu thiền là gì, Tuệ Trung thượng sĩ liền trả lời: “Phản quan tự kỷ bốn phạm sự bất tùng tha đắc.”

Phản quan là nhìn sâu về mình, đó là phạm sự chính, không từ bên ngoài được. Chư tổ Trung Hoa cũng như chư tổ Việt Nam không khác hướng tu. Tổ Đạt-ma bảo tổ Huệ Khả “đem tâm ra ta an cho”, Nhị Tổ liền tìm lại, đó là phản quan. Tìm lại mình để nhận được tâm lăng xăng không thật là phạm sự chính. Cho nên phản quan tự kỷ là nhìn lại mình để thấy rõ, biết rõ mình, đừng lằm, đó là gốc của sự tu.

Tất cả chúng ta hiện giờ đang ôm ấp cái giả làm cái thật. Có khi nào quý Phật tử ngồi thiền chừng mười phút, không suy nghĩ gì mà vẫn tỉnh, lúc đó mình biết không? Biết rõ ràng. Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn biết, cái biết hiện tiền không mất. Cái biết đó không hình tướng, không biến động. Vì vậy tất cả

các pháp tu Phật đều nhắm thẳng trở về cái biết chân thật đó. Thế nên nói tu thiên là nói tới con đường từ Phật tới chư tổ nối tiếp truyền đến chúng ta ngày nay. Con đường đó không phải là con đường riêng mà là đường thẳng, còn những đường khác là phương tiện, đường vòng. Nên trong kinh thường nói giáo pháp của Phật là những phương thuốc để trị bệnh chúng sanh, nếu bệnh lành thì thuốc cũng phải ngưng. Bệnh lành mà thấy thuốc hay quá uống hoài thì cũng chết thôi. Chỗ khác Phật nói giáo pháp của ta như chiếc bè đưa người qua sông, nếu tới bờ thì phải bỏ bè. Trong kinh Viên Giác, Phật nói giáo pháp của ngài cũng như ngón tay chỉ mặt trăng. Khi thấy mặt trăng thì ngón tay không cần nữa. Chúng ta chưa thấy mặt trăng nên phải nương ngón tay, thấy rồi thì phải bỏ ngón tay.

Tất cả phương pháp đều là phương tiện, cứu cánh là chỉ thẳng. Chỉ thẳng rất giản đơn mà lâu nay chúng ta thấy dường như bí mật, khó hiểu. Con đường thẳng thì không thể quanh co. Vì vậy nói “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật” là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Tánh là cái biết sẵn của mình nên gọi là tánh giác. Cái biết sẵn luôn có bên mình mà chúng ta quên. Bởi vậy vua Trần Nhân Tông sau khi ngộ được yếu chỉ thiên, lúc đang là Thái thượng hoàng, ngài có làm bài phú Cư Trần Lạc Đạo. Bài phú dài tới mười hội nhưng kết thúc ngài dùng bốn câu thơ chữ Hán, nói rõ yếu chỉ của ngài là yếu chỉ mà chư tổ đã chỉ dạy:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
 Cơ tắc san hê khôn tắc miên
 Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
 Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
 Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
 Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
 Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, Đói đến thì ăn mệt ngủ liền. Người ở trong cõi trần như quý Phật tử mà được vui với đạo là phải tùy duyên. Song, hai chữ tùy duyên này rất khó biết được. Tùy duyên là sao? Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền. Đói ăn mệt ngủ đó là tùy duyên. Còn đói không chịu ăn, mệt không chịu ngủ là không biết tùy duyên. Quý vị mệt có dễ ngủ không? Mệt mà chuyện gì hôm qua hôm kia chưa giải quyết xong, lăn qua trở lại chưa chịu ngủ, đó là không biết tùy duyên. Quý vị đói có chịu ăn không? Nếu quen ăn tiêu ớt, bây giờ thiếu tiêu ớt có chịu ăn không? Quý vị nam bữa nào cũng có một cốc rượu, thiếu cốc rượu có chịu ăn không? Đó là không biết tùy duyên. Nói xa hơn nữa, khi gặp hoàn cảnh xảy đến với mình thế nào, chúng ta sống linh động, không lo âu sầu muộn gì hết, đó là tùy duyên. Còn nếu cảnh nghịch đến mình buồn, suy nghĩ, lo sợ thì chưa biết tùy duyên.

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên. Trong nhà chúng ta có ngọc quý, thì đừng đi tìm kiếm ở đâu khác. Chúng ta có sẵn tánh giác nơi mình, tánh giác ấy là Phật. Cho nên đừng tìm Phật trên trời trên mây, trên non trên núi, mà hãy quay lại mình tìm thì có sẵn. Thế nên Tổ nói trong nhà có báu thôi tìm kiếm. Chúng ta muốn tu thiền phải làm sao? Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên. Sáu căn đối với sáu trần không vướng mắc gì hết đó là thiền rồi. Có vướng mắc là có chạy theo, bây giờ thấy cảnh đẹp không dính, thấy cảnh xấu cũng không bực bội, đó là mình đang thiền. Như vậy thiền khó hay dễ? Rất là đơn giản.

Lục tổ Huệ Năng ngộ từ câu gì trong kinh Kim Cang? Ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm?” Phật đáp muốn hàng phục tâm phải không có tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nghĩa là không có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Thấy mình không thật, người không thật, chúng sanh không thật và mạng sống không thật, đó là hàng phục được tâm. Còn làm sao an trụ tâm, Phật dạy “Bất ưng trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, tức là đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không dính mắc, nên không có chỗ trụ mà nhận tâm kia, đó là an trụ tâm. Nghe tới đây ngài Huệ Năng đại ngộ, liền lớn tiếng thốt lên rằng: “Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh,

đâu ngờ tâm mình vốn không sanh diệt, đâu ngờ tâm mình vốn không dao động, đâu ngờ tâm mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tâm mình hay sanh muôn pháp.”

Như vậy việc tu là đi tìm kiếm, trông đợi ở đâu hay quay lại mình? Quay lại mình để biết thân giả, rồi biết vọng niệm giả thì mới buông được. Cho nên người tu thiền cần có trí tuệ Bát-nhã, trong nhà thiền thường hay nói kiếm trí tuệ có công năng ruồng phá mọi kiến chấp sai lầm, như thế tu mới tới nơi tới chốn. Không có trí tuệ Bát-nhã thì chúng ta buông cái này kẹt cái kia, không thể nào ra khỏi. Trên đường tu ai cũng muốn giác ngộ, mà cứ ngỡ rằng đi tìm minh sư nào đó chỉ cho mình cái thuật lạ mới giác ngộ, nhưng sự thật giác ngộ không phải ở đâu mà chính mình chuyển cái nhìn, cái thấy của mình. Từ cái thấy sai lầm trở thành cái thấy đúng như thật thì giác ngộ. Thế thì chúng ta có đủ thẩm quyền giác ngộ không? Hay đổ thừa tại bị ma quỷ che lấp nên không thấy? Do chúng ta si mê thấy không đúng lẽ thật nên bị những cảnh trần lôi kéo, bây giờ thấy đúng lẽ thật rồi thì cảnh trần đâu có lôi được. Phật giáo dạy chúng ta tu là quay lại mình thấy cho rõ, biết cho tường tận, đừng có lầm.

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật ví dụ anh chàng Diễn-nhã-đạt-đa, buổi sáng soi gương thấy mặt mày trong gương rất đẹp. Khi úp mặt gương xuống, anh không thấy mặt mình nữa liền ôm đầu chạy kêu “tôi mất đầu rồi, tôi mất đầu rồi!” Quý vị thấy anh ta ngu cỡ nào? Chúng ta có giống không? Khi suy nghĩ nói tôi suy nghĩ,

hết suy nghĩ nói tôi hết suy nghĩ, cho rằng lúc đó không có tôi. Đó là một lầm lẫn lớn. Diễn-nhã-đạt-đa mắc kẹt cái bóng, cho bóng là thật nên quên cái đầu thật hiện tiền. Chúng ta cũng thế, nên Phật nói chúng sanh điên đảo. Người tu Phật phải nhìn thấu đáo, biết tường tận thì đi tới chỗ đạt đạo không khó. Còn cứ chấp mê, cứ trông đợi bên ngoài thì rất khó thành tựu đạo giác ngộ giải thoát.

Tu theo Nguyên thủy thì dùng pháp Tứ niệm xứ để trụ tâm, còn tu Tịnh độ thì dùng câu niệm Phật để trụ tâm. Tu Tứ niệm xứ phải bỏ hết thọ tưởng mới tới Diệt tận định. Còn niệm Phật tới nhất tâm là vô niệm. Cho nên bên Tịnh độ tông có dùng mấy ví dụ rất hay, nói như người đi đường đạp gai, bây giờ muốn đem cây gai ra thì phải lấy cây gai khác lể gai này ra. Nếu lể gai này ra rồi mà cây gai khác cứ cặm đó thì được không? Không được. Vì vậy lể cây gai ra thì cây gai lể đó cũng phải quăng đi, như vậy vết thương mới lành. Cũng như người bị mạt vàng rơi vào mắt, có chịu để mạt vàng luôn trong mắt không? Mạt vàng tuy quý nhưng rơi vào mắt cũng xốn xang rất khó chịu nên không ai chịu để nó trong mắt. Dù quý như vàng cũng làm cho con mắt hư. Khi chúng ta niệm Phật, lúc đầu câu niệm Phật là quý nhưng tới chỗ cứu cánh thì cũng phải lặng luôn. Như vậy giáo lý Nguyên thủy, giáo lý Tịnh độ và giáo lý Thiên tông có khác không? Chỗ đầu thì thấy khác nhưng cứu cánh cũng gặp nhau, nên nói Phật dạy không hai. Phật dạy chúng ta dù Thiên dù Tịnh dù Mật gì, cuối cùng cũng đi tới chỗ nhất tâm.

Chúng ta tu cốt làm sao tự mình đi tới chỗ giác ngộ, chứ không ai cho mình giác ngộ được. Giác ngộ rồi thì không tạo nghiệp nữa, không tạo nghiệp thì giải thoát sanh tử, chưa giác ngộ thì không giải thoát được. Nhiều người học Phật nói giải thoát, giác ngộ không biết cái nào trước cái nào sau? Thật ra có giác ngộ rồi mới giải thoát, nếu còn mê lầm thì khó giải thoát được. Phật tử bây giờ mê nhiều hay giác nhiều? Mê nhiều. Bởi thế nên chìm trong sanh tử không có ngày ra. Vậy nên chúng ta học Phật, tu Phật thì phải khéo, phải tỉnh, phải giác. Nếu tỉnh giác rồi sẽ đi tới quả vị Phật không khó.

Phật tử là con Phật, tức con của bậc giác ngộ. Phật giác ngộ hoàn toàn, còn chúng ta là con Phật nếu không giác được như ngài thì cũng phải giác chút ít. Lần lên Bồ-tát thì giác nhiều hơn. Bồ-tát gọi là phần giác, giác ngộ từng phần, đến giác ngộ viên mãn là thành Phật. Như vậy từ bước thứ nhất đến bước thứ hai, thứ ba đều là một chiều giác ngộ, hiểu như vậy Phật tử mới thấy giá trị thật của đạo Phật. Vậy mong rằng tất cả quý Phật tử nghe tôi nói, xét thật kỹ để hiểu đạo Phật đúng như đạo Phật, có thể mới xứng đáng là đệ tử Phật.



ĐẠO PHẬT TRAO CHỦ QUYỀN CHO CON NGƯỜI

Giảng tại chùa Chiếu Kiến – Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay, tôi giảng đề tài hơi lạ tai một chút là Đạo Phật Trao Chủ Quyền Cho Con Người. Tại sao tôi giảng đề tài này? Bởi vì Phật tử từ trước tới giờ, đa số theo thói quen của ông bà để lại, những gì xảy ra trong cuộc đời mình đều cho là trời khiến, hoặc đổ thừa tại số mạng. Chúng ta là Phật tử mà không thấy, không nắm vững đường lối Phật dạy, thì cũng sẽ chấp hiểu theo người xưa, không thay đổi.

Đức Phật đã chỉ cho chúng ta biết rõ, mỗi người đều có chủ quyền đối với thân hiện tại và cả những đời sau của mình, chứ không do ai định đặt cả. Đa số người cứ nghĩ rằng, cuộc đời mình là do trời định, trời sắp đặt nên mình không có quyền gì hết. Nghĩa là phải sao chịu vậy chứ không cưỡng lại được, không có quyền chuyển đổi,

chấp nhận cam chịu những gì đến với mình. Nếu ai làm gì thành tựu tốt đẹp thì đó là trời cho, nếu làm ăn thất bại thì tại trời phạt. Gặp việc không vui, không vừa ý thì đổ thừa trời bất công hay tạo hóa bất công, chứ không phải tại mình. Gặp khổ bất thần thì kêu “Trời ơi!” Tất cả một mạch nào trời định, trời cho, trời phạt, trời bất công, trời hại... đều đổ về cho trời hết. Không biết trời ở đâu mà ông mang tiếng dữ vậy. Đó là cái nhìn rất cạn cợt, không thích hợp với đạo Phật, không đúng lẽ thật.

Lỗi thứ hai là đổ cho số mạng. Nếu ra đời gặp cảnh thuận thì nói tôi tốt số, nếu gặp cảnh nghịch thì nói tôi xấu số. Như vậy số đó ai đặt ra? Chắc trời đặt quá. Trời đặt thì không ai có quyền cãi hết. Người giàu có thì nói số mạng hanh thông, kẻ nghèo khổ thì nói số mạng bần cùng. Tất cả đều đổ thừa cho số hết, đã có số rồi thì khỏi làm gì thêm, phải chịu vậy thôi. Quan niệm này ảnh hưởng rất sâu đậm trong tâm trí con người.

Hết số rồi đến thời vận may rủi nữa. Khi làm được việc tốt đẹp nói “Thời vận tôi đỏ lắm.” Khi làm ăn thất thế nói “Thời vận tôi mạt rệp rồi.” Mua được tấm vé số trúng, nói: “Tôi may quá, hôm nay trúng số.” Đi chợ bị người ta móc túi, nói: “Tôi rủi quá, bữa nay bị móc túi.” Được là may, mất là rủi. May, rủi cộng thêm hên xui. Làm gì thất bại nói “Xui quá”. Làm gì thành công nói “Hên quá”. Như vậy Phật tử có hiểu đạo Phật chưa? Không hiểu gì hết. Tuy quy y Phật, tuy đi chùa lạy Phật, mà không hiểu gì về đạo Phật.

Đạo Phật nói con người chủ động tất cả sự việc xảy ra trong cuộc đời mình. Mình là chủ, không đổ trời, không đổ số mệnh, không đổ vận may rủi v.v... Tại sao đạo Phật cho mình có quyền làm chủ như vậy? Quý vị học Phật ai không biết về lý nhân quả. Theo luật nhân quả cái tốt đến với mình là tại ta gieo nhân lành nên được quả lành, gieo nhân dữ thì chuốc quả dữ. Cũng như người gieo hạt lúa thì lên cây lúa, gieo hạt gai thì lên cây gai, chứ đâu phải bỗng dưng mà có.

Như vậy lời Phật nói có đúng sự thật không? Rất đúng. Còn đổ thừa may rủi căn cứ vào đâu? Không biết chỗ nào hết, cứ đổ thừa đại vậy thôi. Không biết trời ở đâu, mà cái gì cũng đổ thừa trời. Nếu quyền của trời hết, chúng ta còn cái gì để tu! Tu là chuyển sửa cái xấu cái dở trở thành cái hay, cái tốt. Bây giờ trời định hết mình còn sửa cái gì được. Hiểu sai lầm như thế làm cho chúng ta bị trở ngại trên con đường tu Phật, không đủ lòng tin nơi Tam bảo. Cho nên bước đầu người tu Phật là phải nhận định đúng lý nhân quả. Nhân tốt thì quả tốt, nhân xấu thì quả xấu.

Ví dụ hôm nào đó thấy bạn làm trái ý mình, ta nổi nóng mắng bạn một hơi. Đó là gieo nhân xấu. Nếu ngay hôm đó họ chưa kịp trả, mai mốt có cơ hội họ cũng sẽ mắng lại mình. Nhân xấu đã gieo thì quả xấu sẽ đến nhưng không biết lúc nào, đủ duyên thì nó đến. Khi người ta mắng chửi lại, mình có đổ thừa tại trời khiến không? Hay tại mình mắng người ta trước, bây giờ họ mắng lại. Nhân mình gieo thì quả mình chịu, chứ có ông trời nào chen vô đó, cũng không phải

may rủi gì hết. Chính ta là chủ gây ra nhân thì phải chịu lấy quả.

Như vậy tốt xấu gốc đều từ chúng ta mà ra, vì thế Phật mới dạy tu. Tu là ngừa nhân xấu để tránh quả xấu, tạo nhân tốt để được quả tốt. Phật tử đem gạo tiền giúp người nghèo đói là nhân tốt thì quả tốt sẽ đến, hoặc hiện tại người ta cảm ơn, quý mến mình, hoặc vị lai mình sẽ được phước giàu sang sung sướng. Làm việc lành sẽ hưởng quả lành, chứ không có ai định cho. Chúng ta thấy có người vừa mới sanh ra bị tật nguyên, như vậy trời định hay ai định? Mới sanh ra chưa làm gì mà đã tật nguyên, đã khổ rồi, hiện tại họ chưa tạo nhân, tại sao lại chịu quả như thế. Thật ra, đạo Phật chia nhân quả ra ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Hiện tại tốt hoặc bị xấu đều do ảnh hưởng của quá khứ. Quá khứ xấu nên hiện tại phải chịu xấu, nhưng quá khứ đã qua chúng ta đâu có nhớ.

Ví dụ ông A năm trước vay tiền mua nhà ở gần quý Phật tử. Ông B cũng mua nhà bên cạnh Phật tử, nhưng không cần vay tiền. Cả hai đều siêng năng làm ăn tốt. Cuối năm Phật tử thăm hỏi ông A làm ăn có dư giả không? Ông than tuy khá mà tôi vẫn còn thiếu nợ. Nếu chỉ nhìn hiện tại chúng ta đâu có tin, vì ông mua nhà rồi làm ăn giỏi nữa. Nhưng nhìn về quá khứ thì hiểu rõ tại sao ông không dư giả, vì còn trả nợ cũ. Trong khi ông B cũng làm ăn như vậy, khi được hỏi ông khá không? Ông cười nói năm nay khá lắm. Tại sao ông khá? Vì ông không vay nợ, có bao nhiêu ông dành dụm bấy nhiêu nên dư.

Chúng ta chỉ nhìn hiện tại mà phán đoán thì không đúng, phải cộng quá khứ nữa. Nếu ai ra đời được phước sanh trong nhà giàu, đẹp đẽ là do nhân tốt đời trước. Hiểu tường tận như vậy, chúng ta không có gì nghi ngờ, cũng không đổ trách nhiệm lên ai, vì biết gốc từ mình. Con người đâu phải chỉ có mặt một đời này, mà đã có mặt từ bao nhiêu đời trước. Những gì đời trước ta còn chứa giữ trong thâm tâm, bây giờ nó hiện ra. Quý vị tin được điều này tức là tin luật nhân quả luân hồi.

Trong một gia đình cùng cha cùng mẹ sanh ra bốn đứa con. Bốn đứa đó giống hệt nhau như khuôn không? Không. Đó là nói về thể xác. Còn tâm tư lại càng khác nhau nhiều hơn nữa. Nếu nói cha mẹ có gien tốt sanh ra con tốt, tại sao cùng một gien mà có đứa tốt có đứa xấu, tâm tư rất khác nhau? Như vậy để thấy rõ chúng ta không phải mới có mặt một đời này, mà đã tích lũy những hay dở trong nhiều đời. Bởi tích lũy trước nên ra đời những gì hay của mình ta dễ nhớ, dễ biết.

Khi xưa tôi giảng về bài Luân hồi, lúc ra về có một thầy giáo lại thưa: “Thưa thầy, lý luân hồi chúng con tin một trăm phần trăm.” Tôi hỏi: “Tại sao đạo hữu tin?” Ông nói: “Bởi vì dạy học trò con biết, một ông thầy dạy ba bốn chục đứa học trò, mà chúng có giỏi đều nhau đâu. Đứa giỏi môn này, đứa giỏi môn kia.” Đời trước làm thợ mộc thì đời này học làm thủ công rất đẹp. Đời trước giỏi toán thì đời này học toán ít mà biết nhiều. Đời trước giỏi văn chương thì đời này văn chương rất hay. Tại sao lạ vậy? Đó chính là sự tích lũy từ đời trước của mỗi người. Ai tích lũy cái gì nhiều thì giỏi cái đó, chứ đâu có gì lạ.

Trên đường luân hồi chúng ta đã có mặt nhiều đời, nhiều kiếp. Nên hiện đời này ta chịu những vui khổ, không trách ai hết. Vui là do chúng ta tạo nhân lành sẵn, khổ là do ta tạo nhân ác trước nên bây giờ phải trả. Người Phật tử hiểu được lý nhân quả rồi thì rất can đảm, không đổ thừa trời, đổ thừa số mạng... Vì chúng ta biết rõ cái đó do mình tạo, ngày nay mình chịu. Mình đã tạo thì chịu trách nhiệm, không kêu trời trách đất, cũng không oán thù ai. Khi gặp quả xấu chúng ta hối hận cố gắng tu thêm, tu nhiều để chuyển xấu thành tốt.

Là Phật tử chúng ta phải tin khẳng định rằng tất cả những khổ vui trong đời này đều gốc từ mình đã tạo đời trước, không hờn phiền ai. Ta tử tế với người đó mà lúc nào họ cũng quạu với mình, thì biết hồi xưa mình hành họ dữ lắm, nên bây giờ tử tế như vậy mà người đó cũng chưa hết giận. Nghĩ thế chỉ cười thôi. Chúng ta hiểu nhân quả rồi thì có than thân trách phận, có hờn, có oán ai không? Không có. Ví dụ hai vợ chồng, vợ thì hết lòng lo cho chồng mà chồng không thương, lại đi thương người khác, bây giờ quý vị nghĩ làm sao? Nên biết rằng hồi xưa mình thiếu nợ, đã làm cho người ta khổ nhiều. Bây giờ sanh ra họ trả cái khổ đó lại cho mình. Thôi thì chấp nhận đừng oán hờn chi hết, ai làm gì thì làm, mình lo tròn bổn phận trả nợ thôi. Nghĩ như vậy sẽ yên.

Nhiều Phật tử có hai ba đứa con, chồng lại ly dị lấy bà khác, quý vị vừa nuôi con vừa khóc, khóc hoài. Gặp tôi hỏi: “Tại sao con bị oan khiên lắm vậy?” Tôi nói: “Có gì lạ, người ta hết lòng thương mình thì mình tận tình

thương lại. Bây giờ người ta không thềm thương mình nữa thì mình đừng thương lại, là huê.” Nói thì nghe dễ, song nợ trước khiến cho quý vị thấy khó. Hồi trước mình cũng làm khổ người ta như vậy, bây giờ phải trả. Vì thế người ta không thương mình mà mình cứ thương người ta hoài. Cái đó mới khổ! Quý vị biết tại sao không? Tại hồi xưa mình làm người ta khổ nhiều quá, bây giờ mình phải trả lại. Bao giờ hết nợ thì quý vị hết khổ.

Trên thế gian này không có gì xảy ra mà không có nhân hết. Tất cả cây cỏ trên thế gian, có loài nào không từ hạt, từ rễ mọc lên đâu? Phải có nhân mới thành quả. Như vậy quả có sẵn từ nhân, chứ không phải bỗng dưng có. Không bỗng dưng thì hờn trách ai làm gì. Nên chúng ta học lý nhân quả cho thấu đáo thì tu rất dễ dàng. Nếu học không thấu đáo thì cứ oán trời, trách người đủ chuyện, mà không biết sửa chính mình. Đó là sai lầm lớn.

Chúng ta hiểu được, ứng dụng được nhân quả thì sẽ có các đức tánh tốt như sau: Thứ nhất là can đảm, vì biết chấp nhận những gì xấu đến với mình. Đó là nhân đời trước ta đã làm, bây giờ chịu không oán trách, không sợ sệt gì hết.

Thứ hai là không phách lối. Khi được giàu có sang trọng, mình biết do hồi trước làm tốt nên bây giờ mới được. Nếu phách lối sẽ hết phước nên được tốt vẫn dè dặt. Nếu phách lối ỷ lại, phước mất hết thì sau sẽ khổ. Như vậy tránh được ngạo mạn, phách lối. Giàu sang không ngạo mạn, không phách lối là tốt hay xấu? Tốt.

Nghèo khổ không oán trời trách đất là tốt hay xấu? Tốt. Đó là do hiểu nhân quả. Tin hiểu như vậy sự tu hành phát triển, tiến bộ rất nhanh. Ngược lại, không tin nhân quả, đổ thừa trời đất thì sự tu không tiến chút nào hết.

Cho nên đạo Phật nói tin được lý nhân quả là chúng ta giành lại quyền định đoạt cho mình. Khổ vui do mình thì mình có quyền định đoạt rồi. Cầu trời khẩn Phật cho con hết khổ làm chi, đó là chuyện của ta, ta làm. Muốn tốt thì cứ tạo nhân tốt, muốn xấu thì cứ tạo nhân xấu. Đó là quyền của chúng ta chứ đâu phải quyền của trời, của Phật. Thế nên đức Phật nói: “Ta không có quyền ban phước, xuống họa cho ai.” Phật tử bây giờ cứ cầu xin thôi. Phật đã tuyên bố như vậy mà cứ cầu xin Phật hoài. Nếu còn một chút phàm tánh chắc Phật cũng giận lắm à! Người ta đã nói rõ rồi cứ xin hoài.

Nhưng vì Phật là thánh, là bậc đã giác ngộ, ngài biết rất rõ cái bệnh ỷ lại của chúng sanh, cho nên ngài không rầy không trách, mà cố dạy cho chúng ta hiểu. Tất cả những hay dở từ sự tu hành hay không tu hành của mình mà ra. Người biết tu bị kẻ khác khinh chê vẫn cam chịu không oán trách, không trả thù, đó là giảm nợ cũ. Nếu được giàu sang không dám phách lối, còn đem của giúp người nghèo khổ, nên đời sau tiếp tục được giàu sang nữa. Như vậy tăng thêm phước chứ không bị suy giảm. Ngược lại, người không biết lý nhân quả, sanh ra giàu sang đẹp đẽ thì khinh hết mọi người, thấy ai cũng thua mình thành ra ngạo mạn, tạo tội lỗi mất hết phước, sau đó sẽ bị khổ. Đó là cái hay của người hiểu sâu lý nhân quả.

Kế nữa là lý nghiệp báo. Trong nhà Phật nói do nghiệp lành, nghiệp dữ mà chúng ta chịu quả báo lành dữ. Nghiệp đó là gì? Nói nghiệp mà không ai thấy nghiệp ra sao hết. Như bảo người ấy tại khẩu nghiệp nên nói gì ai cũng ghét v.v... Chử nghiệp, trong nhà Phật nói rất rõ, như đồng một nghề thầy giáo với nhau gọi là bạn đồng nghiệp. Vậy nghiệp là một việc làm ôn đi, ôn lại ngày này tháng nọ thành ra thói quen. Như vậy nghiệp từ đâu mà có? Chính từ mình mà có. Muốn thấy cụ thể nhất, chúng ta nhìn mấy đứa con trai từ năm bảy tuổi, lần lần lớn lên chín mười tuổi, lúc đó nó chưa ghiền hút thuốc. Nhưng tại sao lớn nó ghiền? Tại tập. Ban đầu hút thuốc đâu có ngon, nhưng tập hút riết ghiền thành ngon, chừng đó thiếu không được. Cũng như người tập uống rượu, mới uống đâu có ngon mà uống riết thành ghiền nên thấy ngon. Như vậy ghiền rượu là nghiệp, ghiền thuốc là nghiệp. Khi đã ghiền, dù ở xa cũng ráng tìm cho được. Sức mạnh của nghiệp ghê gớm như thế. Nhưng sức mạnh đó từ đâu mà ra? Từ tập mà ra. Ban đầu tập ít thì ghiền sơ sơ, tới đậm rồi thì ghiền nặng. Khi đã ghiền nặng, tới cơn ghiền chịu không nổi, phải chạy tìm kiếm. Cái gì sai người ta chạy tìm kiếm? Cái nghiệp. Nghiệp đó do mình tập, chứ có trời đất nào xui khiến nó tới đâu.

Chúng ta tu Phật là tập những nghiệp lành. Nghiệp lành, nghiệp dữ từ đâu ra? Từ thân miệng ý ra. Thân làm cái gì quen thì thành nghiệp. Miệng nói cái gì quen thì thành nghiệp. Ý nghĩ cái gì quen cũng thành nghiệp. Cho nên nghiệp từ thân miệng ý mà ra.

Vậy tu là tu cái gì? Trước hết chúng ta biết việc đó xấu, mình không làm, biết tránh nghiệp là tu. Biết việc nào tốt cố gắng làm, đó là tu. Như vậy tu thân là chừa hành động ác và làm hành động lành. Tới miệng thì sao? Miệng nói lành nói dữ, nếu nói lành quen thì thành nghiệp lành, nói dữ quen thì thành nghiệp dữ. Người quen nói dữ, bà con láng giềng thương không? Chắc không ai ưa hết. Người quen nói lành có ai ghét không? Không. Như vậy muốn được mọi người thương chúng ta phải nói lành.

Phật tử nữ thường nghe người ta nói “mấy bà hay nói chuyện thị phi quá”. Thị phi là gì? Thị là phải, phi là quấy. Nói chị này hay chị kia dở v.v... Đó là thị phi. Nói chị này hay thì chị đó chịu, nhưng nói chị kia dở chị kia chịu không? Không. Bởi vậy nên đi chùa lâu mà phiền não hoài. Đó là tại cái miệng chưa thuần. Phật tử đi chùa nên nói những gì tốt của huynh đệ, những gì xấu bỏ đi. Được vậy chùa đó thịnh lắm, bởi vì ai tới cũng vui. Còn nếu đi chùa mà cứ bươi việc xấu của thiên hạ ra nói hoài thì sau một thời gian ngắn, chẳng còn ai muốn đi chùa nữa. Đó là điều Phật tử phải hiểu phải tu.

Chúng ta tu để trở thành con người tốt, để đem lại an vui cho mọi người chung quanh. Tu như vậy mới thật là tu. Chứ đi chùa tụng kinh thật hay mà xuống nói chuyện thị phi om sòm, như vậy tu chưa? Phật tử tụng kinh cho Phật nghe hay cho ai nghe? Phật nói kinh ra cho chúng ta, bây giờ mình đọc lại cho ngài nghe là dư. Đối với chúng sanh, những người mới tập tu, mình nói làm sao cho họ thích, họ mến đạo, tới gần với đạo,

đó là điều tốt. Còn nói cái họ không vui, không đến chùa nữa là điều không tốt. Làm sao huynh đệ đi chùa càng ngày càng đông, sự tu hành càng ngày càng tiến. Đó là khéo tu.

Thứ ba là ý nghiệp. Ý nghiệp rất quan trọng. Bởi vì ý là cái chủ động của miệng và thân. Ý nghĩ ác mở miệng ra nói ác, thân làm ác. Người tu phải dè dặt ý nghiệp nhất. Vừa nghĩ bậy là phải rầy, phải phạt nó không cho nghĩ bậy. Như vậy là khéo tu. Ý không nghĩ bậy thì miệng, thân không làm bậy. Cho nên người tu Phật phải nhìn sâu trong ý, luôn luôn tìm chế nó, hướng dẫn nó đi đúng đường, chớ để nó sai đường tạo thành nghiệp xấu ác. Chúng ta tu là cốt chuyển ý nghiệp dở xấu thành ý nghiệp tốt đẹp, lương thiện.

Trong kinh nói “Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vãng Tây phương”, nghĩa là ba nghiệp thanh tịnh thì đồng với Phật về cõi Phật, không nghi ngờ gì hết. Vậy chúng ta phải tu ba nghiệp mà trọng tâm là ý nghiệp. Muốn ý nghiệp trong sạch, ta phải luôn nhìn thấy nó để sửa đổi những thói quen xấu trở thành tốt, không thể nuôi dưỡng cái xấu được. Mỗi lần nghĩ xấu quý vị bỏ một hột đậu đen, nghĩ tốt bỏ một hột đậu đỏ, từ sáng tới chiều coi hột nào nhiều. Nếu đậu đen nhiều thì phải ráng bữa sau khắc phục hơn. Chừng nào thấy toàn đậu đỏ là quý vị thành công. Tu như vậy dù quý vị tụng kinh không nhiều, mà phước đức cũng đầy đủ. Đó là khéo tu ba nghiệp. Nếu không khéo tu ba nghiệp, đời này chúng ta được như vậy nhưng chưa biết đời sau thế nào. Cho nên biết họa hiểm nguy từ nơi mình mà ra.

Người khéo tu thì phải làm cho ba nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh rồi, dù ở cõi Ta-bà cũng như tịnh độ. Thường thường trong kinh nói “Tâm tịnh thì độ tịnh.” Tâm chúng ta trong sạch thì chung quanh đều trong sạch. Bây giờ ba nghiệp chưa tốt, nên mọi người không tốt với mình, nếu ba nghiệp tốt rồi ai cũng thương, cũng mến mình. Như vậy mới thấy chúng ta thật tu dù đang ở cõi Ta-bà này chúng ta vẫn thấy vui. Người Phật tử chân chánh phải hiểu, phải thấy rõ việc đó. Mọi việc trở thành hay, thành tốt đều gốc ở nơi mình. Quý Phật tử hiểu được lẽ này trong đời tu sẽ chuyển biến nhiều lắm. Nếu không hiểu như vậy thì tu là tu, mà kết quả chẳng được bao nhiêu. Đó là Phật trao quyền làm chủ cho quý vị.

Quý vị tu muốn đi lên hay đi xuống? Đi lên. Muốn đi lên thì phải ráng làm thiện, ba nghiệp hằng thanh tịnh, nhất định sẽ đi lên không nghi ngờ chút nào hết. Nếu ba nghiệp dữ bảo đảm chúng ta đi xuống. Điều đó quý vị tự biết rõ ngay cuộc đời mình, khởi hỏi ai hết, khởi tốn tiền xin xăm bói quẻ. Muốn làm lành hay làm dữ đều thuộc quyền của mình. Ta có quyền làm lành để được sanh lên cõi trời cõi người, cũng có quyền làm dữ để xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đi lên, đi xuống hoàn toàn do mình, chứ không ai bắt buộc, không ai quy định cả. Chúng ta đủ thẩm quyền chọn một đường cho mình mà chọn đường xấu là tại mình, chớ có trách ai. Ta biết mình hơn ai hết, nếu còn dở thì ráng sửa ráng tu, chớ đi hỏi ai làm chi. Người tu không tin mình mà tin bên ngoài, là trái với đạo lý.

Phật chẳng những cho chúng ta có quyền chọn con đường đi trong lục đạo luân hồi, mà còn cho quyền đặc biệt nữa, đó là quyền làm Phật. Phật còn cho chúng sanh quyền làm Phật, ngài không nói: “Ta tối tôn tối thượng, các ông không bằng ta, các ông là tôi tớ của ta.” Phật không nói vậy, mà nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Tại sao? Vì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Có tánh Phật mà biết khơi dậy, tạo duyên để nó hiện rõ ràng đầy đủ, từ từ thành Phật chứ gì. Như vậy đức Phật đã đưa chúng ta lên cao tột bậc rồi. Không những đời sau chọn con đường lành để đi, mà còn có thể tiến lên quả Phật nữa. Tiến lên quả Phật không phải bằng cách Phật đem mình lên đó, mà chính chúng ta phá tan những mê lầm được giác ngộ, chùng đó thành Phật, chứ không có gì lạ.

Hiểu Phật rồi, chúng ta mạnh dạn cứng cỏi lên, không yếu đuối như xưa nữa. Con đường Phật đạo rất cao cả quý báu, người tu Phật nhìn kỹ lại sẽ thấy mình có một sức mạnh phi thường. Từ một con người xấu ta chuyển hóa dần thành người tốt, cao hơn từ một kẻ phàm phu khéo tu sau này thành một bậc giác ngộ. Cũng như ở thế gian, mấy đứa bé năm bảy tuổi đều có quyền học đến cử nhân, tiến sĩ, mà cũng có quyền dốt nếu không muốn học. Nếu cha mẹ cho học mà nó không học thì chịu dốt, cha mẹ cho học nó cố gắng học thì thành tài. Như vậy không phải bằng cử nhân, tiến sĩ dành cho đứa nào, mà dành cho tất cả những học sinh hiếu học.

Cũng vậy, trong đạo Phật đức Phật không dành ưu tiên cho ai hết. Người nào tu đúng, từ người phạm tục trở thành người lương thiện, từ người lương thiện trở thành người giác ngộ, thành Phật. Như vậy, con đường tu Phật là con đường xán lạn, sẵn sàng mở rộng cho chúng ta tiến lên. Chúng ta không chịu tiến là lỗi tại mình, mai kia có khổ kêu trời, thật oan cho ông trời quá chừng.

Quý vị phải hiểu thấu đáo ý nghĩa sâu xa lời Phật dạy, cố gắng tinh tấn tu hành. Cố gắng tinh tấn tu hành thì bảo đảm sẽ tiến lên càng ngày càng tốt hơn. Nếu không cố gắng là lui sụt, do mình lười biếng, còn mê dục lạc thế gian nên mới chìm xuống. Phật tử khi chưa biết tu nên nghĩ sai lầm. Bây giờ biết rồi phải khéo ứng dụng tu cho đến nơi đến chốn. Đó là giá trị chân thật của người Phật tử.



Ý NGHĨA THIÊN TỰ BỒ ĐỀ

Giảng tại Hoa Kỳ – 2002

Nhân ngày Khánh thành thiên tự Bồ Đề và an vị tượng Phật Bốn sư Thích-ca-mâu-ni, Tuệ Chấn cùng các Phật tử tại đây đã tha thiết cúng dường Thiên tự này cho chúng tôi, để chư tăng trong các thiền viện về truyền bá Phật pháp. Với tâm chân thành đó, tôi hứa nhận Thiên tự này.

Thiên tự Bồ Đề sẽ trực thuộc vào thiền viện Đại Đăng, chúng tôi đã chuẩn bị cử người qua đây để trợ lực cho Tuệ Chấn nhưng vì giấy tờ còn chậm nên chư tăng chưa đến được. Thời gian quý thầy chưa đến thì Trụ trì, Phó Trụ trì ở Đại Đăng có trách nhiệm sắp đặt người qua trợ lực, khi nào quý thầy qua được chừng đó mới bớt người ở Đại Đăng. Nếu quý thầy qua chậm thì Trụ trì, Phó Trụ trì Đại Đăng thỉnh thoảng thay nhau qua đây giảng dạy cho Phật tử, vì Bồ Đề là một cơ sở

tùy thuộc vào Đại Đẳng nên chúng ta chung lo góp sức với nhau. Tôi tuổi đã già không làm Phật sự được nhiều nữa, ngang đây tôi chỉ có trách nhiệm nhận, còn duy trì, gìn giữ và phát huy là trách nhiệm chung của tất cả quý vị. Sau lễ cúng dường thiền tự Bồ Đề này, tôi có ít lời giải thích ý nghĩa tên thiền tự Bồ Đề.

Trước hết tôi nói về chữ Thiền tự. Trước kia ở Việt Nam khi lập ra chỗ tu thiền cho tăng ni tu tập, tôi đều đặt tên là thiền viện như: thiền viện Chơn Không, thiền viện Thường Chiếu, thiền viện Trúc Lâm, thiền viện Viên Chiếu, thiền viện Linh Chiếu, thiền viện Huệ Chiếu, thiền viện Phổ Chiếu v.v... Tại sao những chỗ đó tôi đặt thiền viện? Vì chư tăng, chư ni tu từ năm mươi người trở lên. Với số người đông đảo như vậy chúng ta có thể gọi là một thiền viện, chứ không còn là chùa nữa. Gần đây có nhiều nơi chỉ một, hai thầy tu thiền, nếu gọi thiền viện thì không xứng với danh xưng, nên tôi chuyển lại thành thiền tự. Thiền tự là chùa tu thiền, chứ không có gì lạ.

Ở thiền tự một số ít thầy cô tu thiền, Phật tử lui tới tu tập thiền dưới sự hướng dẫn của chư tăng ni. Ngoài ra còn có những vị quyết tâm tu thiền, cất cái thất ở một mình chuyên tu thiền thì tôi đặt tên là thiền thất. Như vậy tu một mình ở thiền thất, tu năm ba huynh đệ ở thiền tự, tu đông đảo nhiều người ở thiền viện, đâu ra đó đàn tràng, không có lầm lẫn.

Tại sao tôi đặt tên Bồ Đề? Hai chữ Bồ Đề là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là giác ngộ. Ngày xưa đức Phật

ngôi dưới cội tất-bát-la tu hành được giác ngộ nên người ta đổi tên tất-bát-la thành cây bồ-đề. Vì tôi nghĩ nơi đây Phật tử hợp tác với quý thầy chọn nơi để dựng lập ngôi thiền tự tu hành, tự mình được giác ngộ và dìu dắt chỉ dẫn cho Phật tử cùng giác ngộ. Đó là ý nghĩa thiền tự Bồ Đề.

Giác ngộ như thế nào? Sở dĩ từ Phật hay từ Bồ-đề không dịch nghĩa mà nói thẳng tiếng Phạn, là vì sự giác ngộ của đức Phật là sự giác ngộ triệt để, thấu suốt cả nhân loại và thế gian chứ không chỉ thấy cạn cợt như một số người thường. Trên ý nghĩa đó, người học Phật phải là người giác ngộ triệt để, chứ không thể giác ngộ chút chút được. Các vị tôn túc trong nhà Phật sợ người sau dịch kinh dịch sách hiểu lầm ý nghĩa hai chữ giác ngộ này nên để nguyên âm cho chúng ta suy gẫm, thấu hiểu tới nơi tới chốn, chứ không thể hiểu một cách cạn cợt thông thường.

Giờ đây chúng ta đặt câu hỏi lại, giác ngộ là giác ngộ cái gì? Đó là vấn đề lâu nay người tu Phật ngộ nhận. Nói tu Phật là phải giác ngộ, nếu không giác ngộ thì chưa phải tu Phật. Ở đây tôi sẽ nói giác ngộ từ cạn tới sâu. Cạn nhất là giác ngộ lý nhân quả nghiệp báo. Lâu nay người đời cứ ngỡ rằng mình làm điều này điều nọ hoặc lành hoặc dữ, chứ không nghĩ ngày mai kết quả ra sao. Khi nóng giận họ cứ làm những việc dữ, khi cảnh thuận lợi họ làm việc lành, mà không biết đến kết quả. Ngày nay chúng ta học Phật biết rõ nhân mình tạo thì quả phải lãnh, nhân quả không sai chạy bao giờ.

Bởi thấu hiểu lý nhân quả nên ta làm việc gì, nói việc gì đều cẩn thận, dè dặt. Làm việc lành, nói lời lành, ý nghĩ lành, không để tất cả niệm xấu xa chen vào thân, miệng, ý. Đó là tạo nhân lành sẽ được hưởng quả lành. Những người không biết cứ tha hồ nói, làm, nghĩ trái với đức hạnh, trái với lợi ích chúng sanh. Đó là tạo nhân dữ, nhất định phải gánh quả dữ. Bước đầu vào đạo chúng ta phải hiểu rõ lý nhân quả. Đó là giác ngộ thứ nhất.

Giác ngộ thứ hai là chúng ta phải thấu triệt lý nhân duyên. Phật nói tất cả các pháp do nhân duyên sanh, không có tự tánh, tức là không có thực thể. Duyên hợp thì có, duyên tan thì mất. Vì duyên sanh nên tất cả các pháp không thật. Pháp không thật mà chúng ta ngỡ thật, đó là mê. Vì vậy Phật tử phải giác ngộ tất cả pháp duyên sanh không có tự thể, đủ duyên nó còn thiếu duyên nó mất, sanh diệt không bền. Trong kinh thường nhắc các pháp duyên hợp giả có, đã là duyên hợp thì phải giả có. Nhìn từ con người cho đến muôn vật đều đúng như vậy, đó là giác. Nếu thấy mình thật, người thật, sự vật bên ngoài thật, đó là mê.

Trên đường tu chúng ta phải làm sao thấy đúng lẽ thật. Đó là ta đang đi trên con đường giác ngộ, nếu thấy sai lẽ thật là đi trên đường mê. Đức Phật sợ chúng ta quên nên mỗi đêm, mỗi ngày, mỗi giờ khuyên đọc Bát-nhã Tâm Kinh. Đọc Bát-nhã Tâm Kinh để làm gì? Để chúng ta nhớ dùng trí tuệ soi thấy tất cả sự vật đúng như thật, đó là giác. Ngày nay tăng ni, Phật tử mỗi đêm đều tụng kinh Bát-nhã, câu đầu Phật dạy “Bồ-tát Quán Tự Tại soi thấy năm uẩn đều không, liền qua tất cả khổ ách.”

Thấy năm uẩn không thật tức là thấy thân và tâm này không thật, thấy như thế thì qua hết khổ nạn. Người nào thấy đúng như vậy, trên đường tu không còn gì vướng bận, lúc ngồi thiền tâm sẽ an ổn. Nếu tâm còn vướng bận hơn thua, phải quấy thì ngồi thiền bao nhiêu thứ lằng xằng trói buộc mình, mất hết sự yên tĩnh, sự tự do.

Như vậy, người tu thiền trước phải vận dụng trí Bát-nhã chiếu soi các uẩn đều không thật, đó là bước đầu để chúng ta tiến tới giác ngộ. Có giác mới là con Phật, vì đức Phật là bậc giác ngộ viên mãn, những vị Bồ-tát giác ngộ từng phần. Mỗi đêm chúng ta sám hối phải tụng Bát-nhã, sau khi xả thiền cũng tụng Bát-nhã. Nhắc tới nhắc lui để thấy rõ năm uẩn không thật, đó là trí tuệ Bát-nhã, là giác. Có giác ngộ chúng ta mới xứng đáng là đệ tử của Phật. Phật là bậc giác ngộ viên mãn, chúng ta cũng phải giác ngộ chút chút chứ! Có giác ngộ ta mới cứu giúp được chúng sanh, nên Phật dạy tự giác rồi giác tha.

Chúng ta có giác ngộ mới dạy người giác ngộ được, mình mê làm sao dạy người giác ngộ được. Như vậy tự giác rồi chúng ta mới đem cái thấy biết giác đó nhắc nhở, chỉ dạy cho hàng Phật tử, có thể mới đúng nghĩa tự giác, giác tha. Từ tự giác, giác tha đó chúng ta bước sang tự độ, độ tha. Bản thân có giác mới qua hết phiền não, sau đó dạy người giác ngộ qua hết phiền não. Đó là ta tự độ mình qua được phiền não, sau mới dạy người tự độ họ qua hết phiền não, cho nên gọi là độ tha.

Ngày nay chúng ta cứ hiểu mình đi tu, rồi ai muốn đi tu theo mình độ người đó đi tu, mà không biết độ cái gì? Độ là cạo đầu, mặc áo nhuộm chằng? Đó chỉ là trợ duyên cho người phát tâm tu thôi. Độ là phải giác, giác rồi mới hết phiền não, qua khỏi sông mê, chừng đó mới độ người khác hết phiền não, qua được sông mê. Đó là tự giác giác tha, tự độ độ tha. Trên đường tu thiếu hai phần này thì sự tu của chúng ta trở thành vô nghĩa. Ai là người xuất gia mà mãi mê lo chuyện thế tục không chịu tự giác, giác tha, không chịu tự độ, độ tha thì uổng đi một đời tu.

Tăng ni Phật tử nhớ rõ rằng, chúng ta tu là vì cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử và cứu độ những người khác cũng được giác ngộ, giải thoát sanh tử. Tu mà không có tự giác, tự độ thì chỉ là chuyện nói suông nói rỗng, không có giá trị gì hết, làm sao giác ai độ ai? Bởi vậy tăng ni có trọng trách không phải nhỏ, làm sao bản thân mình giác ngộ, giải thoát sanh tử, mới có thể cứu độ chúng sanh. Nếu tự mình không giác ngộ, không giải thoát mà nói độ chúng sanh thì chỉ là nói cho vui miệng thôi. Tệ nhất là những người chưa giác thật mà khoe mình giác, tội này đọa địa ngục. Tại sao? Trong luật Phật dạy rõ ai đại vọng ngữ, chưa chứng nói chứng, chưa ngộ nói ngộ để gạt gẫm người, kẻ đó sẽ đọa vào địa ngục. Vì vậy người tu cẩn thận từ lời nói, điều gì trái đạo lý thì không nói, lời nào đề cao bản ngã cũng không nói. Sống khiêm cung từ tốn đối với tất cả mọi người, đó là tư cách của người tu chân chính. Những ai có một nói mười, nói quá những gì mình thấy mình hiểu, đó là lừa gạt thiên hạ chứ không phải người tu.

Chúng ta mang một trọng trách lớn như vậy, mà không lo chuyện giác, cứ lo những chuyện thế tục, không khéo sẽ rủ nhau đi trong trầm luân sanh tử, chịu nhiều khổ đau, không thể nào giải thoát được. Tôi mượn ý nghĩa thiền tự Bồ Đề để đánh thức quý vị nhớ tu. Nói tới đi chùa là nói tới giác ngộ, không phải nói tới chuyện hơn thua phải quấy, thị phi. Ai đem hơn thua phải quấy đến chùa là không biết đi chùa, mà đi trong bể khổ.

Chúng ta vì quý trọng chánh pháp nên mới đến với đạo cầu được giác ngộ, giác ngộ rồi mới tu tập qua khỏi trầm luân sanh tử. Con đường của chúng ta đi là con đường phi thường, thế gian không thể biết không thể hiểu. Do đó tất cả tăng ni và Phật tử khi bước chân vào đạo chúng ta phải đi từng bước đứng trên đường giác ngộ. Những gì sai chúng ta tránh liền, đừng để mang danh Phật tử mà làm những chuyện tà giáo ngoại đạo, uổng đi một đời. Việc tu hành muốn thành tựu đến nơi đến chốn, đừng bao giờ xem thường, đừng bao giờ quên lãng, chúng ta nhất quyết tu cho tới giác ngộ mới thôi. Đó là điều thiết yếu.

Nói giác ngộ là giác ngộ cái gì? Phật dạy: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không.” Ngũ uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Sắc uẩn là thân tứ đại, thọ là cảm thọ sáu căn tiếp xúc với sáu trần có khổ có vui. Tưởng là tâm mình suy tưởng. Hành là niệm niệm suy tư không dừng, thức là phân biệt. Như vậy một phần nói về sắc thân, bốn phần nói về nội tâm.

Sắc thân do duyên hợp không thật, tự tánh là không. Tự tánh không thật là sao? Ví dụ như bình hoa, trước khi cắm hoa vào chỗ này không có hoa nên không thể gọi là bình hoa được. Khi cắm hoa vô mới nói đây là bình hoa. Như vậy bình hoa có từ cái gì? Lá, hoa, bình, nước và người cắm nữa. Hồi chưa cắm nó có hay không? Khoảng này là khoảng không, cắm vô mới thành bình hoa, nó có là do duyên hợp. Nếu hoa héo mình ném đi thì bình hoa cũng trở lại không. Cho nên không là cái sẵn, trước khi các sự vật hợp. Bởi trước là không nên duyên hợp giả có, nếu xét kỹ bình hoa có đây nhưng mai chiều nó khô héo phải ném đi, trong bình không còn hoa nữa. Khi hợp tạm có nhưng rốt cuộc cũng trở thành không. Thân này đất, nước, gió, lửa tạm hợp nên tạm có. Khi đất, nước, gió, lửa ly tán thì thân tứ đại này rã ra trở về không. Khi đủ duyên cha mẹ hợp lại có thân này tức có sắc. Lúc thân già cõi hết duyên, tan ra thì trở về không. Đây gọi là sắc tức là không. Khi thân này hết duyên rã ra, sau đó lại gặp duyên hợp lại có thân khác. Đây gọi là không tức là sắc. Nên khi sắc có chỉ là giả có, nó sẽ trở về không. Tuy hiện giờ không, nhưng đủ duyên hợp lại thì trở thành có sắc. Nên nói sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Đến cảm thọ của chúng ta có thật không? Nếu mắt nhìn hư không thì không có cảm thọ gì hết, còn nhìn người, nhìn vật, nhìn cây thì có cảm thọ đẹp, xấu... Khi mắt, tai, mũi, lưỡi v.v... xúc chạm cảnh thì sanh cảm thọ vui, buồn, thương, ghét. Cảm thọ ấy thật hay không?

Xúc cảnh thì có, cảnh qua rồi thì mất cho nên thọ cũng không thật. Thọ tức là không, không tức là thọ.

Tưởng cũng thế, chúng ta tưởng tượng việc này việc kia. Trước khi đi đâu hay muốn làm việc gì, ta thường tưởng tượng sẽ gặp người đó, sẽ nói những gì. Tưởng tượng để sắp đặt trước công việc, như vậy tưởng có thật không? Tưởng thì tưởng chứ không trúng gì cả. Nhiều khi ta tưởng vui lại thành buồn, tưởng buồn lại hóa vui. Như vậy tưởng cũng không thật nên nói tưởng tức là không.

Đến hành tức là suy tư hay suy nghĩ. Chúng ta suy nghĩ việc này, việc nọ, khi suy nghĩ tâm mình cứ đi tới, chứ đâu có dừng lại được. Gần nhất như quý vị đi chợ, suy nghĩ coi bữa nay mua cái gì, mua đậu, mua bắp, mua một mạch như vậy. Nhà Phật nói dòng suy tư đó luôn luôn sanh diệt, nó có rồi không, nên suy tưởng là không, nghĩa là hành cũng không.

Thức là phân biệt. Phân biệt tốt xấu, hay dở. Nếu thấy cảnh thì chúng ta phân biệt, không thấy cảnh thì phân biệt cái gì? Thì hết phân biệt. Như vậy phân biệt của thức cũng không thật, tùy duyên, tùy cảnh mà có phân biệt. Tóm lại chúng ta biết rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không thật, do duyên hợp nên thể nó là không. Thể là không, duyên hợp có cho nên giả có.

Nói giả có là lời đúng lẽ thật hay lời nói tưởng tượng? Đó là lời đúng lẽ thật. Song ngoài miệng chúng ta nói giả mà gặp việc lại thật hết trơn. Đó mới là cái khổ,

tu hành trở ngại ở chỗ này. Nếu chúng ta biết thân và tâm không thật thì mọi cái đến với mình, vui buồn sướng khổ... coi như trò ảo tưởng thôi, qua rồi mất, qua rồi mất. Giả sử khi nhai thức ăn ngon, cái ngon ấy chừng bao lâu? Ngon chút xíu ở lưỡi, nuốt qua khỏi cổ nó mất tiêu. Như vậy cảm thọ ngon chỉ qua mấy giây đồng hồ thôi, mà người ta lại lệ thuộc vào cảm thọ rất nhiều. Vì thế phải cực khổ tìm kiếm món ngon vật lạ để thỏa mãn cảm thọ của lưỡi. Chúng ta quên rằng, buổi sáng nay ăn thấy ngon, nhưng đến sáng mai nó thành cái gì? (Đại chúng cười). Như vậy cái ngon có thật đâu, chỉ một chút cảm giác ở lưỡi thôi mà người ta tưởng nó thật quý rồi khổ sở vì miếng ăn. Đôi khi cũng vì miếng ăn ngon mà thiên hạ cãi nhau, đánh nhau, chém giết nhau. Thật đáng thương!

Chúng ta sống trong mê lầm, giành giật, tranh đua nhau những thứ tạm bợ, do đó nên khổ. Bây giờ biết năm uẩn đều không thật thì hết khổ, nên Phật bảo qua hết mọi khổ ách. Quý Phật tử thấy khổ và hết khổ từ cái gì mà ra? Giác với mê mà ra. Cái không thật tưởng thật là mê, cái không thật biết không thật là giác. Biết rõ như vậy rồi khổ nào cũng qua được hết, ngược lại không thật mà tưởng là thật thì khổ dồn dập tới. Giả sử ai chửi mình, ta nghĩ thân không thật thì chửi thật sao? Nghĩ thế tự nhiên mình cười, còn gì là khổ. Cho nên đau khổ không phải ở đâu đem đến, chỉ tại cái mê mà mình khổ. Bây giờ hết mê thì ngay đó khổ liền qua, dễ như trở bàn tay. Vậy mà Phật tử cứ rên hoài “khổ quá”. Đêm nào cũng đọc Bát-nhã, mà cứ than khổ suốt.

Phật dạy một đàng, chúng ta làm một nẻo hoặc không chịu tu theo lời Phật dạy, rồi kêu Phật cứu. Cứu sao được? Chúng ta tu thì phải đi trên con đường giác ngộ. Mỗi khi tụng kinh, quý vị nghe lời Phật dạy rồi thắm, thắm rồi ứng dụng, đó là tu. Đừng tưởng tụng kinh bộ là tu, tụng kinh mà không hiểu, không ứng dụng lời Phật dạy là không tu chút nào hết. Nhiều người tụng bộ này qua bộ kia, cho rằng mình tu nhiều, nhưng ai nói trái ý liền la oai oái lên. Như vậy không biết tụng kinh để làm gì? Phật có dạy tụng kinh để nóng giận đâu, mà tụng kinh ra ai động tới la um sùm. Rốt cuộc càng tu càng dễ sân hận, càng làm khổ mình khổ người. Đó không phải là người thật tu, quyết tâm tu.

Chúng ta tu phải thật tu, càng tu tâm càng nhẹ nhàng thanh tịnh, càng tu càng tỉnh táo sáng suốt, không bị danh lợi phù phiếm thế gian quyến rũ. Đó mới thật là người tu. Đi chùa về quý vị luôn tươi cười vui vẻ, cho ở nhà thấy đi chùa có ích, đi chùa đem lại sự an lạc cho gia đình. Chứ đi chùa về ai nói trái ý quạu đeo, làm người thân không hiểu sao đi chùa mà sân quá vậy, tức việc tu không có giá trị gì hết.

Hiểu vậy thì chúng ta mới thấy tu cứu mình cứu người. Nếu không thật tu chỉ gây phiền lụy cho mình và người thôi. Đó là chủ đích chúng tôi đặt tên thiền tự Bồ Đề. Khi tới cửa thiền tự Bồ Đề, Phật tử luôn nhớ mình đang tập giác ngộ, bước vô chùa tụng Bát-nhã là đang giác, ra ngoài cũng giác. Không nên vô chùa

dụm năm dụm bảy nói chuyện phải quấy của thế gian rồi phiền não, không có lợi ích gì hết. Học đạo giác ngộ, tu theo đạo giác ngộ là mục tiêu của người xuất gia cũng như tại gia. Đây là điều tất cả phải ghi nhớ và thực hành cho được viên mãn.

Tôi có mấy lời nhắc nhở, mong tất cả quý vị cố gắng thực hiện cho được tốt đẹp.



NGHIỆP BÁO

Giảng tại Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay tôi về đây thăm, nhận thấy Phật tử ở gần vùng này chưa có cơ hội học giáo lý sâu nên đề tài tôi giảng hơi gần với quý vị, đó là đề tài Nghiệp Báo. Từ ngữ của Phật học nói đủ là nhân quả nghiệp báo.

Nhân quả nhiều người biết rồi, nói nghiệp báo là thế nào? Phật tử tu ai cũng muốn được an vui và hướng dẫn mọi người chung quanh mình cùng được an vui. Vậy chữ nghiệp báo có giá trị gì đối với sự tu hành của chúng ta? Thường người ta quen tưởng tượng khi làm tội, lúc sắp chết có quỷ sứ hay ngục tốt tới bắt đi, nếu làm lành có Phật hay Bồ-tát xuống dẫn mình đi. Bởi chưa hiểu rõ lẽ đó nên tưởng tượng không đúng lý thật.

Chữ “nghiệp” đúng ra phải nói là nghiệp lực, tức nghiệp có một sức mạnh lôi kéo thúc đẩy chúng ta tới những nơi do mình tạo nhân rồi sau đó phải nhận quả.

Động cơ mạnh mẽ nhất đưa chúng ta đến đường lành hay đường dữ chính là nghiệp. Người đời không biết, cứ nghĩ mình làm lành thì sẽ được bậc nào đó đến đón, làm dữ thì ngục tốt dưới kia lên dẫn đi. Họ không biết rằng lành dữ là nhân do mình tạo, thì nhất định phải có quả để hưởng hoặc để chịu. Thời gian tạo nhân và thời gian thọ quả không cố định, có khi ngay trong hiện đời, có khi qua đời khác. Như đời trước người tạo nhân lành, đời này được hưởng quả lành, đó là khoảng cách xa. Khoảng cách ấy cái gì dẫn chúng ta đến để thọ quả? Là nghiệp lực. Nghiệp có sức mạnh lôi kéo chúng ta đến những nơi mình đã tạo nhân, bây giờ thọ quả, nên còn gọi là nghiệp báo. Báo là đền, là đáp, là trả.

Thế thì nghiệp ra sao, nó từ đâu lại? Có ai biết hình tướng của nghiệp không? Không ai biết hết. Bây giờ tôi dẫn một số thí dụ để quý vị thấy nghiệp dẫn chúng ta đi. Như người chưa biết uống rượu, ban đầu tập uống mỗi ngày một hai ly chẳng hạn, uống lâu thời gian người đó sẽ ghiền rượu. Khi ghiền rồi hôm nào không có rượu, biết cách nhà hai ba cây số có quán rượu thì nhất định phải đi tới quán rượu uống mới được. Vậy cái gì thúc đẩy người đó đi tìm quán rượu? Đó là nghiệp, nói đủ nghĩa là một thói quen, thói quen lâu dần tạo thành sức mạnh, nó thúc đẩy ta đi theo cái mình đã quen làm. Như hai người cùng dạy học gọi nhau là bạn đồng nghiệp, đồng làm một việc. Làm hoài một việc thì việc làm đó sẽ có sức mạnh thu hút, dẫn mình tới chỗ mình làm. Thí dụ thầy cô giáo dạy học quen rồi, đến lúc nghỉ cảm thấy buồn.

Nghiep có nghiệp tốt, nghiệp xấu. Gần nhất hiện tại những người khổ sở vì xì-ke ma túy, từ đâu có khổ? Từ tìm nó chơi với nó, khi nhiễm thành ra ghiền, ghiền rồi khổ, không có phải chạy ngược chạy xuôi cho có. Sức nghiệp rất mạnh đưa đẩy con người đi không có lúc dừng, không biết sợ sệt, bất chấp cả hiểm nguy. Tất cả chúng ta đã gây nhân thì phải thọ quả, nhân là đoạn đầu, quả là đoạn cuối. Từ đầu đến đoạn cuối, cái gì dẫn mình? Nghiệp.

Chúng ta hiểu nhân quả thì phải hiểu lý nghiệp báo. Ai làm lành sẽ được quả báo lành, quả báo ấy không hẳn ngày mai ngày mốt tới, mà đôi khi cách xa. Như trong kinh Phật dạy, người tu nhân Thập thiện đời sau được sanh về cõi trời, nghĩa là khi người ấy nhắm mắt nghiệp sẽ đưa họ lên cõi trời. Cũng vậy người tạo những nghiệp ác nặng nề, nhắm mắt nghiệp dẫn xuống địa ngục.

Gần nhất như những kẻ trộm cướp giết người, khi gây nhân đó họ sẽ thế nào, sẽ bị cảnh sát dẫn vô tù. Vậy cảnh sát dẫn chứ đâu phải nghiệp dẫn. Hiểu như thế không đúng. Nếu cảnh sát dẫn vô tù, tại sao họ dẫn người này mà không dẫn người khác? Tại người nào có nghiệp tương ứng với nhà tù họ mới dẫn chứ! Do nghiệp đưa đẩy kẻ gây tội lỗi tới, cảnh sát mới dẫn họ đi. Chúng ta trách cảnh sát bắt chứ đâu ngờ chính nghiệp của người ấy bắt họ vào tù. Làm ác thì có tội ác nên phải chịu quả ác, làm lành được hưởng quả lành. Động cơ đưa chúng ta đến chỗ thọ quả là nghiệp, nên nghiệp có chia nghiệp lành, nghiệp dữ.

Khi đức Phật ngồi dưới cội bồ-đề đêm thứ bốn mươi chín, từ canh một đến canh hai ngài chứng được Túc mạng minh, tức là biết suốt vô số đời về trước của mình. Từ canh hai đến canh ba ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy suốt được những gì vi tế nhất, xa xôi nên ngài bảo ta thấy chúng sanh bị nghiệp dẫn đi luân hồi trong lục đạo, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy kẻ qua người lại rõ ràng. Vì thế Phật nói tất cả chúng sanh đều do nhân mình đã tạo, bị nghiệp dẫn đi thọ quả báo. Từ đó đức Phật chỉ rõ nghiệp là một sức mạnh thúc đẩy chúng ta đến các đường để trả hay hưởng quả mà mình đã gây nhân chín mùi.

Khi Phật thấy được nghiệp, ngài cũng thấy được những vật nhỏ nhiệm nhất như vi trùng. Thời đức Phật hơn hai ngàn năm về trước mà ngài đã thấy vi trùng. Phật nói trong nước có rất nhiều vi trùng, vì vậy mỗi khi các thầy Tỳ-kheo muốn uống nước chưa lọc phải đọc kệ:

*Phật quán nhất bát thủy,
Bát vạn tứ thiên trùng.*

Nghĩa là Phật xem trong một bát nước có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Lúc đó ai biết? Chỉ có thiên nhãn mới thấy. Một lần nọ có thầy Tỳ-kheo đi trong sa mạc, khát nước quá mà không còn nước uống. Thấy một vũng nước, thầy định vốc lên uống, nhưng dùng thiên nhãn thấy vô số vi trùng nên không uống được. Thầy nhịn khát luôn, về đến chỗ Phật, thầy ngất xỉu. Quý thầy xúm lại hỏi lý do mới biết thầy thấy vi trùng nhiều không dám uống nước, sợ chúng chết.

Chúng ta mắt phàm tục không thấy những vật thật nhỏ, thật xa nhưng với con mắt Phật và các vị chúng A-la-hán thấy rõ ràng. Có những loài thấp hơn loài người thấy được những gì người không thấy. Như mấy con chó trong xóm, người ăn thịt chó đi vô xóm, dù tay không xách dụng cụ bắt chó mà đi tới đâu nó sủa rần tới đó. Nó thấy cái gì? Nó thấy nghiệp ác độc của người đó mà mắt mình không thấy.

Thế nên đừng vì lý do chúng ta không thấy mà nói không có. Sức mạnh của nghiệp dẫn chúng sanh đi trong lục đạo, nó không có tướng mạo thô để chúng ta thấy nhưng nó vẫn có tướng vi tế. Vì vậy người tạo nghiệp lành, nghiệp dữ sẽ bị nghiệp lực của mình dẫn đi thọ sanh trong cõi lành, cõi dữ. Chúng ta là Phật tử muốn đi đường tốt thì phải tạo nghiệp lành. Tạo bằng cách nào? Bằng thân, miệng, ý của chính mình. Tu là chuyển đổi thân, miệng, ý được trong sạch, để nghiệp lành ấy dẫn mình đi tới chỗ lành. Nếu thân, miệng, ý xấu ác thì nghiệp xấu sẽ dẫn chúng ta vào chỗ khổ đau.

Thân làm gì để tạo nghiệp lành? Thân giúp đỡ những người khổ sở, đói khát, bị tai nạn v.v... Ta giúp họ bớt khổ, người bệnh sớm lành bệnh, đó là tạo nghiệp lành. Ngược lại, chúng ta muốn đánh người này, đập người kia, giết người nọ là tạo nghiệp dữ. Hoặc đối với con vật không thương tiếc, vật lớn vật nhỏ gì cũng muốn giết. Những người như vậy là tạo nghiệp dữ. Tạo nghiệp dữ thì sức dẫn của nghiệp đẩy tới chỗ khổ, chứ không phải trời Phật hành phạt đâu. Người đời không biết

cứ tưởng có một đấng nào cầm cân nảy mực, ghi sổ sách, chừng nào mình chết người đó kêu lên chỗ lành hoặc đày xuống chỗ dữ. Đó là tưởng tượng không phải lẽ thật. Phật dạy chúng ta tu để tránh nghiệp dữ, tạo nghiệp lành, làm sao hiện đời mình sống tốt mà vị lai cũng được tới chỗ tốt.

Kế đến miệng. Miệng chúng ta luôn nói lành hay cũng có khi nói lời dữ? Điểm này Phật tử dè dặt một chút. Hành động nơi thân thô nên ta kìm chế dễ, còn miệng tế hơn nên khó kiểm soát được. Nếu giận ai nói lành được không? Không nói lành được thì nói dữ. Nói dữ là tạo nghiệp dữ. Nói dữ cũng có nhiều loại, nói dữ trong cái tương đối và nói dữ tuyệt đối. Ví dụ nguyên rủa ai chết đi hoặc dùng lời nói làm cho người ta bị tù tội... Đó là nói dữ tuyệt đối. Còn nói dữ tương đối là buồn giận trách cứ người xấu dở, thế này thế kia mà chưa làm cho người ta khổ.

Chúng ta kiểm lại từ bé tới giờ, mình nói dữ nhiều hay nói lành nhiều? Bằng nhau. Bằng nhau không biết nghiệp đẩy đi đâu đây? Nếu dữ thì đi cõi dữ, lành thì đi cõi lành, còn quân bình thì không biết đi cõi nào? Thật ra cũng có chỗ đi. Nếu nghiệp cực lành như tu Thập thiện thì lên cõi trời, còn lành dữ bằng nhau như Phật tử giữ năm giới thì trở lại làm người tốt. Nếu người không giữ năm giới, hoặc chỉ phạm một hai giới thì đời sau cũng được làm người, nhưng có những khiếm khuyết. Như người không giữ giới trộm cướp, đời sau được làm người thì nghèo đói, khổ sở.

Nhìn trong xã hội chúng ta thấy có người siêng năng làm bao nhiêu, rồi bị bệnh hoạn cũng không còn. Có những người phước đức đầy đủ, có những người tật nguyền... tất cả đều là người, nhưng không trọn vẹn. Vì vậy nghiệp sẽ dẫn chúng ta tới chỗ tương ứng với nhân mình đã tạo, không bao giờ không có chỗ đi. Còn nghiệp là còn có chỗ đi. Đi đâu cũng phải đi, hoặc trong cảnh tốt trong cảnh xấu thôi.

Người sanh ra trong gia đình quan lớn hoặc nhà giàu to thì họ hưởng liền. Còn người có nghiệp lành nhưng không khá thì tới chỗ bình thường. Người nghiệp lành ít sẽ đến những chỗ khổ hơn. Hiểu như vậy chúng ta cố gắng nỗ lực tạo nghiệp lành cho được vuông tròn. Vì vậy quý vị ráng giữ cho tròn năm giới, đời sau trở lại làm người bảo đảm tốt đẹp, không có những tệ hại.

Đến ý nghĩ. Ý chúng ta luôn luôn nghĩ tốt, nghĩ phải hay cũng có khi nghĩ xấu, nghĩ bậy? Người nghĩ tốt nhiều, người nghĩ xấu nhiều phải không? Ý mới nhìn nó chưa thành nghiệp, bởi vì nếu ý nghĩ xấu mà miệng không nói xấu, thân không làm xấu thì chưa thành nghiệp, nhưng nó lại là chủ tạo nghiệp. Vì vậy đối với ý chúng ta dè dặt nhiều nhất. Có khi nào mở miệng chửi người ta mà tự chửi đầu, có giận có tức trong lòng mới chửi được chứ! Cho nên động cơ chủ là ý. Ý nghĩ lành nghĩ dữ, từ đó khởi ra miệng và hành động. Nên người biết tu phải cố gắng gìn giữ ý, giữ thân miệng mà không giữ ý thì không bảo đảm.

Chúng ta kiểm lại ý nghiệp của mình có được trong sạch không? (Tất cả đều lắc đầu). Đó là một khuyết điểm lớn. Người tu không chỉ thấy cái xấu dở ở ngoài thôi, mà còn thấy cả cái xấu dở ở trong nội tâm mình, để cố gắng điều phục nó, dọn dẹp cho nó trong sạch, yên ổn. Đó là người tu kỹ, tu chín chắn. Nếu ý nghiệp thanh tịnh thì chắc chắn thân, miệng sẽ được thanh tịnh. Vì vậy chúng ta mới hiểu tại sao mình phải vô chùa tụng kinh, ngồi thiền. Để chỉnh lại ý nghiệp của mình, làm sao cho tâm ý luôn nhớ Phật, không nghĩ bậy, tập luyện lâu ngày như vậy trở thành thuần thục. Cho nên tu theo đạo Phật, ý nghiệp là tối quan trọng, nó là mấu chốt tạo nên tội khổ hay quả an vui cho mình mai kia.

Như vậy rõ ràng ba nghiệp là chỗ tạo nhân đưa đẩy chúng ta tới nơi lành dữ, tốt xấu... cho nên hằng ngày ta phải tu ba nghiệp. Nhiều Phật tử cho rằng tu là rằm, ba mươi đi chùa sám hối, mà về nhà cũng y nguyên không sửa đổi những nghiệp xấu, như vậy không thể gọi là tu được. Chứ tu là sửa đổi, sửa đổi ba nghiệp từ xấu thành tốt, từ dữ thành hiền. Nếu để nguyên nghiệp xấu rồi lạy Phật, xin cho con cái này cái nọ, Phật không cho thì buồn nói Phật không linh, thế là tìm bà này ông nọ linh hơn. Như vậy có tu không? Đó là đi xin chứ không phải đi tu.

Chúng ta học Phật cần hiểu cho thật rõ, tu là chuyển hóa ba nghiệp từ xấu dở trở thành hay tốt. Trong kinh Phật có dạy: “Tam nghiệp hằng thanh tịnh đồng Phật vắng Tây phương”, nghĩa là ba nghiệp thường trong sạch, đồng với Phật về cõi Phật. Phật tử tu

nhưng không chịu nhớ, không chịu thấy gốc của sự tu thì làm sao tu đúng được. Tu không đúng thì không đạt được kết quả tốt đẹp. Chúng ta ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống tu hành phải nhớ rõ cái gì là căn bản, cái gì không phải căn bản. Quý Phật tử hay cầu xin Phật Bồ-tát cho, phần nhiều phải nữ mắc bệnh này. Chữ tu khác với chữ xin.

Ví dụ một người Phật tử rất thuần thành, khi có việc sắp đi đâu, lại thắp hương bàn Phật nguyện Phật gia hộ cho con đi đường bình yên. Nhưng đến đâu đó ai chọc tức liền đánh nhau với người ta, như vậy có bình yên không? Chúng ta giữ ba nghiệp của mình thì bảo đảm được bình yên, chứ xin Phật mà không giữ ba nghiệp thì cũng không bảo đảm. Như vậy rõ ràng giữ ba nghiệp hiệu nghiệm hơn cầu xin đức Phật rồi. Cho nên cầu xin là tướng tượng thiếu thực tế. Đức Phật đã từng tuyên bố rằng ta không có quyền ban phước xuống họa cho ai. Vậy mà Phật tử cứ nèo nẹo xin hoài. Nên đạo Phật rất thực tế mà Phật tử không khéo trở thành mê tín, không thực tế.

Người hiểu Phật cần tu chứ không cần xin. Cầu Phật cho không bằng biết tu, biết sửa mình. Nếu cho được thì Phật không nói nhân quả, làm nhân lành được hưởng quả lành, làm nhân ác phải chịu quả ác. Phật tử cứ tưởng Phật chen vô luật nhân quả, can thiệp cho mình, cầu điều gì không như ý thì trách Phật nữa chứ “Đệ tử đi chùa hoài mà Phật không độ!” Hiểu đạo Phật như thế là hiểu một cách nông nổi, không đúng với ý nghĩa Phật dạy.

Trọng tâm của đạo Phật dạy chúng ta phải tu ba nghiệp. Quý Phật tử nhớ khi quy y rồi, quý thầy phát cho lá phái, trong đó có bài kệ rất thiết yếu. Bài kệ này do đức Phật Ca-diếp trước trao cho Phật Thích-ca:

*Chư ác mạc tác,
 Chúng thiện phụng hành.
 Tự tịnh kỳ ý,
 Thị chư Phật giáo.*

Dịch:

*Chớ làm các điều ác,
 Vâng làm các việc lành,
 Giữ tâm ý thanh tịnh,
 Là lời chư Phật dạy.*

Phật dạy chúng ta điều gì? Không làm các điều ác tức là dừng nghiệp chúng sanh. Vì làm các điều ác là bước vào con đường khổ, nên Phật bảo đừng làm các điều ác để chặn đứng nghiệp đau khổ. Vâng làm các điều lành là làm các việc lành để chúng ta sẽ được sanh về chỗ lành. Như vậy người đến với đạo Phật đầu tiên là dừng ác, bước thứ hai là làm lành. Đến bước thứ ba giữ tâm ý thanh tịnh, đó là lời dạy của chư Phật. Ngay trong đời này nếu người nào dừng hết những điều ác, luôn luôn làm điều lành, tâm ý được trong sạch thì thế gian này sẽ thấy họ là người rất tốt. Người tốt thì có ai thù ghét đâu, còn nếu người xấu thì xã hội ruồng bỏ.

Người biết tu chẳng những mai kia có quả báo tốt mà ngay bây giờ cũng có kết quả tốt rồi. Thế thì việc tu là cần hay không cần? Nhiều Phật tử nói mắc lo cơm ăn áo mặc, đâu có rảnh mà tu. Quý vị kiểm lại xem chúng ta cứ sống mãi thế này hay một ngày nào đó cũng phải chết. Đức Phật đã từng nói sanh, già, bệnh, tử là con đường ai cũng phải đi qua, không ai dừng được. Bây giờ chúng ta cứ lo cho thân này ăn ngon, mặc đẹp... lo riết tới già chết không biết mình sẽ ra sao, lúc đó khổ không? Cho nên nói tới chết ai cũng sợ. Tại sao? Bởi vì chưa tạo nghiệp lành, một khi nhắm mắt ra sao không biết, vì vậy hoảng hốt.

Tôi thường ví dụ như người ở nước Việt Nam được mời đi dự tiệc chi đó. Nếu trong túi không có đồng xu cũng không ai đón rước, khi sửa soạn đi người ấy có sợ không? Sợ. Còn trong túi tiền nhiều, đến chỗ kia lại có bà con mình nữa thì sợ không? Vui chứ sợ gì. Cũng thế, chúng ta ngày nay làm chúng sanh, tới khi chết hoảng hốt không biết mình sẽ thế nào nên đa số sợ chết. Còn ngày nay biết tu, biết làm lành, khi ra đi biết chắc mình sẽ được kết quả tốt hơn nên không lo sợ chút nào hết. Vì biết mình bỏ cái cũ xấu để được cái mới tốt hơn.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý, ứng dụng đạo lý ngay khi sống, chuẩn bị cho ngày mai cái chết đến được nhẹ nhàng không lo sợ, như vậy khôn hay dại? Khôn. Còn những người chỉ biết ăn no, mặc ấm, hưởng thụ nhiều, không lo tu tới gần chết hoảng hốt là dại hay khôn? Tôi không dám nói dại mà chỉ nói họ “không biết lo xa”.

Vì không biết lo xa nên tới đó hoảng hốt kinh hoàng. Người tu là người biết chuẩn bị cho mình con đường đi đàng hoàng chu đáo, nên lúc ra đi tỉnh táo không sợ hãi chi cả.

Ngày xưa ở Trung Hoa có một thi sĩ nổi tiếng là Bạch Cư Dị, ông nghe danh thiền sư Ô Sào ngồi tu trên cây ngô đạo. Ông liền tìm tới thấy ngài ngồi trên cháng ba cây, ông chấp tay thưa:

- Bạch Hòa thượng, xin dạy cho con một câu chí lý để con tu.

Thiền sư Ô Sào ngồi trên cây đọc bài kệ:

*Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.*

Bạch Cư Dị nghe xong nói:

- Bạch Hòa thượng, bài kệ này con nít tám tuổi cũng thuộc, ngài dạy con làm chi.

Thiền sư đáp:

- Phải! Con nít tám tuổi cũng thuộc mà ông già tám mươi tuổi làm vẫn chưa xong.

Cũng vậy, Phật dạy bài kinh Bát-nhã “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách” quý vị thuộc lâu, mà hết khổ chưa? Phật dạy phải thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã, soi thấy năm uẩn là không thì qua hết

tất cả khổ nạn. Phật tử cứ bao nhiêu đó tụng hoài, đem tụng cho Phật nghe, nhưng không chiếu kiến gì hết, rồi than Phật dạy tụng Bát-nhã qua hết khổ nạn, sao bây giờ khổ nạn còn hoài, trách lời Phật dạy không đúng sự thật. Nhưng thật ra đâu phải vậy. Nếu người soi thấy năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức là duyên hợp không thật, thấy rõ như vậy thì khổ nạn nào cũng qua hết. Phải soi thấy chứ không phải đọc suông. Chúng ta bây giờ cứ đọc suông cho nên bao nhiêu năm tu mà không tiến, đó là lỗi của Phật tử chưa biết tu.

Nếu mình y như lời Phật dạy, dùng trí tuệ soi thấy năm uẩn duyên hợp hư dối, biết rõ nó như vậy có ai chửi mình không giận. Thân hư dối này có nghĩa gì, thì lời chửi có thật đâu, như vậy giận cái gì? Ai hơn thua với mình, ta cũng thấy không thật nên không giận, không giận thì không khổ nên nói qua hết thảy khổ ách. Chúng ta chỉ ứng dụng một câu đó tu, khổ cũng đã tan mất rồi. Ngược lại không ứng dụng tu mà cứ đọc suông thì đọc cho tới nhắm mắt khổ vẫn khổ như thường.

Trong Bát-nhã có chia làm ba thứ: văn tự Bát-nhã, chiếu kiến Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã. Chúng ta đọc thuộc là văn tự, chưa phải chiếu kiến thì chưa thể qua hết khổ nạn. Trong nhà Phật có dùng ví dụ, như người muốn qua sông, xuống bến thấy có chiếc thuyền, yên lòng mình sẽ qua được sông. Rồi lên thuyền ngồi hoài không chịu bơi, không chịu chèo, như vậy chùng nào qua tới bờ kia. Chiếc thuyền dụ cho văn tự Bát-nhã, chiếu kiến dụ cho chèo, bơi. Bờ bên kia tức là tới được bờ giác ngộ là thật tướng Bát-nhã.

Người thực hành phải đi từng bước như vậy mới được. Nếu cứ hài lòng hôm nào cũng tụng kinh Bát-nhã lầu lầu, mà không hành Bát-nhã, đó là không thấy được lẽ thật. Vì vậy ai ai cũng phải cố gắng nỗ lực dùng trí tuệ thấy biết. Cũng như trong lá phái có ghi bài kệ thiết yếu, là để Phật tử ghi nhớ thực hành. Nhưng quý vị đem về cất trong tủ hay treo đầu đó, chờ chết để trên ngực đem theo. Thành ra có những sai lầm lớn mà chúng ta cứ làm, không biết được gốc gác.

Người tu Phật phải có cái nhìn thật đúng thì trên đường tu mới tiến, có tiến mới thấy đạo Phật càng sáng tỏ. Ngược lại Phật tử cứ đi lùi hoài thì thấy đạo Phật mê tín dị đoan. Thấy như vậy là sai lầm lớn. Lỗi tại Phật không dạy hay lỗi tại ai? Tại Phật tử không chịu tu. Phật dạy tu mà không chịu tu, cứ ngỡ tụng kinh Phật sẽ độ cho có phước, tai qua nạn khỏi.

Như cô giáo dạy học trò bài học về luân lý, bảo rằng con đi ra đường thấy những người trưởng thượng chấp tay chào. Nó về học thuộc lòng hôm nào cũng đọc cho cô giáo nghe, mà gặp người trưởng thượng nó không thềm chào. Như vậy cô giáo nghĩ sao? Thương hay bực? Mình dạy để nó ứng dụng mà nó không ứng dụng, chỉ đọc cho mình nghe thôi. Chúng ta tu là thật tu, không nên tu bằng cách làm cho có, không hiểu sâu, không thấy rõ.

Có hai hạng người tu, một hạng tu để đời sau được hưởng phước lành, một hạng tu để cầu giải thoát sanh tử.

Như tăng ni tu ở chùa để giải thoát sanh tử. Như trên tôi đã nói nghiệp dữ dẫn ta đi ba đường ác, nghiệp lành dẫn ta đi ba đường lành. Vậy làm sao khỏi đi trong lục đạo luân hồi? Tu hết nghiệp là hết đi. Chúng ta cứ nghĩ tu làm lành, bố thí đủ rồi, nhưng ai muốn ra khỏi sanh tử thì phải khác hơn, tiến hơn.

Phật tử thấy buổi tối hay buổi khuya quý thầy ở Thiền viện ngồi im lìm ngó xuống để làm gì? Đó là ý chí sâu kín của người tu. Tu muốn ra khỏi vòng lục đạo luân hồi thì phải dứt hai bên, không nghĩ xấu cũng không nghĩ tốt, tốt xấu đều buông hết. Bởi vậy niệm Phật phải tới nhất tâm bất loạn, nhất tâm thì không còn hai. Khi nhất tâm bất loạn không còn nghiệp nữa mới được theo Phật về Cực lạc, ra khỏi lục đạo. Người tu thiền phải định. Định cái gì? Định tâm nghĩ phải nghĩ quấy, đừng được tâm hai bên rồi mới hết nghiệp, hết nghiệp thì giải thoát sanh tử. Như vậy trên đường tu có hai chặng. Chặng thứ nhất còn trong sanh tử, chúng ta phải bỏ ác làm lành. Chặng thứ hai cả lành dữ đều buông, thì chừng đó mới ra khỏi sanh tử.

Lục tổ Huệ Năng khi được y bát ở Ngũ Tổ, ngài trở về Tào Khê. Khi đi một số chư tăng đuổi theo giật y bát lại. Hồi xưa đọc tới đó tôi hơi buồn, vì nghĩ người tu mà còn giành y bát kỳ quá, nhưng bây giờ tôi thông cảm nên hết buồn. Bởi Lục tổ Huệ Năng lúc đó còn tóc lại què dốt nữa, trong khi ngài Thần Tú là giáo thọ dạy cả năm trăm tăng chúng. Y bát Tổ trao cho ai thì người đó sẽ làm Tổ, bây giờ giao cho ông cư sĩ làm Tổ không tức sao?

Trong trường hợp này, quý vị có đuổi theo giạt y bát lại không? Trao cho ông thầy, dù ông thầy dở dở cũng còn chấp nhận được, đằng này lại trao cho người cư sĩ dốt, nên đuổi theo giành lại là chuyện hợp lý. Trong số chúng đuổi theo, có một thầy tên Huệ Minh xưa làm tướng nên đuổi kịp. Lục Tổ thấy thế, ngài để y bát trên bàn thạch rồi chui vô lùm cây trôn. Thượng tọa Minh đến gần thấy y bát mừng quá, vội chạy tới ôm lên nhưng ôm không nổi. Chùng đó thầy mới biết rằng đây là vật linh thiêng, không thể giành giạt được. Vì thế thầy đổi tâm giành giạt qua tâm cầu pháp. Thầy bèn kêu lên:

- Hành giả! Hành giả! Tôi tới đây vì pháp chứ không phải vì y bát.

Lục Tổ nghe nói vậy từ trong bụi cây chui ra bảo:

- Nếu ông vì pháp thì hãy đứng lặng yên, ta sẽ nói cho nghe.

Thượng tọa Minh đứng yên một chút, Lục Tổ nói:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục thượng tọa Minh?

Ngay câu này thượng tọa Minh liền ngộ. Bản lai diện mục là mặt thật xưa nay. Khi không nghĩ thiện không nghĩ ác, thì mặt thật xưa nay của mình hiện ra. Như vậy muốn giải thoát sanh tử trước phải giác ngộ sau mới giải thoát. Giác ngộ là thấy được cái thật của chính mình, nhà thiền dùng từ kiến tánh.

Khi chúng ta buông hết những niệm thiện ác, tâm trong lặng sáng suốt. Còn nghĩ thiện nghĩ ác là còn động, vì tâm nghĩ thiện nghĩ ác là tâm sanh diệt, có rồi mất. Khi tâm lặng rồi chúng ta mới đi tới chỗ hoàn toàn thanh tịnh. Tâm hoàn toàn thanh tịnh, chừng ấy chúng ta có biết không? Nó ở đâu? Đây là điều rất khó, người đời không thể nhận được. Ví dụ mình ngồi yên được hai ba phút thanh thoi, đầu óc rỗng rang không buồn vui, không tính toán gì hết, lúc đó có biết không? Cái biết ấy ra làm sao? Người đời thường cho rằng những nghĩ suy là tâm mình, đó là lầm lớn. Nghĩ suy chỉ là niệm sanh diệt đổi thay luôn, chúng ta bám vào nó thì tạo nghiệp luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn ra khỏi luân hồi sanh tử thì phải dừng tâm tạo nghiệp, chứ không phải mất mình.

Từ thuở bé cha mẹ sanh ra cho đến trăm tuổi chúng ta có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên lúc nào cũng biết. Khi không nghĩ gì hết nhưng gió thổi ta nghe mát, chim kêu ta nghe tiếng, người đi qua chúng ta thấy, có vô tri vô giác đâu? Mình tri giác rõ ràng nhưng tri giác đó không hình tướng nên nó trùm hết cả người. Do đó ta biết rõ mà không nghĩ suy, cái biết rõ ràng ấy không tướng mạo, không sanh diệt. Bình thường chúng ta bỏ quên cái thật của mình, chạy theo cái giả để tạo nghiệp, nên Phật mới thương nhắc mình có tánh Phật sẵn mà bỏ đi, phải chịu luân hồi sanh tử. Từ đó ngài dạy chúng ta cách tu để nhận ra tánh Phật nơi mình, vượt thoát con đường sanh tử. Như vậy đạo Phật có thực tế không?

Nói thành Phật, chúng ta đừng ngỡ rằng phải về Cực lạc mới thành. Ngay nơi đây chúng ta buông bỏ được tâm tạo nghiệp, bấy giờ tánh giác hiện tiền thì thành Phật chứ gì. Cho nên tìm Phật không phải chạy đâu xa, mà là xoay lại chính mình. Người tu theo đạo Phật ngồi ngó xuống để nhìn thấy các niệm sanh diệt, buông xả nó đi, buông xả được hết gọi là định, từ định phát tuệ. Chính trí tuệ này đưa chúng ta tới chỗ giải thoát. Ngược lại, người mê muội cứ chạy theo những niệm sanh diệt hoài thì muôn đời trầm luân trong sanh tử. Phật nói: “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành.” Câu nói này khích lệ chúng ta nỗ lực tiến tu và có được niềm tin vững mạnh trên con đường giác ngộ giải thoát. Ngài có tánh Phật, mình cũng có tánh Phật, ngài tu thành Phật, mình tu cũng sẽ thành Phật. Dù chưa thành Phật, còn làm chúng sanh nhưng tánh Phật của chúng ta đâu có mất, nên mình tu nhất định sẽ thành Phật.

Qua đó chúng ta thấy đạo Phật rất bình đẳng. Không phải đức Phật là bậc giáo chủ tuyệt đối, mà ngài chỉ là bậc đạo sư chỉ đường cho chúng ta. Ngài dạy chúng ta tránh đường dữ, đi đường lành, dạy làm sao ra khỏi sanh tử. Đức Phật chỉ dạy cận kề cho chúng ta ứng dụng được như ngài, thành Phật như ngài. Vậy mà nhiều khi chúng ta mặc cảm cho rằng mình tu biết đời nào thành Phật? Cái không có tìm mới khó, còn cái có sẵn không chịu làm, không biết chúng ta si mê tới cỡ nào? Nên chư Phật thương chúng sanh là vậy.

Trong kinh có chỗ Phật nói tất cả chúng sanh đều là Phật đã thành. Quý vị hiểu nổi không, đã thành Phật tại sao còn ngồi đây mê muội? Nói sẽ thành chúng ta tin được, nói đã thành khó tin quá, phải không? Bây giờ tôi ví dụ, như ông cha rất giàu có, sanh ra mười đứa con. Khi già ông chia cho mỗi đứa ba hòn ngọc quý. Những người con lớn lấy ngọc bán, cất nhà lầu sang trọng. Còn người con út nhỏ dại, không biết dùng ngọc quý nên ông già chôn kỹ, dặn các người anh khi nào em lớn khôn, tui con chỉ cho nó để nó cũng được giàu sang như tui con. Các người anh biết dùng ngọc nên giàu sang, còn người em chưa biết dùng ngọc nên nghèo khó. Song thật ra người em nghèo hay đã giàu? Đã giàu vì nó có y hệt như mấy anh, chỉ chưa lấy ra xài thôi.

Cũng thế, đức Phật nói vậy để khích lệ chúng ta, mình đã có của quý mà cứ bỏ quên hoài, bây giờ ráng khơi lên để xài, chùng đó không thua Phật chút nào hết. Do đó có những đoạn kinh Phật nói chúng sanh là Phật đã thành, tức có sẵn nhân Phật. Đức Phật từ bi đáo đẽ, vì sợ chúng ta lười trễ nên nói “Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành” để khuyến khích tu. Có khi vì sợ chúng ta mặc cảm mình không thành Phật nổi nên Phật nói “Chúng sanh là Phật đã thành”, tức chỉ cái sẵn của chúng ta. Phật tử nếu hiểu thấu Phật pháp thì việc tu không khó. Nhưng nhớ công phu cho kỹ, cho chín chắn thì mới có kết quả thật, còn công phu lơ là thì khó đạt kết quả mỹ mãn.

Tóm lại, Phật tử thực hành lời Phật dạy trước là dừng các điều ác, thứ hai là tu ba nghiệp lành, thứ ba giữ tâm ý thanh tịnh, tức giữ tâm không còn lăng xăng nữa để trở về cái chân thật của chính mình. Đó là tu giải thoát sanh tử, quý vị ứng dụng tu cho đúng thì sẽ được kết quả tốt đẹp. Nếu hiểu mà không tu, đó lỗi tại quý vị, chứ không phải quý thầy không chỉ dạy. Nhiều Phật tử cứ ngỡ gần chết mời quý thầy lại tụng kinh cầu cho mình được về cõi Phật, đó là mơ ước ảo huyền, không có lẽ thật. Quý thầy chỉ trợ lực thôi, gốc là ở nơi mình. Mong tất cả cố gắng nỗ lực tu hành để được giác ngộ giải thoát.



CỘI NGUỒN SANH TỬ VÀ GIẢI THOÁT

Giảng tại Hoa Kỳ – 2002

Bài giảng hôm nay với đề tài Cội Nguồn Sanh Tử Và Giải Thoát, quý vị cố gắng lắng nghe, nếu lãnh hội được thì rất tốt, ứng dụng tu tập sẽ thấy lợi ích rất lớn. Chúng ta trầm luân sanh tử đã vô lượng kiếp rồi, vì không biết nguồn gốc tại sao phải trầm luân sanh tử, nên theo đó tạo nghiệp nối tiếp sanh tử mãi mãi. Bây giờ muốn ra khỏi sanh tử, phải biết nguyên nhân dẫn đi trong sanh tử, đoạn trừ nguyên nhân ấy mới có thể giải thoát sanh tử được.

Trong kinh Phật nói, chúng sanh do si mê tạo nghiệp đi trong sanh tử luân hồi. Si mê là gì? Là vật trắng mà nói đen, phải nói quấy, đúng nói sai, cái nhìn lệch lạc không đúng sự thật gọi là si mê. Như vậy chúng ta có đồng ý mình đang si mê không? Chắc không đồng ý, vì ai nói mình si mê thì giận lắm. Sự thật chúng ta đang si mê. Si mê cái gì? Thân này giả mà nói thật

hoặc cũng biết nói giả, nhưng thực tế chưa sống được với cái thấy giả ấy. Đa số đều thấy thân này thật, thấy như vậy có đúng với sự thật không? Nếu thật thì ông cố, ông sơ, ông nội, ông ngoại mình tới giờ còn nguyên, vì thật nên đâu có mất. Chúng ta kiểm lại còn người nào không, tới cha mẹ, rồi lần lần tới mình, ai có mất rồi cũng phải chết hết. Có mất một thời gian rồi mất thì nói thật được không? Vậy mà chúng ta cứ thấy thật.

Sự còn mất của chúng ta trên thế gian này không ai lường trước được. Có cơ quan bảo hiểm nào dám bảo hiểm cho mình sống trăm tuổi không? Bảo hiểm khi nào chết bất đắc kỳ tử thì họ bồi hoàn, chứ không ai dám bảo hiểm tới một trăm tuổi. Đó là một lẽ thật. Vì mạng sống chúng ta mong manh, bất thường. Nếu xét kỹ chúng ta không biết mình sống được bao lâu, hết duyên thì đi chứ không ai biết mình sống tới lúc nào. Đức Phật dạy “Mạng người trong hơi thở”, hít vô không thở ra là chết. Thở ra không hít lại thời gian bao lâu? Chừng vài giây đồng hồ. Có nhiều người đang ngồi nói chuyện với mình, bất thần nhồi máu cơ tim tắt thở. Hồi đang nói chuyện mình thấy họ thật, khi tắt thở thấy không thật. Những hình ảnh này luôn xảy ra trước mắt chúng ta. Như vậy thân giả mà ngỡ thật, có phải si mê không? Si mê rồi. Đó là nói theo thời gian.

Trong cái giả mà ngỡ là thật thì có những tai hại vô cùng. Thân giả mà ngỡ là thật, nên những gì nó đòi hỏi chúng ta chiều theo, chạy theo nó, mới có tranh giành vật chất. Ít thì tranh giành trong phạm vi giới hạn của gia đình, còn nhiều thì tranh giành không thể kể.

Bởi vì thấy thân là thật, nên tất cả những nhu cầu vật chất chúng ta quý và muốn giành phần hơn về mình. Có ai chịu nghèo hơn người khác đâu, cái gì người ta hưởng thụ mình cũng muốn hưởng thụ cho được. Muốn mà không toại nguyện, sanh ra bực tức, hung dữ. Như vậy từ mê lầm sanh ra tham lam.

Tham lam muốn thụ hưởng tất cả mọi thứ trên đời, người ta có mình cũng phải có. Từ tham lam nên giành giật với nhau, nhỏ thì giành giật trong chòm xóm, lớn nữa thì giành giật cả làng cả nước. Đó là lý do tại sao nước này đem quân đánh nước kia, cũng tại tham mà ra. Từ thấy thân thật nên con người sanh ra hung dữ, giành giật với nhau. Hung dữ giành giật là cái cơ để giết hại tàn sát lẫn nhau, gốc từ si mê mà ra. Khi nhìn thấy tường tận thân này là giả thì không còn tham nữa. Nó không thật thì tham cái gì, tham để làm gì, tự nhiên hết tham. Tham hết thì tự nhiên không giành giật đấu tranh giết hại lẫn nhau. Nếu chúng ta nhìn thấy đúng như thật, thân không thật thì gốc tham hết. Tham hết thì sân cũng hết, bao nhiêu đó thành thánh chưa? Không tham gì hết, không giành giật với ai, không nổi giận ai, không chống đối ai... Chỉ cần một cái nhìn đúng về con người của mình thì mọi xấu xa hết. Mọi xấu xa hết thì tự nhiên chúng ta trở thành người hiền lương, tốt đẹp. Cho nên, biết thân này duyên hợp, tạm bợ không thật để chúng ta không còn lầm mê nữa. Đó là cái nhìn thứ nhất.

Người đời chấp thân thật rồi, còn chấp tâm thật nữa. Những suy nghĩ hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất, thành bại v.v... đều cho là tâm mình và luôn chấp

tâm suy nghĩ ấy đúng. Bây giờ trong gia đình chồng hoặc vợ trình bày suy nghĩ của mình, chồng trình bày, vợ bảo sai, chồng giận không? Bên nào cũng cho mình đúng, một hồi nổi nóng cãi lộn nhau, mà chắc gì cái nghĩ của mình đúng. Suy nghĩ của mình trong một giai đoạn nào đó là hợp lý, nhưng thời gian sau thay đổi nó không còn đúng nữa. Tất cả đều chuyển biến, mà chúng ta cứ cho kinh nghiệm cũ là đúng, lấy đó làm chuẩn bắt mọi người nghe theo. Ai không nghe mình giận, mình ghét. Có phải si mê không?

Quý vị thử tìm xem cái suy nghĩ ở đâu, ra sao? Nếu nó không có chỗ nơi, bỗng dưng dấy lên rồi một lát mất tiêu, thì nó thật không? Quả là không thật. Cái không thật mà bắt người ta nghe theo mình, nghĩ theo mình, thì có độc tài không? Như vậy cả thế gian độc tài hết trơn. Bởi vì ai cũng muốn thiên hạ nghe lời mình, theo cái suy nghĩ của mình. Nhưng thử đặt câu hỏi lại, chúng ta nghĩ đúng trăm phần trăm không? Không ai dám chắc. Không dám chắc mà bắt người ta theo, có khổ chưa! Đó là điều tất cả chúng ta đang mắc phải. Nhỏ thì trong gia đình, lớn thì ngoài xã hội, lớn nữa thì cả thế giới. Nhóm nào cũng phải, cũng hay hết thành ra cãi lộn nhau, mạnh nữa thì giết chóc luôn. Đó là điều hiểm nguy của nhân loại. Thân và tâm không thật mà thế gian ngỡ thật là lầm lớn, dẫn đến khổ lớn. Đó là căn bản đau khổ của loài người.

Có người đặt câu hỏi, nếu thấy thân không thật, tâm không thật thì con người hết muốn làm ăn, chán đời chết. Phải vậy không? Không phải vậy. Bồ-tát thấy thân không thật, thấy tâm sanh diệt giả dối, nên lặn vào cứu đời. Tại sao? Vì thương chúng sanh lầm tưởng cái không

thật mà cho là thật nên si mê đau khổ. Bồ-tát thấy thế tạo phương tiện để gần gũi, giúp đỡ, hướng dẫn chúng sanh. Thấy chân lý rõ ràng rồi mới thương những kẻ si mê chịu đau khổ vì sự mê lầm, muốn tìm cách kéo họ lên. Cho nên trong nhà Phật có những phương tiện dạy người tu bằng cách đồng sự hóa. Chúng sanh làm việc gì, Bồ-tát cũng làm việc đó để gần gũi giáo hóa họ. Vì lòng từ bi, khi thấy đúng lẽ thật rồi tự nhiên thương người còn mê. Đã thương thì đâu nỡ bỏ, phải làm sao hướng dẫn chỉ dạy dìu dắt họ. Do đó Bồ-tát lăn xả vào đời hơn người thế gian nữa. Biết cuộc đời không thật, bản thân mình không thật, những suy nghĩ không thật, càng thương người càng cố gắng tìm dạy dỗ họ, nên càng sống tích cực hơn.

Đạo Phật là con đường hay phương pháp giác ngộ. Giác ngộ là thấy đúng như thật. Phật thấy đúng như thật nên nói thân người hư dối. Chúng sanh thấy sai sự thật nên nói thân này thật. Từ thấy thân thật dẫn đến bao nhiêu sai lầm khác, chứ không dừng một chỗ. Đó là do chúng ta không tỉnh giác. Nếu thấy thân này giả, lúc đó mê hay giác? Giác. Thấy thân thật là mê, thấy thân giả là giác. Như vậy tu muốn giác ngộ dễ hay khó? Chỉ đổi cái nhìn thôi, nhìn sai lầm chuyển lại nhìn đúng, hợp với chân lý, đó là giác. Tu theo Phật là giác ngộ tức nhìn đúng, nhìn đúng thì sự tu hành rất dễ. Bình thường nếu thấy thân thật, ai chửi mình không thể nào nhịn nổi. Mình thật thì chửi cũng thật. Bây giờ thấy thân giả thì lời chửi cũng giả, nên Bồ-tát nghe chửi bới, khinh miệt các ngài cười thôi, vì có dính gì đâu. Đức Phật ngày xưa, khi bị người ta chửi ngài cũng ung dung tự tại, không một chút buồn giận. Còn chúng ta ngày nay bị chửi thì sao?

Đỏ mặt đỏ mày. Cho nên người thấy đúng lẽ thật thì dễ tu, còn thấy sai lẽ thật thì rất khó tu.

Phật tử nói tu không nổi, khó quá. Nhưng thật ra tu không khó mà trái lại rất dễ, chỉ đổi cái nhìn thôi. Cái đó trắng nhưng hồi xưa mình nói đen, bây giờ thấy rõ lẽ thật rồi, trắng mình nói trắng. Đổi cái nhìn như vậy có tốn bao nhiêu công đâu, tại sao chúng ta không chịu đổi? Không chịu đổi rồi nói tu khó, đó là tại mình cố chấp chứ đâu phải tu khó.

Hồi xưa có một anh chàng bán thịt ngoài chợ. Hôm đó được vị thiện tri thức giáo hóa thức tỉnh, anh liền làm bài kệ sau:

*Tạc nhật dạ-xoa tâm,
Kim triều Bồ-tát diện,
Bồ-tát dữ dạ-xoa,
Bất cách nhất điều tuyền.*

Dịch:

*Hôm qua tâm dạ-xoa,
Ngày nay mặt Bồ-tát.
Bồ-tát cùng dạ-xoa,
Không cách một đường tơ.*

Không cách một đường tơ, chỉ đổi cái nhìn thì thành liền. Thấy tất cả pháp là thật cũng như tay úp, bây giờ thấy nó giả giống như lật ngửa tay lại. Có gì khó đâu mà chúng ta không chịu đổi, rồi cứ kêu trời kêu Phật khó quá. Tu không khó mà khó là do ta không can đảm

chuyển đổi cái nhìn của mình. Như vậy mê và giác chỉ là đổi bàn tay úp thành ngửa, một chút xiu thôi, không cách một đường tơ. Không cách một đường tơ mà chúng ta cứ nói khó là sao?

Hôm qua tâm dạ-xoa tức là tâm giết hại. Bữa nay đổi lại thấy tất cả đều giả hết, đó là tâm Bồ-tát. Như vậy chuyển mê thành giác không phải nặng nề như xô ngã cả núi đá, mà nhẹ như tờ giấy thổi liền bay, nhưng không hiểu sao chúng ta không chịu đổi? Bồ-tát với chúng sanh đâu có gì lạ, một bên thấy đúng như thật là giác là Bồ-tát, một bên thấy sai sự thật là mê là chúng sanh. Ta cứ ngỡ Bồ-tát với mình cách xa muôn trùng nhưng sự thật không cách một đường tơ nữa, xoay qua liền xong. Chúng ta biết điều đó sai sự thật, mà cố giữ hoài là đồng ý đi trong đường mê muôn đời rồi.

Tu là phải chuyển đổi từ mê ra giác, chứ không phải cầu Phật cho cái này, cái kia. Nhiều người tu Phật mà cứ cầu xin, ham Phật cho mà không ham chuyển tâm mê thành tâm giác. Đó là sai lầm của đa số người tu ngày nay. Đường giác thì muốn đi, mà đường mê lại không chịu bỏ. Có lạ chưa! Bồ-tát là phần giác tức giác ngộ từng phần. Những gì ta thấy đúng thực hiện đúng thì thành Bồ-tát. Nếu đúng ít gọi là Bồ-tát con, lớn hơn là Bồ-tát lớn, như các vị Bồ-tát Sơ địa chẳng hạn.

Thế gian cứ cãi lý với nhau hoài, cái phải luôn thuộc về “tôi”. Một trăm cái “tôi” thì một trăm cái phải, cho nên càng phải chứng nào càng cãi chừng đó. Nếu biết được tất cả phải quấy đều không có lẽ thật thì thiên hạ đâu còn cãi nhau nữa. Năm rồi tôi qua bên Mỹ,

có một Phật tử kể lại: Ở Mỹ tới bữa cơm, mấy đứa bé trèo lên ngòai trước, rồi cha mẹ, ông bà lên sau. Còn ở Việt Nam dọn cơm ra mời ông bà, cha mẹ rồi con cháu mới lên sau. Phật tử hỏi như vậy bên nào phải? Tôi nói tùy theo phong tục tập quán của mỗi địa phương, không quyết định phải quấy thuộc về bên nào cả. Nếu chúng ta ngòai cãi phải quấy với nhau, chùng nào mới xong. Người này thấy phải thì người khác thấy quấy. Người khác thấy phải thì người này thấy quấy. Hai cái phải gặp nhau thì chỉ còn có cách cãi nhau, không gì khác hơn.

Như hồi xưa tổ tiên mình theo đức Khổng Tử, quan niệm phái nữ phải khuê môn bất xuất, tức người con gái phải ở trong nhà không được ra ngoài đường. Hoặ tam tòng tứ đức, tam tòng là tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử, nghĩa là ở nhà theo cha, xuất giá theo chồng, chồng mất theo con, người phụ nữ không có chút quyền hạn gì cả. Quý vị phái nữ ngày nay có đồng ý với quan niệm tam tòng không, có khuê môn bất xuất không? Dĩ nhiên không ai chịu nữa rồi. Bây giờ người nữ chạy xe vùn vụt ngoài đường. Rõ ràng những gì dưới thời phong kiến là phải, đến thời này thì hết phải rồi.

Cho nên tất cả lập thuyết, triết lý này, triết lý nọ không phải là chân lý, nó chỉ đúng ở khía cạnh nào thôi. Đức Phật nói tất cả những gì có hình tướng đều tạm bợ, giả dối. Kinh Kim Cang Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.” Phàm cái gì có tướng đều là hư dối. Nếu thấy các tướng không thật (phi tướng) tức là thấy Phật. Như vậy Phật gần hay xa? Chỉ thấy đúng là thấy Phật

vì Phật là giác. Lẽ thật hết sức gần gũi mà chúng ta lại không chịu thấy lẽ thật.

Người tu Phật là người đi đúng với chân lý đức Phật chỉ dạy. Nhưng ngày nay người tu Phật đi sai lệch nhiều quá, nhiều đến gần tám mươi phần trăm. Cứ theo Phật, xưng đệ tử Phật, vào chùa thắp hương xin Phật đủ thứ hết. Phật gia hộ cho con khỏe mạnh, cho con thi đậu, cho con làm ăn phát tài v.v... Nếu Phật cho được thì không còn lý nhân quả nữa. Nhân ai gây thì quả người đó phải hưởng, chứ Phật đâu có can dự vào mà cho quả này quả nọ được. Vậy mà Phật tử cứ cầu xin đủ thứ, đó là sai lầm. Cho nên người học Phật phải đi thẳng vào lẽ thật, nguyện con giác ngộ thấy đúng như thật. Thân giả biết giả, tâm suy nghĩ phân biệt giả biết giả, không tạo nghiệp trong sanh tử nữa, đó mới là người học Phật tu Phật chân chánh.

Chúng ta thấy mê và giác thật quan trọng. Từ mê chấp thân, chấp tâm suy nghĩ hơn thua, phải quấy là thật, nên con người tạo đủ thứ nghiệp, không biết bao nhiêu nỗi khổ. Thân tuy chấp thật nhưng ít nguy hiểm bằng tâm. Vì tâm sai khiến thân, tâm nghĩ bậy thì miệng nói bậy, thân làm bậy. Cho nên tâm là chủ sai khiến, chủ đã sai lầm các bộ phận tùy thuộc cũng sai lầm theo. Ba nghiệp cứ thế mà tạo nghiệp không có ngày dừng, trôi lăn trong đường sanh tử không bao giờ dứt. Trong nhà Phật nói thân, khẩu, ý tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử? Trong ba nghiệp thì ý nghiệp là tối trọng. Khi chúng ta lầm cho ý nghiệp là thật, rồi chạy theo nó, nó lôi đầu mình đi đó, như vậy luân hồi muôn kiếp.

Phật tử tu hành thành lập đạo tràng cũng là điều hay. Vì sao? Ví dụ Phật tử hiểu đạo, ra đường bị kẻ xấu khinh miệt chửi bới, người đó làm thình đi, những người chung quanh thấy tức, nói ngu quá. Phật tử sống tốt mà bị chê. Nếu có tu trong đạo tràng, huynh đệ cùng hiểu đạo, hôm nào bị người ta chửi, mình nhịn được về khoe với anh em “hôm qua tôi bị người ta chửi quá mà không giận”, anh em sẽ vui mừng động viên thêm “anh, chị tu khá rồi đó”. Như vậy, có một nhóm cùng chung tu, hiểu biết nhau mới dễ thông cảm. Một người giác sống trong trăm ngàn người mê thì rất khó tu. Người nhịn nhục không được khen mà còn bị chê ngu dốt nữa. Thành ra người ấy bị hai ba cái phiền, bên này đã phiền, bên kia còn phiền hơn.

Chỗ tu hành khó là vì không có người thông cảm cho mình. Người tỉnh sống với người tỉnh thì rất dễ. Một người tỉnh sống với trăm ngàn người mê rất khó. Khó là tại vì họ mê mình tỉnh. Mình nói cái gì cũng giả họ nói mình điên, còn họ nói thật là đúng. Như vậy để thấy đạo lý khó khăn không phải vì đạo khó, mà vì nhiều người mê quá. Chúng ta muốn tỉnh cũng khó tỉnh vì số đông mê sẽ lôi mình theo họ. Đó là lý do phải có chùa để Phật tử cùng đi chùa, có đạo tràng để cùng tới đạo tràng tu tập, anh em huynh đệ thông cảm nhau. Những gì hay chúng ta khích lệ nhau tiến lên, những gì dở cùng khuyên nhau chừa bỏ. Ngoài thế gian không được tâm đó nên sống gần họ rất khó tu.

Chúng ta tu thiền để được định, nên nói thiền định. Định cái gì? Định cái tâm lăng xăng lộn xộn

nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua của mình. Như khi những vọng tưởng giả dối hư vọng dấy lên, chúng ta biết nó giả không theo, lần lần nó mòn yếu, rồi tới lặng yên. Khi nó lặng hết chúng ta mới không bị nó dẫn đi nữa. Còn nghiệp dẫn đi thì còn luân hồi sanh tử, hết nghiệp dẫn đi tức là giải thoát sanh tử. Như vậy nghiệp là nhân dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử, mà vọng tưởng là gốc tạo nghiệp. Những ý niệm lăng xăng lộn xộn là gốc tạo nghiệp. Bởi vì khởi nghĩ là nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua, nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ thương nghĩ ghét v.v... Những cái đó là nhân tạo nghiệp. Bây giờ nhân tạo nghiệp dừng lặng rồi thì hết tạo nghiệp. Hết tạo nghiệp là giải thoát sanh tử.

Người tu thiền dùng trí tuệ nhìn sâu, nhìn thẳng vào nội tâm. Trong ba nghiệp, ý là số một, mình nhắm thẳng vào chú mà dẹp. Dẹp chú, chú lặng rồi thì miệng và thân cũng hiền lành theo. Vậy gốc là phải diệt trừ niệm sanh diệt lăng xăng. Chúng ta tu muốn được an lạc, giải thoát thì dừng hết niệm. Nhiều người đặt câu hỏi, khi những suy nghĩ lặng hết rồi mình còn cái gì? Tôi nói rõ khi suy nghĩ lặng, chưa phải hết. Như khi quý Phật tử ngồi thiền, niệm khởi biết niệm khởi, niệm lặng biết niệm lặng. Ai biết được niệm khởi, niệm lặng? Rõ ràng mình biết chứ ai! Niệm là cái bị mình biết, còn cái biết biết được niệm khởi niệm lặng, cái biết đó không sanh diệt. Cái biết đó trong nhà Phật cũng gọi là trí tuệ Bát-nhã, dùng nó để thấy thôi, chứ chưa phải cứu cánh.

Quý vị nhớ, mười mục chấn trâu trong nhà thiền thường nhắc đi nhắc lại. Mục thứ nhất là chú mục đồng

đi tìm trâu. Mọc thứ hai gặp trâu rồi tới những mọc sau là điều phục trâu, cuối cùng trâu mất. Trâu mất nhưng mọc đồng còn, qua mọc nữa mọc đồng mất luôn, chỉ có một vòng sáng. Đó là tượng trưng khi chúng ta tu, vì còn vọng niệm nên phải vận trí Bát-nhã chiếu phá nó. Nó còn khởi thì mình còn dẹp, chừng nào niệm lặng hết rồi thì trí Bát-nhã cũng buông luôn, lúc đó mới thể nhập cái chân thật. Như vậy, hằng ngày chúng ta nhìn thấy nội tâm dấy động là bỏ, dấy động là quả trách nó hư giả... đó là sử dụng trí tuệ Bát-nhã. Cho nên trong nhà Phật nói muốn phá dẹp hết vọng tưởng điên đảo phải dùng trí Bát-nhã. Khi dẹp hết tâm lăng xăng rồi, buông luôn trí tuệ Bát-nhã, lúc đó mình còn cái gì? Nó ra làm sao? Ở đâu?

Bây giờ tôi nói một ví dụ, quý vị nương vào đó nhìn lại sẽ thấy. Khi chúng ta đang tỉnh táo thế này, bỗng dưng quên hết mọi niệm lự, không nghĩ suy tính toán gì cả. Lúc đó chim kêu có nghe không, gió thổi mát có mát không, tất cả những tướng động qua lại bên ngoài có thấy không? Tất cả đều rõ ràng. Tâm có hai thứ: một, tâm sanh diệt gọi là vọng tưởng; hai, tâm chân thật gọi là chân tâm. Tâm là cái biết, cái biết theo vọng tưởng sanh diệt là cái biết hư dối, cái biết hằng hữu nơi mình không bao giờ thiếu đó là cái biết chân thật.

Quý vị không suy nghĩ mà biết, cái biết đó tướng mạo gì? Không có tướng mạo. Còn cái biết suy nghĩ đều có tướng mạo. Cái chân thật hiện tiền luôn ở bên mình mà mình bỏ quên. Tại sao bỏ quên? Ngài Thần Hội dùng một ví dụ rất hay để chỉ điều này. Như cái gương sáng, khi ta nhìn gương thấy bóng thì chỉ nhớ bóng mà quên gương.

Bóng ấy từ đâu ra? Từ gương mà có, nhưng có bóng liền quên gương. Cũng vậy, tâm thể mình trùm khắp, vừa dấy niệm lên mình theo niệm nên quên tâm thể. Bây giờ muốn trở lại tâm thể thì phải dừng niệm. Cũng như muốn gương hiện rõ trước mắt thì đừng có bóng, lúc đó ta thấy gương rõ ràng. Đó là lẽ thật mà lâu nay chúng ta không biết, cứ ngỡ cái suy nghĩ là mình, mất nó chắc mất mình. Không phải, mất nó rồi cái mình thật mới hiện ra. Phật dạy chúng sanh có hòn ngọc quý mà bỏ quên, có tánh Phật mà không chịu giác để mê. Tánh Phật luôn sẵn có, không vắng thiếu lúc nào. Còn suy nghĩ khi có khi không, nhưng chúng ta chạy theo cái sanh diệt có không đó mà quên mất cái thật. Đó là si mê đáng thương.

Chúng ta tu Phật là để giác ngộ. Giác ngộ thân này không thật, giác ngộ tâm sanh diệt không thật, để nhận cái chân thật của chính mình, trong nhà thiền gọi là trở về quê cũ. Đức Phật đã từng tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Tại sao mình chưa tu mà nói Phật sẽ thành? Bởi vì đã có sẵn tánh Phật rồi, chỉ lúc nào nhớ bỏ cái mê lầm thì trở lại ông Phật chứ gì. Như vậy tánh Phật không phải riêng đức Phật có, mà tất cả chúng ta đều có. Phật định được tâm, nên sống trở lại tánh giác gọi là thành Phật. Còn chúng ta tâm rong ruổi tạo nghiệp luân hồi hoại, vì vậy lang thang mãi trong vòng trầm luân sanh tử.

Thế thì con đường trở về quê hương dài hay ngắn? Nói sao cho đúng? Đường như dài mà thật là ngắn. Chỉ biết rõ tâm sanh diệt không thật, khẳng định như vậy.

Chúng ta hiện đang có tâm thật hiện tiền, mà chạy theo bóng thì quên cái thật. Trong kinh Lăng-nghiêm đức Phật dụ, như chàng Diễn-nhã-đạt-đa sáng lấy gương soi mặt. Nhìn vào gương thấy mặt mày đẹp quá, khi úp gương lại anh ôm đầu chạy la “tôi mất đầu rồi”. Mình có giống anh chàng đó không? Khi khởi nghĩ hay dở nói mình hay mình khôn, đến khi hết nghĩ mình hoảng la “mất tôi rồi”. Đó là giống Diễn-nhã-đạt-đa, chấp bóng quên đầu. Hiểu như vậy mới thấy chúng ta mê lắm thật đáng thương! Từ mê lầm này nối tiếp mê lầm khác, không có ngày ra khỏi. Tu là để giải thoát sanh tử, muốn giải thoát sanh tử phải dừng gốc mê lầm đó. Muốn dừng gốc mê lầm phải thức tỉnh nhìn bằng lẽ thật, nếu không như thế dù tu công quả phước đức bao nhiêu, cũng ở trong sanh tử thôi.

Tâm không suy nghĩ hiện tiền của chúng ta chừng bao lớn? Không có giới hạn. Tại sao trong hội Linh Sơn, Phật không nói một lời? Ngài đưa cành hoa sen lên nhìn khắp hết mọi người, tới ngài Ca-diếp thì ngài Ca-diếp mỉm cười. Phật nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp.” Thế là ngài Ca-diếp được Phật truyền tâm ấn. Chánh pháp nhãn tạng là cái gì? Là kho con mắt, là cái chân thật mà lâu nay chúng ta quên. Cái thấy không có tướng mạo, hằng có. Có người nói khi nhắm mắt đâu còn thấy. Nhắm mắt thấy không? Như khi chúng ta đang ngủ, mở đèn lên biết sáng không? Biết. Lỡ tai thường nghe không? Thường. Khi ngủ có người gõ cửa cộc cộc ta liền nghe. Như vậy nó thường trực ở đó, nơi mắt

nơi tai đều sẵn có đó. Khi Phật đưa cành hoa lên, Ca-diếp nhìn, Phật nhìn lại, ngài liền cười, đủ biết hai thầy trò thông cảm: con có cái đó, con biết được cái đó. Cho nên Phật mới nói chánh pháp nhãn tạng, tức chánh pháp ở kho con mắt, ngài Ca-diếp ngộ được, bây giờ Phật trao cho. Nói trao mà không có gì để trao cả, vì ngài Ca-diếp đã có sẵn rồi. Từ đó thiên tông truyền mãi, cho tới ngày nay cũng vẫn như vậy. Phật tổ chỉ cho chúng ta cái chân thật thường có nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.

Các thiên sư dùng phương tiện bằng một tiếng hét hoặc bằng câu nói vô nghĩa. Ví dụ sau khi Phật Niết-bàn rồi, hôm đó A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Ngoài y bát ra, Thế Tôn còn truyền cho Sư huynh cái gì khác không?” Ngài Ca-diếp kêu: “A-nan.” A-nan: “Dạ.” Ngài Ca-diếp nói: “Cây phướn trước chùa ngã.” A-nan liền ngộ. Như vậy truyền cái gì? Đó là truyền ở con mắt, truyền ở lỗ tai. Nghe nói cây phướn trước chùa ngã, mình cứ tưởng nói chuyện cây phướn.

Sau này, thiên sư Hoàng Bá tới ở nhờ một ngôi chùa nọ. Một hôm, Tướng công Bùi Hưu tới chùa, thấy có tượng cao tăng mới hỏi Trụ trì: “Tượng cao tăng ở đây mà cao tăng ở đâu?” Trụ trì trả lời không được. Bùi Hưu hỏi: “Ở đây có thiên sư không?” Đáp: “Có.” Vị Trụ trì mới mời ngài Hoàng Bá ra, Bùi Hưu hỏi: “Vừa rồi tôi hỏi một câu, ngài Trụ trì tiếc lời không đáp. Xin Thầy đáp giùm.” Hoàng Bá nói: “Ngài hỏi đi.” Bùi Hưu lặp lại: “Tượng cao tăng ở đây mà cao tăng ở đâu?” Ngài Hoàng Bá kêu: “Bùi Hưu.” Bùi Hưu đáp: “Dạ.” Ngài Hoàng Bá hỏi: “Ở đâu?” Bùi Hưu liền ngộ.

Rõ ràng cái thật đó sẵn nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta, trùm hết mà mình không hay. Chúng ta cứ nhớ những lăng xăng trong đầu, chạy theo nó rồi quên hết cái thật hiện tiền. Cái lăng xăng trong đầu thì duyên theo bóng người, bóng vật, bóng cây, bóng cỏ, còn cái sẵn nơi mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng ta, nó hiện tiền mà chúng ta quên lửng. Như vậy, chúng ta bỏ Phật hay Phật bỏ chúng ta? Ai bỏ ai? Ai cũng quý Phật, trọng Phật mà không ngờ lại bỏ Phật. Trọng Phật ở ngoài, Phật bằng gỗ, bằng xi-măng, còn Phật thật thì lại bỏ, thật đáng thương không! Chúng ta tu là trở lại Phật thật của chính mình. Vì tượng bên ngoài đâu có giác ngộ được, chính tâm sẵn có của mình mới giác ngộ.

Trong kinh nói tánh giác trùm khắp không giới hạn. Bởi vì nó không tướng thì đâu lấy gì giới hạn được. Cái to như vậy mình bỏ quên, còn cái thân mấy chục ký đây ta lại quan trọng. Đó là điều mê lầm. Nếu chúng ta thấy được lẽ thật ấy thì đời mình mới có giá trị. Tu là trở lại ông Phật thật của chính mình. Đó là tánh giác không sanh không diệt, hoàn toàn không còn sanh tử nữa. Chúng ta muốn tu tới nơi tới chốn thì phải quyết tâm. Tất cả luôn nhớ rõ cội nguồn sanh tử là vọng tưởng, cội nguồn giác ngộ là tâm chân thật hiện tiền của chúng ta. Thân này có bại hoại, nhưng ta có ông Phật thật rồi, không sợ chết nữa. Bại hoại thân hư giả, chứ cái thật đâu có mất. Hiểu như vậy thì sự tu an ổn vô cùng, không còn gì sợ sệt nữa.



NGƯỜI GIÀNH KHÔN LÀ KẼ DẠI, NGƯỜI CHỊU DẠI TỨC LÀ KHÔN

Thiền tự Hương Hải – Canada – 2002

Hôm nay mới đến tuy còn nhọc, nhưng nghĩ tình Phật tử từ ở Ottawa lên đây chờ đợi nên tôi nói một đề tài nhỏ cho quý vị nghe hiểu, ứng dụng sống đúng với đạo lý. Đề tài tôi nói là Người Giành Khôn Là Kẻ Dại, Người Chịu Dại Tức Là Khôn.

Ở đời ai cũng nghĩ mình khôn, nên nghe chê dại nổi tức liền. Trong xã hội này mọi người đua nhau giành khôn, đã giành thì có tranh, có chống chọi nhau. Có tranh, có chống chọi nhau thì thật khôn không? Không. Như có người nói anh hay chị ngu quá. Người nghe nổi tức lên, tức thì chửi lộn nhau, rốt cuộc hai người ngu hết. Bây giờ người ta nói mình ngu, quý vị nên trả lời thế nào? Nói phải, tôi là người ngu. Người xưa bảo càng học càng thấy dốt, không ngu sao được? Trên thế gian này muôn ức việc phải biết, mà chúng ta chỉ biết một ngành

nghe chuyên môn thôi, có khi ngay ngành chuyên môn còn biết chưa hết nữa, bao nhiêu việc khác ta đâu có biết. Như người chuyên ngành may mặc chỉ giỏi may mặc, còn bên văn phòng kế toán không biết. Người giỏi văn phòng kế toán không biết ngành khoa học. Người ở ngành khoa học không biết ngành xây dựng. Muôn ngàn việc ở thế gian, chúng ta chỉ biết nhỏ xíu thôi. Như vậy có phải ngu không? Tại sao nói ngu mình không chịu. Mình biết một ít trong phạm vi giới hạn mà giành khôn với người ta thì có phải là kẻ ngu chưa? Thế nên tôi nói người giành khôn trở lại thành ngu.

Nếu biết tu chúng ta nên hiểu trên cõi đời này, ai cũng có hiểu biết theo khả năng, trình độ, kiến thức mà mình huân tập, ngoài phạm vi ấy ra mình chưa biết hết các lãnh vực khác. Như vậy ai có nói ngu, ta nên chấp nhận. Người giành khôn thật ra chỉ là tưởng tượng thôi, không có chân lý, không có lẽ thật. Chân lý lẽ thật là tất cả chúng ta còn đang ngu. Mai một ai nói ngu mình không tức giận nữa, đó là mình vượt khá hơn phạm tình rồi.

Chúng ta muốn làm người tỉnh táo sáng suốt thì ai làm gì nói gì, mình phải tỉnh táo trả lời. Như nghe người ta nói nặng mình là con bò. Khi chưa hiểu đạo Phật tử giận đỏ mặt, bây giờ hiểu đạo rồi, ta nói thế này “Phải, vì tôi có uống sữa bò nên có tế bào bò trong người tôi.” Nói thế có sanh chuyện cãi vã không? Ngược lại, chúng ta không chịu ngu, lớn tiếng cãi lại với người kia, một lát thành điên hết cả đám.

Người tu là người tỉnh sáng, không phải ngu tối. Biết lẽ thật để mình không chống chọi một cách vô lý,

sanh thù oán nhau, đó là tu. Giả sử có người thấy Phật tử làm gì trái ý họ, họ liền chửi “cha mày”. Lúc đó quý vị nổi nóng liền, nói sao chửi cha tôi. Nổi nóng có lợi gì, chỉ cần đáp lại: “Cám ơn anh, anh nhắc tới ba tôi.” Cha mày tức là ba mình, họ nhắc tới cha mình có tội lỗi gì đâu nên ta cám ơn họ.

Người khôn ngoan không phải nghe một câu trái tai liền phản ứng nóng giận, như vậy chỉ càng trở thành kẻ dại. Người ta hiểu lầm nói bậy, mình phải sáng suốt nhắc họ. Một người sáng ở cạnh một người tối thì phải bình tĩnh để giúp người tối sửa sai, như vậy mới gọi là người sáng. Đàng này người ta nói bậy, mình cũng nói bậy theo, một hồi nổi nóng có thể đánh đập nhau nữa, hóa ra cả hai đều tối hết. Đó là những điều vô lý do mê lầm, cố chấp mà ra.

Đối với người mắng chửi mình thậm tệ, lúc đó ta nên nhịn hay nên chống cự lại? Lý lẽ thì nói nhịn nhưng thực tế khó nhịn được. Một ít người cho rằng người ta mắng chửi mà nhịn, đó là mình ngu. Nghĩ vậy nên họ không nhịn mà chửi lại cho hơn, người kia chửi nặng chừng nửa ký, mình đáp lại một ký. Như vậy mới vừa, chứ đáp lại nhẹ sợ thua người ta, sợ thiên hạ chê mình ngu. Vì thế người đời cứ đua nhau giành khôn, ai cũng muốn nói cho hơn, chửi cho nặng, để mình được khôn. Đức Phật thấy chúng sanh mê lầm tới như vậy thì thương xót không biết nói sao vừa. Người thế gian càng chửi, càng mắng, càng đánh nhau, thì càng điên đảo, càng đau khổ thù hận, không có ngày cùng. Vậy mà họ đâu có biết, đâu chịu tỉnh!

Như chúng ta vào bệnh viện tâm thần, thấy bệnh nhân đang chơi trước sân. Mình đi ngang họ kêu chửi, lúc đó quý vị xử trí thế nào? Mình không chọc ghẹo mà họ chửi, có nên nổi tức không? Dạ không. Sao vậy? Vì biết họ là kẻ bệnh. Ta là người tỉnh, nếu cự lộn với kẻ bệnh thì người ta sẽ nói mình thế nào? Chắc cũng muốn vô ở trong đó rồi. Bị người điên chửi, chúng ta nhớ mình không phải người bệnh, nên nghe chửi ta càng thương, càng tội nghiệp họ bệnh hoạn, mới nói bậy, làm bậy. Đó là những người đáng thương.

Cũng vậy, nếu Phật tử biết tu thì phải tỉnh táo. Người không biết tu họ giành khôn, giành dại, nói bậy bạ, Phật tử nên thương hay nên giận? Thương nhẹ nhẹ chứ chưa thương mạnh phải không? Người không biết đạo là mê, người biết đạo là tỉnh, một người mê một người tỉnh chửi lộn với nhau thì khách bàng quan sẽ nói sao? Họ chửi mà mình vẫn thản nhiên không giận, mới là người biết đạo lý, là người tỉnh. Còn chửi lại người ta hóa ra mình cũng mê, làm sao nói tỉnh được.

Hồi xưa đức Phật đi giáo hóa, hôm nọ tới một khu vực đạo Bà-la-môn. Đức Phật khát thực xong, ngài đến ngồi dưới gốc cây thọ trai. Thọ trai xong, những người trong xóm đến ngồi xung quanh nghe đức Phật thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ phát nguyện quy y Tam bảo. Từ đó họ trở thành đệ tử Phật, không theo đạo Bà-la-môn nữa. Ông thầy Bà-la-môn ở địa phương đó tức quá, hôm sau Phật đi khát thực, vừa thấy Phật đi phía trước, ông theo sau kêu tên Phật chửi. Ông chửi từ đầu đường đến cuối đường, Phật vẫn ung dung tự tại đi

không trả lời câu nào hết. Tới cuối đường, chịu hết nổi ông chặn Phật lại hỏi:

- Cù-đàm, ông thua tôi chưa?

Phật liền nói bài kệ:

*Người hơn thì thêm oán,
Kẻ thua ngủ chẳng yên,
Hơn, thua hai đều xả,
Ấy được an ổn ngủ.*

Người hơn thì thêm oán, nếu mình thắng người ta thua, người ta sẽ oán hờn mình. *Kẻ thua ngủ chẳng yên*, mình nói không lại người ta thì thấy thua, về trần trọc ngủ không được. *Hơn, thua hai đều xả*, Ấy được an ổn ngủ, chỉ bỏ hết hai cái hơn thua thì được an ổn ngủ.

Phật bị người ta chửi ngài có nhục không? Chúng ta bây giờ sợ bị chửi nhục, nên phải làm dữ với người chửi, làm dữ nên ai cũng là kẻ dữ hết. Bên người dữ phải có người hiền, mới thấy ai tốt ai xấu, chứ người ta dữ mình cũng dữ thì còn ai hơn ai. Người biết tu với người không biết tu đều ngang nhau thì giá trị sẽ thế nào? Quý Phật tử nếu là người chân thật biết đạo thì phải nhường nhịn, bỏ qua những điều kẻ khác nói nặng, giành hơn, như vậy mới thật là biết đạo, biết tu hành.

Ta không giành hơn với ai hết mà có thua không? Nếu ngày xưa đức Phật bị người ta chửi, ngài cũng nổi giận chửi lại thì bây giờ chúng ta có lạy ngài không? Nhường nhịn là nhục hay nhường nhịn là cao cả? Quý vị đánh giá lại xem. Mai kia có ai nặng nhẹ mình,

ta nhìn họ thì đừng nghĩ nhìn là nhục mà nhìn là cao cả. Còn kẻ giành hơn nói lời nặng nhẹ người khác là kẻ thấp hèn. Chúng ta phải hiểu cho thật kỹ, mai kia mới có thể vươn lên được.

Chúng ta tu là người tỉnh sáng, nhận chân được lẽ thật thì không bao giờ chống đối lại kẻ ngu khờ. Chống lại kẻ ngu khờ càng làm mất hết giá trị của mình. Nên nhớ càng giành khôn trở lại càng ngu, càng nhận ngu trái lại càng khôn. Phật tử nên hiểu thấu đáo ý nghĩa đó để tu, có thể chúng ta mới là người sáng suốt, người thức tỉnh. Ngược lại, nếu không tỉnh táo sáng suốt thì chúng ta cũng mê như ai. Thế mà ở trong chùa nhiều vị đi tu cũng còn cự cãi. Tôi không biết phải nói sao! Chúng ta tu rồi phải trên thuận dưới hòa, giữ không khí yên ổn để tu, cãi qua cãi lại làm gì. Phật không rước những người cãi lanh cãi giỏi đâu, Phật chỉ rước những người tu hành đàng hoàng chân chánh. Đó là điểm thứ nhất tôi muốn nói.

Đến điểm thứ hai, trên đời này có ai là người toàn vẹn hết không? Có chăng, mười phần tốt được năm sáu, còn ba bốn phần chưa được tốt. Vậy mà ai nói mình xấu liền không chịu. Chúng ta chưa toàn vẹn, mà ai nói xấu cự liền. Muốn tốt mà cự với người ta thành ra xấu mất rồi. Như vậy chúng ta phải làm sao? Khi nghe nói xấu, ta nên trả lời: Phải, trăm điều tốt tôi làm chưa tới năm sáu chục điều nên xấu là hợp lý thôi. Nếu ta nói như vậy, người kia cũng thấy họ chưa làm được điều tốt gì, họ nhận ra mình cũng nói bậy. Đừng thêm cãi cự khi nghe ai nói xấu mình, vì ta đâu có toàn vẹn mà cãi. Giả sử toàn vẹn thì càng không nên cãi, vì còn cãi là còn chưa toàn vẹn.

Đó là một điều cần yếu chúng ta phải nhớ để tu trong lòng xã hội này.

Phật tử biết tu đối với tốt xấu không giành, đối với nghèo giàu cũng không giành. Ai cũng muốn mình giàu sang, khi nghe chê nghèo là không chịu, mà quên xét lại xem mình giàu chưa? Ta chưa thật giàu mà ai chê nghèo lại không muốn, như vậy có mâu thuẫn không? Nhiều người vì muốn được người ta nể nang mình giàu sang nên trau chuốt bề ngoài. Ở nhà thiếu thốn đủ thứ, nhưng ra đường ăn mặc cho sang. Để làm gì? Để đánh lừa thiên hạ, tôi không phải nghèo. Chẳng lẽ nghèo là cái xấu sao? Nghèo mà đủ ăn, đủ mặc, đủ sống là tốt rồi, đừng làm điều hư, điều xấu thương tổn đến xã hội thì đâu phải là người xấu. Còn người ăn mặc sang, nhìn thấy như giàu mà làm thương tổn cho gia đình xã hội, như vậy có tốt chưa, có thiệt giàu chưa?

Có một điều tôi xin lưu ý tất cả quý Phật tử, có người nghèo xơ xác mà lại giàu, có kẻ giàu kếch xù mà lại nghèo. Đó là ai? Dù người nghèo xơ xác nhưng gặp ai khổ, có cơm họ chia cơm, có áo chia áo, đó là nghèo mà giàu. Còn những người giàu sang cả, đi xe hơi lộng lẫy mà ai khổ, ai đói, họ không cần ngó tới, đó là giàu mà nghèo. Tóm lại, người biết sử dụng đồng tiền, sử dụng của cải, biết chia sẻ cho kẻ nghèo, người đó có tâm rộng lớn nên tuy thiếu mà mình cảm thấy họ vẫn dư. Còn những người nhiều tiền nhiều của mà không biết chia sẻ với ai, luôn luôn muốn bòn mót thêm thì tâm nghèo, vì chưa bao giờ họ thấy dư. Hiểu thế chúng ta mới thấy ý nghĩa trong cuộc sống.

Người tuy nghèo mà tình thương tràn đầy lai láng, họ giúp kẻ này người kia, do tâm rộng lớn nên tuy giúp một ít, mà giá trị đáng ngàn vàng. Còn những người giàu sang nhưng keo kiệt thì cũng chỉ là tòi tở của tiền của mà thôi. Cho nên trong đạo Phật quý trọng những người có ít tiền của mà dám làm những điều tốt, hơn là kẻ có nhiều tiền của mà không có lòng tốt.

Có câu chuyện một cô gái nghèo thế này. Hồi xưa, cô sanh ra cha mẹ mất sớm, cô phải đi ăn mày. Cô lội khắp đầu đường xó chợ để kiếm cơm, tối trải chiếu nằm ngủ ở góc phố, đời cô rất bi đát. Một hôm nghe nói người biết cúng chùa với tâm rộng rãi, cúng cái gì chúng tăng trong chùa đều hưởng được hết thì phước rất lớn. Cô kiểm lại thấy hôm nay mình đi xin được hai đồng xu, bây giờ làm sao cúng được hết chư tăng. Cuối cùng cô nghĩ ra được một cách là mua hai xu muối.

Bấy giờ Hòa thượng trụ trì báo với đại chúng trong chùa hãy đánh chuông trống đón vị đại thí chủ đến cúng dường. Chư tăng trong chùa nổi chuông trống theo lời dạy của Hòa thượng, nhưng không thấy vị đại thí chủ nào ngoài cô gái ăn mày đem cúng hai xu muối. Cô vô chùa, xuống nhà bếp nói với quý vị nấu bếp “Cháu nghèo lắm, xin được có hai xu, cháu nhịn ăn bữa nay để mua hai xu muối, nhờ quý bà nêm nồi canh cho chư tăng ăn, cháu có phước.” Nghe thế, mấy bà nhà bếp thương, vui vẻ làm giùm cô. Sau khi chư tăng ăn xong nồi canh rồi, cô cũng đi ăn mày như mọi hôm.

Qua một thời gian cô lớn lên, được mười sáu tuổi. Bấy giờ trong triều có thái tử mười tám hay mười chín

tuổi gì đó, nhà vua đang tìm người con gái xinh đẹp đoan trang để cưới cho thái tử. Vua ra lệnh cho các quan trong triều có con gái đem đến để thái tử chọn vợ. Thế là các tiểu thư con quan nô nức sửa sang để được thái tử chiếu cố. Nhìn tất cả các cô, thái tử không vừa lòng ai hết. Cuối cùng nhà vua sai bá quan đi khắp thành thị cho tới thôn quê, tìm người vừa ý với thái tử. Nếu ai tìm được người vừa ý thái tử sẽ được ban thưởng.

Trong số các quan đi tìm kiếm, có một vị đi tới khu vực cô gái ăn mày, ông nhìn lên thấy có vầng mây đỏ quàng chỗ đó. Ông nghĩ đây chắc là người đại phước nên mây đỏ xoay vầng trên đỉnh đầu. Tới nơi thấy đứa bé trùm chiếu ngủ, ông giở chiếu ra, cô bé giật mình thức dậy. Ông hỏi cháu làm gì ở đây, nó thú thật vừa đi ăn mày về, mệt quá nằm đại ngoài vỉa hè ngủ. Ông nhìn thấy nó cũng dễ thương nên nói “Bây giờ cháu nghe lời ông, theo ông về triều làm con nuôi của ông, chịu không?” Cô bé mừng quá theo ông ngay. Sau một thời gian nuôi nấng đàng hoàng, ông dẫn đến trình với nhà vua. Vua kêu thái tử ra, vừa nhìn thấy cô bé thái tử đồng ý liền.

Chúng ta thấy từ một cô gái ăn mày trở thành vợ của thái tử. Sau này vua cha chết thái tử lên ngôi, cô trở thành hoàng hậu. Khi làm hoàng hậu cô tự xét, mình có phước đức gì mà trở thành hoàng hậu? Bấy giờ cô nhớ lại có lần cúng chùa hai xu muối, có lẽ nhờ thế mà được ngôi vị hôm nay. Để đền ơn Tam bảo, cô cho xe chở lụa là tới chùa cúng nữa. Nhưng sao hôm nay cô không nghe tiếng chuông trống như ngày xưa, dù phẩm vật bây giờ

đầy ắp những thứ trân quý. Sau khi lễ Phật rồi, hoàng hậu trách Hòa thượng trụ trì:

- Trước kia tôi là kẻ ăn mày chỉ cúng có hai xu muối mà nghe trong chùa đánh chuông đánh trống long trọng. Ngày nay tôi đã là hoàng hậu đem cả xe đồ đạc tới cúng, sao trong chùa lạnh ngắt thế này?

Hòa thượng nói:

- Ngày xưa khi Hoàng hậu còn là kẻ ăn mày, nhịn ăn để mua muối cúng dường chư tăng, lòng tốt lúc ấy rất rộng lớn. Hoàng hậu đã quên mình, chỉ nhớ đến chư tăng nên tôi cho đánh chuông trống đón. Còn ngày nay Hoàng hậu chở cả xe lụa là tới cúng dường, nhưng của này là của dân, không phải của Hoàng hậu. Lấy của dân cúng dường thì có gì để đánh chuông đánh trống?

Nghe vậy, hoàng hậu thức tỉnh mới biết phước của mình ngày xưa dù chỉ hai xu muối mà to lớn vì nhịn đói mà cúng, của ít lòng nhiều. Còn ngày nay mình đem cả xe đến cúng, của nhiều mà lòng ít vì đâu nhịn đói như ngày xưa. Hiểu thế rồi, hoàng hậu rất hối hận.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy có ai không làm phước được đâu. Ăn mày còn làm được. Phật tử đừng nói khi nào tôi giàu mới cúng chùa, như vậy là hứa suông, không phải lòng tốt. Lòng tốt là nghèo khó mà biết làm chuyện phước đức, do tâm rộng lớn mới được như thế. Như vậy không phải người giàu dễ làm phước, người nghèo khó làm phước. Nghèo tới độ không có tiền mua hai xu muối sao? Ai có tâm rộng lớn đều có thể làm phước được, còn tâm hẹp hòi dù có của

nhiều mấy cũng không làm phước được. Quý ở lòng mình, chứ không phải ở tài sản bên ngoài. Nhưng bây giờ Phật tử có bệnh đi chùa năm bảy chị em, trong đó một hai người giàu họ cúng nhiều, năm ba người nghèo cúng ít. Thế là người nghèo buồn, có khi còn đổ kỵ nữa. Họ nghĩ mấy người giàu phách, cúng nhiều cho thầy khen. Đó là những ý nghĩ sai lầm, bỏ đi, đừng nuôi dưỡng trong tâm, không tốt.

Nhà Phật dạy chúng ta tu, làm việc đạo phải hiểu rõ, không phải của nhiều hay của ít mới được phước nhiều hay phước ít. Có khi chúng ta không có xu nào, nhưng thấy người khác cúng dường mình vui vẻ, tán thán, phước cũng nhiều bằng người cúng dường kia. Phước ở đâu lại? Từ tâm tùy hỷ lại. Nhà Phật nói công đức tùy hỷ rất lớn. Chúng ta không có tiền của, thấy ai làm được việc phước mình vui vẻ, tán thán, khích lệ, gọi là tùy hỷ.

Tại sao công đức tùy hỷ lớn? Vì thế gian luôn luôn có tâm ganh tỵ, không muốn ai hơn mình. Thấy ai hơn mình thì ghét, đó là tâm ganh tỵ. Người có của, có tâm rộng rãi, giúp chùa lo cho đạo, mình phát tâm tùy hỷ tán thán, khen ngợi. Làm được việc đó là mình phá tan tâm ganh tỵ. Bên cúng dường bố thí dẹp lòng tham, bên tùy hỷ dứt tâm ganh tỵ, cho nên phước hai bên đều như nhau.

Chúng ta thấy tán thán người làm việc phước có tốn hao gì đâu, mà nhiều vị không chịu, phải hơn người ta mới chịu. Mình ít hơn, thấy khó chịu nên cũng đua nhau giành phần hơn. Nhưng người nghèo làm sao giành hơn được. Do đó phải học tâm tùy hỷ. Vì vậy người Phật tử chân chánh không sợ mình nghèo làm việc phước đức

không được. Ở đây có người nào không thể làm phước đức không? Nghèo giàu gì cũng làm được hết. Chị khá thì chị đi chùa, cúng dường chùa. Tôi nghèo quá không có tiền cúng chùa thì tôi tùy hỷ với chị. Khéo tu, biết tu, thì trường hợp nào chúng ta cũng có công đức, phước đức hết. Người tùy hỷ, người bố thí đều được phước như nhau, còn người thấy bạn cúng nhiều sanh tâm ganh tỵ được phước hay được tội? Càng ganh tỵ càng thêm tội. Mình không làm, người ta làm mà còn đố kỵ thì xấu quá. Chính tâm xấu ấy làm tăng tội.

Như vậy trên đường tu, có mấy điều Phật tử phải nhớ, phải hành. Điều thứ nhất đừng giành khôn. Điều thứ hai đừng giành hơn. Thứ ba đừng sợ nghèo không làm việc phước được, chỉ sợ tâm xấu, đố kỵ, keo kiệt thôi. Nên nhớ trong đạo Phật không có ai không tu được, chỉ sợ không muốn tu thôi. Muốn tu, biết tu rồi hoàn cảnh nào tu cũng được hết. Phật tử nghe quý thầy dạy bao nhiêu đó, cố gắng thực hành để trở thành người Phật tử chân chánh.

Mong tất cả quý Phật tử có mặt hôm nay đều hoan hỷ tập những hạnh lành như chúng tôi đã nói, để được lợi ích cho mình và mọi người chung quanh. Làm sao mỗi ngày quý vị càng trở thành một Phật tử chân chánh, thuần thành, không bị ai phê phán là Phật tử mà còn dữ quá! Được vậy là đem tiếng tốt cho đạo, cũng đem tiếng tốt lại cho mình và mọi người.



GIẢNG CHO SINH VIÊN BOSTON VỀ PHẬT GIÁO

*Giảng tại thiền tự Bồ Đề,
Boston Hoa Kỳ – 2002*

Hỏi: Bạch Thầy, đạo và đời phải đi đôi với nhau. Con nghĩ trong thế giới hiện đại này nếu chúng ta chỉ tu thôi mà không hành đạo trong đời thì sự tu tập ấy chưa đầy đủ. Vậy Thầy có thể cho chúng con biết làm thế nào người cư sĩ đi vào đời mà không nhiễm bụi trần và hành đạo được?

Đáp: Cư sĩ mà không nhiễm bụi trần hơi khó. Máy thầy đây mà muốn không nhiễm còn khó, huống chi quý vị. Bởi vì tuổi trẻ mọi suy nghĩ còn bông bột, đi trong bụi trần không dính nhiều cũng dính ít, chứ không thể nào không dính được. Muốn không dính thì phải cạo tóc như quý thầy mới khả dĩ.

Nhưng đối với cuộc đời, người Phật tử hiểu đạo sẽ không sống trái với đời, mà luôn luôn sống hòa nhịp. Người đời không hiểu đạo, họ chỉ nghĩ tới lợi danh tài sắc, làm sao thỏa mãn những gì họ mong muốn. Còn Phật tử cũng có lợi danh tài sắc nhưng hạn chế, vừa phải chứ không đi quá đà. Như vậy Phật tử cũng có nhiệm nhưng nhiệm ít ít thôi. Cuộc sống giữa người Phật tử và người thế gian khác ở chỗ, một bên sa đà trong nhiễm ô, một bên có giới hạn, có chừng mực. Như vậy sống đời là cuộc sống bình thường của thế nhân, còn Phật tử biết chút ít đạo nên sống trong chỗ hạn chế, không sa đà như người đời. Đó là khá rồi.

Hỏi: Bạch Thầy, sống như vậy có khác gì thuyết Trung dung của đạo Nho và đạo Lão không?

Đáp: Thật ra thì khác hẳn. Vì đạo Nho nhìn khác, đạo Phật nhìn khác. Thời đức Khổng Tử là thời phong kiến, trên lãnh đạo nói ra điều gì ở dưới phải tuân theo, thêm nữa là nam nữ cách biệt. Còn đạo Phật lúc nào cũng công bằng, trên dưới nam nữ đều bình đẳng trong sự giác ngộ và giải thoát.

Nói tới đạo Phật chúng ta phải truy nguyên từ nhân ban đầu. Tại sao đức Phật đi tu? Đây là vấn đề chính yếu, để từ đó chúng ta thấy rõ đức Phật tìm hiểu, giải quyết và thành tựu đạo quả Bồ-đề như thế nào. Lúc đạo bốn cửa thành ngài thấy cảnh người già, người bệnh, người chết. Thấy thế rồi, ngài nảy sinh ra ba câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất, con người từ đâu đến? Câu hỏi thứ hai, sau khi chết còn hay hết? Câu hỏi thứ ba, nếu muốn không còn tiếp tục sanh tử phải làm sao?

Đó là những vấn đề then chốt khi đức Phật dạy bốn cửa thành, đã đặt ra như vậy. Ngài thao thức bất an, không thể nào ở trong cung điện thụ hưởng khoái lạc được, nên mới trốn đi tu.

Như vậy mục tiêu ngài đi tu là để giải quyết vấn đề con người. Chúng ta từ đâu tới đây, chết rồi còn hay mất, nếu còn thì đi đâu, làm sao dừng được sự sanh tử liên tục đó. Trên đường tìm đạo gặp mấy tiên nhân, ngài tu theo họ, chứng được Tứ thiên rồi Tứ không, nhưng chẳng giải quyết được vấn đề then chốt ngài thắc mắc. Cuối cùng ngài đến tọa thiền dưới cội bồ-đề, thệ nguyện nếu không thành đạo thì xương tan thịt nát cũng không rời chỗ này. Với ý chí cương quyết, tới đêm thứ bốn mươi chín, tâm ngài hoàn toàn phẳng lặng, bỗng dưng sáng lên, thấy rõ từ vô số đời trước của mình cho tới hiện đời, tức chứng được Túc mạng minh. Túc là đời trước, mạng là sanh mạng. Túc mạng minh là thấy rõ ràng sanh mạng đời trước.

Do thấy rõ vô số đời trước, nên ngài tuyên bố con người không phải bỗng dưng có mặt ở đây, cũng không phải mới tới lần đầu, mà đã tiếp nối từ vô số đời rồi. Ngài nói: “Ta nhớ những chuyện trải qua trong vô số kiếp như chuyện mới hôm qua.” Vì vậy sau này những bài giảng của ngài nói về đời trước của mình kết tập lại thành kinh Bản Sanh, của các đệ tử thành kinh Bản Sự. Như vậy câu hỏi thứ nhất được giải quyết. Ngài biết rõ đã vô số đời từng ở đâu, làm gì, cha mẹ là ai, tên gì, có gia đình ra sao... ngài nhớ hết. Vậy mới biết rằng chúng sanh không phải chỉ mới có mặt lần này.

Tới canh ba ngài sáng lên một vấn đề nữa, chúng được Thiên nhãn minh, tức con mắt nhìn được những nơi thật xa thật nhỏ. Do đó ngài tuyên bố con người chết rồi không phải là hết, mà theo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Trong kinh kể khi ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy chúng sanh luân hồi lục đạo như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua, người lại rõ ràng. Đó là điều chúng ta ngày nay cũng chưa dám tin, nhưng sự thật tin được. Bởi vì ngài nhìn thấy nghiệp dẫn chúng sanh đi, con mắt đó khác hơn con mắt phàm tục của chúng ta nên gọi là thiên nhãn.

Đức Phật nhìn ra bầu trời thấy vô số thiên thể, bây giờ khoa học mới lần theo nhưng vẫn chưa thấy được hết. Phật nói số thiên thể hiện có trong hư không này không thể nào đếm hết được, nhiều vô số nên trong kinh thường dùng từ hằng hà sa số thế giới, tức thế giới nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ. Ngày nay các nhà thiên văn học cũng tìm ra phần nào thôi, chứ không nhiều. Nên biết cái thấy của Phật là cái thấy thật, không phải ngài suy lý hay nhờ phương tiện bên ngoài, do chứng được Thiên nhãn minh mà thấy. Đó là nhìn xa.

Nhìn gần ngài thấy trong một bát nước có vô số vi trùng. Cho nên hồi xưa những đệ tử của Phật đi khát thực, đi giáo hóa, dọc đường không có nước lọc để uống. Nếu uống nước dưới hồ dưới giếng, ngài bảo phải đọc câu kệ: “Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng.” Đức Phật nhìn trong bát nước thấy có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Những lời Phật nói ngày xưa cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ, lúc đó có ai biết không?

Không ai biết được, đâu có phương tiện gì để biết. Bây giờ các nhà khoa học nhờ kính hiển vi thấy được vi trùng, sau Phật cả hai mươi ba, hai mươi bốn thế kỷ. Như vậy cái thấy của đức Phật vượt quá cái thấy của người phàm tục. Khi Phật thấy chúng sanh theo nghiệp đi chỗ này chỗ khác rồi, ngài mới nói lý luân hồi. Chết không phải là hết mà theo nghiệp thọ sanh trong sáu đường. Rõ ràng cái thấy biết của Phật không qua phương tiện khoa học, mà là tự tâm thấy biết, không nhờ phương tiện bên ngoài.

Từ canh ba tới canh năm lúc sao mai vừa mọc, ngài chứng được Lộ tận minh. Lộ là rơi rớt, tận là sạch. Lộ tận minh là biết phương pháp tu dứt sạch sự rơi rớt trong tam giới và biết con người tạo những nghiệp gì để nối tiếp sanh tử trong ba cõi. Sau đó Phật giảng bài pháp đầu tiên, đó là pháp Tứ đế nói thẳng nếu chúng sanh cứ chạy theo nhân trầm luân sanh tử thì phải chịu quả khổ. Nhân trầm luân sanh tử là gì? Là Tập đế. Tập đế là nhân, khổ đế là quả. Ai tạo nhân khổ nào thì phải chịu quả khổ nấy. Nhân đó là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Đức Phật nhìn từ nhân mà thấy được quả rõ ràng. Dứt được sanh tử khổ là Diệt đế. Nói rõ hơn Diệt đế là tiêu diệt nhân sanh tử khổ được quả vô sanh vĩnh viễn an vui. Muốn tiêu diệt nhân khổ phải có phương pháp, phương pháp đó là Đạo đế. Có phương pháp cụ thể mới tiêu diệt được mầm sanh tử.

Đức Phật do định tâm thấy rõ nhân quả khổ sanh tử trong ba cõi và con đường chấm dứt nhân quả khổ ấy. Ngài thấy mà nói, chứ không học hỏi của ai.

Những gì ngài thấy ngài nói, ngày nay chúng ta nhờ khoa học mà tin được, có những điều chưa ai phát minh tới. Ví dụ chuyện luân hồi khoa học bó tay, chuyện dứt mầm sanh tử khoa học cũng bó tay, không tìm được, không thấy được. Những gì Phật thấy, Phật biết khoa học ngày nay còn cách quá xa, không theo kịp. Như cùng cha mẹ, cùng gien mà năm bảy anh em không ai giống ai từ thể xác cho đến tâm hồn. Nếu không phải là nghiệp mang từ quá khứ lại thì làm sao giải thích nổi điều này.

Gần đây chúng ta nghe xuất hiện những vị thần đồng, năm bảy tuổi đã thạo về âm nhạc hoặc toán số v.v... Mỗi người có một điểm đặc biệt, đó là nhân từ quá khứ còn lại. Cho nên khi ra đời chúng ta đã đem theo nhân quá khứ, nhân đó lần lần lớn mạnh lên, khi đủ duyên nó phát ra trong ý nghĩ và hành động của mình. Như đi học tại trường thì mỗi sinh viên hay học sinh đều học qua những lớp giống nhau. Tới khi bắt đầu vào đại học mỗi người thích mỗi khoa, mỗi ngành khác nhau, không phải ai cũng thích cùng một môn. Như vậy mới thấy sở trường của mỗi người từ quá khứ còn tồn đọng lại, chứ chưa phải hết. Bởi nó tồn đọng nên đời này chúng ta vẫn tiếp tục. Cho nên thuyết luân hồi nói chết rồi không phải hết mà sẽ đi nơi này, nơi nọ tùy theo nghiệp duyên của mỗi chúng sanh.

Nói nghiệp duyên, nhưng nghiệp là gì? Nghiệp theo tiếng Phạn là karma, Trung Hoa dịch là nghiệp, nghĩa là thói quen. Ví dụ những vị từng làm thầy giáo,

từng làm thầy thuốc, từng buôn bán... thì gọi là bạn đồng nghiệp. Đồng nghiệp là cùng một việc làm mà việc làm đó lặp đi lặp lại mỗi ngày thành thói quen. Vậy nghiệp do ai tạo cho chúng ta? Ta tự tạo. Như mấy cháu nhỏ, mười tuổi trở xuống có cháu nào ghiền thuốc đâu, lớn lên học theo chúng bạn, tập hút thuốc từ từ mới thành ghiền. Rượu cũng vậy, có ai chừng năm mười tuổi ghiền rượu không? Không. Rượu có ngon không? Người chưa từng uống thì rượu vừa chát, vừa cay đâu có ngon lành gì, nhưng tập riết thành quen. Ban đầu ta làm chủ tập, nhưng khi thành thói quen rồi thì thói quen đó làm chủ lại mình. Tới bữa cơm phải có một ly rượu, quen rồi nên hôm nào không có ly rượu thì ăn không được, bắt con cái chạy mua rượu đem về mới chịu ăn. Như vậy mình chỉ huy thói quen hay nó chỉ huy mình? Rõ ràng nó chỉ huy mình.

Qua đó chúng ta thấy rằng tất cả những thói quen, ban đầu do mình tạo ra về sau nó có sức mạnh dẫn mình đi. Người nào tập thói quen tốt thì đi chỗ tốt, thói quen xấu thì đi chỗ xấu. Ví dụ chiều nào Phật tử cũng tới chùa tụng kinh, hôm nào không tới thì buồn. Còn người chiều nào cũng đi coi hát, bữa nào không đi cũng buồn. Đó là thói quen, thói quen thì thành nghiệp. Nghiệp là vậy, chứ không phải ai đặt để cho chúng ta, tự mình tạo rồi tự mình lãnh, ta hoàn toàn có đủ thẩm quyền trong việc tạo nghiệp.

Đạo Phật không nói số mệnh mà nói nghiệp. Trước kia ta tạo nghiệp thế nào thì đời này tới chỗ thế ấy.

Đạo Phật tôn trọng tự do của con người, con người có quyền tạo nghiệp tốt, cũng có quyền tạo nghiệp xấu, không lệ thuộc vào số mệnh cũng không lệ thuộc vào một đấng thần linh nào. Phật tử gặp tai nạn cứ kêu “Trời ơi, khổ quá. Trời hại tôi.” Trời hại hay mình hại? Người sanh ra gặp hoàn cảnh tốt, nói trời ban cho tôi hoàn cảnh tốt, người sanh ra gặp hoàn cảnh xấu nói trời đặt để cho tôi v.v... Tin trời, tin mệnh, tin số mà không tin mình, tự đặt mình ở thế bị động. Trời, mệnh ở thế chủ động mà hỏi trời đâu không biết, mệnh từ đâu mà ra cũng không biết.

Con người có bệnh hay đổ thừa. Đi chơi ghiền rượu, ghiền thuốc nói tại trời khiến tôi hư hỏng như thế, chứ không dám nhận trách nhiệm thuộc về mình. Đã không nhận trách nhiệm thì đâu có chịu sửa. Người hiểu đạo Phật biết rõ tất cả những gì tốt hoặc xấu đều do mình gây tạo trước kia và hiện nay. Như vậy nhìn kỹ chúng ta thấy đạo Phật chỉ thẳng lẽ thật nơi con người. Khổ vui gốc từ mình chứ không phải từ đâu đến. Đã từ mình thì không kêu trời trách đất, không đổ thừa cái này cái nọ. Cho nên người hiểu đạo Phật là người can đảm, mình làm mình chịu, khổ tới chấp nhận vì biết chuyện này gốc từ mình ra. Có can đảm như vậy mới vươn lên được.

Ví dụ người sanh ra đời tật nguyên thì trách ai? Trách trời đất hay trách cha mẹ? Thật ra do mình thiếu phước mới chịu thân không tốt, chứ có cha mẹ nào muốn sanh con xấu đâu. Cha mẹ ai cũng muốn con đẹp, con toàn vẹn, khi sanh ra con xấu cha mẹ cũng đau buồn lắm chứ!

Còn nếu nói trời khiến thì không biết trời ở đâu, chuyện ấy không có bằng cứ rõ ràng. Cho nên Phật dạy đời trước chúng ta tạo những nghiệp nhân không hay nên bây giờ phải chịu quả tạt nguyên. Hiểu vậy rồi người ấy vui chịu, không than thở, không trách cứ ai hết. Đó là sức mạnh của người tu Phật. Nên người hiểu đạo Phật không yếu đuối, can đảm nhận trách nhiệm hết, không chạy trốn, không đổ thừa. Ở thế gian người ta cứ đổ thừa tại cái này, tại cái nọ. Việc gì hư là tại ai kia, chứ không phải mình dở, mình làm hư. Cứ tại không hà, cho nên suốt đời không sửa mình, không vươn lên được.

Chúng ta tu theo đạo Phật cũng không tiêu cực, vì thấy rõ mình có quyền quyết định mọi trường hợp. Đạo Phật rất tích cực hoạt động, chứ không tiêu cực lơ lơ qua ngày. Phật tử phải ráng tu, ráng sống cho tốt, mặc dù biết các pháp duyên hợp không thật, nhưng theo luật nhân quả nên không ai dám nghĩ bậy, làm bậy. Đức Phật cũng không dạy chúng ta cầu xin. Phật tử bây giờ thường hay cầu xin, đó là điều sai lầm khiến cho những người bàng quan nhìn qua, tưởng đạo Phật dạy người ta yếu đuối. Chúng ta tụng kinh cầu nguyện là nguyện cho mọi người phát tâm Bồ-đề, nguyện cho tất cả chúng sanh được bình an, hưởng thái bình v.v... chứ không nguyện cho con làm ăn khá, buôn bán lời nhiều. Phật tử chưa hay làm cho người ta đánh giá đạo Phật không hay. Chúng ta tu lơ mơ, trái với lẽ thật nên người không hiểu đánh giá đạo Phật yếm thế bi quan. Đó là lỗi tại chúng ta tu không đúng lời Phật dạy.

Lại nữa, Phật nói gốc của đau khổ từ tham, sân, si mà ra. Bây giờ muốn hết đau khổ phải làm sao? Phải tiêu diệt nó. Nhưng khổ nỗi có ai chịu tiêu diệt nó đâu, cứ nuôi hoài, vì vậy mới đau khổ tiếp nối. Nếu tiêu diệt được tham, sân, si thì ta thành thánh chưa? Thánh rồi. Như vậy cuộc đời cao siêu, đáng quý trọng không phải ai làm cho mình mà ta phải tự tu tập. Ai làm cho mình hết tham lam, hết nóng giận, hết si mê? Không ai chen vô được hết, chính mình là chủ nhân tạo ra nó thì cũng chính mình là chủ nhân tiêu diệt nó. Chúng ta tu là giành quyền quyết định cả một cuộc đời, quyết định sự tiến lên cho mình.

Hiện tại, ai cũng có tham, sân, si, ba thứ này tốt hay xấu? Xấu. Vậy mà nhiều người khi tức lên nói “cái này đáng giận lắm”. Đáng giận là tại cái đó đáng giận hay tại mình làm chủ không được nên giận. Rõ ràng do mình thiếu sức làm chủ nên tức giận, thế mà ta còn biện hộ để che chở tật xấu của mình nữa. Sự thật không có gì bên ngoài tạo cho mình thói xấu, mà gốc ở mình. Có nhiều Phật tử lại nghĩ không la không hét, thiên hạ nói mình thua hoặc ngu. Cho nên phải la hét để tỏ ra mình khôn ngoan, mạnh mẽ chứ không phải yếu đuối. Như vậy hay không? Tôi nhắc lại câu chuyện ngày xưa của đức Phật để quý vị thấy rõ về việc này.

Ngày xưa đức Phật đi khất thực trong vùng đạo Bà-la-môn. Nhiều tín đồ Bà-la-môn được Phật cảm hóa, họ bỏ đạo quy y theo ngài. Ông thầy Bà-la-môn tức quá, hôm sau Phật đi ngang, ông theo sau chửi ngài.

Mặc ông chửi Phật vẫn cứ ung dung tự tại đi. Tức quá ông chặn đường hỏi Phật:

- Cù-đàm, ông có điếc không?

- Không.

- Tại sao tôi chửi ông không trả lời.

- Ví như nhà ông có lễ mời bạn bè tới dự. Khi về ông còn đem quà tặng họ. Nếu họ không nhận thì quà ấy về ai?

- Tôi tặng mà họ không nhận thì quà ấy về tôi chứ về ai.

- Cũng vậy, ông chửi mà ta không nhận thì đâu có dính dáng gì.

Chúng ta thấy đâu phải không ai động tới Phật mà mình kính ngưỡng ngài, chính vì người ta chửi Phật không giận, không cự lại nên chúng ta mới lạy Phật mãi không chán. Nếu lúc đó Phật cự lại thì ngày nay chúng ta không lạy ngài đâu. Như vậy đức Phật nhịn là thua hay hơn? Hơn. Sao bây giờ chúng ta nói nhịn là thua. Đó là sự lầm lẫn của đa số người ngày nay. Càng nhịn được chừng nào người ta càng kính nể chừng ấy, vì sức làm chủ mạnh mới nhịn nổi. Đức Phật nhịn thầy Bà-la-môn mà có ai nói Phật ngu đâu. Hiểu như vậy mới thấy sức làm chủ của mình còn yếu, nên khi có sự kích động chúng ta không chịu nổi la lối om sòm. Nếu sức làm chủ mạnh nghe người ta chửi ngoài tai chỉ cười thôi. Họ chửi ta nghe qua bay mất tiêu. Đàng này nghe qua mình ghi lại đậm hơn, rồi nổi nóng la hét đủ thứ.

Như vậy chỗ cao cả của người tu là làm chủ được mình trọn vẹn. Muốn làm chủ mình trọn vẹn phải làm chủ được tham, làm chủ được nóng giận, làm chủ được si mê, đó là người tu tiến.

Nói tham sân si, nhưng thật ra si đi đầu rồi mới tới tham, sân. Từ gốc si mê hiểu lầm, chúng ta mới tham. Tham không được thì nổi sân. Con người si mê cái gì nhất? Có nhiều thứ si mê, nhưng gốc là thấy thân này thật. Chúng ta đặt câu hỏi lại, nếu thân này thật thì nó phải còn hoài. Nếu nó có một thời gian rồi hoại mất thì không thật được. Cái không thật mà chúng ta cứ ngỡ thật, đó là si mê. Như hiện giờ ta nói mình sống, nhưng thật ra có sống thật đâu, mà phải vay mượn bên ngoài. Thân này do bốn chất đất, nước, gió, lửa hợp lại thành. Nó tụ hợp lại là đủ chưa? Chưa đủ, muốn cho nó tồn tại phải vay mượn bốn chất ở ngoài đắp vô.

Mũi thở liên tục, mượn không khí đem vô rồi trả ra, đem vô trả ra cả ngày lẫn đêm. Khi nào mượn mà làm biếng trả thì chết. Như vậy thật được sao? Một lát mượn tách nước, đem vô rồi cũng phải trả ra. Sáng ăn chút gì đó, đến trưa phải mượn cơm rau, chiều xế lại tiếp tục mượn nữa, đem vô rồi trả ra. Cứ như vậy mượn trả đều đặn suôn sẻ gọi là khỏe mạnh. Nếu mượn trả trực trặc thì phải đi bác sĩ. Mượn trả, mượn trả liên miên. Từ khi chúng ta có mặt tới lúc nhắm mắt cứ làm việc mượn trả không lúc nào ngơi nghỉ. Nhiều người tưởng mình rảnh rồi không làm việc gì, nhưng thật ra đâu có rảnh mà phải mượn trả hoài.

Nếu cuộc sống là sự mượn trả liên tục như vậy thì thế nào là cuộc sống hạnh phúc? Mượn trả suôn sẻ thuận tiện là hạnh phúc. Nếu mượn trả trục trặc là bất hạnh. Như vậy giá trị thật của con người ở chỗ nào? Không có giá trị thật. Thế nhưng chúng sanh si mê cứ ngỡ thân này thật thân này quý, nên cái mượn mà cũng đòi mượn cho tốt. Ví dụ mượn nước thì nước lã cũng được, nhưng không, phải là nước cam nước mía mới chịu. Đất cũng thế, cơm nào cũng được nhưng phải là cơm gạo lúa thơm kia. Còn nhiều thứ nữa, bày tùm lum hết, bày quá rồi cực khổ tốn hao sanh phiền não. Con người cứ ngỡ được tất cả nhu cầu vừa ý là hạnh phúc. Vừa ý là sao? Chẳng qua mượn vô trả ra thôi chứ có gì hơn, cả cuộc đời chỉ là mượn trả, đâu có giá trị chân thật để gọi là hạnh phúc.

Thấy thân thật thì tham bao nhiêu thứ khác, để thỏa mãn nhu cầu của thân. Tham không được thì nổi tức là sân. Ai cũng muốn hơn người chứ ít muốn bằng lắm. Như vậy cả ngày muốn mà không được thì buồn. Đó là gốc từ si mà ra. Phật tử biết thân không thật giả tạm, sống vay mượn không có gì quan trọng, thì đừng đòi hỏi quá sức mình. Một tách nước thường uống cũng được thì đâu có tốn tiền. Mượn cơm canh thường đủ cho mình sống rồi, đâu phải thêm cái gì nữa mới thích. Trong cái vay mượn mà bày biện riết thành khổ. Nghĩ kỹ như vậy, tất cả những gì chung quanh mình đều giải quyết được hết. Có món ngon ăn cũng vui, không có món ngon cũng vui. Mượn mà, mượn rồi trả chớ có giữ hoài đâu mà đòi. Nên biết từ mê lầm về thân chúng ta đi tới tham, sân bên ngoài.

Đức Phật chỉ cho chúng ta những lẽ thật. Thấy được lẽ thật thì việc tu không khó. Như thấy thân không thật nên biết lời nói cũng không thật, nghe ai nói chối tai mình bỏ qua hết. Như vậy rất dễ tu. Còn thấy thân thật thì tu hết sức khó. Nếu chúng ta cứ tụng kinh cầu phước mà không thấy rõ lẽ thật, thì đời sau sanh ra tốt hơn đời này nhưng không được giác ngộ. Còn tu bằng trí tuệ, thân giả biết giả là giác. Giác thì hết mê. Đạo Phật là đạo giác ngộ, chỉ rõ lẽ thật cho chúng ta thấy. Muốn giác ngộ chỉ cần thay đổi cái nhìn là giác ngộ liền. Hiểu rõ như vậy mới thấy giá trị của đạo Phật.

Nhiều người nhất là giới trẻ nghe kinh Bát-nhã nói sắc sắc, không không, không hiểu nổi. Nhưng đó là lẽ thật. Trong nhà Phật nói cái gì do nhân duyên hợp thì cái đó từ không do duyên hợp thành có. Như chúng ta muốn cất nhà, trước hết phải có chỗ đất trống. Cũng như trước khi cắm hoa vào bình thì bình phải trống. Nếu bình đã có hoa thì không cắm thêm được nữa, nếu nhà đã có thì không cất được nữa. Như vậy gốc từ không duyên hợp thành có, đó là không tức thị sắc. Duyên hợp thành có rồi một lúc nó hoại đi thành không, đó là sắc tức thị không. Từ không duyên hợp thành sắc, từ sắc duyên tan thành không. Nên sắc tức là không, không tức là sắc.

Người học Phật là đi tới chỗ giác ngộ, thấy đúng như thật. Đức Phật xoay quanh con người nên thấy con người trước. Thấy con người đúng như thật rồi, thì các cái khác không còn làm nữa. Phật đâu cần tìm hiểu thế giới bên ngoài làm chi, chỉ xoay trở lại mình,

chứng được Thiên nhãn rồi thì con mắt khoa học còn kém xa. Phật cũng không định thấy vi trùng làm gì, nhưng có thiên nhãn tự nhiên thấy thôi. Những diệu dụng đó từ ánh sáng nội tâm soi chiếu ra.

Cũng sẽ có người cho rằng chỉ đức Phật mới làm được việc đó, chúng ta khó làm được. Nhưng không phải khó, đức Phật nói ai cũng có tánh giác, vì có sẵn tánh giác nên chỉ cần phủi sạch bụi mờ si mê thì tánh giác hiện tiền, sáng suốt chiếu soi. Chúng ta có khả năng thành Phật, chỉ cần biết xoay lại là được. Như vậy từ dành quyền tạo khổ vui cho mình, đạo Phật còn đưa chúng ta từ một con người tầm thường tới chỗ giác ngộ giải thoát, chỉ cho chúng ta cái phi thường sẵn có ngay nơi cái tầm thường. Phật gọi chúng sanh có bệnh quên mình theo vật, tức cái sẵn có không nhớ, chỉ nhớ cái bên ngoài. Xét kỹ trong cuộc sống, chúng ta thường hay quên mình theo vật, nên mất mình hoài.

Khi ta nhìn mọi người thấy mọi người, nhìn hư không thấy trống rỗng. Thấy người, thấy trống rỗng cũng là thấy. Nhưng khi thấy trống rỗng ta lại cho là không thấy gì hết. Đợi có cái gì đó mới thấy, không có cái gì thì không thấy, Phật gọi ấy là quên mình theo vật. Thấy là gì? Tức là “biết”. Nghe cũng là “biết”. Mình đã có cái thấy cái nghe sẵn tức cái “biết” sẵn mà quên đi, chỉ chạy theo cảnh duyên bên ngoài. Vì vậy Phật nói chúng sanh quên mình theo vật. Bây giờ muốn trở lại mình phải làm sao? Thấy cảnh dừng dính với cảnh, nghe tiếng dừng dính với tiếng thì mình hiện tiền chứ gì.

Lục tổ Huệ Năng nghe kinh Kim Cang tới câu: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm. Bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài bưng ngộ thốt lên: “Đâu ngờ tánh mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình xưa nay vốn không sanh diệt v.v... Vậy thế nào là an trụ tâm? Trong kinh Phật dạy rõ, muốn tâm an trụ thì đối với sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đừng dính đừng kẹt. Tâm an thì tánh chân thật hiện ra. Dễ hay khó? Dễ. Nhưng chúng ta thấy liền dính sắc, nghe liền dính tiếng thành ra khó. Nhiều khi thiên hạ muốn nói lên mình một chút, ta nghe xù xì cũng ráng lắng tai coi họ nói cái gì. Đã người ta không cho mình dính mà cũng ráng dính! Vì vậy cả ngày mắc kẹt hoài, không làm chủ được, không an ổn được. Rồi trách tại cái này, tại cái kia mà không ngờ tại mình. Cho nên muốn tâm an thì đừng dính mắc với sáu trần, không dính mắc với sáu trần thì tâm an. Tâm đó là tâm gì? Là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là tâm Phật.

Tất cả chúng ta đều có khả năng làm Phật mà tại sao không chịu làm? Cứ lạy Phật cầu xin ngài hoài. Ta có cái chân thật quý báu mà quên, chạy theo những cái tạm bợ, để rồi chịu trầm luân từ đời này sang đời khác. Người quyết tu theo Phật phải thức tỉnh, cái gì thật của mình phải quay trở lại, cái gì tạm bợ giả dối thì đừng dính mắc. Đó là tu.

Hỏi: Bạch Thầy, sau Tam Tổ Trúc Lâm thì gần như trong lịch sử Phật giáo Việt Nam không còn Thiền phái này nữa. Bây giờ Thầy muốn tìm lại nguồn gốc

và hoàng dương Thiên phái này. Khi người ta nói đến thiên Việt Nam thì Thiên phái Trúc Lâm là một trong những dòng thiên xuất phát từ Việt Nam, được sản sinh trong lòng Việt Nam và là niềm tự hào lớn của dân tộc. Vậy Thầy có thể cho chúng con biết sự truyền thừa của dòng thiên Trúc Lâm ở Việt Nam như thế nào?

Đáp: Sau Tam Tổ Trúc Lâm còn những vị khác nữa, dài lắm. Nhưng đời Trần mất, nhà Minh bên Trung Hoa qua, lúc đó thời loạn lạc, kinh sách bị thiêu đốt hết. Cho nên những sử liệu trước chúng ta bị mất rất nhiều. Tới nhà Lê lên, nhà Lê sợ cái nếp thiên của nhà Trần nên nghiêng nặng về Khổng tức đạo Nho. Khi nhà Minh qua, các thiên sư đều ở ẩn hết, vì Phật giáo đời Trần ảnh hưởng đến nền chính trị thời đó. Người ta muốn cai trị mình thì những gì ảnh hưởng đến chính trị người ta phải loại, vì vậy các thiên sư ẩn tích mai danh hết. Đến đời Lê cũng không chuộng đạo Phật. Vì vậy một mạch dài mấy trăm năm đạo Phật như chìm mất. Cho nên nhiều vị ẩn tu trước đó không thấy lịch sử ghi lại, chứ không phải không có các ngài. Do có nên tới thế kỷ XVI, XVII mới có các thiên sư như Chân Nguyên, Hương Hải nối tiếp.

Đến đời chúng tôi thật ra Thiên tông Việt Nam mất hẳn. Vì qua thời Pháp thuộc thiên viện không còn. Tôi nghĩ mình là người Việt Nam cái gì hay của tổ tiên, con cháu có bổn phận phải làm sống lại. Cứ chạy tìm cái hay ở nơi khác mà quên mất cái hay của tổ tiên mình thì thật đáng buồn, nên tôi đã quyết tâm nghiên cứu lại

lịch sử Thiên tông Việt Nam và bằng tất cả sức lực của mình, tôi cố gắng phục hưng trở lại, được bao nhiêu mừng bấy nhiêu. Phần còn lại, người sau sẽ tiếp nối.

Thời gian nghiên cứu lại sử Phật giáo Việt Nam có hai, ba sự việc làm tôi rất xúc động. Một lần trong Viện Nghiên cứu Phật học Vạn Hạnh, có buổi họp về Phật giáo, các giáo sư trường ngoài được mời về họp. Khi tan họp ngồi nghỉ uống trà, có một giáo sư ngồi cạnh tôi than: “Thưa Thầy, tôi gặp một vấn đề nan giải.” Tôi ngạc nhiên hỏi: “Giáo sư gặp việc gì khó lắm vậy?” Giáo sư nói: “Thưa Thầy, tôi là giáo sư dạy trường Đại học Tổng hợp Thành phố, hiện là trưởng khoa Văn. Gần đây bên Đức mời tôi qua hội thảo về Phật giáo đời Trần. Thưa thật với Thầy, tôi chưa nghiên cứu về phần này.” Có tui không? Tổ tiên mình mà mình không biết, trong khi ở ngoài người ta muốn biết. Đó là việc thứ nhất.

Việc thứ hai, một số quý thầy cũng như những người nước ngoài muốn học thiền trong khoảng ba mươi mấy, bốn mươi năm về trước phải qua Nhật học. Khi qua Nhật, tra cứu lịch sử thiên tông mới biết thiền truyền sang Nhật Bản sau Việt Nam năm trăm năm. Như vậy người đi sau mình mà mình lại qua học với họ, còn ta đi trước mà không biết gì hết, vì đã mất gốc. Tôi thấy tui là vậy. Do đó khi nghiên cứu tu thiền, tôi nghĩ phải làm sống dậy dòng thiền của tổ tiên mình mới được.

Lúc trước ra Bắc, Viện Hán Nôm có mời tôi nói chuyện. Họ đặt câu hỏi: “Thiên tông ở Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam giống nhau chỗ nào, khác nhau

chỗ nào?” Tôi nói thẳng ở Ấn Độ các ngài hay dùng lý luận khúc chiết. Sang Trung Hoa các ngài nghĩ nước Trung Hoa là trung tâm số một thế giới, có văn hóa cổ truyền nên không muốn lệ thuộc chỗ khác, vì vậy thiền Trung Hoa không lý luận mà dùng thủ thuật kỳ đặc như đánh, đập, hét. Đó là sự chuyển biến do tinh thần dân tộc mỗi nơi. Qua Nhật Bản thì thiền mang nặng sắc thái văn hóa, thiền được đưa vào phổ cập trong quần chúng. Như uống trà cũng thiền, đánh võ cũng thiền, gọi là trà đạo, võ đạo v.v... cái gì cũng thiền hết. Thiền đi trong quần chúng nên việc tu hành gần gũi đời sống mọi người, tuy nhiên cũng chính vì thế tinh ba nhà thiền có phần bị giảm sút.

Qua Việt Nam thì khác. Việt Nam là nước bé nhỏ, em út người ta nên làm gì cũng dè dặt, cẩn thận. Thiền gốc từ đức Phật, nên chúng ta học thiền mà không dám bỏ kinh. Vì vậy vua Trần Nhân Tông khi tu thiền rồi ngài cũng giảng kinh. Như vậy để thấy người Việt Nam rất cẩn thận, lấy gốc từ kinh dạy thiền. Tinh thần thiền Việt Nam vì thế cũng cẩn trọng, nhẹ nhàng, khi nào hứng thú quá các ngài làm thơ, chứ không đánh đập la hét gì hết. Khi thiền sang Việt Nam có hòa lẫn tinh thần dân tộc trong đó, nên màu sắc Thiền tông Việt Nam khác hơn Thiền tông các nước bạn.

Tôi thấy tinh thần thiền Việt Nam rất thích hợp với người Việt Nam. Bởi vì nếu dùng lối thiền thoại đầu như Trung Hoa bí hiểm quá. Nói một câu rồi nghiền ngẫm tới chừng nào nổ tung ra thì bưng ngộp. Nhưng lớp trẻ bây giờ cái gì hiểu mới làm, không hiểu

không bao giờ làm, như vậy tu thiền thoạt đầu không hợp thời. Cho nên chúng tôi theo tinh thần thiền đời Trần, trước học kinh rồi đem kinh chứng hội với thiền. Phật tử nghe hiểu rồi thực hành thì nhẹ hơn, dễ hơn. Chúng ta thật không tủi hổ chư tổ sư thiền Việt Nam đã để lại cho mình một dòng thiền thuần túy Việt Nam mà vẫn giữ được tinh ba từ Phật tổ dạy.

Đó là sơ lược những nét sai biệt của Thiền tông Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam.

Hỏi: Con có một người bạn ngoại quốc đang muốn tìm hiểu về đạo Phật. Bạn hỏi con làm thế nào để bước vào đạo Phật? Thường thường con vẫn học hỏi đạo Phật với quý thầy dễ dàng, nhưng với người ngoại quốc con không biết cách nào giúp họ gần quý thầy hoặc gần chùa. Xin Thầy chỉ dạy cho con phải nói với họ thế nào?

Đáp: Muốn nói với những người xa lạ chưa quen kinh sách và nếp sống đạo của người Việt Nam, thì nên nói rõ cho họ biết đạo Phật là tôn trọng lẽ thật. Bởi tôn trọng lẽ thật nên muốn bước vào đạo Phật phải hiểu đúng lẽ thật, lấy nhân quả chứng minh cho họ thấy. Từ nhân quả mới nói tới lý nhân duyên. Như vậy vừa thực tế, vừa hợp khoa học, người Tây phương dễ chấp nhận hơn. Hiểu nhân duyên rồi tùy trình độ của họ, chúng ta hướng dẫn thêm lên. Bước đầu là như thế.

Hỏi: Bạn con đề cập tới vấn đề ăn chay, tụng niệm và ngồi thiền. Con không biết có nên nói với bạn đó là phần thực tập của mình hay không?

Đáp: Thật ra ăn chay, ngồi thiền... là bước thứ hai rồi. Bước thứ nhất là phải có nhận định chắc chắn rằng đạo Phật dạy nhân quả là lẽ thật, nói lý nhân duyên là lẽ thật. Muốn thực tập nó phải bước qua giai đoạn thứ hai. Thật ra ăn chay hay không ăn chay không phải là điều quyết định, mà quyết định là biết ứng dụng tu. Người Tây phương bây giờ thích ngồi thiền, phải làm sao cho họ hiểu mục đích của việc ngồi thiền. Đa số người thường đặt câu hỏi, thời này người ta rất tiết kiệm thời gian, một ngày một giờ làm ra bao nhiêu tiền, trong khi đó quý thầy ngồi ngó xuống một hai tiếng đồng hồ thì phí quá. Nên họ cho rằng việc ngồi thiền là thiếu thực tế.

Thật ra không phải vậy. Ngài Thần Hội có dùng ví dụ như gương sáng, khi nhìn vào gương thấy bóng người bóng vật, lúc đó ta có nhớ gương không? Thấy người thấy vật là quên gương. Người vật hiện trong gương nên gương là chỗ tựa của cái bóng. Gương là chủ, bóng là khách, nhưng người ta thấy bóng lại quên gương. Cũng vậy, chúng ta có tánh Phật tròn đủ, nhưng những nghĩ tưởng lăng xăng cứ phủ vây che đậy, nếu đuổi theo những nghĩ suy của mình thì không bao giờ thấy được tánh Phật. Cho nên ngồi thiền là cốt dừng lặng cái nghĩ suy. Suy nghĩ lặng xuống rồi thì cái chân thật hiện ra. Cũng như gương không có bóng thì dễ thấy gương tròn đủ.

Ngồi thiền cốt phẳng tìm cho ra cái chân thật đầy đủ nơi chính mình. Phật nói cái chân thật ấy quý giá

như hòn ngọc báu. Có hòn ngọc rồi ta muốn gì đều được như ý. Người thế gian làm ăn cho ra tiền bạc, đó là lấy thời gian để tìm tiền bạc. Còn người tu ngồi ngó xuống để tìm ngọc, nhưng người đời không hiểu. Tiền bạc chỉ nuôi thân tạm bợ này, còn hòn ngọc quý của mình mới giúp chúng ta giải thoát sanh tử. Nó quý giá vô cùng, siêu việt hơn tất cả mọi thứ trên đời nhưng người đời lại không biết. Khi hiểu thế rồi mới thấy ngồi tu là quý. Chúng ta ngồi lại từ từ vọng tưởng lặng hết, nét mặt vui tươi, an lành, thản nhiên tự tại. Còn người đuổi theo tâm lăng xăng thì khi cười khi khóc đủ thứ chộn rộn. Cho nên thiền là con đường đi thẳng để được giác ngộ. Giác ngộ ở đây là giác ngộ viên mãn chứ không phải giác ngộ thường.

Đó là giá trị chân thật của việc tu thiền.



PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIAN
PHẦN II

NÓI VỀ THIÊN

*Giảng tại đạo tràng Chân Như
Pensilvania – Hoa Kỳ – 2002*

Đây là lần đầu tiên tôi tới thăm đạo tràng Chân Như, Phật tử tuy không nhiều nhưng cũng có thiện tâm đối với đạo. Để quý vị hiểu và ứng dụng tu tập dễ dàng, hôm nay tôi sẽ nói về chủ trương tu thiên do chúng tôi hướng dẫn tăng ni, Phật tử tu tập.

Hồi xưa đọc sử Phật tôi rất nghi ngờ. Tại sao đức Phật có tâm đại từ đại bi, ra đời cứu độ chúng sanh nhưng khi ngộ đạo dưới cội bồ-đề rồi, ngài trừ trừ không muốn đi giảng dạy. Khi chư thiên xuống yêu cầu thuyết pháp, ngài bảo: “Vì cái thấy của ta nói ra mọi người không thể hiểu được, cho nên ta không muốn nói.” Chư thiên đòi ba phen nài nỉ, cuối cùng Phật mới đồng ý dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh.

Đầu tiên ngài đến vườn Lộc Uyển giảng pháp Tứ đế cho năm anh em Kiều-trần-như nghe và từ đó bắt đầu

có tăng đoàn. Chư Tỳ-kheo nào tu đúng pháp Tứ đế Phật dạy sẽ chứng được quả A-la-hán, tức quả vô sanh, không còn sanh trở lại nữa. Đó là tu theo thiên Nguyên thủy. Sau này chư tổ dạy tu thiên theo tinh thần Phật truyền tâm ấn cho tổ Ca-diếp trên hội Linh Sơn.

Một hôm nọ, trên hội Linh Sơn đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên rồi nhìn khắp hội chúng, ai cũng ngỡ ngác. Khi nhìn tới Ca-diếp, ngài Ca-diếp liền mỉm cười. Phật mới bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, hôm nay trao cho Ca-diếp.” Như vậy là Phật ấn chứng cho ngài Ca-diếp làm tổ thứ nhất ở Ấn Độ.

Trong hội, Phật đưa cành hoa sen lên không nói một lời, nhìn từng người. Tới ngài Ca-diếp, Tôn giả mỉm cười liền được Phật truyền tâm ấn. Có lạ chưa? Người ta không hiểu đức Phật dạy cái gì cho ngài Ca-diếp. Sau này, khi đức Phật nhập Niết-bàn rồi, một hôm A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Thưa Sư huynh, đức Thế Tôn truyền y bát cho Sư huynh, còn có truyền cái gì riêng không?” Lúc đó, ngài Ca-diếp liền gọi: “A-nan.” A-nan: “Dạ.” Ngài Ca-diếp nói: “Cây phướn trước chùa ngã.” Ngay đó ngài A-nan liền ngộ. Lạ chưa!

Đó là hệ thống Thiên tông truyền từ tổ Ca-diếp đến tổ A-nan, sau này tổ thứ hai mươi tám là Bồ-đề-đạt-ma truyền sang Trung Hoa. Khi đến Trung Hoa, tổ Đạt-ma gặp vua Lương Võ Đế, nói chuyện không thông cảm, nên Tổ đến chùa Thiếu Lâm ngồi xây mặt vào vách chín năm. Sau đó có một vị tăng tên Thần Quang đến cầu học.

Thần Quang thấy Tổ ngồi xây mặt vào vách không nói năng gì hết, nên đứng ở ngoài trời suốt đêm chờ đợi. Đêm đó mùa đông tuyết xuống tới đầu gối, ngài vẫn đứng thản nhiên. Đến sáng tổ Đạt-ma xoay đầu ra nhìn thấy, mới hỏi: “Người đứng suốt đêm trong tuyết, ý muốn cầu việc gì?” Thần Quang thưa: “Cúi mong Hòa thượng từ bi mở cửa cam lồ rộng độ chúng con.” Tổ quở: “Diệu đạo vô thượng của chư Phật dù nhiều kiếp tinh tấn, hay làm được việc khó làm, hay nhẫn được việc khó nhẫn, còn không thể đến thay! Huống là dùng chút công lao nhỏ này mà cầu được pháp chân thừa?”

Sử nói ngài Thần Quang nghe thế liền xuống nhà bếp mượn dao chặt một cánh tay dâng lên Tổ, để tỏ lòng thiết tha cầu đạo. Tổ khen khá đó nên đổi tên là Huệ Khả. Tôi cho rằng đây là yếu tố khích lệ người muốn cầu đạo phải quên mình, không tiếc thân mạng mới cầu đạo được, chứ không thể sơ sài mà cầu được. Có thể đó là hình ảnh tượng trưng, còn sự thật thì không biết thực hư thế nào. Nhưng vì sử nói sao chúng ta ghi nhận như vậy, không dám nói khác.

Một hôm ngài Huệ Khả hỏi tổ Đạt-ma: “Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.” Tổ Đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Ngài Huệ Khả sững sốt tìm lại xem tâm bất an ở đâu, tìm hoài không thấy liền bạch: “Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho người rồi.” Ngay đó ngài Huệ Khả biết lỗi tu.

Đó là vấn đề lâu nay nhiều người thắc mắc. Tại sao Tổ nói việc quan trọng một cách đơn giản, nói như đùa vậy?

Thật ra câu nói của Tổ hết sức quan trọng. Khi bảo đem tâm ra, ngài Thần Quang quay lại tìm tâm xem nó ở đâu, nhưng tìm thì nó mất. Ngài bạch một cách thật thà “con tìm tâm không được.” Tổ bảo “ta đã an tâm cho người rồi.” Vậy pháp an tâm là pháp gì? Trong nhà thiền thường dùng từ “không có một pháp cho người”, nên gọi là giáo ngoại biệt truyền. Phật tử cũng như đa số người nghe điều này thì sửng sốt, không biết tổ Đạt-ma dạy pháp gì mà ngài Huệ Khả nhận được và biết tu?

Thật ra, dạy thiền có nhiều lối. Như lối Tứ đế mà Phật đã dạy trước, tu thiền bằng pháp quán Tứ niệm xứ của Nguyên thủy: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Quán mãi cho tới khi nào tâm không còn dấy động nữa thì được định. Quán như vậy, từ từ trải qua các địa vị tu chứng: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền.

Sơ thiền là Ly sanh hỷ lạc, tức lìa tham dục mà được vui vẻ. Nhị thiền là Định sanh hỷ lạc tức tâm an định sanh hỷ lạc. Tam thiền là Ly hỷ diệu lạc tức lìa vui thô để được vui nhẹ nhàng, mâu nhiệm hơn. Tứ thiền là Xả niệm thanh tịnh tức buông hết các niệm để tâm thanh tịnh. Tới đó rồi, nếu khéo tu đúng pháp thì chuyển qua Tứ đế, chứng A-la-hán. Nếu tu quanh một chút thì qua bốn thứ Không: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, còn gọi là tứ không, cuối cùng đi tới Diệt tận định, nghĩa là dứt hết thọ và tưởng do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, chứng A-la-hán. Như vậy con đường đó trải qua thời gian rất dài, chứ không đơn giản.

Ở đây hình ảnh Phật đưa cành hoa lên, tổ Ca-diếp nhìn, hai thầy trò thông cảm liền được ấn chứng. Cũng như tổ Đạt-ma bảo “đem tâm ra ta an cho”, Huệ Khả trả lời “con tìm tâm không được”, tổ Đạt-ma liền nói “ta an tâm cho ngươi rồi.” Ngay đó Huệ Khả liền biết lối tu. Như vậy là sao? Thiền tông là lối chỉ thẳng không qua phương pháp. Tu theo thiền Nguyên thủy có phương pháp từ một tới hai... đi lần lên tới cuối cùng chứng A-la-hán. Còn thiền tông đi thẳng, do đi thẳng nên không dễ.

Tôi dạy tu thiền là ngồi yên niệm dấy lên biết nó hư dối bỏ, không theo. Lối tu đó gọi là phản quan tự kỷ, tức nhìn thẳng lại chính mình. Vị nào có nghiên cứu thiền sẽ hiểu, trong mười mục chần trâu ý nghĩa rất đầy đủ rõ ràng. Giai đoạn đầu mục đồng muốn tìm trâu mà không biết trâu ở đâu, nên tìm đây tìm kia. Anh chần trâu biểu trưng cho trí tuệ Bát-nhã, con trâu biểu trưng cho tâm dấy động.

Tâm dấy động lên nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ hơn nghĩ thua... chúng ta cho đó là tâm mình. Nó là bóng dáng sanh diệt, chứ không phải tâm chân thật. Cho nên khi Tổ bảo đem tâm ra ta an cho, ngài Huệ Khả xoay lại tìm thì nó mất, nếu thật nó phải còn. Tìm lại mất, nên biết nó chỉ là bóng không thật, luôn sanh diệt. Nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua, tất cả cái nghĩ đó là nhân tạo nghiệp. Nghĩ tốt thì làm lành, nghĩ xấu thì làm dữ, tức là tạo nghiệp lành, nghiệp dữ.

Tất cả nghĩ suy chỉ là giả dối, lâu nay chúng ta lầm cho nó là tâm mình. Tổ không muốn nói quanh co, bảo đem tâm ra ta an cho. Tâm đó nếu thật, tìm sẽ thấy. Nhưng tìm nó mất, mất tức là an rồi. Vậy an tâm bằng cách nhìn thẳng lại tâm sanh diệt, nhìn thẳng nó mất, đó là an tâm mà không có phương pháp nào cả.

Tu như vậy dễ hay khó? Khó. Nên người tu thiên tông như người qua cầu không có tay vịn, không có chỗ để mình bám níu nên dễ té. Tổ nói: “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Khi chúng ta nhìn thấy niệm khởi, buông cho nó lặng đi. Nó khởi mình thấy, nó lặng mình biết, cái gì thấy biết nó? Rõ ràng có cái ngằm ở trong, không phải nghĩ suy mà thường biết, không thiếu vắng lúc nào cả, đó là tâm thật của mình.

Chúng ta cả đời cứ ngỡ cái nghĩ suy là tâm mình, đó là mê lầm. Từ sự mê lầm ấy tạo nghiệp luân hồi. Bây giờ thấy rõ nó hư dối không thật, không theo nó, tức chúng ta đã tỉnh rồi. Cái biết không theo vọng tưởng đâu có mất, nếu mất thì niệm sau dấy lên nó đâu có biết. Như vậy trong chúng ta còn có một cái ngằm, cái ngằm đó là chú chần trâu. Thằng chần biết tìm trâu.

Gặp trâu rồi nó làm gì nữa? Nó dùng dây, dùng roi cột trâu lại, xỏ mũi trâu, kìm chế trâu. Kìm chế tới khi nào con trâu hiền hòa mới nhẹ nhàng, tuy hiền nhưng chưa phải rồi việc. Từ từ trâu mất tiêu, thằng chần cũng không còn mới được. Cả một con đường tu cụt thể vô cùng. Khi chúng ta dùng thằng chần là dùng trí tuệ Bát-nhã ruồng phá mê lầm, buông cái chấp tâm suy nghĩ là thật.

Khi buông được rồi, lần lần nó đầu hàng mình, từ đó sự tu rất nhẹ nhàng. Đến chừng nó mất luôn tâm hoàn toàn an định, bấy giờ trí Bát-nhã cũng hết dùng. Cho nên con trâu mất thừng chăn cũng mất luôn. Chỗ này là một vòng tròn trống không trong mười bức tranh thiền tông. Đến đây cũng gọi là đầu sào trăm trượng, cần phải nhảy qua nữa. Vì nếu chấp ngang đó là cứu cánh thì mắc kẹt. Nên phải bước qua mục thứ chín “Lá rụng về cội, chim bay về tổ”, đó là thể nhập pháp thân. Thể nhập pháp thân rồi, sau đó mới có ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh. Ứng thân là bức tranh số mười, một ông già tay cầm cá chép tay xách bầu rượu đi vào xóm làng.

Thiền tông khác thiền Nguyên thủy ở chỗ tới vô sanh tức Niết-bàn, là chỗ không còn chăn không còn trâu. Thiền Nguyên thủy tới đây thấy yên lòng, an trú trong Niết-bàn không sanh không tử, nhưng không thể nhập pháp thân để có báo thân, ứng hóa thân. Không có đủ ba thân thì không độ sanh được, nên Phật giáo Đại thừa phải tu tiến lên tới quả vị toàn giác viên mãn là thể nhập pháp thân, dùng ứng hóa thân cứu độ chúng sanh mới được. Nếu tu tới Diệt tận định, an trú Niết-bàn thì chưa lợi ích chúng sanh đầy đủ. Phật dạy chúng ta tu phải tự giác rồi giác tha, hai việc này viên mãn mới gọi là Phật. Nếu chỉ tự giác rồi dừng ngang đó thì gọi là A-la-hán, không phải Phật.

Nơi chúng ta có sẵn cái biết ở mắt, ở tai, ở mũi, ở lưỡi, ở thân, ở ý. Cái biết đó hằng hữu thường còn mà chúng ta không nhớ nó. Như bây giờ tôi đưa tay lên quý vị thấy không? Thấy. Để tay xuống thấy không?

Hầu hết đều nói không thấy. Phật quả như thế là quên mình theo vật. Tại sao? Vì cái thấy là của mình, tay là vật bên ngoài. Tay để xuống thì thấy không tay, chứ đâu phải không thấy. Nếu nói không thấy hóa ra chúng ta mù sao! Thế mà cả thế gian này đều lầm như vậy.

Khi đức Phật đưa cành hoa lên, rồi ngài nhìn khắp đại chúng, tới khi mắt Phật chạm mắt ngài Ca-diếp, Tôn giả mỉm cười, đó là ngài nhận ra được tánh hay thấy của mình. Phật liền ấn chứng cho Ca-diếp. Tánh hay thấy người nào cũng có sẵn hết, nhưng muốn chỉ cái thật đó rất khó, vì nó không hình tướng cũng không diễn tả bằng lời được. Khi ngài Ca-diếp nhận được tánh thật rồi, Phật liền nói ta có chánh pháp nhãn tạng, tức kho chánh pháp ở con mắt, truyền cho Ca-diếp. Nói truyền mà không có gì để truyền cả, vì cái đó sẵn có nơi ngài Ca-diếp rồi. Chỉ cần ngài nhận được là xong.

Sau đó ngài A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Thế Tôn có truyền cho Sư huynh cái gì ngoài y bát không?” Ngài Ca-diếp kêu: “A-nan.” A-nan liền: “Dạ.” Ngài Ca-diếp nói: “Cây phước trước chùa ngã.” Sự thật không phải ý ở câu nói “cây phước trước chùa ngã”, mà chính là chỗ kêu liền dạ. Cái nghe có sẵn hay phải đợi tiếng mới có? Có sẵn. Vừa kêu A-nan liền dạ, có suy nghĩ không? Không một niệm nào mà vẫn biết rõ ràng, cái biết đó mới chân thật. Còn nghĩ suy mà biết thì cái biết đó sanh diệt, không phải cái biết chân thật của mình. Phật tổ chỉ hết sức giản đơn, phương pháp này gọi là đi tắt, đi đường thẳng tức không có một pháp nào. Tự mình nhận ra cái nghe, cái thấy, chứ không có pháp nào trong ấy cả.

Tới ngài Huệ Khả nói tâm không an tức chỉ cho ý niệm lăng xăng. Tổ Đạt-ma bảo đem tâm ra ta an cho. Ngài Huệ Khả tìm không được, tổ Đạt-ma bảo ta an tâm cho người rồi. Ý niệm đó không thật, nếu nhìn thì mất, mất là an tâm. Như vậy những phân biệt ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là sanh diệt, còn cái thật chúng ta lại không nhận ra, không biết. Có mà không biết nên gọi là mê.

Bây giờ nhận được mình có cái thật rồi, chúng ta phải trở về tu cho tới nơi tới chốn. Từ “phản quan” là nhìn lại mình, nhìn lại để thấy rõ nội tâm. Cái biết nghĩ suy phân biệt chỉ là giả ảo, cái biết chân thật hiện tiền mới là thật của mình. Khi theo cái biết giả ảo thì cái biết chân thật bị khuất lấp. Ngài Thần Hội dùng ví dụ hết sức rõ để nói lên điều này.

Như chúng ta nhìn vào gương thấy bóng mình bóng người, lúc đó có thấy cái gương không? Thấy bóng thì quên gương, vì chỉ lo chạy theo bóng nên quên gương. Khi nhìn vào gương không thấy bóng nào, lúc đó mới thấy nguyên hình của gương. Cũng vậy, người tu Phật đừng tâm lăng xăng, thì cái chân thật hiện tiền. Ngược lại chúng ta cứ chạy theo tâm niệm lăng xăng thì sẽ quên cái chân thật. Cho nên pháp tu nào của đạo Phật cũng yêu cầu hành giả phải định, phải dừng lặng hết mọi tâm niệm lăng xăng.

Ví dụ tu pháp niệm Phật, chùng nào niệm được nhất tâm bất loạn, tức là tâm không còn nghĩ hai, nghĩ ba nữa. Khi đã định thì nhắm mắt thấy Phật A-di-đà

đến rước. Tu thiền thì định, như thiền Nguyên thủy tới Diệt tận định là sạch hết thọ tướng. Ở đây Phật chỉ cho ngài Ca-diếp cái thẳng nhất, gần nhất nhưng khó nhận nhất.

Chúng ta có một cái thật mà không nhớ. Hiện giờ quý Phật tử nhớ cái gì? Một là nhớ thân này thật, hai là cho tâm suy nghĩ thật. Chỉ hai thứ đó thôi, ngoài ra không biết tới cái nào nữa hết. Cho thân này thật, mà không bảo đảm được mạng sống của mình. Phật dạy mạng sống trong hơi thở, thở khi ra không hít vô là chết ngay. Nếu thân thật thì phải lâu dài nguyên vẹn. Đẳng này mạng sống chỉ trong tích tắc đồng hồ, vậy mà nói thật là quá mê lầm.

Thân không thật chúng ta biết rõ nó không thật, đó là giác. Nó không thật mà ngỡ thật là mê. Thế nên Phật nói chúng sanh si mê đáng thương. Khi thấy thân thật thì muốn ăn ngon, mặc đẹp, muốn thụ hưởng hơn người. Muốn không được, bị ai ngăn trở thì nổi giận. Muốn là tham. Tham không được thì sân. Từ si mà khởi tham, cho nên trong ba thứ tham sân si thì si dẫn đầu. Nếu nói đúng, phải nói si tham sân.

Khi thấy thân không thật, sẽ dẹp được bệnh tham. Thân không thật nên được cũng tốt, không được cũng không sao, không tham gì hết. Nếu thấy thân thật nhất định phải tham. Tham nhỏ thì cá nhân tham món này, món nọ. Tham lớn thì giành giật đất đai với thiên hạ, xảy ra chiến tranh đủ thứ hết. Gốc từ mê lầm đưa tới đau khổ, vậy mà chúng sanh cứ trầm luân mãi mãi

không cùng trong ấy. Không còn tham thì đâu có sân. Biết rõ thân không thật là giác, chứ đâu có mê. Như vậy giác dễ hay khó, xa hay gần? Dễ như trở bàn tay, để xuống là úp, lật lên là ngửa. Thấy thân thật là mê, nhận ra giả là giác. Tốn bao nhiêu công? Mau như trở bàn tay. Đó là một lẽ thật. Thấy đúng thì không tham sân si. Thấy sai thì tham sân si đầy đủ. Rõ ràng giá trị của người tu là phải giác.

Giác được thân này rồi, tới giác tâm suy nghĩ hơn thua phải quấy cũng không thật. Khi chúng ta suy nghĩ một vấn đề cho là đúng, có ai cãi lại mình giận không? Nổi tức lên liền. Nhưng đặt câu hỏi lại, tất cả cái nghĩ của mình có đúng trăm phần trăm không? Không. Không đúng sao bắt người ta nghe! Từ sai lầm đó đưa tới độc tài, từ độc tài sanh ra đấu tranh. Nhóm này nghĩ đúng thế này, nhóm khác nghĩ đúng thế khác. Hai cái đúng đụng nhau, sanh ra tranh đấu dẫn tới khổ đau. Tóm lại giành nhau vật chất vì thấy thân thật là gốc của khổ đau. Giành nhau cái tâm phải quấy cũng là gốc khổ đau.

Khi biết được thân không thật, tâm suy nghĩ không thật, lúc đó chúng ta nhận ra một cái biết thường hằng. Phút giây nào quý vị ngồi yên lại không nghĩ suy gì hết, lúc đó có biết không? Cái biết đó hình dáng ra sao, có động không? Không hình dáng, không động nên không sanh diệt. Có người sẽ thắc mắc nếu thấy tâm suy nghĩ hư giả, thân hư giả thì đâu còn thương ai, giúp ai, đâu còn hăng hái làm việc gì? Như vậy đạo Phật đưa người ta tới bi quan. Không phải vậy.

Con người cứ nghĩ sống tốt theo thế gian là lạc quan, nhưng thật ra cái tốt đó còn giới hạn nhiều lắm. Ví dụ như Phật tử thấy người ta nghèo khổ, quý vị xuất ra một số tiền giúp đỡ, nhưng họ không cảm ơn. Lúc đó buồn không? Giận nữa, chứ không chỉ buồn. Ai làm việc tốt cũng muốn người khác biết điều trở lại. Trao qua trả lại rõ ràng, chứ chẳng chịu làm không. Cái tốt của thế gian bị hạn chế ở chỗ chấp thân này thật, tâm này thật nên không hẳn sẽ đem hết hạnh phúc an vui cho mọi người.

Bây giờ Phật tử thấy thân mình không thật, người không thật, nhưng mọi người chung quanh còn chấp thân thật, tâm thật; thấy như vậy Phật tử có thương những người kia không? Một người tỉnh có thương người mê không? Thương. Cũng thế, đức Phật giác ngộ rồi càng thương tất cả chúng sanh, thương mà không đòi hỏi gì hết. Chúng sanh mê nên bỏ cái thật đuổi theo cái giả. Phật thấy được mới đem hết lòng từ bi chỉ dạy cho.

Chúng sanh cứ chấp nhận đi trong mê làm sao giác được. Chúng ta cứ theo dòng mê thì phải trôi lăn mãi. Ai tỉnh giác mới qua khỏi trầm luân và cứu người còn mê cùng qua khỏi trầm luân. Đạo Phật là đạo giác ngộ, đặt sự giác ngộ lên trên tất cả. Không nên nói rằng theo đạo Phật chỉ làm tất cả việc thiện mới đúng tinh thần Phật dạy. Đành rằng làm thiện là tốt là từ bi, nhưng việc ấy chỉ được một phần thôi. Giúp cho mọi người giác ngộ mới là trên hết. Cho nên giữa bố thí tài và bố thí pháp thì bố thí pháp là hơn.

Thế kỷ thứ XIII ở Việt Nam có vua Trần Nhân Tông, lúc còn là thái tử đã được vua cha cho học thiền với Tuệ Trung thượng sĩ. Khi trở về chuẩn bị lên ngôi vua, ngài hỏi thầy: “Bốn phạm chính của người tu thiền là gì?” Tuệ Trung thượng sĩ đáp: “Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, bất tùng tha đắc.” Phản quan là nhìn sâu lại mình, đó là phạm sự chính chứ không từ ngoài mà được.

Như vậy hệ thống thiền tông từ Ấn Độ tới Trung Hoa sang Việt Nam không khác nhau. Bên Trung Hoa Tổ dạy đem tâm ra ta an cho, ở Việt Nam Thượng sĩ bảo “phản quan tự kỷ” cũng là xoay lại mình. Tìm lại mình để được an tâm, đó là phạm sự chính. Đây chính là gốc của người tu thiền. Tất cả pháp tu Phật đều nhắm thẳng trở về cái thật, chúng ta không biết cứ tìm kiếm nơi này, nơi kia. Nói tới tu thiền là nói tới con đường Phật chỉ ra, chư tổ nối tiếp, truyền đến chúng ta ngày nay. Con đường đó là con đường thẳng, không có phương tiện.

Trong kinh thường nói giáo pháp của Phật là những phương thuốc để trị bệnh chúng sanh. Nếu bệnh lành thì thuốc cũng phải ngưng. Bệnh lành mà thấy thuốc hay quá, uống hoài thì sẽ chết. Giáo pháp của Phật như chiếc bè đưa người qua sông, tới bờ phải bỏ bè. Hoặc như kinh Viên Giác nói, giáo pháp của Phật như ngón tay chỉ mặt trăng. Khi thấy mặt trăng thì ngón tay không cần nữa. Tất cả phương pháp đều là phương tiện, cứu cánh là chỉ thẳng.

Chỉ thẳng rất giản đơn nhưng chúng ta lại thấy dường như bí mật, khó hiểu. Nhà thiền nói “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Tánh là cái sẵn của mình. Cái biết sẵn của mình gọi là tánh giác, nó luôn có mà chúng ta quên. Vua Trần Nhân Tông sau khi ngộ được yếu chỉ đó, ngài có làm bài phú Cư Trần Lạc Đạo gồm mười hội bằng văn Nôm, nhưng kết thúc với bốn câu thơ chữ Hán:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiền.*

Nghĩa là người ở trong cõi trần mà muốn vui với đạo thì phải tùy duyên. Hai chữ tùy duyên này khó hiểu được hết ý nghĩa của nó. Tùy duyên là sao? Đói đến thì ăn mệt ngủ liền. Có người đói không chịu ăn, mệt không chịu ngủ vì họ không biết tùy duyên. Như người quen ăn có tiêu có ớt, hôm nào thiếu tiêu ớt thì không chịu ăn. Quý vị nam quen bữa cơm phải có ly rượu, hôm nào thiếu cũng ăn không được. Đó là không biết tùy duyên. Nói xa hơn nữa, đối với tất cả hoàn cảnh xảy đến với mình,

chúng ta linh động sống không lo âu sâu muộn, đó là tùy duyên. Nếu cảnh đến mình buồn, phải nghĩ, phải lo sợ, đó là chưa biết tùy duyên. Quý vị mệt có dễ ngủ không? Mệt mà chuyện gì hôm qua chưa giải quyết xong, nằm lăn qua trở lại không chịu ngủ. Đó là không biết tùy duyên.

Trong nhà có cửa báu đừng tìm kiếm ở đâu. Chúng ta sẵn có tánh giác nơi mình, tánh giác đó là Phật. Đừng tìm Phật ở trên trời trên mây, trên non trên núi, mà phải quay lại tìm nơi mình. Nên ngài nói trong nhà có báu thôi tìm kiếm. Chúng ta muốn tu thiền phải làm sao? Sáu căn đối với sáu trần không vướng mắc, đó là thiền rồi. Có vướng mắc là có chạy theo. Bây giờ đối cảnh thấy đẹp cũng không dính, thấy xấu cũng không bực bội, đó là đang thiền. Như vậy thiền rất là đơn giản.

Lục tổ Huệ Năng một hôm nghe kinh Kim Cang, tới chỗ ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm?” Phật nói muốn hàng phục tâm phải không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Ngã là mình, nhân là người, chúng sanh là tất cả mọi loài, thọ giả là mạng sống. Thấy mình không thật, người không thật, chúng sanh không thật, mạng sống không thật, đó là hàng phục được tâm. Còn muốn an trụ tâm, Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là đối với sáu trần không dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trần, đó là an trụ tâm. Nghe tới câu này Lục tổ Huệ Năng ngộ ngay, ngài nói:

“Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tâm mình vốn không sanh diệt, đâu ngờ tâm mình vốn không dao động, đâu ngờ tâm mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tâm mình hay sanh muôn pháp.”

Tu thiền là không chạy tìm kiếm ở đâu mà phải quay lại mình. Quay lại mình để giác. Muốn giác trước hết phải biết thân giả, vọng niệm giả thì mới buông được. Nếu không biết nó giả làm sao buông? Cho nên người tu thiền cần có trí tuệ Bát-nhã. Trong nhà thiền thường hay dùng cây kiếm trí tuệ để ruồng phá, việc tu mới tới nơi tới chốn. Không có trí tuệ Bát-nhã, chúng ta buông cái này kẹt cái kia, không thể nào ra khỏi.

Trên đường tu, ai cũng muốn giác ngộ, nên cứ đi tìm minh sư nào đó chỉ cho mình thuật gì để giác ngộ. Sự thật, giác ngộ không phải ở đâu, mà chính mình chuyển cái nhìn của mình. Từ cái thấy sai lầm chuyển thành cái thấy đúng như thật là giác ngộ. Chúng ta có đủ thẩm quyền giác ngộ hay bị ma quỷ che lấp? Ma quỷ che lấp hay vì mình không thấy đúng lẽ thật, rồi bị cảnh trần lôi? Tất cả đều do mình thôi. Khi đã thấy đúng lẽ thật, cảnh trần nào lôi được ta nữa.

Trong kinh Lăng-nghiêm Phật dùng ví dụ chàng Diễn-nhã-đạt-đa, buổi sáng soi gương thấy mặt mày trong gương tốt đẹp. Anh úp gương xuống thấy mặt trong gương mất, liền ôm đầu chạy la “tôi mất đầu rồi, tôi mất đầu rồi.” Chúng ta có giống anh ấy không? Khi suy nghĩ nói tôi suy nghĩ, hết suy nghĩ nói tôi không suy nghĩ, tức không có tôi. Đó là lầm lẫn giống chàng Diễn-nhã-đạt-đa.

Chúng ta nhìn bóng rồi kẹt bóng, cho bóng là thật nên quên gương. Cho bóng là thật và quên cái thật, đó là kẻ điên. Chúng ta cũng giống vậy, chạy theo thân tâm hư giả cho là thật, quên mất tâm chân thật của chính mình, nên nói là mê. Người tu Phật phải nhìn thấu đáo, biết tường tận mới đi tới chỗ đạt đạo không khó.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật dùng ví dụ anh chàng nghèo gặp người bạn giàu dẫn về nhà đãi rượu chè. Khi anh nghèo đã say, người bạn giàu có việc đi xa, mới lấy hòn ngọc quý nhét trong túi anh nhà nghèo, khi nào tỉnh anh ta lấy ra xài sẽ hết nghèo. Nhưng tỉnh dậy anh nghèo vẫn đi ăn mày vì không biết trong túi áo mình có hòn ngọc quý. Sau anh bạn giàu gặp lại hỏi “tôi cho anh hòn ngọc quý, sao không lấy ra xài mà còn đi ăn mày?” Anh nghèo nghe vậy bèn thò tay vô túi lấy hòn ngọc quý. Từ đó anh trở nên giàu sang, không còn nghèo khổ nữa. Ví dụ này muốn nói trong nhà chúng ta có báu, thôi tìm kiếm ở bên ngoài. Chỉ cần nhớ và lấy ra thì có sẵn, không phải nhọc nhằn chạy đâu hết.

Chúng ta tu cốt làm sao tự mình đi tới chỗ giác ngộ, không ai giác ngộ cho ta được. Giác ngộ rồi thì không tạo nghiệp nữa, tức là giải thoát sanh tử. Nhiều người học Phật nghe nói giác ngộ, giải thoát không biết cái nào trước, cái nào sau. Thật ra có giác ngộ mới giải thoát. Nếu mê lầm thì khó giải thoát được. Phật tử bây giờ mê nhiều hay giác nhiều? Mê nhiều. Sao lại chịu mê vậy! Chúng ta học Phật, tu Phật phải khéo tỉnh giác. Nếu tỉnh giác rồi sẽ đi tới quả vị Phật không khó.

Chúng ta tu theo Phật gọi là Phật tử, chứ không gọi tín đồ. Tín là tin, đồ là nhóm người. Tín đồ là nhóm người tin. Chúng ta đến với đạo Phật bằng trí tuệ chứ không phải bằng lòng tin, nên gọi là Phật tử. Phật là giác, tử là con. Phật tử là con bậc giác ngộ, không phải tín đồ, không phải tin để cầu xin, lâu nay chúng ta không phân biệt điều này. Ở Phật tử thì giác nhỏ, giác chút ít, lần lên đến Bồ-tát thì giác nhiều hơn, giác từng phần gọi là phần giác. Đến Phật là giác ngộ viên mãn. Ở địa vị nào cũng lấy giác ngộ làm căn bản. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy giá trị thật của đạo Phật.

Mong tất cả quý Phật tử nghe pháp, suy gẫm thật kỹ để hiểu đạo Phật đúng như đạo Phật. Hiểu đúng mới ứng dụng đúng, ứng dụng đúng mới thấy giá trị và lợi ích lớn lao của đạo Phật. Có thể mới xứng đáng là đệ tử Phật.



PHƯỚC TUỆ SONG TU

Giảng tại chùa Việt Nam – Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay, tôi có duyên đến thăm chùa Việt Nam và thuyết pháp cho quý Phật tử nơi đây, tôi rất vui. Đối với chúng tôi người Phật tử Việt Nam đến đâu cũng còn chất Việt Nam, nên ngôi chùa này được đặt tên là chùa Việt Nam. Người Việt Nam chúng ta đi đến đâu, ở xứ nào, cũng còn gốc rễ quê nhà, đó là điều đáng mừng. Đề tài tôi giảng hôm nay là Phước Tuệ Song Tu.

Kinh chữ Hán thường nói “Phước tuệ song tu” hay “Định tuệ song tu”. Ở đây tôi nói phước tuệ song tu. Phước là gì, tuệ là gì mà song tu? Trong kinh hay dẫn người tu đủ phước, đủ tuệ như chim đủ hai cánh. Nếu chim mất đi một cánh thì không thể bay được. Cũng vậy người tu có tuệ mà không phước cũng không được, có phước mà thiếu tuệ cũng không được. Vì vậy phước tuệ phải đồng tu. Người tu nào đủ hai phần đó

thì việc tu mới đạt kết quả tốt. Cho nên nói: “Phước tuệ lưỡng toàn phương tác Phật”, tức là phước tuệ đầy đủ thì mới có thể thành Phật. Đó là điều căn bản trên đường tu hành.

Phước từ đâu có? Làm sao có phước? Tuệ từ đâu ra? Làm sao có tuệ? Trả lời được hai câu hỏi này, chúng ta sẽ thấu suốt được đề tài giảng hôm nay. Phật tử nói đi làm phước thì có phước, nhưng động cơ để chúng ta làm phước là gì? Là lòng từ bi. Người có tâm từ bi thấy ai khổ thì giúp đỡ nên có phước. Trong kinh thường dạy do lòng từ bi nên tu hạnh bố thí.

Bố thí chia làm ba phần: bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Ba phần bố thí này phát xuất từ lòng từ bi. Hiện giờ Phật tử thường bố thí phần tài, nhưng nếu không có tiền làm sao bố thí? Phật dạy bố thí tài có hai: một là nội tài, hai là ngoại tài. Hiểu cho tường tận thì việc bố thí không bỏ sót người nào hết, ai cũng bố thí được. Người có tiền của thấy kẻ nghèo đói, chia bớt tiền của cho họ, đó là bố thí ngoại tài. Nếu ta nghèo không có tiền của, thấy người gặp khổ nạn, chúng ta ra tay lấy sức mình giúp họ bớt khổ bớt nạn, đó là bố thí nội tài. Ví dụ Phật tử đi đường thấy một cây đing, chúng ta lượm quăng đi để người khác không giẫm lên. Hoặc gặp mấy cụ già qua đường khó khăn, chúng ta dìu mấy cụ đi qua yên ổn, đó là bố thí nội tài.

Như vậy ở thế gian này, không ai không làm việc bố thí được, chỉ thiếu lòng từ bi mới không làm việc bố thí. Trên đường tu bước đầu chúng ta phải khởi tâm từ bi.

Từ là ban vui, bi là cứu khổ. Dem vui cứu khổ cho người, cho vật gọi là tâm từ bi. Hành động bố thí bằng nội tài, ngoại tài là những hình ảnh cụ thể làm cho người bớt khổ. Muốn tự thân đầy đủ công đức, trước hết chúng ta phải có tâm từ bi mạnh mẽ. Đó là tâm từ bi ban đầu, còn có tâm từ bi sâu thẳm hơn nữa, tôi sẽ nói sau.

Bố thí pháp là sao? Giảng pháp như quý thầy là bố thí pháp phải không? Cũng phải, nhưng không hẳn chỉ có quý thầy mới bố thí pháp được. Quý thầy giảng dạy cho Phật tử nghe hiểu Phật pháp, ứng dụng tu hành, làm tiêu bớt những đau khổ, đó là bố thí pháp. Khi Phật tử thấm nhuần đạo lý rồi, gặp bạn hoặc người thân đang đau khổ, chúng ta đem pháp giảng cho họ nghe. Họ nghe hiểu thấm rồi, không có buồn khổ nữa, đó là bố thí pháp. Dù xuất gia hay tại gia, ai khéo tu khéo ứng dụng pháp đều có thể bố thí pháp được. Nhưng chư tăng ni có trách nhiệm lớn lao và chủ yếu hơn. Vì tăng ni là những người đã thành thoi, không bận việc gia đình, tu học dễ dàng. Do đó kết quả tu tập cũng tốt, Phật tử nghe tăng ni nói dễ tin, dễ hiểu hơn. Quý Phật tử tại gia bận việc này, việc nọ, nên thời gian tu ít, nghiên cứu Phật pháp không nhiều, nếu bố thí pháp người khác hơi khó tin một chút hoặc tin ít ít thôi. Trừ người thân của mình gặp hoàn cảnh trắc trở khó khăn, ta dùng Phật pháp an ủi, họ nghe dần dần sẽ thức tỉnh, đó là một vài trường hợp riêng. Đa số Phật tử đều trong cậy vào chư tăng ni bố thí pháp.

Như vậy bố thí pháp là đem chánh pháp của Phật, nói cho Phật tử hiểu. Phật tử hiểu rồi sẽ bớt buồn giảm khổ. Như vị nào đang gặp hoàn cảnh buồn khổ, có một thầy cô tới giảng đạo giải thích cho vị đó hiểu Khổ đế của Phật dạy, hoặc giải thích lý nhân duyên v.v... quý vị nghe thấm, ngay đó cũng giảm bớt buồn khổ trong lòng. Đó là bố thí pháp để cứu khổ chúng sanh. Sâu nữa thì bố thí pháp giúp cho Phật tử tu, giải hết tất cả duyên nghiệp cũ để được giải thoát sanh tử.

Kế đến là bố thí vô úy. Vô úy là không sợ. Làm sao bố thí không sợ? Quý Phật tử có ai không sợ không? Không sợ cái này cũng sợ cái khác, lúc nào cũng có cái sợ trong lòng. Ví dụ có Phật tử sợ ma quá, tối không dám ngủ một mình. Bây giờ muốn cho người đó hết sợ phải làm sao? Với người sợ ma, ta phải dẫn kinh giải thích cho họ hiểu, Phật dạy trong lục đạo luân hồi thì ma ở hàng thấp thứ hai. Thấp nhất là địa ngục, thấp thứ ba là súc sanh. Chúng ta là người tức cao hơn ma quỷ, chúng sẽ không dám làm gì mình. Chỉ vì tưởng tượng nên ta sợ thôi, nếu đừng tưởng tượng nữa sẽ hết sợ ngay. Bọn chúng thấp hơn tại sao ta lại sợ chúng? Sợ cái cao hơn mình, chứ ai sợ cái thấp hơn mình. Như vậy sợ ma quỷ đâu có lý. Quỷ đói khổ đau nhờ loài người cho ăn nó bớt khổ, trở ngược lại, con người đi sợ ma quỷ, thật là chuyện vô lý. Nói cho họ hiểu như thế rồi, họ sẽ bớt sợ. Đó là bố thí vô úy.

Người ta hay nói ma nhát mà không biết có nhát thật không? Tôi hồi nhỏ có biết anh đó lớn hơn tôi năm bảy tuổi, anh hay đi chơi đêm lắm. Nghe nhiều người đồn

khu vườn cạnh đường, đi ngang thấy ma đeo trên cây mù u, xõa tóc xuống rất dễ sợ. Vì vậy ai đi ngang đó cũng sợ quá chừng. Hôm nọ anh đi chơi một mình về khuya thấy ở đằng xa có cái gì trắng trắng đánh đùng đưa đùng đưa, kế thấy tóc xõa. Anh nghĩ kỳ này mình gặp ma rồi. Liều chết anh cầm cây gậy to xông tới đập cái chát, coi lại là tàu cau. Vậy là anh khám phá ra con ma này rồi, ma tàu cau.

Chúng ta có bệnh sợ ma, nghe cái soạt cho là ma, cứ chạy la toáng lên theo trí tưởng tượng của mình. Người này truyền cái sợ cho người kia, từ đó thiên hạ đồn tùm lum về ma. Thật ra ma làm sao dám nhát mình, nó sợ mình vì mình có phước hơn nó mà. Cho nên biết ma không đáng sợ. Hiểu điều đó rồi chúng ta bớt sợ ma tức là bớt một cái sợ.

Con người còn nhiều cái sợ lắm, ở đây tôi chỉ nêu một hai sự việc điển hình thôi. Như có kẻ sợ người ta không thương mình, cứ lo người ta không thương mình hoài. Trên lý công bằng mà nói người ta thương mình thì mình thương lại, người ta không thương mình thì mình khỏi thương lại, có gì phải sợ! Vậy mà rất nhiều người không ngớt lo sợ về điều này. Từ sợ nên tìm đủ cách như coi bói, xin xăm... để xem người ta có thương mình không? Chuyện quá đơn giản, đâu có gì phải khổ như vậy. Ai thương mình đàng hoàng đúng đắn thì thương lại, không thương thì mình khỏi thương lại, thanh thoi nhẹ nhàng, còn sướng nữa à. Thế gian con người tự làm khổ mình một cách vô ích.

Kế đến có một cái sợ chung cho tất cả mọi người, đó là sợ chết. Làm sao để buông được cái sợ chết. Trước hết, chúng ta phải tự đặt câu hỏi trên đời này có ai khỏi chết không? Cái chết là chung cho tất cả, chỉ kể trước người sau thôi. Một sự thật hiển nhiên ai cũng phải chịu, thì sợ có khỏi được đâu. Nếu sợ mà khỏi chúng ta cũng nên sợ. Sợ không khỏi mà vẫn cứ sợ, đó là dại khờ. Sợ chết, ngồi đó rên rỉ nhìn thấy cái chết đến thì khổ sở biết chừng nào!

Bây giờ muốn không sợ chết chúng ta phải làm sao? Lấy cái gì chống với cái chết? Đó là vấn đề then chốt mà đức Phật ngày xưa đã đi tìm. Đức Phật có khỏi chết không? Không khỏi. Nhiều người nói Phật tu cũng chết, mình không tu cũng chết, vậy tu làm chi? Mới nghe cũng có lý nhưng sự thật không phải vậy. Phật tu cũng chết, song khi chết ngài tự tại, không sợ sệt, không lo buồn. Còn chúng ta không tu tới khi chết kinh hoàng hoảng hốt, không biết thân phận mình sẽ ra sao? Từ sự hoảng hốt ấy, mình không biết đường nào mà đi.

Cho nên tu là chọn con đường đi. Phật dạy rõ ai giữ tròn năm giới, tu Nhân thừa Phật giáo là lên chiếc xe người để đi đến cõi người. Tu Thập thiện tức Thiên thừa Phật giáo là lên chiếc xe trời để đi tới cõi trời. Tu Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa là đi những cỗ xe Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát để đi tới những cảnh giới tương ứng.

Trong phạm vi bài giảng này, tôi chỉ nói hai cõi là Nhân thừa và Thiên thừa. Quý Phật tử đang tu về

Nhân thừa Phật giáo. Nếu tu chín chắn kỹ lưỡng, khi nhắm mắt quý vị trở lại làm người không nghi ngờ gì hết. Tại sao? Vì trên lý nhân quả Phật dạy người nào hiện tại giữ được năm giới trọn vẹn, nhắm mắt nhất định sẽ được làm người. Vì giữ giới không giết hại người, đời sau tuổi thọ dài. Giữ giới không trộm cướp đời sau có của nhiều. Giữ giới không tà dâm đời sau xinh đẹp. Giữ giới không nói dối đời sau nói năng lưu loát, nói ra ai cũng quý cũng tin. Giữ giới không uống rượu mạnh, uống say, không hút á phiện, xì-ke ma túy, đời sau sanh ra trí tuệ minh mẫn.

Ngay trong hiện đời ai giữ tròn năm giới, quý vị có quý không? Người đó đủ nhân cách làm người không? Hiện tại chúng ta giữ năm giới là bảo vệ nhân cách làm người tròn đủ, khi nhắm mắt sẽ trở lại làm người, không nghi ngờ chút nào hết. Phật tử chỉ cần tu năm giới cho tròn, trước khi nhắm mắt có ai hỏi anh hay chị sau khi chết đi đâu, quý vị nói sẽ trở lại làm người. Chiếc xe này cũ hư đổi lại chiếc xe mới tốt hơn, có gì đâu phải buồn, ra đi thanh thoi tự tại. Như vậy là biết chọn đường đi.

Còn kẻ lang bang gặp gì làm nấy, phải cũng được, quấy cũng được, khi nhắm mắt đi đâu khó định được, tùy theo nghiệp nặng nhẹ mà sanh vào các cõi. Chúng ta tu là để cho đời này mình là một con người tốt đối với gia đình, xã hội, đồng thời chuẩn bị cho đời sau, nhắm mắt trở lại làm người tốt hơn. Đó là chọn con đường làm người. Biết chắc mình sẽ được sanh làm người là bớt lo sợ rồi.

Tiến lên một bậc nữa là tu Thập thiện, khi nhắm mắt sẽ được sanh lên cõi trời. Tuy Phật dạy tu Thập thiện được sanh lên cõi trời, nhưng ngài không muốn chúng ta lên cõi trời mà nên ở cõi người. Tại sao? Vì lên cõi trời muốn gì được nấy, thỏa thích quá, ăn chơi mãi hết phước tuột xuống trở lại. Lên rồi xuống, lên rồi xuống, rốt cuộc chẳng đi tới đâu. Cõi người tuy có lúc vui, lúc khổ, khổ vui xen lẫn nhau, nhờ thế cảnh tỉnh được, đánh thức chúng ta. Khi vui quá lo ăn chơi, đến chừng gặp tai nạn hoặc thất bại gì đó, ta buồn mới thức tỉnh. Như vậy có vui, có khổ là cảnh dễ tu nhất. Do đó Phật bảo phải ngay nơi cõi người mà tỉnh tu, đừng nói lên cõi trời mới tu được.

Chuẩn bị được lối đi thì chúng ta bớt sợ chết, vì mình có đường rồi. Không biết chuẩn bị lối đi, đến đó chúng ta bàng hoàng, sợ hãi, rất khổ. Cho nên tu là khôn hay dại? Ai biết chuẩn bị cho mình con đường mai sau thì đâu phải dại. Người ta cứ ngỡ tu là thiệt thòi, khờ dại, sự thật không phải vậy. Tu là chuẩn bị kỹ càng cho mình một đời sống tốt đẹp trong hiện tại và mai sau. Ở thế gian này, nếu ai muốn gì được nấy, người đó sống dai không? Chắc không dai đâu, vì muốn ăn món này có món này, muốn ăn món kia có món kia, riết rồi phì ra. Muốn thụ hưởng tài sắc đều có hết, riết rồi sanh bệnh. Càng được nhiều càng tiêu giảm sức lực, chứ có lợi ích gì! Đừng nghĩ thỏa mãn tất cả dục lạc thế gian là sống dai. Người biết hạn chế, biết cần kiệm mới sống dai. Đó là lẽ thật.

Trong kinh A-hàm, Phật dạy những người sắp chết, nhìn thấy gương mặt họ liền biết đi đường lành hay đường dữ. Nếu ai sắp chết mặt mày sợ hãi, người đó sẽ đi đường dữ. Ngược lại, ai sắp chết mà vui cười sẽ đi đường lành. Tại sao? Vì khi sắp chết do nghiệp ác chiêu cảm, những cảnh ác đến khiến người ấy kinh hãi, lo sợ. Hồi trước hại ai, tới giờ sắp chết thấy kẻ kia tới hại lại, thần thức hoảng hốt chạy tuốt xuống địa ngục. Nếu người lành, khi gần nhắm mắt do nghiệp lành chiêu cảm thấy bạn bè, thân quyến tới đón chào lúc đó vui vẻ, không sợ gì hết nên gương mặt vui tươi.

Tất cả chúng ta ra đi đều theo nghiệp lành hay dữ mà hiện tướng khổ, tướng vui. Vậy thì đại gì chúng ta không tạo duyên tốt, nghiệp lành để ngày mai ra đi thanh thoi. Bây giờ dù người khôn ngoan mấy, làm ăn giỏi mấy, giàu có cỡ nào, nhưng đến khi chết những thứ ấy còn không? Thở khì ra không hít lại, tất cả đều buông tay không còn gì hết. Lúc đó chỉ có nghiệp lành giúp mình đến cảnh lành thoi.

Cho nên, người khéo nhận định, khéo suy gẫm sẽ chuẩn bị ngay khi còn sống, tạo duyên tốt cho mình lúc nhắm mắt. Mấy chục năm lo cho thân này, tới cuối cùng nó ra đi hoàn toàn trắng tay, có phí không? Chi bằng ta vừa lo cho cuộc sống, vừa chuẩn bị cho cái chết, thì phút ra đi được an lành. Như vậy có tốt không? Vì vậy tu hành là chuyện thiết thực, chứ không phải chuyện bâng quơ, rỗng không. Tu là một lẽ thật thiết yếu cho chúng ta. Người nào khéo tu ngày chết không sợ,

người không khéo tu cứ nơm nớp sợ chết. Sợ cũng vẫn chết như thường. Cho nên gần tắt thở can đảm nhìn bà con cười, chào ra đi. Chứ khổ than khóc lóc có lợi gì đâu. Chỉ dẫn để mọi người biết lối đi cho ngày mai, nhắm mắt không sợ cũng là bố thí vô úy.

Như vậy do lòng từ bi, chúng ta tu ba hạnh bố thí: bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Tùy căn cơ, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, chúng ta dùng ba thứ ấy bố thí cho mọi người chung quanh. Tu bố thí như thế rất công bằng, giàu nghèo đều có thể làm được hết. Phật tử muốn có phước thì phải bố thí. Do bố thí phước tăng trưởng, phước tăng trưởng lòng từ bi càng tăng trưởng. Nên biết từ bi là nhân tạo các phước lành. Đó là trường hợp thứ nhất.

Trường hợp thứ hai, từ bi cũng là việc làm đưa người tới giải thoát sanh tử. Ba phần bố thí trên tuy có cứu người, nhưng chưa đưa chúng sanh tới chỗ chấm dứt hoàn toàn khổ đau. Chỉ làm sao cứu cho người ta thoát khỏi đường mê, đến được bờ giác, đó là cách duy nhất cứu chúng sanh thoát ly sanh tử. Phật nói “Cái khổ ở địa ngục chưa phải là khổ. Cái khổ đói khát của quỷ đói cũng chưa phải là khổ. Làm loài súc sanh kéo xe kéo cày cũng chưa phải là khổ. Si mê không biết lối đi mới thật là khổ.”

Trọng tâm của đạo Phật là chỉ cho chúng ta si mê là nguồn gốc của đau khổ. Cho nên muốn hết khổ phải bứng tận gốc si mê. Vì si mê nên chúng ta tạo nghiệp, nghiệp này chưa hết tạo nghiệp khác, như vậy mãi mãi

đi trong luân hồi không có ngày cùng. Nếu thức tỉnh chúng ta dừng được nghiệp, thì có ngày giải thoát sanh tử. Đó mới thật là hết khổ. Vì thế nhà Phật lấy giác ngộ để độ chúng sanh, làm sao cho mọi người đều tỉnh, đều giác thì mới hết khổ. Còn giúp nhau trong sự mê muội, hết khổ này sang khổ khác, không bao giờ hết khổ. Ý nghĩa cứu khổ sâu thẳm nhất, là cứu cho mình và tất cả chúng sanh hết si mê.

Hiện giờ chúng ta có si mê không? Có. Vậy mà ra đường ai chỉ mặt nói chị này si mê quá, quý vị giận liền. Dám nhận mình si mê, mà người ta nói si mê lại giận. Như vậy nhận si mê đó là gượng nhận thôi, chứ chưa thật tâm biết mình si mê. Cho nên người tu phải can đảm lên. Chúng ta nhận mình si mê là si mê cái gì? Tiền tài danh lợi... mới là ngọn thôi, chưa phải gốc. Gốc si mê là tham, sân, si. Cũng chưa phải nữa. Còn cái gốc sâu hơn, nhưng nói nghe rất đơn giản, đó là thấy thân này thật.

Bởi thấy thân này thật mới tham tài, tham sắc. Từ thấy thân thật mới có sân hận, tham lam. Nếu xét thấy thân này không thật, rõ ràng sẽ bớt tham. Thân không thật tham cái gì? Biết thân không thật đó là trí tuệ. Do trí tuệ nên phá được si mê, hết si mê thì hết tham lam, hết tham lam thì hết nóng giận. Do si mê thấy thân này còn mãi nên nghe ai nói tới chết liền sợ. Phật nói mạng sống người bao lâu? Trong hơi thở.

Một hôm, Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo, mạng người sống bao lâu? Các thầy có người nói một năm, người nói

ba tháng, người nói một tuần, người nói trong bữa ăn v.v..., nhưng Phật đều bảo các thầy chưa thấy đạo. Đến khi một thầy Tỳ-kheo đứng lên nói “Mạng người sống trong hơi thở”, Phật liền khen “Ông đã thấy đạo.” Vậy đạo là gì? Là lẽ thật.

Con người không định được thời gian sống của mình, chỉ thở ra không hít vào là chết. Đó là lẽ thật. Vậy mà ai nói mạng sống của anh hay chị trong vòng ba tháng thì lo thôi là lo. Nói ba tháng là còn kéo dài nhiều, chứ Phật nói chỉ trong một hơi thở thôi. Bởi ngầm ẩn si mê tham sống nên vừa nghe ai nói “chết”, chúng ta cảm thấy bị xúc phạm và nổi nóng liền. Nếu chúc sống muôn năm, ta sẽ cười ngay, dù biết đó là chúc rỗng. Lời nói rỗng nhưng vượt ve mình, ta cũng cười. Lời nói thật mà không đúng với sở thích, ta cũng giận.

Hiện giờ đa số chúng ta sống với sáng suốt hay si mê? Si mê. Dám nói mình si mê thì mai kia ra chợ, ai nói chị ngu quá không thèm giận. Vì mình đã nhận si mê rồi, ngu si là chuyện thường. Chúng ta tu là phải sáng suốt, có sáng suốt mới buông xả tham, sân. Nếu không sáng suốt thì tham sân mãi mãi vây khốn chúng ta. Cho nên trong ba độc, gốc là si. Phá được si thì phá được tham, sân. Sân thấy vậy chứ nó là ngọn, gốc si mới đáng sợ. Cho nên Phật nói si mê không biết lối đi là cái khổ đáng sợ nhất, tất cả nỗi khổ khác không đáng sợ bằng.

Đó là tôi nói đại cương về phần phước. Kế đến nói về tuệ.

Như trên nói phước tuệ song tu. Chúng ta tu Phật phải có trí tuệ, không thể tu một cách mơ màng được. Thế gian thường nói trí thức. Vậy trí thức với trí tuệ là một hay khác? Đó là một vấn đề quan trọng mà người Phật tử chúng ta cần phải nắm vững. Nhiều người tưởng trí tuệ giống như trí thức, thật ra hai cái khác nhau. Trí thức thuộc phần phân biệt, còn trí tuệ thuộc phần chân thật.

Trong nhà Phật chia trí tuệ làm ba: văn, tư, tu. Văn là nghe hay học. Tư là nghe học rồi suy gẫm chín chắn, nhận định đúng mới tin, mới theo. Tu là tin rồi ứng dụng tu. Văn, tư, tu là tam tuệ học. Ba tuệ học này còn trong sanh tử nên nói hữu lậu. Trong nhà Phật còn có tam vô lậu học là: giới, định, tuệ. Do giữ giới kìm chế không cho tâm buông lung, chao đảo theo ngoại duyên, dần dần tâm được an định. Từ an định phát sinh trí tuệ. Đây là tuệ do định sanh, còn tuệ ở trên do học mà sanh.

Học những kiến thức ngoài đời gọi là trí thức, tức là gom nhặt sự hiểu biết của người này, người kia lại thành sự hiểu biết của mình. Nên người có hiểu biết rộng gọi là người trí thức. Trí tuệ trong nhà Phật không như thế. Học Phật là học pháp của Phật, đó là pháp giải thoát sanh tử, pháp chân thật không sanh diệt, muôn đời không dời đổi.

Người thế gian có trí thức rộng, suy gẫm và nói ra triết lý nào được nhiều người quý trọng thì xem như người đó tài giỏi. Tuy nhiên các triết lý chỉ ứng dụng

được một thời gian thì bị lỗi thời. Vì vậy nhà triết học này đến nhà triết học khác nối nhau ra đời đổi thay luân, con người học tới chừng nào mới hết các triết thuyết bên ngoài? Suốt đời cũng không hết. Song, những triết lý đó có tối thượng, tốt cùng không? Nó chỉ được một thời hoặc một giai đoạn nào thôi. Với hoàn cảnh ứng xử tiện lợi thích hợp thì lý thuyết đó đúng, khi qua thời đại khác không còn thích hợp nữa nó sẽ lỗi thời.

Như ngày xưa ai cũng quý trọng tôn thờ đức Khổng Tử. Triết thuyết thời đó phục vụ chế độ phong kiến, quân xử thần tử, thần bất tử bất trung, rồi tam tòng tứ đức, khuê môn bất xuất v.v... tất cả những điều đó hợp với quyền lực của vua, của cha mẹ hoặc của người chồng. Triết thuyết ấy hay trong thời đó, nhưng qua thời này không còn thích hợp nữa, nhất là ở xứ Mỹ. Quý cô bây giờ đi làm cả ngày, xuất cả ngày chứ không thể bất xuất như xưa. Điều này chúng ta thấy quá rõ ràng.

Ngày nay khoa học phát triển quá nhanh, đến như ngành vi tính, mới ra loại máy này hay, quý vị vừa làm quen xong, ít tháng ra cái khác mới hơn, vậy là máy trước lỗi thời. Chỉ trong vòng mấy tháng thôi mà đã thành lỗi thời, thế thì con người chạy theo chừng nào mới kịp, cứ tiếp nối mới mới mãi. Sở học không cùng và luân thay đổi thì nó không phải là cái miên viễn của mình.

Còn giáo thuyết Phật nói ra là sự thật muôn đời, không phải chỉ để giải quyết tạm thời cho xã hội đương thời. Vì là sự thật muôn đời, nên chúng ta nghiên cứu Phật càng cao, càng sâu càng thích thú. Như trong kinh Kim Cang Phật dạy:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là tất cả pháp có hình tướng, có sanh diệt đều như giấc mơ, như huyễn hóa... Chúng ta thấy cái gì cũng thật, Phật nói cái gì cũng giả. Phật trái với chúng sanh vì Phật giác, còn chúng sanh mê. Con mắt người giác ngộ thấy khác con mắt kẻ mê lầm. Phật thấy tất cả pháp có một giai đoạn rồi biến hoại, tan mất. Thấy rõ như vậy không nghi ngờ. Cho tới quả địa cầu chúng ta đang ở, Phật nói cũng đủ bốn tướng thành, trụ, hoại, không, chứ không phải còn hoài. Con người và muôn vật tại thế gian ở trong một vòng chuyển biến tụ tán, không còn mãi. Nên Phật nhìn nó như giấc mộng. Ngược lại, chúng ta khi tụ thấy có thật, khi tán thấy mất thật nên mới khổ.

Trong Bát-nhã Tâm Kinh, Phật dạy: “Khi Bồ-tát Quán Tự Tại soi thấy năm uẩn đều không liền qua hết tất cả khổ nạn.” Chúng ta đọc mấy trăm lần rồi mà vẫn chưa hết khổ nạn. Sao vậy? Chẳng lẽ lời Phật nói vô hiệu,

không có giá trị. Sự thật không phải vậy. Phật dạy Bát-nhã có ba: văn tự Bát-nhã, chiếu kiến Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã. Đọc thuộc lòng là văn tự. Phần thứ hai là chiếu kiến, nếu người nào thỏa mãn ngay văn tự mà bỏ chiếu kiến, thì đâu đến được chỗ thật tướng. Văn tự Bát-nhã như chiếc thuyền. Chúng ta ngồi trên thuyền, muốn qua bờ bên kia thì phải lay tay chèo, đó là chiếu kiến. Chèo tới bờ bên kia là giác ngộ, là thật tướng Bát-nhã. Bát-nhã tới ba phần, chúng ta mới đi được phần một đã tự mãn thì làm sao thấy được giá trị của Bát-nhã. Như có người muốn qua sông, lên thuyền ngồi ì đó hoài không chịu chèo, thì thuyền mục chìm luôn, không tới đâu hết.

Nhiều người nói tu Phật không hiệu nghiệm, họ không thực hành đúng làm sao có hiệu nghiệm? Phật tử chiếu kiến là quán xét thân mình thấy không thật, những người chung quanh còn đó, mất đó... Như vậy ai chửi mình giận không? Thân đã không thật thì lời nói thật sao mà giận. Hoặc ai giành chút phần hơn mình cũng không giận. Thấy thân tạm bợ thì tất cả buồn thương giận ghét êm ru, nhẹ nhàng, như vậy là qua hết khổ nạn rồi.

Người tu Phật hiện nay đa số có bệnh tự mãn, cho tụng kinh giỏi là đủ. Nếu tụng kinh giỏi mà không bước sang giai đoạn thứ hai, dùng trí tuệ soi chiếu làm sao thấy đúng như thật. Tu như thế không thể nào qua được khổ nạn. Lời Phật nói trong kinh là lời vàng,

lời chân thật đúng đắn, nếu chúng ta không sử dụng hết, sẽ biến thành lời vô hiệu. Lỗi đó tại Phật hay tại mình? Tại mình tu không khéo, không tới nơi, chứ Phật không bao giờ nói sai.

Phật nói tốt lẽ thật nhưng vì cái nhìn, cái hiểu của chúng ta còn nông cạn, cố chấp thân cảnh thật nên thấy pháp Phật nói khó hiểu. Phật nói những điều thường trái với mình mong muốn. Ta không muốn thân này giả Phật lại nói giả. Có ai muốn thân mình giả không? Chẳng những không muốn giả mà còn muốn thật mãi mãi nữa. Nếu ai khen thật, khen đẹp mình càng thích. Nói theo Phật thì nghe buồn quá.

Khi đức Phật sắp thành đạo bọn ma vương tới phá phách. Chúng hóa thành mỹ nữ kiều diễm tới khuyến ngài trở về. Lúc đó Phật nói: “Đẩy da hôi thúi hãy đi, ta không dùng.” Phật thấy thân thể là đẩy da hôi thúi, còn chúng ta thấy đẹp, thấy dễ thương, rõ ràng hai cái thấy khác nhau. Đức Phật thấy tốt xương tủy nên ngài nói tốt lẽ thật. Chúng ta hơi hợm thấy ở bên ngoài nên bị nó lừa, rồi say mê chìm đắm trong khổ đau.

Trí tuệ của tam vô lậu học là trí tuệ phát xuất từ thiền định. Hành giả buông hết mọi nghĩ suy tâm mới an định, tâm an định trí tuệ phát sinh. Đó là trí tuệ giải thoát, không còn bị trói buộc nữa. Khi đức Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề, ngài không học với ai, nhưng tâm an định tới chỗ sâu thẳm bỗng ngài sáng lên. Trí tuệ ấy còn được gọi là tam minh.

Từ canh một đến canh hai ngài thấy rõ tất cả sanh mạng muôn vạn kiếp về trước, chúng được Túc mạng minh. Túc là biết rõ đời trước, mạng là sanh mạng. Túc mạng minh là trí sáng suốt biết rõ sanh mạng nhiều đời về trước. Khi chúng được Túc mạng minh rồi, ngài thấy không phải chúng ta chỉ có mặt một lần này, mà đã vô số lần sanh đi tử lại. Chúng sanh đã bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp tạo nghiệp luân hồi không thể kể hết. Đó là minh thứ nhất.

Từ canh hai tới canh ba, ngài chúng được Thiên nhãn minh, nhìn thấy tất cả những vật xa thẳm, những vật nhỏ nhất. Phật thấy trong bầu hư không này có vô số thế giới không thể đếm kể hết, nên ngài dùng từ hàng hà sa số thế giới để chỉ thế giới nhiều như cát sông Hằng. Ngày nay khoa học tiến bộ, đã chứng minh được những điều Phật thấy trước kia, nhưng vẫn còn nhiều sự việc khoa học chưa nhìn tới nổi. Phật nhìn trong bát nước thấy vô số vi trùng, nên ngài dạy các thầy Tỳ-kheo khi uống nước không lọc phải đọc kệ: “Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng”, nghĩa là Phật nhìn trong một bát nước thấy có bốn muôn tám ngàn vi trùng. Với con mắt thấy rất xa, rất nhỏ như thế nên ngài nói chúng sanh chết không phải là hết, mà theo nghiệp dẫn đi nơi này nơi nọ trong lục đạo luân hồi. Trong kinh kể khi chúng được Thiên nhãn minh, ngài nói: “Ta thấy chúng sanh theo nghiệp luân hồi trong sáu đường như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư thấy kẻ đi qua người đi lại rõ ràng.” Đó là minh thứ hai.

Từ canh ba đến đầu canh năm khi sao mai vừa mọc, Phật chứng được Lộ tận minh. Ngài thấu suốt tất cả những nguyên nhân đưa chúng sanh tới sanh tử luân hồi và biết được phương pháp dẹp hết các nhân luân hồi đó để đi đến giải thoát sanh tử. Đó là minh thứ ba.

Thời gian Phật ngồi yên định dưới cội bồ-đề, ngài có học không? Không học. Tại sao lại sáng? Đó là do định, nên nói định sanh tuệ. Trí tuệ ấy vượt hết tất cả, thấu suốt tất cả. Những gì đức Phật thấy và nói ra, bây giờ người ta cũng chưa tìm hết được. Như các nhà thiên văn học mới tìm tới những hành tinh gần, chưa nắm vững nó thế nào. Còn Phật nói có bao nhiêu thế giới, các tầng trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô sắc giới v.v... làm sao khoa học biết hết, nhất là cõi Vô sắc.

Trong nhà Phật có nói chúng ta sẵn trí vô sư mà quên không dùng nó, để tâm loạn tưởng phủ che. Bây giờ dẹp hết tâm loạn tưởng thì trí vô sư xuất hiện. Trí vô sư cũng gọi là trí căn bản, trí tự nhiên. Người tu sau khi chuyển được nghiệp, dẹp hết những vọng tưởng của mình, trí vô sư mới hiện. Trí vô sư là trí chân thật cứu cánh, không phải trí tầm thường như trí thức của thế gian. Trí đó tất cả chúng ta đều có, nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh.” Tuy có tánh Phật, nhưng bị vô minh vọng động che khuất nên không phát hiện được, thành ra không sáng suốt.

Chúng ta tu thiên, cốt định tâm lắng xảng nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua, nghĩ tốt nghĩ xấu,

nó lặng xuống gọi là định. Khi nó lặng xuống rồi thì trí vô sư hiện ra. Chúng ta bị luân hồi sanh tử là do tâm loạn tưởng, điên đảo. Bởi vì có nghĩ thì có thương có ghét, có buồn có giận... Đó là tạo nghiệp đi trong luân hồi. Bây giờ dừng, buông hết những thứ đó để tâm yên tĩnh thì sẽ định. Từ định phát tuệ, có trí tuệ sáng suốt ta sẽ không tạo nghiệp đi trong luân hồi. Không tạo nghiệp đi trong luân hồi thì chấm dứt sanh tử, giải thoát an vui chứ gì!

Quý Phật tử chịu khó chiêm nghiệm xem, khi chúng ta không nghĩ suy gì hết, lúc đó mình có biết không? Biết. Cái biết đó ra sao? Không diễn tả bằng lời được. Chúng ta hiện có cái biết ngằm sẵn, nó không động, không sanh diệt. Nhưng vì quên nên cả ngày ta cứ chạy theo cái biết lăng xăng. Đến khi chết cái biết lăng xăng dẫn mình đi theo nghiệp thọ khổ. Chúng ta muốn hết khổ phải dừng cái biết lăng xăng lại. Cái biết lăng xăng dừng rồi thì cái biết chân thật hiện ra. Đang có mà bỏ quên nên trong kinh Phật thường nói: “Chúng sanh có của báu mà không biết dùng.”

Như vậy trên đường tu, muốn đi tới chỗ chân thật cứu cánh, chúng ta phải lặng hết những vọng niệm lăng xăng thì tâm chân thật hiện tiền. Đó là chỗ cứu cánh gọi là tuệ giác viên mãn. Phật là giác, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn. Trí tuệ trong nhà Phật không phải như trí thức thường ở thế gian, mà là trí tuệ đưa chúng ta ra khỏi sanh tử. Người tu muốn đi tới chỗ trí tuệ tột cùng ấy phải cố gắng tu cho được định, định rồi mới có trí tuệ.

Phật nói từ bi và trí tuệ là gốc của sự tu hành. Có người cho rằng nếu thấy mình giả, người giả, khi gặp kẻ khổ ta đâu có thương, như vậy là tiêu cực. Không phải thế. Do thấy mình giả, người giả nên gặp ai không biết rõ điều này, họ khổ sở giành giật hơn thua, mình càng thương nhiều hơn. Những gì người ta cố công tìm kiếm, thu nhặt cuối cùng chỉ là bại hoại. Còn cái chân thật không hoại sẵn có lại bỏ quên. Như vậy thấy người mê đuổi theo bại hoại, mình là người tỉnh phải thương họ chứ! Nên trong kinh nói: “Phật thương chúng sanh như mẹ thương con”, thương vì có của quý mà không biết dùng, phải lặn độn lao đao chìm nổi trong sanh tử, rất đáng thương.

Ngày nay chúng ta thương kẻ khác là thương nỗi khổ nhỏ nhỏ như đói rách, buồn vui thôi. Còn cái khổ muôn đời là si mê không biết lối đi mới quan trọng, chúng ta lại không thương, không nhắc để đánh thức họ, đó là thiếu sót lớn. Vì vậy người tu chân chánh trước cần phải giác ngộ, sau mới đủ điều kiện đưa mình và mọi người ra khỏi khổ đau. Đó là đủ trí tuệ và từ bi.

Tóm lại, từ bi có hai chạng. Chạng thứ nhất của từ bi là thương người trong hoàn cảnh thiếu thốn, đói rét... giúp đỡ họ qua cơn hoạn nạn ấy, đó là từ bi cấp thấp. Chạng thứ hai của từ bi là mình tỉnh giác rồi, thấy người khác còn mê lầm, tạo nghiệp chịu khổ, ta đánh thức nhắc nhở để họ hết mê lầm. Đó mới là từ bi cứu cánh.

Nhiều người phê bình đạo Phật làm việc từ thiện ít quá, trong khi các tôn giáo khác làm nhiều hơn.

Tại sao? Vì đạo Phật nhắm tới cứu mê lầm cho chúng sanh, đó là trọng tâm. Các việc từ thiện cũng cứu người nhưng mang tính tạm thời, không giải quyết tận gốc rễ khổ đau của chúng sanh, tùy duyên làm được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Gốc của đạo Phật là phải làm sao giải thoát sanh tử, chấm dứt luân hồi. Hiểu như vậy chúng ta mới thấu đáo được tinh thần của đạo Phật.

Quý vị nghe giảng thấy dễ hiểu nhưng hành lại khó. Song không lẽ vì khó chúng ta bỏ qua. Khó cũng phải cố gắng làm vì đó là cứu mình ra khỏi mê lầm. Một việc đem lại hạnh phúc muôn đời cho bản thân, chúng ta bỏ qua sao được. Vì vậy quý vị nghe kỹ, hiểu rõ rồi, mong tất cả cố gắng thực hiện, được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, nhớ là đừng quên. Được như vậy sự tu của chúng ta mới tiến, mới thấy giá trị của đạo Phật là chân thật.



PHẢN QUAN TỰ KỶ

Giảng tại Đạo Viên – Canada – 2002

Tổ Huệ Khả đến xin tổ Đạt-ma chỉ dạy pháp an tâm, tổ Đạt-ma bảo: “Đem tâm ra ta an cho”. Ngài Huệ Khả xoay lại tìm tâm không được, thưa với tổ Đạt-ma: “Con tìm tâm không được”. Tổ Đạt-ma liền bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi.” Đọc sử tới đây, đa số chúng ta đều ngẩn ngơ.

Người tu thiền tâm xao xuyến loạn động, cầu thầy dạy pháp an tâm, điều đó thật chí lý. Nhưng thầy không dạy pháp gì cả, chỉ bảo “Đem tâm ra ta an cho”. Quý vị đem được không? Đâu thể đem được, vì quay lại tìm thì nó mất, như vậy là Tổ đã an tâm cho chúng ta. An bằng cách nào? Tại sao ngài Huệ Khả nhân câu nói này biết lối vào? Đó là điểm đặc biệt. Nhiều người nghiên cứu Phật giáo thiền đều lúng túng không hiểu chỗ này, tưởng người xưa đùa cợt chơi thôi. Sự thật đây là điều quá ư tuyệt diệu, chứ không phải thường. Tuyệt diệu chỗ nào?

Tôi lập lại tinh thần thiền tông khi tổ Đạt-ma sang Trung Hoa truyền bá thiền, qua bốn câu kệ như châm ngôn:

*Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền.
Trực chỉ nhân tâm,
Kiến tánh thành Phật.*

Dịch:

*Không lập văn tự,
Truyền ngoài giáo lý.
Chỉ thẳng tâm người,
Thấy tánh thành Phật.*

Đây là chủ trương, đường lối của tổ Đạt-ma truyền dạy thiền. Vì thiền truyền ngoài giáo lý nên nói giáo ngoại biệt truyền, không có văn tự, không có giáo lý. Trực chỉ nhân tâm tức chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, tức nhận ra bản tánh của mình thì thành Phật. Đơn giản như vậy.

Chúng ta học Phật pháp hầu hết nương nơi kinh điển. Nếu học Phật mà không y theo kinh điển làm sao hiểu, nhưng Tổ lại bảo truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Chỗ này kỳ đặc như thế nào? Tổ bảo đem tâm ra ta an cho, vì ngài biết không bao giờ tìm được tâm ấy. Nó là những nghĩ tưởng lăng xăng hư dối không thật có, làm sao đem ra được. Xưa nay chúng ta đều ngỡ tâm hơn thua, phải quấy,

tốt xấu, được mất, khen chê... là thật, là tâm mình nên cứ chạy theo nó hoài. Đến cả khi ngồi thiền hay niệm Phật cũng thấy bực bội, khó khăn bởi tâm lăng xăng. Do đó gặp thầy muốn hỏi cách trị cho nó hết.

Các vị tu theo Nguyên thủy muốn an tâm thường dạy pháp quán hơi thở hoặc pháp quán Tứ niệm xứ... Ở đây tổ Đạt-ma không dạy pháp nào hết, chỉ bảo đem tâm ra ta an cho. Câu đó làm cho ngài Huệ Khả sửng sốt nhưng không dám xem thường. Khi quay lại tìm thì không thấy, lúc đó tâm an chứ gì. Nên Tổ xác nhận “Ta đã an tâm cho người rồi.”

Tổ an tâm mà không dùng một pháp nào, chỉ bảo quay lại tìm xem tâm bất an ở đâu. Khi quay lại tìm nó mất, đó là an tâm. Nhà thiền còn gọi là phản quan tự kỷ, tức xoay nhìn trở lại chính mình. Khi phản quan nhìn lại xem nó ở đâu thì nó mất tức là an. An tâm mà không có một pháp, nên nói không một pháp cho người, tức chỉ thẳng.

Lâu nay chúng ta do mê lầm nhiều đời, lấy giả làm thật, nên trầm luân muôn kiếp. Thân này giả mà ai cũng cho là thật, nên tìm đủ mọi phương tiện nuôi dưỡng, chăm sóc, để thỏa mãn những nhu cầu của nó. Lo được việc đó gọi là người giỏi, khôn ngoan. Nhưng với con mắt nhà Phật không thấy như vậy. Lớp người đi trước như ông sơ, ông cố, ông nội, ông ngoại của chúng ta ai cũng có rồi mất. Người trước mất, lớp người kế mất, tới cha mẹ chúng ta dần dần mất. Cuối cùng chính ta cũng không còn. Như vậy thân giả là điều quá rõ, tại sao mình không chấp nhận nó giả? Phải chạy ngược xuôi

lo lắng chu cấp cho nó đủ điều, cuối cùng cũng chẳng giữ được mãi.

Một vị đang ngồi nói chuyện với người bạn thân, bất thần người bạn lên cơn đột quỵ ngã chết. Lúc đang nói chuyện mình bảo là thật, khi ngã ra chết người đó thật hay giả? Mới giờ trước còn, giờ sau mất, còn mất trong phút giây, không bảo đảm gì hết, làm sao nói thật được. Ngày nay quý vị đóng tiền bảo hiểm, nhưng bảo hiểm thế nào? Bảo hiểm mình chết họ đền, chứ không bảo hiểm mạng sống chúng ta được mười năm, hai chục năm gì cả. Như vậy thân này không bảo đảm chút nào hết, thấy đây bất chợt mất kia, không thật mà chúng ta ngỡ là thật.

Đức Phật nói thân này do tứ đại hợp thành. Đây đủ bốn thứ đất, nước, gió, lửa thì thân tồn tại, nếu thiếu một thứ nó liền mất. Trong người mình chất cứng là đất, ướt là nước, động là gió, ấm là lửa. Bốn thứ này từ cha mẹ sanh cho tới giờ nó còn nguyên vậy hay luôn đổi thay? Mũi chúng ta mượn không khí ở ngoài hít vô rồi trả ra. Mượn vô trả ra, mượn vô trả ra. Mượn trả đều đặn thì sống, nếu thở khì ra không hít lại thì chết ngay. Vậy sự sống chỉ là vay mượn thôi. Một lát mượn tách nước rồi trả. Mượn ít chén cơm có tiêu, gừng, ớt tức là mượn đất, mượn lửa rồi cũng phải trả. Rõ ràng cuộc sống con người chẳng qua là sự vay mượn. Mượn trả suôn sẻ thì sống, mượn trả không suôn sẻ thì chết. Ví dụ mượn cơm, mượn nước vô mà không trả ra được thì xe hồng thập tự đến chở đi. Như vậy thân này có giá trị chân thật chi đâu?

Nói về tâm, đa số người cho rằng những nghĩ suy khôn đại, hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình. Đối về phần vật chất nhận thân là thật, nên tìm vật chất cung phụng cho nó ấm no. Đối về phần tinh thần nhận suy nghĩ phân biệt là tâm mình thật. Cái thân nặng mấy chục ký này bị tâm suy nghĩ ấy điều khiển. Khi niệm muốn đi dấy lên sai thân đi thì nó đi, niệm ăn cơm dấy lên sai thân ăn thì nó ăn. Tất cả đều do tâm dấy động thúc đẩy thân làm theo. Có nghĩ mới có hành động, có nghĩ mới có nói năng. Như vậy nói năng hành động từ suy nghĩ mà ra. Cho nên tâm suy nghĩ là chủ động, thân là cái bị động. Nếu suy nghĩ là thật thì chúng ta phải biết nó ở đâu, ra sao? Bình thường nó dấy nghĩ hơn thua, nhưng tìm lại thì nó mất, rõ ràng nó không thật. Thiền tông dạy chỉ cần nhìn lại xem cái tâm suy nghĩ ấy không thật thì an tâm ngay.

Thân tạm bợ giả dối chúng ta cho là thật, tâm sanh diệt chợt có chợt không, hư dối chúng ta cho là thật. Lầm nhận hai thứ này thật là người tỉnh sáng hay mê lầm? Mê lầm. Tất cả chúng ta hiện giờ đang mê hay đang tỉnh? Đang mê. Thế mà ra đường có ai nói chị mê quá thì nổi sân liền. Vì ngâm cho mình khôn ngoan, chứ không mê muội. Lúc nào cũng thấy ta khôn ngoan nhưng sự thật không biết mình là gì hết.

Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật: “Thế nào là vô minh.” Đức Phật dạy: “Chấp thân hư giả cho là thân thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cho là tâm thật, đó là vô minh.” Sáu trần là sắc,

thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là theo hình sắc, âm thanh, hương vị, xúc chạm và bóng dáng của các pháp. Nói rõ hơn là mắt duyên sắc, tai duyên tiếng, mũi duyên mùi, lưỡi duyên vị, thân duyên cảm xúc, ý duyên pháp trần. Như vậy là tâm duyên theo bóng dáng sáu trần và cho đó là tâm thật. Ai thấy thân thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, người đó đang ở trong vô minh.

Ngài Huệ Khả thấy tâm lăng xăng làm chướng ngại việc ngồi thiền, vì ngài ngỡ nó thật. Tổ Đạt-ma không giảng dạy gì hết, bảo đem tâm ra ta an cho. Ngài quay lại tìm tức là lấy trí tuệ soi sáng lại, xem tâm lăng xăng hiện giờ ở đâu. Khi nhìn lại kỹ nó mất tằm mất dạng, ngài nói thật thà con tìm tâm không được. Tổ bảo ta an tâm cho người rồi. Tổ Đạt-ma đã dạy ngài Huệ Khả phản quan, nhìn lại tâm lăng xăng của mình. Khi nó lăng xăng dấy động gọi là có, nhưng quay lại tìm nó không còn, tức là an rồi.

Thiền tông từ thời đức Phật truyền cho tổ Ca-diếp mãi về sau, cho đến tổ Đạt-ma thứ hai mươi tám truyền sang Trung Hoa. Dòng thiền này sang tới Việt Nam chúng ta được các Tổ đời Trần ứng dụng tu. Thiền đó là trực chỉ tức chỉ thẳng chứ không nói quanh co. Chỉ thẳng cái gì? Ngay nơi tâm mình, biết bóng dáng không thật đẹp bỏ nó, thì chúng ta mới thấy cái chân thật.

Người tu thiền, những phương pháp thiền khác cũng dùng phương tiện để đưa tâm tới chỗ lặng lẽ. Như thiền Nguyên thủy dùng Tứ niệm xứ là quán thân

bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Bốn pháp đó trong kinh Đại Niệm Xứ Phật cũng dạy, người nào tu Tứ niệm xứ từ một ngày tới bảy ngày, tâm không dời đổi sẽ chứng từ tam quả A-na-hàm tới tứ quả A-la-hán. Chủ yếu là định tâm lắng lắng lộn xộn.

Tu theo đạo Phật là cốt dùng tâm lắng lắng. Tại sao? Bởi vì tâm lắng lắng lộn xộn là hư dối, nhưng nó lại là chủ tạo nghiệp. Nếu chúng ta chạy theo nó sẽ tạo nghiệp lành, nghiệp dữ. Tạo nghiệp lành, nghiệp dữ thì đi trong luân hồi sanh tử, đi trong lục đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la, trời. Tâm lắng lắng theo chiều xấu thì đi xuống ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm lắng lắng theo chiều tốt thì được làm người, a-tu-la hoặc trời. Còn tâm lắng lắng đối đãi là còn đi trong sanh tử. Khi nào tâm lắng lắng đối đãi lặng mất, chúng ta mới giải thoát sanh tử.

Tu muốn giải thoát sanh tử thì tâm lắng lắng phải lặng. Người đầy đủ lòng tin, đức Phật dạy niệm Phật, tin có Phật A-di-đà, tin có cõi Cực lạc, tin mình niệm Phật sẽ được Phật đón về Cực lạc. Dùng lòng tin tha thiết đó chí tâm niệm Phật để dẹp tâm lắng lắng. Người tu thiền dùng trí quán. Theo Nguyên thủy thì quán thân này như nhớp v.v... Thiền tông đi thẳng, biết gốc tạo nghiệp sanh tử luân hồi là tâm niệm lắng lắng. Bây giờ nhìn thẳng nó, nó lặng hết thì tâm an định. Tâm an định thì cái chân thật hiện tiền, đó là giải thoát sanh tử.

Thiền tông nhìn thẳng để biết tâm vọng tưởng hư giả, như vậy có pháp môn nào không? Không có pháp môn. Cho nên nói giáo ngoại biệt truyền. Nhìn thẳng bằng trí tuệ thấy vọng tưởng không thật, làm chủ được nó, lâu ngày tự nó tan biến. Tâm lăng xăng hết, nhưng cái biết tâm lăng xăng vẫn hiện tiền, đó là chỗ đặc biệt của người tu Phật. Đi sâu trong cái giả dối không thật để nhận ra cái chân thật muôn đời của mình. Nhà thiền dùng từ “bản lai diện mục”, tức mặt thật muôn đời.

Nhìn lại tâm lăng xăng, nó tan biến gọi là phản quan tự kỷ. Đây là một pháp tu mà không có pháp gì hết, chỉ lấy trí chiếu rọi lại mình, gọi là phản quan tự kỷ. Người ta tu hay cầu được Phật xoa đầu, Bồ-tát ấn chứng v.v..., ở đây không cầu như thế. Dứt tâm lăng xăng rồi thì trí tuệ tự sáng, không cầu chi hết, nên nói không phải từ ngoài mà được. Phá tan mê lầm đó gọi là giác ngộ, đừng được tâm sanh diệt lăng xăng không còn dấy động nữa, là đi tới giải thoát sanh tử. Đường lối tu theo thiền tông là lối tắt, lối đi thẳng chứ không quanh co, không mượn phương tiện.

Nếu ai nghiên cứu mười bức tranh chặn trâu của thiền tông, sẽ thấy lối minh họa của các thiền sư hết sức chân xác, đúng đắn. Trong mười mục chặn trâu, mục thứ nhất là thằng chặn đi tìm con trâu. Thằng chặn là gì, con trâu là gì? Thằng chặn là trí tuệ Bát-nhã, con trâu là tâm vọng tưởng. Mục thứ nhất thằng chặn đi tìm trâu, không thấy gì hết nhưng vẫn xách roi đi tìm. Sang mục thứ hai là từ từ thấy dấu. Thấy dấu rồi, người chặn tay cầm roi, tay nắm dây giàng xỏ mũi trâu dắt về.

Chỗ này người ta không hiểu làm gì? Nhà Phật dạy, người tu muốn dừng tâm lăng xăng lộn xộn thì phải dùng phương tiện. Phương tiện là gì? Là giới luật. Cư sĩ giữ năm giới, Sa-di giữ mười giới, Tỳ-kheo giữ hai trăm năm mươi giới... Giới như sợi dây xoắn mũi kim chế con trâu. Ngoảnh đầu bên này bị giật lại, ngoảnh đầu bên kia bị giật lại. Người tu giữ giới không cho phạm tức là không đi lệch ra phạm vi của mình. Vì vậy giới luật dụ như sợi dây giàng xoắn mũi con trâu. Nếu trâu hung hăng quá lôi không thềm đi, chú mục đồng phải làm sao? Có cây roi để đánh. Vậy roi và dây giàng dụ cho giới luật. Ai phạm giới luật thì phạt quỳ hương v.v... đó là đánh cho nhớ.

Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ sáng suốt của mình, biết con trâu hung hăng tìm bắt, trừng phạt không cho nó chạy nữa. Ngồi thiền là chúng ta kìm chế giữ tâm không cho lộn xộn, lăng xăng. Sau khi mình giữ được như vậy rồi, lôi đầu trâu trở về, từ đó thừng chăn mới leo lên lưng cưỡi. Giữ gìn kỹ một thời gian trâu thuần hòa. Bấy giờ trâu nằm dưới cội cây, người chăn dựa cây ngủ không cần làm gì hết, trâu cũng yên ổn. Đây là chỉ khi chúng ta theo dõi, điều phục tâm lăng xăng đến một lúc nào đó, nó sẽ hiền hòa yên lặng từ từ. Giai đoạn sau trâu mất hẳn, tức tâm lăng xăng lặng hết rồi. Đó là giai đoạn thành công thứ nhất.

Tâm lăng xăng lặng rồi bước qua giai đoạn thừng chăn cũng mất luôn. Đây là tới mục thứ tám, có một vòng tròn như mặt trăng, không còn trâu, không còn chăn. Chăn là đối với trâu, khi trâu còn hung hăng

phải có chần đuổi bắt gìn giữ để kìm chế nó. Khi trâu mất rồi, chần còn làm gì nữa. Cũng vậy, khi tâm chúng ta lảng xãng mình nhìn nó, theo dõi nó đừng cho lảng xãng nữa. Khi nó hoàn toàn yên lặng, chúng ta còn dùng trí nhìn nó nữa không? Lúc đó trí cũng lặng. Cái bị thấy, bị phá hết thì người hay phá cũng mất luôn. Người hay phá, nhà Phật gọi là trí Bát-nhã. Do đó trâu mất thì chần cũng không còn. Đến đây nhà thiền gọi là đầu sào trăm trượng, còn phải nhảy qua nữa. Như ta trèo lên cây một trăm thước, khi trèo lên là còn có cây để mình trèo. Trèo tới đầu sào chót ở trên, phải nhảy qua khỏi mới được, chứ không thể tới đó là xong. Trâu, chần không còn là tới đầu sào trăm trượng, nhảy qua khỏi đó là thể nhập pháp thân. Trong hình vẽ mục thứ chín, lá rụng về cội, chim bay về tổ. Chúng ta có pháp thân chân thật nhưng lâu nay quên mất. Bây giờ trở về được gọi là thể nhập pháp thân.

Khi thể nhập pháp thân rồi, tới mục thứ mười là ông già bụng bự, tay quảy con cá chép, tay cầm bầu rượu đi vô xóm. Để làm gì? Thể nhập pháp thân thì có ba thân là pháp thân, báo thân, ứng thân hay hóa thân. Người thể nhập pháp thân rồi, tùy duyên thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Với kẻ say mê rượu chè, vị ấy tới quán rượu tìm cách gần gũi giáo hóa. Muốn nói chuyện với người uống rượu phải nhâm nhi với họ một chút. Vì vậy tay xách bầu rượu vô xóm, đây là pháp “đồng sự” trong Tứ nhiếp pháp.

Bồ-tát có đủ phương tiện, đủ hình thức thị hiện để làm lợi ích cho chúng sanh. Biết đâu trong khi các vị

đang vui chơi uống rượu cũng có Bồ-tát lẫn trong ấy. Khi uống rượu, quý vị bàn kế tìm ra nhiều tiền hoặc làm việc gì không tốt, có người ngăn cản không nên làm như vậy. Đó là một hiện thân để nhắc nhở chuyển hóa những người say mê rượu chè. Thầy tu với người uống rượu không thể gần nhau được, làm sao khuyên ngăn, nên Bồ-tát phải có hình thức như vậy, gọi là ứng thân để giáo hóa chúng sanh. Tinh thần tu Phật kỳ đặc ở chỗ đó, tuy thấy thân giả, tâm hư dối, biết rõ không mê lầm, quyết tu cho tới được giải thoát. Giải thoát rồi thì thị hiện tất cả tướng để tùy duyên hóa độ, chứ không phải tới đó thành thơ đi luôn, bỏ mặc ai làm gì thì làm. Đó là tinh thần tu hành của Bồ-tát.

Người tu theo thiên tông đi tới chỗ tâm thanh tịnh không còn niệm, khi đó trí tuệ Bát-nhã cũng buông luôn. Có người thắc mắc buông cả trí tuệ Bát-nhã, chúng ta có ngu không? Nhiều người sợ tu thiên mãi thành khờ. Tại sao? Vì có suy tính việc này việc nọ mới khôn. Bây giờ ngồi yên, bỏ hết không nhớ nghĩ, không tính toán riết thành ngu. Tu để thành ngu, tu làm chi? Đó là vì họ không ngờ tất cả những loạn động sạch rồi, tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt hiện ra.

Phật dạy chúng sanh có Phật tánh hoặc trí vô sư. Người đời quý trọng những vị học giỏi, nghiên cứu triết lý này triết lý nọ, nhưng nhà Phật không quý trí đó mà quý trí vô sư. Vô sư là không thầy. Trí vô sư này ai được? Chính đức Phật Thích-ca đã được. Khi ngài ngồi yên tịnh dưới cội bồ-đề trong bốn mươi chín ngày đêm,

đến đêm thứ bốn mươi chín, từ canh một tới canh hai ngài chứng được Túc mạng minh. Minh là sáng, túc là đời trước, mạng là sanh mạng. Túc mạng minh là sáng biết được sanh mạng đời trước của mình, không phải một đời mà vô số đời. Khi chứng được minh này, ngài nói: “Ta nhớ vô số kiếp về trước như nhớ việc mới xảy ra hôm qua, rõ ràng không có chỗ sai sót.” Từ đó ngài biết con người không phải mới có đời này, mà đã có vô số đời sanh đi tử lại tới ngày nay, vô lượng lần chứ không phải một lần.

Chúng ta không phải có mặt lần này là lần số một. Nếu lần số một thì cha mẹ thế nào sanh con y hệt thế ấy, tư tưởng cũng như thể xác đều giống nhau. Nhưng trên thực tế, tư tưởng cha mẹ khác tư tưởng con cái, cha mẹ thích nghề này con cái ưa nghề khác. Như vậy mỗi chúng sanh mang trong mình những sai biệt nên có những khuynh hướng khác nhau. Anh em ruột cũng vậy.

Từ canh hai tới canh ba, ngài chứng được Thiên nhãn minh. Thiên nhãn minh tức mắt ngài thấy thấu suốt tất cả vật lớn, vật nhỏ. Nhỏ tí ti ngài cũng thấy, xa thăm thẳm ngài cũng thấy. Cho nên ngài nói “Trong bầu hư không này có vô số thế giới”, trong kinh dùng từ “hằng hà sa số thế giới” tức thế giới nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ. Phật biết vô số thế giới trong hư không mà khỏi nhìn qua kính viễn vọng. Ngài thấy vật nhỏ tí ti như vi trùng trong bát nước, nên thường dạy các thầy Tỳ-kheo, khi uống nước không có lọc phải tụng câu kệ

“Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng.” Tức Phật nhìn trong bát nước thấy có tám muôn bốn ngàn vi trùng. Như vậy con mắt của ngài thấy xa thật xa, thấy nhỏ thật nhỏ. Ngài thấy chúng sanh sau khi thân này hoại bị nghiệp dẫn đi luân hồi trong sáu đường, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua người lại rõ ràng không nghi ngờ. Vì vậy Phật mới nói lý luân hồi nghiệp báo, để nhắc nhở mọi người biết thức tỉnh, dè dặt để đời sau đừng đọa vào những đường khổ.

Từ canh ba đến canh năm, khi sao mai vừa mọc ngài chứng được Lộ tận minh. Tức ngài không còn rơi rớt lại trong sanh tử hay trong tam giới nữa. Sau đó Phật đi giảng đạo, nói về pháp Tứ đế v.v... chỉ rõ nguyên nhân nào chúng ta trầm luân trong sanh tử, nguyên nhân nào thoát khỏi vòng sanh tử.

Vậy thời gian Phật ngồi dưới cội bồ-đề, ngài học với ai, học cái gì? Không học với ai hết, chỉ định tâm cho yên lặng hoàn toàn, từ đó tự sáng lên. Đây gọi là trí vô sư, nên ngài nói: “Ta học đạo không có thầy.” Như vậy, ngồi thiền là một phương tiện để dừng tâm lăng xăng tạo nghiệp, đi tới chỗ an định hoàn toàn. Khi tâm an định hoàn toàn rồi trí tuệ vô sư hiển bày, vượt hết tất cả trí phàm tục. Biết mấu chốt đó chúng ta mới nắm vững đường tu Phật đã dạy.

Chúng ta tu Phật có hai con đường. Một là còn sanh tử, lựa sanh tử tốt tránh sanh tử xấu. Đó là đi trong ba đường lành người, a-tu-la, trời. Hai là tu giải thoát sanh tử,

tức định tâm yên lặng dứt hết mầm suy tưởng, được hoàn toàn an định, trí vô sư hiển hiện. Chứng đó chúng ta có đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông v.v... Đây là chỗ siêu thoát rất nhiệm mầu. Tùy chúng ta chọn lựa. Ai muốn đi gần thì chọn lựa đường tốt. Ai muốn đi xa thì phải cố gắng tu ra khỏi sanh tử.

Như trên đã nói thân này không thật, tâm lăng xăng không thật. Chúng ta dùng trí Bát-nhã ruồng phá tâm không thật. Cuối cùng không chấp thân, không chấp tâm, buông luôn cả trí Bát-nhã, sau đó mới đi tới chỗ cứu cánh chân thật. Hiện giờ quý vị biết mình có cái chân thật không? Nghe Phật nói tất cả đều giả dối, chúng ta tưởng mình không còn gì hết thì tu để làm gì? Sự thật ngay trong thân sanh diệt này, còn có cái thật hiện tiền.

Nói chữ tâm là nói đến cái biết. Cái biết dấy khởi, cái biết chạy lăng xăng là cái biết động, cái biết giả dối. Còn cái biết không dấy khởi, không lăng xăng, không hình bóng, hiện tiền mà chúng ta bỏ quên. Trong nhà Phật gọi cái biết đó là chân tâm, Phật tánh. Như khi quý vị ngồi chơi thanh thoi ở chỗ vắng một mình, đầu trống rỗng không niệm nghĩ suy, không tính toán gì hết, lúc đó chim kêu có nghe không, gió thổi có biết không, người qua lại có thấy không? Tất cả mọi thứ đều hiện tiền. Chúng ta vẫn thấy, vẫn nghe, vẫn biết, cái thấy biết đó luôn sẵn có, nhưng dấy niệm lên thì quên mất, liền chạy theo niệm lăng xăng lộn xộn. Đang có cái thật mà bỏ quên, nhà Phật gọi là mê. Mê tức là quên chứ không gì lạ.

Nhà thiền luôn luôn nhắc, luôn luôn chỉ cho người tu thiền biết và nhận ra cái thật của mình. Đức Phật trên hội Linh Sơn, không thuyết pháp mà chỉ đưa cành hoa sen lên. Sau đó ngài nhìn khắp từng người, tới Ca-diếp thì Ca-diếp nhìn lại Phật rồi mỉm cười, Phật liền bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp.” Từ đó ngài Ca-diếp được truyền y bát, làm tổ kế thừa thứ nhất.

Như vậy Phật chỉ cái gì? Đưa cành hoa sen lên rồi nhìn từng người, ai nấy đều ngơ ngác không biết Phật muốn dạy gì, tới Ca-diếp ngài liền cười, Phật ấn chứng. Lạ quá! Bài pháp không lời. Câu kỳ đặc nhất mà lâu nay ít ai để ý tới: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm.” Chánh pháp nhãn tạng là chánh pháp từ kho con mắt. Phật đưa cành hoa lên, ngài Ca-diếp nhìn, Phật nhìn lại ngài Ca-diếp, ngài Ca-diếp cười là nhận được chánh pháp từ kho con mắt. Từ kho con mắt đưa tới tâm màu nhiệm, tâm màu nhiệm là Niết-bàn. Do nhận được cái đó mà ngài Ca-diếp thành tổ sư.

Tại sao từ con mắt có chánh pháp? Như bình hoa ở đây, tất cả quý vị thấy không? Ai cũng thấy. Khi quý vị thấy bình hoa có suy nghĩ không? Không. Nếu vừa phân biệt bình hoa đẹp xấu thì có thứ khác chen vô rồi. Thấy bình hoa là bình hoa, cái thấy đó biết rõ bình hoa, nhưng vừa có bình hoa đẹp xấu, liền có niệm tiếp theo ai chùng hoa khéo quá hoặc ai chùng hoa tệ quá. Có khen có chê thì có thương có ghét, từ đó tạo nghiệp.

Nếu thấy bình hoa chỉ là bình hoa thì có tạo nghiệp không? Không. Cũng thế, ai đi ngang mình biết là người đi ngang thôi, có tạo nghiệp không? Không. Nhưng người đi ngang khen đẹp, xấu là tạo nghiệp ngay. Cái thấy biết đó sẵn ngay nơi mắt mình, ở chạng thứ nhất thì đúng, qua chạng thứ hai, thứ ba thì sai. Bởi vì chạng thứ nhất là cái thấy thật, qua chạng thứ hai, thứ ba có tình cảm xen vô nên hết thật rồi. Có tình cảm là có tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Hình ảnh Phật đưa cành hoa sen lên ngài Ca-diếp nhìn, Phật nhìn lại rồi hai thầy trò thông cảm, trong nhà thiền thường dùng từ “tứ mục tương cố” tức bốn mắt nhìn nhau. Thầy trò nhìn thông cảm, Phật liền thọ ký. Sau này tới ngài A-nan. Khi Phật nhập Niết-bàn rồi, A-nan hỏi ngài Ca-diếp: “Sư huynh được Thế Tôn truyền y bát, ngoài ra còn truyền cái gì khác không?” Ngài Ca-diếp kêu: “A-nan.” A-nan: “Dạ.” Ngài Ca-diếp nói: “Cây phước trước chùa ngã.” Ngay đó A-nan ngộ, được kế thừa làm tổ thứ hai. Dễ như trở bàn tay, kêu dạ liền ngộ, được truyền làm tổ.

Nếu tai nghe tất cả tiếng mà đừng phân biệt tiếng hay tiếng dở, lúc nào cũng nghe rõ ràng, đó là cái biết không tạo nghiệp. Cho nên kêu A-nan, ngài dạ, đó là để chỉ cho tánh nghe. Câu nói “cây phước trước chùa ngã” là câu gạt chơi thôi, người không biết lo suy nghĩ cây phước mà không nhớ tánh nghe của mình. Ngài A-nan “dạ” và lãnh hội tổ Ca-diếp muốn chỉ cái biết ở tai.

Như vậy ở mắt, ở tai chúng ta có tâm chân thật hiển lộ mà mình quên, chỉ chạy theo tâm suy nghĩ. Mắt vừa thấy cảnh liền khen chê tốt xấu, tai nghe tiếng liền chạy theo phân tích tiếng hay tiếng dở. Cả ngày chúng ta chạy theo cái sanh diệt tạo nghiệp luân hồi. Nếu biết sống trở lại cái chân thật thì ra khỏi luân hồi sanh tử, ngược lại sống với tâm phân biệt lăng xăng thì trôi lăn mãi trong sáu đường, không biết bao giờ ra khỏi. Phật muốn cho chúng ta thấy cái chân thật hiện tiền của mình, nên dạy dẹp bỏ hết những thứ hư dối, đừng mê lầm nó nữa. Như vậy tu thành Phật là trở về với tâm bất sanh bất diệt thường hằng của mình.

Thiền tông đời Trần ở Việt Nam lấy phản quan tự kỷ làm bốn phận chủ yếu của người tu. Đến ngày nào tâm hoàn toàn yên lặng thanh tịnh, chùng đó sẽ giác ngộ viên mãn. Cách chỉ dạy này không khác với thiền của đức Phật chỉ dạy cho ngài Ca-diếp, thiền của tổ Đạt-ma chỉ dạy cho tổ Huệ Khả. Thật là một hệ thống từ đầu tới cuối nhất quán không hai.

Ngài Tuệ Trung thượng sĩ tu đúng như vậy, nên tuy còn gia đình, đầy đủ thê thiếp mà vẫn ngộ đạo. Tới giờ phút sắp lâm chung, ngài ra Dưỡng Chân trang nằm trên bộ ngựa, nhắm mắt chuẩn bị đi. Các thê thiếp nghe vậy chạy ra khóc ồn lên, ngài mở mắt ngồi dậy bảo lấy nước rửa mặt súc miệng. Rửa mặt, súc miệng xong ngài quở: “Ta đi có nơi về có chốn, các người khóc lóc làm nao loạn chân tánh ta.” Nghe quở, quý vị ấy êm lại, ngài nằm xuống nhắm mắt đi. Tốt chưa! Dù người cư sĩ nhưng khi

nhận ra cái thật rồi, ra đi cũng thành thoi. Điều này cho thấy quý Phật tử còn tóc đừng ngại tu không được. Còn tóc hay cạo tóc gì miễn thực hành đúng thì kết quả như nhau.

Đó là những gì chúng tôi muốn nhắc nhở quý Phật tử, mong tất cả ghi nhớ và cố gắng thực hành để được giải thoát an vui.



SỰ SAI BIỆT GIỮA PHẬT HỌC VÀ KHOA HỌC

Giảng tại Paris – Pháp – 2002

Đề tài chúng tôi sẽ trình bày hôm nay là Sự Sai Biệt Giữa Phật Học Và Khoa Học. Có thể quý vị cho rằng ai không biết Phật học và khoa học sai biệt. Nhưng sai biệt ở điểm nào, sâu cạn ra sao lại là một vấn đề cần phải thảo luận cho rõ ràng. Để từ đó chúng ta thấy được nếu biết ứng dụng khoa học, Phật học vào cuộc sống sẽ có những lợi ích thế nào.

Có nhiều vị nghiên cứu khoa học mà thiếu phần tìm hiểu Phật học, nên họ nói Phật học có vẻ tiêu cực yếm thế. Số người thấy khoa học lúc nào cũng nghiên cứu, phát minh những điều lợi ích cho nhân loại, còn Phật học không có gì kỳ đặc, do đó họ hiểu lầm Phật học tiêu cực. Ngược lại cũng có một số vị bênh vực Phật học bằng cách chứng minh rằng Phật học cũng là khoa học.

Như vậy hai cái nhìn đó khiến cho chúng ta khó biết rõ sự sai biệt của nó như thế nào. Ở đây tôi nói thứ tự sự sai biệt đó theo cái nhìn của chúng tôi.

Sai biệt thứ nhất là sai biệt trên mục đích. Mục đích của khoa học là phục vụ con người bằng mọi phương tiện, đem lại sự no ấm sung mãn về vật chất. Cụ thể chúng ta thấy, tổ tiên mình ngày xưa gần xa gì cũng đi bộ hoặc đi thuyền. Ngày nay khoa học phát triển dần dần, con người đi xe rồi tiến lên tới phi cơ. Thời gian ngày xưa đi đứng nhọc nhằn, lâu lắc mười phần trăm phần, bây giờ rút lại còn một hai phần. Như vậy, nhờ tiến bộ của khoa học thời gian được rút ngắn, đem nhiều lợi ích lớn cho con người.

Kế đến, ngày xưa sự sống yếu kém, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu vật chất. Ngày nay khoa học đã tạo điều kiện, phát minh những thứ cần thiết cho con người đỡ thiếu thốn. Chúng ta làm ít mà được nhiều, thời gian rút ngắn mà kết quả bằng hoặc hơn ngày xưa. Vì thế khoa học hiện nay được xem là vạn năng. Đó là cái nhìn nghiêng về khoa học.

Còn mục đích của Phật học thì thế nào? Nói tới mục đích của Phật học, nhiều người còn phân vân chưa hiểu. Phật học đưa chúng ta tới đâu, có lợi ích gì cho con người. Về điểm này đa số còn ngờ chưa thấu suốt. Muốn nói tới mục đích của Phật học, tôi dẫn sử đức Phật Thích-ca khi còn làm thái tử. Ngài dạo bốn cửa thành thấy cảnh sanh già bệnh chết, trong lòng băn khoăn thắc mắc mãi “Con người từ đâu đến? Khi chết sẽ đi về đâu?”

Muốn ra khỏi sự sanh tử đó phải làm thế nào?” Đó là ba câu hỏi ngài đã cửu mang trước khi đi tu.

Câu hỏi thứ nhất là, nhìn vào hình thức vật chất của con người, trước khi cha mẹ chưa sanh ta từ đâu đến? Lúc đó ta là vật chất hay tâm linh? Câu hỏi thứ hai, sau khi chết ta còn hay mất? Nếu còn thì đi đâu? Câu hỏi thứ ba, người tu hành muốn ra khỏi vòng sanh tử đó phải làm sao? Cái ra khỏi vòng sanh tử là vật chất hay tâm linh? Đó là ba vấn đề, mà tất cả những ai khi muốn nghiên cứu đạo Phật, phải phải tìm tận nguồn gốc.

Ba câu hỏi trên đều nhắm thẳng vào tâm linh của con người. Bởi vì khi chưa có sắc thân này thì đâu có vật chất, cho nên trước khi có thân là phần tâm linh. Sau khi thân này hoại đi thì thân vật chất không còn nữa, nên phần còn lại cũng thuộc về tâm linh. Muốn ra khỏi vòng sanh tử tức là thoát khỏi sự vai mượn thể xác vật chất, đây cũng lại là tâm linh. Như vậy mục đích của đạo Phật giúp chúng sanh tìm cho ra cái lâu nay luôn thuộc về mình nhưng ta lại khó nhận khó thấy, vì nó vô hình. Nó chính là phần tâm linh.

Từ ba thắc mắc trên, thái tử Sĩ-đạt-ta quyết chí đi xuất gia tu hành để giải quyết cho xong ba vấn đề ấy. Như vậy, mục đích đức Phật đi tu là để giải quyết vấn đề con người, con người cốt lõi bên trong chứ không phải con người vật chất. Con người vật chất ai cũng thấy, cũng biết nhưng cái cốt lõi trước khi có thân này và sau khi bỏ thân này, chúng ta thế nào? Làm sao ra khỏi vòng sanh tử? Đây mới là vấn đề trọng yếu.

Nói rõ hơn, mục đích của khoa học là phục vụ con người về vật chất, về thể xác. Mục đích của Phật học là phăng tìm cho ra cái tâm sẵn có từ xưa nay của con người hay của muôn loài. Tâm linh đó biến chuyển như thế nào, đưa đẩy chúng ta tới đâu. Vấn đề này quá ư siêu thoát, không hình tướng, không tầm dạng nên muốn suy tìm thật hết sức khó khăn. Khi thành đạo viên mãn đức Phật thấu triệt được ba vấn đề trên, gọi là chứng Tam minh, ngài hoàn toàn giải thoát sanh tử, không gì có thể buộc ràng nữa.

Nhà Phật thường nói tới thế giới và con người. Thế giới là y báo, con người là chánh báo tức con người là chủ, thế giới là phụ thuộc. Quý vị có đồng ý như vậy không? Ngày nay người ta ưng làm cho thế giới tan nát thì nó tan nát ngay. Rõ ràng con người là chủ tạo tác mọi thứ. Người đời cứ chạy theo nhu cầu của thể xác, mà bộ chỉ huy của thể xác này là phần tâm linh. Có nghĩ mới nói, có nghĩ mới làm nên ý nghĩ là bộ chỉ huy. Chúng ta thấy như thân này tự hoạt động, sự thật đều do tâm linh chỉ huy tất cả. Nếu tâm linh sáng suốt thì chỉ huy tốt, tâm linh mờ tối thì chỉ huy sai lầm.

Khoa học lo cho phần xác thịt, còn Phật học phăng tìm cho ra nguồn gốc quan trọng của tâm linh, để điều khiển chỉ huy phần thể xác tốt đẹp. Đó là nói tổng quát hai cái khác giữa khoa học và Phật học. Đi sâu hơn, chúng ta thấy khoa học càng tiến, nhân loại càng thụ hưởng vật chất sung mãn thì con người càng lo sợ. Nhiều người đặt câu hỏi “Không biết ngày mai loài người

sẽ như thế nào?” Bởi vì trước bước tiến như vũ bão của khoa học, lỗi những người có trọng trách lớn, quyền thế cao trong khoa học mà nóng giận, oán thù thì nhân loại sẽ ra sao? Chắc loài người hồi hộp từng cơn. Khoa học làm cho con người được sung mãn vật chất, khoa học cũng làm cho con người lo sợ không yên. Như vậy ưu và khuyết của khoa học tồn tại song hành.

Phật học chỉ nhắm thẳng xây dựng phần tâm linh của con người. Phần tâm linh ít ai thấy, ít ai biết nhưng nó làm chủ, sai khiến chúng ta. Bởi nhắm thẳng vào chỗ đó, nên bước đầu của đạo Phật là xây dựng cho con người có trí tuệ dẹp bỏ tham sân si. Bỏ được tham sân si rồi, lòng từ bi phát sinh có đầy đủ tình thương cứu giúp những kẻ đau khổ, hoàn toàn không có tâm niệm hại người hay báo thù trả oán cũ. Người có trí tuệ sáng suốt có thể nghèo khổ, nhưng luôn sống vui vì không còn tham sân si. Gia đình Phật tử hiểu đạo có thể nghèo mà hạnh phúc, vì mọi người biết thương yêu chia sẻ cho nhau, tình gia đình rất đầm ấm. Rõ ràng nếu tâm linh sáng suốt chúng ta không sống tệ với nhau, chỉ khi tâm linh mờ tối u ám con người mới làm khổ nhau. Như vậy đạo Phật đem lại cho con người một trí tuệ sáng suốt, một nguồn yêu thương vô bờ.

Đạo Phật không dừng lại ở chỗ đó mà còn tiến sâu hơn, giúp tất cả chúng sanh thoát khỏi vòng trầm luân sanh tử. Câu hỏi thứ ba đức Phật muốn giải quyết, đó chính là làm sao đưa mình và mọi người ra khỏi sanh tử, danh từ chuyên môn nhà Phật gọi là “giải thoát sanh tử”.

Các triết gia thường dùng từ “vĩnh hằng” tức còn mãi, không đổi thay. Đi tìm một con đường đưa mọi người tới an vui hạnh phúc vĩnh viễn, không còn sanh tử nữa, việc đó lớn hay nhỏ? Dễ tìm, dễ thấy không?

Người học Phật ngày nay nhìn hơi cạn cợt, cứ nghĩ tu theo Phật để tâm mình yên một chút, biết thương người một chút, cúng Phật mong đời sau được sung sướng hơn đời này một chút. Chỉ lo chùng ấy thôi. Đó không phải là mục tiêu đức Thích-ca nhắm tới. Mục tiêu của ngài là làm sao đưa con người tới chỗ giải thoát sanh tử.

Đức Phật ôm ấp trong lòng ba hoài nghi trên nên ngài tìm đến các vị tu thiền ngoại đạo ở Ấn Độ. Ban đầu, ngài tu pháp Tứ thiền chứng được Tứ thiền. Tới đây chưa giải quyết được các nghi vấn của mình ngài từ giả đi. Đến những vị thầy khác dạy tu Tứ không, ngài tu một thời gian chứng được Phi phi tướng xứ, nhưng cũng không giải quyết được ba vấn đề trên.

Cuối cùng ngài tới cội bồ-đề trải tòa ngồi, thệ rằng: “Ta ngồi dưới cội cây này nếu không giác ngộ viên mãn, thà xương tan thịt nát quyết không rời khỏi chỗ này.” Với quyết tâm đó ngài thiền định tới đêm thứ bốn mươi chín từ canh một đến canh hai chứng được Túc mạng minh. Từ canh hai tới canh ba ngài chứng Thiên nhãn minh. Từ canh ba tới đầu canh năm ngài chứng được Lưu tận minh. Thế là ba vấn đề từng thắc mắc ôm ấp bấy lâu, tới đây bùng vỡ, ngài hoàn toàn giác ngộ viên mãn, giải thoát sanh tử.

Phật nói trong hư không này có ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Dục giới chúng ta đang ở đây đã là nhiều hành tinh lắm rồi. Sắc giới của những vị tu thiên định được sanh lên, rồi tới Vô sắc giới của các vị tu Tứ không nữa. Ngày nay khoa học tìm được bao nhiêu hành tinh trong bầu vũ trụ? Dục giới tìm còn chưa hết, nói gì tới Sắc giới và Vô sắc giới, thì thôi chưa ngó tới.

Những gì Phật thấy Phật nói đều do ngài tu mà sáng ra, chứ không phải do học mà được. Bởi chúng được vô số kiếp về trước, nên ngài biết rõ chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử, không phải chết là hết. Có vô số kiếp về trước và vô số kiếp về sau, cứ thế mà đi trong sanh tử, không phải một đời, hai đời. Đó là lý luân hồi. Chúng ta không phải chết rồi hết mà sanh đây sanh kia tùy theo nghiệp mình đã gây tạo.

Do chúng Thiên nhãn minh, ngài thấy con người khi nhắm mắt theo nghiệp dẫn vào trong lục đạo. Phật nói: “Ta thấy chúng sanh đi trong lục đạo luân hồi do nghiệp dẫn, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy kẻ qua người lại rõ ràng.” Như vậy, nghiệp do ngài thấy được, chứ không phải suy lý mà ra. Nghiệp đó, chúng ta tạo rồi nó có sức mạnh dẫn ta đi nơi này, nơi kia trong vòng sanh tử không cùng.

Xưa kia đọc truyện Tàu, chúng ta thấy các ông tiên tu hành trên núi đăc đạo. Họ nhìn người này người nọ thấy có hắc khí, nói không tốt phải thọ khổ, còn ai có vãng sáng là người tốt, có phước, sẽ làm việc lớn v.v... Đó là gì? Là hiện tượng của nghiệp. Cho nên tượng Phật,

tượng Bồ-tát thường có hào quang để nói lên ánh sáng của tự tâm. Tâm lành thì hiện tướng lành, tâm dữ thì hiện tướng dữ. Con mắt thịt của chúng ta rất hạn chế, những gì có tướng mới thấy, không tướng thì không thể thấy được, chứ không phải không có các hiện tượng trên.

Tất cả chúng ta đều hiện tướng nghiệp, nhưng vì không biết nên gặp cảnh ta nghi ngờ. Có người vừa nhìn mình thấy cảm mến, có người mới liếc qua mình thấy dễ sợ. Tại sao? Đó là hiện tướng của nghiệp. Người hiện tướng hiền lành là do đời trước biết tu, biết làm lành lánh dữ nên đời này ai thấy cũng thương mến. Người hiện tướng hung dữ là do đời trước không tu, chuyên làm ác nên đời này nhìn thấy ai cũng sợ, muốn lẫn tránh. Thế gian không biết cứ phân bì, nói sao người đó làm gì cũng được, ai cũng thương cũng giúp đỡ, còn có người làm gì cũng thất bại, đi tới đâu cũng bị từ chối. Vì vậy họ cho rằng xã hội bất công. Tại xã hội bất công hay tại mình? Bản thân chúng ta chưa làm được việc tốt cho ai mà đòi người ta mến thương, như vậy đâu có hợp lý. Nhưng ở đời luôn luôn đổ thừa cho xã hội, mà không thấy lỗi nơi mình.

Đức Phật khi chứng được tam minh, ngài có đủ lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng v.v... Bao nhiêu thần thông diệu dụng đều có đủ. Rõ ràng ngài không học với ai, chỉ tâm lóng lạng phát ra ánh sáng, tự thấy tự biết. Cho nên trong kinh nói: “Ta giác ngộ không có thầy.” Cái biết ấy sẵn có nơi mình, khi nào mọi vọng tưởng lắng xuống hết thì nó hiện bày. Đó là chỗ thiết yếu mà đạo Phật muốn chỉ dạy.

Ngày nay người tu Phật dễ thỏa mãn, hài lòng với chút ít việc bên ngoài. Xây dựng được cái chùa kha khá, có một số bản đạo là đủ rồi, Phật sự vuông tròn rồi. Không ngờ rằng như thế chỉ là việc tí hon, chẳng ra chi. Tu Phật không phải để được những thứ nhỏ đó mà là phải giác ngộ. Tu mà không giác ngộ thì chưa xứng đáng là đệ tử Phật. Vì Phật là bậc giác ngộ, chúng ta theo Phật là đi con đường Phật đi. Nếu chúng ta không đi đúng đường hướng Phật dạy thì không thể gọi là học Phật tu Phật.

Sau khi giác ngộ rồi, đức Phật theo lời nài nỉ của chư thiên, ngài lập phương tiện giáo hóa cho chúng sanh. Hai chữ phương tiện, chúng ta phải nắm cho thật vững. Ai cũng nói lời Phật là chân lý, như pháp Tứ đế gọi là bốn chân lý. Chân lý thì đâu phải phương tiện. Song trong kinh Kim Cang Phật nói: “Pháp của Phật như chiếc bè đưa người qua sông.” Qua sông rồi thì chiếc bè phải bỏ. Có ai khờ dại qua sông rồi còn vác chiếc bè theo đâu. Như vậy pháp của Phật là phương tiện đưa người qua sông.

Trong kinh Viên Giác Phật nói: “Giáo pháp của ta giống như ngón tay chỉ mặt trăng.” Mặt trăng ở trên kia, người bạn đứng gần không thấy. Muốn bạn thấy, ta lấy tay chỉ mặt trăng. Nhưng theo đầu ngón tay để thấy mặt trăng ở trên trời, chứ không phải mặt trăng ở tại đầu ngón tay. Ngón tay chỉ cho người ta thấy mặt trăng, chứ ngón tay không phải là mặt trăng. Khi thấy mặt trăng rồi, ngón tay còn có nghĩa không? Vô nghĩa. Như vậy rõ ràng pháp của Phật là phương tiện.

Chỗ khác nói “Phật tùy bệnh dữ dược” tức Phật tùy bệnh mà cho thuốc. Pháp của Phật là những phương thuốc, ai có bệnh gì Phật tùy theo bệnh đó mà cho thuốc. Bệnh lành thì thuốc phải bỏ. Nếu bệnh đã lành mà uống thuốc hoài thì sẽ bệnh trở lại hoặc biến thành bệnh khác.

Pháp của Phật giảng trong kinh điển là phương tiện. Chúng ta ngày nay tu theo Phật, không chịu tìm giác ngộ nơi mình mà cứ bám vào kinh điển. Sáng tụng kinh, chiều tụng kinh rồi nói tôi tu đã đủ. Tụng kinh mà không biết ứng dụng lời Phật dạy để chuyển nghiệp thì tụng có ích gì? Quý Phật tử ham tụng kinh là tốt, nhưng phải biết tụng để làm gì. Chiếc bè rất cần cho chúng ta qua sông, nhưng nó không phải là bờ. Nó chỉ đưa mình một chặng để ta lên tới bờ thôi.

Lời Phật dạy là vàng ngọc, Phật tử tụng thuộc lòng kinh này, kinh kia mà không giác ngộ thì chưa thể hài lòng được. Dễ thuộc nhất như Bát-nhã Tâm Kinh, Phật tử nào cũng thuộc. Thuộc thì thuộc, mà có hành không? Chỉ một câu đầu thôi “Quán Tự Tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.” Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã rồi, soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết khổ nạn. Quý vị đọc chừng bao nhiêu lần, khổ nạn còn hay hết? Khổ nạn vẫn là khổ nạn, qua không được.

Lời Phật là chân lý, là lẽ thật, tại sao quý vị tụng thuộc lòng bao nhiêu năm rồi vẫn không hết khổ. Lỗi tại ai? Tại Phật dạy không đúng hay tại chúng ta

làm không đúng? Đó là điều chúng ta phải thấy cho rõ. Phật dạy không sai, ngài dạy chiếu kiến ngũ uẩn giai không, chứ không bảo đọc tụng ngũ uẩn. Đọc tụng ngũ uẩn khác, chiếu kiến ngũ uẩn khác. Chiếu là soi, kiến là thấy. Soi thấy năm uẩn không thật thì khổ ách nào cũng qua hết. Còn tụng mà thấy thật bon làm sao qua được, nên khổ ách hoài.

Ngài Thái Hư dùng ví dụ rất hay để nói về việc này. Như người muốn qua sông, trước hết phải có thuyền. Xuống thuyền rồi phải bơi chèo mới tới bờ. Tới bờ rồi mới lên bờ, đó là thành công việc qua sông. Nếu ai có thuyền, xuống thuyền rồi mà ngồi ì hoài không chịu bơi chèo thì chừng nào qua tới bờ? Chắc ngàn năm. Cũng thế, Bát-nhã chia ra ba thứ: một là văn tự Bát-nhã, hai là chiếu kiến Bát-nhã, ba là thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã dụ như con thuyền. Quý Phật tử đang học văn tự Bát-nhã là đã xuống thuyền. Nhưng xuống mà ngồi đó thì cứ ngồi hoài, ngày nào đêm nào cũng bao nhiêu đó, không đổi thay tí nào hết, thử hỏi chừng nào qua sông. Trong kinh bảo chiếu kiến ngũ uẩn giai không, đâu phải ngồi đọc văn tự mà được. Chiếu kiến là xem xét kỹ thân này không thật mới qua hết khổ ách.

Thân này do tứ đại hòa hợp. Chất cứng là đất, ướt là nước, động là gió, ấm là lửa. Đã từ bốn thứ hòa hợp lại thành, chúng ta thâm biết nó không thật nhưng không dám nói. Vì sợ nói giả lỡ mai kia ai thử mình chịu không nổi. Duyên hợp không thật nên nói tánh không, duyên hợp giả có. Chử tánh là sẵn. Ví dụ chiếc đồng hồ

trước khi anh thợ ráp các bộ phận lại thì nó là không. Không ráp lại thành đồng hồ, chứ nếu đã có thì ráp lại không được. Do không nên ráp lại thành đồng hồ. Bây giờ nếu anh thợ mở ra từng bộ phận thì đồng hồ cũng thành không. Những gì do duyên hợp mà có thì trước đó đều là không, nên nói tánh không, duyên hợp tạm có, duyên tan trở về không.

Cũng thế, thân chúng ta trước khi cha mẹ chưa sanh không có, đợi duyên hợp mới có. Rồi tới ngày nào thở khì ra không hít lại thì nát thành không. Tất cả pháp từ tánh không duyên hợp giả có. Nếu chúng ta biết rõ như thế thì vượt qua khổ rất nhiều khổ ách. Thấy thân này duyên hợp giả có nên ai mắng nặng nhẹ gì mình cũng chẳng nao núng. Thân này không thật hưởng nữa lời nói, thành ra mình cười thôi. Chiếu kiến ngũ uẩn thấy rõ sắc uẩn không thật thì qua biết bao nhiêu khổ nạn.

Như vậy, muốn qua khổ nạn phải chiếu kiến Bát-nhã, nhưng Phật tử chỉ thích chặng đầu thôi. Chặng thứ hai không thực hành mà muốn đi tới kết quả ở chặng thứ ba. Ngồi hoài trên thuyền không chịu bơi, đòi tới bờ bên kia, chuyện đó thật là ngớ ngẩn. Chúng ta đọc kinh Phật phải biết quán chiếu đúng như thật mới được giác ngộ, mới hết khổ. Còn không biết quán chiếu, đọc bao nhiêu cũng không hết khổ. Đó là lẽ thật.

Phật dạy chúng ta tiêu diệt ba thứ độc là tham, sân, si. Phật chê chúng độc hại mà đệ tử ngài cứ giữ hoài không chịu bỏ, như vậy có trung thành với Phật chưa?

Trước hết là trách người xuất gia. Đầu tròn, áo vuông, mặc áo nhuộm, ăn chay trường, bước được một bước khá dài rồi, chỉ còn bỏ tham sân si nữa thôi thì thánh thiện biết mấy. Đã đầu tròn, áo vuông, ăn chay mà không bỏ tham sân si thì tiến nhiều ít? Chỉ có hình thức thôi, chứ sự thật không tiến bao nhiêu.

Trong nhà Phật nói tham sân si là ba con rắn độc. Có lần Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, nếu có ba con rắn độc ở trong thất các ông, các ông ngủ yên không?” Các thầy thưa: “Bạch Thế Tôn, chúng con ngủ không yên.” Phật hỏi: “Các thầy làm sao ngủ yên?” Các thầy thưa: “Bạch Thế Tôn, muốn ngủ yên chúng con phải đuổi ba con rắn độc ấy ra khỏi thất.” Giả sử còn một con rắn cũng không yên nữa. Như vậy, chư tăng ni ở chùa, muốn yên tốt thì phải đuổi hết ba con rắn độc. Thế mà có người không chịu đuổi, còn muốn nuôi lớn nữa chứ! Thật là đáng trách. Ở trong chùa từ Trụ trì trở xuống đều bỏ được tham sân si thì chùa đó có thịnh không? Dĩ nhiên là thịnh rồi. Nhiều chùa than sao Phật tử đi chùa kia nhiều mà chùa mình ít, rồi buồn trách Phật tử không công bằng. Nhưng biết đâu, tại chùa mình rắn độc nhiều quá, người ta thấy hoảng sợ nên chạy hết.

Tu giai đoạn đầu đã thấy được những lợi ích thiết thực. Nếu qua giai đoạn thứ hai, tìm được cái chân thật vĩnh hằng nơi mình thì lợi ích vô kể, không sao so sánh nổi. Trong kinh Phật dạy như người tu Tịnh độ niệm Phật từ một ngày, hai ngày, ba ngày, tới bảy ngày nhất tâm bất loạn, khi nhắm mắt Phật Di-đà hiện ở trước.

Nhất tâm bất loạn là sao? Là chỉ còn một cái biết không dấy động. Tâm là cái biết. Người tu thiền Phật dạy phải được định. Định là sao? Tâm lăng xăng loạn tưởng lặng hết thì định. Có định mới đến Niết-bàn vô sanh. Chỗ cứu cánh ấy tu pháp môn nào cũng đi tới hết.

Kinh Kim Cang Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.” Phàm cái gì có tướng đều giả dối. Nếu thấy tướng, biết rõ nó giả dối là thấy Phật. Nhưng đó là thấy Phật nào, ở đâu? Đạo Phật không những chỉ dạy chúng ta trở thành một con người tốt, sau khi mất thân này được sanh về cõi lành thôi. Đạo Phật còn chỉ cho chúng ta thấy, con người có khả năng đi tới giải thoát sanh tử, sống với cái vĩnh hằng của mình. Ngoài hai thứ tạm bợ là thân tâm sanh diệt, ai cũng có cái chân thật mà chúng ta quên. Đó chính là ông Phật của mình.

Đa số chúng ta chỉ biết thân và tâm lăng xăng thôi, còn cái hằng hữu không vắng thiếu lúc nào lại quên mất, nên Phật chê mình mê muội hay vô minh. Vì cái giả ta cho là thật, cái thật lại bỏ mất. Bây giờ làm sao để thấy được cái thật? Chỗ này tối quan trọng trong nhà Phật. Tôi xin trở lại ý ban đầu.

Khi đức Phật thành đạo rồi, ngài không muốn đi thuyết pháp mà lại muốn nhập Niết-bàn. Chư thiên hỏi ngài sao không đi thuyết pháp? Ngài trả lời: “Vì chỗ ta thấy, nói chúng sanh không hiểu, cho nên ta muốn nhập Niết-bàn.” Sau đó theo lời thỉnh cầu tha thiết của chư thiên, đức Phật đã dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh.

Tất cả những bài pháp ngài nói ra như Tứ đế, Thập nhị nhân duyên... đều là phương tiện. Chỉ đến khi ở hội Linh Sơn, chúng tụ họp đông đảo, Phật yên lặng đưa cành hoa sen lên, rồi nhìn từng người. Đại chúng đều ngơ ngác không hiểu gì hết. Tới Ca-diếp, ngài nhìn Phật mỉm cười, Phật liền tuyên bố: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp.” Ngay đó mới mãn nguyện của đức Phật, ngài chỉ ra được cái lâu nay muốn chỉ mà chưa chỉ được. Cả hội chúng, trong đó nhiều vị chứng A-la-hán rồi, cũng không hiểu Phật muốn làm gì. Nhưng thật sự giây phút ấy mới thâm diệu làm sao!

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật đưa tay lên hỏi A-nan: “Ông thấy không?” Ngài A-nan thưa: “Bạch Thế Tôn, thấy.” Phật để tay xuống hỏi: “Ông thấy không?” Ngài A-nan thưa: “Con không thấy.” Đức Phật liền quở “Ông là người quên mình theo vật.” Lỗi tại chỗ nào? Cái gì là mình mà quên? Cái gì là vật? Cánh tay đưa lên để xuống là vật. Cái hay thấy cánh tay đưa lên để xuống là cái của mình. Đưa tay lên thấy thì lý đáng nói thấy cái tay đưa lên. Tay để xuống lý đáng nói thấy cái tay để xuống. Cái tay khi có khi không, còn cái thấy trước sau như một. Nếu không có cái thấy, làm sao biết tay để xuống. Nhưng vì chúng ta quen, con mắt chạy theo cảnh, lỗ tai chạy theo tiếng, cứ như vậy mà cho có cảnh, có tiếng là có thấy, có nghe. Nếu không tiếng, không cảnh thì không thấy, không nghe. Như vậy có phải chúng ta biết cái bên ngoài mà không biết cái thật của mình không?

Chúng sanh có bệnh vừa thấy liền khởi phân biệt. Ví dụ thấy bình hoa thì khen đẹp quá hoặc chê xấu quá. Thấy bình hoa liền thêm niệm phân biệt đẹp xấu nên quên mất cái thấy ban đầu. Cái thấy ban đầu không hình tướng, không phân biệt, thấy là thấy, nhưng chúng ta không dừng ở đó, mà nhảy qua cái thứ hai liền. Như thấy người đi ngang thì thấy là thấy thôi. Đằng này vừa thấy đi ngang liền chê xấu, khen đẹp. Cứ theo cái xấu đẹp mà quên cái hay thấy. Chặng đầu đó rất thật mà chúng ta không chịu nhớ, chỉ nhớ chặng thứ hai thứ ba. Nhớ chặng thứ hai, thứ ba thì khen chê theo sau, từ đó sanh phiền não. Đẹp thì dễ thương, xấu thì dễ ghét. Nếu thấy người đi qua thấy là thấy, người đi lại cũng thấy là thấy, không thêm đẹp xấu thì có thương ghét không? Không có thương ghét. Cả ngày thấy nghe tất cả mà tâm không khởi niệm thương ghét là tu giỏi.

Tu là phải thấy đúng như thật. Đức Phật muốn chỉ cái thật cho chúng ta, ai cũng có. Cái thấy cái nghe, quý vị có thiếu không? Nếu thiếu chắc không tới hội trường này được, đâu thấy đường đi, đâu nghe giảng được. Song, khổ nỗi chúng ta thấy nghe rồi sanh phân biệt, mà không nhớ cái luôn luôn hiện hữu bên mình. Cho nên niệm Phật để nhất tâm, là dừng tâm phân biệt hơn thua, phải quấy, tốt xấu. Thiên định để dẹp hết những tâm lăng xăng loạn động thì cái chân thật hiện ra. Đó là Cực lạc, là Niết-bàn không sanh không diệt, đâu còn khổ nữa.

Sở dĩ trong nhà thiền nói như có cái gì bí mật, vì cái đó không giải thích được. Vừa giải thích là suy nghĩ,

mà suy nghĩ là trật rồi. Chỉ ngay đó nghe nhận thì đúng, còn suy nghĩ thì trật tuốt. Đạo Phật chỉ chúng ta một cái vịnh hằng ngay nơi mình. Cái vịnh hằng ấy hiện hữu trong tất cả mọi lúc mọi nơi. Nếu người nào khéo sẽ dễ dàng nhận ra. Như khi ngồi chơi, trong đầu trống rỗng không nghĩ gì, nghe gió thổi, chim kêu, thấy lá rụng..., lúc đó có mình hay không? Nếu không có thì ai biết gió thổi, chim kêu, lá rụng. Biết gió thổi, chim kêu, lá rụng là mình hiện tiền. Rõ ràng không có suy nghĩ, tâm chân thật hiện tiền, chứ đâu phải không ngờ.

Ngài Thần Hội dùng ví dụ rất hay. Như nhìn vào gương chúng ta thấy bóng người, bóng vật, lúc đó quên gương. Chừng nào không có bóng người bóng vật, ta thấy mặt gương rõ ràng. Cũng vậy, tâm thể chúng ta trùm hết, nhưng vì mình theo bóng nên quên tâm thể. Gương dụ cho tâm thể chân thật, bóng dụ cho người cảnh không thật. Khi chúng ta theo bóng thì quên gương, chừng nào bóng hết thì gương hiện đầy đủ. Cũng vậy, tâm mình không còn một niệm lăng xăng, lúc đó cái chân thật bất sanh bất diệt hiện tiền.

Đạo Phật chẳng những dạy chúng ta tu để đời sau hưởng phước lành, đời này được an vui hạnh phúc. Đạo Phật còn dạy chúng ta tu để đi tới chỗ vượt ngoài sanh tử. Cái đó hiện giờ chúng ta đang có. Tất cả quý vị có cái chân thật miên viễn mà quên, cứ theo tâm sanh diệt, nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ hơn nghĩ thua, tạo nghiệp lành nghiệp dữ đi trong luân hồi sanh tử. Vì vậy Phật nói rất đáng thương. Phật thương mình, còn mình lại không thương mình!

Chúng ta nghiệm kỹ mới thấy con đường của Phật dạy vượt ngoài thường tình. Ngài bảo chúng ta quay lại tìm nơi mình, tin chắc nơi mình có ông Phật thật, chứ không tìm kiếm ở đâu, không lệ thuộc vào ai hết. Đó là quyền tự do tuyệt đối của đạo Phật. Chúng ta có quyền làm Phật mà cũng có quyền làm chúng sanh. Tùy mình thôi. Quý vị muốn được quyền làm Phật hay quyền làm chúng sanh? Ai cũng muốn làm Phật nhưng hành động thì theo chúng sanh, khó ở chỗ đó.

Như vậy, đối chiếu giữa Phật học với khoa học chúng ta rút ra được một kết luận cụ thể. Khoa học cốt tạo ra phần vật chất để phục vụ cho con người có cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Song vật chất được rồi cũng mất, tốt rồi cũng xấu. Còn Phật học chỉ thẳng cho chúng ta tìm ra con người chân thật muôn đời để vĩnh viễn thoát ly sanh tử, chấm dứt khổ đau. Đạo Phật không phải chỉ dạy con người tu hành hiền lành để đời sau hưởng phước, đó là việc nhỏ thôi. Mục đích lớn là phải được giải thoát sanh tử. Đây chính là gốc của đạo Phật. Chúng ta tu để đi đến giải thoát, giác ngộ rõ thân này không thật, tâm lăng xăng hư ảo, mình còn có cái thật cần phải nhận ra nó, sống với nó. Như vậy mới thật là người tu Phật đến nơi đến chốn.



TÁNH KHÔNG DUYÊN KHỞI, CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Giảng tại thiền viện Đại Đăng – 2002

Thưa tất cả tăng ni và Phật tử, bài pháp hôm nay rất khó hiểu, quý vị chú ý mới có thể tiếp nhận được, đó là bài Tánh Không Duyên Khởi, Chân Không Diệu Hữu.

Lâu nay nhiều người thắc mắc hai điều này, nhất là giới học giả. Vì sao nhà Phật nói sắc tức không, không tức sắc, nghe khó hiểu, khó nhận định được. Xưa nay chúng ta sống theo mê lầm nên những gì mình nói mình làm mình nghĩ đều theo hướng mê lầm, do đó khi được chỉ thẳng lẽ thật, ta khó nhận ra. Đức Phật là bậc giác ngộ, ngài thấy và nói trái hẳn với cái nhìn mê lầm của chúng sanh. Vì vậy chân lý Phật dạy rất khó nhận.

Tại sao gọi tánh không duyên khởi? Nhà Phật nói tất cả pháp tánh không, do duyên hợp thành các pháp. Chữ tánh là chỉ cho cái có sẵn. Từ cái đã có sẵn đó

theo duyên hợp mà thành. Ví dụ ngôi nhà trước khi chúng ta xây cất nó không có. Từ chỗ trống không do duyên hợp, đủ các vật liệu kết hợp thợ thầy, nhiều phương tiện mới xây dựng thành cái nhà. Từ chỗ trống không do duyên hợp thành nên nói ngôi nhà tánh không. Từ cái nhà chúng ta quy ra muôn pháp đều như thế. Sự vật, con người v.v... có mặt trong một thời gian ngắn tạm bợ thì không thể nói nó thật được.

Nói tánh không duyên khởi thì biết các pháp đều hư dối, không thật. Đi thẳng vào con người, chúng ta có phải từ không duyên hợp thành có chăng? Ai cũng bằng lòng như thế, nhưng bây giờ nói mình giả, quý vị chịu không? Không chịu. Từ thấy mình thật nên muốn ăn ngon, mặc đẹp, thụ hưởng tất cả những gì thế gian có. Một khi muốn thụ hưởng mà bị ngăn trở thì vui không? Nổi nóng lên liền. Phật gọi đó là si mê. Từ si mê sanh ra tham lam, từ tham lam sanh ra nóng giận.

Người học Phật phải có trí tuệ, phải giác ngộ mới thấy đúng như thật. Khi biết thân mình duyên hợp hư dối, chúng ta sẽ có cái nhìn thế nào với cuộc đời? Thân này là giả, nếu ai khen đẹp mình cũng cười, ai chê xấu hoặc khinh miệt mình cũng cười. Biết nó là đồ giả có gì quan trọng để vui hay buồn. Do đó nghe khen không mừng, chê không giận. Rõ ràng tu giỏi là từ trí tuệ thấy đúng như thật mà ra. Không si nên không tham, không tham nên không sân. Các vị Bồ-tát hy sinh thân mạng để cứu muôn loài. Chúng ta nghe nói hy sinh thân mình liền hoảng sợ, làm sao dám hy sinh. Các ngài dám hy sinh

vì thấy rõ nó giả, không quan trọng. Chúng ta thấy thân mình thật, thân mình quan trọng nên hy sinh không được. Ai hy sinh cho mình thì được, còn mình hy sinh cho người khác thì không được. Đó là lý do chúng ta bị bệnh chấp ngã rồi ích kỷ, tham lam.

Cho nên người tu Phật phải có trí tuệ Bát-nhã, nhìn thấu suốt được lẽ thật từ con người cho tới muôn vật. Chúng ta thấy đúng như thật rồi thì việc tu hành rất thuận tiện, rất dễ dàng. Còn thấy theo mê tình thì sự tu hành rất trở ngại. Tôi hỏi một trăm Phật tử “quý vị tu khó không?”, một trăm người đều nói khó. Tại sao khó? Vì tu là làm những điều trái ngược với thói quen của mình, thói quen hay buồn, hay giận, hay thương, hay ghét. Vì vậy luôn luôn thấy sự tu khó khăn.

Đi sâu hơn chút nữa, chúng ta thấy thân này từ không, do duyên cha mẹ tụ lại nên có thân. Từ đó nhờ sữa mẹ hoặc sữa bò nuôi dưỡng thân, lần lần chúng ta lớn khôn trưởng thành. Như vậy gốc ban đầu để thành người nguyên từ tánh không, duyên hợp mà có. Bởi duyên hợp nên đủ duyên nó còn, thiếu duyên nó mất. Thân ta do đất, nước, gió, lửa tụ lại, thiếu một trong bốn thứ ấy thì chúng ta không còn tồn tại. Các pháp cho đến con người và muôn loài có hợp ắt có tan, chỉ là tan sớm hay tan muộn thôi. Ví dụ những loài vật nhỏ sống một, hai ngày rồi chết, chúng ta cho nó là giả tạm, còn con người sống mấy chục năm mới chết nên ngầm tưởng là thật. Duyên hợp thì xấu rồi sớm, tốt rồi chậm thôi, sớm chầy gì cũng phải rồi, phải tan. Đừng nghĩ tan rồi sớm là giả, tan rồi muộn là thật. Quan niệm như thế không đúng.

Chúng ta phải hiểu thấu ý nghĩa của đạo Phật nói, tất cả pháp do duyên hợp mà thành. Đã duyên hợp thành thì các pháp không thật. Đó là chân lý. Ở thế gian luôn luôn hỏi “Cái này thật hay giả?”, nếu cái nào không đúng tiêu chuẩn gọi là giả, còn đúng tiêu chuẩn gọi là thật. Phân biệt giả thật như vậy có đúng chân lý chưa? Chưa, nó đều là tạm bợ hết, không có gì do duyên hợp mà gọi là thật cả.

Khi hiểu được lý Bát-nhã, chúng ta tu hết sức gần với Phật. Trong kinh Kim Cang, Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”, nghĩa là các pháp có tướng đều hư giả, nếu thấy các tướng biết nó hư giả, đó là chúng ta thấy Phật. Phật ở đâu? Phật là thấy tánh giác của mình luôn hiện hữu, nhưng phải giác mới nhận ra được, còn mê thì không nhận được. Bởi vì Phật là giác. Nếu thấy các pháp hư giả, không thật đó là chúng ta có trí tuệ, sẽ gần với giác ngộ.

Khi thấy tất cả sự vật bên ngoài và thân mình đều là giả, tâm quý vị có rối loạn, có tham sân si không? Không tham sân si, như vậy gần thánh chưa? Không tham sân si thì thành thánh rồi. Thánh với phàm cách nhau bao xa? Chỉ đổi một cái nhìn.

Thấy thân này thật, chấp đuổi theo nên có tham sân si. Thấy thân này giả thì hết si, hết tham, hết sân. Ai cũng sợ tham, sân, si mà cứ nuôi si hoài làm sao hết tham, hết sân được. Đức Phật nhắm thẳng cái gốc chỉ cho chúng ta tu. Người thấy đúng lẽ thật sẽ thấy Phật.

Như vậy Phật ở gần hay xa? Hết sức gần. Vậy mà bao nhiêu năm chúng ta đi tìm kiếm, không ngờ Phật ở bên cạnh mình mà lại bỏ quên.

Ngày nay chúng ta học Phật, học giáo lý chân thật thì phải soi thấy năm uẩn đều không. Năm uẩn là sắc uẩn tức thân tứ đại, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Thọ là cảm giác, tưởng là suy tưởng, hành là suy tư, thức là tâm phân biệt. Những thứ đó sanh diệt, không thật mà chúng ta ngỡ nó thật. Từ chấp thân thật nên giành nhau vật chất, chấp tâm suy nghĩ của mình thật nên chống đối, giành phần đúng về mình. Do đó mà thế gian đau khổ tràn trề. Bây giờ biết thân không thật, tâm suy nghĩ cũng không thật thì qua hết khổ nạn.

Lời Phật nói đâu phải suông mà Phật tử không làm tới nơi nên vẫn còn khổ hoài. Tụng Bát-nhã thuộc lòng, nhưng ý nghĩa trong kinh không biết, cứ nghĩ tụng nhiều biến sẽ có phước. Tu như thế không được lợi ích gì cả. Tu là cốt làm sao thấy được lẽ thật của Phật dạy, chứ không phải đọc tụng kinh ngoài môi. Kinh Bát-nhã có chia ra ba phần: văn tự Bát-nhã, chiếu kiến Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã là chữ nghĩa văn kinh, chiếu kiến Bát-nhã là y lời Phật dạy, dùng trí tuệ soi xét thân năm uẩn không thật. Từ chiếu kiến Bát-nhã mới đi đến thật tướng Bát-nhã. Cho nên soi thấy năm uẩn đều không thì qua hết khổ nạn. Kinh Kim Cang nói thấy tất cả pháp không thật là thấy được Phật, tức lên đến bờ giác.

Chỉ một bài kinh ngắn, nếu chúng ta sống đúng, tu đúng thì đã giác ngộ rồi. Ngày nay người tu học kinh thật nhiều, hết bộ này đến bộ kia, mỗi đêm tụng một, hai phẩm, liên miên như vậy mà khổ vẫn cứ khổ hoài. Vì chúng ta tu bằng văn tự chứ không tu bằng trí tuệ soi xét. Đó là chỗ sai lầm.

Bây giờ trở lại vấn đề tánh không. Cái nhà khi chưa xây dựng, đó là một khoảng đất trống, cái trống sẵn đó gọi là tánh không. Khi xây dựng cái nhà rồi nó trở thành có. Có là duyên hợp nhưng trong cái có đó vẫn có cái không. Căn nhà sử dụng được là nhờ nó trống ở trong. Nếu xây bít hết thì không thành nhà. Cái trống này cũng là không. Cái trống sẵn ở trước gọi là tánh không, cái trống này là đối với vách, đối với cột, đối với mái. Mái nhà, vách nhà, cột nhà có tướng, chỗ này không có tướng nên gọi là không. Chữ tướng không trong Bát-nhã là thật tướng. Thật tướng thì không sanh không diệt. Còn tánh không là chỉ cho cái không sẵn, do duyên hợp tạm có muôn vật.

Thật tướng là tướng không, cái không này trùm khắp tất cả. Trong căn nhà có cái không, trong con người chúng ta cũng có cái không. Cái không ở đâu? Lỡ mũi không trống chắc chúng ta chết ngạt. Như vậy trong con người cũng không, nếu dùng kính hiển vi rọi vào sẽ thấy lỗ chân lông trống không. Cả thân người chúng ta đều có cái không lẫn trong đó. Nếu không có cái không thì con người không thể sống được. Thân này có cái không chúng ta mới sống được, tất cả sự vật đều như vậy hết.

Như vậy trước khi có nhà nó là không, trong khi có nhà nó cũng có cái không, sau khi nhà tan hoại nó cũng trở về không. Quá khứ không, hiện tại cũng có không, vị lai hoàn toàn không, như vậy cái nhà thật không? Nếu trước có cho tới muôn đời thì vật đó mới gọi là thật. Trước không, do duyên hợp tạm có, trong khi tạm có cũng chứa cái không ở trong, rồi rồi tan cũng thành không nữa. Như vậy trước không, sau không, giữa cũng có không, cái không trùm hết. Rõ ràng những gì chúng ta ngỡ là thật đều giả cả. Thế thì chúng ta nên trọn đời cung phụng cái giả hay chỉ mượn nó để tu cho giải thoát sanh tử?

Tôi thường ví dụ, như người qua biển lỡ chìm thuyền, bấy giờ gặp khúc gỗ mục, người ấy ôm khúc gỗ mục tạm sống chờ cầu cứu hoặc bơi vô bờ, đó là người khôn. Nếu nghĩ nhờ ôm khúc gỗ mục nên không chết đuối, rồi ráng đeo cứng nó không chịu bơi, không chịu kêu cứu thì người đó khôn không? Không khôn. Chúng ta kiểm lại xem mình thuộc loại nào?

Thân này như khúc gỗ mục vậy, nó rồi lúc nào không biết mà cứ bám vào nó luôn. Không lo bơi vô bờ, không lo kêu cầu cứu, cứ ghì nó mãi, chờ ngày nó rã. Đó là việc làm thật không sáng suốt chút nào hết. Chúng ta có đang hài lòng với khúc gỗ mục này không? Đang hài lòng với nó, nên không lo gì hết. Đó là điểm yếu đuối của chúng ta. Người tu phải biết dựa vào thân nhưng cũng biết rõ bản chất nó tạm bợ hư dối. Chỉ nương nó để tìm một lối hướng thượng, vượt thoát chết chìm trong biển sanh tử thôi.

Người tu sớm cầu thoát khỏi sanh tử là người khôn ngoan. Phật nói các pháp hư giả, thân này hư giả v.v... như vậy có bi quan không? Nói thật mới hăng làm, còn giả thì làm chi cho mệt. Đó là cái nhìn của thế thường, người hiểu Phật không nhìn như thế. Người đời cứ lằm thân thật nên tranh hơn, tranh thua, làm khổ cho nhau. Phật tử hiểu đạo rồi có thể ngồi yên nhìn người khác khổ không? Hay phải khuyên giải cho họ biết, đừng lằm nữa. Chúng ta phải nhận ra cái cao thượng, quý báu hơn để dẫn dắt kẻ mê ra khỏi sai lạc đó. Đạo Phật nói giả mà chư Bồ-tát cứ lằm xả vào đời cứu độ chúng sanh. Tinh thần của Bồ-tát đạo là biết giả nhưng vẫn thương chúng sanh và hết lòng cứu độ chúng sanh.

Phật dạy: “Khổ bị thiêu đốt trong địa ngục chưa phải là khổ, khổ làm ngã quỷ đói khát chưa phải là khổ, khổ làm súc sanh mang ách kéo cày, kéo xe chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ.” Như vậy Phật cho nỗi khổ lớn nhất là si mê. Bởi vì tạo tội đọa địa ngục, khi hết tội được trở lên làm người, ngã quỷ súc sanh cũng thế. Chỉ có si mê, cứ lao mình đi sâu trong mê lầm không biết chừng nào ra được, đời này kiếp nọ liên miên không dừng, mới là đáng sợ nhất. Chúng ta hiện giờ sợ cái không đáng sợ. Sợ địa ngục, ngã quỷ, súc sanh mà không sợ si mê. Trong khi chính si mê là nguồn gốc đưa mình vào sanh tử liên miên không dừng.

Phật dạy các pháp tánh không duyên khởi, vậy chúng ta phải nhìn nó thế nào mới đúng? Những gì do nhân duyên hòa hợp mà thành thì đều tạm bợ, hư giả.

Phật dạy “tất cả các pháp do nhân duyên sanh”, đã do nhân duyên sanh thì phải thấy nó huyễn hóa, không thật. Chúng ta có bệnh chấp thật. Cái đó thật hay không? Trả lời thật hoặc không thiên hạ chịu, chứ nói giả họ không chịu. Nhưng cuộc sống này không thật hẳn, cũng không phải không ngờ. Hiện tại chúng ta đang có mà chỉ có tạm thôi. Nên trong kinh thường dùng ví dụ như đèn rằm trăng sáng, một người đứng cạnh hồ nước trong, thấy dưới hồ có trăng. Nếu hỏi mặt trăng có thật không thì trả lời sao cho đúng chân lý? Thật có hay không? Nếu nói không thì rõ ràng mắt thấy, nếu nói có sao đưa tay vớt không được. Nên trả lời đúng nhất là mặt trăng dưới hồ không thật, cũng không phải không, chỉ là bóng tạm bợ, hư dối thôi. Đủ duyên, trên có mặt trăng dưới có hồ nước trong thì bóng mặt trăng tạm có. Bóng đó giả có, không phải thật có cũng không phải không có.

Thân chúng ta cũng vậy, bây giờ đâu thể nói không ngờ được. Có ăn, có mặc, có nói năng đủ thứ, không phải không nhưng đừng ngỡ thật có. Không biết nó giả ngỡ là thật có thì thấy sai lẽ thật, thấy sai lẽ thật là si mê. Chúng ta học Phật là học trí tuệ, trí tuệ không cho phép chúng ta thấy sai lầm. Vậy chúng ta phải thấy tất cả sự vật trên thế gian này sao cho đúng? Kinh Kim Cang, Phật nói kệ:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Tức là các pháp có sanh, có diệt trên thế gian này chỉ như giấc mộng, như vật huyễn hóa, như bọt nước, như làn chớp v.v... nó không có thật. Chúng ta luôn luôn thấy đúng như vậy là thấy đúng lẽ thật, thấy đúng chân lý. Thấy ngược lại thì không đúng lẽ thật. Trong kinh Kim Cang, Phật thường nói giả sử có người đem bảy báu nhiều bằng núi Tu-di để bố thí, phước không bằng người tụng bốn câu trên. Tại sao? Vì của báu bố thí đó đối với thế gian rất nhiều, nhưng Phật thấy nó tạm bợ, có rồi mất. Còn bốn câu kinh Kim Cang là trí tuệ thấy đúng như thật, đây mới là phước lâu dài, đúng với ý nghĩa thoát khỏi mê lầm. Chúng ta học kinh, hiểu kinh phải thấy đúng lẽ thật.

Nhiều Phật tử tụng kinh Kim Cang nghi ngờ, bố thí thân này nhiều như số cát sông Hằng sao không bằng người trì tụng kinh Kim Cang, vô lý quá? Thật tình chúng ta bỏ bao nhiêu thân mạng này mà vẫn còn ở trong mê, thì vẫn còn phải bỏ không biết bao nhiêu lần nữa. Nếu hiểu thấu được bốn câu kinh Kim Cang, biết rõ các pháp hư dối, thân này tạm bợ, đó là trí tuệ đưa mình ra khỏi sanh tử, cứu mình muôn đời.

Chúng ta thấy việc hết sức khó làm là bố thí thân, đã thế Phật còn bảo vô số lần bố thí thân như vậy không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Mới nghe ai cũng hoảng hốt, kinh gì mà giá trị lắm vậy? Thật ra đó là trí tuệ chân thật. Bốn câu kinh Kim Cang thâm nhập được là chúng ta có trí tuệ, hết mê lầm, hết sanh tử, không giá trị sao được. Còn bố thí, cúng dường bao nhiêu

đi nữa đều là sanh diệt, tạm được rồi mất, không phải chân lý cứu cánh. Vì vậy chúng ta tu phải thâm nhập được lẽ thật của Phật dạy là trí tuệ Bát-nhã. Hiểu thế rồi cuộc đời tu hành của ta nhẹ nhàng, thanh thoi mà kết quả rất tốt. Ngược lại không hiểu như vậy, chúng ta tốn không biết bao nhiêu công phu mà kết quả chẳng có bao nhiêu. Chúng ta phải thấy được gốc của mê lầm để chuyển thành giác ngộ. Phật giác ngộ nên ngài nói đúng lẽ thật. Song lẽ thật ấy khác với phàm tình nên ai cũng cho rằng sách Phật khó hiểu quá. Vì sao khó? Vì ngược với cái nhìn của thế gian.

Biết các pháp tánh không duyên khởi chúng ta bớt được tham sân si. Bớt tham sân si mới tiến tới giải thoát. Nếu không biết như vậy, dù dụng công phu bao nhiêu cũng không thể nào giải thoát nổi. Nói tánh không là nói cái không sẵn có từ trước, từ không do duyên hợp giả có. Các pháp do duyên hợp giả có đều không thật, khi tan hoại cũng sẽ trở về tánh không ban đầu. Đó là nói về tánh không duyên khởi.

Như vậy tánh không duyên khởi với chư pháp không tướng trong kinh Bát-nhã khác nhau không? Không thì không khác, nhưng cái không sẵn và cái không đối đãi với có. Cái khoảng không này đối với có là không tướng. Còn tánh không là từ không mà xây dựng thành cái nhà, không này là cái không trước, có sẵn nên gọi là tánh không. Còn đối với tướng có vẫn hàm chứa cái không ở trong, cái không đó gọi là tướng không của các pháp.

Khi hiểu được các pháp tánh không do duyên khởi mà có, chúng ta thấy thế nào? Thấy nó như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng. Cuộc sống năm, bảy mươi năm như giấc mộng, có gì đâu. Khi đang nằm mộng, chúng ta cứ ngỡ mộng là thật trăm phần trăm, nhưng vừa tỉnh lại liền biết mộng là giả. Cũng vậy, khi đang say với cuộc sống mê lầm này, chúng ta thấy nó thật trăm phần trăm, nhưng thức tỉnh được rồi liền biết nó giả. Một khi biết nó giả thì mọi đam mê, mọi giành giật đều tan hết. Vậy biết các pháp duyên hợp hư giả chúng ta hết si, hết si thì hết tham, hết tham thì hết sân. Tham sân si hết là thánh rồi.

Những người bị nói nặng liền nổi giận là tại sao? Tại cho mình thật, lời nói thật nên bị xúc phạm danh dự thì nổi nóng. Bây giờ biết mình không thật, lời nói không thật, có gì xúc phạm, danh dự chỗ nào? Trên đầu hay lỗ tai? Thật ra con người tự tưởng tượng đặt ra, rồi tranh hơn tranh thua, giận hờn thù oán đủ thứ hết. Đó là nguyên nhân của đau khổ. Bây giờ biết rõ tất cả đều không thật thì chấm dứt các thứ hơn thua thù oán. Như vậy dễ tu không? Rất dễ, chỉ một máu chốt ấy thôi.

Nhìn thấy thân thật, sự vật thật đổi lại thấy thân giả, sự vật giả, cái đổi đó tốn bao nhiêu thời gian? Chỉ đổi cái nhìn thật thành giả, không tốn tí nào hết. Vậy mà chúng ta không chịu đổi, bám cái nhìn cũ hoài. Cái nhìn cũ là mê lầm, bám vào cái mê mà đòi tu thành Phật sao được? Bây giờ phải chuyển từ mê thành giác, cuối cùng mới thành Phật được chứ!

Bát-nhã không phải nói tánh không, tướng không để biết suông mà nói để chúng ta nhận rõ thân này giả, cảnh đời giả, thấy giả rồi tiêu hết tham sân si. Đó là bước nhảy vọt của người tu. Ngược lại, nếu ôm nó cho là thật dù trì tụng Bát-nhã mấy chục năm, mấy trăm năm rồi cũng đi tuốt, chứ có ở đây hoài đâu. Còn cái thật của mình đó mà mình không chịu thấy, không chịu biết mới là thiệt thòi lớn lao.

Bây giờ bước sang phần thứ hai, nói về chân không diệu hữu. Chúng ta thường nghe từ chân không diệu hữu, vậy chân không là gì? Tôi dẫn bài kệ Lục tổ Huệ Năng trình với Ngũ Tổ, đối chiếu với bài kệ của ngài Thần Tú:

*Bồ-đề bản vô thọ,
Minh cảnh diệt phi đài,
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ nhạ trần ai?*

Dịch:

*Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ?*

Ngũ Tổ chịu câu bản lai vô nhất vật. Bản là xưa, lai là nay, bản lai vô nhất vật là xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm mà lau chùi? Câu này có giá trị như thế nào?

Chúng ta tu niệm Phật hoặc tọa thiền, đòi hỏi phải nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là chỉ còn một tâm, không còn nghĩ tưởng lăng xăng nữa. Lâu nay chúng ta cho nghĩ tưởng lăng xăng là tâm mình, tôi nghĩ thế này, tôi tưởng thế kia, tôi phân biệt thế nọ v.v... Cho nghĩ suy, phân biệt, thương ghét v.v... là tâm mình. Như vậy từ khi cha mẹ sanh ra cho tới ngày nhắm mắt mình là một hay nhiều? Là một. Nếu là một tại sao thương cũng mình, ghét cũng mình, giận cũng mình, oán thù cũng mình v.v... có bao nhiêu thứ mình? Chẳng lẽ mình là một lối tạp nhạp? Cho nên nói những nghĩ suy buồn thương, giận ghét là mình thật sai lầm. Những suy nghĩ đó là tướng sanh diệt, nó sanh diệt còn mau hơn sự sanh diệt của thân nữa, làm sao thật được!

Bây giờ muốn hết chấp phải biết những thứ ấy hư dối, vọng tưởng bỏ đi, chừng nào không còn một niệm mới được. Không còn suy nghĩ, lúc đó hết mình hay còn mình? Khi không còn niệm nghĩ suy thì hết vọng tưởng chứ không phải hết mình. Quý vị thử nghiệm chừng một, hai phút ngồi chơi, không một niệm nào trong đầu hết, lúc đó gió thổi nghe mát không, chim kêu nghe tiếng không, người đi ngang thấy không? Thấy là biết, nghe là biết thì mình hiện tiền, đâu phải có nghĩ mới có mình. Vậy mà lâu nay chúng ta lầm mê, cho suy nghĩ là mình rồi bỏ quên cái biết hiện tiền luôn luôn ở bên mình.

Niệm suy nghĩ là tướng sanh diệt liên miên, tạm bợ mà cho nó là mình, còn cái không suy nghĩ luôn biết hiện tiền từ khi có thân này cho đến ngày nhắm mắt lại không nhận ra. Thế nên Phật dạy chúng ta tu

để dừng những suy nghĩ sanh diệt, đừng nhận nó là mình nữa. Ngồi thiền với mục đích định các loạn tưởng, định được rồi trí tuệ chân thật mới hiện ra. Nếu chưa định thì trí tuệ không thể hiện được, vì các loạn tưởng phủ che hết.

Nghĩ suy là vọng tưởng hư dối không thật, đừng chạy theo nó. Quở rầy riết nó lặng, lặng đến bao giờ không còn một niệm nào hết gọi là định. Định rồi thì tâm thể chân thật hiện tròn đủ. Chỗ này Lục Tổ nói xưa nay không một vật. Tại sao? Vì nó nguyên vẹn, không một niệm, không một suy nghĩ nào hết. Một niệm, một nghĩ là một vết nhơ. Cho nên ngài Thần Tú bảo phải chùi tấm gương tâm cho những niệm nhơ ấy hết. Lục Tổ nói tấm gương đó vốn trong suốt, còn những thứ phủ che không thật. Nếu biết thể trong suốt không có gì che phủ được, thì rõ bản lai vô nhất vật, tức xưa nay không một vật, không cần phải lau chùi.

Ngài Thần Tú nói lau gương thì gương mới sáng. Chúng ta thấy mặt gương bị dơ thì nói gương dơ, phải lau cho nó sáng. Nói lau gương mà không ngờ là lau bụi. Nguyên gương đã sáng rồi, do bụi phủ nên tối, bây giờ muốn sáng phải lau bụi. Bụi phủ lấp gương nên gương tối, nói như thế đúng lẽ thật chưa? Ai bảo đúng là bà con với ngài Thần Tú. Lục Tổ không như thế. Bụi phủ mấy lớp cũng được, nếu biết thể gương vốn sáng thì lau là lau bụi chứ không phải lau gương. Lau sạch bụi tự nhiên gương sáng. Cái sáng ấy có từ thuở nào, chính khi bụi phủ nó cũng sáng, nhưng do bụi che nên ta không thấy sáng.

Nói gương tối là sai nên Ngũ Tổ không chịu, phải lau mới sáng thì không được. Bản chất gương là sáng, Lục Tổ thấy được như thế nên Ngũ Tổ nhận liền. Tâm thể chúng ta vốn trong sáng, do những nghĩ suy lăng xăng buồn vui, giận ghét che phủ nên mờ tối. Cho nên tu là đừng nghĩ suy, đừng bằng cách nào? Phật dạy nhìn lại thấy nó giả thì đừng theo, không theo là đừng rồi.

Tâm lăng xăng làm khổ chúng ta biết bao nhiêu đời rồi. Nó tạo nghiệp dẫn đi luân hồi sanh tử, bây giờ muốn dứt luân hồi sanh tử phải dừng nó lại. Không còn một mảy may lăng xăng nào chen lẫn, thì bản lai vô nhất vật hiện ra, đó mới là cái thật mình. Gốc của sự tu là chỗ đó. Chúng ta tu là trở về cái thật muôn đời của chính mình, chứ không phải ở đâu mang lại. Vì vậy Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tức tánh Phật sẵn có nơi tất cả mọi người. Ngài là Phật đã thành còn chúng ta là Phật sẽ thành. Nếu chúng ta biết dừng lặng hết những lăng xăng thì trí tuệ chân thật hiện ra, đó chính là ông Phật sẵn nơi mình.

Chúng ta theo đuổi cái bóng mà bỏ quên cái thật. Theo đuổi mãi càng ngày càng giàu hơn, đến một ngày đầy ngập, muốn ngủ ngủ không được, nó cứ tràn ra hoài. Những cái bóng ấy sẽ tạo nghiệp. Thương thì tạo nghiệp ái, ghét thì tạo nghiệp sân. Cứ như vậy, thương ghét buồn giận cột nhau, trói nhau dẫn đi sanh nơi này nơi kia trong lục đạo không ngừng. Cho nên đừng hết những niệm buồn thương, giận ghét, chỉ còn một thể trong lặng sáng suốt, chừng đó mới giải thoát sanh tử. Còn những niệm lăng xăng lôi kéo thì khỏi mong cầu giải thoát.

Giác ngộ thấy được thân hư dối, tâm hư dối không bị nó lừa gạt nữa, dần dần chúng ta bỏ được nó. Bỏ đến bao giờ đi, đứng, nằm, ngồi không còn một niệm thì được nhất tâm hay được định. Như vậy thiền định hay nhất tâm của niệm Phật không khác. Đó là lý đạo chúng ta phải thâm nhập, phải hiểu thấu. Phật Di-đà là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, tức ánh sáng vô lượng và tuổi thọ vô lượng. Tánh giác của chúng ta không sanh không diệt, sáng suốt vô lượng, nên không khác với Phật Di-đà. Hiểu như vậy, tu pháp môn nào cũng đưa đến giác ngộ giải thoát.

Chúng ta tu buông hết vọng tưởng, lúc đó có ngu không? Không tính hơn tính thua, không nghĩ phải nghĩ quấy gì hết, không ngu sao được. Cho nên các thiền sư thường hay dùng câu “như ngậy như ngu”. Như ngu chứ không phải ngu thật. Đừng nghe nói như ngậy như ngu rồi cho rằng ngu thật. Khi không có niệm phân biệt hơn thua, phải quấy, nghe ai nói phải quấy ta không dính mắc, nên gương mặt có vẻ ngậy ngô, không quan tâm gì cả. Thật sự lúc đó mình rất tỉnh sáng, người không hiểu cho là ngu. Nhất là trong gia đình cha mẹ, anh em họp lại bàn tán phải quấy, mình cứ lạng yên không có ý kiến gì hết, họ nói mình ngu. Đối với thế gian mình là kẻ ngu, nhưng lại không thật ngu. Còn những kẻ đeo đuổi vọng tưởng thấy như khôn nhưng thật ra lại không khôn. Khôn để tạo nghiệp sanh tử, ngu để giải thoát sanh tử, như vậy không biết ai khôn, ai ngu? Quý vị nhận biết thật rõ điều này để trên đường tu không bị lầm.

Nói đến đạo Phật là nói đến sự giác ngộ, giải thoát. Nếu muốn giác ngộ giải thoát thì phải thấy đúng như thật, phải dùng hết niệm sanh diệt. Còn niệm sanh diệt tức còn tạo nghiệp, mà còn tạo nghiệp thì còn luân hồi. Cho nên nói tới tu Phật, chúng ta cần phải biết rõ lối dạy nào đúng chánh pháp, lối dạy nào không đúng chánh pháp. Không hiểu vậy, nghe ai nói cái gì linh thiêng, mầu nhiệm, quý vị ham quá chạy theo là hỏng cả đời hoặc nhiều đời.

Phật tử nên nhớ không có thần thánh nào thay mình được. Bỏ vọng tưởng là ta bỏ chứ không ai bỏ thế mình cả. Tu là gạn bỏ từ từ những sai lầm, khi sai lầm hết thì cái chân thật hiện ra, không do ai đem đến cho mình. Chúng ta đang có tánh giác hiện tiền mà bỏ quên, có của báu mà không giữ, để cho bọn lãng xăng lộn xộn vô làm khuất mất đi, có đáng thương không? Rất đáng thương. Trong kinh Viên Giác, ngài Văn-thù hỏi Phật: “Thế nào là vô minh?” Phật trả lời: “Nếu đối thân tứ đại cho là thật, tâm đối đãi lãng xăng cho là thật, đó là vô minh.”

Quý vị có vô minh không? Biết là vô minh phải bỏ chứ! Trong mười hai nhân duyên, vô minh đi đầu. Manh mối của sanh tử là vô minh. Thân giả dối tưởng thật, tâm lãng xăng sanh diệt tưởng tâm thật, hai cái đó là vô minh. Ngược lại thấy thân giả dối không thật, tâm lãng xăng sanh diệt bỏ đi thì hết vô minh, hết vô minh thì hết sanh tử, được giải thoát. Như vậy giải thoát thuộc quyền của ai? Quyền của chúng ta. Vậy mà quý vị cứ cầu thần thánh hoài, làm sao hết khổ, hết nghiệp được. Còn suy nghĩ là còn tạo nghiệp, vì nghĩ thiện nghĩ ác, nghĩ tốt nghĩ xấu thì có thương, có ghét, có tạo nghiệp.

Tu là tự đưa mình tới chỗ hoàn toàn thanh tịnh, từ đó mới được giác ngộ. Lục tổ Huệ Năng nói bản lai vô nhất vật được Ngũ Tổ thừa nhận cho vô thất. Đến khi nghe kinh Kim Cang, tới câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” ngài liền đại ngộ. Đi, đứng, nằm, ngồi không dính mắc với sáu trần, đó là trụ tâm Bồ-đề, trụ tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ta tu là ở trong hàng phục tâm bằng cách không chấp ngã, ở ngoài đối với sáu trần không vướng mắc. Lúc đó còn cái gì che đậy tâm của mình không? Hoàn toàn trong sạch.

Nghe đến đây Lục Tổ giác ngộ, liền thốt lên rằng “Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt, đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tánh mình vốn không dao động, đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp”. Cái chân thật ấy không sanh không diệt mà lại hay sanh muôn pháp. Đó là để chỉ cho chân không mà diệu hữu. Chân không là không tất cả niệm che đậy, hay sanh muôn pháp là diệu hữu. Diệu hữu là gì? Là khi đạt được thể chân không rồi, từ đó phát sinh ra rất nhiều diệu dụng, làm lợi ích vô lượng chúng sanh, Lục Tổ gọi là hay sanh muôn pháp.

Phật có ba thân: pháp thân, báo thân, hóa thân hay ứng thân. Người tu thể nhập được pháp thân liền đủ ba thân, có những thần thông diệu dụng, tam minh, lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng v.v... nhiều vô số. Như vậy vào được thể chân không sẽ có diệu hữu, chứ không phải tới đó hết trơn. Đừng lo buông hết, mình ngu ngu khờ khờ, không biết gì cả. Tới đó có đủ ba thân, trí tuệ và diệu dụng vượt cả thế gian.

Trong mười mục chẵn trâu, mục thứ tám là trâu và chẵn đều mất. Thằng chẵn là trí tuệ thấy các pháp hư giả. Con trâu là niệm hơn thua, phải quấy, tốt xấu. Những niệm đó chạy cuồng loạn giống như trâu điên, nên phải tìm đủ cách cột nó, điều phục được rồi từ từ nó thuần, đến lúc thành thoi cũng chưa xong. Khi trâu mất hẳn tức niệm không còn nữa, thì thằng chẵn còn được không? Thằng chẵn là để giữ trâu, trâu hết thằng chẵn cũng phải hết. Trí tuệ Bát-nhã dùng để ruồng phá các mê lầm, mê lầm hết thì trí tuệ cũng buông luôn. Lúc đó mới thể nhập pháp thân gọi là chim bay về tổ, lá rụng về cội. Thể nhập pháp thân rồi liền có ứng thân để đi độ chúng sanh. Đó là hình ảnh ông già bụng bự cầm cá chép, xách bầu rượu vô xóm. Thấy như vậy chúng ta mới biết được cái cao siêu của đạo Phật.

Khi tu hành thuần thực, đến chỗ dứt hết nhân ngã mới có thể tự tại, liền biết không còn nghi ngờ nữa, đó là diệu hữu. Từ chân không đi đến diệu hữu, nếu chưa nhập được thể chân không, thì thần thông chỉ là trò đùa, không bao giờ có. Như vậy muốn được diệu hữu trước phải có chân không. Quý vị nghe, hiểu cho thấu đáo rồi tu hành, không thôi cứ ngờ vực, tu không tiến nổi.

Đó là tôi tạm nói về tánh không duyên khởi và chân không diệu hữu. Mong tất cả nắm vững và ứng dụng tu cho đúng, để đến được chỗ giải thoát an vui, lợi mình lợi người viên mãn.



SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA BÁT-NHÃ VÀ THIÊN TÔNG

Giảng tại Hoa Kỳ – 2002

Hôm nay chúng tôi giảng về Sự Tương Quan Giữa Bát-nhã Và Thiên Tông. Đề tài này hơi cao, quý vị chịu khó lắng nghe kỹ mới thấy giá trị của đạo Phật.

Các thiền viện của chúng tôi trước khi sám hối phải tụng một biến Bát-nhã Tâm Kinh. Sau khi xả thiền cũng tụng một biến Bát-nhã Tâm Kinh. Nhiều người hỏi tại sao không tụng kinh khác mà lại tụng Bát-nhã Tâm Kinh. Bởi vì Bát-nhã Tâm Kinh là một bài kinh rất thiết yếu cho người tu Phật, chẳng những tu Thiền mà tu Tịnh, tu Mật đều quý cả.

Bát-nhã là trí tuệ. Đạo Phật là đạo giác ngộ, muốn giác ngộ mà không có trí tuệ thì không bao giờ giác ngộ được. Phật tử thuộc lòng Bát-nhã Tâm Kinh, nhưng ứng dụng được là điều khác. Có người hiểu ứng dụng,

có người chưa hiểu gì chỉ tụng để tụng vậy thôi. Tụng Bát-nhã như vậy sẽ không thấy được giá trị và lợi ích lớn lao của kinh.

Người tu thiền nhất là thiền tông, nếu không có trí tuệ Bát-nhã chẳng khác nào người vào rừng tìm trầm hương mà đi tay không, không có rựa bén. Vào rừng cây cối dây nhợ chằng chịt, nếu không có rựa bén cầm trong tay làm sao khỏi vướng mắc. Đã vướng mắc thì không thể đi được xa và tìm được trầm. Vì vậy muốn vào rừng tìm trầm hương chúng ta phải có rựa bén trong tay. Cũng vậy, muốn tu được giác ngộ giải thoát sanh tử chúng ta phải có trí tuệ Bát-nhã. Bởi vì con đường sanh tử rất nhiều trở ngại, nếu không có trí tuệ Bát-nhã ruồng phá thì trên đường tu, khó đi đến nơi đến chốn được. Trí tuệ Bát-nhã là cây kiếm bén để chặt phá những sợi dây trời buộc mình.

Vậy giữa Bát-nhã và Thiền tông có quan hệ như thế nào? Tôi dẫn câu nói của thiền sư Duy Tín đời Tống: “Trước khi gặp thiện hữu tri thức, ta thấy núi sông là núi sông. Sau khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, ta thấy núi sông không phải là núi sông. Ngày nay, sau ba mươi năm ta lại thấy núi sông là núi sông.” Dễ hiểu không? Trước ba mươi năm, không gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, lúc ấy chưa biết đạo lý nên thấy núi sông là núi sông thật. Phật tử bây giờ cũng thế, thấy núi là núi thật, sông là sông thật. Sau khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, thấy núi sông không phải là núi sông. Vì với trí tuệ Bát-nhã thấy triệt để lẽ thật muôn đời, không phải thấy theo con mắt phàm tình của thế gian.

Thường chúng ta có cái nhìn lẫn lộn, những người học nhiều, hiểu nhiều, lanh lợi, gặp vấn đề gì giải quyết nhanh gọi là người trí thức. Hoặc những vị đọc nhiều sách vở của các triết gia thì gọi là bác học. Bác học là học rộng, học thuyết này, học thuyết kia đủ hết. Hoặc thường hơn một chút người ta gọi là học giả.

Trong nhà Phật dạy, trí tuệ có hai thứ. Thứ nhất, danh từ chuyên môn chữ Hán là tam tuệ tức văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ. Nghe lời Phật dạy, chúng ta hiểu được đạo lý, có trí tuệ gọi là văn tuệ. Nghe Phật dạy không phải bắt buộc chúng ta nghe đâu tin đó, nên suy tư, gẫm xét kỹ càng, nếu thấy đúng mới vâng theo, đó là tư tuệ. Suy xét thấy đúng rồi, chúng ta không dừng ở đó, mà phải thực hành lời Phật dạy, đó là tu tuệ. Như vậy, muốn có trí tuệ phải học hiểu lời Phật dạy cho rõ, nhà Phật gọi trí tuệ đó là trí tuệ hữu lậu. Hữu lậu là còn rơi rớt. Trí tuệ hữu lậu còn bị sanh tử trong tam giới là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tại sao? Vì trí tuệ đó còn nằm trong dụng công suy gẫm, học hỏi, chưa phải trí tuệ giải thoát.

Muốn giải thoát Phật dạy phải có tam vô lậu học tức ba điều giới, định, tuệ. Thứ nhất giữ giới cho trong sạch, là bước đầu của giải thoát. Bởi vì có giữ giới chúng ta mới không phạm lỗi lầm. Nếu có lỗi lầm phải sám hối để tiêu diệt nó, từ đó tâm yên. Tâm yên thì tu thiền định mới có kết quả. Thứ hai là định, ngồi thiền tâm lặng không nghĩ gì hết. Tâm yên lặng thanh tịnh rồi phát sáng, trí sáng đó gọi là tuệ. Tuệ này là trí tuệ giải thoát,

không phải trí tuệ trong trầm luân. Tại sao? Phật dạy mỗi chúng ta đều có trí vô sư hoặc gọi là trí tự nhiên, trí căn bản. Trí vô sư vốn có sẵn nhưng vì phiền não, niệm khởi che phủ. Khi lặn hết phiền não, niệm khởi thì trí vô sư hiện ra. Trí vô sư hiện ra rồi mới thấy đúng như thật. Trí còn học hỏi là trí động, còn sanh diệt trong tam giới. Trí do định mà phát sáng là trí bất sanh bất diệt, trí này giải thoát sanh tử.

Đức Phật ngồi thiền bốn mươi chín ngày đêm dưới cội bồ-đề, lúc đó ngài học với ai? Không học với ai hết, cũng không tìm hiểu gì cả. Cứ yên định cho tới khi định sâu rồi, trí sáng lên chứng được tam minh, lục thông, tứ vô sở úy v.v... thấy đúng như thật, nói đúng như thật. Những gì Phật nói muôn ngàn năm không thay đổi, vì đó là lẽ thật muôn đời.

Như vậy trí thật sáng hơn trí do nghiên ngẫm học hỏi. Trí nghiên ngẫm học hỏi thế gian và trí nghiên ngẫm học hỏi Phật pháp khác nhau. Trí nghiên ngẫm học hỏi ở thế gian có giới hạn, chừng mực. Còn trí nghiên ngẫm học hỏi Phật pháp do Phật thấy suốt, ngài nói ra. Chúng ta học được lời Phật dạy, hiểu được điều sâu kín mà trước kia chưa hiểu, nên nó cũng thuộc trí tuệ. Nhưng trí này còn nằm trong cái hiểu cái học, vì vậy chưa giải thoát. Chỉ có trí do tự mình thiền định phát ra mới chân thật giải thoát.

Đức Phật sau khi thành đạo, ngài tuyên bố: “Ta học đạo không có thầy.” Nghĩa là vào yên trong định, tự sáng lên, tự biết chứ không ai dạy. Ngày nay, chúng ta nhìn lại

các nhà khoa học, các nhà bác học, họ muốn tìm một điều gì mới mà thế gian chưa biết, họ phải làm sao? Phải giam mình trong phòng kín, nghiền ngẫm mãi cho đến ngày sáng lên gọi là phát minh. Việc đó do ai dạy? Do giam mình một chỗ, dồn hết tâm lực vào một việc, ngày nào đó yên định, tự nó sáng lên gọi là phát minh. Song các vị ấy chỉ nghiên cứu một vấn đề ở thế gian, nên phát minh được một phần trong muôn phần của vũ trụ vạn hữu. Còn đức Phật ôm ấp ba điều trước khi đi tu là: “Con người từ đâu đến? Chết rồi sẽ đi về đâu? Nếu muốn tiêu diệt mầm sanh tử đó phải làm sao?” Đó là ba vấn đề trọng đại nhất của con người. Bởi vậy nên chỗ ngài thấy, thấu suốt tột cùng lẽ thật của con người, chứ không phải tìm hiểu từng phần ở bên ngoài.

Các nhà học giả học nhiều, lượm lặt nơi những triết gia. Các triết gia lại là người phạm tục, chưa đạt đạo nên hiểu biết của họ về vũ trụ vạn hữu có giới hạn, không thể xuyên suốt cả trước sau. Như chúng ta thấy, triết gia trước đề ra một lý thuyết, thời gian sau có người khác đề lên lý thuyết mới hơn, như vậy là lý thuyết trước lỗi thời. Thế nên con người học hoài không hết, càng học càng thấy không cùng.

Còn lời Phật dạy có lỗi thời không? Từ hơn hai ngàn năm tới giờ, những lời Phật dạy đều là chân lý, là lẽ thật. Ví dụ Phật dạy các pháp do nhân duyên sanh, ngày nay có ai bác được lý này không? Mọi sự thành công thất bại đều do nhân và quả. Nhân tốt sẽ được quả tốt là thành công, nhân xấu bị quả xấu là thất bại.

Đó là lẽ thật không chối cãi được. Có một điều đa số Phật tử còn hoang mang, đó là thuyết luân hồi. Nhiều người không tin thuyết này.

Thuyết luân hồi nói con người chết đi sanh trở lại làm người hoặc làm loài này, loài nọ v.v... nhiều người khó tin. Nhưng sự thật không phải khó tin. Vì chúng ta không kiểm điểm lại mình, chứ chính nơi mình đã chứng minh được thuyết luân hồi. Như trong một gia đình, cha mẹ sanh ra ba bốn đứa con, dĩ nhiên con cái đều chịu ảnh hưởng gien tốt xấu của cha mẹ. Nhưng ba bốn đứa con đó giống hệt nhau không? Thế xác không giống hệt, tâm hồn cũng vậy. Tại sao? Nhà Phật nói luân hồi là những gì quá khứ chúng ta đã tạo, đã làm thuần thực, đời này sanh ra những thói quen đó sống trở lại. Cho nên có nhiều vị thần đồng, bảy tám tuổi thông suốt về kỹ hà học, toán học hay nhạc học. Những cái đó đời này chưa kịp học đã có, tức là mang lại từ đời quá khứ. Nhưng vì lý luân hồi quá tầm suy nghĩ của con người thành ra khó tin, chứ không phải không có.

Trở lại trí hữu sư và trí vô sư. Trí hữu sư là trí có thầy chỉ dạy, còn trí vô sư là trí sẵn có của mình, không do ai chỉ dạy hết. Trí hữu sư của thế gian gọi là trí thức. Trí hữu sư của người tu là văn, tư, tu, tức y cứ lời Phật dạy, nghiền ngẫm tu hành mà biết, trí này còn sanh tử. Nếu ai an định tâm tới chỗ rất lặng lẽ, không còn một niệm dấy động, phút giây nào đó sẽ thấy trí vô sư hiện ra. Đó là lẽ thật, không phải suy nghĩ tưởng tượng mà được. Chư Phật, chư tổ đều đi đến tột chỗ này. Trí vô sư là trí giải thoát sanh tử, không còn trầm luân nữa.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*

Dịch:

*Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như sương cũng như điện,
Nên như thế mà quán.*

Xem xét rõ các pháp thế gian giống như mộng, như huyễn thuật, như điện chớp, như bong bóng nước v.v... Chúng ta kiểm lại xem tất cả sự vật và con người ở thế gian có còn mãi không? Trẻ con năm mười tuổi thì thấy đời sống dài, tới bảy tám mươi tuổi như tôi chẳng hạn, nhớ lại thời quá khứ của mình giống hệt giấc mộng. Chúng ta có mặt đây thì tưởng như thật, ngày nào nhắm mắt thì tất cả những gì của thế gian trả lại cho thế gian hết, mình không có chi.

Nếu thấy tất cả con người, muôn vật đều hư giả, tạm bợ thì không còn tham sân nữa. Mình không thật, có ai chửi mình cũng không giận. Cái tôi không thật lời chửi thật được sao, nên ta chỉ cười thôi. Ngày nay tại sao quý vị dễ nổi nóng? Tại thấy mình thật nên động tới phát la lên. Cho nên lý Bát-nhã rất uyên thâm, nói mà không kẹt hai bên. Như mộng, như huyễn là có hay không? Nhiều người bảo không. Nói thế đâu được

vì khi mộng là có, hết mộng mới không. Có trong mộng nên không phải thật. Chúng ta hiện giờ đòi hỏi cái gì cũng thật hết. Hỏi có hay không, phải xác định hoặc thật có hoặc thật không. Nhưng sự vật trên thế gian không thật có, cũng không thật không.

Có không rồi phải quấy nữa. Chúng ta thử hỏi trên thế gian này cái gì phải, cái gì quấy? Như năm rồi tôi qua đây, có Phật tử kể chuyện nói ở Việt Nam dọn mâm cơm dâng hoàng, trước mời cha mẹ, rồi mới tới con cháu. Hoa Kỳ thì ngược lại, dọn cơm xong mấy đứa nhỏ ngồi trước. Như vậy cái nào phải? Lấy con mắt Việt Nam qua đây nhìn sẽ không bằng lòng. Lấy con mắt Hoa Kỳ nhìn Việt Nam thấy sao giai cấp quá. Như vậy phải quấy lấy đâu làm chuẩn! Không có chuẩn. Tôi đơn cử một thí dụ thôi, còn bao nhiêu thứ khác cũng vậy. Phải quấy tùy địa phương, tùy cái nhìn của mỗi dân tộc, chứ không có cái phải thật, quấy thật. Chúng ta nói chuyện là cứ cãi nhau về phải quấy, mà phải quấy có thật đâu.

Con người sống không có lẽ thật, cứ trái ý thì la. Ý mình chưa chắc là lẽ thật, là chân lý mà bắt người ta nghe theo, như vậy có độc tài không? Đại độc tài. Mình thấy chưa chắc là đúng, mà bắt người này theo, người kia theo, chùng thất bại rồi ai chịu. Người này thấy khác, người kia thấy khác, việc đó chưa làm mà cãi nhau âm ỉ, có khờ khạo không? Vì vậy nhà Phật nói không phải, không quấy. Nói thế người ta bảo “ba phải”, cái gì cũng được hết. Sự thật không có lẽ thật bên phải, cũng không có lẽ thật bên quấy. Mới thấy như là quấy nhưng nhiều khi trở thành phải, hoặc thấy như là phải cuối cùng trở thành quấy.

Tôi nói ví dụ nữa, như Phật tử biết tu chút chút, ra đường bị người chửi mắng, quý vị nhẫn nhịn không chửi mắng lại. Anh em đi theo thấy tức, chê quý vị ngu. Phật tử về kể lại cho thầy nghe, thầy khen “Được đó, tu giỏi.” Vậy lẽ thật ở chỗ nào? Không có lẽ thật, tùy theo cái nhìn. Con người tốn bao nhiêu đàm dãi để cãi lấy chuyện đó, rồi tốn bao nhiêu buồn giận trong chuyện cãi lấy. Thật đáng thương! Phật tử nên biết phải quấy không là chân lý, đừng vội cãi nhau.

Phật dạy, nếu người biết tôn trọng chân lý, khi đề ra ý nghĩ gì nên nói “Đây là ý nghĩ của tôi.” Dừng ngang đó thì biết tôn trọng chân lý. Còn nói ý nghĩ của tôi đúng là chưa biết tôn trọng chân lý. Hai ý đúng gặp nhau sẽ đập nhau, không bao giờ chịu thỏa hiệp với nhau. Nếu biết tôn trọng nhau thì tôi có quyền nghĩ thế ấy, anh có quyền nghĩ thế kia, ai cũng có quyền nghĩ hết. Đó là tôn trọng lẽ thật. Bất người ta phải theo cái đúng của mình, nhiều khi thực hiện công việc tới cuối cùng thành sai thì sao? Ai cứu?

Nếu mọi người nghĩ việc gì cũng đúng trăm phần trăm, thì trên thế gian này không có ai nghèo? Vì nghĩ đúng thì làm ăn đúng, ai cũng nghĩ đúng hết nên có ai thất bại đâu. Nhưng trên thực tế ta nghĩ mười điều, đúng giỏi lắm là năm điều thôi. Phân nửa phần còn lại là sai, vậy mà đòi người ta phải theo mình, có độc tài chưa? Thiên hạ cứ ghét người độc tài, trong khi chính mình mới là độc tài chúa.

Đạo Phật có lối nhìn thông thoáng, không hạn chế như thế gian. Người tu có trí tuệ rồi, cách xử sự rất nhẹ nhàng, không làm người đau khổ. Thấy thấu suốt được như vậy, việc tu không còn khó nữa. Không chấp mình đúng, người ta mắng không giận, tu khó hay dễ? Dĩ nhiên là dễ rồi. Phật dạy nghe khen chê như tiếng vang trong hang sâu vậy. Trong hang sâu khi có tiếng nói, ta nghe như nó trả lời lại, nói xấu nó trả lời xấu, nói tốt nó trả lời tốt, mà không dính gì trong đó cả. Có tiếng nào nó phản ứng ra đúng như thật, nhưng không hề vướng mắc. Chúng ta ngược lại, vừa nghe liền dính vô tâm. Lời nào thích thì dính sâu, lời không thích cũng dính sâu. Bởi vậy ngồi thiền nó tuôn ra, rồi nói khó tu. Bây giờ nghe như gió qua tai, không có gì quan trọng thì dễ tu ngay.

Cho nên bước đầu Phật dạy chúng ta phải dùng trí tuệ Bát-nhã, soi thấy lẽ thật của cuộc đời để không còn lầm lẫn nữa. Nếu cứ cố chấp theo phàm tình thì cuộc đời đau khổ tràn trề. Ai cũng chấp trong gia đình vợ cãi chồng, con cãi cha mẹ, chị em cãi nhau, không ai vừa ý ai. Nếu chúng ta biết những ngôn ngữ, hành động là giả, không thật, qua rồi mất, chúng ta sống rất khỏe. Để thấy rằng trí tuệ Bát-nhã phá chấp cố định hoặc chấp có không, phải quấy. Người tu Phật phải thấy rõ các pháp trên thế gian là tạm bợ giả dối, như mặt trăng ở đáy giếng, nói không không được, nói có cũng không được, chỉ là bóng giả tạm. Vì vậy Phật nói như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, thấy có nhưng đựng tới nó mất.

Chúng ta chưa vận dụng trí Bát-nhã nhìn tường tận các pháp thì cố chấp đeo bên mình hoài, hết sức trở ngại cho đường tu. Khi nào vận dụng trí tuệ Bát-nhã thấu đáo, chúng ta rất thanh thoi, tự tại. Vì nghe chửi không buồn không giận, nghe khen cũng không mừng không kiêu. Hiểu vậy rồi trong cuộc sống quý vị cười hoài, không có gì quan trọng. Còn người mê nghe một lời trái tai nổi giận ùng ùng rồi sanh sự. Từ sanh sự than cuộc đời khổ quá. Đời có khổ không? Đời là cái gì mà khổ? Tại mình ngu mê, chấp bậy nên khổ, chứ đời vốn không nói khổ vui. Vì vậy phải vận dụng trí tuệ Bát-nhã thấy rõ cuộc đời chúng ta mới tỉnh được. Tỉnh rồi mới thương những người thân, những người đồng loại đang mê lầm. Thương như vậy mới là thương thật, còn thương trong mê muội chưa phải thương thật. Ví dụ thấy láng giềng có người mắc nạn, Phật tử đến lo lắng sắp đặt mọi chuyện, không ngại nhọc nhằn. Khi họ qua cơn khổ rồi, không cảm ơn câu nào, quý vị có buồn không? Chắc giận kẻ kia không biết điều. Thương như vậy Phật gọi chưa phải thật thương, thương thì cứ làm. Làm xong rồi thôi, không đòi hỏi gì cả. Đó mới thật tốt.

Hiểu như vậy rồi, tất cả chúng ta tu trong trí tuệ. Thấy đúng, biết đúng thì không sợ cái xấu, cái tầm thường quá nhiều mình. Đó là dụng của trí Bát-nhã. Nhờ trí Bát-nhã chúng ta thấy đúng lẽ thật, nên vượt qua mọi khổ ải. Chúng ta bây giờ không ứng dụng được trí Bát-nhã nên thấy sai lẽ thật. Từ thấy sai lẽ thật rồi sanh ra đủ thứ chuyện lôi thôi với nhau, sống trên đời toàn là đau khổ.

Bây giờ muốn hết đau khổ, chúng ta phải khéo sử dụng trí Bát-nhã. Thiên sư sử dụng trí Bát-nhã ròng rã ba chục năm, nên đối với cảnh không vướng, không mắc, không có gì trói buộc được các ngài. Cuối cùng ngài nói “Sau ba mươi năm ta thấy núi sông là núi sông.” Tại sao thấy núi sông là núi sông? Bởi vì ngày trước thấy theo mê, cho núi sông là thật. Sau khi vận dụng trí Bát-nhã quán chiếu thấy nó không thật nên nói núi sông không phải là núi sông. Từ thấy không thật, tâm hết vướng mắc, được lặng yên như như. Bây giờ nhìn cái gì ra cái đó mà không chấp thật, chấp giả nữa, nên nói núi sông là núi sông. Cho nên nhà thiền luôn luôn nhắc chúng ta phải quán xét tất cả cảnh đúng như thật bằng trí tuệ Bát-nhã, không nên nhìn theo cái mê lầm của mình.

Tối nào Phật tử cũng tụng Bát-nhã, chỉ câu đầu thôi: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.” Nghĩa là Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã rồi, ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết khổ nạn. Phật tử tụng bao nhiêu biến rồi, đã qua hết khổ nạn chưa? Chưa. Như vậy Phật nói gạt sao? Phật không nói gạt, nhưng vì quý vị tụng kinh mà không chịu chiếu kiến, tức là không soi thấy năm uẩn đều không nên chưa qua hết khổ nạn. Sở dĩ thiên sư Duy Tín thấy núi sông không phải là núi sông vì ngài chiếu kiến, thấy rõ như vậy nên ngài mới ngộ đạo. Còn chúng ta đọc thuộc lòng, mà không quán chiếu gì hết nên khổ vẫn hoàn khổ.

Trở lại kinh Bát-nhã liên hệ với Thiên tông thế nào? Ngày xưa tôi nghiên cứu trong sử Thiên tông thấy ghi, sau khi ngài Huệ Khả ngộ đạo, tổ Bồ-đề-đạt-ma đem bốn quyển kinh Lăng-già truyền lại cho ngài Huệ Khả gọi là truyền tâm ấn. Đến khi nghiên cứu kinh Lăng-già, tôi lại không hiểu tại sao kinh Lăng-già nặng về Duy thức, chia chẻ nhiều, trong khi thiên thì đơn giản, thế nhưng tổ Đạt-ma lại lấy bộ kinh dày như vậy, làm chỗ tâm ấn của Thiên tông?

Sau này, đọc lại ngữ lục của ngài Thần Hội tôi mới giật mình. Ngài Thần Hội khẳng định rằng tổ Đạt-ma truyền tâm ấn cho tổ Huệ Khả, chỉ trao kinh Kim Cang. Mới nghe hơi lạ, nhưng nhìn lại lịch sử, rõ ràng Ngũ tổ Hoàng Nhẫn dạy tất cả đồ đệ nên trì tụng kinh Kim Cang. Khi Lục tổ Huệ Năng được vào thất, ngài cũng đem kinh Kim Cang giảng cho nghe. Vì vậy tổ Huệ Năng ngộ đạo từ kinh Kim Cang. Như vậy truyền tâm ấn qua kinh Kim Cang hợp hơn.

Từ đó, chúng ta thấy có mối liên hệ rất cụ thể. Từ thiên sư Duy Tín tới Lục tổ Huệ Năng, đều lấy Bát-nhã làm chỗ tựa để nhận ra lý thiên. Tổ Huệ Năng khi nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, tới đoạn ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao hàng phục được tâm, làm sao an trụ được tâm?” Đó là hai câu hỏi then chốt của kinh Kim Cang. Phật dạy muốn hàng phục được tâm, không nên thấy có bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nghĩa là không thấy ta thật, người thật, chúng sanh thật, mạng sống thật. Đó là hàng phục được tâm.

Bây giờ chúng ta thử không thấy mình thật, không thấy người thật, xem ngồi thiền có yên không? Rất yên. Ngược lại, ngồi thiền mà nhớ người này, nhớ việc kia, bữa nay mình hơi yếu, muốn nhuộm bệnh, đau chỗ này nhức chỗ kia... thế là đủ lý do xả thiền sớm một chút. Cứ nhớ chuyện mình rồi nhớ chuyện người, nhớ tứ tung như vậy làm sao hàng phục được tâm? Đó là trả lời câu thứ nhất.

Đến câu thứ hai, làm sao an trụ tâm? Trong Kinh bảo: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là không nên trụ tâm nơi sắc, không nên trụ tâm nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp; nên không có chỗ trụ mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe tới đó ngài Huệ Năng bừng sáng, liền thốt lên: “Đâu ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, đâu ngờ tâm mình xưa nay vốn không sanh diệt...” Như vậy Lục tổ Huệ Năng ngộ ngay kinh Kim Cang. Mà kinh Kim Cang là kinh gì? Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa là trí tuệ cứng như kim cương, không có gì phá nổi.

Chúng ta tu thiền muốn tâm an thì đừng vướng mắc với sáu trần. Tâm mình loạn là tại chạy theo sáu trần. Nghe tiếng hoặc thấy hình sắc cứ ôn đi, ôn lại thành ra loạn. Bây giờ, không vướng mắc với sáu trần thì tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tánh Phật. Thiền sư Ngưỡng Sơn đi đến chỗ thiền sư Trung Ấp hỏi đạo:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật tánh?

Ngài Trung Ấp đáp:

- Ta nói cho ông một ví dụ, nếu khéo ông sẽ nhận ra. Như có một con khỉ nhốt trong cái lồng sáu cửa, bên ngoài có con khỉ khác đứng kêu chéo, chéo. Con khỉ bên trong đáp lại chéo, chéo.

Ngài Ngưỡng Sơn liền thưa:

- Nếu con khỉ trong lồng ngủ thì sao?

Ngài Trung Ấp từ trên tòa bước xuống nắm vai Ngưỡng Sơn nói:

- Chúng ta thấy nhau rồi.

Đó là nghĩa Phật tánh. Quý vị hiểu không? Con khỉ trong lồng là dụ cho tâm viên ý mã của mình. Tâm viên ý mã chạy theo sáu trần bên ngoài. Vì vậy con khỉ ở ngoài chạy tới kêu thì con khỉ bên trong phản ứng lại. Chạy tới cửa nào kêu nó cũng phản ứng lại. Như chúng ta đang ngồi thiền mà nghe tiếng la ở ngoài đường, lúc đó còn ngồi yên không? Vừa có tiếng là muốn đứng dậy rồi. Rõ ràng nó phản ứng liền liền, bên ngoài vừa có tiếng động, trong này phản ứng ngay. Bây giờ ngài Ngưỡng Sơn nói khi con khỉ trong chuồng ngủ thì sao? Nó ngủ rồi thì bên ngoài kêu nó không trả lời. Do đó ngài Trung Ấp bước xuống nắm vai nói “Chúng ta thấy nhau rồi.” Nghĩa Phật tánh là khi con khỉ trong lồng ngủ, nó không chạy theo tiếng gọi của con khỉ bên ngoài sáu cửa, lúc đó là Phật tánh. Tâm chúng ta lặng không vướng mắc với sáu trần, đó là Phật tánh.

Quý vị muốn sống với Phật tánh khó hay dễ? Quý vị nói khó, nhưng tôi nói dễ. Cái gì ở đầu non gốc biển

bảo mình tìm mới khó, còn cái này có sẵn nơi mình, chỉ đừng cho tâm khỉ vượn chạy nhảy lung tung theo bên ngoài thì thấy liền. Quyền của ai làm việc đó? Có ngăn sông trở núi gì đâu. Chuyện dễ như trở tay mà mình làm không được mới thật kỳ!

Thật ra Phật tử tu thấy khó là vì cái nhìn sai lầm. Nếu chúng ta giác, biết rõ các pháp không thật đừng chạy theo, đừng chấp giữ nó nữa thì hết lầm. Lúc đó hết việc rối rắm, con khỉ ngủ rồi. Bây giờ thấy hình sắc đẹp nghe tiếng hay, chúng ta đuổi theo nên vướng mắc, hoặc những tiếng dữ dần mình cũng đuổi theo, cứ đuổi theo thanh, hương, vị, xúc, pháp hoại, do đó tâm bất an. Bây giờ không vướng mắc cái nào hết thì tâm tự an.

Quý vị ngồi đờ tâm nhưng thấy cái gì cũng thật hết thì đờ nổi không? Càng đờ nó càng trôi dậy mãi. Bây giờ chỉ cần thấy tất cả các pháp không thật, ai kêu tên mình chửi cũng cười, ngồi thiền cứ ngồi. Nếu đang ngồi thiền mà nghe chửi liền nổi nóng lên, còn ngồi được không? Thấy thật là nó thúc đẩy, giục giã mình phải đứng dậy cự với người ta. Cho nên chúng ta không nên bận lòng, không nên cố giữ gì cả, buông xả hết thì tâm thanh tịnh.

Từ kinh Kim Cang tới kinh Bát-nhã đều chỉ một việc này. Chúng ta phải quán chiếu, phải thấy rõ thì việc tu mới có kết quả. Nhờ trí tuệ Bát-nhã ruồng phá sáu trần không chấp nên ngồi tu an định. An định tức là trở về cái thật của mình. Từ đó vô sư trí có cơ hội phát triển. Nếu chúng ta cứ dính với sáu trần, tâm chạy ngược

chạy xuôi hoài làm sao yên. Không yên thì không bao giờ thấy được cái chân thật của mình. Người tu thiền luôn luôn phải hiểu, phải thấu đáo lý Bát-nhã để hằng quán chiếu, xem xét, như thế tu thiền mới dễ thành công. Ngược lại, quý vị cứ kìm thì càng tu càng khổ mà khó đạt được kết quả mong muốn.

Kinh Phật và các thiền sư nói không khác nhau, đều chỉ một đường. Tuy nhiên điều này, đợi chúng ta tu đến đó mới thật sự thông cảm giữa kinh và thiền. Nếu chưa tu thì dù phân tích hay cách mấy, lý giải giỏi tới đâu cũng chỉ là nói rỗng, trọn chẳng có chút lợi ích gì. Đó là ý nghĩa tương quan giữa thiền và kinh.



Ý NGHĨA HÌNH TƯỢNG BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM

Chùa Quan Âm – Hoa Kỳ – 1994

Hôm nay đủ duyên chúng ta hội ngộ tại đây, trước hết tôi có lời thăm viếng tất cả tăng ni và Phật tử. Đối với các Phật tử lớn tuổi, đi chùa học đạo nhiều năm, bây giờ có dịp gặp lại thăm viếng nhau, tôi chúc mừng quý vị vẫn còn có mặt trên thế gian, còn đến chùa học đạo, thật là quý báu. Nhân đây tôi cũng có vài điều nhắc nhở cho tất cả quý vị nhớ Phật pháp, an ổn tu hành đến ngày nhắm mắt, có hướng đi rõ ràng tốt đẹp.

Chùa này tên là chùa Quan Âm, vì vậy chúng ta sẽ nói về Bồ-tát Quán Thế Âm. Hầu hết các chùa Việt Nam đều có thờ tượng đức Quan Âm lộ thiên. Khi sang Trung Quốc hay Nhật Bản tôi thấy các nước này thờ tượng Quan Âm lộ thiên không nhiều như ở Việt Nam. Như vậy thờ tượng Quan Âm lộ thiên hay tín ngưỡng

Bồ-tát Quán Thế Âm là một đặc điểm của Phật giáo Việt Nam. Đặc điểm đó như thế nào? Nếu không khéo quý Phật tử lại hiểu lầm, người Việt thờ đức Quan Âm để cầu cứu ngài khi gặp khổ. Như thế vô tình Phật giáo Việt Nam trở thành ỷ lại, mê tín. Đó là điều chúng tôi muốn nói để quý vị hiểu cho tường tận thấu đáo.

Thờ tượng Bồ-tát Quán Thế Âm có những gì cao siêu kỳ đặc, mà tôi gọi đó là một đặc điểm của Phật giáo Việt Nam? Khi chúng ta thờ một đức Phật, một vị Bồ-tát cần phải thâm hiểu ý nghĩa hình tượng các ngài. Bây giờ quý Phật tử hình dung tượng đức Quán Thế Âm như thế nào không? Trước tiên tôi xin hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm là tượng nam hay nữ? Nữ. Nhưng trong kinh Phổ Môn nói Bồ-tát là nam hay nữ? Không phải nam cũng không phải nữ. Bồ-tát Quán Thế Âm tùy theo nhu cầu thiết yếu của chúng sanh muốn ngài cứu độ, nếu là đồng nam cầu cứu ngài hiện thân đồng nam, nếu là đồng nữ cầu cứu ngài hiện thân đồng nữ, cho tới trưởng giả v.v... ngài đều tùy duyên thị hiện để cứu độ tất cả. Như vậy đâu bắt buộc cố định hình tượng ngài là người nữ, vậy tại sao hầu hết các chùa thờ đức Quán Thế Âm đều tạc hình người nữ? Đó là vấn đề chúng ta cần phải hiểu rõ.

Ở Việt Nam chúng ta ngày xưa, các cụ già thường hay răn dạy con cái phải luôn tưởng nhớ công ơn cha mẹ. Nếu người cha đứng đắn dạy bảo con cái nghiêm trang, người ta gọi là nghiêm phụ. Người mẹ hiền lành thường khuyên răn con nhỏ nhẹ, chứ không rầy không đánh nên người ta gọi là từ mẫu tức mẹ hiền. Cha thì nghiêm, mẹ thì từ. Bồ-tát Quán Thế Âm tu hạnh từ bi,

thường cứu khổ chúng sanh, nên người ta thường xưng tán ngài là Đại từ Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát. Hạnh đại từ bi của ngài là lúc nào cũng an ủi, nhắc nhở, khuyên lơn, đem lại nguồn an vui cho tất cả chúng sanh. Ở đâu có tiếng than, có nỗi khổ, ngài đều đến để cứu vớt. Vì vậy ngài tượng trưng cho tâm hạnh từ bi. Hạnh từ bi thì gần với tình thương của người mẹ, nên người ta tạc tượng ngài là nữ. Đó là hình ảnh biểu trưng cho hạnh từ bi, chứ không phải ngài thật là người nữ.

Thêm một điểm nữa, Bồ-tát Quán Thế Âm tay trái cầm bình cam lồ, tay phải cầm cành dương liễu. Quý vị tụng kinh Phổ Môn có câu “Nam-mô thanh tịnh bình thùỵ dương liễu Quan Âm Như Lai cam lồ sái tâm nguyện.” “Thanh tịnh bình” là bình thanh tịnh, “thùỵ dương liễu” là cành dương liễu rủ xuống, “Quan Âm Như Lai cam lồ sái tâm” là nước cam lồ của đức Quan Âm rưới lên tâm. Ý nghĩa nguyên câu ấy là bình thanh tịnh đựng nước cam lồ, nhờ cành dương liễu rủ khắp làm cho tâm người được mát mẻ. Đó là câu nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm mà chúng ta hằng lạy trong mười hai câu nguyện. Đây là những hình ảnh biểu trưng cho hạnh nguyện của Bồ-tát.

Trong bình thanh tịnh chứa nước cam lồ, nước cam lồ biểu trưng cho lòng từ bi. Nước này rưới tới đâu là chan rải tình thương tới đó, làm mát mẻ êm dịu mọi khổ đau của chúng sanh. Đặc điểm của nước cam lồ là vừa ngọt vừa mát. Bình thanh tịnh là giới đức. Như Phật tử giữ năm giới, nhờ giữ giới mà trong sạch thanh tịnh. Người không giữ giới không bao giờ có tình thương

chân thật hay lòng từ bi. Tôi nói ví dụ nhỏ thôi, như người phạm giới sát sanh có từ bi được không? Nếu phạm giới sát sanh không thể gọi là người từ bi. Hoặc người phạm giới trộm cắp, gọi từ bi được không? Không. Cho tới phạm giới uống rượu, có từ bi được không? Không. Vì từ bi phải đi đôi với trí tuệ sáng suốt, uống rượu vô say sưa rồi không thể nào sáng suốt được. Dân quê Việt Nam gọi mấy kẻ say là ba ngầu, lúc đó đã mất bình tĩnh, đâu còn tỉnh táo sáng suốt để làm điều tốt đẹp giúp người. Do đó phạm một trong năm giới thì không có lòng từ bi. Muốn lòng từ bi càng ngày càng tăng trưởng, đòi hỏi chúng ta phải giữ giới.

Vì vậy giới đức thanh tịnh tượng trưng cho bình thanh tịnh. Từ bình thanh tịnh mới chứa được nước cam lồ. Con người có giới đức thanh tịnh mới chứa đựng lòng từ bi. Còn cành dương liễu để làm gì? Cành dương liễu yếu mềm dẻo dai nên khó gãy, gió chiều nào nó lay theo chiều đó nhưng không gãy. Những cành cây cứng gập gió mạnh nó dễ gãy. Như vậy cành dương liễu biểu trưng cho đức nhẫn nhục. Muốn đem lòng từ bi ban rải cho chúng sanh được an vui mà thiếu đức nhẫn nhục thì lòng từ bi khó thực hiện được. Tại sao? Gần nhất như chùa Quan Âm ở đây, quý Phật tử phát tâm xây dựng vì nghĩ mình cất ngôi chùa này để huynh đệ hướng tâm về Phật pháp có nơi chốn lễ Phật, tụng kinh, nghe pháp. Rồi lập hội Quan Âm để bảo trợ chùa, có đủ phương tiện tồn tại dài lâu. Đó là lòng từ bi. Có hội thì có họp. Họp thì bàn cãi, mà bàn cãi thì nhiều ý kiến bất đồng. Nếu quý vị thiếu lòng nhẫn nhục thì lòng từ bi có thể đổ vỡ.

Khi chúng ta thương mọi người, muốn giúp họ đến với đạo để tu hành, tâm hồn được trong sạch an vui, đó là lòng từ bi. Nhưng nếu thiếu đức nhẫn nhục thì khó bảo vệ được Phật sự lâu dài, cho nên phải có đức nhẫn nhục. Khi có những bất đồng, có những người không hợp đạo lý, chúng ta cũng ráng ẩn nhẫn bỏ qua, để cùng hòa thuận với nhau giúp đỡ xây dựng nhau. Như thế khả dĩ Phật sự bền lâu được.

Các chùa quê ở Việt Nam, đến rằm tháng bảy hay phát quà cho những người nghèo khổ, bệnh tật. Giả sử quý Phật tử phát tâm bố thí cho hai trăm người. Hai trăm lá phiếu được phát cho dân nghèo đến lãnh quà. Có người quý vị phát rồi, họ trở lại xin nữa. Thành ra cuối cùng không đủ quà, những người đến sau không có quà họ chửi mình. Phật tử làm việc từ thiện vì thương họ, rốt cuộc họ lại chửi quý vị. Nếu không có đức nhẫn nhục, gặp trường hợp như thế, chắc quý vị sẽ thề ngang đây không thêm làm nữa. Rõ ràng từ bi mà thiếu nhẫn nhục thì không thể làm tròn, không thể trường cửu được.

Vì vậy Bồ-tát dùng cành dương rưới nước cam lồ, biểu trưng cho lòng nhẫn nhục nhu nhuyễn. Thiếu cành dương không rưới nước cam lồ được. Cũng vậy, có lòng từ bi mà thiếu đức nhẫn nhục thì lòng từ bi đó không lâu dài, không đem đến lợi ích cho chúng sanh được. Cho nên đức nhẫn nhục, lòng từ bi luôn đi đôi với nhau, thiếu một đức thì đức kia không thể thực hiện.

Phật tử thờ đức Quan Âm, khi nào phiền não quá liền lạy cầu Bồ-tát rưới nước cam lồ cho con được mát mẻ

phải không? Như vậy là đòi hỏi, xin xỏ chứ không nhớ chúng ta thờ đức Quan Âm để nhắc mình phải học theo hạnh từ bi của ngài. Muốn học hạnh từ bi, đầu tiên phải giữ giới luật cho trong sạch. Kế đó phát tâm từ bi thương chúng sanh và thực hiện tâm ấy phải có đức nhẫn nhục. Đó là gương sáng, đức tính tốt. Mỗi Phật tử tới lạy Bồ-tát Quán Thế Âm luôn nhớ ba điều này thì tốt đẹp biết mấy.

Phật tử Việt Nam có đặc tính muốn đem tình thương của mình giúp đỡ mọi người một cách bền bỉ lâu dài, mới thờ Bồ-tát Quán Thế Âm với hình tượng như thế. Cho nên tinh thần từ bi và nhẫn nhục là tinh thần rất thiết yếu trong cuộc sống hiện tại. Người Việt Nam thờ đức Phật hoặc các vị Bồ-tát lộ thiên đều nhớ ý nghĩa ấy thì rất hay, Phật pháp sáng sửa biết bao nhiêu. Một chùa thờ đức Quan Âm, nhiều chùa thờ đức Quan Âm, để nói lên tinh thần người Phật tử Việt Nam khao khát thực hiện lòng từ bi và đức nhẫn nhục. Đó là mục tiêu trọng yếu của tinh thần Phật giáo Việt Nam. Tôi nhắc lại chân tinh thần này để quý Phật tử không quên ý nghĩa và mục đích việc học Phật và tu Phật của mình.

Quý vị lớn tuổi ở Việt Nam hồi xưa từng đọc mấy bài thơ cổ như Lục Vân Tiên, Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Diệu Thiện... Chúng ta thấy người Việt Nam yêu chuộng lòng từ bi, đức nhẫn nhục nên ngoài hình tượng thờ, những đức tính cao đẹp ấy còn biểu trưng đầy đủ qua thơ văn. Quan Âm Thị Kính thường được dân quê Việt Nam gọi là Phật bà. Ở cách xưng danh này, tôi xin lưu ý quý Phật tử một chút. Gọi như vậy e sẽ bị kẹt,

nếu người ta hỏi Quán Âm là Phật bà, vậy ai là Phật ông? Phật tử trả lời thế nào? Cho nên phải hiểu rõ, Phật là Phật không có bà có ông. Chỉ vì dân gian gọi theo cảm tính thôi, danh xưng ấy không có trong danh từ chuyên môn nhà Phật.

Người ngoại quốc chưa rành về Phật giáo đến hỏi, chúng ta giới thiệu sai là lỗi lớn nên quý vị phải hiểu cho thật kỹ. Ai muốn tìm hiểu đạo Phật, chúng ta nói những ý nghĩa thâm trầm để người ta thấy Phật giáo Việt Nam có những cái hay cái đẹp, có chân tinh thần sâu xa tế nhị bên trong, chứ không phải chỉ những hình thức nổi bên ngoài thôi. Đó là trách nhiệm lớn của tăng ni Phật tử Việt Nam, không thể xem thường được.

Trong quyển thơ văn Quán Âm Thị Kính, tôi tóm lược vài điểm cho quý vị thấy được cái hay của Thị Kính. Bà là người con gái vừa tuổi mười tám, xuất thân trong một gia đình hết sức đứng đắn nghiêm trang, rất đáng cho mọi người quý trọng. Khi đó bà được gả cho một chàng thư sinh đang đi học, hai người sống với nhau rất đầm ấm. Một hôm, ông chồng đi học về mệt nhọc nằm nghỉ, ngủ mê. Bà nhìn trên cằm có sợi râu mọc ngược khó coi quá, mới lấy kéo kê sát cằm hớt sợi râu. Cây kéo đụng làm ông chồng giật mình thức dậy. Thấy vợ kê kéo sát cổ, anh ta hiểu lầm vợ muốn ám sát mình nên chụp tay la lên vợ ám sát mình. Nghe tiếng la ám sát, cha mẹ anh hoảng chạy ra thì thấy Thị Kính cầm kéo, bị chồng nắm chặt tay. Quả tang là vợ ám sát chồng rồi. Thế là họ mời ông bà xui tới trả con gái với tội giết chồng. Đó là nỗi oan ức không thể tưởng.

Chúng ta nghĩ một phụ nữ yếu ớt gặp hàm oan như vậy thì thế nào? Tự vận chết phải không? Nhưng Thị Kính không làm thế. Bà nghĩ có thân này không phải dễ, cha mẹ sanh ra, công ơn nuôi dưỡng quá lớn. Bây giờ mình vô phước gặp hàm oan này, phải làm sao chọn con đường đi cao thượng hơn, tốt đẹp hơn. Nghĩ thế bà đi tu thay vì tự vận. Nhưng khổ nỗi, hồi xưa không có chùa ni, chỉ có chùa tăng. Bà đi tu ai chứa, cho nên phải giả trai. Hòa thượng trụ trì nhận cho tu, đặt pháp hiệu là Kính Tâm. Như vậy quá tốt!

Mọi việc tưởng đâu ổn cả, không ngờ vì bà có nhan sắc nên giả trai lại càng đẹp hơn. Có một cô gái con nhà giàu tên Thị Mầu, đi chùa thấy thầy Kính Tâm dung mạo xinh đẹp nên để lòng thương mến. Thương nhưng không tỏ tình được, vốn sẵn không có nét na nên Thị Mầu lôi thôi với người nô bộc trong nhà đến có thai. Cha mẹ cô hay chuyện gạn hỏi nhiều lần, cuối cùng sợ mất danh giá vì thất thân với kẻ nô bộc trong nhà, nên Thị Mầu khai chủ nhân cái thai ấy là thầy Kính Tâm.

Thị Kính chịu hàm oan trước chưa giải xong, bây giờ chịu thêm hàm oan thứ hai nặng hơn. Nếu nói thật ra thì chỉ cần một câu thôi, Thị Kính trắng án liền, không có chuyện gì xảy ra. Nhưng vì muốn tu hành, bà nhất định không nói mình là người nữ, chấp nhận mọi hình thức khảo tra đánh đập để giữ trọn bản nguyện. Bởi vì bà nguyện đi tu là phải tu suốt đời, nếu khai mình là người nữ thì bị đuổi ra khỏi chùa, không được tu nữa. Vì vậy thà chịu hàm oan, chịu đánh đập chứ không nói mình là người nữ. Chúng ta thấy sức nhẫn ấy ít ai làm nổi.

Khi đánh đập đã, làng xã mời Hòa thượng tới nói đệ tử của ngài hư quá, bây giờ ngài tính sao? Họ gửi trả về chùa. Hòa thượng nhận đệ tử về nhưng còn nghi nên không dám cho ở trong chùa, mà cho ở ngoài hành lang, xem Kính Tâm có trong sạch không, sau sẽ cho vô chùa. Ở ngoài hành lang như vậy mà còn chưa yên. Chẳng bao lâu sau Thị Mầu sanh con ẵm tới hành lang, nói con của ông tôi trả cho ông, rồi bỏ đi về.

Trong hoàn cảnh đó Thị Kính không biết xử trí ra sao? Nếu ôm đứa bé nuôi thì có hai điều không thể giải quyết nổi. Điều thứ nhất là nếu mình không có liên hệ thì sanh mặc nó, tử mặc nó, bà không nóng ruột chút nào. Nếu ôm nuôi người ta sẽ nói chắc là máu mủ rồi nên không đành bỏ. Như vậy cái nghi càng tăng. Điều thứ hai, nếu nuôi sữa đâu cho nó bú? Cuối cùng bà can đảm thà bị nghi, nhất định nuôi đứa bé. Trong bài thơ tôi còn nhớ hai câu thế này “Dù xây chín đợt phù đồ, không bằng làm phước cứu cho một người.” Nghĩa là dù mình xây một ngôi tháp chín tầng, không bằng cứu một mạng sống. Lòng từ bi vì người của bà Thị Kính đã thắng những nỗi niềm oan khiên riêng.

Bấy giờ chính ông Hòa thượng trụ trì cũng lắc đầu nghi “nếu không có máu mủ gì, mà chú ôm nuôi tôi cũng không tin nổi.” Ông thầy còn không tin thì ai tin, cho nên tiếng xấu đồn xa khắp hết xóm làng. Bấy giờ không có phương tiện nuôi, nên mỗi sáng Thị Kính phải bồng đứa bé đi cùng làng cùng xóm xin sữa. Thôi thì kẻ mắng người chửi, họ phỉ nhổ không còn gì để nói, ông thầy Kính Tâm cứ lăm lăm bồng đứa bé đi xin sữa.

Như vậy mà nuôi từ ba bốn ngày cho tới lớn. Chúng ta thấy nhục nhã chừng cỡ nào, không thể tưởng tượng nổi. Bình thường ta làm gì nhục nhã trong một ngày một giờ còn chịu không nổi, đằng này Thị Kính chịu nhục nhã cả mấy năm trời. Ai chửi mắng mặc, miễn sao nuôi được đứa bé sống thì thôi.

Qua câu chuyện đó quý vị mới thấy lòng từ bi tràn trề vì cứu mạng chúng sanh của Bồ-tát. Lòng từ bi đó được thành công nhờ có đức gì? Đức nhẫn nhục, nếu yếu thì không bao giờ làm nổi. Như vậy văn hóa Việt Nam mang đầy đủ tính chất từ bi nhẫn nhục. Người Việt Nam được hun đúc trong nền văn hóa đó nên ai cũng sẵn lòng từ bi, ai cũng có đức nhẫn nhục, song đôi khi chưa đủ. Bởi vậy người Việt Nam xem cải lương hay khóc lăm. Thấy hoạn nạn khóc sụt mướt, vì tình thương nhiều quá dồi dào quá. Nhưng đức nhẫn nhục thì chưa được nhiều nên lòng từ bi chưa thể thực hiện trọn vẹn và bền lâu.

Quan Âm Thị Kính gặp cảnh khổ không nghĩ tới chuyện chết. Phải nhẫn nhục mà sống, sống để làm gì? Sống để tu. Trong ba lần nhẫn nhục lớn của bà, lần nhẫn nhục thứ nhất chúng ta có thể làm được. Nhưng tới lần nhẫn nhục thứ hai bị hàm oan, có đủ điều kiện minh oan mà ngài không minh oan. Vì sự tu mà nhẫn nhục bị đòn bị đánh. Tới lần nhẫn nhục thứ ba, vì tình thương chúng sanh mà nhẫn nhục mọi nhục nhã khinh khi của người đời. Hai lần trước nhẫn nhục vì nguyện ước của mình, lần sau cuối nhẫn nhục vì thương chúng sanh, muốn cứu mạng chúng sanh mà quên hết đau khổ tủ nhục của bản thân. Đó là sự nhẫn nhục quá cao cả. Chính nhờ

đức nhẫn nhục ấy mà thực hiện trọn vẹn lòng từ bi nuôi đứa bé lớn khôn. Vì vậy cuối cùng bà thành Phật. Khi đã thành Phật tất cả gia quyến đều được ngài độ.

Như vậy hình ảnh Quan Âm Thị Kính trong văn thơ giúp chúng ta thấy rõ hơn, ai đủ lòng từ bi và đức nhẫn nhục, người đó tu hành sẽ thành tựu viên mãn. Tự mình được an lạc và làm cho thân thuộc cùng được an lạc. Quý vị phát tâm từ bi, phải luôn nhớ tập đức nhẫn nhục. Ý nghĩa chúng ta thờ tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đáng quý đáng kính như vậy. Phật tử Việt Nam chú trọng trí tuệ và từ bi nên chùa nào cũng có tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Đã thế chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa hình tượng tôn thờ ấy, để ứng dụng Phật pháp đúng vào đời sống của bản thân, đem lại lợi ích cho mình và mọi người.

Đến hình ảnh công chúa Diệu Thiện, dân ta còn gọi là Quan Âm Diệu Thiện. Theo sách vở ghi thì bà là con của vua nước Ấn Độ, công chúa thứ ba. Nhà vua không có con trai, chỉ sanh ra ba người con gái. Khi ba cô công chúa lớn lên, nhà vua chọn những chàng rể xứng đáng để gả, bà nhất định từ chối, không ưng lấy chồng. Nhà vua khuyên răn bao nhiêu bà cũng cương quyết không chịu, đòi đi tu. Vua cha giận quá ra lệnh cho công chúa vào tu trong một ngôi chùa gần hoàng thành và bảo Hòa thượng trụ trì phải đầy đọa hành hạ công chúa đủ cách để cô chán nản trở về.

Lệnh vua như vậy không ai dám cãi. Nên Hòa thượng và thầy tri sự bắt công chúa làm đủ thứ hết,

gánh nước bửa củi, những việc cô chưa từng làm. Công chúa vui vẻ làm, khổ mấy cũng làm. Mấy năm trời như vậy không thối tâm. Nhà vua chờ hoài, chờ con gái mình chán nản trở về mà nó không về. Nhà vua tức quá ra lệnh đốt chùa, vì nghĩ trong chùa hành không đúng mức nên công chúa không chịu về. Chùa bị đốt cháy hết nhưng công chúa được cọt cõng đi, chạy từ Ấn Độ tuốt sang Việt Nam, vào động Hương Tích ở tu. Công chúa ở đó tu cho tới thành đạo chứng quả.

Bấy giờ được tin vua cha bệnh nặng, thầy thuốc không cứu chữa nổi, công chúa mới trở về. Sau khi gặp cha, cô cho thuốc cha uống hết bệnh, rồi giáo hóa cha mẹ, tất cả thần dân trong nước đều biết đạo. Việc cứu độ xong bà trở về Hương Tích tu cho tới ngày nhập Niết-bàn. Bây giờ chúng ta ra động Hương Tích thấy những bài thơ ca tán bà công chúa ba vần còn khắc trên vách đá. Sự thật thế nào không biết, nhưng đây là tinh thần tu tập dũng mãnh của người con Phật. Qua đó chúng ta thấy bà là người quyết chí tu hành. Khi đã quyết chí tu rồi, dù bị đày đọa khổ sở mấy cũng không lay chuyển. Nếu không nhẫn nhục có lẽ bà đã rút lui rồi.

Bà đi tu ở phương xa, nhưng khi biết tin cha bệnh nặng liền trở về cứu cha. Như vậy để thấy tâm hiếu thảo của bà đâu thua gì ngài Mục-kiền-liên. Ngài Mục-kiền-liên chứng quả rồi tìm mẹ để cứu. Ở đây bà cũng thành đạo rồi, trở về cứu cha, cứu cả những người trong thân quyến, khuyên họ về với đạo. Cho nên tinh thần của người con Phật, dù đã xuất gia hay tại gia, tâm hiếu thảo không quên. Đó không phải đặc điểm

của Phật giáo Việt Nam là gì? Như vậy từ hình tượng cho đến văn thơ đều tán thán tinh thần từ bi nhân nhục, hiếu thảo của người dân Việt Nam. Chúng ta đã được nuôi nấng trong cái nôi đẹp đẽ đó thì chắc không bao giờ quên. Chúng ta tới động Hương Tích chỉ thấy thắng cảnh mà ít lưu tâm đến sự tích tu hành của Quán Âm Diệu Thiện là một thiếu sót lớn.

Năm tôi đi Trung Quốc có lên Ngũ Đài Sơn và Phổ Đà Sơn. Phổ Đà ở ngoài biển, khi tới Phổ Đà Sơn, tôi tủi cho người Việt Nam mình. Hiện giờ nhiều chùa khi lạy vía Quán Âm, thường niệm câu “Nam-mô Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ-tát”, mà không biết sự tích như thế nào. Nghe câu niệm ấy tưởng chừng Phổ Đà Sơn là quê hương của đức Bồ-tát Quán Thế Âm, nên chúng ta hướng về đó mà lạy. Chúng tôi tới đó đọc sự tích rất là giản đơn, không có gì lạ. Hồi đời Đường có một người Phật tử Nhật sang Trung Hoa tìm tới Ngũ Đài Sơn để lễ. Lễ bái xong vị đó thỉnh một tượng Bồ-tát Quán Thế Âm xuống thuyền trở về. Đi chưa bao xa gặp giông to gió lớn, thuyền phải tắt vô bờ vì đi không được nữa. Trải qua năm bảy ngày như vậy, vị Phật tử này nghĩ có lẽ Bồ-tát không chịu về Nhật nên nguyện “Nếu ngài không muốn về Nhật Bản thì xin cho gió yên sóng lặng, con sẽ thỉnh tượng ngài lên đảo này để thờ.” Sau đó gió yên biển lặng, ông liền thỉnh tượng Bồ-tát lên đảo Phổ Đà, tìm một cái động tương đối rộng rãi, dân lành nơi ấy cũng phụ giúp ông sửa sang lại động, rồi thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm vào thờ trong đó, ở ngoài đề bảng “Bất khảng khứ”. Bất khảng khứ là không chịu đi.

Chúng ta thấy sự tích hết sức đơn giản, vậy mà người Trung Hoa tán thán đó là quê hương của Bồ-tát Quán Thế Âm. Dân mình cứ hướng về đó mà lạy, trong khi ở Việt Nam có một sự tích rất quan trọng, là động Hương Tích mà lại không hướng về động Hương Tích lạy Bồ-tát bao giờ. Đó là khuyết điểm của chúng ta.

Tóm lại tôi muốn nhắc các câu chuyện có liên quan tới Bồ-tát Quán Thế Âm, để tất cả quý vị hiểu Bồ-tát mà chúng ta hiện thờ cũng như những bản thơ văn nói về ngài là nói lên tinh thần Phật giáo Việt Nam muốn dạy, muốn nhắc cho Phật tử Việt Nam tu Phật, phải có đủ đức tính nhẫn nhục để làm tăng trưởng lòng từ bi. Tu Phật phải có tâm hiếu thảo với cha mẹ, kính nhường anh em. Như vậy mới đúng là đệ tử Phật, đúng với tinh thần Phật giáo Việt Nam. Hiểu và hành như thế, không ai dám nói tu theo Phật là mê tín dị đoan. Đó là ý nghĩa thâm trầm tế nhị tôi xin nhắc nhở quý Phật tử.

Nhiều người thắc mắc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát được qua tai nạn khỏi, vậy những người ra biển niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm sao vẫn không qua khỏi ách nạn? Nếu tất cả người gặp tai nạn là Phật tử, ít ai không nhớ niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Bởi vì tất cả đều thuộc danh hiệu của ngài, song có người được linh ứng, có người không được. Như vậy là sao? Không lẽ Bồ-tát thương người này bỏ người kia? Đó là một vấn đề, chúng ta không thể nhìn một chiều được.

Bồ-tát lúc nào cũng thương, cũng muốn độ chúng sanh. Điều này không ai chối cãi cả. Nhưng tại sao có chúng sanh cầu nguyện linh ứng, có chúng sanh

cầu nguyện không linh ứng. Như vậy Bồ-tát có thiên lệch chăng? Nếu thiên lệch thì đâu phải Bồ-tát. Trong nhà Phật thường dạy chúng ta có niệm lành niệm dữ, từ đó tạo nghiệp lành nghiệp dữ. Nếu người nghiệp lành nhiều, nghiệp dữ ít, khi gặp hoạn nạn, tha thiết chí thành tưởng niệm Bồ-tát thì sẽ linh ứng, sự linh ứng là do phước của vị ấy. Nếu người thiếu phước khi niệm Bồ-tát không thấy linh ứng. Không phải Bồ-tát thương người này bỏ người kia. Rốt lại tất cả đều quy trở về mình. Bên ngoài có cảm ứng hay không, gốc từ mình mà ra.

Cũng như quý Phật tử xin việc làm, có người thấy mặt người ta thương nên được nhận liền, có người mặt mũi không biết thế nào đi đâu cũng bị từ chối. Tại sao như vậy? Tại người có phước có duyên, người ta thấy dễ thương nên muốn giúp. Còn kẻ ít phước người ta thấy khó thương nên không muốn nhận. Lỗi đó tại ai? Cũng tại mình mà ra. Hiểu thế rồi, chúng ta không trách ai mà chỉ trách mình thiếu tu, thiếu phước. Vì vậy ráng tu cho có phước, đó là điều thiết yếu.

Hôm nay tôi nói về hình tượng đức Quán Thế Âm Bồ-tát mà các chùa thường tôn thờ, Phật tử cũng luôn hướng về ngài. Quý vị nên nhớ tinh thần thờ đức Quán Thế Âm Bồ-tát là tinh thần tôn xưng quý trọng lòng từ bi, đức nhẫn nhục và tâm hiếu thảo của người Việt Nam. Đó là nền tảng đạo đức của Phật giáo Việt Nam hay của dân tộc Việt Nam. Bây giờ dù ở nước ngoài, tâm hồn người dân Việt chúng ta cũng nặng trĩu hình ảnh ấy, nên tới đâu cũng muốn thờ đức Quán Âm lộ thiên.

Tôi nêu lên để nhắc nhở tất cả Phật tử muốn thực hiện lòng từ bi như Bồ-tát thì phải tập đức nhẫn nhục. Nếu chỉ có một phần thì sẽ không bao giờ được viên mãn tâm nguyện.

Chúc quý vị tu hành tinh tấn và luôn luôn niệm danh hiệu Bồ-tát để tự cảnh tỉnh mình nuôi lớn tâm từ bi và đức nhẫn nhục.



Có một Phật tử thắc mắc thế này:

- Kính bạch Hòa thượng, chúng con là những Phật tử sống ở ngoài đời, hằng ngày phải đối diện với nhiều công việc. Từ trong nhà đến ngoài xã hội, mọi cám dỗ, mọi ràng buộc vây hãm. Kính xin Hòa thượng hãy chỉ dạy cho chúng con làm thế nào để gìn giữ cho tâm được yên tĩnh hay tâm bình thường. Vì tâm là vấn đề quan trọng mà đức Phật thường dạy chúng con phải điều phục, phải làm chủ?

- Phật tử sống trong hoàn cảnh phải đi làm. Trong khi đi làm, làm sao giữ được tâm bình thường là điều rất khó. Muốn giữ tâm bình thường, theo tôi có hai cách. Một là chúng ta nhìn tất cả sự vật bên ngoài hiện có nhưng không thật, không bền lâu. Dù vật ấy đẹp hay quý đến đâu, chúng ta cũng biết chỉ là giả dối. Quán sát như vậy luôn, tâm sẽ ít chạy đuổi theo. Tâm không chạy không đuổi theo, tự nó sẽ bình.

Trường hợp thứ hai, muốn cho tâm an thì khi làm việc gì, luôn luôn phải nhớ dừng để cho nó chạy bậy.

Như đang làm đây nó chạy đằng kia, đang làm đằng kia nó chạy đằng nọ, chạy tứ tung hết. Đó là gốc của bất an. Chúng ta làm việc gì cột nó ở việc ấy, vừa làm vừa chặn con trâu, đừng cho nó phóng ra ngoài. Dùng phương tiện này chặn giữ, dần dần nó bớt chạy nhảy lảng xãng, từ từ sẽ an. Thật ra muốn tâm an phải trải qua thời gian công phu lâu lắm, chứ không giản đơn. Vì tâm an là cả một vấn đề chuyển mê thành giác. Phật tử phải quyết tâm mới thực hiện được và nhớ cũng không nên nóng vội.

Chúc quý vị tu hành được nhiều tiến bộ và an vui.



BÀI PHÁP KỲ DIỆU

*Giảng tại Thường Chiếu
nhân ngày Khánh tuế Hòa thượng – 2001*

Hôm nay tất cả chư tăng ni quy tụ về đây làm lễ Khánh tuế, chúc mừng thêm một tuổi hạ nữa. Tôi rất hoan hỷ và có đôi lời nhắc nhở quý vị.

Điều đầu tiên tôi nhắc cho tất cả tăng ni nhớ, mới đây chúng ta đã qua hết một mùa an cư. Quý vị về Thiền viện mừng tuổi hạ cho tôi, tôi cũng mừng cho tăng ni thêm một tuổi hạ, tăng trưởng một phần công đức. Nếu chúng ta tu mỗi năm đều đặn không thiếu sót, không lơ là thì qua một tuổi hạ, chúng ta đều tăng tiến đức hạnh và đạo tâm. Quý vị được duyên tốt sống chung trong một đạo tràng, có người hướng dẫn chỉ dạy đường hướng tu cụ thể. Đó là phước đức, là duyên lành lớn nhiều đời. Vì vậy tăng ni đã tu an ổn trong ba tháng, sắp đến ngày tự tứ, tôi mong tất cả quý vị đều được an vui,

chẳng những trong mùa an cư này mà mãi về sau, tu cũng được an lạc, chứ không phải tu để phiền não.

Quý vị ráng tinh tấn để xứng đáng là người tìm cầu giải thoát sanh tử, cứu khổ cho chúng sanh. Không nên vì những vui buồn nhỏ nhặt, tự mình chuốc khổ rồi làm liên lụy tới người khác cũng khổ. Như vậy là trái với mục đích của người xuất gia nhắm đến. Khi chúng ta tăng một tuổi đạo thì cũng tăng một tuổi đời, chúng ta càng cố gắng tu, không thể lơ là, vì ngày mai già yếu khó tu được. Nhờ tinh tấn tu, ta giải quyết được mọi đau khổ, mọi trói buộc. Nếu không tinh tấn, đau khổ sẽ chồng chất, trói buộc ngày càng nặng nề, càng sâu dày hơn.

Gần đây tôi có một cảm hứng về đề tài Một Bài Pháp Kỳ Diệu, nếu nói đầy đủ hơn là “Một bài pháp kỳ diệu đã trải qua hơn một ngàn năm mà âm thanh vẫn còn vang dội.” Đó là bài pháp tôi sẽ nói hôm nay. Nếu không thấy sâu sắc đầy đủ ý nghĩa bài pháp kỳ diệu này, thì trên đường tu chúng ta còn những điểm mơ màng không sáng tỏ. Vì thế quý vị đem hết tâm lực lắng nghe bài pháp kỳ diệu này.

Tổ Đạt-ma sau khi nhận ngài Huệ Khả làm học trò. Một hôm ngài Huệ Khả bạch:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an nhờ Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

Thưa xong, ngài Huệ Khả lắng nghe lời chỉ dạy của Tổ. Song tổ Đạt-ma chỉ nói vồn vện có mấy tiếng:

- Đem tâm ra ta an cho.

Sáu tiếng thôi “đem tâm ra ta an cho”. Sáu tiếng đó có một sức mạnh phi thường, khiến ngài Huệ Khả phải quay lại tìm tâm bất an của mình, xem nó ra sao, ở đâu? Nhưng tìm đáo để không thấy nó ở đâu hết. Lúc đó ngài Huệ Khả thành thật thưa:

- Con tìm tâm không được.

Tổ Đạt-ma liền nói:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Bảy tiếng “ta đã an tâm cho ngươi rồi”, ngay đó ngài Huệ Khả liền biết lối vào. Từ đó ngài tu cho tới đạt đạo. Bài pháp cộng lại mười ba chữ mà ngài Huệ Khả biết được đường tu, mới thấy cái kỳ diệu của Tổ. Sự kỳ diệu ấy không phải dừng lại ở ngài Huệ Khả, nó cứ truyền liên tục mãi cho tới ngày nay. Tăng ni chúng ta cũng sẽ nối gót tuyên thuyết lời kỳ diệu đó. Như vậy không phải hơn ngàn năm mà âm ba vẫn còn vang dội sao?

Trở lại, chúng ta xem bài pháp kỳ diệu như thế nào? Tất cả chúng ta ai cũng nghĩ cái suy nghĩ phải quấy, hơn thua, tốt xấu là tâm mình. Nên khi ngồi lại tâm đó nhớ cái này, nghĩ cái kia, chuyện quá khứ, chuyện hiện tại, chuyện vị lai, nó cứ nhắc tới nhắc lui mãi không an. Vì vậy chúng ta cảm thấy phiền não. Phật dạy tu phải định phải an, tại sao nó cứ chạy hoài, kìm không nổi? Bây giờ làm sao an đây? Đó là bệnh chung của tất cả tăng ni và Phật tử. Ai ngồi lại tu cũng than thở tâm loạn động quá, kìm không được. Khi sáng xảy ra việc vui buồn,

trưa nằm lại nghỉ muốn nhắm mắt ngủ, nhưng nó cứ lảng vảng trong đầu hoài, không cho mình ngủ. Tâm đó quấy rối giờ tu hành, quấy rối luôn cả giờ nghỉ ngơi của chúng ta nữa. Từ thuở nào mà khi mình lớn lên hiểu biết, nó đã có sẵn, cứ nổi tiếp liên tục không dẹp được, không thắng nổi nó.

Nghe Phật dạy ngồi thiền để tâm an định, thế mà chúng ta không yên định được, như vậy làm sao tu? Đó là những bản khoán thác mắc chung của giới tu sĩ chúng ta.

Ngài Huệ Khả lúc đó cũng ôm thác mắc như mình, nên gặp Tổ không gì tha thiết hơn là xin một pháp an tâm. Tổ có dạy pháp an tâm không? Ngài chỉ nói một câu rất tầm thường: “Đem tâm ra ta an cho.” Câu nói hết sức tầm thường, mà còn có vẻ đùa cợt nữa chứ. Tâm là cái gì mà bảo đem ra an cho? Nhưng không phải, nói “đem tâm ra ta an cho”, bắt buộc người tin lời của Tổ phải quay lại tìm cái tâm bất an đó ở đâu. Ngài Huệ Khả nhờ Tổ an tâm cho mà tâm ấy ở chỗ nào, hình dáng ra sao ngài không biết thì làm sao an được? Huệ Khả vừa nghe câu nói của Tổ, ngài không dám xem thường, quay lại tìm coi tâm bất an nó ở đâu, ra sao. Quay lại tìm tâm bất an xem nó ở đâu là trọng tâm để ngài tu. Khi quay lại thì cái gì quay lại? Trí tuệ phản quan của mình soi lại tâm bất an. Lúc bình thường nó lảng xảng rối loạn, bây giờ xem nó ở đâu? Quan sát kỹ từ nơi nào, nhưng tìm không ra nó. Cho nên quay lại tìm tâm bất an là một hướng tu.

Lâu nay chúng ta cứ ngỡ tâm bất an là mình, nên không bao giờ quan sát, không bao giờ thấy rõ nó như thế nào? Bây giờ bị Tổ bảo “đem tâm ra ta an cho”, nên mới sực quan sát lại, tìm thật tướng của nó xem hình dáng ra sao, cư trú chỗ nào. Khi quay lại tìm nó mất hình mất bóng, không có hình dáng gì cả, ngài Huệ Khả thật thà thưa: “Con tìm tâm không được.” Ngang đó chúng ta thấy được đặc điểm để tu rồi. Tu bằng cách nào? Bằng cách quay lại, hồi quang phản chiếu cái tâm lằng xằng đó, coi nó ở đâu, ra sao. Đó là lối phản quan tự kỷ mà chư Tổ sau này thường dạy.

Khi chúng ta phản quan nhìn lại, mọi hình bóng vắng bật, như vậy hình bóng đó hư hay thật? Nếu nó thật thì tìm phải thấy ở đâu, trú ngụ chỗ nào. Nhưng khi nhìn lại, nó mất tằm mất dạng, rõ ràng nó không thật. Đó là đặc điểm thứ hai để chúng ta ứng dụng tu. Với trí tuệ nhạy bén của ngài Huệ Khả, chỉ cần bảo đem tâm ra ta an cho, ngài xoay lại tìm không thấy, ngài thưa: “Con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Ta an tâm cho người rồi.” Ngài Huệ Khả tìm tâm không được vì nó là bóng, là ảo ảnh không có thật. Cái không thật mà chúng ta nghĩ là thật, đó là sai lầm, là si mê. Bởi si mê nên lấy giả làm thật. Bây giờ nhìn lại biết nó là giả thì hết si mê. Như vậy chúng ta đã mở sáng trí tuệ rồi.

Do phản chiếu lại nội tâm, chúng ta biết tâm chấp nê phân biệt hơn thua phải quấy, từ nhỏ đến giờ là cái bóng hư dối. Biết rõ như vậy, chúng ta đã có một đường đi, một hướng tu cụ thể. Chỉ cần hai câu nói thôi đã tạo cho

chúng ta một hướng đi cụ thể, chỉ thẳng cho chúng ta cái gốc của sự tu hành. Tu Phật là phải giác ngộ được những mê lầm thuở trước. Mê lầm là nhân tạo nghiệp sanh tử luân hồi. Bây giờ chúng ta giác ngộ thấy rõ nó thì không lầm nữa. Không lầm tức đã sáng lên không còn bị vô minh lôi kéo đi trong sanh tử.

Quý vị thấy chỉ có mười ba chữ, kết thành một bài pháp chỉ rõ đường lối tu hành. Điểm thứ nhất chỉ cho chúng ta thấy tu là phải phản quan lại mình. Điểm thứ hai biết tường tận thấu suốt tâm lăng xăng là bóng dáng hư ảo. Biết rõ như vậy là chúng ta đã sáng. Thế thì con đường tìm tới giác ngộ xa hay gần? Rất gần. Nhưng hiện tại chúng sanh trên thế gian này, có người nào dám nhìn thấy tâm nghĩ tưởng hơn thua, phải quấy, tốt xấu v.v... là bóng, là hư ảo không? Ai cũng chấp là tâm mình. Do chấp như thế nên nghĩ cái gì cho là hay, đem trình bày với huynh đệ, huynh đệ phản bác là sai, liền đỏ mặt. Rõ ràng bóng dáng không thật mà bám vào đó cho là thật, nên ai động tới mình phản bác, rồi theo đó gây không biết bao nhiêu phiền lụy.

Nếu ta suy nghĩ dù đúng, nhưng vẫn là suy nghĩ của mình chưa phải chân lý, do đó ai nói đúng, nói trật cũng được. Không giận người cho nó trật, không mừng người cho nó đúng. Bởi vì biết đâu ngày nay mình thấy đúng, nhưng năm mười năm sau mình sẽ thấy trật. Cho nên chúng ta phải sáng suốt biết rõ điều đó.

Cái gì là nhân tạo nghiệp luân hồi? Chính tâm nghĩ tưởng lăng xăng ấy. Nghĩ tới quyền lợi là tham,

nghĩ tới hơn thua phải quấy là sân, nghĩ tới thụ hưởng sung sướng là si. Tất cả những thứ đó gốc từ tâm lăng xăng tạo nên. Nó là nhân sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta biết nó hư giả, không thật thì vòng luân hồi từ từ chấm dứt. Chúng ta tu cầu giải thoát là cầu cái gì? Cầu ở đâu? Chính là phải biết mầm gốc tâm phân biệt lăng xăng. Từ tâm phân biệt lăng xăng dấy khởi miệng nói theo, thân làm theo thì thành nghiệp. Nếu tâm lăng xăng không dấy khởi thì miệng không nói, thân không làm, nghiệp sẽ không còn.

Chúng ta chỉ cần quay lại thấy rõ tâm sanh diệt là bóng dáng, là ảo tưởng không thật. Thấu suốt được lẽ đó thì chuẩn bị dừng được nghiệp luân hồi. Khi tâm tạo nghiệp dừng rồi thì tâm chân thật hiện ra đầy đủ. Tâm chân thật không nghĩ suy, không phân biệt mà luôn luôn hiện tiền sáng suốt có sẵn nơi mình. Bình thường chúng ta chạy theo những suy tưởng lăng xăng nên tâm chân thật bị che khuất. Một niệm nghĩ suy là một vầng mây đen che khuất tâm sáng suốt. Trăm ngàn lần nghĩ suy là trăm ngàn lần mây đen dấy lên, như vậy giết hết một ngày sáng suốt của chúng ta rồi. Bây giờ dừng tâm nghĩ suy thì mê mờ hết, trí tuệ chân thật hiện ra. Đó là tánh giác, là Phật tánh của mình, khởi đi tìm Phật ở đâu. Đơn giản vô cùng.

Chúng ta vì mê lầm cho nghĩ suy phải quấy hơn thua là tâm mình, bám chặt vào đó, đòi hỏi mọi người cũng chiều chuộng nó. Mình sai lầm rồi bắt người khác chạy theo cái sai lầm của mình. Thật vô lý! Bây giờ khi

suy nghĩ, chúng ta biết nó giả dối, không có gì quan trọng, bỏ đi, tự nhiên nó tan biến. Tu như thế là tu bằng trí tuệ Bát-nhã. Đặc biệt người tu thiền phải thường xuyên dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu.

Ngài Huệ Khả khi đã biết được đường vào, từ đó ngài an ổn mà tu cho tới một hôm, ngài trình với tổ Đạt-ma:

- Bạch Hòa thượng, hôm nay con sạch hết các duyên.

Tổ bảo:

- Coi chừng rơi vào không?

Ngài liền thưa:

- Con rõ ràng thường biết, làm sao không được.

Ngay đó Tổ ấn chứng. Đơn giản làm sao!

Trước chỉ có mười ba lời thành một bài pháp. Sau đó cũng không nói nhiều, ngài Huệ Khả thưa “nay con sạch hết các duyên”, Tổ bảo “coi chừng rơi vào không.” Huệ Khả thưa “rõ ràng thường biết làm sao không được.” Ngay đó Tổ ấn chứng liền “Ông như thế, ta như thế, chư Phật cũng như thế.” Đơn giản làm sao! Ông như thế tức là ông thấy được như vậy, ta cũng thấy như vậy, ta với ông giống rồi. Chư Phật cũng như vậy, nghĩa là chư Phật, ông và ta đều thấy đến chỗ tột cùng.

Nói “dứt hết các duyên” là sao? Là căn trần không còn dính nhau. Sáu căn không dính với sáu trần là dứt hết các duyên. Ngày nay chúng ta tu lại dính hết các duyên, ngược lại với chư tổ. Như vậy ai thọ ký cho mình, ai ấn chứng cho mình? Chắc ma vương thọ ký “tôi và các ông đi một đường”. Tổ nghe ngài Huệ Khả

nói dứt hết các duyên, sợ như ngu, như ngơ không biết gì nên bảo “coi chừng rơi vào không”. Ngài Huệ Khả xác nhận “con rõ ràng thường biết, làm sao không được”. Chính cái rõ ràng thường biết chứng tỏ rằng, đến nơi đó là sống được với tánh Phật của mình, chứ không phải không ngơ.

Khi không còn dính với sáu trần là chúng ta sống được với tánh Phật, không phải ngang đó không biết gì. Khi tâm chúng ta không còn một tí nghĩ ngợi nào, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, chân vẫn biết đi và tất cả những gì chung quanh chúng ta đều biết. Biết mà không dính, không kẹt đó là không dính các duyên mà rõ ràng thường biết. Việc này hết sức dễ. Cái rõ ràng thường biết không phải là tham sân si, không phải phải quấy hơn thua v.v... nên nó không tạo nghiệp. Không tạo nghiệp thì làm gì có sanh tử luân hồi. Nên cái rõ ràng thường biết là gốc của sự giải thoát sanh tử, chứ đâu phải tới đó mất mình. Không mất mình mà không có bản ngã cố chấp, chỉ là rõ ràng thường biết.

Hai thầy trò tổ Đạt-ma và ngài Huệ Khả thông cảm với nhau qua câu chuyện hết sức đơn giản. Ngày nay nhiều khi thầy trò nói chuyện cả nửa giờ, mà không có gì đáng kể. Cho nên bài pháp tổ Đạt-ma chỉ cho tổ Huệ Khả là bài pháp kỳ diệu phi thường, vừa đơn giản vừa sâu xa. Tổ chỉ tận cội nguồn sanh tử cho chúng ta đừng bỏ, đồng thời cũng chỉ tận cội nguồn giải thoát cho chúng ta nhận ra. Vì vậy tổ Huệ Khả sau khi được ấn chứng rồi, đầy đủ tư cách của một vị Tổ giáo hóa sau này.

Từ đó thiền tông truyền sang Việt Nam cho tới thế kỷ thứ XIII đời nhà Trần. Chúng ta nghe Tuệ Trung thượng sĩ chỉ chỗ yếu điểm của thiền cho thái tử Trần Khâm. Thái tử Trần Khâm hỏi: “Yếu điểm của thiền là gì?” Ngài dạy: “Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc.” “Phản quan” là soi sáng trở lại, “tự kỷ” là chính mình. “Phản quan tự kỷ bốn phận sự” là soi sáng lại chính mình, đó là bốn phận của người tu thiền, “Bất tùng tha đắc” tức không phải từ bên ngoài mà được. Nguyên câu nói trên là cốt tủy từ tổ Đạt-ma chỉ dạy. Chúng ta thấy hệ thống thiền từ tổ Đạt-ma truyền sang Việt Nam, ai lãnh hội được thiền đều thấy yếu chỉ đó, không có gì khác.

Ngày nay tôi dạy tất cả tăng ni Phật tử tu, ngồi thiền thấy niệm khởi liền buông, hoặc nói nó là vọng tưởng, không theo. Như vậy có đúng với yếu chỉ đó không? Làm sao thấy vọng tưởng? Phải phản quan, nếu không phản quan vọng tưởng sẽ dẫn mình chạy. Phản quan nhìn lại thấy từng niệm khởi, biết nó hư ảo, bỏ. Tu như vậy đúng là gốc của tổ Đạt-ma đã chỉ cho tổ Huệ Khả. Nếu chúng ta thực hành được như tổ Huệ Khả, buông hết vọng tưởng, đến phút giây nó yên lặng hoàn toàn, quý vị sẽ nói “Con dứt hết các duyên”. Nói dứt hết các duyên mà rõ ràng thường biết, không còn nghi ngờ gì nữa.

Sau này một người bệnh hủi gặp tổ Huệ Khả thưa: “Con tội lỗi nhiều quá nên bệnh hoạn, nhờ Thầy dạy con pháp sám hối.” Tổ Huệ Khả dạy: “Đem tội ra ta sám cho.” Lâu nay chúng ta nói tội, nói nghiệp nhưng

biết tội ra sao, nghiệp ra sao không? Không biết. Vị ấy quay lại tìm cũng không thấy tội ở đâu hết, nên nói: “Bạch Hòa thượng, con tìm tội không được.” Tổ bảo: “Ta đã sám hối cho ngươi rồi.” Ngay đó vị ấy ngộ đạo. Ngài chính là tổ Tăng Xán thứ ba.

Đến đời thứ tư, ngài Đạo Tín lúc còn là chú Sa-di mới mười bốn tuổi gặp tổ Tăng Xán, thưa rằng: “Bạch Hòa thượng, cúi xin dạy cho con pháp tu giải thoát.” Câu nói rất đạo vị. Tổ bảo: “Ai trói buộc ngươi?” Ngài Đạo Tín thưa: “Không ai trói buộc hết.” Tổ bảo: “Không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?” Ngay đó Đạo Tín ngộ đạo thành tổ thứ tư.

Tất cả chư tổ từ trên xuống đều dạy phản quan lại tìm tâm, tìm tội, tìm nghiệp của mình, tự nhiên mọi thứ đều tan hoang. Vì sao? Vì tâm hơn thua phải quấy tốt xấu là tâm tạo nghiệp. Tội từ đâu sanh? Từ tâm sanh, tội kết thành nghiệp. Muốn tìm tội chúng ta phải quay lại nhìn tâm. Nếu tâm không có thì tội theo đó cũng mất, tội mất thì nghiệp liền tiêu. Nghiệp không còn nữa chúng ta thế nào? Tự tại, giải thoát. Cho nên giải thoát không xa, chỉ vì chúng ta hướng ra ngoài tìm cầu thành ra cách xa.

Phật tử tu cầu Phật gia hộ được sống lâu, được gặp duyên tốt, cất chùa to, làm Phật sự lớn mà không chịu quay lại mình, thấy rõ mình. Không thấy rõ mình thì trên đường tu không sao có kết quả tốt. Vì vậy tôi nói bài pháp này là bài pháp tuyệt vời, trải qua bao nhiêu thế kỷ vẫn còn nguyên vẹn tinh ba, cốt tủy của đức Phật dạy.

Chúng ta tu nắm được chỗ tinh ba, thấy được cốt tủy rồi phải nỗ lực, quyết tâm tu sẽ có kết quả tốt.

Các thiền sư có lối minh họa qua mười bức tranh chặn trâu rất khéo. Bước đầu là đi tìm trâu. Phản quan không phải đi tìm lại mình sao? Các ngài cụ thể hóa việc này bằng hình ảnh thừng chặn đi tìm con trâu. Qua bước thứ hai, lần lần thấy dấu. Ban đầu tìm lại coi tâm mình ra sao. Tìm lại nó tan biến nhưng một lát lại hiện lên, tan biến cái này cái khác hiện lên. Như vậy là chúng ta bắt đầu thấy được dấu chân của nó. Thấy được dấu chân rồi sao nữa? Qua bước thứ ba, đi tới chỗ giàng co điều phục con trâu, mới thấy ló cái đuôi, tức phần sau của con trâu, chứ chưa thấy trâu trọn vẹn.

Học mười bức tranh chặn trâu, nhiều người không biết con trâu tượng trưng cho chân lý hay hư vọng? Nó chỉ là giả tướng, nên đến khi kết thúc nó không còn. Từ tìm được nó, chúng ta sẽ đi tới chỗ cột dây lôi đầu nó. Bây giờ quý vị đang cột dây lôi đầu nó hay bị nó lôi mình chạy? Hình ảnh này hết sức cụ thể. Từ cột dây lôi đầu nó, qua tới nắm dây mũi dẫn đi thông thả. Từ dẫn đi thông thả tới ngồi trên lưng trâu thối sáo vui chơi tự tại. Trâu vẫn còn nhưng thừng chặn làm chủ được nó. Đây là lúc vọng tưởng còn, nhưng chúng ta làm chủ được nó. Muốn thắng được vọng tưởng, điểm then chốt nhất là phải nhận chân mình có cái thật, mới làm chủ nổi cái giả. Không nhận mình có cái thật thì cái giả lôi chúng ta đi luôn, không làm chủ nổi. Khi điều phục vọng tưởng, tuy nó chưa hết nhưng chúng ta có thể ngồi trên lưng nó thối sáo tự tại.

Từ đó quý vị đi lần tới con trâu mất, thằng chăn còn. Phản quan lại thì ban đầu niệm vọng tưởng vẫn còn, ta chưa thắng nó, lần lần mới điều phục được. Từ từ điều phục được nghĩa là cho có thì có, cho không thì không. Thật ra chúng ta tu, không phải bỏ hết vọng tưởng, khi cần nghĩ thì nghĩ, khi không cần thì thôi. Đó là nói hình ảnh tự tại ngồi trên lưng trâu chơi.

Khi cần là sao? Ví dụ bình thường quý vị không có chuyện gì, lúc đó mình không cần nghĩ. Nhưng lát nữa đi dạy cần phải soạn bài, lúc đó cho phép nghĩ. Dạy rồi không thềm nghĩ nữa. Tới giờ ngồi thiền thì ngồi thiền, không phải giờ suy nghĩ, ta đuổi vọng tưởng không cho nghĩ. Tới giờ ngủ là ngủ, không cho nghĩ, đuổi nó cái một. Như vậy vẫn còn vọng tưởng nhưng chúng ta đã tự tại. Đó là chỗ khéo của người tu.

Con trâu là tượng trưng cho vọng tưởng, thằng chăn là tượng trưng cho trí Bát-nhã. Có một số người bảo pháp tu “biết vọng không theo” là còn năng còn sở, chưa phải rốt ráo. Quý vị muốn điều phục con trâu lúc nó còn hoang đàng mà không có người chăn thì điều phục được không? Giai đoạn đầu phải có trâu có chăn điều phục mới được. Người nói tôi chỉ dạy biết vọng không theo, biết là năng, vọng là sở, còn năng sở đối đãi, tu không tới đâu. Đó là người chỉ thấy phương tiện cho là cứu cánh.

Khi chúng ta chinh phục được trâu rồi, làm chủ nó cho tới lần lần nó biến mất. Trâu biến mất nhưng cái thấy tức thằng chăn vẫn còn. Thằng chăn ngó tới ngó lui mà không còn bóng dáng con trâu nữa thì nó cũng

mất luôn. Chúng ta lạng hết vọng tưởng rồi, cần gì phản quan nữa? Tới lúc này hết trâu cũng hết chăn. Phải trải qua một quá trình dài lâu như vậy mới tới chỗ không còn năng không còn sở, chứ tự nhiên ban đầu trâu còn hung hăng, làm sao tới chỗ này được. Nhiều người tu không biết đầu đuôi gốc ngọn, không tự mình nỗ lực công phu, cứ lý luận suông thì dù có nói cứu cánh hay đến đâu, vẫn không có chút gì dính dáng.

Khi qua khỏi năng sở, không còn trâu không còn chăn, đừng tưởng là hết. Chỗ này tổ Đạt-ma nhắc ngài Huệ Khả “coi chừng rơi vào không.” Ngài Huệ Khả nói “rõ ràng thường biết, không sao được.” Đây là bức tranh số chín chim bay về tổ, lá rụng về cội, trở về gốc hăng giắc hăng tri của mình, chứ không phải là không. Khi trở về được gốc này rồi tức là nhập pháp thân, sống với thể bất sanh bất diệt. Tới đây rồi, không phải nhập Niết-bàn vĩnh viễn, mà còn phải bước sang mục thứ mười. Đó là hình ảnh ông già bụng bự tay cầm gậy, tay xách xâu cá chép đi vào xóm làng. Để làm gì? Nhập được pháp thân rồi, chừng đó tùy duyên ứng hóa, cứu độ chúng sanh, chứ đâu phải tới đó nhập Niết-bàn vĩnh viễn. Bên Nguyên thủy nhập Niết-bàn là vô sanh, không còn trở lại nữa. Bên thiên tông nhập được pháp thân rồi, sau đó tùy duyên mà ứng thân hóa độ chúng sanh. Đã ứng hóa thì phải giống mọi người. Muốn hiện trong loài người thì hiện thân người. Muốn hiện trong đám cùng dân thì hiện thân người nghèo. Muốn hiện trong đám cờ bạc rượu chè thì hiện thân người cờ bạc rượu chè, vô đó giáo hóa chúng sanh. Như vậy mới gọi là diệu dụng của Bồ-tát.

Trên đường tu nắm vững yếu lý này rồi chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa, cứ vậy mà tu. Không phải mong tới chỗ không còn trâu, không còn chăn rồi an trú ở đó hoài. Chúng ta phải trở về nơi pháp thân của chính mình. Nhập pháp thân rồi sẽ có ứng hóa thân, tùy duyên ứng hiện hóa độ chúng sanh.

Đức Phật Thích-ca hiện thân ra đời là một ứng thân để hóa độ chúng sanh. Ngài là Bồ-tát nhất sanh bổ xứ, nên khi hiện thân thái tử Sĩ-đạt-ta là một ứng thân. Vì muốn độ thế gian đầy tham dục này, ngài ra đời cũng phải ở trong tham dục như mọi người. Từ đó ngài mới thoát ra, dạy lại cho chúng ta. Nói ngài ra đời bước bảy bước trên bảy hoa sen, tôi nghĩ vì quá kính ngưỡng đức Phật, nên người sau tôn vinh ngài qua những hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng thế thôi. Nếu Phật ra đời khác xa loài người thì làm sao chúng ta tu được. Hồi ra đời thế nào mình không biết, nhưng lớn lên thấy chân bùn đất không, đâu có đi trên hoa sen. Nên hiểu Phật ứng hóa vào đời thì phải giống như bao nhiêu người. Bởi vì ứng thân bao giờ cũng phải tùy theo nghiệp chúng sanh, ứng hiện như họ để đồng sự hóa. Bởi vậy Phật mới thị hiện có gia đình.

Ứng thân vào đâu thì phải hiện như chúng sanh ở đó, từ từ thức tỉnh thoát ra. Khi Phật dạy bốn cửa thành, thấy cảnh già bệnh chết ngài thức tỉnh, muốn tìm cách thoát ra những cảnh ấy nên mới vượt thành xuất gia. Chúng ta cần phải thấy tường tận, hiểu rõ ràng mới không nghi lầm. Nếu hiểu không tường tận,

biết một cách mơ màng, ai bày đâu tu đó thì uống cả một đời mà không tới đâu.

Bài thuyết pháp kỳ diệu này đã giúp bao nhiêu người tu hành được giác ngộ, ra khỏi vòng sanh tử. Chúng ta bây giờ học nhiều quá, mười năm, hai chục năm mà vẫn còn lẩn quẩn trong vòng luân hồi. Thật đáng tội nghiệp! Thế nên tăng ni Phật tử phải can đảm, phải khẳng định chúng ta có cái chân thật sẵn, là hòn ngọc trong túi áo. Biết mình có hòn ngọc trong túi rồi thì tất cả bụi bặm bên ngoài phải sạch hết, lấy hòn ngọc ra dùng. Không nên bận bịu với những thứ bụi bặm tầm thường đó nữa. Mọi nghĩ suy là bụi bặm che mất tánh sáng của mình, nên chúng ta cho nó lặn dưng hết đi. Chừng nào cần nghĩ thì cho nghĩ suy năm ba phút, hết cần thì không dùng tới nó nữa.

Trên đường tu không phải chỉ trong giờ ngồi thiền, mà đi đứng làm công kia việc nọ, chúng ta vẫn tu. Vừa dấy niệm vô ích liền buông, làm cái gì biết cái ấy. Đó là tu bằng cách không cho những thứ lăng xăng quấy nhiễu mình, chăm vào một việc đang làm để đánh tan những tạp niệm, đó cũng là tu. Nên nhà thiền nói đi cũng thiền, đứng cũng thiền, nói nín đều là thiền hết. Nếu ai tu trong bốn oai nghi, đi đứng nằm ngồi đều thấy rõ, buông hết những niệm lăng xăng, người đó có phiền não, có gây sự với ai không? Không. Bao nhiêu đó đủ đánh giá ai thật tu, ai không thật tu rồi. Người quyết tu thì phải nhìn lại con trâu của mình còn hoang hay không, chứ không nhìn con trâu của xóm giềng.

Mình lo chuyện của mình là khéo tu, nếu cứ can thiệp vào việc của người là chưa biết tu.

Hôm nay tôi hết lòng nói cho quý vị thấy tột chỗ quan trọng của người tu, nhất là tu thiền, để tất cả không còn nghi ngờ đường lối tu. Một khi đã nắm vững, biết rõ đường tu rồi thì việc giải thoát không còn xa nữa.



TU LÀ ĐIỀU PHỤC TÂM

Hôm nay là buổi nói chuyện cho ni chúng tại thiền viện Trúc Lâm. Trước hết tôi nhắc cho ni chúng biết tại sao chúng ta đi tu? Tu có lợi ích gì cho đời mình? Đó là lý do thứ nhất, kế nữa là tu làm sao để trở thành người tu chân chánh.

Tôi xin hỏi tại sao ni chúng phát tâm đi tu? Có vị trả lời đi tu để cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử. Đó là lý do thứ nhất. Chỗ này tôi muốn nói thêm cho rõ, chúng ta đi tu vì sớm thức tỉnh cuộc đời là đau khổ, nên mới từ giã gia đình xuất gia. Đi tu với mục đích để được giác ngộ, giải thoát sanh tử. Tất cả những người tu, tăng cũng như ni đều phải nhắm thẳng mục đích giác ngộ, giải thoát sanh tử.

Hai chữ giác ngộ, giải thoát nghe to quá, phải không? Trong ni chúng đây có ai giác ngộ chưa? Chắc chưa ai dám tự xưng mình đã giác ngộ, chỉ hơi tỉnh hơn người đời một tí thôi. Người đời chạy theo, vui sống trong

ngũ dục, còn chúng ta thì dừng, không đuổi theo ngũ dục, chỉ sống một cuộc đời đạm bạc. Đó là bước đầu của người thức tỉnh. Vì vậy nói tới tu là nói tới con đường đi rất dài, dài thăm thẳm chứ không phải dài thường.

Những ai muốn tu cho được thì phải bền gan quyết chí chứ không thể lơi thôi. Người tu phải có cái nhìn tường tận, tất cả những gì mình đã biết, đã thấy và nhận được, phải rắng ứng dụng tu, chứ không phải chuyện nói sơ qua. Muốn vậy thì tăng ni phải có một quyết tâm mãnh liệt. Quý vị đã can đảm từ giã cha mẹ vào chùa, nhiều khi cha mẹ khóc cũng vẫn đi. Đó là cái mạnh mẽ ở giai đoạn thứ nhất.

Nhưng qua đoạn thứ hai, vào chùa rồi lại lần thân tu hành không ra gì, không nỗ lực, không cố gắng để cho thời gian tu kéo dài mà không được kết quả gì, đó có phải là thương tổn cho bản nguyện của mình không? Cho nên tất cả những người tu, khi đã phát nguyện tu rồi thì phải nỗ lực. Nỗ lực ở đây không phải bắt lao động nhiều, mà nỗ lực cố gắng tu, đừng bỏ mất thời gian quý của mình, nhất là quý vị còn trẻ. Thời gian còn trẻ là thời gian quý, vừa đủ sức, vừa có khả năng để vươn lên, cho nên phải cố gắng tu học thật đàng hoàng, thật xứng đáng mới không uổng phí. Đừng ỷ mình còn trẻ, thời gian dài rồi cứ tu lững chững, chỉ người già mới cần tu gấp, đó là đại khờ. Ni chúng phải hiểu rõ ý nghĩa đi tu của mình.

Kế đến là những người vô chùa tu rồi, nhưng thỉnh thoảng cũng hay phiền não. Chúng ta đã bỏ hết tất cả

những gì của thế tục để vào chùa tu, thì những vui buồn thế gian không còn nữa, sao bây giờ lại đeo theo vô chùa? Buồn người này, giận người kia, phiền người nọ, như vậy tu tiến không? Tu bao lâu thành Phật? Đó là những điều sai lầm. Người đã vào chùa tu rồi thì mọi hơn, thua, phải, quấy phải gạt qua một bên, chỉ nhất tâm tiến tu, không bỏ sót thời gian nào hết. Như vậy mới không uổng phí công phu của mình. Đó là chỗ tôi muốn nhắc quý vị.

Câu hỏi kế tiếp là chúng ta phải tu như thế nào? Tất cả tăng ni ở các thiền viện đều tu thiền, như vậy quý vị có biết mình tu thiền để điều trị cái gì không? Điều trị cái tâm của mình. Tại sao chúng ta phải điều trị tâm? Tại vì tâm chúng ta hay lộn xộn. Nhà Phật thường nói là tâm cuồng dại, tức tâm điên cuồng, dại khờ. Quý vị có làm chủ được tâm mình không? Nói tâm mình là tâm nào?

Ở đây, tôi chia ra từng giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là điều phục tâm cuồng dại. Trong nhà thiền dùng hình ảnh mười mục chặn trâu để chỉ người tu giống như chú mục đồng đi tìm con trâu cuồng dại. Vì nó ngông cuồng chạy mất nên bây giờ chúng ta phải đi tìm. Như vậy hình ảnh con trâu trong mười mục chặn trâu cũng hơi nguy hiểm. Con trâu hoang dại, ta tìm cách bắt nó lại, đâu phải là chuyện dễ. Tuy nói nó nguy hiểm mà không nguy hiểm bằng tâm cuồng dại của mình. Tại sao? Ai không biết tất cả tội lỗi, phước đức đều do chúng ta khởi niệm đầu, rồi tạo thành tội hoặc phước. Có ai không nghĩ mà làm, mà nói đâu? Trước nghĩ rồi sau

mới làm hoặc nói. Như vậy tốt, xấu, thiện, ác gốc từ ý niệm đầu của mình. Nó nguy hiểm ở chỗ là khi dấy lên mình biết, nhưng tới chừng nó ẩn mặt thì chúng ta không biết nó ở đâu? Đủ duyên nó lại nhảy ra. Khi nhảy ra rồi muốn chặn, muốn đón nó cũng không kịp. Vì vậy nên biết tâm ngưng cuồng hiểm nguy vô cùng. Nó bất thường nhưng rất nhạy bén, khởi sự là có liền. Thế nên chúng ta tu phải hết sức cẩn mật để gìn giữ nó.

Quý vị biết tại sao người xuất gia phải thọ giới không? Thọ giới để giữ không cho con trâu hoang nổi cuồng loạn. Khi còn tục gia chúng ta chưa biết, bây giờ xuất gia thì phải sống nếp sống khác, phải tìm chế tâm của mình cho thật kỹ, nên phải thọ giới. Thọ giới giống như sợi dây xoắn mũi kìm giữ con trâu lại. Như ngày trước ở nhà, mình thấy con cóc, con nhái thì chọi chơi được, nhưng bây giờ xuất gia rồi, vừa muốn chọi nó liền nhớ ta đã thọ giới không sát sanh. Chọi nó là phạm giới, nhờ thế nên ngưng, không dám chọi. Hoặc thấy ai để cái gì sơ hở, vừa đưa tay muốn lượm, liền nhớ như vậy là phạm giới trộm cắp nên không lượm. Giới là phương tiện kìm chế, giữ gìn cho tâm niệm xấu của chúng ta. Nó vừa dấy lên mình sự nhớ không cho khởi nữa, giống như sợi dây để giật mũi con trâu lại. Cho nên người nào vô chùa tu cũng phải thọ giới. Tu ít thì thọ giới thấp, tu nhiều thì thọ giới cao, để gìn giữ thân tâm không phạm lỗi lầm, không bị những ý niệm xấu sai sử.

Tăng ni ở các thiền viện, mỗi tối sám hối để làm gì? Sám hối là một việc đánh đòn đót. Mỗi khi nhắc xong một lỗi là sám hối, giống như kẻ một tội rồi đánh một gậy.

Đêm nào cũng như đêm nào, cứ nhíp roi vào đùi mình hoài cho nhớ, chứ không thôi dễ quên lắm. Sám hối là chỉ thẳng những lỗi lầm của mình, có hay không có cũng nhắc tới nhắc lui hoài, đó là nhíp roi vào đùi cho mình nhớ. Ngoài việc thọ giới, sám hối còn phải ngồi thiền nữa. Tức là lúc này niết con trâu vô trong chuồng. Niết vô chuồng rồi nhưng nó vẫn còn ngỗ nghịch quá, nên tay cầm hồ cây roi. Ngồi yên nhìn xuống, một lát nó nhảy lên thì gõ đầu nó (vọng tưởng). Tức là chúng ta đánh nó hoài, nhắc nó hoài không cho nó chạy. Chừng nào điều phục được nó thì mới thành công.

Ở thế gian người ta không biết điều trị tâm ngang ngược nên có những kẻ hung ác. Người tu biết nó nguy hiểm mà không chịu điều phục thì sau này chúng ta không tiến được, lại còn gây nên những lỗi lầm đáng tiếc. Đó là điều rất khó. Vì vậy chúng ta tu phải tuần tự qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là thọ giới, giai đoạn thứ hai là sám hối, giai đoạn thứ ba là ngồi thiền. Tất cả những gì chúng ta đang ứng dụng tu đều cốt điều phục tâm của mình.

Bây giờ thử đặt lại câu hỏi, tâm chúng ta nghĩ ác hoàn toàn hay cũng có khi nghĩ thiện? Cũng có khi nghĩ thiện. Như vậy giai đoạn đầu mình chặn những thứ nghĩ ác, nhưng sang giai đoạn thứ hai thì thiện và ác đều bỏ hết. Tức khi đã niết con trâu lại, thì không cho nó cục cựa gì cả. Chỉ một đường đi thôi, nghĩ gì cũng không cho. Như vậy để thấy rằng trên đường tu của chúng ta có nhiều chặng.

Tại sao tâm ác mình trừng trị đã đành, mà tâm thiện cũng trừng trị? Nghĩ thiện trong lúc ngồi thiền có tội không? Chắc không có tội, nhưng như thế là không phải. Bởi vì việc tu tế nhị lắm, không như việc thường. Người đời chỉ tránh tội lỗi, thích làm và nghĩ điều tốt, vì cho đó là phước đức. Nhưng với người tu tế nhị hơn. Bây giờ nghĩ điều thiện thì trong tâm có hai thứ, một bên thiện, một bên ác. Bên thiện mình giữ, bên ác mình bỏ, như vậy tu trở thành người tốt thôi. Nhưng trong nội tâm của chúng ta, ngoài cái thiện cái ác, còn có cái gì nữa? Cái gì biết nghĩ thiện, cái gì biết nghĩ ác? Khi chúng ta dấy niệm thiện, biết là nghĩ lành, dấy niệm ác biết là nghĩ ác. Rõ ràng còn có cái thứ ba trong đó. Cái thứ ba là cái chủ biết cả thiện lẫn ác. Nếu cứ chạy theo cái thiện thì cũng còn đối đãi giữa thiện và ác, chứ chưa phải là cái tốt ở trong. Cho nên đến giai đoạn thứ hai, nghĩ thiện nghĩ ác cũng buông luôn. Thiện ác đều buông, như vậy mình còn tâm không? Nghĩ thiện, nghĩ ác là cái nổi bên ngoài. Hai thứ đó lặng hết rồi thì tâm thật mới hiện.

Người không biết cứ cho rằng nghĩ thiện là tốt. Thật ra thiện ác là hai thứ đối đãi, là tâm nổi ở ngoài. Còn có một cái sâu kín bên trong, nhưng vì thiện ác nổi lên lặng xuống hoài, chúng ta chạy theo nó mà quên mất cái đang hiện hữu bên trong. Vì vậy khi ngồi thiền là dừng hết nghĩ thiện, nghĩ ác để tâm chân thật hiện tiền. Thường ngày chúng ta sống mà không biết mình thật là gì, chỉ sống với tâm niệm hoặc thiện hoặc ác, chạy theo nó mãi năm này qua tháng nọ, nên trôi lăn trong sanh tử. Bây giờ muốn dừng sanh tử thì chúng ta phải tìm cho ra cái thật của chính mình.

Tâm biết cái thiện cái ác, là tâm thường trực của mình. Tâm ấy không phải thiện, không phải ác nên không đi trong sanh tử, không mắc kẹt vào đâu. Chúng ta tu dừng hết tâm thiện ác, thì tâm chân thật lúc nào cũng hiện tiền. Đó là thành công trên đường tu. Nếu mình cho rằng dừng nghĩ ác là được rồi, đây chỉ là thành công một phần, tập cho tâm thuần thiện thôi. Khi chúng ta điều phục được con trâu thì thẳng chẵn rất thanh thoi. Có khi cưỡi trên lưng trâu vừa chơi vừa thổi sáo.

Tuy nhiên chỗ này phải thật dè dặt. Có nhiều người tu lâu, cũng làm pháp sư, thấy mình đã ngon lành, điều phục được trâu nhưng lâu lâu hớ một cái lại rớt xuống. Vì con trâu đó chưa bảo đảm, ngồi trên lưng nó có khi nó không bằng lòng, nó hất một cái là té nhào. Cho nên lúc nào cũng phải chẵn cho thật kỹ, không được chẵn này chẵn, chẵn kia thanh thoi không cần chẵn. Chỉ chừng nào con trâu lặn mất thì mới bảo đảm thanh thoi một trăm phần trăm.

Như vậy trên đường tu không giản đơn mà rất khó, rất dài. Chúng ta phải nỗ lực ghê gớm lắm. Tất cả nhìn lại nội tâm mình xem hiện giờ về mặt ác còn hay hết? Cả gan nói sự thật đi! Trong hai thứ thiện ác thì ác là xấu số một, lẽ ra người tu không còn mới phải, vậy mà thỉnh thoảng cũng còn. Cái ác còn thì cái thiện làm sao bỏ được? Thế thì quý vị đã bước vô chùa hay còn đứng ngoài cổng? Đó là điều mà tất cả chúng ta phải cẩn thận, rất cẩn thận. Làm sao nhìn lại mình, mọi tâm niệm xấu ác đều tan biến hết, chỉ còn thuần thiện. Sau cái thiện cũng chừa bỏ luôn, để cho được hoàn toàn thanh tịnh.

Đó là những chặng đường mà chúng ta phải đi tới. Con đường từ khi mình bắt đầu chần trâu cho tới khi mất trâu còn thằng chần, chừng bao xa? Xa quá phải không? Xa thăm thăm lặn.

Như vậy nếu chúng ta không nỗ lực, thì trên đường tu của mình rất khó có kết quả. Nghe nói vậy có nhiều người chán nản, tu không biết chừng nào thành Phật? Mà tu không thành Phật thì tu làm chi, chán quá thôi quay trở lại đời. Đó là những người nông nổi. Tuy tu lâu thành Phật, nhưng mỗi ngày biết tu thì mỗi ngày có thêm công đức. Ngày nào chúng ta cũng nỗ lực chừa bỏ những thứ xấu ác thì lần lần cũng đi tới dứt hết thiện ác.

Kế đến, không còn trâu thì thằng chần cũng nghỉ luôn. Trong mười mục chần trâu, đó là tới vòng tròn trống không. Tới đây thì không còn trâu, không còn chần. Qua khỏi vòng tròn là lá rụng về cội, chim bay về tổ. Hết chặng đó thì mới tới ông sư đóng cửa thất lại, tay cầm bầu rượu, tay xách cá chép vô xóm vô làng. Lạ lùng chưa? Bởi vì người tu đi được đến giai đoạn này rất là khó, nhưng khi đi qua hết những đoạn đó rồi sẽ thấy diệu dụng không lường được.

Nhiều người nói mấy cô vô thiên viện cấm đầu tu, không làm từ thiện, không đi cúng gì hết, làm sao giúp cho người khác. Tu như vậy có ích kỷ không? Không có ích kỷ. Ví dụ như người muốn làm cô giáo dạy trung học thì trước phải làm sao? Phải cấm đầu học tới mười mấy năm. Trong thời gian học, mục đích là làm sao mỗi năm được lên lớp, mỗi lần thi đều đậu, đó là giá trị.

Còn cho rằng vừa học vừa làm mới tốt, cấm đầu học không là xấu thì không phải. Chúng ta cấm đầu học để thành một người học giỏi, ngõ hầu mai kia làm việc cho xã hội, cho mọi người thật tốt. Cho nên thời gian tu, chúng ta cấm đầu học đạo lý, cố gắng tu cho thuần, rồi mai kia ra gánh vác Phật sự mới tốt. Bây giờ trong khi còn đang tu, chưa đủ khả năng làm việc này việc nọ, mà cứ ham đi làm hoài thì e mai kia cũng không ra chi hết. Cho nên trong lúc tu, Thiền viện chủ trương phải tu cho đủ thời gian, cho thuần mới có thể làm Phật sự được. Đó là chủ trương của quý thầy. Tăng ni cứ lo tu, tu cho có kết quả, chứ đừng vội vã nghe nói chỗ kia làm từ thiện hay, chỗ nọ làm Phật sự tốt, mình ngồi tu không e ích kỷ quá rồi buồn, muốn bỏ đi nơi khác, đó là sai lầm.

Trở lại mười mục chần trâu, chúng ta thấy tới chỗ vòng tròn không còn trâu không còn chần, lúc đó còn cái gì? Chỗ này rất đặc biệt. Hồi xưa tôi hay thắc mắc, nhất là giai đoạn chót. Ông sư từ trên núi, đóng cửa thất đi xuống trần tục, sao không giữ hình thức tu trang nghiêm độ người mà lại xách cá chép, bầu rượu? Thấy như chuyện lạ lùng không thực tế, nhưng bây giờ hiểu ra mới thấy đó là một hình ảnh rất hay. Tại sao? Bởi vì đó là ứng thân. Trở về nguồn gốc rồi tức là nhập được pháp thân, từ pháp thân mới có ứng thân, báo thân để độ sanh. Ứng thân thì tùy duyên hóa độ, chúng sanh thích cái gì, muốn cái gì thì mình cũng phải giống nó một chút, chơi với nó mới được, chơi được thì mới giáo hóa được. Còn một ông sư nghiêm trang vô xóm, chúng sanh không thèm ngó hoặc nó sợ chạy trốn hết thì có làm gì được?

Vì vậy ngày xưa tôi phản đối sự kiện đức Phật Thích-ca ra đời đi bảy bước trên hoa sen. Bởi vì ngài là Bồ-tát bồ xứ, còn một đời nữa thì thành Phật, cho nên thái tử Sĩ-đạt-ta là ứng thân của ngài. Đã là ứng thân thì phải giống mọi người mới độ chúng sanh được. Đàng này vừa sanh ra đã đi bảy bước, có hoa sen đỡ chân, lớn lên tu hành thành Phật. Như vậy những người không giống ngài làm sao tu thành Phật nổi? Nếu ngài thị hiện ra đời cũng như tất cả mọi người, chúng ta mới có niềm tin mình tu hành cũng sẽ thành Phật.

Nếu vừa ra đời đi bảy bước, tay chỉ trời tay chỉ đất nói “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn”, rồi sau lại có gia đình vợ con tùm lum, như vậy là sao? Chẳng lẽ mới ra đời tỉnh, sau lại mê? Đó là điều không hợp lý. Nhưng vì hồi xưa các sử gia muốn linh thiêng hóa cuộc đời đức Phật cho người sau thích quý, nên có thể đã hư cấu thêm phần này? Theo tôi thì ứng thân Phật ra đời như những người bình thường, có gia đình, có vợ con, sau gặp cảnh khổ của chúng sanh rồi thức tỉnh đi tu. Như vậy bây giờ chúng ta mới có thể noi theo được, chứ ngài ra đời xuất cách quá thì chúng ta chịu thua, không ai dám đi tu cả. Ngày nay, thiên hạ thấy sử ghi sao thì nói vậy, mà sử do người sau viết, chứ không phải Phật viết. Chúng ta y cứ theo đó mà nói e rằng không hợp lý.

Hình ảnh ông sư vào chợ tay mang bầu rượu, tay xách cá chép để nói lên ý nghĩa tùy tục. Dù người tu đạt đạo rồi, nhưng muốn độ chúng sanh thì phải hiện thân như người thế tục, đi vào thế tục, có thế mới giáo hóa

chúng sanh được. Đây là ý nghĩa thâm trầm trong Phật pháp chứ không phải thường. Những hình ảnh đó chứng minh cụ thể, không phải lý luận hay tưởng tượng mà ra. Nên biết đường tu của chúng ta rất xa, đi đường xa trước hết cần phải có cái gì? Đi đường xa trước phải có đôi chân cứng, kế nữa là chí cho bền. Chí bền, chân cứng. Rồi gì nữa? Phải đi đều đều, chứ không được lúc chạy lúc ngủ. Chúng ta có bệnh lúc đầu hăng lắm, chạy thôi là chạy, đến khi mệt thì ngủ hoặc chơi, tu như vậy không biết chừng nào tới. Cho nên phải giữ bền mãi, một ngày đi bao nhiêu thì cứ bao nhiêu đó, giữ cho đều. Nhiều người khi hăng tu thì tu chết sống, lúc mệt mỗi lại chán nản muốn rút lui, như vậy không bao giờ tới nơi tới chốn được. Đó là lẽ thật.

Sau đây, tôi nói chút chuyện riêng. Hôm trước tôi có bảo với một số vị rằng “Thầy điên rồi”. Nghe nói thế, quý vị không biết tôi điên ra sao? Bữa nay nhắc lại cái điên đó một chút. Như bây giờ giả sử có người tới hỏi tôi:

- Thưa Thầy, hiện tại Thầy quý trọng cái gì nhất?

Tôi sẽ trả lời:

- Tôi quý trọng hư không nhất.

Điên chưa? Đó là điên rồi! Lẽ ra quý trọng Tam bảo, quý trọng thầy tổ, cha mẹ, tại sao tôi lại quý trọng hư không? Nghe thế ai cũng nghĩ rõ ràng là điên. Vậy tại sao tôi quý trọng hư không? Đây, tôi sẽ chỉ cho quý vị thấy. Trước khi chúng ta có hình hài này, mình là không hay có? Là không. Rồi mai kia hình hài này tan rã,

chúng ta cũng trở về không. Trước không, sau cũng không. Đến hiện tại chúng ta sống đây, cái gì thân thiết với mình nhất? Nếu không có hư không liệu chúng ta có sống nổi không? Như vậy suốt ngày chúng ta sinh hoạt, có lúc nào vắng thiếu cái không đâu? Cho tới khi đi ngủ, chúng ta vô mừng cũng không. Thế thì cái không đó có rời ta lúc nào chưa? Rõ ràng ban đầu cũng ở chỗ không, cuối cùng cũng gửi về không, chặng giữa đang sống, đang sinh hoạt cũng nhờ không.

Lại nữa, trong thân này có “không” không? Thân này nặng năm, sáu chục ký gì đó là thuộc phần sắc chất. Còn như lỗ mũi, cổ họng... cho tới sợi lông, sợi tóc thông hay bít? Như vậy cái không nhỏ xíu thôi cũng giữ cho con người được sinh tồn. Không có nó thì mình chết ngắt rồi. Tóm lại trong thân của chúng ta, có cái không lồng trong sắc chất, nó rất hệ trọng. Nếu nhìn kính hiển vi phóng đại thật lớn, có lẽ chúng ta thấy thân này hở tứ tung hết. Cho nên mình làm việc một hồi mồ hôi chảy ra đó. Nếu không trống làm sao mồ hôi ra được? Vậy kiểm lại quý vị thấy cái gì thân thiết với mình nhất? Nói như tôi thì có điên không? Quý vị học theo tôi chắc cũng điên theo tôi mất.

Chỗ này thật ly kỳ mà người đời không bao giờ dám nghĩ đến. Cái không nó đã sẵn trong tất cả trường hợp, nên trong kinh Bát-nhã Phật nói: “Tướng không của các pháp không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt.” Trong thân này tướng có sắc chất và tướng không sắc chất, thì tướng không là cái không sanh không diệt, còn có sắc chất thì sanh diệt.

Giữa hai thứ đó chúng ta quý thứ nào hơn? Quý cái sanh diệt hay cái không sanh diệt? Tu thì muốn được vô sanh, mà cái vô sanh sẵn ở đây rồi ta lại bỏ quên, chạy theo cái sanh diệt. Càng chạy theo cái sanh diệt thì càng trầm luân muôn kiếp.

Như vậy tôi quý trọng hư không là vì hư không luôn luôn có mặt bên tôi, trong tôi, ngoài tôi và cuối đời cũng ở trong không luôn. Nếu tôi không quý trọng nó thì nương ai bây giờ? Nhưng chúng ta quý trọng hư không và thể nhập được hư không thì sao, mình thành cái gì? Quý vị nhớ bức tranh tròn thứ tám trong mười mục chẵn trâu, đến đây không còn trâu cũng không còn chẵn, trâu mất thì chẵn cũng mất luôn. Tới chỗ đó mới là rảnh việc, mới là không hai. Trong kinh luôn luôn bảo, sở dĩ chúng ta mắc kẹt luân hồi là tại hai. Khi nào hết hai rồi, bước thêm bước nữa mới trở về cội nguồn tức là thể nhập pháp thân. Thể nhập pháp thân rồi mới dùng ứng thân, hóa thân độ chúng sanh. Vào cái Không rồi thì không có hai, mà không hai thì mới có thể đi đường chim. Nếu chưa vào được Không thì phải đi đường đất, đi đường đất thì nhiều trở ngại lắm. Còn đi đường chim một phen cất cánh được rồi thì đi tới đích, không có gì trở ngại hết.

Gần đây trong lúc tu, tôi hứng thú nên đọc bài Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác hoài. Trước đây, tôi thắc mắc tại sao hồi xưa ngài ngộ đạo rồi, làm bài ca này mà không nói chuyện gì lạ. Bây giờ mới hiểu chỗ này không ai chia sẻ với mình được hết, thôi thì ca chơi một mình.

Tôi dẫn mười hai câu đầu trong bài Chứng Đạo Ca:

*Quân bất kiến,
Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,
Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân.
Vô minh thật tánh tức Phật tánh,
Huyền hóa không thân tức pháp thân.
Pháp thân giác liễu vô nhất vật,
Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật.
Ngũ ấm phù vân không khứ lai,
Tam độc thủy bào hư xuất một.
Chứng thật tướng vô nhân pháp,
Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp.
Nhược tương vọng ngữ cuống chúng sanh,
Tự chiêu bạt thiệt trần sa kiếp.*

Bài ca chứng đạo của thiền sư Huyền Giác. Ngài cũng được gọi là “Nhất tức giác”, vì gặp Lục Tổ được giác ngộ, ở lại tại đó một đêm. Hôm sau ngài mới ra đi nên gọi là “Nhất tức giác”.

Mở đầu ngài nói: *Quân bất kiến, Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân*. Quân bất kiến là anh chẳng thấy, hay là các người chẳng thấy. Chẳng thấy cái gì? Tuyệt học vô vi. Tuyệt học là không còn học hành nữa. Vô vi là không còn làm gì nữa. Nhàn đạo nhân là đạo nhân nhàn. Như vậy người đi tới chỗ vô sự là không làm, không làm mới dồn lực làm một việc của mình được, nếu mình còn làm này làm nọ thì khó dồn lực vào một việc.

Bất trừ vọng tưởng, bất cầu chân. Tới chỗ đó rồi không trừ vọng tưởng, mà cũng không cầu cái chân thật. Sao vậy? Vì biết vọng tưởng là dối, cái dối cũng như mây như khói, làm sao trừ? Đừng chấp nhận nó là được, chứ còn trừ chi cho uổng công. Không trừ vọng tưởng cũng không cầu chân. Cầu chân tức là cầu cái chân thật của mình, song cái chân thật của mình ở đâu mà cầu? Nó đã sẵn đây rồi. Vì chúng ta mê lầm cho vọng tưởng là tâm mình, cứ chạy theo nó nên quên mất cái chân thật. Bây giờ biết vọng tưởng không theo nó nữa, nó lặn đi thì chân thật hiện tiền. Khi chúng ta ngồi thiền, tâm lảng xãng dừng lảng mình cũng tỉnh, cũng sáng vậy. Đó, cái thật của mình hiện tiền chứ có gì đâu mà cầu.

Vô minh thật tánh tức Phật tánh. Câu này rất khó. Thật tánh của vô minh tức là Phật tánh. Tại sao vậy? Ví như có cây đèn đang cháy sáng, nếu ta lấy cái chụp bằng giấy đen úp xuống, thì ở ngoài thấy tối chứ không còn sáng nữa. Cây đèn ban đầu vốn cháy sáng nhưng vì cái chụp úp lên nên thấy tối, nếu giở cái chụp ra thì sáng trở lại ngay. Cũng vậy, thật tánh vô minh tức gốc của vô minh là Phật tánh, chúng ta do mê lầm chạy theo những thứ bên ngoài nên trở thành vô minh. Bây giờ nếu phá tan được vô minh thì Phật tánh hiện tiền.

Huyễn hóa không thân tức pháp thân. Với người giác ngộ thấy thân này như huyền như hóa, bởi vì nó có mặt mấy chục năm rồi tan biến. Có thân nào

còn hoài mãi đâu. Có mặt tan biến, có mặt tan biến, từ đời này sang đời nọ liên tục, như vậy không huyền hóa là gì? Khi thân huyền hóa này tan biến rồi thành cái gì? Thành không. Nên thiền sư Huyền Giác nói huyền hóa không thân, chính chỗ không thân đó là pháp thân. Như vậy tôi không trọng “không” sao được? Không thân tức là pháp thân. Chúng ta tu để đạt tới mục đích cuối cùng là pháp thân, từ đó mới có ứng thân, báo thân, hóa thân. Nếu pháp thân mình không nhập được, làm sao có mấy thân kia.

Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy pháp thân không rời thân huyền hóa này. Chỉ thương cho người mê chấp thân huyền hóa là thật nên khổ vì nó. Biết thân này là giả như huyền như hóa mới nhập pháp thân được, nếu cho là thật thì trăm phần trăm đi trong con đường sanh tử, không nghi ngờ. Ngài nói rõ đạo nhân nhân không làm gì cả, không trừ vọng tưởng, không cầu chân thì đâu còn gì để tu. Biết rõ tánh thật của vô minh là Phật tánh, thân không huyền hóa là pháp thân, còn đi tìm gì nữa, thanh thoi chưa? Vì vậy hát lên là vừa.

Pháp thân giác liễu vô nhất vật. Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật. Chúng ta giác ngộ pháp thân rồi thì không thấy có một vật, tức là rỗng không. Nếu còn một vật thì chưa phải là không. Không còn một vật, đó là pháp thân. Pháp thân trùm khắp, không phải là hiện tượng lớn nhỏ tương đối, bởi trùm khắp nên nó không phải một vật. Do không phải một vật nên nó mới có đủ muôn ứng vạn hóa.

Ngũ ấm phù vân không khứ lai. Câu này đọc thích thú quá. Thân ngũ ấm gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức đối với ngài như mây nổi trên hư không. Cụm mây bay qua bay lại rồi mất, không có gì thật nên nói ngũ ấm phù vân không khứ lai. Quý vị thấy thân ngũ ấm này như phù vân hay như sắt đá? Nếu thấy ngũ ấm là phù vân là chúng ta đã tiến một bước đáng kể rồi. Nếu thấy thân này là sắt đá vững bền thì đường đi còn cách xa. Thấy thân ngũ ấm như mây nổi thì ba độc tham sân si cũng như bong bóng nước, nổi lên rồi mất không thật.

Người thấy thân này thật thì còn tham, tham không được thì nổi sân. Nếu thấy thân không thật thì đâu còn gì nữa mà tham. Tham hết thì sân cũng hết. Chỉ cần nhìn đúng thì tu khỏe ru. Khi thấy thân không thật rồi thì ba độc như bong bóng nước, nổi lên rồi mất vậy thôi. Nếu thấy thân thật thì ba độc cũng thật. Vì vậy ai khéo nhìn cho đúng thì người đó tu mau có kết quả, còn nhìn không đúng thì tu trì trệ hoài. Tu năm năm, mười năm, hai ba chục năm, sân si vẫn y nguyên. Tại sao? Tại thấy thân thật.

Ni chúng thấy thân thật hay giả? Không ai dám nói giả, nên sân si còn nguyên đó. Bây giờ chỉ cần thấy thân này không thật thì việc tu sẽ dễ ngay. Đối cái nhìn là xong hết. Tại vì lâu nay chúng ta lầm tưởng thân này thật, bây giờ biết nó rõ ràng không thật, tốn bao nhiêu công đâu? Vậy mà chúng ta không chịu đổi, cứ bám vào nó cho là thật hoài, mai một tất trở bữa nay cũng còn thấy thật. Thì chịu, phải tiếp tục đi trong sanh tử thôi.

Hai câu này Thiền sư nhắc cho chúng ta biết thân không thật nên tham sân si cũng không thật, để thấy rõ đường tu của mình. Tôi ngâm hoài hai câu này không chán.

Chứng thật tướng vô nhân pháp. Thật tướng là tướng gì? Bây giờ tôi hỏi quý vị, tướng của cái bàn và tướng của hư không, cái nào thật cái nào giả? Cái bàn là duyên hợp, có hợp thì có tan, nên tướng của cái bàn là giả. Còn hư không có duyên hợp không? Không hợp tức không tan, nó là thật. Thấy được thật tướng đó thì không còn nhân, không còn pháp. Dễ thấy quá, nhưng người ta cứ thấy cái bàn thật, còn hư không không có gì hết. Tướng của “không” là không, không là vô sanh, vô sanh thì đâu có diệt, không sanh không diệt thì đâu còn nhân, đâu còn pháp. Cho nên nói chứng thật tướng không nhân pháp.

Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp. Chỉ trong chớp mắt diệt hết nghiệp dưới địa ngục A-tỳ. Một chớp mắt thôi! Thấy được tướng thật không nghi ngờ gì nữa, thì nghiệp theo đó hết. Dễ hay khó? Vì vậy nên nói đừng chim đi tắt, chứ không đi từ từ. Vô tướng tức thật tướng. Vô tướng là chỉ cho cái không, nó là tướng thật không phải duyên hợp, nên không sanh diệt. Người đạt được thật tướng, chỉ trong chớp mắt liền qua khỏi tội trong địa ngục A-tỳ, vì lúc đó không còn chấp thân thật. Thân không thật thì đi đâu, cái gì xuống địa ngục?

Ngài thầy: *Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh, Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp.* Nếu ngài đem lời dối gạt chúng sanh thì tự chuốc kết quả đọa địa ngục,

bị cát lưởi số kiếp như cát bụi. Lời thề này nặng quá, phải không? Ngài bảo: “Nếu người nào chứng được thật tướng, không còn nhân pháp dù có tội đọa địa ngục A-tỳ, trong chớp mắt liền được qua khỏi. Tôi nói như vậy mà gạt người, thì tự thề chịu đọa địa ngục cát lưởi ngàn muôn ức kiếp.” Khẳng định như vậy. Hồi xưa đọc tới chỗ này, tôi hơi rợn ốc. Sao ngài thề nặng quá, xuống địa ngục một lần cũng ngán rồi, mà ngài dám thề xuống đó số kiếp nhiều như cát bụi! Nhưng sự thật bây giờ, chuyện đó rõ như ban ngày. Nếu chúng ta nhận được thật tướng, sống với thật tướng thì đâu còn thân mà đọa.

Như vậy mới thấy người xưa khi tu được tỉnh rồi các ngài rất vui, niềm vui này không chia sẻ với ai được hết. Vui rồi tự cười, tự ca chơi vậy thôi, chứ không biết nói gì, nói có ai hiểu đâu? Đó là ý nghĩa của sự tu đưa chúng ta tới chỗ giải thoát an vui. Không còn thân để đi xuống trần gian đền tội trước hoặc hưởng quả mình đã tạo. Cho nên nói đi đường chim, nâng cánh lên là không còn gì chướng ngại nữa.

Đường chim này mấy ai đi được? Ai gan thì đi được. Chỉ có dũng sĩ mới dám nhảy một cái vượt tất cả. Còn nếu đi từ từ thì thời gian không hạn. Song đa số chúng ta bây giờ cứ nguyện, đời này tu đời sau ra đời gặp Phật pháp, gặp thầy gặp bạn sớm tu nữa, chứ không dám nói thành Phật ngay trong đời này. Đó là những người đi đường mòn, đường đất. Đi đường chim, thiên tông gọi là trực chỉ, đã chỉ thẳng thì không có quanh co.

Thời gian nhập thất, nhận ra rõ điều này nên tôi thấy vui. Bây giờ tôi dám hứa ngày nào tắt thở, tôi cười chứ không buồn. Tôi thấy bỏ thân này như gánh một gánh nặng, hạ xuống được là khỏe, nên cười từ già.

Hiểu vậy chúng ta mới thấy, trên đường tu nếu mình nỗ lực, cố gắng thì có những bước tiến rất khả quan. Từ đó để thấy sự tu hành rất cao quý. Điều này thật khó nói, nói không ai chịu tin hết, chỉ khi nào quý vị tự kinh nghiệm qua mới cảm thông được.



LỜI HUẤN TỪ CỦA HÒA THƯỢNG TÔN SƯ

*Trong buổi lễ chúc thọ Hòa thượng tám mươi tuổi.
Ngày 23-01-2003 tại thiền viện Thường Chiếu*

Hôm nay gần như là lần chót chúng tôi nói chuyện tại thiền viện Thường Chiếu, nên những gì đã ôm ấp từ trước tới giờ, tôi sẽ nói ra cho quý vị nghe và hiểu. Trước hết tôi nói về những thành quả trong đời tôi đã làm được và nguyên nhân của những thành quả đó để quý vị biết, học hỏi, hầu tiếp tục làm tròn phận sự của mình.

Phần lớn những thành quả tôi đạt được đều là những cái không ngờ. Như khi xưa đọc sử chư tổ, tôi thấy ở Trung Hoa có nhiều vị ra đời giáo hóa đến cuối đời, tính ra có hàng vạn tín đồ. Khi bắt đầu đi vào con đường tu học, tôi nghĩ đời mình tới trăm tuổi giáo hóa nhiều lắm chỉ đến ngàn Phật tử, tức là một phần mười chư tổ thôi, chứ không bao giờ có sức hướng dẫn một số đông như vậy. Nhưng đến nay số lượng Phật tử quy y

khoảng trên 84.000 người. Đó là phần Phật tử tại gia, còn số lượng xuất gia khó tính quá. Quý vị biết tại sao không? Vì có vị cạo đầu ba bốn năm rồi để tóc lại, làm sao tính được! Như vậy mới thấy thành quả này không phải là việc ngẫu nhiên. Tôi không bao giờ nghĩ mình sẽ thu hoạch được kết quả tốt như vậy. Cho nên ngày nay được thế là chuyện không ngờ đối với tôi.

Kể nữa tôi cũng từng tuyên bố với tăng ni, Phật tử: Tôi tu hành chỉ lo hướng dẫn tăng ni biết rõ đường lối tu, chứ không đặt nặng chùa to Phật lớn, song bây giờ tôi lại có chùa to Phật lớn. Đây dường như là điều mâu thuẫn, nhưng sự thật không phải mâu thuẫn. Vì tôi lo cho tăng ni mà tăng ni ngày càng đông nên chùa phải to, chùa nhỏ làm sao dung hết. Chùa to thì Phật cũng phải to theo. Đó là điều tự nhiên, không gượng ép gì hết.

Hiện giờ ở trong nước số thiền viện tiêu biểu, trực thuộc dưới sự hướng dẫn của chúng tôi như:

1. Thiền viện Chơn Không.
2. Thiền viện Thường Chiếu.
3. Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.
4. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử.
5. Thiền viện Tuệ Quang.
6. Thiền viện Đạo Huệ.
7. Thiền viện Linh Chiếu.
8. Thiền viện Viên Chiếu.
9. Thiền viện Huệ Chiếu.

10. Thiền viện Phổ Chiếu.
11. Thiền viện Tịch Chiếu.
12. Thiền viện Liễu Đức.
13. Thiền viện Hương Hải.
14. Thiền viện Tuệ Thông.
15. Thiền tự Phúc Trường.

Tại nước ngoài, tiêu biểu như:

1. Thiền viện Đạo Viên tại Canada.
2. Thiền viện Đại Đăng tại Mỹ.
3. Thiền viện Bồ Đề tại Mỹ.
4. Thiền viện Quang Chiếu tại Mỹ.
5. Thiền viện Diệu Nhân tại Mỹ.
6. Thiền tự Vô Ưu tại Mỹ.
7. Thiền tự Hiện Quang tại Úc.
8. Thiền tự Pháp Loa tại Úc.
9. Thiền tự Hỷ Xả tại Úc.
10. Thiền tự Tiêu Dao tại Úc.

Đó là chỗ tôi không bao giờ nghĩ, không bao giờ tưởng, nay nó đến một cách đầy đủ, đột ngột, nên tôi nói bất ngờ. Tôi sẽ kể tiếp đời tu của tôi có những bất ngờ như sau:

Bất ngờ thứ nhất là ngày xưa Thầy tôi, Sư ông tôi và các hòa thượng dạy tôi đều tu Tịnh độ, nhưng tôi lại tha thiết tu Thiền. Thời xưa của tôi không có một

vị thiền sư nào cả, chỉ có những người dạy thiền mang tính cách ngoại đạo thôi. Như vậy tâm nguyện tha thiết của tôi không có chỗ tựa, chỉ một người bạn đồng hành duy nhất là thầy Nhất Hạnh. Lúc còn ở Ấn Quang, Thầy cũng tha thiết tu thiền như tôi. Vì vậy hai chúng tôi có chỗ thông cảm về đường lối tu thiền. Tuy đồng một quan niệm tu thiền, nhưng hai người có hai lối tu khác nhau.

Sau khi dạy ở Phật học viện Huệ Nghiêm rồi, tôi thấy mình phần nào đã trả được nợ cơm áo của thí chủ và công ơn thầy tổ, nên xin ra Vũng Tàu cất thất tu thiền. Tuy ham tu thiền nhưng tôi chưa biết phải tu theo thiền nào, đó là lối không gặp được thầy hướng dẫn. Tôi chỉ lấy kinh làm nền tảng tu. Trước hết nghiên cứu kinh A-hàm, tôi thấy pháp tu thiền trong A-hàm là pháp Tứ niệm xứ, theo đó thì quán hơi thở. Sau này ngài Trí Khải đại sư viết thành cuốn Lục Diệu Pháp Môn, tôi ứng dụng tu theo hai phần.

Phần thứ nhất là Tứ niệm xứ, ứng dụng chưa có kết quả thì tôi đã bị lúng túng, do đó tôi chuyển qua Lục diệu pháp môn. Buổi đầu thấy tiến khá tốt, nhưng đi sâu vào tôi cũng bị dậm. Thế là xoay qua Thiền tông, tôi dịch tác phẩm Tham Thiền Yếu Chỉ của thiền sư Hư Vân, trong đó ứng dụng theo lối tu Thiền thoại đầu. Song tôi bị ngăn trở khoảng giữa đường, tu cũng không tiến. Đau khổ vô cùng, tôi không biết hướng nào đi, cứ dò dẫm chỗ này, dò dẫm chỗ kia, rốt cuộc bị ngăn trở không tiến được. Lễ Phật tôi khóc.

Nhưng điều tôi không ngờ được là do túc duyên đời trước. Một đêm chân thành lễ Phật sám hối, sau đó đi nghỉ, tôi mộng thấy mình đi vào một ngôi chùa xưa giống như chùa Tàu. Tôi thấy hai vị Tổ ngồi ở nhà tổ. Nhìn qua tôi biết liền, đây là tổ Tăng Xán, đây là tổ Huệ Khả, thấy rõ hình ảnh ấy tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Mừng quá, tôi chạy kêu thầy trụ trì ở đâu sao không đem trà nước mời gì cả, để hai vị Tổ ngồi buồn. Mãi lo chạy kêu thầy trụ trì, khi trở ra thì hai vị đi mất ra ngả sau. Tôi giật mình thức dậy, nghĩ rằng mình đã có duyên với Tổ nên ngày nay mới thấy. Đã có duyên như vậy, tại sao hơn một ngàn năm qua mình còn lao đao, lận đận, tu hành không đến đâu hết. Tôi buồn, thấy tủi thân vì duyên của mình không thành tựu gì cả.

Một đêm khác cũng trong thời gian nhập thất, tôi nằm mơ thấy tổ Huệ Khả. Ngài đứng trên cao đọc một bài thơ, nghe qua tôi không nhớ hết, chỉ nhớ câu cuối cùng ngài nói: “Không bình, không trắc”. Giật mình thức dậy, tôi lấy làm lạ quá, tại sao thơ mà không bình không trắc, nếu thơ thì phải có luật bình trắc chứ? Tôi cứ nghiền ngẫm tại sao không bình không trắc? Đến giờ ngồi thiền khuya, bỗng dưng tôi sáng được lý Bát-nhã, từ chỗ không bình không trắc đó, tôi nhớ tới câu “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, sắc-không không rời nhau, sắc-không không hai, bất thần ngay nơi đó tôi hiểu được lý sắc-không. Thế là suốt ba ngày, đi tới đi lui một mình tôi cười hoài, rất vui mà không biết vui sao nữa? Sau tôi đọc trong tạng, tới bộ Thiên Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự, đọc tới đâu thấy sáng tỏ tới đó. Đến đây, rõ ràng tôi biết mình có duyên tu thiền.

Ngày xưa, vì thấy việc này hơi thần thoại, do đó tôi không dám kể với quý vị, chỉ đơn độc thực hành thôi. Khi thực hành thấy kết quả tốt, tôi đem hết sách thiền ra đọc và dịch để tặng ni, Phật tử có tài liệu tham khảo. Từ đó tôi biết rõ đường lối tu thiền. Như vậy tôi tu thiền không có thầy, chỉ nhờ duyên đánh thức qua hình ảnh hồi xưa, đó là một lý do. Cho nên những Phật sự ngày nay tôi làm được, không phải là chuyện ngẫu nhiên mà do túc duyên từ thuở nào. Khi đọc kinh Pháp Hoa, tôi càng thấy rõ hơn, không một đức Phật nào thành Phật chỉ trong một đời. Một đời thành Phật là đời chót, chứ không phải tu một đời.

Chúng ta tu từ những đời trước, đã tạo được duyên lành nên qua đời này tuy không gặp thiện tri thức chỉ dạy, song nhân một cơ duyên nào đó mình cũng thức tỉnh được. Trong đời này số Phật tử tôi giáo hóa đông đảo, đương nhiên đã gieo duyên nhiều đời lắm rồi, chứ không phải một đời. Hiểu rõ như thế tôi biết chắc không phải một đời này mình đủ tài đủ đức giáo hóa như vậy. Từ những đời trước chúng ta đã gieo duyên với nhau rồi, nên đời nay gặp lại đông đảo thế này. Lý luận hồi nhân quả của đạo Phật không bao giờ sai chạy. Chúng ta đã gieo nhân thế nào thì sẽ gặt quả thế ấy, không bao giờ mất.

Cho nên trên đường tu chúng ta đừng nghĩ rằng chỉ một đời này mình tu thôi. Những người xuất gia thọ giới tu hành được kha khá đều có duyên từ nhiều đời trước, nên đời này tiếp tục tu nữa. Vì vậy làm được việc gì, tất cả công đức chúng ta tạo ra, gốc đều từ

duyên lành đời trước chứ không phải chỉ trong đời này. Nghĩ như vậy rồi chúng ta không có lý do gì để tự cao, ngạo mạn mình là người tài giỏi. Nên biết rằng đây là chúng ta tiếp tục con đường mình đã đi trong nhiều đời, và còn nhiều đời nữa phải tiếp tục, chứ không phải ngang đây là dứt. Đó là lý do thứ nhất mà đời tu này của tôi có được những việc bất ngờ.

Lý do thứ hai tôi muốn nhắc cho tăng ni, Phật tử biết việc làm đạt được kết quả tốt là do lòng chân thành của chúng ta. Tôi lo cho Phật pháp, lo cho tăng ni, chỉ một bề làm sao cho tăng ni tu được, học được, làm sao cho tất cả Phật tử đến với mình phát tâm Bồ-đề ngày càng rộng lớn, chứ không bao giờ nghĩ lợi dụng Phật tử để làm việc riêng cho mình. Muốn cho Phật tử đến chùa mỗi ngày đều được lợi ích, được thấm nhuần chánh pháp. Muốn cho tăng ni mỗi ngày tu đều, đi sâu trong đạo đức, thấy suốt được lời dạy của Phật tổ. Cả đời tôi chỉ lo cho tăng ni, Phật tử tu. Có lẽ vì tâm đó mà Phật tử ủng hộ, giúp đỡ tôi không tiếc công, tiếc của. Tôi chưa kêu gọi quý vị đã hưởng ứng, tôi chưa khuyên bảo tiếp giúp quý vị đã sẵn sàng gánh vác những công tác tôi muốn làm hay đang làm. Đó là điều chư tăng, chư ni nên ghi nhớ muốn làm Phật sự được, chúng ta đừng bao giờ nghĩ đến danh đến lợi, mong mọi người quý kính mình. Chúng ta làm là vì người sau, vì muốn cho chánh pháp ngày càng sáng tỏ, bủa khắp các nơi. Không phải nghĩ tới bản thân mình hoặc nghĩ tới thân nhân mình mà làm Phật sự. Lòng chân thật ấy là lý do thứ hai mà tôi có được những sự việc bất ngờ.

Điều thứ ba tôi muốn nhắc nhở cho tăng ni nhớ thật kỹ, chúng ta làm Phật sự phải đúng nghĩa Phật sự, vì muốn cho tất cả chúng sanh hiểu Phật pháp, chứ không nên làm Phật sự mà trá hình bởi cái này, cái nọ. Vì muốn chúng sanh thức tỉnh, giác ngộ được lẽ thật nên chúng ta làm Phật sự, chứ không vì cầu cạnh điều gì, không vì lời khen, không vì những quyền lợi nhỏ lớn nào đó mà làm. Chỉ một bề lo cho tăng ni, Phật tử làm sao thức tỉnh, làm sao giác ngộ để đánh tan mê lầm muôn đời của mình, lần lần tiến lên, chứ không nên mong một điều gì khác. Vì vậy tôi mong toàn thể chư tăng, chư ni, quý vị đã hy sinh cả cuộc đời, bỏ tất cả thân quyến để vào đạo tu hành, phải làm sao đời tu của mình thật xứng đáng, là một con người giác ngộ thật sự để dìu dắt, chỉ dạy những người sau. Chúng ta là những người mang lại tình thương cho nhân loại bằng cách đánh thức họ, đừng để chúng sanh mê lầm gây tạo tội lỗi khổ đau. Do đó không nên vì một lý do nào mà tăng ni xao lãng việc tu hành của mình. Đó là điều hết sức thiết yếu.

Đời này tôi làm Phật sự được kết quả tốt đẹp, nhiều người tán thán không phải do tài của tôi trong một đời, mà là cộng lại quá khứ chúng tôi đã gieo trồng duyên lành với Phật pháp nhiều đời. Đời này tiếp tục nên việc làm dễ dàng có kết quả tốt đẹp, đồng thời cũng do tâm chân thành, một lòng vì chánh pháp, chứ không vì lý do nào khác. Trên bước đường tu, dù chúng ta có giác ngộ cũng chỉ giác ngộ phần nào thôi, chưa phải giác ngộ hoàn toàn. Ví như người thấy núi, đứng dưới chân núi

vẫn chưa gọi là đã lên đỉnh núi. Quá trình leo lên tới đỉnh còn trải qua bao nhiêu công phu nữa. Chúng ta đừng lầm khi thấy cái gì hay hoặc tu được kết quả tốt rồi khoe mình thế này, thế nọ. Đó là tổn phước, tổn đức. Phải thấy đường đi của mình còn dài, dù hiện giờ chúng ta biết được đường đi, nhưng chỉ là người đứng ở đầu đường, chưa phải đến được cuối đường. Biết được như vậy, lúc nào cũng là lúc chúng ta phải tu, không nên nói rằng mình làm được nhiều việc rồi, bây giờ thanh thoi ăn chơi tự tại. Đó là điều không tốt.

Thật tình chúng ta tiến được năm mươi bước thì phải thấy rằng đây là những chặng đầu, chưa phải là chặng cuối. Cho nên những bước sau càng mạnh mẽ cố gắng hơn nữa, đừng ngỡ rằng chúng ta đã tiến một hai bước rồi hài lòng, tự mãn, chết chìm trong đó, không tốt. Bởi vậy sau bao nhiêu năm lo dạy tăng ni, Phật tử tôi cũng cố gắng tu nhưng sự tu bị giới hạn. Như hôm nay giảng, buổi tối ngồi thiền nhớ câu nào hay hoặc đề tài nào đúng mình lôi ra để mai giảng, bị những thứ ấy lôi đi nhưng vẫn phải chịu thôi. Ngày nào cũng thế, tự nhiên công phu của mình hao hụt rất nhiều, vì vậy việc tu thiệt thòi. Do đó tôi muốn có được một thời gian trọn vẹn để yên ổn tu hành.

Tôi nhớ lại nhiều thầy đồng tuổi với mình đã từ già cõi đời lâu rồi. Gần nhất là thầy Tịnh Viên ở chùa Linh Sơn – Vũng Tàu. Kế đó là thầy Huỳnh Kim ở Sài Gòn đã đi mất hai ba năm nay. Thầy Thiên Định học chung một lớp với tôi cũng đã đi được hai ba năm

và nhiều thầy nữa đã đi. Không những quý thầy đồng tuổi với tôi, mà các thầy nhỏ tuổi hơn tôi như thầy Thiện Châu cũng đi, thầy Huyền Vi thì đang bệnh. Tất cả quý thầy kẻ đi trước người đi sau, đi lần mòn, riêng tôi còn sót lại. Đó có phải là điều hạnh phúc không? Chính vì còn sót lại nên tôi mới lo nhiều. Ngày nay mình còn ở đây phải làm gì chứ, không thể chần chờ được. Sanh tử đã chực sẵn, chỉ cần một cái sơ sẩy là mất mạng liền, không thể chần chờ được nữa. Bởi vậy tôi phải từ giả tăng ni để ngồi yên nỗ lực tu hành. Ngày nào còn sáng, còn tỉnh, còn mạnh thì ngày đó tôi làm việc cho mình, để khi hết cuộc đời con đường đi của tôi được gần hơn một chút. Hay nói một cách cụ thể hơn, ngày ra đi tôi được tỉnh táo, sáng suốt để tăng ni, Phật tử tăng trưởng lòng tin. Nếu không như thế thì tôi chịu trách nhiệm lãnh đạo tăng ni, Phật tử tu hành mà không để lại được niềm tin nơi quý vị thì thật đáng buồn!

Các thiên sư khi ra đi rất là thanh thoát, trước khi đi các ngài còn làm những bài kệ khuyên nhắc đệ tử. Bây giờ nếu tôi ra đi một cách mê muội tối tăm thì chắc rằng lòng tin của Phật tử phải suy giảm. Do đó tôi tu vừa để lợi ích cho bản thân, vừa để làm gương cho những người sau noi theo. Vì lý do đó nên tôi cố gắng tu chứ không phải tu để được ai khen hết. Bởi vì tu là việc của mình, lo cho mình, làm cho mình. Chính mình làm được cho mình mới có thể khuyên nhắc mọi người cùng làm theo. Bản thân mình làm không được mà khuyên người ta làm thì làm cái gì? Mình đứng một chỗ mà xúi người ta đi thì ai đi được? Điều đó không thiết thực.

Tôi muốn trên đường tu của mình, từ khi mới bắt đầu cho đến phút cuối cùng, lúc nào cũng nỗ lực, cũng tinh tấn đi cho hết con đường. Dù biết rằng đường rất dài, tới khúc nào đó ta cũng kiệt lực, nhưng phút kiệt lực chúng ta vẫn là người đang đi, chứ không nên ngã quy hay lặn xuống giếng. Được như vậy mới xứng đáng, mới không hổ thẹn mình là người có trách nhiệm lãnh đạo tăng ni, Phật tử tu hành. Do vậy lúc nào tôi cũng tha thiết, cũng muốn làm cho xong phần mình, rồi sau mới kêu gọi anh em cùng làm. Trọng trách này rất là nặng nề.

Hôm nay nhân ngày quý vị tổ chức mừng thượng thọ của tôi, đây là điều mừng hay buồn? Nếu nói theo tôi thì mừng, vì tôi còn sống để lo tu. Thêm được ngày nào là quý ngày ấy, những năm về trước tôi quá nhiều việc nên chạy ra ngoài nhiều, bây giờ ngày nào cũng là ngày của tôi. Sống thêm một tháng là được một tháng, một năm là tốt một năm, được năm bảy năm thì càng tốt hơn, tùy duyên. Biết rằng cái chết lúc nào cũng chực sẵn, chúng ta không ai tránh khỏi, nhưng đi muộn thì mình có thời gian để tu, đó là duyên phúc lành. Vì vậy tuổi cao tôi không sợ, chỉ sợ ngày ra đi mê mờ không biết gì. Thế nên những ai chân thành tu đều phải thấy, phải biết lẽ này để chúng ta dồn sức tu hành. Tuổi càng lớn sự tu càng nhật hơn, càng nỗ lực hơn. Không thể nói Thầy già rồi để Thầy chơi, còn mấy đứa nhỏ ráng tu. Mình là người đi trước thì lúc nào cũng phải đi và đi rất mạnh mẽ cho người đi sau nương theo. Đó là trách nhiệm tôi tự thấy, tự gánh vác, tự đặt cho mình, chứ không ai bắt buộc tôi cả.

Những năm còn lại là những năm rất đủ cho tôi làm bốn phận của mình, không phải là những năm thừa để nhàn hạ. Đó là điều tôi muốn nói cho toàn thể tăng ni biết, các đệ tử sau tôi cũng theo gương đó dành dụm những ngày chót của mình, nỗ lực tu hành thật nhiều, đừng để phí tổn thời gian vô ích. Cuộc đời tu của chúng ta có mấy chục năm chứ không dài, nếu để phí tổn như vậy thì thật là thiệt thòi lớn!

Tôi đem bản thân mình nhắc nhở cho tất cả chư tăng ni, Phật tử hiểu rõ để tu hành, chứ không nói những chuyện gì xa. Mong quý vị nhìn theo tôi, cố gắng tu để đời tu của mình xứng đáng, không hổ thẹn là một người xuất gia tu hạnh giải thoát, mà cuối cùng mình đi trong con đường mê.

Cầu mong tất cả tăng ni, Phật tử đều là những người tỉnh giác, đi đúng đường cho tới ngày nào đạt được kết quả cuối đường là giác ngộ giải thoát.



PHẬT PHÁP TẠI THẾ GIAN
PHẦN III

GIẢI NGHĨ VỀ NHÂN QUẢ

Úc Châu – 1996

Nhân năm 1994, tôi có sang Pháp, gặp một số Phật tử ở Úc cũng sang Pháp. Khi đó quý Phật tử có nhã ý mời tôi qua Úc để thăm tặng ni và Phật tử bên ấy. Tôi đã hoan hỷ nhận lời. Vì vậy năm nay tôi sang đây, trước hết thăm quý hòa thượng, quý thượng tọa, quý thầy cô, sau thăm tất cả quý Phật tử.

Người Việt Nam chúng ta dù ở trong nước hay ngoài nước cũng cùng một dân tộc, nên hãy luôn thương yêu giúp đỡ nhau cùng tiến tu. Phật tử Việt Nam có chung một chí hướng tu hành, lấy đạo đức làm nền tảng. Vì vậy những vị đã quy y với chúng tôi hoặc chưa biết chúng tôi, đều nên tạo cơ hội thăm viếng nhau để nhắc nhở tu hành.

Hôm nay là buổi đầu tiên gặp tất cả quý vị, trước hết tôi chúc mừng tặng ni cũng như Phật tử được

khỏe mạnh an vui, luôn luôn tinh tấn tu hành để làm sáng tỏ Phật pháp nơi xứ người, giữ được nền tảng đạo đức cho người Việt của chúng ta. Kế đến tôi sẽ giảng một thời pháp. Sau thời giảng có những nghi vấn gì quý Phật tử hỏi, chúng tôi theo khả năng của mình, trong phạm vi đạo lý sẽ trả lời cho quý Phật tử hiểu thêm Phật pháp, vững lòng tin tu hành không còn nghi ngờ nữa. Đề tài hôm nay là Giải Nghi Về Nhân Quả, chứ không phải giảng về nhân quả.

Một số người đặt câu hỏi thế này: “Người tu Phật có thể thay đổi được quả khổ của đời mình không?” Vì đa số Phật tử nghĩ mình tu thì bao nhiêu tội lỗi trước, những điều mình làm đau khổ cho người, đều do công đức tu hành mà tan biến hết. Nếu thay đổi được thì có trái với câu nhân nào quả nấy không? Trong kinh kể đức Phật tu hành đã thành Phật mà còn bị nạn kim thương, mã mạch, tức là vẫn thọ quả báo như thường. Nạn kim thương là chân ngài bị mũi kiếm đâm lủng. Nạn mã mạch là ngài phải ăn lúa ngựa hết ba tháng. Phật nói rõ lý do tại ngày xưa ngài đã từng gieo nhân khổ cho người nên bây giờ tuy đã thành Phật nhưng cũng vẫn phải trả quả cũ. Đệ tử lớn của ngài là Mục-kiền-liên nổi tiếng thần thông đệ nhất, khi già đi khát thực bị một số ngoại đạo vây đánh như tử. Lúc bị đánh ngài không dùng thần thông vì muốn trả hết nợ cũ, sau đó đau nặng rồi tịch luôn. Nếu các ngài tu chứng A-la-hán rồi, lẽ ra quả ngày xưa phải tiêu hết, tại sao vẫn phải trả?

Do đó các thầy Tỳ-kheo thắc mắc hỏi Phật về việc này. Phật giải thích do trước ngài đã tạo nhân giết hại nên ngày nay phải bị quả như vậy. Qua những câu trả lời đó chúng ta nghĩ sao? Nhân đã tạo phải chịu quả với những người chưa chứng đạo thì được, nhưng với các vị đã chứng đạo thì có người thắc mắc.

Hoặc như trường hợp vua Kế-tân nghe lời ngoại đạo hại tổ Sư Tử. Ông cầm cây gươm tới trước Tổ hỏi: “Ngài bảo thân năm uẩn đều không, vậy cho tôi cái đầu được không?”, ngài trả lời: “Thân năm uẩn đã không, xá gì cái đầu.” Thế là ông chặt đầu Tổ. Như vậy để nói rằng trước ngài đã có ân oán với nhà vua trong nhiều đời, nên đến đời này ngài phải trả. Tới tổ Huệ Khả ở Trung Hoa, sau khi đắc đạo truyền bá một thời gian, ngài gặp Tăng Xán truyền y bát rồi nói: “Ta còn một chút nợ phải trả.” Ngài đi tới xứ đó giảng đạo, có người tâu với tri phủ ngài nói tà thuyết, gây rối loạn quần chúng, tri phủ liền bắt nốt ngài cho tới chết luôn.

Chúng ta thấy từ Phật là vị tu hành đã hoàn toàn viên mãn rồi, đến ngài Mục-kiền-liên đã chứng A-la-hán, tới các tổ cũng phải trả oan khiên đời trước. Vậy nói tu hành có thể thay đổi được nhân quả đúng không? Đa số nói không được, nếu đổi không được thì người ta đặt nghi vấn, như vậy tu hành để làm gì? Đó là những nghi vấn đối với lý nhân quả thật khó hiểu. Vì vậy hôm nay tôi phải giải những nghi vấn ấy để tất cả quý Phật tử hiểu rõ, không còn ngờ vực thì trên đường tu mới tiến, đạt được lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Trong đạo Phật nói nhân quả là nói tới sự chuyển biến luôn trôi chảy không dừng. Cho nên từ nhân đến quả có thể thay đổi tùy theo sự chuyển biến ấy. Hoặc thay đổi ở chiều này, hoặc thay đổi ở chiều nọ, chứ không cố định. Nếu ai nghĩ nhân nào quả nấy cố định thì không đúng lẽ thật, phải thấy rằng nhân quả tùy duyên, tùy điều kiện thuận nghịch, nó luôn luôn chuyển biến. Đã là chuyển biến tức nhiên phải đổi thay chứ không thể nào nguyên vẹn trước sau như một đực, phải xác nhận nhân quả cho rõ.

Chúng tôi dùng một ví dụ để quý vị thấy dòng chuyển biến của nhân quả. Nhân là hạt hay cái ban đầu, quả là trái hay cái chót. Ví dụ như chúng ta đem gieo một hạt bắp xuống đất, từ hạt bắp đó nếu đủ đất, đủ nước, đủ ánh nắng, nó sẽ chuyển lần lần thành mầm bắp. Từ mầm bắp chuyển lần lần thành cây bắp con, từ cây bắp con chuyển lần lần thành cây bắp lớn. Từ cây bắp lớn dần dần có trái. Như vậy một dòng chuyển biến từ một hạt nhỏ lần lần thành cây, rồi có quả có trái và cuối cùng rụi mất. Chúng ta thấy nó có dừng ở một chặng nào không? Từ nhân tới quả là một dòng chuyển biến không ngừng. Chúng ta có thể nói hạt bắp nhất định sẽ có trái bắp ăn không? Không hẳn. Có hạt bắp mà không xuống đất, không được nước, ánh nắng, được săn sóc thì nó không có trái bắp. Có hạt bắp là có nhân, nhân đó có thể thành tựu được quả mà cũng có thể không thành tựu được quả.

Phật pháp có cái nhìn hết sức thực. Nhìn đời, nhìn đạo, nhìn tất cả hành động của chúng ta, đều là

một dòng thay đổi từ nhân tới quả. Trong khi thay đổi, nó còn có những nhân phụ trợ là nhân thuận để giúp thành hình hoặc nhân nghịch làm cho tiêu tan. Như có hạt bắp gieo xuống đất rồi, nhưng phải là đất tốt, được nước tưới đều thì hạt bắp mới nảy mầm. Khi nảy mầm rồi chúng ta phải săn sóc, bón phân, xem chừng sâu rầy có phá hay không, ta tạo duyên tốt để cây bắp tăng trưởng đều mới đạt được kết quả tốt. Nếu chúng ta để hạt bắp xuống rồi bỏ luôn, không tưới nước, không bón phân, không chăm sóc kỹ lưỡng thì cây bắp sẽ khô khan rồi chết, chứ không thành trái bắp được. Như vậy có nhân chưa khẳng định được sẽ có quả, còn những điều kiện phụ trợ nữa. Phụ trợ thuận thì tăng trưởng có kết quả. Ngược lại phụ trợ nghịch thì tiêu mòn hư mất. Đó là điều hết sức tế nhị, nếu không hiểu quý vị sẽ dễ thối tâm trên đường tu.

Nhiều Phật tử tin gieo nhân nào được quả nấy, thấy ai nghèo đói ủng hộ giúp đỡ, sẵn sàng giúp đỡ những khó khổ của mọi người. Nhưng lâu lâu quý vị gặp một tai nạn xảy ra thì buồn trách “tôi làm lành, tại sao lại gặp quả xấu?” Điều này cần phải dè dặt, nếu gặp cảnh xấu không làm lành nữa, chúng ta sẽ thối Bồ-đề tâm thì không có cơ hội thành tựu giác ngộ giải thoát.

Ngày xưa tôi có viết một bài đăng báo Từ Quang, tên là “Nhân hoa quả cỏ”. Sở dĩ tôi viết bài này vì lúc tôi bị bệnh phổi phải lên Phương Bối am của thầy Nhất Hạnh ở để trị bệnh và dưỡng bệnh. Lên đó tôi thích trồng một ít hoa chung quanh thất, nên có vài ni cô

trên Đà Lạt tới thăm, mấy cô mua giùm một ít hạt hoa xuống cho. Tôi xới một thửa đất theo đúng quy tắc của người làm vườn, rải hạt hoa xuống, mỗi ngày tưới đều đều. Tôi đinh ninh trong bụng chừng nửa tháng hạt hoa lên đầy hết. Đúng vậy, nửa tháng sau tôi thấy lấm tấm thiệt nhiều, tôi mừng quá. Tới chừng nó lên cao một chút nhìn lại toàn là cỏ không, chẳng có cây hoa nào. Tôi ngạc nhiên, đi quanh luống hoa xem xét kỹ lưỡng, mới phát hiện ra mấy con kiến đi thành làn giống như đường xe chạy. Chúng lội tứ tung trong mấy luống hoa và ăn hết hạt hoa của tôi. Chừng đó tôi mới vỡ lẽ ra rằng mình ươm hạt hoa, tưới tắm đều đặn nhưng quên chăm sóc ngừa kiến, cho nên kiến tha hạt hoa đi hết, chừa lại hạt cỏ thôi. Mình cứ tưới, rớt cuộc hoa đâu không thấy, chỉ thấy toàn là cỏ. Nhân đó tôi viết bài “Nhân hoa quả cỏ”. Đó là sự thật tôi đã chiêm nghiệm.

Sự thật đó đã làm cho tôi nghĩ ngợi nhiều. Ngày xưa đi giảng, Phật tử thắc mắc tại sao con làm lành mà cứ gặp tai nạn? Một Phật tử kể hai vợ chồng nọ có vài đứa con, làm ăn tương đối khá. Khi ông anh chồng vô, không biết tại sao hai ông bà chết hết, chỉ còn lại hai đứa con. Người thím dâu thấy thương đem về nuôi. Đó là nhân tốt. Bà nuôi lớn lên, cho đi học đàn ông, nhưng tới khi hai cháu ra trường, nó đối xử với bà rất lạnh nhạt. Bà buồn nên gặp chúng tôi, hỏi tại sao con làm tốt mà quả trả lại xấu? Tôi không trả lời được. Lúc ấy mới kêu mấy đứa nhỏ lại hỏi “sao thím tốt với tụi con mà tụi con lại xử sự như vậy?” Chúng trả lời thế này: “Buổi đầu thím thật tốt với chúng con, chúng con mang ơn lắm.

Nhưng thưa Thầy, mỗi lần làm việc trong nhà, nặng là phần tụi con, còn nhẹ là phần mấy em. Khi đi coi hát thím cho em con mười ngàn, còn tụi con có năm ngàn.” Chúng kể ra đủ thứ chuyện đối xử không công bằng của người thím dâu. Tôi thấy nhân tốt ban đầu nếu chúng ta không khéo giữ gìn, nó sẽ mất. Đứa nhỏ biết nhưng khi còn yếu thế phải nương nhờ thì nó chịu, khi đủ khả năng tách ra rồi, nó lơ là vì cách đối xử của người thím không trọn vẹn thủy chung. Tốt ở ban đầu mà khoảng giữa không tốt, giống hệt như tôi trồng hoa vậy. Có lý do chứ không phải ngẫu nhiên.

Chúng ta thấy rằng, đối với nhân quả nếu chỉ nhìn sơ qua thì không bao giờ thấy tường tận. Như người thím nếu thấy kỹ hành động của mình chắc không trách cháu. Cũng như tôi không thấy kiến nên khi cỏ lên tôi ngạc nhiên. Nếu tôi thấy kiến bò vô, tôi sẽ không ngạc nhiên. Có nhân mà không khéo bảo vệ, gìn giữ, giúp nó tăng trưởng thì quả sẽ mất, không nhất định thành quả. Nhân chúng ta đã gieo rồi, từ đó nó là một dòng chuyển biến liên tục. Trong dòng chuyển biến liên tục ấy chia ra hai phần: một phần chuyển biến theo sự tăng trưởng, một phần chuyển biến theo sự hư hoại. Cái gì giúp cho nó chuyển biến để tăng trưởng, nhà Phật gọi là thuận nhân hay thuận duyên. Ví dụ như hạt bắp có đủ đất tốt, có nước, có nắng cũng như sự săn sóc, sâu bọ v.v... đó là thuận nhân giúp nó tăng trưởng. Nếu thuận nhân đủ thì bảo đảm hạt bắp sẽ tiến triển thành cây bắp, cho ra quả bắp. Ngược lại, nó không có đủ các thuận nhân thì sẽ bị sâu bọ ăn hoặc thiếu nước, thiếu nắng... mà chết. Nên tuy có nhân hạt bắp mà quả bắp không bao giờ có.

Hiểu như vậy quý Phật tử phăng ra, sẽ tìm thấy được ý nghĩa của sự tu hành. Sự tu hành của chúng ta cũng là một dòng chuyển biến. Tại sao? Vì chúng ta tu là tu ba nghiệp của mình, tu ở thân, ở miệng, ở ý. Thân khẩu ý chúng ta luôn luôn khéo tu. Ví dụ Phật tử phát nguyện quy y Tam bảo, gìn giữ năm giới, đó là gieo nhân tốt rồi. Nhưng từ khi quy y, quý vị cứ nghĩ mình đã quy y Tam bảo, đã thành người hiền lành, không chịu tu sửa, đình ninh rằng mình quy y rồi, nhất định Phật đón về Cực lạc, đó là sai lầm.

Nhiều Phật tử nghĩ rằng quy y là cốt sống được mạnh khỏe an vui, chết được theo Phật. Nhưng trên thực tế, quý vị quy y rồi có mạnh khỏe luôn không, nhắm mắt được theo Phật không? Như vậy quy y chỉ là nhân thôi. Từ đó cho tới ngày trăm tuổi là một dòng chuyển biến. Phật tử quy y là nhân lành, từ đó về sau thân miệng ý luôn luôn nghĩ lành, làm lành, nói lành thì nhân lành mới tăng trưởng. Ngược lại chúng ta được nhân lành mà nói dữ, nghĩ xấu, làm ác, thì nhân lành đó không tồn tại. Như vậy đừng tự mãn mình quy y rồi là mọi việc tốt lành, được như ý. Đừng bao giờ nghĩ như vậy.

Chúng ta mới gieo nhân, còn phải tạo thuận duyên giúp đỡ cho nhân tăng trưởng. Đó là ý nghĩa của sự tu. Người cứ tự mãn quy y là xong việc thì chưa biết tu. Tôi nhắc thêm, nhiều vị có con hai ba tuổi, đem vô chùa quy y để nó mạnh giỏi. Quy y với ý niệm cho con mạnh giỏi, chứ không phải cho con tu. Do đó nên nhiều chùa có tập tục nuôi con nít. Thầy lên bàn Phật nhất là bàn thờ đức Quan Âm, để một miếng vải đỏ đội trên đầu,

tụng chú thuật chi đó, kế thầy xé miếng vải nhỏ cột cho thằng bé. Như vậy bảo đảm nó mạnh giỏi. Thành thử ý nghĩa quy y để tu hành không còn nữa.

Chúng ta tu Phật, nên biết nhân quả là một giáo lý căn bản của đạo Phật, không thể nào hiểu lơ là hay sơ sài, mà phải hiểu cho tường tận mới khỏi những ngờ vực. Như Phật tử hồi trước làm điều xấu ác, bây giờ tu rồi có thể chuyển đổi được quả xấu do mình làm trước kia không? Tôi khẳng định rằng nếu chúng ta tu chân chánh có thể chuyển đổi được, còn hết hay không thì tùy, chứ có chuyển đổi. Tôi nói như vậy để quý vị hiểu rõ, không phải hồi xưa mình làm cho người khác khổ trăm phần, bây giờ tu suốt đời cũng bị trả quả khổ trăm phần như xưa. Như vậy tu làm gì? Cho nên nhất định phải có thay đổi nhưng thay đổi thế nào, đó là vấn đề khác.

Ở đây để tường tận hơn, chúng tôi chỉ cho quý vị thấy ý nghĩa nhân quả mà lâu nay chúng ta chỉ hiểu một chiều. Ví dụ có người làm được việc lành, cứ nghĩ mình làm lành cho ai đó, mai kia sẽ được quả lành trở lại. Nhưng nếu quả lành không đến, vị ấy đâm ra thối tâm. Như vậy là chưa hiểu hết lý nhân quả.

Trong nhà Phật nói nhân quả có hai trường hợp: một là tạo nhân tốt được quả tốt, hai là tạo nhân tốt nhưng không được quả tốt. Tại sao vậy? Ví dụ hồi xưa mình đã cư xử với người đó rất xấu, bây giờ thấy họ khó khăn mình giúp. Hồi xưa xấu trăm phần trăm, bây giờ giúp mới bốn năm chục phần trăm, mà nghĩ đã có ơn với người ta rồi. Khi thấy họ không thêm biết ơn, lúc đó mình tức tại sao giúp đỡ như vậy mà không biết ơn?

Nhưng so với quá khứ mình xấu, cái tội cũ trả chưa đủ mà bây giờ đòi ơn, làm sao chấp nhận được? Cho nên tuy giúp mà người kia vẫn chưa thỏa mãn. Nếu hiểu được nhân quả chúng ta chỉ cười thôi, giận làm chi. Ngược lại có những người mình giúp họ một chút thôi, mà họ rất biết ơn, rất nhớ mình. Vì ta không nợ họ, nên giúp một chút họ cũng thấy mình tốt. Hiểu vậy, khi giúp ai ít mà người đó nhớ ơn, muốn tìm cách đền đáp lại, chúng ta biết mình với người đó chưa có nợ nần cũ. Còn người mình lo thôi là lo mà họ vẫn không thèm biết ơn, cũng không có gì trách, cười thôi. Hiểu được nhân quả như vậy quý Phật tử mới yên lòng tu. Nếu không nắm rõ lý nhân quả, chúng ta nhìn cuộc đời rất bực bội.

Phật tử nào tu hành khá, khi tạo nhân liền được hưởng quả. Như quý thầy quý cô hoặc Phật tử giúp ai, không nghĩ họ phải trả ơn mình. Thấy người khổ cứ giúp, khả năng tới đâu giúp tới đó, miễn họ bớt khổ là mình mừng, họ vui mình vui, như thế đủ rồi, không mong cầu chi hết. Như vậy nhân mình tạo ra là giúp người bớt khổ, được vui. Thấy người vui mình vui theo, đó là gieo nhân gặt quả liền. Nhân quả có ngay hiện đời, không trông đợi xa xôi. Cả ngày mình giúp người này vui, người nọ vui. Họ vui bao nhiêu mình vui bấy nhiêu. Rõ ràng tạo nhân liền có quả. Nếu chúng ta trông chờ đền đáp, nhiều khi người ta đáp không như mình mong muốn thì dễ bực bội, hờn trách. Chỉ cần thấy người ta hết khổ được vui, mình vui theo đó là quả tốt rồi.

Bởi vậy Bồ-tát giúp tất cả chúng sanh mà không chán. Vì chúng sanh hết khổ được vui thì Bồ-tát vui rồi,

đâu có chờ đợi. Còn chúng ta giúp chúng sanh dễ chán lắm. Tại sao? Tại mình giúp ai thì muốn người ta biết ơn và đền ơn lại. Nếu họ không biết ơn đền ơn thì mình buồn, không muốn giúp nữa. Bồ-tát thấy chúng sanh đang đói, đưa miếng bánh mì cho họ ăn. Ăn xong họ cười là Bồ-tát vui rồi, khỏi cần nghĩ gì. Như vậy hai thái độ tạo nhân quả khác nhau, một cái mong có sự thù đáp, một cái không mong sự thù đáp dẫn tới hai kết quả khác nhau. Nhân quả không mong sự thù đáp là nhân quả của người biết đạo sâu xa. Tạo nhân quả như thế mới là lẽ chánh của người tu Phật.

Nhân quả cũng có hai cách chuyển biến. Thứ nhất là chuyển biến do tác động bên ngoài. Thứ hai là chuyển biến do nội tâm. Ví dụ như hồi xưa mình ở địa vị cao, có những người phụ giúp mình ở địa vị thấp. Bấy giờ ta không nghĩ tới cái khổ của người dưới, nên hiếp đáp làm họ khổ. Vì họ ở dưới nên mình làm khổ, họ không dám nói, không dám tỏ thái độ oán hờn, nhưng trong lòng ôm ấp một trăm phần trăm oán hờn. Tới lúc nào đó thay đổi, họ có địa vị cao hơn mình, bấy giờ họ sẽ khởi niệm trả thù mình. Nhưng rất may, khi đó mình thức tỉnh học đạo và biết tu. Nhờ thế mình hiểu được luật nhân quả nên vui vẻ đón nhận những quả khổ do mình đã tạo ra lúc trước, không than van oán hờn người ta. Đó là một cách chuyển nhân quả.

Quý vị Phật tử tụng kinh Bát-nhã “chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách” là thấy thân năm uẩn không thật, liền vượt qua tất cả khổ ách. Thân năm uẩn không thật thì lời khinh chê, chửi mắng

cũng không thật. Hồi xưa mình khinh bỉ chửi mắng người ta một trăm phần trăm, bây giờ họ tìm tới trả thù, cũng khinh bỉ chửi mắng mình một trăm phần trăm. Nếu hiểu đạo, thấy thân năm uẩn không thật, khi bị chửi mắng mình thù giận hay cười? Cười. Ngày xưa bị mình hành phạt họ khổ sở, bây giờ họ hành phạt mình cười không khổ, như vậy trả hay không trả? Trả hay không trả, không thể nói khẳng định được. Nếu không trả tại sao họ chửi mắng, hành phạt mình? Họ chửi mắng hành phạt mình là trả thù rồi. Đối với người kia họ thấy trả, nhưng đối với mình không thấy trả gì hết. Khi mê mình nói họ con bò, họ giận quá chừng. Bây giờ mình tỉnh, họ nói mình con bò, mình cười vì biết người ấy nói bậy. Như vậy là trả mà như không trả gì hết.

Người thế gian chịu mê hay chịu tỉnh? Chịu mê. Bởi vậy Phật nói chúng sanh đáng thương. Tất cả chúng ta đau khổ là vì mê lầm. Từ mê lầm cứ liên miên chịu khổ những chuyện không đáng giận, không đáng buồn, không đáng khổ. Nếu tỉnh nghe người ta nói những lời sai lời bậy mình cười thôi, có gì buồn có gì khổ.

Nhiều Phật tử nói, mình quấy họ chửi nhện được, mình không quấy họ chửi làm sao nhện? Tôi sẽ trả lời mình không từng quấy mà họ chửi, mình thương họ tại vì họ điên, không hiểu gì hết mới chửi như thế. Mình làm quấy người ta chửi, mình nhận để sửa. Mình không từng làm quấy, họ chửi mình thương họ. Như vậy có tu chưa? Tu. Học đạo là học tỉnh giác, chứ đừng mê. Phật tử tuy học Phật mà gặp mấy cảnh trái nghịch chịu mê hơn chịu tỉnh. Đó là điều đáng thương.

Trường hợp thứ hai, nếu ngày xưa mình làm người ta khổ nhiều, lẽ ra bây giờ họ có cơ hội trả thù lại nghĩa là làm khổ mình. Nhưng trong thời gian khổ họ đến với đạo và biết tu. Nhờ thế họ thấy nếu trả qua trả lại thì tất cả oán hờn cứ chồng chất không bao giờ hết. Hiểu vậy rồi họ liền hỷ xả, bỏ hết. Hồi xưa mình làm họ khổ, bây giờ có đủ cơ hội nhưng họ vẫn không làm mình khổ, đó là do họ biết tu. Tâm của người nhận oán hờn biết tu thì quả cũng bớt cho người gây oán hờn.

Chúng ta biết tu thì ai thù oán ta tha thứ hỷ xả. Ai tạo nhân khổ cho mình, ta không trả lại. Cũng như mình biết tu dù người khác muốn đến trả quả xấu, mình cũng vẫn an lành tự tại. Như vậy sự tu chuyển biến cả tâm hồn của người tạo quả và người trả quả, hai bên đều chuyển biến tốt. Ngược lại, nếu hai bên không biết tu thì trả đủ, hồi xưa vay một trăm phần trăm, ngày nay trả tới hai trăm, tại vì nó lớn theo thời gian, cũng như cho vay có lãi vậy. Như thế vay vay trả trả không cùng.

Cho nên Phật dạy tu là phải hiểu thấu đáo đạo lý để gỡ bỏ những oán hờn, đau khổ. Chúng ta được an vui, người khác mới an vui. Tu là đem lợi lạc lại cho bản thân và mọi người. Nếu không biết tu, chúng ta cứ gay cán người này người kia, vay trả trả vay, kiếp kiếp đời đời sống trong oán hờn thù hận, không bao giờ hết khổ đau. Đó là ý nghĩa nhân quả.

Trường hợp khác, nhân quả có thể tiêu giảm mà không do nội tâm của người hoặc của ta. Như ngày xưa mình hung dữ, xử sự với một kẻ khác tàn nhẫn,

bây giờ họ có thể lực muốn trả thù lại. Nhưng từ khi chúng ta thức tỉnh biết tu, làm lành, giúp người này người nọ, chung quanh ai cũng thương, cũng quý. Người kia tới trả thù, thì hàng xóm liền khuyên can vì thấy mình hiền tốt. Nhờ nhiều người khuyên can, kẻ kia giận mười cũng giảm còn năm bảy thôi. Đó cũng là nhân quả chuyển biến theo chiều giảm bớt. Nhờ tu quả khổ của chúng ta giảm, cho nên nhân quả luôn đổi thay, không cố định. Có khi đổi thay chiều thuận, có khi đổi thay chiều nghịch. Đứng về mặt nhân quả, chúng ta tin chắc nhân nào dù xấu mấy, nhưng nếu chúng ta cố gắng chuyển đổi nó cũng đổi thay đôi phần.

Như ngài Mục-kiền-liên bị người ta đánh cho tới chết, ngài nhớ đời trước đã từng hại họ, bây giờ họ trả thù. Ngài chịu đòn để trả hết mối nợ cũ, được giải thoát sanh tử, lúc đó ngài buồn giận hay vẫn thản nhiên? Vẫn thản nhiên, đau mà không tức, không buồn vì biết đây là chuyển chót trả cho rồi. Như vậy trả nợ đối với ngài là chuyện vui, trả mà không khổ. Như tổ Huệ Khả khi bị nhốt trong khám, ngài nói còn chút nợ phải trả chuyển này cho rồi.

Quý Phật tử vay nợ của ai năm mười năm, tới bây giờ còn chút ít, nếu có tiền nên trả hay để thiếu nợ? Có tiền trả phứt cho rảnh tay. Cho nên đem tiền trả vui chứ không buồn giận. Vì vậy tổ Sư Tử nói thân năm uẩn này không thật sá gì cái đầu. Đối với các ngài nợ cứ trả, cười trả chứ không khổ như chúng ta. Càng học đạo quý Phật tử thấy càng vui. Bởi vì tất cả những gì đến, chúng ta thấy tường tận rồi cười, không buồn phiền.

Người chưa hiểu đạo khổ đủ thứ, người ta nói hơn mình một tiếng là chịu không nổi, bị lấn lướt một chút chịu không nổi, bị khinh một chút chịu cũng không nổi. Cái gì cũng chịu không nổi hết, riết cả lồng ngực chứa đầy oán hờn thành ra bệnh tim, gần chết khổ sở vô cùng. Bây giờ hiểu rồi chúng ta nhìn mọi thứ chỉ cười thôi. Quý vị thấy chúng ta giận ai chứa trong lòng, mỗi khi đang ngủ ngon giấc, giật mình thức dậy nhớ lại chuyện oán thù thì ngủ không được nữa. Cứ trằn trọc nhớ sao họ làm như vậy, lăn qua trở lại mất ngủ, rồi mất ăn, đó là nhân của bệnh. Hiểu rồi mình cười thôi, cái gì qua cho qua luôn, hơi đâu phiền giận. Như vậy chúng ta thản nhiên tự tại, sống trong cuộc đời rất vui. Tu là như vậy, chứ không phải quy y để được mạnh giỏi.

Nhiều Phật tử hiểu lầm tu là mọi tai nạn qua hết. Làm sao qua hết được. Tu là tu, còn chuyện hờn oán do mình gây ra từ trước, người ta vẫn hờn oán. Ngày xưa mình làm cho người đó khổ quá, họ giận mình. Bây giờ biết tu thì tâm mình an ổn thanh tịnh, nhưng người kia đâu có hết giận. Mai một gặp mình, họ xả ra một lần cho đã giận, nếu chúng ta biết tu thấy những việc ấy không có giá trị, chỉ đáng thương thôi thì mình không khổ. Như vậy mình sẵn sàng trả nợ, nhưng trả một cách nhẹ nhàng thanh thoi.

Tôi thường nói cuộc đời này đã dành sẵn cho chúng ta rất nhiều điều bất như ý. Muốn được an ổn chúng ta phải khéo tu, chỉ khéo tu mới thoát khỏi những điều đau khổ khi gặp bất như ý, chứ đừng có cầu nguyện.

Phật tử hay cầu nguyện quá, cầu nguyện cho con hết phiền não, cho tai qua nạn khỏi. Cầu nguyện như vậy có được không? Nhiều khi tôi xấu hổ vì chỗ này. Phật tử tin tưởng, ai cũng muốn gửi tên cho thầy cầu an, mà thầy bệnh phải đi bác sĩ, không tự làm an cho mình được. Thành ra tôi rất xấu hổ không đủ sức làm cho Phật tử an. Tôi chỉ dạy giáo lý cho Phật tử hiểu, rồi tự quý vị giải cho mình an, mình tỉnh, chứ cầu an chưa chắc được an. Chừng nào suốt ngày suốt tháng suốt năm tôi không bệnh, không bất như ý tôi mới dám cầu an cho Phật tử. Chứ quý thầy còn bệnh, còn gặp những việc bất như ý thì cầu cho quý Phật tử khó quá. Đó là lẽ thật, mà lẽ thật nói ra đôi khi méch lòng một chút.

Cho nên tôi xin nhắc cho quý Phật tử nhớ, chúng ta đã tu là phải tỉnh giác, thấy được lẽ thật, thấy được chân lý. Hiểu được lẽ thật rồi, mọi khó khăn chúng ta giải quyết một cách hết sức dễ dàng. Ngày xưa người ta hay nói do oan trái mới làm vợ chồng, cha con, mẹ con, anh chị em... oan trái trong thù hận hay thương yêu. Những đứa con trái nghịch cha mẹ lại thương nhiều, còn mấy đứa hiếu thảo lại thương ít. Đó cũng là nhân quả, bởi vì thương mới trả hết nợ, còn ghét trả không hết. Cha mẹ phải thương những đứa con nghịch, đuổi không đành để trả, trả chừng nào hết không đuổi nó cũng đi. Còn những đứa con có hiếu là nợ cha mẹ, nên nó phải trả, nhiều khi cha mẹ không ngó ngang tới nữa. Bởi vì nếu nó trả mà cha mẹ cứ sẵn sóc trở lại nhiều quá thì chừng nào hết nợ? Cho nên người nào trả mà cha mẹ không ngó ngang nên mừng, như vậy mau hết nợ.

Hiểu thế, gặp hoàn cảnh nghịch làm chúng ta đau khổ mình cũng cười, nợ thì phải trả không oán trách ai hết. Người có tâm tu hành là đã có nhân lành, quý Phật tử biết đến chùa, nghe quý thầy giảng là điều hết sức tốt. Bởi có sẵn nhân lành nên ngày nay tìm tới chỗ lành. Như vậy từ đây về sau quý vị phải khéo tạo những trợ nhân tốt để duyên lành của mình mãi mãi liên tục không dứt. Có thế quý Phật tử mới sống cuộc đời an vui tự tại, được nhiều điều tốt đẹp. Cho nên khéo tu là điều hết sức hệ trọng, chúng ta cần phải thực hành triệt để, chứ không thể nói suông. Càng tu càng hết khổ, càng tu càng tăng trưởng niềm vui, tăng trưởng sự an lạc. Ai tu không được như vậy là tu chưa đúng với Phật pháp.

Để kết thúc, tôi nhắc quý Phật tử ráng tạo duyên tốt, làm tăng trưởng nhân lành của mình. Làm sao mỗi năm quý vị mỗi tỉnh giác sáng suốt, để trở thành người Phật tử chân chánh, sống cuộc đời an vui hạnh phúc, tự tại trong thế gian nhiều buồn khổ này.



KHỔ VUI QUA MẮT KẺ MÊ NGƯỜI TỈNH

Ở thế gian có những sự việc xảy ra, người mê lấy làm vui thích, người tỉnh không tán thán. Ngược lại có những việc người mê cho là khổ, người tỉnh lại vui vẻ thực hành. Chúng ta tu Phật cần phải biết rõ vì sao như thế.

Cuộc sống giữa đời này ai cũng sợ khổ cầu vui, thế nên ta phải sống làm sao để lúc nào cũng vui. Trước tiên tôi nói niềm vui của người thế tục. Ví như kẻ mắc bệnh ghiền thuốc hay ghiền rượu, khi không có tiền hút thuốc hoặc uống rượu, có ai cho điếu thuốc hoặc ly rượu, họ vui sướng vô cùng, thấy như có niềm vui lớn đến với mình. Nhờ uống rượu mà được thỏa mãn cơn ghiền nên họ cảm thấy vui sướng. Đó là niềm vui của người ghiền thuốc, ghiền rượu. Song, với người không ghiền rượu thấy gia cảnh người ghiền rượu, ghiền thuốc nghèo thiếu, hoặc thấy những người giàu có hạp năm hạp bảy chề chén

say sưa cả ngày, họ cho đó là khổ. Kẻ ghiền dụ như người mê, kẻ không ghiền dụ như người tỉnh.

Đồng một sự việc mà người mê và người tỉnh thấy khác nhau. Cái vui của người mê, người tỉnh thấy khổ. Tại sao? Vì người mê chỉ biết tham cầu thỏa mãn sở thích nhất thời, mà không thấy nhân đau khổ về sau. Người tỉnh khi thấy một nhóm người tụ năm họp bảy chè chén say sưa, hao tiền tốn của thì cho là nhân gây đau khổ. Chi phí cho tiệc rượu đó, gia đình có thể sống trong năm ba ngày, bây giờ họ phải ra sức làm việc gấp năm ba lần mới đủ cung cấp tiền cho gia đình. Đó là cái khổ vất vả về thân. Còn khổ về tâm, nếu người có gia đình rủ bạn bè ngồi quán rượu chè chén hết tiền, về nhà bị vợ cắn nhằn gây gổ. Đó là chưa nói đến người uống rượu say mèm, đi nghiêng tới ngã lui, về nhà nằm ụa mửa hôi hám, làm dơ bẩn nhà cửa, vợ con chê chán, cha mẹ buồn phiền. Uống rượu lâu ngày sanh ra bệnh hoạn như đau dạ dày, xơ gan, viêm thực quản... đó là nỗi khổ về sau. Vui của người mê là vui trá hình của đau khổ, nên người tỉnh thấy khổ, đó là thấy đúng lẽ thật. Chúng ta biết tu là tỉnh, nhờ tỉnh mới thấy những nỗi khổ mà người thế gian tưởng là vui, từ đó biết tránh. Đó là nói về vui khổ của người tỉnh kẻ mê đối với thuốc và rượu.

Kế tiếp là vui và khổ của kẻ mê người tỉnh đối với việc ghiền xì-ke á phiện. Người nhiều tiền lắm của, hay những chàng trai trẻ bất đắc chí muốn tìm quên trong khoái lạc nên hút á phiện. Lúc đầu hút năm ba điếu thấy sáng khoái lâng lâng như người thoát tục

nên rất thích thú, về sau tìm hút hoài. Đó là vui của người hút á phiện. Hút nhiều lần nên ghiền, ngày nào không thuốc hút thì ụa ngáp oằn oại trong cơn ghiền. Lâu ngày hao mòn sức khỏe, thân thể gầy ốm bệnh hoạn, sống dở, chết dở. Đó là chưa nói đến hao tiền tốn của, tán gia bại sản, vô gia cư, vô nghề nghiệp... vô cùng khổ sở. Cách nay vài năm có một chú thanh niên trên hai mươi tuổi, không biết từ đâu đến trước cổng chùa xin ăn, thân thể gầy ốm trơ xương. Hỏi ra mới biết chú ghiền á phiện, phá của, cha mẹ không cho ở nhà, đuổi đi, nên sống lang thang nay đâu đường mai cuối ngõ để xin tiền. Xin được chút ít tiền thì mua á phiện hút hoặc chích cho đỡ ghiền, bữa nào xin không được tiền thì nằm ra đó thật là đau khổ. Kẻ mê lầm tưởng hút á phiện là vui nên lao vào. Khi ghiền rồi bị cha mẹ, vợ con, anh em bỏ, sống dở, chết dở thật đau khổ. Người tỉnh sáng biết á phiện gây cho người hút khoái cảm buổi đầu, nhưng đó chính là nhân đau khổ về sau như thân tàn ma dại, tán gia bại sản, trộm cắp của người, cha mẹ, anh em từ bỏ, bạn bè xa lánh... Vì vậy người tỉnh tránh ngay từ buổi đầu nên không có quả khổ. Đó là khổ vui của kẻ mê người tỉnh đối với á phiện.

Sau đây là vui khổ của việc làm không lương thiện. Máy đứa trẻ mười ba mười lăm tuổi bắt cá lia thia, bắt dế nhốt chung cho chúng đá lộn với nhau. Con này rượt con kia chạy chúng vỗ tay reo cười. Hoặc có nhiều người nuôi gà nòi, gà tre, ngày ngày cạo chuốt cựa gà cho bén để đi đá nhau. Khi đá nhau, cựa con gà này chích vào thịt con gà kia chảy máu, con gà kia chạy, con gà này rượt theo... họ vỗ tay vui cười.

Lại nữa, có những chú thanh niên mười lăm, mười bảy tuổi dùng ná hoặc súng nhỏ vào vườn vào rừng tìm thú để bắn. Trên cành cây, chim trống chim mái đang đậu rửa lông, hoặc kêu hót rất dễ thương. Thế mà mấy chú vươn ná hoặc súng nhắm bắn. Một con chim bị thương té nhào xuống đất, các chú xúm lại vỗ tay vui mừng. Đoạn mạng sống của chúng sanh là hành động xấu. Làm việc ác xấu mà lấy làm vui thì thật là nhẫn tâm. Chẳng những người bắn vui mà những người chung quanh cũng vỗ tay vui hùn nữa. Vui trên sự chết chóc của loài vật, thật quá ác! Từ thái độ xem thường mạng sống của loài vật, lần lần sẽ xem thường mạng sống của loài người, sẽ đi đến giết người. Đó là cái vui của tâm tàn nhẫn thiếu đạo đức, lấy nỗi khổ chúng sanh làm niềm vui của mình.

Có những người đi coi đấu võ đài, hai võ sĩ quần thảo với nhau đến hồi quyết liệt, võ sĩ này đánh võ sĩ kia, ở dưới khán giả vỗ tay hoan nghênh. Tôi có quen một vài võ sĩ, có lần tôi hỏi họ: “Tại sao nữ xuống tay hại người ta ngã đơ ván như vậy? Có lợi gì cho mình mà làm như thế?” Vị ấy trả lời: “Thưa Thầy, khán giả độc lắm, lên khán đài mà đánh nhẹ nhàng với nhau, họ cho rằng mình đánh cùi nên phản đối. Nếu đánh thẳng tay thì đối phương phải ngã gục. Khi thấy có người bị hạ, họ mới vỗ tay hoan nghênh reo cười.” Chúng ta thấy, người mê vui trên nỗi khổ của loài thú như đê gà và nỗi khổ con người. Võ sĩ biểu diễn tài nghệ qua thuật đánh nhẹ, người ta không thích, họ muốn đấm đá nhau đến gục ngã mới vui.

Lại có nhiều người tham lam thấy người ta đeo vòng vàng liền giật lấy, đem về nhà vợ chồng con cái vui cười hỷ hả, trong khi người bị mất buồn khổ. Hoặc những kẻ trộm, lén đào ngạch khoét vách lấy trộm của người, đem về nhà cùng vợ con ăn tiêu vui vẻ, không hề nhớ tới cái khổ của người mất của. Khổ chủ khổ nhiều chừng nào thì kẻ trộm vui chừng ấy. Từ chỗ quen tay lén lấy trộm của người, lần đến cướp của giết người không gớm tay, miễn thỏa mãn thú vui của mình là làm. Cái vui đó quá tàn ác, không chút lương tâm... Thế mà ở thế gian này có lắm người làm như vậy!

Đó là những kẻ mê, do mê nên mới đặt cái vui trên nỗi khổ của người khác. Người tỉnh không bao giờ vui trên khổ đau của kẻ khác. Chúng ta là người tu thì phải tỉnh để tránh mọi hành động, mọi vui chơi gây phương hại, đau khổ đến người vật. Là Phật tử chúng ta phải đặt niềm vui của người trên niềm vui của mình, làm cho người vui mình mới vui, không bao giờ làm khổ người. Những cái vui trên là làm khổ vật, khổ người để mua vui cho mình, đó là cái vui phi đạo đức, cái vui của kẻ mê, không phải vui của người tỉnh.

Lại có những người chạy theo sắc dục, lấy đó làm vui. Chẳng hạn một chú thanh niên, cùng một lúc giao tiếp với năm bảy cô gái và được các cô ái mộ, chú lấy làm vui thích, tự hào mình tài hoa được nhiều người yêu thương. Nhưng chú không ngờ cái vui đó là vui trên nỗi khổ. Khổ vì thân xác hao mòn, khổ vì tâm thần rối rắm... Nhiều người đã có gia đình lại còn lười thôi, nay thay chồng mai đổi vợ, lấy đó làm vui. Họ không ngờ

mỗi lần đổi thay là mỗi lần đau khổ, con cái đứa thiếu cha đứa thiếu mẹ, bơ vơ khốn khổ. Niềm vui ích kỷ của cha hoặc mẹ làm cho con cái khổ sở, khốn đốn. Vậy mà người làm cha mẹ không bao giờ nghĩ đến, cứ sống theo thú vui riêng của mình.

Lại có những người có máu cờ bạc, lấy sự đánh bạc làm vui. Khi được thì đem tiền về sắm sửa ăn mặc, thết đãi bà con bạn bè, lúc đó lấy làm vui vẻ thích thú. Nhưng khi thua lại buồn khổ. Khổ vì hết tiền nghèo nàn đói rách, nhà cửa tan hoang, nợ nần bủa vây, nay người này đòi, mai người kia đòi, đòi mà không có tiền trả thì bị mắng chửi nặng lời. Cờ bạc ăn thì ít mà thua thì nhiều, nên khổ nhiều hơn vui, nhà Phật gọi vui trên đau khổ.

Với người biết tu nên tránh xa những thú vui vừa kể, vui với những hạnh nghiệp lương thiện, phù hợp đạo lý, vui mà không làm phiền khổ ai cả. Ví dụ mỗi tháng người Phật tử nguyện ăn chay hai ngày, hoặc sáu ngày, mười ngày... Thoạt nhìn thấy ăn chay là khổ, vì không được ăn uống tự do, phải hạn chế thức ăn, ăn không ngon miệng, mau đói... Song, đối với người biết tu, ăn chay được lấy làm vui, vì không giết hại sinh vật để bồi bổ cho xác thịt của mình. Một ngày không giết hại là một ngày không làm khổ chúng sanh. Một ngày không làm khổ chúng sanh là một ngày an vui. Vui của người ăn chay là vui tránh khổ cho loài vật, nhờ vậy mà lòng từ tăng trưởng. Ăn chay là tránh sát sanh, không làm tổn hại sanh mạng loài vật nên vui. Chứ không phải hôm nay ngày chay, nhiều người cứ ăn thịt cá,

nên cá thịt rẻ, quý vị ra chợ mua cá đem về bỏ trong hũ rộng, để mai một ăn cho đỡ tốn kém. Nếu tính như vậy là ích kỷ quá, chưa thật vui. Chúng ta phải thấy rằng ăn chay cốt không làm tổn hại sanh mạng chúng sanh, tránh được tội lỗi, làm được điều tốt, tiết dục không ham muốn nhiều. Ít muốn thì an vui.

Kinh A-hàm, Phật dạy người tu “ly dục sanh hỷ lạc” thì chứng Sơ thiên. Do lìa (ly) ngũ dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tài, sắc, danh, thực, thùy thì sanh hỷ lạc. Hỷ lạc là vui, do lìa ngũ dục được vui, chứ không phải thọ ngũ dục mà vui. Đó là tôi kể sơ qua những cái vui của người biết tu và cái vui của người không biết tu. Người không biết tu vui trên nỗi khổ của kẻ khác hoặc của loài vật. Người biết tu vui khi tránh được điều ác, không làm tổn hại người vật, làm được việc thiện lợi mình lợi người. Thế nên người tu vui thoát tục, vượt khỏi cái vui tầm thường của kẻ thế gian.

Có những thanh niên trẻ tuổi, sống với niềm vui thoát tục, xa lìa ngũ dục, ăn chay tu tỉnh thì bị những người thọ hưởng ngũ dục, phê bình châm biếm cho là ngu dại, không biết thụ hưởng thú vui ở đời. Chúng ta nghiệm xét lại người uống rượu, hút á phiện, cờ bạc... và người không uống rượu, không hút á phiện, không cờ bạc, ai khôn ai ngu? Uống rượu, hút á phiện, cờ bạc sẽ đưa đến nghèo đói, bệnh hoạn, nhà tan cửa nát... Người dùng nó không thấy hậu quả việc làm của mình, cứ chạy theo thị hiếu, thỏa mãn lòng tham muốn, cuối cùng tự chuốc khổ họa vào thân thì không phải người trí.

Người trí biết cờ bạc, rượu chè, hút sách... là nhân đưa đến nghèo đói, bệnh hoạn, khổ đau nên tránh, tự thân không bị khổ và không làm phiền lụy người khác, đó mới là người khôn.

Kinh A-hàm, Phật dạy: “Sắc, thanh, hương, vị, xúc, tất cả những pháp này khả lạc, khả hỷ, khả ý. Khi nào chúng hiện hữu, thế giới của chư thiên xem chúng là khả lạc, khi chúng bị hoại diệt mới thấy chúng là khổ. Bậc thánh thấy là lạc khi có thân đoạn diệt, đây hoàn toàn trái ngược với điều mọi người được thấy. Điều người khác gọi lạc, bậc thánh gọi là khổ, điều người khác gọi khổ, bậc thánh biết là lạc.” Ở đây Phật dạy người đời khi được những món ngũ dục, sắc, thanh, hương, vị, xúc thì cảm thấy vừa ý cho là vui. Chẳng những người đời, mà cả chư thiên cũng thấy như thế. Người trời thấy ngũ dục là vui nhưng khi chúng bị hoại diệt, tức là khi chúng mất đi mới thấy khổ. Còn bậc thánh vui, khi nơi thân này đoạn diệt tham trước ngũ dục lạc, là cái mầm dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Cái vui khi dứt mầm sanh tử mới là vui chân thật vĩnh viễn.

Vui của bậc thánh khác với vui của phàm phu. Vui của phàm phu bậc thánh cho là khổ, vui của thánh nhân phàm phu cho là khổ. Thí dụ một tu sĩ ăn mặc đơn sơ thường tọa thiền dưới cội cây. Người nhậu nhẹt ăn chơi cho rằng sống tiết chế kham khổ như thế là ngu, không biết thụ hưởng thú vui ở đời. Ngược lại bậc thánh thấy người đời vui say ngũ dục ăn chơi trà đình tửu điếm, cho đó là mê mờ thiếu trí tuệ nên đem lòng thương xót.

Thế nên người đời phải khéo biết cái vui nào là vui chân thật trường cửu để duy trì và gìn giữ. Cái vui nào là tránh hình của khổ đau để tránh. Thấy như vậy sống như vậy là không bị mê mờ. Nhược bằng cứ chạy theo cái vui tránh hình của khổ đau, thì vui trong chốc lát mà khổ lâu dài, sống như vậy là mê mờ thiếu trí tuệ.

Sau đây tôi nêu lên những cái vui của người tỉnh. Người biết tu tỉnh khi tâm hồn bình thản thanh tịnh thì vui. Lúc ngồi dưới gốc cây, bên sườn núi, cảnh vắng vẻ, nhìn trời mây, nhìn cây cỏ hoa lá, tâm hồn thanh thản an định, cảm nhận một niềm vui tràn khắp thân tâm cảnh vật. Người tỉnh tu vui khi tâm thanh tịnh, vui trên sự thanh bình của vạn vật, không làm tổn hại bất cứ loài vật nào, không tổn hại sức khỏe, cũng không hao tiền tốn của. Người đời ở chỗ vắng vẻ thì buồn chán, thường vui ở nơi nhộn nhịp ồn náo. Ngược lại người tỉnh lại thích nơi vắng vẻ, thường vui nơi thanh vắng an nhàn.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi phá được vô minh phiền não. Giả sử có người gièm pha chỉ trích, nói lời nhạo báng Phật pháp, chúng ta mới nghe qua khởi niệm bực bội, muốn nói lại cho đã giận. Liên khi đó tỉnh giác, biết giận là phiền não mê mờ, nói lời xúc chạm gây buồn đau cho người là tội lỗi, ngang đó liền thôi, cơn giận từ từ lắng xuống. Sau đó tâm được bình an, lòng vui sướng thấy mình chiến thắng được phiền não sân giận. Nếu không thắng được cơn giận thì phát ngôn bừa bãi, nói ra những lời đau đầu nhức óc, kể nói qua người trả lại. Lúc đầu thì đấu khẩu, sau đó là đấu tay chân...

Như vậy chỉ khổ thôi, chẳng lợi ích gì. Giờ đây tự phản tỉnh, thấy rõ từng tâm niệm của mình, niệm sân vừa khởi liền biết, không chạy theo nó. Đó là tự thắng mình, thắng được phiền não sân giận. Thế là mình được an ổn và mối quan hệ giữa mình và người bình thường vui vẻ, không có chuyện buồn ghét xảy ra. Thế nên nói người biết tu, vui khi thắng được phiền não, một cơn giận một niệm buồn khởi lên, liền biết dừng ngay. Cứ thế mà tu tỉnh hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm thì sự an vui cũng hằng hữu trọn giờ, trọn ngày, trọn tháng, trọn năm... Ngược lại, hễ ai động tới là buồn giận, không phản tỉnh, không biết dừng thì buồn khổ hoài. Như vậy, phá được vô minh phiền não là gốc vui chân thật. Ngược lại để cho phiền não vô minh tăng trưởng, không điều phục nó là gốc của đau khổ. Vì vậy mà người tu phải thường xuyên phản tỉnh, chế ngự phiền não để được an vui.

Ở thế gian có nhiều người thật đáng thương, hễ ai nói hay làm điều gì trái ý thì họ nói hoặc làm trả lại bằng hoặc hơn mới vừa lòng. Họ còn hài lòng thích thú cho lời nói và việc làm của mình là hay, là khôn, là đắc thắng. Không ngờ nói làm như thế, khiến người ta buồn giận là mình đã gieo nhân bất thiện, mai kia sẽ thọ nhận quả báo khổ đau.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi làm lợi ích cho người. Ví dụ người làm việc từ thiện xã hội đem được gạo tiền, thuốc men, quần áo... đến tận vùng bão lụt, đưa tận tay cho người mắc nạn, giúp họ được no lòng, ấm thân nên thấy lòng vui sướng, vì đã làm được điều lợi ích cho người. Hoặc một ông thầy giảng dạy hướng dẫn cho

học trò học hành thông suốt giáo lý Phật, biết sống đời lương thiện, ít khổ đau thì vui, vì đã giúp cho người sáng suốt tránh được nhân đau khổ. Người tỉnh giác càng làm lợi ích cho người, càng giúp cho người sáng ra thì càng vui. Niềm vui này chân thật lâu dài.

Lại nữa, người tỉnh tu vui khi bỏ bóng nhận dầu, là niềm vui cao siêu bất tuyệt. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm đức Phật kể cho ngài A-nan nghe một ví dụ: Có anh chàng tên Diễm-nhã-đạt-đa, vào một buổi sáng nọ anh cầm gương soi mặt thấy đầu mặt hiện bóng trong gương rõ ràng. Sau đó anh úp gương lại, thấy đầu mặt trong gương không còn nữa. Anh hoảng kinh chạy cùng làng cùng xóm la: “Tôi mất đầu rồi! Tôi mất đầu rồi!” Đó là cái điên của người nhận bóng quên đầu. Bóng trong gương mất chứ đầu của anh đâu có mất, vẫn còn sờ sờ đó! Vì mê chấp bóng là đầu nên anh khổ sở điên cuồng. Người tỉnh tu biết quên bóng, nhớ đầu, khi thấy đầu mặt trong gương không còn, chợt tỉnh liền sờ lại đầu, thì đầu hãy còn đấy. Bỏ bóng nhớ đầu là niềm vui chân thật.

Trong kinh Pháp Hoa có nêu ví dụ: Gã cùng tử con ông trưởng giả giàu có, vì khờ dại bỏ nhà bỏ cha đi lang thang phiêu bạt khắp nơi, thân đói rách nghèo nàn, xin ăn hoặc làm thuê làm mướn sống qua ngày. Một hôm anh nhớ cha mẹ, quê hương, anh trở về quê cũ gặp lại cha. Ông trưởng giả nhận anh là con đẻ, ông trao cả gia sản sự nghiệp cho anh. Anh được niềm vui lớn không thể diễn tả, nên nói là niềm vui của kẻ cùng tử gặp cha.

Dụ như thế quý vị có hiểu gì không? Từ xưa đến nay, mỗi người chúng ta ai cũng có sẵn ông Phật nơi mình mà quên đi, cứ chạy theo vọng tưởng rồi tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử, từ đời này đến kiếp nọ khổ đau không cùng tận. Giờ đây biết vọng tưởng là vô thường không thật, nó dẫn mình đi trong luân hồi sanh tử khổ đau, quyết định phải trở lại sống với ông Phật của mình, thì được niềm vui bất diệt. Nên nói gã cùng tử đừng bước lãng du, trở về gặp cha giàu có sung sướng. Đó là niềm vui của gã cùng tử gặp cha.

Quý vị thấy tu là vui hay khổ? Nếu thấy tu là vui thì quý vị hãy nỗ lực cố gắng tu, để trở về cái chân thật hằng hữu, được niềm vui bất tuyệt. Ở thế gian này có ai giàu có thọ hưởng ngũ dục một cách đầy đủ mà khỏi đau bệnh, già yếu, chết chóc không? Từ ngàn xưa đến nay không ai tránh khỏi. Hưởng cái vui giàu sang sung sướng chỉ được mấy mươi năm, con người tưởng là lâu dài, cứ mãi mê đuổi bắt nó. Khi nào thoát ra khỏi cái khổ sanh tử chúng ta mới được niềm vui chân thật lâu dài. Nếu còn ở trong sanh tử, dù nhiều tiền lắm của đến đâu cũng tiêu hoại. Chỉ có người biết trở về cái chân thật, tâm hết vô minh phiền não mới thoát khỏi mọi khổ đau, được niềm vui chân thật bất diệt.

Qua những điều vừa nêu, chúng ta thấy người đời không sáng suốt lấy nỗi khổ của người làm niềm vui của mình, vui trên sự đau khổ của vạn vật. Còn người tu hành chân chánh hằng sáng suốt, không bao giờ chấp nhận vui trên sự đau khổ của người vật. Ngược lại lấy niềm vui của người làm niềm vui của mình, đem sự an vui

đến cho người vật. Tất cả chúng ta phát tâm tu là nguyện sống đời an vui bất tận, chẳng những trong đời này mà vĩnh viễn về sau. Muốn được như thế chúng ta phải làm sao? Nên nỗ lực tu hành hay lười biếng giải đãi?

Người tu hành thoát nhìn thấy như thiệt thòi khổ sở vì không thọ hưởng những vui sướng của thế gian, phải khép mình trong giới điều nghiêm nhặt để tinh tấn tu hành. Nhưng sau đó mới thấy an vui vì ít phiền não, không điên đảo rộn ràng như người đời. Người đã phát tâm tu theo đạo Phật suốt đời phải tinh tấn tu hành, chứ không thể tu một thời gian rồi ngừng nghỉ, không tu nữa. Nhất là người già phải nỗ lực tu nhiều hơn, vì cái khổ tử vong gần kề. Nếu không lo tu hành khi chết đến làm sao trở tay kịp? Thế nên người phát tâm tu chẳng những khi còn trẻ lo tu hành mà lúc già lại phải tu nhiều hơn, như thế mới có được nguồn an vui chân thật, dứt mọi khổ đau.

Tóm lại, đạo Phật là đạo diệt khổ, đem vui đến cho chúng sanh. Chính đạo Phật là chỗ nương tựa an vui chân thật, đem đến an bình muôn đời cho tất cả mọi loài.



LỄ PHẬT THÀNH ĐẠO

Thường Chiếu – 1996

Hôm nay nhân ngày Phật thành đạo, tất cả tăng ni tụ hội về chánh điện lễ kỷ niệm Phật thành đạo. Chúng tôi nhận thấy người sau đặt nặng ngày Phật đản sanh hơn ngày Phật thành đạo. Ngày Phật đản sanh tất cả chùa chiền đều tổ chức huy hoàng, còn ngày Phật thành đạo thì im lặng đơn sơ.

Lý đáng người tu chúng ta phải thấy ngày Phật thành đạo là ngày tối quan trọng. Vì nếu không thành đạo, đức Phật không thể giảng giải Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Như vậy ngày thành đạo là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời tu tập của ngài, mà cũng là ngày có ý nghĩa đối với muôn loài. Đó là ngày đức Phật từ một con người thế gian trở thành xuất thế gian, từ con người mê thành con người giác. Vì vậy chúng tôi cho rằng ngày này hết sức trọng đại.

Hôm nay tôi lược kể một vài nét đặc biệt trong đời tu của đức Phật, để tất cả chúng ta nhớ và ý thức rõ đường tu của mình. Vấn đề quan trọng chúng ta cần phải nắm vững, Phật thành đạo là thành cái gì? Chúng ta cứ lạy Phật thành đạo mà không biết thành cái gì, như thế là không hiểu gì về ý nghĩa thành đạo cả.

Phật thành đạo là kết quả bất nguồn từ nguyên nhân ban đầu là ngài đi xuất gia. Chúng ta thử tìm hiểu nguyên nhân gì đức Phật đi xuất gia, tu hành như thế nào được thành đạo, khi thành đạo là thành cái gì? Đó là ba chặng đường quan trọng mà tất cả tăng ni Phật tử cần phải nắm thật vững, rồi tự xét lại mình có những điều kiện đó không. Nếu thiếu điều nào chúng ta ráng bổ túc cho đầy đủ như đức Phật, để cũng có ngày mình thành đạo.

Trước tiên nói về nguyên nhân hay động cơ thúc đẩy Thái tử đi tu. Như chúng ta đã biết, khi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết của chúng sanh, ngài giác ngộ và quyết tâm đi xuất gia. Gần đây nhiều người cho rằng già bệnh chết là tướng khổ dễ thấy, còn sanh khổ thì khó hiểu quá. Nếu bảo sanh khổ vì ra khỏi lòng mẹ khóc oa oa, thì lúc đó biết gì mà nói khổ? Thật ra cái khổ ở đây không phải chỉ có thế.

Chúng ta nhớ lại có lần đức Phật theo vua cha đi xem lễ hạ điền. Nhìn thấy những luống cày của người nông phu, trùng đế văng lên chim đập xuống ăn. Nỗi khổ của chúng sanh là sự sống của loài này là sự chết của loài khác. Sự sống của loài này một ngày là sự chết

của bao nhiêu loài khác. Như vậy có phải chúng sanh sống trong đau khổ không?

Nhìn lại con người, quý vị thấy lúc chưa đi tu, mỗi ngày có chừng bao nhiêu con vật hy sinh để cho mình được no khỏe. Như đêm hôm ngồi thiền, tôi nghe tiếng lợn la khi bị đâm họng, ngày nay người ta có được những miếng ăn ngon thì đêm hôm có bao nhiêu con lợn phải hy sinh! Rõ ràng sự sống của con này phải thay bằng mạng sống của loài khác. Bởi vậy nên nói sanh khổ là chuyện không chối cãi được.

Sau khi Thái tử nhìn thấy cảnh sanh già bệnh chết rồi, ngài cảm nhận mạng sống của con người quá tạm bợ quá mỏng manh, lại đầy đau khổ nên ngài quyết chí đi tu, tìm phương pháp giải quyết nỗi khổ của kiếp người. Như vậy đức Phật đi tu không phải là một sự ngẫu nhiên, mà có động cơ có sức mạnh thúc đẩy ngài. Động cơ đó chính là nỗi khổ của con người. Chúng ta sống chìm đắm trong nỗi khổ đó mà ít ai ý thức được, cứ loanh quanh lẩn quẩn chờ sanh già bệnh chết để kết thúc một cuộc đời, không có cách nào thoát được.

Đức Phật đi tu, mục đích là tìm ra con đường để giải thoát sự sanh già bệnh chết, khổ đau triền miên của kiếp người. Không phải ngài đi tu như một sự ngẫu nhiên hay do sự ép ngặt của hoàn cảnh. Bởi mang tâm trạng và ý chí cương quyết tìm cho ra con đường thoát khổ, nên lúc nào ngài cũng liều chết, cũng sẵn sàng hy sinh, miễn tìm được con đường đó. Khi ra khỏi thành, ngài tìm những vị tiên nổi tiếng nhờ chỉ dạy đường hướng

cứu vớt chúng sanh ra khỏi sanh tử. Nhưng các vị tiên mỗi người dạy mỗi cách, song những cách ấy chưa giải thoát được kiếp sanh tử của con người, nên ngài không chấp nhận. Ngài từ bỏ họ và cuối cùng tự tìm kiếm con đường giải quyết sanh tử đang ôm ấp trong lòng.

Chúng ta học được nơi đức Phật một điều, đó là mục tiêu của mình nhắm tới chỗ nào mà người dạy không tới chỗ ấy, mình phải từ giã ra đi. Không phải nói đi tu cứ vô chùa, ai dạy gì nghe nấy, rốt cuộc một đời không đi tới đâu. Phật chỉ cho chúng ta thấy con đường quyết tu là con đường cứu khổ chúng sanh ra khỏi kiếp luân hồi. Phương pháp nào dù hay mấy mà không đạt được mục tiêu, ngài cũng từ giã, điều này hết sức rõ ràng.

Rốt cùng không còn ai chỉ được chỗ cứu cánh, nên ngài tự tu khổ hạnh. Ngài nghĩ trên thế gian những gì các đạo sĩ khác thực hành được, chịu khổ hạnh nổi ngài đều có thể thực hành, thử coi có thể đưa tới chỗ cứu cánh không? Qua mấy năm trời tu khổ hạnh cuối cùng ngài không đạt được mục đích. Thế là ngài từ bỏ khổ hạnh, sống một cuộc đời bình dị hơn, vừa tu vừa lấy lại sức khỏe để tìm ra con đường ngài đã mong mỏi.

Cuối cùng ngài tới cội bồ-đề tọa thiền, ngài thấy rõ khi người ta khổ đến cùng cực, thân thể kiệt quệ thì trí tuệ mờ ám, không thể tìm ra lối giải thoát được. Ngài bắt đầu thay đổi, sống cuộc sống vừa phải, không khổ hạnh cũng không buông lung, sống rất điều hòa. Quả nhiên đêm thứ bốn mươi chín ngồi dưới cội bồ-đề ngài giác ngộ.

Trình tự giác ngộ trong kinh kể là tam minh. Trong tam minh, có chỗ kể thiên nhãn minh trước, có chỗ kể túc mạng minh trước. Chúng ta nói thiên nhãn minh trước tức là đầu tiên ngài chứng Thiên nhãn minh, kế tới Túc mạng minh, sau cùng là Lưu tận minh. Ba minh này đã đáp ứng được nguyện vọng của ngài khi quyết tâm tu.

Chúng được Thiên nhãn minh ngài thấy chúng sanh từ đời này sang đời kia do nghiệp dẫn. Nếu làm lành thì nghiệp lành dẫn đi đường lành, làm ác thì nghiệp ác dẫn đi đường ác, tiếp tục sanh tử. Kinh A-hàm Phật kể, ngài thấy chúng sanh theo nghiệp luân hồi trong lục đạo giống như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy người qua kẻ lại một cách rõ ràng, không nghi ngờ. Chúng Thiên nhãn minh, ngài đã giải quyết được nghi vấn con người sau khi chết không phải hết, mà theo nghiệp dẫn sanh nơi này, nơi nọ. Nghiệp có thiện ác nên chúng sanh có sanh cõi lành, cõi dữ, thấy một cách rõ ràng.

Kế đó ngài chứng Túc mạng minh, tức là nhớ vô số kiếp về trước. Kinh A-hàm kể, khi tâm yên tịnh trong sáng, ngài hướng về quá khứ liền nhớ vô số kiếp về trước, từng sanh ở đâu, làm nghề gì, cha mẹ tên gì... nhớ rõ ràng như nhớ việc hôm qua. Hai minh này đã giải đáp được mong mỏi của ngài, muốn tìm ra nguyên nhân nào khiến con người có mặt ở đây. Sau khi chết còn hay hết, nếu còn thì đi đâu? Tìm ra nguyên nhân rồi mới có thể tiêu diệt nó để đạt kết quả thoát khổ sanh tử.

Những quyển kinh nói về đời trước của Phật gọi là Bản Sanh, nói về đời trước của các đệ tử ngài gọi là Bản Sự. Phật thấy chúng sanh luân hồi trong lục đạo, thiện thì đi đường lành, ác thì đi đường dữ. Ngài biết rõ sau khi chết con người không mất mà theo nghiệp sanh nơi này nơi kia. Đức Phật giải thích rõ trong lục đạo luân hồi, tùy nghiệp của chúng sanh mà đến các nơi. Để thấy trong vòng sanh tử chúng ta không phải chỉ có một đời này mà có từ vô số đời trước. Khi chúng ta mất thân này không phải hết mà còn tiếp nối vô số kiếp về sau không cùng không tận, nên nhà Phật dùng từ vô thủy vô chung.

Cuối cùng đức Phật chứng được Lộ tận minh. Chũ lộ là rơi rớt, tận là hết, lộ tận là hết sạch những mầm rơi rớt trong tam giới, tức Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Ngài thấy rõ nếu ta nuôi nhân nào sẽ đi tới chỗ đó, nếu diệt hết các nguyên nhân luân hồi sẽ giải thoát, không còn bị sanh trong tam giới nữa. Phật chứng Lộ tận minh cũng như hai minh kia là do ngài ngồi thiền tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt mà được.

Khi chứng Tam minh rồi ngài tuyên bố thành Phật, tức là giác ngộ hoàn toàn, không còn kẹt trong sanh tử nữa. Sự giác ngộ này không do ai dạy cả mà nhờ công phu thiền định, tâm yên tịnh trong sáng mà ra. Bởi vậy sau khi thành Phật ngài tuyên bố “ta học đạo không có thầy”. Bởi chứng Lộ tận minh, thấy tường tận nguyên nhân dẫn đi trong sanh tử và biết rõ phương pháp dứt trừ nguyên nhân ấy nên ngài không còn mầm lôi kéo trong sanh tử nữa. Đức Phật đã đạt được sở nguyện viên mãn.

Khi ngài giác ngộ biết rõ con người từ đâu đến, chết rồi đi đâu và muốn hết sanh tử luân hồi phải tu như thế nào, nên bài thuyết pháp đầu tiên của Phật ở vườn Lộc Uyển với năm anh em Kiều-trần-như là bài Tứ đế. Chữ đế là sự thật. Trong tứ đế, hai đế đầu là khổ đế là quả và tập đế là nhân. Chữ khổ này không phải khổ theo nghĩa thông thường, mà là khổ luân hồi sanh tử. Sở dĩ chúng sanh bị quả luân hồi sanh tử không phải ngẫu nhiên, mà có nguyên nhân. Nguyên nhân là tập đế; tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... là tập nhân để đưa tới quả khổ trong luân hồi sanh tử.

Đức Phật biết rõ nhân và quả của sanh tử rồi, ngài tiến lên một bước nữa là nói nhân và quả thoát ly sanh tử, tức Đạo đế và Diệt đế. Diệt đế là quả, Đạo đế là nhân. Không ai bắt chúng ta sanh tử mà chính tham sân, si, mạn, nghi... lôi mình tạo nghiệp đi trong sanh tử. Vì vậy muốn hết sanh tử phải tiêu diệt nguyên nhân Tập đế. Muốn tiêu diệt nó phải có phương pháp, có cách thức nên Đạo đế là phương pháp đối trị các nguyên nhân sanh tử. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là ba mươi bảy phương pháp dứt trừ nhân sanh tử. Một khi dứt sạch nhân sanh tử gọi là quả Diệt đế. Diệt đế tức tên khác của Niết-bàn an lạc.

Đêm mừng tám tháng mười hai ngài thành đạo là thành cái gì? Thành tựu được tam minh lục thông, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp... Ở đây tôi chỉ nói đơn giản tam minh thôi. Sở nguyện của đức Phật là làm sao tìm ra manh mối khiến con người lăn lộn trong luân hồi sanh tử, rồi dứt trừ mầm sanh tử đó. Ngài đã đạt được

mục tiêu của mình nên gọi là thành đạo. Thành đạt được những gì ngài đã ôm ấp, trông đợi, hy sinh cả cuộc đời để tìm kiếm, nên ngày này đức Phật bừng vui, không gì vui bằng.

Ai cũng vậy, cả cuộc đời hy sinh để mong đạt được một điều gì, bỗng dưng điều ấy đến với mình thật tuyệt vời, tự nhiên phải vui mừng. Chẳng những đức Phật vui mừng mà chúng ta cũng thế, bởi vì ngài thành đạo nên sau này mới chỉ cho chúng ta con đường, phương pháp tiêu diệt mầm sanh tử, giúp chúng ta giải thoát giác ngộ như ngài. Đó là niềm vui chung, nên hôm nay nhân kỷ niệm ngày đức Phật thành đạo, chúng ta vui mừng và cố gắng thực hiện theo những gì đức Phật đã thực hiện.

Hiện tại chúng ta kiểm lại xem mình có giống đức Phật không? Nếu nói xuất gia thì ai cũng thấy đức Phật cạo bỏ râu tóc, vô rừng tu và thành đạo. Chúng ta ngày nay cũng cạo bỏ râu tóc vô chùa tu, ngoại hình hơi giống nhưng bản nguyện của quý vị trong khi đi xuất gia có giống bản nguyện của Phật không? Chắc có người giống, có người không giống. Mỗi vị mỗi lý do khác nhau khi đi tu, không phải quyết vì tìm cho ra con đường giải thoát sanh tử cho mình, cho người. Hoặc vì nguyên nhân ở đời khổ quá, chán quá vô chùa cho yên. Hoặc giả bao nhiêu người xung quanh xử sự tệ bạc với mình quá, chán vô chùa cho rồi... Tóm lại, chúng ta đi tu không phải đều giống mục đích như đức Phật.

Quý vị vào chùa rồi, nếu chưa có bản nguyện cao siêu thì bây giờ phải lập bản nguyện. Chúng ta đã đi tu

thì phải giống đức Phật chứ! Không thể tu ra sao mặc. Muốn giống đức Phật, trước phải có bản nguyện siêu thoát, tu là vì giải thoát đau khổ luân hồi của thân phận mình và chúng sanh, không phải tu để qua ngày qua tháng chờ già chết, được cái tháp tốt hơn người thế gian. Phải luôn luôn nuôi dưỡng bản nguyện trong tâm, không thể lơ là được.

Chính bản nguyện cao siêu đó giúp chúng ta giữ vững lập trường và chí nguyện tu hành. Giả sử có ngoại đạo nào muốn dạy pháp tu hay, kết quả mau chóng trong năm ba tháng, quý vị có thể xuất hồn ngao du trong cõi này cõi kia chơi, nghe vậy mình vẫn không ham. Xuất hồn đi chơi chỗ này chỗ kia, không phải là sở nguyện của người xuất gia cầu thoát ly sanh tử. Chúng ta tu hành phải tìm ra phương pháp nào dứt mầm sanh tử cho mình và dạy cho chúng sanh cùng được thoát ly sanh tử. Đi chơi đây đó, ngoài thế gian làm có tiền mua vé máy bay đi chơi cũng được vậy. Tội gì phải tu cả đời mới đi chơi được. Chẳng lẽ chúng ta vì sự du lịch mà đi tu!

Như vậy những gì không đúng sở nguyện tu hành, chúng ta không màng tới, dù nó hay nó lạ mấy, mình cũng không để ý. Đức Phật có sở nguyện chính đáng nên gặp các vị tiên dạy tu, ngài chứng được các tầng thiên cao nhất của họ, song vẫn thấy không hài lòng vì chưa giải quyết được vấn đề sanh tử. Ngài từ giã các thầy ngoại đạo, các vị ấy năn nỉ ngài ở lại sẽ nhường ngôi vị giáo chủ và đệ tử cho, Phật nhất định không ở, vì nó chưa đúng bản nguyện của ngài.

Khi thực hành khổ hạnh đến chỗ tột cùng ngài cũng mù mịt, chưa thấy được chân lý. Cuối cùng ngài từ bỏ khổ hạnh, tới ngôi thiền định dưới cội bồ-đề, chừng đó ngài khai mở tuệ giác, thành tựu viên mãn đúng sở nguyện của mình. Như vậy nhờ bản nguyện ban đầu vững vàng, trên đường tu không lệch lạc sai lầm. Bây giờ tăng ni đi tu không có bản nguyện, vô chùa tu không nghĩ phải giải thoát sanh tử, rồi đem đạo giải thoát đó chỉ dạy cho mọi người cùng giải thoát. Cứ tu lơ mơ, ai rủ rê ở đâu lạ lạ hay hay liền muốn chạy theo. Đó là vì không có bản nguyện, không chọn một con đường đi tới nơi tới chốn. Vì vậy hồi mới vào đạo tinh tấn tu hành, nhưng tu một lúc coi bộ ở chùa dễ kiếm ăn, ai rủ đi đâu được người ta trọng vọng, cúng dường nhiều liền đến, chứ không có mục đích. Vì không có mục đích nên không bao giờ đạt được sở nguyện. Đó là nói về sở nguyện mục đích ban đầu của người tu chúng ta.

Sang chặng thứ hai, muốn thành tựu sở nguyện, phải nỗ lực tinh ròng, siêng năng tinh tấn lắm mới được. Trong kinh thường nói đức Phật đã là một vị Bồ-tát, mà trên đường tu ngài hết sức cần khổ, năm năm lang thang tìm đạo trong rừng già biết bao cực khổ, sáu năm khổ hạnh cho tới chỉ còn da bọc xương và ngất xỉu v.v... Sau đó ngài thiền định dưới cội bồ-đề mới được giác ngộ. Đức Phật thành đạo phải trải qua bao nhiêu khó khăn, không phải rời khỏi cung điện đến cội bồ-đề thành đạo liền.

Chúng ta thấy không có kết quả tốt đẹp nào đến ngẫu nhiên cả, tất cả đều nhờ công phu cực khổ mới được. Bây giờ chúng ta kính phục lễ lạy Phật, đó là kết quả

ngài đã từng trả giá rất đắt trên bước đường tâm tu, không phải chuyện dễ dàng. Ngày nay chúng ta tu, ai cũng mơ ước đến ngày thành đạo, mà không muốn cực, sợ cực, làm sao cho sướng mới chịu tu, cực khổ quá thì tu chi. Thử hỏi như vậy đến bao giờ mới thành đạo? Muốn kết quả tốt, kết quả cao siêu mà không chịu cực thì làm sao có!

Ở thế gian một người học trò từ khi cắp sách đến trường cho tới đậu cử nhân hay tiến sĩ, có chịu cực không? Họ ăn no, nằm dài ngủ mà được cử nhân tiến sĩ hay phải quên ăn bỏ ngủ, cắm đầu học mới đạt được kết quả đó. Người đời muốn được kết quả tốt đẹp còn phải trả giá rất đắt, vừa tốn sức khỏe nỗ lực học, vừa tốn tiền bạc của cha mẹ. Huống nữa là vào đạo, muốn có kết quả cao siêu thế gian ít người làm được, mà lại trả giá quá rẻ, làm sao được? Ở đây tôi cho sống trong thiền viện là trả giá rẻ, bởi vì tăng ni có khổ hạnh bao giờ đâu? Ngày nào cũng ăn hai ba bữa, tối ngủ ít ra năm tiếng đồng hồ, tổng cộng ngày đêm sáu tiếng, thì đâu có đắt. Như vậy mà có người chịu không nổi muốn chạy, phải không?

Từ gương đức Phật, chúng ta nhìn lại đời mình thấy những thiếu sót, những tâm yếu đuối của mình, từ đó bồi bổ nung nấu lại ý chí, dẹp bỏ tật yếu đuối để trở thành một con người quyết chí chết sống tìm đạo, chứ không phải chuyện đơn sơ. Nếu quyết tâm như vậy tôi tin rằng ai tu cũng có kết quả tốt. Nếu không có bản nguyện, không chịu cực khổ, không quyết tâm thì dù ở chùa mười năm, hai chục năm cho tới năm sáu chục năm, cũng chỉ mang hình thức ông thầy tu, chứ không đi tới đâu hết.

Nhân ngày Phật thành đạo tôi nhắc tất cả tăng ni, Phật tử biết con đường của đức Phật đã đi, chúng ta cũng phải đi như thế. Thông thường người đời nay hay nói mình phước mỏng nghiệp dày rồi tu lơ mơ, vì vậy không bao giờ đạt được kết quả tốt đẹp. Ngày xưa đức Phật là Bồ-tát tái thế mà còn cần khổ tu hành mới thành tựu sở nguyện. Nếu Phật khổ chừng năm chục phần trăm mới đạt kết quả, thì chúng ta bây giờ phước mỏng nghiệp dày phải khổ trăm phần trăm mới có kết quả chứ. Bây giờ khổ bằng Phật mình còn không làm nổi huống nữa là hơn, cho nên quả Bồ-đề thật khó với tới.

Nếu chúng ta quyết chí nhất định một đời tìm ra cái cao siêu quý báu, thì phải chấp nhận con đường tu cay đắng, khó khăn, cương quyết vượt qua hết mọi thử thách để đạt được mục đích của mình. Một đời có mặt ở đây là rất quý, chúng ta đừng bỏ mất cơ hội này. Nếu đời này mất đời sau cũng sẽ mất, mất hoài không bao giờ chúng ta tiến được. Đời này nếu chúng ta chưa tìm ra trọn vẹn thì ít ra một phần, hai phần cái cao siêu ấy. Có thể sau này mới hy vọng tiếp tục con đường tu hành như nguyện, còn thả trôi đời này thì đời sau cũng sẽ mất. Mất mãi mãi như vậy làm sao tránh khỏi muôn kiếp luân hồi trong lục đạo.

Mong tất cả tăng ni nhớ và gắng thực hành những gì tôi nhắc nhở nhân ngày kỷ niệm đức Phật thành đạo.



MỠI BƯỚC TIẾN TU ĐỀU ĐEM LẠI AN LẠC

Tu viện Hoa Nghiêm – Hoa Kỳ – 2001

Tất cả chúng ta tu Phật, từ hàng tại gia cho tới những vị xuất gia đều muốn đạt được những lợi ích thiết thực trong cuộc sống. Vì vậy hôm nay tôi sẽ nói đề tài *Mỗi bước tiến tu đều đem lại an lạc cho mình và mọi người*.

Nhiều Phật tử tu năm mười năm, lại than tu càng lâu phiền não càng nhiều. Những lời than đó khiến mọi người ngạc nhiên. Lý đáng tu lâu thì phiền não nhẹ, sao tu lâu phiền não lại nhiều? Ấu là tại chúng ta không nắm bắt được nền tảng của sự tu hành. Vì không nắm bắt được nên trên đường tu cứ chạy theo hơn thua, phải quấy, được mất, rốt cuộc tăng trưởng phiền não. Nếu tu đúng với tinh thần Phật dạy thì không như thế, mà mỗi bước tiến tu đều là mỗi bước an lạc cho bản thân và cho mọi người.

Phật tử đến với đạo Phật đều phát nguyện quy y Tam bảo. Quy y Tam bảo được sự an lạc, vui vẻ gì mà chúng ta quy y? Đó là bước thứ nhất người vào đạo phải biết. Trong những buổi quy y, quý hòa thượng thường nhắc: “Quy y Phật rồi khỏi đọa địa ngục. Quy y Pháp rồi khỏi đọa ngạ quỷ. Quy y Tăng rồi khỏi đọa súc sanh.” Như vậy chúng ta bước chân vào đạo là đã tiến lên một bước trên đường thoát khổ. Phật dạy chúng sanh luân hồi trong lục đạo, trong lục đạo có ba đường ác và ba đường lành. Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba đường lành là người, a-tu-la và trời. Khi bước chân vào đạo Phật, quy y Tam bảo, Phật tử tu tập đúng theo lời Phật dạy sẽ tránh được ba đường ác.

Tại sao quy y Phật rồi khỏi đọa địa ngục? Vì Phật là bậc giác ngộ sáng suốt, khi Phật tử đã phát tâm quy y Phật, nguyện từ đây cho tới cuối đời, đi theo con đường Phật đi là con đường giác ngộ, sáng suốt. Địa ngục là chốn u minh tối tăm, chúng ta quy y Phật thì đang đi trên con đường sáng nên không rơi vào chỗ tối tăm. Người phát tâm quy y Phật có một định hướng tiến lên con đường giác, không tuột xuống chỗ mê lầm tối tăm nữa. Đó là ta chọn được một con đường đem lại sự an lạc cho mình.

Kế đó, quy y Pháp khỏi đọa ngạ quỷ. Ngạ quỷ là loài quỷ đói. Tại sao quy y pháp rồi khỏi đọa vào loài quỷ đói? Vì trong kinh Phật nói, đức Phật từng thấy những loài quỷ lang thang khổ sở nơi này chốn nọ, không có trụ xứ nào an ổn hết. Trong kinh A-hàm kể, một hôm ngài Mục-kiền-liên đang đi, Tôn giả liền dùng thiên nhãn

quán sát trong hư không, thấy có những chúng sanh thân hình to lớn mà bị ghẻ lở, côn trùng đục khoét nên họ phải la lên trong hư không. Thấy vậy ngài về bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, con thấy những chúng sanh khổ đang lang thang ở trong hư không.” Phật nói: “Ta cũng thấy như vậy, nhưng không nói vì nói không ai tin”, không biết thì không tin. Bởi nhìn thấy như vậy nên sau này tìm mẹ, ngài thấy mẹ đang đọa vào loài quỷ đói, lang thang khổ sở ghê lắm.

Nhưng tại sao lại sanh làm ngựa quỷ? Trong kinh Phật nói ai có tâm gian tham, bòn sẻn, hiểm độc là nhân của loài quỷ đói. Chúng ta quy y Pháp là pháp từ bi, pháp đưa đến sự giác ngộ. Tiến trên con đường từ bi giác ngộ, nhất định khỏi đọa làm loài quỷ đói lang thang. Đó là kết quả thứ hai khi quy y.

Đến thứ ba, quy y Tăng khỏi đọa làm súc sanh. Súc sanh như trâu, bò, lợn, dê, ngựa v.v... Những con đó hiện tại mắt chúng ta thấy biết được. Trong ba đường khổ chúng ta thấy được loài súc sanh, còn quỷ đói và địa ngục mắt phàm phu không thấy.

Khi quy y với Phật, Pháp, Tăng rồi chúng ta tránh được ba đường ác địa ngục, ngựa quỷ và súc sanh. Chỉ bước đầu tiến lên con đường tu, quý vị thấy đã cứu vãn cho mình khỏi rơi vào ba đường khổ, đem lại sự an vui cho bản thân. Nếu lỡ rơi xuống địa ngục khổ biết mấy hay làm loài ngựa quỷ khổ tới bậc nào. Phật tử bước vào đạo, chỉ cần phát nguyện quy y Tam bảo là đã vượt lên một bước, giảm bớt đau khổ trong những con đường hiểm nguy.

Như vậy quy y Tam bảo là việc quan trọng hay tầm thường? Rất quan trọng. Có người nào muốn xuống địa ngục đâu, vì địa ngục là chỗ đáng sợ nhất, đáng ghê gớm nhất. Không muốn tới địa ngục thì chúng ta phải theo Phật, đi đường giác ngộ sáng suốt mới không rơi vào chỗ tối. Điều này rõ ràng, không có gì phải nghi ngờ.

Quy y Pháp là pháp từ bi giác ngộ, tâm không còn bợn sền, hiểm độc thì không rơi vào loài ngựa quỷ. Quy y Tăng, Tăng là những vị tu hành thanh tịnh, Phật tử sẽ được chư tăng hướng dẫn, chỉ dạy cho biết đạo lý chân thật không còn mê lầm. Quý Phật tử được nghe phân tích rõ cái gì thiện, cái gì ác, cái gì tội, cái gì phước, cái gì tà, cái gì chánh... nên hết si mê, khỏi đọa làm súc sanh.

Bước đầu chúng ta tu là qua được ba con đường hiểm nguy. Nếu không khéo tu, ba con đường đó sẽ làm chúng ta đau khổ chẳng những năm mười năm, hai ba mươi năm, mà cả một kiếp ngựa quỷ. Làm ngựa quỷ tuổi thọ dài hơn con người. Tuổi thọ con người chưa tới một trăm tuổi, tuổi thọ ngựa quỷ cả ngàn tuổi, khổ dài đằng đẵng. Cho nên bước vào đạo, quy y chân chánh, Phật tử đã vượt qua ba ải hiểm nguy rồi. Như vậy có phải chúng ta đang đi trên con đường an lạc không? Đó là một lẽ thật, lâu nay quý vị ít quan tâm.

Sau khi quy y, chư tăng sẽ dạy Phật tử giữ năm giới. Giới thứ nhất không được sát sanh. Sát sanh đối với cư sĩ là không được giết người trong ba trường hợp: tự tay giết, dùng miệng xúi bả kẻ khác giết,

thấy nghe người ta giết mình vui mừng. Đó là phạm tội sát sanh. Giữ được giới không sát sanh, trong xã hội gặp nhau mọi người đều an ổn, không ai sợ ai cả. Chúng ta giữ giới này, khi lên phi cơ chắc ít bị xét, vì không có gì để sợ. Còn bây giờ khó khăn là tại vì có những người phạm tội sát sanh đáng sợ.

Người tu Phật không bao giờ giết người, chẳng những không giết người mà còn cứu người. Tại sao? Bởi vì người Phật tử đặt sanh mạng chúng sanh lên trên, không nỡ gây đau khổ cho chúng sanh. Tinh thần đạo Phật chú trọng tâm cao thượng, không muốn làm đau khổ ai. Tự mình không làm khổ ai, không gây tang tóc cho người, thì bản thân rất an ổn, người chung quanh cũng an ổn. Chỉ cần giữ giới không sát sanh là thiên hạ thái bình rồi.

Giới thứ hai không trộm cướp. Nếu Phật tử ở gần kẻ trộm cướp có lo không? Chắc đi đâu cũng hồi hộp. Xóm làng có người giữ giới không trộm cướp thì nhà nhà không cần đóng cửa. Bản thân kẻ trộm cướp luôn luôn lo sợ bị bắt, vì khi bị bắt họ bị đánh đập rất khổ sở. Chúng ta giữ giới không trộm cướp thì người nhẹ nhàng, thoải mái, hàng xóm láng giềng cũng thoải mái. Như vậy từng bước đi của mình đem lại an lạc cho mình, cho mọi người.

Giới thứ ba không tà dâm. Trong gia đình người chồng, người vợ không tà dâm thì vợ chồng tin tưởng, thương mến nhau. Nếu ngược lại thì sao? Gia đình đó bất hạnh, chẳng những bất hạnh cho cha mẹ,

mà cả con cái nữa. Người biết giữ giới không tà dâm, bản thân được an ổn, gia đình hòa vui mà mọi người chung quanh không sợ, không lo thói xấu ấy lây tới gia đình họ. Giữ giới thứ ba thì an ổn hạnh phúc cho mình và cho người.

Giới thứ tư không nói dối. Dối gạt mới nghe coi như nhẹ, nhưng sự thật nó là nguyên nhân dẫn tới sự tan vỡ khổ đau. Trong gia đình người vợ nói gạt người chồng, người chồng dối người vợ, con dối cha v.v... thì gia đình đó không có hạnh phúc vì không ai tin ai hết. Không tin mà sống chung còn gì khổ hơn! Sống trong gia đình không tin nhau thì ngoài xã hội có ai tin mình không? Cũng mất hết lòng tin. Như vậy sống giữa muôn triệu người mà như sống ở sa mạc, không ai tin mình. Ta nói không ai thềm nghe, không ai thềm biết, đó là gây khổ cho mình. Khi quen dối gạt, gặp ai họ cũng sợ mình dối gạt, không muốn nghe ta nói, đó là gây khổ cho người. Nên giữ được giới không nói dối, bản thân chúng ta sống hòa vui, tin yêu trong gia đình. Kế đến đem lại sự tin yêu cho xóm làng và mọi người một nguồn an lạc chung.

Giới thứ năm không uống rượu. Giới này bên nam sợ lắm. Nói tới giới thứ năm ít có ông nào dám thọ, cứ nói để dành đó. Nhưng sự thật chúng ta có một điều lầm lẫn lớn. Ở thế gian có ai muốn trí tuệ càng ngày càng mờ tối không? Người nào cũng muốn thông minh, sáng suốt. Thế mà khi uống rượu say, lúc đó trí tuệ làm sao? Quý vị thấy những người say đi ngoài đường có hơn gì

người điên đầu. Những kẻ ấy tự đánh mất cái cao quý nhất của mình là trí tuệ, có đầu lòng không! Cho nên uống rượu mạnh, uống say là làm cho trí tuệ suy sụp, tự mình làm khổ mình. Người tránh uống rượu mạnh, uống say là nuôi dưỡng trí tuệ, càng già càng thông minh sáng suốt.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, giác ngộ thì đòi hỏi trí tuệ, mà mình làm lụn bại trí tuệ thì có phải phản bội lại đạo giác ngộ không? Quý vị thấy một người uống rượu say lè nhè nói bậy, mọi người chung quanh rất phiền. Chính bản thân người đó khổ, còn làm phiền những người chung quanh khổ nữa. Ngày nay giới uống rượu phải mở rộng thêm một chút nữa. Đó là không hút á phiện, xì-ke, ma túy. Vì rượu còn nhẹ hơn á phiện, xì-ke, ma túy. Thời đức Phật chưa cấm vì không có, nhưng bây giờ có thì phải cấm thêm. Cấm thêm như vậy để đem lại sự an ổn cho cá nhân, gia đình, xã hội và đất nước.

Như vậy chỉ cần mỗi chúng ta giữ năm giới là đem lại hạnh phúc thật sự cho bản thân, cũng như láng giềng, xã hội đều được tốt đẹp. Một điều tốt đẹp lớn lao như thế mà chúng ta không quý trọng, không cố gắng thực hành, đó là một thiệt thòi. Chẳng những tốt đẹp trong hiện tại, mà còn tốt đẹp luôn cả vị lai. Người quy y Tam bảo, giữ năm giới Phật gọi đó là tu Nhân thừa Phật giáo, tức giáo lý đưa một con người tốt sang một con người tốt hơn. Phật tử từ khi quy y trở về sau giữ tròn năm giới, khi bệnh nặng sắp mất, có người hỏi anh chị chết rồi đi về đâu, quý vị trả lời tôi sẽ trở lại làm người bằng hoặc tốt hơn bây giờ.

Phật dạy giữ giới không sát sanh, đời sau tuổi thọ dài. Giữ giới không trộm cướp, đời sau sanh ra có nhiều của cải. Giữ giới không tà dâm, đời sau sanh ra đẹp đẽ trang nghiêm. Giữ giới không nói dối, đời sau sanh ra nói năng lưu loát, nói ra ai cũng quý, cũng tin. Giữ giới không uống rượu, không hút á phiện, xì-ke, ma túy, đời sau sanh ra trí tuệ sáng suốt. Năm điều đó có lợi ích thiết thực cho cuộc sống hiện tại và mai sau. Như vậy chúng ta còn tiếc gì không chịu quy y, không chịu thọ trì ngũ giới.

Tôi đặt câu hỏi, nếu Phật tử hiện đời được sống lâu, có chút ít của..., quý vị muốn đời sau bằng như vậy hay thua, hay hơn? Ai cũng muốn hơn, đâu muốn thua. Nếu chúng ta giữ giới không sát sanh thì đời sau tuổi thọ dài, nhưng không giữ giới thứ hai là không trộm cắp, thì sống dai mà nghèo, quý vị chịu không? Sống dai mà không gạo ăn thì sống làm gì. Giữ giới thứ nhất, giới thứ hai luôn mới được sống dai và có của. Nhưng giới thứ ba không giữ thì giàu có, sống dai, nhưng sanh ra mặt mày xấu xí, không ai thèm ngó, quý vị chịu không? Chắc chán chết. Như vậy giới thứ ba cũng không thể thiếu được.

Tới thứ tư nếu chúng ta không giữ giới nói dối, đời sau sanh ra câm ngọng, quý vị chịu không? Được sống dai, có của, đẹp đẽ mà nói không được hoặc nói ngọng cũng không thể được. Như vậy giới thứ tư cũng phải giữ cho kỹ, để đời sau ăn nói lưu loát, mọi người tin tưởng, mới có giá trị.

Bây giờ được bốn giới rồi, còn giới chót là giới không uống rượu, không hút á phiện, xì-ke, ma túy. Nếu chúng ta không giữ giới này thì sanh ra được sống dai, có của, đẹp đẽ, nói năng lưu loát, nhưng ngu ngốc học bài không thuộc, quý vị chịu không? Cũng không chịu. Cho nên phải giữ giới thứ năm không uống rượu, không hút á phiện, xì-ke, ma túy.

Như vậy thiếu một giới là chưa đủ tư cách làm một người tốt. Ngay đời này chúng ta giữ năm giới là giữ tư cách một con người tốt, khi nhắm mắt trở lại chúng ta càng tốt hơn. Cho nên tu là đem lại niềm an vui cho mình, mà còn mang lại lợi ích cho rất nhiều người. Vì vậy, trong đạo Phật bắt buộc Phật tử tu phải giữ năm giới. Nhiều Phật tử bây giờ đi chùa lạy Phật, chứ không chịu giữ giới. Như vậy không thể gọi là tu, không đủ tư cách trở lại làm con người.

Chặng thứ nhất, Phật tử quy y Tam bảo tránh được ba đường ác. Chặng thứ hai giữ năm giới thì thành con người tốt trong xã hội, một con người xứng đáng ở ngày mai. Phật tử làm tròn bốn phận của mình, lúc sắp nhắm mắt có sợ không? Không sợ. Bởi vì xe cũ xấu, xe mới tốt hơn thì bỏ xe cũ để được xe mới, ta sẵn sàng bỏ, có gì sợ? Không sợ chết thì có gì đau khổ. Rõ ràng chúng ta tu đem lại sự an lạc trong cuộc sống hiện tại, cho tới giờ nhắm mắt cũng được bình an, không lo, không sợ gì hết. Thân này già yếu bệnh hoạn chưa đầy đủ phước, mình tu đời sau có phước hơn, đẹp đẽ hơn, có gì lo buồn. Bỏ cái xấu được cái tốt nên vui vẻ. Người tu sống vui và chết cũng vui. Đó là nguồn an lạc thật sự mà ít ai để ý tới.

Người ta cứ nghĩ quy y, thọ giới coi bộ ràng buộc quá, nên không muốn thọ. Như bên nam không cứ uống rượu là quý vị chấp nhận đời sau ngu hơn đời này rồi! Có ai muốn điều đó không? Chắc không ai muốn điều đó. Đã không muốn tại sao chúng ta lại làm?

Cuộc sống là cả một chuỗi dài để chúng ta sắp đặt cho cuộc sống mới. Nếu không khéo sắp đặt, bỏ thân này qua thân sau chúng ta càng khổ, càng lụy hơn. Cho nên người biết tu là người thông minh, sáng suốt, biết chọn lựa con đường đi. Ngay đời này, sống chúng ta không hổ thẹn với ai, không lo sợ điều gì, chết lại càng vui tươi hơn. Tu như vậy mới thật là tu.

Nhiều Phật tử than đi chùa lâu năm mà phiền não quá! Tại vì những vị ấy không hiểu lợi ích của sự tu, cứ cố chấp giành hơn, giành thua, người này châm biếm người kia, người kia nói xấu người nọ, như vậy đâu phải tu.

Phật tử quy y Tam bảo thì tránh ba đường khổ, giữ năm giới thì được làm người tốt. Tới bước thứ ba là tu Thập thiện. Thập thiện là mười điều lành, trong kinh gọi là Thập thiện nghiệp đạo. Mười điều lành là con đường dẫn quý vị đi tới chỗ an vui. Phật tử muốn tiến từ bước thứ hai lên bước thứ ba, quý vị tu nhiều hơn về ba nghiệp. Thân không sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Miệng chẳng những không nói dối thối, mà còn nói những lời đầy đủ ý nghĩa, nói lời an vui cho mình và người. Ý không tham, không sân, không si. Tôi không dám nói không, chỉ bảo quý vị bớt tham, bớt sân, bớt si. Vì chúng ta mới bước đầu, còn tiến lên cõi trời, chứ chưa thành thánh nên nói bớt.

Như vậy tu ba nghiệp là then chốt của sự an vui hay gốc của đau khổ? Người tham sẽ được vui hay sẽ khổ? Phật dạy tham là gốc của đau khổ. Đau khổ thế nào? Trước khi muốn được việc đó đã khổ, khi được muốn giữ cho còn cũng khổ, mất rồi càng khổ hơn. Ví dụ người tham danh muốn ra ứng cử làm nghị sĩ. Trước khi vận động ứng cử có lo không? Phải chạy ngược chạy xuôi vận động cho người ta tin mình, lúc đó khổ rồi. Khi bầu cử mình lọt sổ thì khổ. Nếu được phước mình đậu, lúc đó mình vui. Nhưng vui được bao lâu? Nhiều lắm là bốn năm rồi cũng phải đổi. Lúc sửa soạn rút có buồn không? Buồn. Đó là tạm nêu một ví dụ thường, ngoài ra bao nhiêu chuyện khác nữa.

Lúc nào lòng tham cũng xúi giục con người được một đòi hai ba. Không khi nào được đầy đủ mà chúng ta cảm thấy ngang đây thỏa mãn, cứ đua đòi hoài. Bởi vậy Phật nói túi tham không đáy, đổ vô bao nhiêu cũng tuột xuống hết. Đã tham thì không lúc nào bình an, vì cứ muốn thêm nên cứ lo nghĩ. Vì vậy kinh Phật dạy: “Người ôm ấp lòng tham chẳng khác nào người khát nước mà uống nước muối.” Khát nước mà uống nước muối thì chừng nào đã khát? Nó không có ngày cùng. Nên biết tham là nhân của đau khổ.

Kế đến là nóng giận. Trong chúng ta có người nào không nóng giận? Không ai dám thừa nhận. Nóng giận tốt hay xấu? Ai cũng biết nóng giận là xấu, mà có chịu bỏ đâu. Người ta còn có những lý lẽ để bênh vực cho sự nóng giận của mình. Ví dụ ai nói hay làm gì trái,

mình nổi nóng la hét người ta. Có người thấy vậy nói anh tu chút ít rồi, sao nóng quá vậy? Mình liền bào chữa chuyện này đáng giận lắm. Ít ai nói tôi lỡ nóng nên rất hối hận, xin lỗi. Đa số bệnh vực sự nóng giận của mình, không dám sám hối, xin lỗi người khác. Không dám xin lỗi tức là chưa thừa nhận cái nóng giận của mình là sai.

Là một con người tỉnh táo sáng suốt, khi nổi nóng lên chúng ta còn sáng suốt không? Những lời trong lúc bình thường không bao giờ mình nói, lúc đó nói. Những hành động trong lúc bình thường không bao giờ mình làm, lúc đó làm. Cho nên nóng giận là một hiện tượng điên cuồng chứ không phải sáng suốt. Điên cuồng ở gia đình thì gia đình khổ, điên cuồng ngoài xã hội thì xã hội khổ. Khi nóng giận là nóng giận với người nào làm trái ý mình. Mình cho điều đó đúng mà làm khác đi thì mình nổi nóng lên. Nhưng quý vị kiểm lại những gì mình nghĩ đều là chân lý chưa? Đã chưa phải chân lý mà bắt người khác phải theo, không theo liền nổi nóng, thật vô lý! Phải chi lời nói, suy nghĩ đó là chân lý không bao giờ thay đổi, người khác không nghe thì giận, cũng còn chấp nhận được. Đảng này nó có thể thay đổi, mà bắt người ta phải nghe, không nghe nổi nóng lên. Như vậy mình tốt hay xấu, hiền lành hay độc tài? Nếu trong gia đình ông độc tài, bà độc tài thì sao? Chắc nhà đó nổi lửa hoài, không thể nào yên ổn mát mẻ được. Cho nên nóng giận là một tai hại lớn cho bản thân, cho gia đình, gây ảnh hưởng không tốt đến xã hội.

Chúng ta tu giảm bớt lòng tham, giảm bớt nóng giận, có lợi cho ai? Bản thân mình có lợi lớn. Bởi vì bớt tham thì bớt khổ, bớt nóng giận thì không có những cái nhìn độc tài. Nhờ thế gia đình và mọi người đều được an vui, hòa thuận, láng giềng cũng vui theo. Đó là mới nói tham, sân.

Kế đến là si. Hiện giờ có ai dám cả gan chỉ mặt ông kia bà này, nói anh hay chị si mê quá không? Không ai dám, vì nói như vậy chắc rằng quý vị sẽ đón nhận những nắm tay cung vào mặt. Nhưng sự thật chúng ta có si mê không? Như có một tờ giấy trắng đưa lên trước mọi người, có người nói đây là giấy đen, quý vị nói người đó si mê, giấy trắng mà nói đen. Tất cả chúng ta ai cũng phản đối người nói sai sự thật là kẻ ngu si.

Thế thì hiện tại chúng ta có thấy đúng sự thật chưa? Như ngày mừng một tết âm lịch, có người hàng xóm trang trọng lại thăm rồi chúc tết cho mình: “Chúc ông bà hết năm nay chết”, lúc đó quý vị nghĩ sao? Chắc là cung tay đánh đuổi ra khỏi nhà liền. Chúc như vậy cũng còn lương thiện hơn ông Phật. Ông Phật nói mạng người chỉ trong hơi thở, thở khi ra không hít lại là chết. Người nói sống một năm là dài mà mình còn nổi giận. Phật nói chỉ thở ra không hít vào là chết, quý vị nghĩ sao? Có buồn trách Phật không? Rõ ràng chúng ta không dám nhận ra lẽ thật. Lý đáng nghe chúc anh chị cuối năm chết cười vui vẻ. Mình sẽ cảm ơn quý vị chúc như vậy tôi mừng lắm, vì còn sống dai hơn lời Phật một chút. Đó là một lẽ thật mà lâu nay không ai dám nhận.

Một chuyện nữa. Quý vị thường ngày ăn mặc tương đối tươm tất. Nhưng đi ngang người nào nói chị hôi quá, lúc đó vui không? Chắc nổi tức lên. Người ta ăn mặc như vậy mà chê hôi. Thật tình mình cũng biết mình hôi, bởi hôi nên xúc dầu thơm cho bớt hôi. Nếu không biết hôi, sắm những thứ đó làm chi cho tốn tiền. Biết mình hôi mà người ta nói hôi không chịu, có si mê không? Nói hôi là nhẹ lắm, Phật còn nói dầy da thúi nữa kia, mình có dám giận Phật không?

Chúng ta không dám nhận lẽ thật, như vậy có phải si mê không? Hôi mà muốn người ta khen thơm, thở ra không hít vào là chết mà muốn người ta chúc sống dai. Cho nên rồi con người sống lừa bịp nhau. Như vậy mới thấy gốc si mê của con người rất sâu nặng mà họ không biết. Cứ sống với ảo giác, ảo tưởng rồi gạt nhau mãi. Từ không hiểu lẽ thật chúng ta đâm ra không vui, không bằng lòng những gì người ta nói trái với ảo tưởng của mình. Người không dám nhận lẽ thật, gọi là si mê. Sao chúng ta lại si mê như vậy? Bây giờ có ai nói chị si mê quá, mình chịu không? Nghe thế, quý vị nên nói “phải tôi còn mê lắm nhiều chuyện lắm.” Nói như vậy thì gan biết mấy. Còn nghe người ta nói si mê, nổi giận lên muốn đánh người ta, đó là càng thêm si mê.

Quý vị kiểm lại cuộc sống của chúng ta hiện giờ si mê nhiều ít? Tu theo đạo Phật, đức Phật không cho si mê. Phật dạy phải tỉnh giác, không được si mê. Nếu tỉnh giác chúng ta mới gỡ được si mê. Gỡ được si mê là thoát mọi đau khổ. Con người vì si mê mà phải chịu

đau khổ triền miên. Bây giờ muốn hết si mê phải làm sao sáng suốt, nhìn đúng như thật tất cả những sự vật chung quanh mình.

Trong kinh Phật dạy quán thân này như nhớp bất tịnh. Tại sao phải quán như nhớp bất tịnh? Bởi vì ta tưởng mình đẹp quý, tưởng mình hơn thiên hạ nên sanh tâm ngạo mạn, đắm mê theo hình dáng bên ngoài. Phật bắt chúng ta phải nhìn sâu, nhìn thật kỹ bản thân mình ra sao. Thấy đúng như thật rồi sẽ không còn ngã mạn nữa, ai chê hôi mình không giận. Thấy được lẽ thật, tất nhiên những sai lầm không còn lôi kéo chúng ta được. Vì vậy người tu nên quán thân bất tịnh để thấy đúng như thật từ con người mình cho tới mọi vật bên ngoài. Muốn thấy như vậy chúng ta phải can đảm nhìn thẳng, không nên dùng những tưởng tượng để che đậy. Khi si mê thì bao nhiêu tội lỗi, sai lầm dồn tới. Nếu hết si mê thì hết sai lầm, hết sai lầm thì hết tội lỗi.

Ví dụ biết thân là nhớp nhúa, quý vị có đòi hỏi trang sức cho đẹp, đòi hỏi mọi thứ nhu cầu quan trọng cho nó không? Không đòi hỏi thì đơn giản, nhẹ nhàng, khỏe khoắn. Còn người quá tưởng tượng thân mình đẹp quý nên đòi hỏi đủ thứ, nào việc ăn mặc cho tới trang sức, đều muốn hơn người ta. Rốt cuộc khi nhắm mắt thì sao? Lúc sống ai chê hôi nhớp giận người ta, tới chừng nhắm mắt để trong phòng năm bảy ngày không chôn, thiên hạ bịt mũi sao không giận đi? Nếu thật nó tốt đẹp, thì lúc sống thế nào, chết cũng thế ấy. Chết rồi tôi tệ như vậy, cho nên chúng ta phải thấy rõ bản chất của nó là bất tịnh.

Chúng ta thấy từng bước tu theo đạo Phật là từng bước vươn lên, tìm đến chỗ an vui, cao cả, chứ không phải tầm thường. Càng tu càng vui, càng thấy chung quanh mình đều là những người đáng thương, đáng giúp đỡ. Tại sao? Vì họ si mê quá nên mình thương, muốn giúp đỡ. Đó là nảy sanh lòng từ bi.

Trên đường tu Phật tử tiến lên từng bước, từ thọ Tam quy, giữ năm giới, tới tu Thập thiện, đó là còn tu trong vòng luân hồi. Nhưng luân hồi trong con đường tốt hơn, sung sướng hơn những người không biết tu. Nếu quý vị muốn tốt hơn nữa, muốn vui đẹp hơn nữa thì phải làm sao? Bước qua chặng này, hơi xa xôi một chút. Quý vị muốn được tốt hơn nữa, nếu tu Tịnh độ thì phải niệm Phật nhất tâm. Nhất tâm rồi sẽ về Cực lạc đẹp hơn cõi trời, sống lâu hơn cõi trời, tất cả đều hơn.

Nhưng có những người muốn tiến lên mà không niệm Phật thì phải làm gì? Phải tu thiền. Tu thiền mới nhìn có vẻ buồn, về Cực lạc cảnh đẹp vui, cái gì cũng thích. Tu thiền phải dùng trí tuệ quán chiếu, thấy đúng như thật. Tới được chỗ cứu cánh là tới Niết-bàn. Niết-bàn là giải thoát sanh tử. Đó là chỗ của người tu thiền tiến tới.

Nếu nói theo thiền Tổ sư thì người tu nhận và sống được tự tánh mình gọi là giác ngộ giải thoát. Nói giải thoát là ra khỏi vòng sanh tử trong sáu đường. Ra khỏi đó gọi là vô sanh, là giải thoát, là Niết-bàn. Chúng ta có thể làm được điều đó không? Có thể tu được giải thoát sanh tử không? Điều này hơi khó. Quý vị biết gốc của sanh tử là gì không? Chúng ta cứ ngỡ rằng

sanh tử ở đâu đến, mình không biết đầu đuôi gốc ngọn của nó. Nhưng sự thật Phật dạy rõ lắm.

Chúng ta bị sanh tử luân hồi tiếp nối do tâm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, thương ghét v.v... Những tâm đó là mầm để đi trong luân hồi không dứt. Như mình thương ai có muốn gặp lại không? Thương thì muốn gặp lại. Mà ta thương nhiều người hay ít người? Ít nhất là cha mẹ, anh em, thân bằng quyến thuộc... thương nhiều quá. Như vậy tất nhiên phải tìm gặp lại nhau, đó là nhân của luân hồi. Ghét cũng là nhân đi trong luân hồi. Sao ghét lại luân hồi? Cứ nhìn trong tâm, chúng ta sẽ thấy rõ. Khi ngồi yên tĩnh, mình nhớ ai nhiều? Nhớ người thương mà cũng nhớ người ghét, chỉ có người không thương không ghét thì không nhớ thôi. Còn thương, còn ghét là còn nhớ. Nhớ tức đã ăn sâu trong tâm rồi, nên nhắm mắt những hình ảnh ấy dẫn mình tìm gặp lại nhau.

Gốc luân hồi sanh tử từ tâm thương ghét mà ra, chứ không có gì lạ. Bây giờ dẹp hết mấy tâm đó thì sao? Thì nhẹ nhàng. Bởi vậy đức Phật rất đầy đủ phương tiện, muốn chúng sanh bớt khổ, ngài diễn tả cảnh Cực lạc tuyệt vời, rốt cuộc bảo làm sao? Ráng niệm Phật đi. Niệm Phật chừng nào được nhất tâm bất loạn từ một ngày đến bảy ngày, Phật rước về ở bên ấy sung sướng lắm. Nhưng nhất tâm bất loạn thì còn mầm thương ghét không? Không còn mầm thương ghét, lúc đó giả sử Phật quên rước, mình cũng giải thoát sanh tử rồi. Điểm kỳ đặc trong đạo Phật là thế. Đức Phật khéo tùy trình độ, tùy căn cơ mà giáo hóa chúng sanh, đưa họ cùng đến chỗ an vui vĩnh viễn.

Người tu thiền phải tu thế nào, cửa vào thiền là cửa gì? Lâu nay chúng ta nghe nói cửa thiền là cửa không. Quý vị tụng Bát-nhã nhớ Phật dạy, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, cho tới pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên cũng không, không có Bồ-đề, Niết-bàn, không cả chúng đắc. Vậy không là gì mà chúng ta phải lấy đó làm cửa bước vào? Lâu nay con người cứ cho thân này thật, muôn sự muôn vật đều thật nên mê chấp khổ đau. Bây giờ nhìn vào thân thấy nó do đất, nước, gió, lửa tụ hợp lại thành, không có chủ thể riêng biệt. Cái nhà cũng thế, tự nó không có, phải tập hợp vật liệu nào cát, xi-măng, gỗ, đá... đủ thứ kết hợp lại mới thành cái nhà. Tất cả pháp thế gian bản chất nó là không, đủ duyên hợp mới có. Do đủ duyên hợp mới có, nên có là có trên giả tướng, chứ thật tánh nó vốn không. Vì vậy Phật dạy chiếu kiến ngũ uẩn đều không. Nếu chiếu kiến ngũ uẩn đều không thì qua hết các khổ nạn. Hết sức đơn giản. Tánh không duyên hợp giả có, đã là giả thì còn mất là sự thường, không quan trọng. Như vậy dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu, chúng ta bớt mê lầm nên bớt khổ rất nhiều.

Nhìn bằng con mắt trí tuệ nên không còn chấp thân thật, cảnh thật, nhờ thế tâm yên. Ngày nay chúng ta buồn thương giận ghét là do chấp thật, khen thật nên được khen cười, chê thật nên bị chê quạu. Rõ ràng lời nói không thật, qua rồi như gió qua tai kiếm lại không được. Vậy mà khen thì chịu, chê lại giận buồn. Đó là chúng ta sống với ảo tưởng hư giả.

Ví dụ người mặt mày đen đúa xấu xí, chợt có ai khen chị đẹp quá, thật là dễ thương. Khi ấy người được khen dám tát tay kẻ khen không? Bản thân xấu trăm phần trăm, mà nghe khen cũng vui mừng. Nếu người hơi dễ coi một chút, gặp ai nói chị xấu quá, liền nổi giận đùng đùng, có thể tát tay người chê. Như vậy người khen không đúng sự thật mình chịu, người chê trái sự thật mình giận. Có phải chúng ta bị kẹt trong ảo tưởng không?

Các nhà tâm lý học dạy muốn được lòng người, khi bước vô nhà thấy cái bàn cũng khen, cái bàn này đẹp quá, thấy cái tủ cũng khen, cái tủ này quý quá... Khen một hồi chủ nhà nở lỗ mũi nên họ ưa thích mình. Ngược lại, bước vô nhà thấy cái gì cũng chê xấu xí, chắc chủ nhà không cho mình uống nước. Rõ ràng con người bị lệ thuộc vào khen chê. Do lệ thuộc như thế nên chúng ta sống trong ảo tưởng, không có lẽ thật thành ra khổ hoại.

Phật chỉ cho chúng ta thấy lẽ thật. Mỗi sự vật không có tự thể, duyên hợp tạm có. Biết nó giả nên không quyến luyến, cũng không bực bội. Từ trí tuệ quán chiếu chúng ta không còn bị khổ lụy trong thương ghét thế gian. Do đó tâm dễ an. Tâm an thì mầm sanh tử theo đó hết, vào Niết-bàn vĩnh viễn an vui.

Phật dạy chúng ta tu là để đi tới hết tâm hơn thua, phải quấy, buồn thương, giận ghét. Vì nó là mầm dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Ai dẹp được mấy tâm đó thì ra khỏi sanh tử. Như vậy gốc đức Phật dạy tất cả

đều từ tâm mình. Tu cốt làm sao tâm phải yên, phải lặng. Tâm lặng gọi là định, là nhất tâm. Nhưng tâm lặng còn mình không? Mình ra sao? Đa số chúng ta bị một mê lầm lớn, là bỏ quên cái chân thật, chạy theo cái giả dối hoài. Cho nên kinh Pháp Hoa dụ chàng cùng tử có cha mẹ giàu sang lại không chịu ở, bỏ đi lang thang khổ sở. Khổ đáo để chịu hết nỗi quay đầu trở về tìm cha mẹ. Khi tìm được rồi không dám nhận mình là con trưởng giả, chỉ xin làm kẻ làm thuê. Đức Phật diễn tả tâm trạng si mê của chúng ta cũng thế, quên cái thật đuổi theo cái hư ảo, nên đau khổ vô cùng vô tận.

Cái thật hiện giờ trong chúng ta có người nào thiếu đâu. Khi quý vị ngồi chơi một cách bình tĩnh, trong đầu không có một ý niệm nào, lúc đó có mình không? Có. Khi khởi nghĩ chuyện này chuyện kia, lúc đó có mình không? Chỗ này mới khó trả lời. Chúng ta thường tưởng lúc đó có mình nhưng thật ra lúc đó lại mất mình.

Tất cả chúng ta đều có lầm lẫn lớn, cứ cho cái suy nghĩ là mình. Suy nghĩ hay dở, tốt xấu gì cũng mình hết. Nếu cái nghĩ đó là mình thì khi hết nghĩ mình cũng hết sao? Không phải vậy. Lúc ngồi lặng lẽ tỉnh táo không suy nghĩ gì hết, mình vẫn hiện tiền, vẫn thấy, vẫn nghe, vẫn biết. Cái đang thấy, đang nghe, đang biết đó là mình, còn cái suy nghĩ lung tung kia không phải mình. Nhưng chúng ta cứ nhận cái hư dối là mình, trăm người như một. Có phải mê quá không?

Chúng ta nhận những ý niệm hơn thua phải quấy tốt xấu là tâm mình, nên tâm chân thật bị ẩn khuất.

Bây giờ ta buông bỏ hơn thua, phải quấy thì tâm chân thật hiện ra. Niệm hơn thua, phải quấy là tướng sanh diệt tạm bợ, nhìn lại nó mất mà chấp là tâm mình. Nói chuyện với ai, làm gì cũng nói tâm tôi thế đó, cứ lầm chấp như vậy. Cho nên Phật bảo chúng ta mê muội, đáng thương!

Bây giờ tu là gì? Là đừng lệ thuộc cái hư dối nữa, sống lại với cái chân thật. Trở lại cái chân thật thì hết tạo nghiệp, hết luân hồi. Cái chân thật không hình tướng, làm sao có sanh diệt. Còn tâm lăng xăng là gốc sanh diệt, đang mừng liền buồn, đang thương thành ghét. Cái hằng thấy, hằng biết không buồn thương giận ghét nên không khổ.

Chúng ta tu để đi đến chỗ cứu cánh chân thật. Cứu cánh chân thật từ bên ngoài đến hay trong nhà ra? Kinh Bát-nhã nói: “Vì không có chỗ được nên Bồ-tát xa rời khủng bố, điên đảo chứng Niết-bàn. Chư Phật cũng nương Bát-nhã đó mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Như vậy bỏ hết tất cả cái được, không có sở đắc, sẽ được Niết-bàn. Quý vị thấy mâu thuẫn không? Nếu không có cái gì được, làm sao được nữa. Nhưng thật ra chúng ta quen thói làm gì cũng muốn được. Tu phải đắc phải chứng, thành ra chẳng được gì cả.

Như chúng ta đi, thấy món đồ đẹp rơi dưới đất, lượm bỏ vô túi, nói tôi lượm được món đồ quý. Được món đồ quý vì nó ở ngoài mình. Nếu món đồ quý trong túi mà ta quên, lâu lâu sờ gặp thì không nói được, mà nói nó sẵn đây nè. Chư Phật thấy rõ chúng ta sẵn có cái chân thật mà quên, chạy theo những cái bên ngoài.

Bây giờ bỏ hết tất cả cái được ở ngoài, chừng đó chúng ta mới nhận lại cái chân thật của chính mình. Việc tu siêu thoát như vậy chứ không phải thường.

Lục tổ Huệ Năng khi bị các đệ tử của Ngũ Tổ đuổi theo giành y bát lại, ngài để nó trên tảng đá, rồi chui vào lùm cây. Đến khi thượng tọa Minh chạy tới lấy lên không nổi, mới gọi ngài: “Hành giả, hành giả! Tôi đến đây vì pháp chứ không phải vì y bát.” Lục Tổ từ trong bụi chui ra thông thả bảo: “Nếu ông vì pháp thì đứng yên lặng ta sẽ nói cho nghe.” Thượng tọa Minh đứng yên lặng, ngài nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay câu này thượng tọa Minh liền ngộ. Nghĩ thiện nghĩ ác là hai bên, tâm không còn hai bên thì cái chân thật hiện ra, đơn giản thật là đơn giản.

Bài pháp này thấy không có gì xa lạ với chúng ta. Rất tiếc tại mình quá mê, không bỏ được cái giả nên đành chôn vùi cái thật. Chúng ta tu từ những bước thấp cho tới bước tuyệt đỉnh, đó là việc làm thực tế hay viễn vông? Quá thực tế. Tu thấp thì có lợi ích thấp, tu cao có lợi ích cao, tuyệt cao thì có lợi ích tuyệt cao. Chúng ta tu để trở về cái chân thật có sẵn của mình, chứ đâu phải chuyện ở trên trời trên mây. Trở về được là người giác ngộ, hết mê. Như vậy trên đường tu chúng ta bước được bước nào cũng đều hữu ích, đều có lợi lạc, càng cao thì lợi lạc càng lớn, càng sâu dày.

Chúng ta có duyên gặp được Phật pháp tu hành, đó là phước lớn nhiều đời chứ không phải chuyện thường.

Người nào biết được đạo lý này, hiểu được giá trị của sự tu thì chắc rằng không ai không cố gắng. Việc tu hành không ở đâu xa, không có gì huyền hoặc cả, mà rất cụ thể, chân thật. Nếu chúng ta chịu khó phăng tìm, sẽ bươi ra được hòn ngọc quý của mình.

Mong tất cả quý vị can đảm, cái gì si mê hư giả thì loại ra, đừng nuôi dưỡng. Phải cố gắng trở về được cái chân thật của chính mình, để khỏi uổng đi một đời tu. Đó là mục đích của đức Phật ra đời, cũng là mục tiêu tất cả chúng ta nhắm tới.



BẢN NGÃ LÀ GỐC CỦA KHỔ ĐAU

Thường Chiếu – 1990

Hôm nay nhân ngày rằm tháng giêng tức là ngày lễ thượng nguyên, Phật tử tụ hội về đây lễ Phật nghe pháp. Chúng tôi sẽ giải thích cho quý Phật tử biết được ý nghĩa tu hành. Đề tài giảng hôm nay Bản Ngã Là Gốc Của Khổ Đau, Là Bất Công.

Tất cả chúng ta dù lớn, dù nhỏ có mặt trên trần gian này, ai cũng thấy bản ngã của mình là quan trọng, cho là cái rún của vũ trụ, nên muốn mọi người đều quý trọng, đều hướng về mình, còn mình lại coi thường mọi người. Đó là một bệnh hết sức lớn. Bởi vậy trong nhà Phật luôn luôn phá chấp ngã. Nếu còn chấp ngã nặng thì chẳng những đối với chân lý, với lẽ thật mình không thấy, không biết mà đối với mọi người chung quanh ta đặt ra nhiều điều bất công, sai lầm khiến cho người, vật sẽ khổ đau vì mình.

Chấp ngã được thể hiện qua nhiều trường hợp. Trước hết là trường hợp đối với thiên nhiên. Con người luôn thấy thiên nhiên lệ thuộc hay hưởng về mình. Tôi nhớ cách đây hơn mười năm ở tu viện Chơn Không, một hôm trời mưa mịt mù, chú thị giả đem cơm lên, tôi hỏi:

- Đố chú mưa để làm gì?

Chú thưa:

- Thưa Thầy, mưa để người ta làm ruộng.

Tôi cười nói:

- Ngoài biển có ai làm ruộng đâu mà sao cứ mưa?

Chú bí trả lời không được. Qua câu chuyện nhỏ xíu nhưng rất gần với chúng ta. Con người thường nghĩ trời mưa để mình làm ruộng, trời nắng để mình phơi lúa, tất cả mọi thứ đều để cho mình hết. Vì vậy khi làm ruộng gặp hạn liền kêu trời. Ngược lại khi phơi lúa gặp mưa, mình cũng nổi giận kêu trời nữa. Bởi vì ông trời không theo ý mình. Từ chấp ngã nhiều người cuồng dại nói bậy nói càn, cho là trời bất công, trời thế này, thế nọ, vì không chiều theo công ăn việc làm của mình, không chiều theo ý muốn của mình. Được như ý thì chúng ta vui, trái ý thì chúng ta tức giận. Nhiều người ở quê, khi đang phơi lúa bỗng có một cơn mưa ập tới, họ tức quá cự lộn với ông trời. Chúng ta là cái gì mà bắt trời đất vì chúng ta. Thử tưởng tượng cái ngã mình chừng bao lớn? To vô kể. Cho nên bắt cả trời đất thiên nhiên đều phải hưởng về mình, muốn cái gì trời đất cũng phải chiều theo mình. Bởi ngã quá to nên không thấy được lẽ thật, đó là tôi nói về thiên nhiên.

Bây giờ nói tới mọi vật. Bởi quen chấp ngã nên con vật nào chúng ta nuôi, cũng đều bắt nó phải làm bổn phận cho mình. Ví dụ có người nuôi chó, hỏi nuôi chó để làm gì? Để giữ nhà. Có người nuôi gà trống, hỏi nuôi gà trống để làm gì? Để nó báo thức. Nói nuôi chó để giữ nhà, nhưng sự thật con chó có ký hợp đồng với mình là mình nuôi nó, lớn lên nó sẽ giữ nhà cho mình đâu. Nó không biết gì hết. Cho ăn thì nó cứ ăn, lớn lên nó có thói quen thấy người lạ là sủa, chứ không nghĩ giữ nhà cho ai hết. Chúng ta nói con chó giữ nhà cho mình, nhưng thưa quý vị, nhà mình thì mình giữ, chứ con chó đâu có bổn phận đó? Vậy mà đêm nào ăn trộm vô lấy đồ, con chó ngủ quên không sủa, sáng ra mình vác cây đập nó. Của mình mình không chịu giữ, tại sao không đập mình, lại đập con chó. Có vô lý không?

Ở nhà quê không có đồng hồ báo thức, tới bốn năm giờ sáng, mấy con gà không chịu gáy cũng muốn đập nó. Bữa nay tại nó không gáy nên mình ngủ quên. Tại sao mình có quyền ngủ quên, mà con gà không có quyền ngủ quên. Khi đó nên giận mình hay giận con gà? Con người quả thật bất công, chỉ thấy cái ngã của mình là trên hết. Vì bản ngã che khuất nên không có nhận định nào đúng lẽ thật. Đó là nói những con vật chúng ta nuôi.

Bây giờ tới những con vật không do mình nuôi, như cá, tôm, gà, vịt... Những con đó khi bắt để ăn thịt, người ta bảo nó là vật dưỡng nhân, trời sanh ra cho mình ăn. Song thật ra nó có đồng ý nuôi mình không? Điều đó chắc không có. Ví dụ con cá khi bị bắt làm thịt,

nó có giãy giụa không? Giãy giụa nhưng không thoát nổi tay mình nên nó phải chịu chết. Tất cả con vật ấy không phải dành cho loài người ăn, vì sao mình ăn nó. Chẳng qua vì nhu cầu, đòi hỏi nên mình làm như vậy, chứ có ai sanh nó ra cho loài người ăn đâu.

Nếu đặt ngược lại với câu “vật dưỡng nhân” là “nhân dưỡng vật” chúng ta chịu không? Không ai chịu. Như con muỗi nhỏ xíu, nó chích mình hút một chút máu để sống, nó cũng nghĩ là “nhân dưỡng vật” được không? Con người đối xử với nó thế nào? Đạp một cái nát thây. Nếu nhân dưỡng vật thì lẽ ra con người để nó hút máu, chứ tại sao đạp nó. Nếu không có chuyện nhân dưỡng vật, thì cũng không thể có chuyện vật dưỡng nhân. Chỉ vì loài vật nhỏ quá, cự không nổi con người, nên phải đành chịu chết dưới tay con người. Nếu ta vào rừng gặp cọp, xuống biển gặp cá mập, lúc đó chúng nghĩ làm sao? Gặp môi thì chụp ăn, chứ không nghĩ gì hết. Rõ ràng mạnh được yếu thua, không loài nào chấp nhận dưỡng loài nào cả.

Nếu những loài vật nhỏ hơn con người cãi được, nó sẽ kiện mình ra tới tòa án quốc tế, phải không? Vì bất công quá mà, có bao giờ nó chấp nhận sanh ra cho mình ăn đâu. Con người tự đặt chuyện như vậy để ăn thịt chúng sanh. Ăn một cách ngon lành, không chút hối hận. Khi đói mình bắt một con vật khác để ăn, phải hiểu rõ đây là do sức mạnh ta đàn áp nó, chứ không phải nó sẵn sàng nuôi mình. Nghĩ như vậy, nếu thấy không cần thiết, chúng ta không làm việc ấy, hoặc chính khi ăn,

mình cũng có tâm thương, quý tiếc sanh mạng của các con vật ấy. Như vậy ý nghĩa “vật dưỡng nhân” không phải là chân lý, không phải là lẽ thật, do con người cưỡng đặt ra mà thôi. Vì bản ngã mà mình đặt ra những điều vô lý. Đó là nói bản ngã đối với thiên nhiên và các con vật.

Kế đến là đối với con người. Vì bản ngã của con người quá to, nên người nào được thế lực sẽ đặt ra nhiều điều kiện bất công đối với những người khác. Như hồi xưa ở Ấn Độ trước thời Phật ra đời, giai cấp Bà-la-môn đặt ra luật Manou. Theo luật này dòng Bà-la-môn tức tu sĩ là trên hết. Kế đến dòng thứ hai là Sát-đế-lợi, tức giai cấp võ sĩ, làm vua làm quan. Dòng thứ ba là Phệ-xá tức giai cấp công nông, làm ruộng, làm thợ thuyền. Cuối cùng là dòng Thủ-đà-la, giai cấp hạ tiện, tức dân nô lệ thấp kém nhất trong xã hội. Giai cấp này đi tới đâu phải rung chuông để cho các giai cấp trên tránh, vì họ sợ nhìn phải dòng Thủ-đà-la sẽ chớp nhúa tới mắt họ.

Như vậy luật này do ai đặt ra? Có phải do những người khôn ngoan, có thế lực tự đặt ra để họ thụ hưởng không? Họ bắt những giai cấp khác nuôi dưỡng, cung kính, thờ phụng mình. Vì cái gì mà bày ra như vậy? Vì bản ngã. Họ muốn thụ hưởng và có thế lực trong tay, nên đặt ra những điều bất công như vậy. Rõ ràng mọi bất công đó là vì căn cứ trên bản ngã. Muốn sung sướng, muốn được thụ hưởng lâu dài nên người ta đặt ra những luật lệ để những kẻ yếu thế hơn phục vụ, cung kính họ.

Thời phong kiến quân chủ, mấy ông vua tự xưng là thiên tử. Thiên tử là gì? Là con trời. Vì trời sanh ra muôn vật nên trời trên hết, nhà vua là con trời, muốn giết ai thì giết, muốn phong ai làm quan thì phong, muốn hạ ai thì hạ, không ai có quyền ngăn cản, không ai có quyền làm trái lại. Tự tôn mình là thiên tử là vì bản ngã. Ở ngôi vị cao, có quyền lực họ tự đặt ra như vậy rồi bắt mọi người phải tuân phục theo họ. Đó là cái lẽ mà thế gian đặt ra để đánh lừa nhau, tất cả toàn là bản ngã. Luật lệ bất công như vậy làm khổ cho giai cấp thấp, không ai dám kêu rêu, than thở. Đó là tôi nói do chấp ngã mà con người gây ra sự bất công đau khổ cho nhau.

Như vậy quan niệm đó đúng hay sai? Từ chấp ngã con người có những quan niệm sai lầm. Bây giờ muốn phá mê lầm đó, muốn bỏ chấp ngã chúng ta phải làm sao? Đức Phật dạy chúng ta phải ứng dụng theo lý nhân duyên. Vì từ thiên nhiên cho tới muôn vật trên thế gian đều tùy thuộc vào lý nhân duyên. Nếu hiểu thấu được lý nhân duyên, chúng ta sẽ không còn chấp ngã nữa.

Trở lại ví dụ ban đầu. Như nói mưa để làm ruộng thì ở biển đâu có ruộng, tại sao vẫn cứ mưa? Chẳng qua tại nhân duyên đầy đủ, có hơi nước gặp khí lạnh tụ lại thành mây, rơi xuống làm mưa. Bất cứ chỗ nào có đủ nhân duyên như thế thì có mưa, không phải đợi chỗ này làm ruộng mới mưa, chỗ kia không làm ruộng thì không mưa. Rõ ràng đức Phật chỉ cho chúng ta thấy lý nhân duyên là một lẽ thật. Lẽ thật đó công bằng, thực tế, không vì bản ngã cá nhân nào hết. Nếu chúng ta hiểu được lý nhân duyên thì chúng ta nhìn sự vật ở giữa đời này,

từ thiên nhiên cho đến con vật, con người đều là nằm trong lý nhân duyên.

Con người luôn thấy mình thật, thấy mình là một nên chấp ngã. Nhưng với lý nhân duyên của đạo Phật, con người không thật, không phải một. Tại sao? Nếu là thật nó không đợi tụ hợp đủ duyên mới thành. Bởi không thật nên khi duyên tụ thì nó thành, duyên tán thì nó hoại. Duyên hợp có ta, duyên ly tán ta mất. Như vậy cái ta này thuộc về duyên, làm sao nói thật được.

Như cái nhà này với con mắt phàm tục thì nói nó thật. Nhưng dùng con mắt trí tuệ Bát-nhã, phân tích theo lý nhân duyên, chúng ta sẽ thấy nó chẳng qua là một mớ duyên hợp. Từng tấm tôn, từng cục gạch, từng hạt cát, từng miếng xi-măng... kết hợp lại thành. Như vậy cái nhà không tự có mà do duyên hợp, khi phân tích ra tìm cái nhà thật không có. Nhưng vì ta quen nhìn theo con mắt phàm tục nên thấy cái gì cũng thật hết. Nếu dùng con mắt trí tuệ quan sát thì không có cái gì thật.

Trong kinh Trung A-hàm, Phật nói “Người thấy được nhân duyên là thấy pháp”, có chỗ khác lại nói “thấy được nhân duyên là thấy đạo.” Đạo là chân lý, thấy được lý nhân duyên là thấy được chánh pháp, thấy được lý nhân duyên là thấy được chân lý. Muôn vật do nhân duyên sanh mà chúng ta không thấy, không biết, đặt nó thế này thế kia, để rồi sống một cách mù quáng, bất công. Giờ đây chúng ta biết tất cả đều là nhân duyên, không có gì cố định hết. Nhiều người thắc mắc,

nếu tất cả do duyên sanh không thật, thì sống ở giữa đời này làm sao vui được? Thấy thân không thật chán chết, còn làm gì được nữa. Thôi thì ngồi treo cẳng nhip đùi thối sáo chơi, chờ tới ngày chết. Hoặc cứ buồn dầu dầu hoài. Đó là hiểu nhân duyên một cách nông cạn.

Nhà Phật nói lý nhân duyên là nói lẽ thật. Lẽ thật ấy sẽ đưa chúng ta tới một lợi ích lớn lao. Ví dụ như có một thau nước, nó không mãi mãi là nước mà sẽ đổi thay tùy theo hoàn cảnh, tùy theo nhân duyên. Nếu thau nước để với nhiệt độ trung bình, thì trước sau nó vẫn là nước. Nếu chúng ta muốn nước bốc thành hơi thì phải tạo duyên nóng để nó bay lên, tức phải nổi lửa đốt cho nó bốc hơi. Như vậy từ một thau nước có thể biến thành hơi. Rồi chúng ta muốn nước nó thành khối thì phải làm lạnh, bằng cách để nó vào tủ lạnh, nó sẽ thành khối nước đá. Rõ ràng thau nước ấy không cố định là nước mãi mãi. Nó tùy duyên khi ở thể lỏng, khi ở thể hơi, khi ở thể đặc.

Hiểu được lý nhân duyên rồi, chúng ta là chủ tạo điều kiện cho mọi vật theo ý muốn của mình. Do đó nhà Phật nói chúng ta có thể chuyển nghiệp xấu thành tốt, chính là nhờ lý nhân duyên này. Chúng ta có thể biến mình từ một con người tầm thường trở thành cao thượng. Ngược lại cũng có thể biến mình từ một con người tốt đẹp thành con người sa đọa. Muốn thành người cao thượng, chúng ta phải gần thầy lành, bạn tốt, gần những vị tu hành, có lời nói hiền lành, cuộc sống thanh tịnh. Nếu muốn thành người xấu, thì chơi với mấy người ghiền xì-ke ma túy, những kẻ trộm cắp, người trà đình tửu điếm.

Con người nếu tạo duyên tốt thì tiến lên tốt, tạo duyên xấu thì lùi xuống xấu.

Hiểu được lý nhân duyên ta mới cố gắng vươn lên, không hiểu lý nhân duyên chúng ta sẽ không thể tự cải thiện đời sống của mình, vì nghĩ việc gì cũng do trời Phật sắp đặt. Từ đó chúng ta có bệnh yếu đuối nhu nhược, chỉ biết nương tựa bên ngoài, mà không biết phấn đấu vươn lên. Ngoài ra hiểu được lý nhân duyên, chúng ta không còn chấp ngã cuồng dại. Trái lại chúng ta có quyền lực tạo dựng cuộc sống cho chính mình, tạo dựng theo sở nguyện của mình. Bởi vậy người thấy được lý nhân duyên, ứng dụng vào cuộc sống rất công bằng, rất hợp lý.

Hiện nay các nhà khoa học chế biến được những máy móc tinh vi hay đồ dùng đẹp đẽ, đều ứng dụng lý nhân duyên. Đó là lẽ thật. Vì như tất cả chúng ta đều biết khi phân tích con người, ai cũng hiểu thân này do bốn thứ đất, nước, gió, lửa hợp thành. Nếu nhìn theo y học bây giờ, con người có thể phân tích ra thành rất nhiều chất. Thiếu những chất ấy thân này sẽ sanh bệnh. Vì thế khi biết thân mình thiếu chất gì người ta bồi bổ thêm chất ấy. Phân tích cho tới cuối cùng, con người có trăm ngàn muôn ức tế bào. Những tế bào đó có chức năng riêng, mỗi thứ đều có công việc riêng của nó. Tìm cho thật kỹ, con người có phải là một không? Không phải là một, cũng không phải cố định. Bởi không phải một, không phải cố định nên Phật nói vô ngã. Vô ngã là không có cái ta chủ, chỉ có duyên hợp, nên cái ta này luôn chuyển biến.

Như quý Phật tử muốn đời này mình là người tốt, đời sau tốt hơn, được lên thiên đường thì sao? Phải giữ năm giới hoặc tu thập thiện. Cũng như một người đang yếu, nếu yếu nữa là bệnh, bây giờ người muốn trở thành mạnh, họ phải làm sao? Phải bồi bổ. Nếu đang yếu vừa phải, không bổ dưỡng mà còn sử dụng thân quá sức, tới lúc kiệt quệ, không còn dùng nó được nữa. Rõ ràng, chúng ta thêm duyên tốt thì nó chuyển thành tốt, không thêm duyên tốt mà lại bớt, thì nó trở thành xấu. Cho nên muốn lên thiên đường hay xuống địa ngục, là quyền của ta? Ai bắt mình xuống địa ngục, ai kéo mình lên thiên đường được? Người tạo duyên tốt được lên thiên đường, kẻ tạo duyên ác bị xuống địa ngục. Vậy thôi.

Đạo Phật dạy ai làm mười điều ác là nhân của địa ngục, ai tu mười điều thiện là nhân của thiên đường. Có gì lạ đâu. Do đó nói tới lý nhân duyên này, trong kinh Phật có một câu chuyện rất hay. Kinh A-hàm kể:

Hôm nọ có một số thầy Bà-la-môn tới gặp Phật, họ hỏi:

- Thưa ngài Cù-đàm, nếu đệ tử của ngài chết, ngài có thể cầu nguyện cho họ lên thiên đường được không?

Phật im lặng không trả lời. Sau đó, Phật hỏi ngược lại:

- Nếu đệ tử của các ông chết, các ông có thể cầu lên thiên đường được không?

Các vị đó đáp:

- Được.

Phật liền đưa ra ví dụ. Như một cái giếng sâu, có người đem tảng đá lớn liệng xuống giếng. Sau đó họ thỉnh hai ba chục thầy Bà-la-môn đứng chung quanh miệng giếng, yêu cầu các thầy cầu nguyện tảng đá đừng chìm, quý thầy cầu được không? Các thầy Bà-la-môn nói không được. Phật hỏi tại sao? Các thầy đáp vì đá nặng, rớt xuống nước phải chìm, không làm sao nổi lên được. Phật đưa ra ví dụ thứ hai. Giả sử có người đem một chai dầu tới đổ xuống giếng, rồi yêu cầu các thầy cầu nguyện dầu chìm xuống đáy giếng, các thầy cầu được không? Các thầy nói không được. Tại sao? Vì dầu nhẹ nên phải nổi lên trên, có cầu bao nhiêu nó cũng nổi lên, chìm xuống không được.

Phật nói cũng vậy, nếu người tạo tội thập ác, nhất định phải đọa địa ngục, không làm sao cầu họ lên thiên đường được. Người tu thập thiện nhiều phước lành, dù các ông ác ý cầu họ xuống địa ngục, họ vẫn lên thiên đường như thường. Như vậy việc cầu nguyện đâu có đưa đến kết quả như ý. Vậy mà bây giờ Phật tử thích cầu nguyện, không chịu tu. Không hành thập thiện, cứ lo làm ăn danh lợi đã đời, khi gần chết sợ quá thỉnh thầy cô cho đong, cầu nguyện giùm con lên thiên đường hay về Cực lạc. Như vậy được không?

Điều này Phật nói rất rõ, căn cứ trên lý nhân duyên chúng ta tạo duyên nào, sẽ đưa tới chỗ đó. Tạo duyên nặng mà bảo người ta cầu cho được nổi, nhất định phải chìm thôi. Còn người tạo duyên nhẹ, dù ai ghét muốn chìm xuống cũng không được. Hiểu được lý nhân duyên,

chúng ta phải ứng dụng ngay trong cuộc sống, tạo duyên để vươn lên. Quý vị có ai muốn xuống địa ngục không? Chắc không ai muốn. Nếu không ưng xuống địa ngục thì mười điều ác phải chừa. Không tạo duyên ác thì không rơi vào nghiệp ác. Chúng ta muốn người khác mến thương thì phải tạo duyên tốt. Một là xử sự tử tế với mọi người, hai là sẵn sàng giúp đỡ họ, ba là lúc nào gặp họ cũng vui vẻ. Muốn người ta thương mà gặp họ mặt mày quạu đeo, thì ai thương được.

Trời Phật đâu có xui khiến ai thương hay ghét mình. Chính chúng ta tạo ra. Lý nhân duyên rất công bằng. Vì sao? Vì tạo nhân tốt duyên tốt thì quả sẽ tốt. Ví dụ tôi muốn trồng cây, trước hết phải lựa hạt giống tốt. Từ hạt giống gieo xuống chỗ đất cũng phải tốt. Nếu gặp đất chai dù giống tốt cây vẫn lên không được. Kế đó còn phải có phân bón, tưới tẩm để hạt giống mau nảy mầm, rồi còn phải nhổ cỏ... nhiều duyên cộng lại cây mới phát triển tươi tốt. Chúng ta tạo đủ nhân đủ duyên, cây mới ứng hiện quả đúng như mình mong muốn. Nếu chúng ta tạo duyên không đủ thì kết quả không thể nào tốt được.

Lý nhân duyên là một lẽ thật, là chân lý, không chối cãi được. Bởi vậy người nào sống đúng như lý nhân duyên là người sống hợp lý, sống công bằng. Nhìn theo nhân duyên là nhìn đúng với khoa học. Khoa học phân tích sự vật không có cái gì tự có và cũng không có cái gì là một. Tất cả do nhiều yếu tố hợp lại thành. Mọi sự vật ở đời đều do duyên hợp, bởi duyên hợp nên mới phân tích,

chia ra từng phần, từng bộ phận hay từng nhóm, từng tế bào được. Khoa học thấy tốt được lý nhân duyên, nên mới làm chủ được những điều hồi xưa không bao giờ tin là con người làm được.

Hồi xưa nói bay trên trời phải là mấy ông tiên mới được. Nhưng bây giờ chúng ta có cần làm tiên đâu, mà cũng bay được vậy. Những nhà khoa học biết ứng dụng lý nhân duyên, chế tạo ra phi cơ bay trên không, tàu thủy đi trên biển, hoặc xe hơi chạy nhanh ngoài đường phố. Rõ ràng sử dụng lý nhân duyên là một bước tiến mạnh, là một sự vươn lên của con người. Nhưng đáng tiếc, con người chỉ ứng dụng lý nhân duyên trong cuộc sống vật chất, mà ít ứng dụng lý nhân duyên trong cuộc sống tinh thần. Nên cứ tạo vật chất cho sung mãn, rồi giành giật cấu xé nhau, gây khổ đau với nhau.

Chúng ta là những người học Phật, phải khéo vận dụng lý nhân duyên vào cuộc sống tinh thần, cuộc sống đạo đức. Có vậy lý nhân duyên sẽ đưa chúng ta vươn lên, từ một người phàm thành một người thánh, từ một người trong lục đạo trầm luân ra khỏi trầm luân, được giải thoát sanh tử. Thành ra tu là khéo sử dụng lý nhân duyên. Quý vị muốn đi lên thì phải tạo điều kiện cho mình được thanh thoát nhẹ nhàng. Nếu chúng ta thiếu nợ mà không chịu trả, ra đường gặp chủ nợ nhất định bị họ lôi lưng kéo áo. Muốn không bị lôi lưng kéo áo thì đừng cho thiếu nợ nữa.

Cũng vậy, muốn giải thoát thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta đừng đuổi theo duyên trần,

đừng dính mắc với duyên trần nữa. Mắt thấy sắc đẹp liền mê, tai nghe tiếng hay liền thích, như vậy làm sao thoát khỏi nó được. Không thoát được thì phải trầm luân để gặp gỡ nó nữa. Dính với sáu trần thì phải bị sáu trần lôi kéo.

Như vậy mới thấy tất cả sự trói buộc là do bản thân chúng ta tự nguyện. Duyên chúng ta tạo rồi chúng ta mắc vào đó. Muốn thoát ra khỏi nó cũng tự chúng ta gỡ, chứ không ai gỡ giùm được. Quyền của mình. Người tu hiểu được lý nhân duyên thì sự tu hành cụ thể, dễ dàng, không có gì ngờ vực, cũng không có gì huyền hoặc hết.

Nghiệp quả nhân duyên nói rõ cho chúng ta biết muôn sự muôn vật chẳng phải một, chẳng phải khác. Giống ngọn đèn dầu cháy từ đầu hôm tới khuya, không phải một không phải khác. Ngọn đèn đó rút dầu lên, một giọt dầu rút lên thì cháy, giọt dầu đó cạn thì giọt dầu khác tiếp nối. Cứ thế nó liên tục cháy, cháy mãi. Chúng ta mới nhìn tưởng như là một, nhưng sự thật nó là một dòng liên tục, không phải một. Cũng vậy, tâm thức của chúng ta là một dòng liên tục, tuy không có chủ mà nó liên tục. Bởi liên tục nên nó không mất, hễ tạo nghiệp thì sự liên tục đó dẫn tới thọ quả sau.

Lý vô ngã của đạo Phật là chỉ cho tâm thức cũng như thể xác này là dòng biến chuyển liên tục. Nó chuyển hóa rất nhanh, nên chúng ta không thấy tưởng là một. Chính vì biến chuyển nên chúng ta tạo duyên cho nó thăng hoặc trầm. Nếu nó không biến chuyển, một cái ngã y nguyên thì dù có tạo duyên nó cũng thay đổi. Hiểu như vậy mới thấy ý nghĩa tùy duyên của đạo Phật.

Duyên đủ thì hợp, duyên thiếu thì tan, duyên tốt thì thăng, duyên xấu thì trầm. Cho nên chúng ta khéo tạo duyên thì cuộc sống sẽ tiến. Ngược lại ta không khéo tạo duyên tốt mà tạo duyên xấu thì cuộc sống sẽ chìm xuống.

Hiểu được lý nhân duyên, biết thân này từ duyên sanh nên chúng ta không chấp ngã. Nhiều Phật tử hiểu lầm, cho rằng sau khi chết, linh hồn hoặc sanh lên cõi trời, hoặc xuống địa ngục hoặc làm gì gì đó nên mới thỉnh quý thầy cô đến tụng kinh để cầu nguyện linh hồn được thăng lên hay đi đến chỗ vị kia hằng mong muốn. Đạo Phật có thừa nhận linh hồn không? Đó là chỗ hết sức tế nhị. Phật tử cứ nói linh hồn mà đạo Phật không bao giờ chấp nhận linh hồn. Linh hồn là một cái ngã nguyên vẹn còn gọi là hồn thiêng. Nếu thế thì khi người nào chết, linh hồn của người đó cũng trở lại làm người. Chết sống gì linh hồn người mãi mãi làm người, linh hồn thú mãi mãi thành thú. Như vậy tu làm chi vô ích. Cho nên hiểu theo nghĩa linh hồn là sai lầm.

Nhà Phật nói tâm thức, chứ không nói linh hồn. Tâm thức thì luôn chuyển biến, tâm phân biệt là một dòng chuyển biến. Khi nhỏ tâm thức ta hiểu theo trẻ con, khi lớn được học hành tâm thức ta hiểu theo người lớn. Người được duyên tốt học hành giỏi, thì tâm thức sáng suốt hơn người học hành kém. Tâm thức ấy chuyển luôn luôn, không dừng lại ở mức nào hết. Còn linh hồn thì ở một chỗ vì nó nguyên vẹn, nên học cũng không giỏi, không học cũng không ngu. Do đó chúng ta cũng không thể tu, không thể tiến được.

Người biết đạo nhận ra chúng ta có tâm thức hiểu biết phân biệt, nó là một dòng chuyển biến. Cho nên chúng ta muốn chuyển biến nó theo chiều sáng suốt thì tạo điều kiện cho nó sáng suốt, muốn chuyển biến theo chiều tối tăm thì tạo điều kiện cho nó tối tăm. Có vậy mới tu được chứ! Bởi tu là chuyển tâm thức từ xấu thành tốt, từ dở thành hay, từ trầm luân thành giải thoát.

Căn bản của đạo Phật là dạy chúng ta đi thẳng tới lẽ thật nơi con người, nơi muôn vật. Lẽ thật đó nói chung là lý nhân duyên. Hiểu được lý nhân duyên là phá được mê lầm, chấp ngã. Vì chấp ngã là gốc của bất công, của đau khổ. Phá được chấp ngã thì mọi bất công sẽ hết, mọi đau khổ không còn. Đó là chúng ta biết ứng dụng đạo Phật trong cuộc đời, đem lại một sức mạnh tích cực, chuyển biến đời mình và chuyển biến mọi vật xung quanh theo tinh thần lý nhân duyên.

Mong rằng tất cả quý Phật tử nghe chúng tôi nói, xét nghiệm lại nếu thấy đúng thì cố gắng thực hành để chuyển biến đời mình, từ con người dở thành con người hay, từ con người phàm thành con người thánh. Đó là sức mạnh của người học đạo. Nếu chúng ta không biết được lẽ này, cứ ỷ lại vào Phật, vào tăng ni, không chịu sửa mình, không chịu tu thì trọn đời chẳng đi tới đâu. Rốt cuộc chỉ làm việc uổng công mà lại còn bị chìm trong mê tối nữa.



TÌM TĨNH LẶNG TRONG MÂU THUẤN CỦA CUỘC ĐỜI

Cuộc đời là những mâu thuẫn, ở đây tôi không nói những gì cao siêu mà nói về những kinh nghiệm sống của người Phật tử. Chúng ta sống như thế nào để cuộc đời được an lành tự tại, không bị đau khổ làm ray rứt. Đó là chủ yếu.

Người Phật tử tại gia cũng như hàng xuất gia luôn luôn có những buồn phiền. Gia đình không thống nhất ý chí với nhau, hoặc trong chùa không đồng tâm hiệp lực. Tập thể nào cũng có những chuyện như vậy hết. Lý do gì xảy ra những buồn phiền đó? Chúng ta thử kiểm tra lại bản thân từ thể xác cho đến tinh thần, đi xa hơn là quan niệm, tổ chức... làm sao thoát khỏi những mâu thuẫn.

Con người cứ ngỡ rằng có sự mâu thuẫn là do người này chống đối người kia, chứ không nghĩ cái mâu thuẫn

ở sẵn nơi bản thân mình. Tôi nói theo Phật học, nhưng quý vị trong y học có thể nghiên cứu ứng dụng điều này. Phật dạy thân này do tứ đại hòa hợp gồm: đất, nước, gió, lửa. Đất với gió không thuận, nước với lửa không thuận. Nơi nào có giông lớn thì đất bụi bay tứ tung. Trong thân người, khi lạnh chúng ta phải uống nước nóng cho ấm lại. Khi nóng phải uống nước mát cho dịu lại. Vì nóng là lửa nhiều nước ít, còn lạnh là nước nhiều lửa ít, cho nên phải dung hòa nó. Cái gì yếu nâng lên, cái gì mạnh kéo xuống. Đây là chuyện nghề nghiệp của các bác sĩ.

Trong sự sống, chúng ta phải làm sao trung hòa các yếu tố có tính chất trái ngược nhau. Quá bên nào cũng sanh bệnh hết. Cụ thể người nào trúng gió thì đau rêm cả người, vì gió mạnh đất rung rinh, nên chúng ta phải đánh gió. Đánh một hồi bớt gió, người nghe khỏe nhẹ lại. Ở lỗ mũi, cổ họng đất nhiều nó mọc nhánh, phải đi cắt bỏ, nếu không sẽ bị nghẹt. Rõ ràng đất với gió luôn luôn đối chọi với nhau, cái này trội thì cái kia bị ngăn trở. Vì vậy chúng ta phải tìm cách điều hòa làm cho nó quân bình. Cho nên mang thân này là mang một tổ hợp mâu thuẫn.

Trong nhà Phật dạy điều hòa thân này giống như ông chủ điều hòa bốn con rắn sống chung trong một cái giỏ vậy. Chúng luôn luôn thù địch nhau, muốn yên phải tìm cách điều hòa, đừng để nó cắn mổ nhau. Nhưng điều hòa tới mức nào, kết quả ra sao? Cố gắng điều hòa tới mức tối đa, đến lúc nào cái giỏ lỏng thì mạnh con nào con ấy chạy. Điều hòa giỏi như bác sĩ cũng có ngày

cái giỏ sẽ thủng, mấy con rắn bỏ chạy hết. Nước chạy theo nước, gió theo gió, lửa theo lửa, đất về đất. Không ai có thể điều hòa được suốt năm này tháng kia cho tới năm bảy trăm năm được. Chỉ một giới hạn nào thôi.

Phần thân đã mâu thuẫn như thế, còn phần tâm có mâu thuẫn không? Theo Duy thức học, nội tâm chia ra các nhóm: nhóm thiện tâm sở và nhóm ác tâm sở. Thiện và ác lẫn trong tâm ta. Khi sự việc gì xảy ra chúng ta bực tức có những lời nói và hành động quá đáng. Lát sau, thiện tâm sở rầy, nó nói mình làm như vậy không đúng nên ta bị ray rứt. Tự mình thấy khó, tự mình thấy khổ, tức là tự mình trừng trị mình rồi. Cái thiện răn cái ác, nhưng cũng có khi cái ác thắng cái thiện. Như lẽ ra chúng ta không nói tiếng nặng với ai, không làm cho người đau khổ, đó là tâm niệm của người tu. Nhưng khi có điều gì làm mình nổi tức lên, ác tâm sở mạnh quá, nó lấn lướt làm cho tâm thiện trốn đâu mất. Chú ác la lối một hồi chú thiện mới trôi đầu ra thì chuyện đã rồi. Nội tâm chúng ta lúc nào cũng có hai thứ đó giằng co với nhau, khiến mình bất an hoài.

Thân chống đối, tâm chống đối đều là mâu thuẫn. Mâu thuẫn là gì? Thuẫn còn gọi là cái khiên, mâu còn gọi là cây giáo. Khiên đâm thì giáo đỡ, chỏi lại. Tâm chúng ta sẵn sàng mâu thuẫn, thân chúng ta cũng sẵn sàng mâu thuẫn. Tự mình đã mâu thuẫn thì sống với mọi người có mâu thuẫn không? Đó là điều không ai muốn, nhưng làm sao tránh khỏi được! Thân tâm mình mâu thuẫn thì người khác cũng vậy. Cho nên có hòa hợp là có chống đối, điều đó là chuyện hẳn nhiên thôi.

Nói rộng hơn, cả thế gian này có mâu thuẫn không? Người ta thường nhắc đến khí âm, khí dương. Âm với dương có chịu nhường nhau đâu. Dương nhiều thì nắng hạn khô, âm nhiều thì mưa dầm dề. Âm dương lúc nào cũng chống chọi nhau, cái nào tăng nhiều cũng nguy hiểm. Như vậy âm dương ở thế gian cũng luôn luôn chống đối, chứ không phải hoàn toàn hòa hết. Có sự bất thường tức là có sự chống đối. Vì khí ở thế gian đối chọi nhau, luôn thay đổi cho nên ảnh hưởng tới con người, ít bữa cảm, sổ mũi nhức đầu v.v... Rõ ràng con người, không gian bên ngoài, sự sống trên mặt đất đều có sự chống đối, mâu thuẫn với nhau, chứ không phải lúc nào cũng hoàn toàn an ổn.

Cuộc sống ngoài thế gian làm cho chúng ta phải đau khổ, khi mưa dầm lúc nắng hạn do âm dương không điều hòa. Rồi tới con người với con người. Ở đây tôi nói giữa người nam với người nữ. Thường người ta bảo nam cương, nữ nhu. Cương là cang cường, nhu là nhu hòa nên cũng chối. Vì vậy khi lập gia đình có chồng, có vợ cũng là sự chống chối, bên cương bên nhu làm sao giống được. Cho nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau cũng vì lý do đó. Những gì người nam đề nghị người nữ không chịu, người nữ đề nghị người nam không chịu. Vậy cuộc sống gia đình giữa nam nữ muốn được hạnh phúc dễ hay khó? Đã là hai tính chất không giống nhau thì làm sao dễ được. Quý vị mới thấy cuộc sống luôn mâu thuẫn, không có lãnh vực nào không mâu thuẫn. Người muốn cuộc sống trong gia đình điều hòa thì phải hết sức khôn khéo. Đó là tôi nói chuyện cá nhân giữa nam nữ, bây giờ nói tới tập thể.

Tập thể nào cũng có một lập trường riêng, sinh hoạt riêng, chánh kiến riêng không giống nhau. Không giống nhau tức là có chống nhau. Nhìn chung, từ bản thân con người, gia đình, xã hội... tất cả đều mâu thuẫn. Như vậy con người sống trên thế gian không thể có an vui hạnh phúc tuyệt đối. Vậy mà người ta cứ đòi hạnh phúc. Nếu gia đình giống nhau thì phải là nam hết, chứ một bên cương, một bên nhu làm sao giống nhau được.

Vì vậy đối với cuộc sống này phải khéo léo, khôn ngoan, không thể tưởng tượng như ý mình. Ai nghĩ rằng những gì mình đề nghị ra mọi người đều nghe, đều tuân theo đó là ảo tưởng. Chỉ có mình đề nghị ra người ta phản đối nhiều hay ít thôi, chứ không bao giờ mọi người chấp thuận hết. Hiểu như vậy rồi, chúng ta phải sống sao cho ôn hòa, vui vẻ. Nói điều này, tôi nhớ những năm trước có người hỏi tôi: “Thưa Thầy, nếu có hai tập thể thù địch nhau thì theo quan niệm của Thầy, phải làm sao cho hai tập thể đó được hòa hợp?” Tôi trả lời: “Có nước, có lửa thì có cơm ăn.” Đơn giản vậy thôi.

Quý Phật tử thử xét, thật ra người ta cứ sợ mâu thuẫn, nhưng không ngờ chính mâu thuẫn là điều kiện để con người trong vũ trụ này có sự sanh hóa. Nam không cũng không sanh được, nữ không cũng không sanh được. Muốn sự sanh hóa được liên tục tốt đẹp thì con người phải khéo điều hòa. Chúng ta có nước mà không có lửa, hay ngược lại có lửa mà không có nước thì có cơm ăn không? Không. Phải có nước, có lửa, người khéo dùng nước, dùng lửa để nấu thì có cơm ăn. Chứ dùng nước

để dập tắt lửa, hay dùng lửa đun cho cạn nước thì không có cơm ăn. Cho nên cuộc sống phải khéo điều hòa, nặng bên nào cũng thất bại cả. Vợ chồng trái nhau, không giống nhau, nhưng đừng để bên nào thiệt thòi mà nên điều chỉnh có cuộc sống vừa phải, không nên vì được phần mình mà mất lòng người thì gia đình tan nát. Do đó chúng ta phải có cuộc sống hết sức khéo léo và đừng bao giờ chủ quan. Nhất là bên nam hay chủ quan ta là phái mạnh, cái gì cũng bắt phái yếu tuân theo, đó là điều không tốt, không khéo điều hòa. Đã không khéo điều hòa thì mầm đau khổ sẽ nảy sinh, nên đừng để bên nào bị thiệt thòi thì cuộc sống mới đi tới chỗ tốt đẹp, an vui, hạnh phúc.

Tuy nhiên, hạnh phúc trong cuộc đời chỉ là hạnh phúc gượng gạo, chứ không phải hạnh phúc thật. Vì hạnh phúc ấy được kết hợp bởi hai thứ không giống nhau, làm sao trường cửu được. Chẳng qua gắng gượng điều hòa nên cuộc sống tạm an ổn, tạm vui, chứ không có hạnh phúc nào hoàn toàn như ý. Kể cả ông vua cũng không như ý, bởi vì vua cũng có người chống, người phản chứ đâu phải ai cũng nghe theo. Vì vậy chúng ta phải điều hòa để cuộc sống được tốt đẹp. Như vì nồi cơm chúng ta phải điều hòa lửa, nước. Nhờ có điều hòa nước, lửa nên chúng ta có cơm ăn ngon.

Cũng vậy, trong cuộc sống khéo điều hòa thì gia đình hạnh phúc, vợ chồng vui, con cái tốt. Đừng bao giờ nghĩ tưởng dùng thế mạnh đàn áp người ta phải theo mình. Bởi vì khi người bị đàn áp họ phải tuân theo,

nhưng trong lòng không phục, thế nào có lúc cũng phản ứng lại. Khéo điều hòa quân bình mới tốt, mới là người khôn ngoan. Còn mình giỏi, mình khôn bắt người ta phải theo đó là chưa thật khôn ngoan. Đây là chuyện mâu thuẫn và điều hòa giữa con người, gia đình, xã hội.

Bây giờ phải điều hòa bằng cách nào? Phật dạy, muốn điều hòa phải tập hai đức tánh nhẫn nhục và hỷ xả. Thế gian nói nhẫn nhịn và tha thứ. Muốn nhẫn nhịn và tha thứ, trước tiên chúng ta phải có cái nhìn thật đạo lý. Có lần tôi được hỏi: “Thầy làm Phật sự có gặp những trở ngại do người khác tạo ra không?” Tôi đáp: “Có!” Hỏi: “Như vậy Thầy nghĩ sao về người gây trở ngại cho Thầy?” Tôi đáp: “Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm thôi.”

Nhìn cuộc đời phải như vậy. Những người đã thông cảm thì tốt với mình, còn những người tuy chưa thông cảm nhưng họ cũng là bạn, chứ không có thù. Như vậy trong gia đình, vợ chồng chẳng lẽ coi nhau như kẻ thù. Nếu có chuyện vui buồn xảy ra thì cũng nghĩ rằng đây là người bạn chưa được thông cảm, rồi sẽ tìm cách thông cảm, đừng bao giờ coi như kẻ thù. Chẳng những trong gia đình mà kể cả mọi người bên ngoài, chúng ta phải có cái nhìn cởi mở, thương yêu. Có thể mới giải quyết được nỗi khổ của con người.

Trên thế gian này tràn trề đau khổ bởi vì người mạnh cứ nghĩ mình hơn, rớt cuộc gây đau khổ hoài.

Chúng ta tu hành nên sống đem lại an vui cho mình, cho người. Muốn được như vậy mình đừng xem ai là kẻ thù hết. Đó là chúng ta biết sống, biết tu. Làm sao trong cuộc sống gia đình chồng vợ biết nhịn nhau, đã là bạn đời nên hòa vui, đừng bao giờ thù hận. Nếu thấy là kẻ thù thì dễ đi đến đổ vỡ tan nát. Cuộc sống từ cá nhân, gia đình cho tới tập thể, không bao giờ hoàn toàn đúng theo ý mình, được chừng sáu mươi bảy mươi phần trăm là tốt lắm rồi, đừng đòi hỏi như ý trăm phần trăm. Những người đòi hỏi như vậy là hiểu sai lầm, không đúng lẽ thật.

Bây giờ làm sao để chúng ta thấy mọi người xung quanh là bạn? Phải tập nhẫn nhịn. Bởi vì con người ai cũng có sẵn “ác tâm sở” là nóng giận, nam nữ chi cũng biết giận. Khi mình nổi giận nói lời không phải thì người khác cũng nổi giận nói lời không phải. Vậy làm sao? Cái phải về mình hết hay mỗi bên nhường một chút. Chúng ta có tật hay cãi lý. Cãi cho ra lý mà lý không có thật, thường thường lẽ phải ở kẻ mạnh chứ không có thật lý. Cho nên đừng đòi hỏi lẽ thật, chỉ có ai mạnh, ai được nhiều người bênh vực thì người đó phải. Còn ai yếu, ít người bênh vực thì không phải. Ở đời là như vậy thôi.

Thời nay người ta dùng lá thăm, dù người không hay lắm nhưng được lòng thiên hạ thì cũng được thăm, còn người dù cho hay mà thiên hạ không hiểu cũng không được thăm như thường. Đừng cho rằng những gì hay, những gì phải thì mọi người sẽ hưởng ứng.

Chỉ khéo được nhiều người mến, được nhiều người ủng hộ hoặc đưa ra những gì đúng với sở nguyện của họ thì họ hưởng ứng, họ theo mình. Ngược lại dù có đưa ý kiến đúng mà họ không muốn thì cũng không theo như thường. Như vậy không hẳn nhiều người khen là lẽ phải. Lâu nay chúng ta cứ ngỡ rằng được nhiều người chấp nhận, đó là lẽ phải. Không phải như vậy.

Chỉ chúng ta tùy thuận, nhường nhịn nhau để mà sống. Đừng nói việc này phải, ai làm khác thì sát phạt họ, nghĩ như vậy là không được. Người chồng thấy mình phải, người vợ cũng thấy mình phải rồi đòi sát phạt nhau. Như vậy là có hai quan tài rồi. Trong cuộc sống, chúng ta phải một phần, người kia phải một phần, thôi thì nhường nhịn nhau cho tốt đẹp, đó là hạnh nhẫn nhục của đạo Phật.

Nhưng nếu nhịn nhau mà không tha thứ, cứ nhớ lỗi người ta hoài thì điều hòa được chưa? Bữa nay nhịn chứ mai một gặp việc cũng bùng nổ nữa. Đó là căn bệnh người ta hay chứa trong lòng. Ai làm phật lòng lần đầu ráng nhịn, mai một gặp nữa thì nói tôi nhịn lần thứ hai rồi ghen. Như vậy không phải điều hòa thật. Chúng ta nhịn thì phải bỏ qua luôn, đừng nhắc tới nhắc lui. Nhịn mà không chịu quên cứ nhắc hoài. Nhắc hoài người kia cũng sân lên, rốt cuộc không ai nhịn ai cả.

Vì vậy mong quý Phật tử khéo nhẫn nhịn với nhau. Qua sự nhẫn nhịn đó chúng ta còn phải hỷ xả, nghĩa là vui mà bỏ chứ đừng gượng bỏ. Bởi vì chẳng qua tất cả chúng ta đều do khờ dại mới cãi vã với nhau. Biết rồi

thì bỏ hết đừng thềm giận hờn gì nữa. Chứ còn nghĩ mình phải, kia quấy rồi ôm ấp, mai một gặp việc cãi lại nữa, rốt cuộc không hết khổ đau.

Phương pháp nhẫn nhịn sẽ đưa chúng ta tới chỗ an ổn. Nhẫn nhịn là khéo léo điều hòa ngọn lửa, đừng để nước dập tắt lửa, cũng đừng để lửa đốt cạn nước. Ở gia đình, vì con cái nên vợ chồng nhường nhịn nhau. Ngoài xã hội, vì một lý tưởng nào đó mà người ta phải nhịn nhau. Trong đạo thì vì đạo đức cao thượng nên nhường nhịn nhau, tha thứ nhau. Nhờ thế mà gia đình, tập thể mới thật có an ổn, thật có vui tươi. Nếu không như vậy chẳng bao giờ chúng ta có niềm vui. Chồng với vợ gặp nhau gượng nói chuyện chứ trong bụng không ai ưa ai, thì đó là nỗi khổ lớn nhất trong gia đình. Ngoài xã hội cũng thế.

Do biết cuộc đời là mâu thuẫn nên chúng ta phải điều hòa bằng hai hạnh: hạnh nhẫn nhục và hạnh hỷ xả. Muốn được nhẫn nhục, hỷ xả, trước phải có tâm từ bi, thấy tất cả là bạn, không có ai thù. Ba điều đó từ bi là trước, rồi nhịn sau, tha thứ nhau. Không có từ bi thì không thể nhẫn nhịn và tha thứ được. Cứ cho người làm trái ý mình là kẻ thù thì không bao giờ chúng ta nhường nhịn. Cho nên đừng thấy ai là kẻ thù cả, chỉ có bạn đã thông cảm và chưa thông cảm. Đó là tâm từ bi. Chính do tâm từ bi nên chúng ta mới nhường nhịn, tha thứ nhau được. Chúng ta ứng dụng giáo lý của Phật trong cuộc sống thì cuộc sống vừa có đạo đức, vừa được an vui.

Đó là ba điều kiện để chúng ta điều hòa sự mâu thuẫn. Tuy khó nhưng phải ráng ứng dụng trong cuộc sống, nếu không ắt sẽ chịu khổ thôi. Hiểu được vậy chúng ta mới biết sống và sống có hạnh phúc, còn tranh phải quấy hơn thua thì không bao giờ hạnh phúc. Đó là lẽ thật.

Tóm lại, muốn cho sự sống tốt đẹp bình yên phải hội đủ ba điều kiện: từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả. Nói theo thế gian là tình thương, nhẫn nhịn và tha thứ. Điều cấm kỵ nhất là đừng bao giờ ôm ấp ảo tưởng rằng ai cũng tùng phục ta, chiều theo ý muốn của ta hết. Đó là lầm to. Kinh nghiệm trong cuộc sống đã cho thấy, tôi sống chung quanh năm sáu trăm tăng ni, không bao giờ tôi dám ảo tưởng rằng ai cũng giống hệt tôi và tôi nói ai cũng nghe. Có những điều họ nói không vừa ý tôi, nhưng rồi tôi cũng bỏ qua, không buồn. Nếu mỗi chút mỗi buồn thì chắc tôi chết sớm rồi. Thôi thì việc gì cũng bỏ qua, miễn họ tu được là tốt.

Vì vậy quý Phật tử nhớ, vợ chồng có gì trái ý nhau nên bỏ qua, miễn gia đình bình yên, con cái học hành đàng hoàng, khôn lớn nên người là được rồi, những gì riêng tư bỏ qua hết. Vì việc chung nên bỏ cái riêng thì sẽ được an ổn. Ở trong gia đình chẳng những vợ chồng không giống nhau mà cha mẹ, con cái cũng không giống nhau. Muốn được bình yên vui vẻ thì trên dưới cũng phải điều hòa. Cái khổ là cha mẹ không bao giờ nhịn con. Con có chịu nhịn hay không chịu nhịn cha mẹ thôi chứ cha mẹ không bao giờ nhịn con; mà chắc gì cha mẹ

đã trúng trăm phần trăm. Bởi vì người ta cứ cho rằng cha mẹ sanh ra con cái nên cha mẹ là bề trên, con cái không có quyền cãi. Nhưng thật ra cha mẹ sanh là sanh thân thể thôi, chứ đâu có sanh được tâm hồn. Tâm hồn con cũng có cái hay riêng của con nên cha mẹ cũng phải nhịn. Như tôi là thầy, đâu thể nhịn trò, nhưng có khi thầy cũng bỏ qua. Bỏ qua tức là nhịn rồi. Nhờ vậy tôi điều hòa được mấy trăm người, nếu bắt như mình mà người ta không được như mình, rồi đuổi đi hết thì thôi, chắc tôi cũng sống một mình tôi. Hiểu được như vậy mới thấy nhờ chúng ta khéo điều hòa nên mọi việc được tốt đẹp. Đây là phương pháp thứ nhất, phương pháp tương đối.

Bây giờ tới phương pháp thứ hai là phương pháp tuyệt đối, phương pháp này ít người thực hiện được. Đó là khi nào chúng ta dẹp được tâm đối đãi của mình, tâm sở thiện, tâm sở ác hết chùng đó hoàn toàn khỏi nhãn nhịn, khỏi tha thứ gì cả. Nên nói tuyệt đối là vậy. Cũng như Lục tổ Huệ Năng bảo thượng tọa Huệ Minh: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay câu nói này Huệ Minh liền nhận ra bản lai diện mục của mình. Bản lai diện mục đó không có hai bên, mà không có hai bên thì đâu còn mâu thuẫn. Không còn mâu thuẫn mới là vĩnh viễn an lành. Đây chính là mục đích Phật nhắm đến để dạy chúng ta tu đạt được giải thoát viên mãn.

Cũng như trong Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm.” Tin mình có tâm

chân thật thì không còn hai. Không còn hai mới tin được tâm chân thật của mình. Còn thiện tâm sở và ác tâm sở không phải thật tâm của mình. Một nhóm tham lam và một nhóm hiền lành, hai nhóm đó lặng xuống mới hiển bày tâm chân thật của mình. Được tâm chân thật rồi thì cười hoài, không cần nhẫn nhịn, không cần tha thứ gì nữa. Nhưng nếu hai thứ đó còn thì phải từ bi, nhẫn nhịn, hỷ xả cuộc sống mới yên. Chừng nào chúng ta thoát ra hai thứ đó thì được an ổn vĩnh viễn. Quý vị thấy tổ thứ ba, tổ thứ sáu đều dạy chúng ta bỏ hai thứ đó. Bây giờ gần nhất là tổ Trúc Lâm, ngài có bài kệ “Hữu cú vô cú”, tức là “Câu có câu không”. Người còn thấy có, thấy không là còn thấy hai. Tôi tạm dẫn vài câu trong bài kệ ấy:

Hữu cú vô cú

Tự cố tự kim

Chấp chỉ vong nguyệt

Bình địa lục trầm...

Nghĩa là thấy có thấy không, từ xưa đến nay, như người chấp ngón tay quên mặt trăng. Ngón tay chỉ mặt trăng mà cứ cho là mặt trăng chính tại đầu ngón tay. Đó là kẻ ngu xuẩn. Phải bỏ ngón tay mới thấy mặt trăng ở trên kia. “Bình địa lục trầm”, tức là trên đất bằng mà chết chìm, đây là chỉ cho những kẻ quá ngu xuẩn. Còn hai bên là còn đau khổ, còn ngu xuẩn. Chừng nào hết hai bên mới được tự tại, an lành. Nên phải hiểu quý thầy dạy Phật tử tu, ngồi thiền để làm gì?

Để bỏ tâm chạy theo hai bên. Ngồi thiền thì nghĩ ác, nghĩ lành gì cũng bỏ hết để đi tới chỗ không còn hai, khi đó mới hoàn toàn giải thoát. Còn có hai thì không bao giờ giải thoát được.

Do đó chúng ta mới hiểu ý nghĩa tại sao mình phải ngồi thiền, tại sao mình bỏ hết tất cả vọng tưởng thiện, ác. Bởi vì còn thiện tức là còn ác đối đãi, phải buông cả hai tâm mới yên. Tâm yên mới là tâm chân thật, còn tâm nghĩ thiện nghĩ ác v.v... chưa phải tâm thật. Lâu nay chúng ta cứ tưởng nó thật, giống như cho đầu ngón tay là mặt trăng. Không ngờ bỏ đầu ngón tay, nhìn tận chân trời mới thấy mặt trăng, người tu phải khôn ngoan ở chỗ này. Bởi vì tu là siêu thoát. Siêu thoát nghĩa là không kẹt trong đối đãi. Không đối đãi mới qua được các thứ mâu thuẫn khổ đau, hoàn toàn an lành tự tại, nên mục đích cuối cùng của người tu Phật là không còn thấy hai. Được vậy tự nhiên hết mâu thuẫn, không còn gì chống đối.

Song nếu người chưa qua khỏi hai bên thì phải tập tu từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả cuộc sống mới yên lành. Bước đầu quý Phật tử nên tập từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả trước cho sự mâu thuẫn trong mình được điều hòa, cuộc sống bình an. Lấy đây làm bài học thì có thể nói kêu một chút là có một triết lý sống. Vì lâu nay Phật tử sống mà không biết sống làm sao, cho nên ai cũng nuôi cực đoan trong mình, rồi mang lấy đau khổ, kêu trời trách đất hoài. Nếu biết được lẽ sống như vậy cuộc sống rất bình an. Giỏi hơn nữa, vượt qua luôn sự đối đãi

thì thành thánh, không nói thánh cũng là thánh, có việc gì phải buồn. Bây giờ chúng ta còn thương người làm lành ghét người làm ác, nên còn hai tức còn đối chọi. Chỉ khi nào qua được hai bên mới hết mâu thuẫn. Ý nghĩa của đạo Phật cao siêu là vậy.

Phật tử ứng dụng được đạo lý này trong cuộc sống thì thật là hay, bằng ngược lại thì học Phật bao nhiêu cũng chẳng có ích lợi gì cả. Quý vị hãy nhớ câu này: “Trước mặt không có kẻ thù” thì cuộc sống được nhiều an lạc. Đạo lý thật hay nhưng đôi khi tôi thấy rất buồn vì kể cả người tu cũng không thực hành nổi, cứ thù người này, giận người kia. Người tu mà nói giận người này, thù người kia thì chưa phải người tu. Người hiểu thấu đáo cuộc sống rồi thì chỉ cười thôi, không có gì quan trọng hết. Khi đặt vấn đề quan trọng, có người hưởng ứng với mình là bạn, không hưởng ứng trở thành thù, như vậy mãi thì phải chịu đau khổ thôi.

Có nhiều người hỏi tôi: “Thầy có thuật gì mà điều hòa mấy trăm tăng ni và nhất là bên ni?” Tôi nói: “Ai đến thưa kiện người này sai, người kia trái, tôi đâu có xử. Tôi bảo thấy người ta quấy thì mình cũng đã quấy rồi.” Nhờ vậy không ai dám đến thưa kiện nữa. Quý Phật tử thấy có phải thế không? Vì chưa bao giờ hai người cãi nhau mà có người chịu mình quấy, nhưng làm sao cả hai đều phải được, cho nên thấy người quấy là mình đã quấy trước. Không quấy thì không cãi, đã cãi thì có quấy. Từ kinh nghiệm sống cho đến việc tu tập Phật dạy rất nhiều, nhưng trọng tâm đều nằm ở những điểm đó.

Điểm ưu việt của Phật giáo đời Trần chính là chủ trương tam giáo đồng nguyên. Thiên tông dung hợp chứ không thấy đây khác kia để rồi đi đến chống chọi nhau. Do đó người trong nước theo đạo Lão, đạo Khổng không chống với đạo Phật. Nhờ ba tôn giáo hòa nhau nên dân mạnh, đó là điểm rất hay.

Tóm lại, mục đích buổi nói chuyện hôm nay hết sức rõ ràng, tôi mong rằng quý Phật tử nghe rồi áp dụng những điều tôi nói vào cuộc sống cho khéo, cho đầy đủ ý nghĩa, mới thấy niềm vui hiện tại - sống là vui.



TRỞ VỀ VỚI NGUỒN GỐC

Buổi nói chuyện hôm nay có đề tài là Trở Về Với Nguồn Gốc. Chúng ta tu theo đạo Phật thì phải phải tìm tận nguồn gốc của đạo Phật. Nắm vững gốc rồi thì tìm kiếm thân thể ngọn ngành không khó.

Nếu không nắm được gốc, tu dễ lệch lạc trái với đường hướng Phật tổ đã dạy. Khi mới xuất gia tu học Phật pháp, tôi tự đặt câu hỏi lý do gì đức Phật đi tu, ngài thành đạo chứng quả là thành cái gì, chứng cái gì. Đó là những thắc mắc về đức Phật. Trong chùa, thấy phía sau thờ tổ, tôi cũng muốn biết tại sao các ngài thành tổ, tu pháp gì và chứng cái gì mà thành tổ. Đó là hai thắc mắc về Phật và tổ.

Tôi muốn mình tu phải có căn bản về giáo lý thật vững chắc. Nếu không phải ra manh mối, chúng ta tu theo Phật mà không biết Phật tu pháp gì, tu theo tổ cũng không biết tại sao các ngài thành tổ thì tu làm chi. Vì vậy khi tra tìm trong lịch sử đức Phật, tôi thấy

rõ những điều này. Ai đọc lịch sử Phật cũng đều biết, khi thái tử Sĩ-đạt-ta dạo bốn cửa thành, ngài gặp người già thân thể gầy còm rất đau khổ ở cửa thành thứ nhất, người bệnh đang rên rỉ trên đường ở cửa thành thứ hai, người chết ruồi bu kiến đậu rất ghê sợ ở cửa thành thứ ba. Cuối cùng đến cửa thành thứ tư, ngài thấy một vị Sa-môn đang đi rất thanh thản thông dong.

Qua bốn hình ảnh đó ngài suy gẫm tường tận về kiếp sống của con người, ai rồi cũng già bệnh chết. Tất cả chúng ta có mặt trên thế gian này trong mấy mươi năm, hoặc ít hoặc nhiều, người nào cũng đi đến kết thúc bằng già, bệnh và chết. Như vậy đời sống của con người trong cảnh thuận, mới nhìn dường như vui vẻ, trong cảnh nghịch lại thấy đau khổ. Vậy mà hầu hết họ đều ôm ấp tưởng tượng mình hạnh phúc, thật sự không tìm đâu ra hạnh phúc, chỉ là một chuỗi dài nhiều bất mãn, đau buồn hơn là niềm vui.

Khi quán sát như thế, đức Phật biết đã làm người thì đau khổ dồn dập tới bằng ba hình tướng già bệnh chết. Đó là một bản án không ai chạy khỏi. Chính ngài tự thấy những gì gọi là hạnh phúc, an vui, sang trọng, giàu có v.v... ở thế gian chỉ là tạm bợ, tất cả sẽ đưa tới kết thúc bằng già bệnh và chết. Thế nên ngài không yên lòng và tìm đường đi để giải quyết ba vấn đề nghiêm trọng già bệnh chết.

Ngài tự đặt nghi vấn, câu hỏi thứ nhất “Con người trước khi ra đời ở đâu, là gì.” Câu hỏi thứ hai “Sau khi nhắm mắt con người sẽ đi về đâu, còn hay là mất?”

Câu hỏi thứ ba “Có phương pháp nào để giải quyết sanh già bệnh chết hay không?” Ba câu hỏi này là một vấn đề to lớn của kiếp người. Bấy giờ trong lòng ngài bất an, không thể nào ngồi yên hưởng cảnh giàu sang tạm bợ, cũng không thể nào ngồi yên trông thấy người trước già chết, người kế già chết, tới mình già chết. Phải làm sao giải quyết vấn đề này.

Như vậy trọng tâm đức Phật đi tu là giải quyết thân phận con người. Ngài xuất gia hoàn toàn vì con người, vì nhân loại chứ không phải vì một cá nhân riêng tư, vì một hoàn cảnh xã hội, đất nước nào. Trên đường tầm đạo, ngài gặp những vị thầy dạy tu thiền nhưng chưa giải quyết được ba nghi vấn trên. Vì vậy ngài từ giã họ đi nơi khác. Sau ngài ứng dụng phương pháp khổ hạnh chịu khổ cực triệt để nhưng vẫn không giải quyết được ba vấn đề ngài ôm ấp. Cuối cùng từ bỏ khổ hạnh ngài đến cội bồ-đề thiền định bốn mươi chín ngày đêm. Đến đêm thứ bốn mươi chín, trong sử kể lại rất rõ từ canh một tới canh hai ngài chứng Túc mạng minh. Ngài thấu suốt tất cả vô số kiếp về trước mình đã sanh ở đâu, tên họ gì, cha mẹ là ai, xứ sở nào... ngài thấy tường tận không một chút hồ nghi. Chứng Túc mạng minh ngài giải quyết được nghi vấn thứ nhất, trước khi có mặt ở đây ta là ai, những sự việc này ngài kể lại và được biên tập thành kinh Bản Sanh.

Kế đến từ canh ba tới canh tư, ngài chứng được Thiên nhãn minh, ngài biết rõ sau khi chết con người còn hay mất, nếu còn thì đi đâu. Ngài thấy rõ sau khi thân này hoại, chúng sanh theo nghiệp lành hay dữ

mà đi nơi này nơi nọ. Nên Phật nói chúng ta chết rồi không phải hết mà theo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Lục đạo tức sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, người, trời. Ngài thấy chúng sanh chết đây sanh kia như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua người lại một cách rõ ràng, không nghi ngờ. Vì vậy ngài mới dạy chúng ta muốn đời sau sanh cõi lành phải tu các điều thiện, còn tạo các điều ác phải đọa các cõi dữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó là do chúng ta gây nghiệp nên phải chịu, không phải ai làm cũng không ai thưởng phạt mình. Chúng được Thiên nhãn minh đức Phật giải quyết được nghi vấn thứ hai.

Từ canh tư mãi đến canh năm, khi sao mai vừa mọc ngài chứng được Lộ tận minh. Chử lộ là lọt, tận là sạch, minh là sáng. Lộ tận minh là dứt sạch mầm sanh tử, không còn trở lại thế gian này nữa. Ngài thấy rõ con người do nguyên nhân nào tiếp tục trong vòng sanh tử và muốn dứt vòng sanh tử phải làm sao. Sau khi chứng được Lộ tận minh, ngài tuyên bố đã thành Phật, là bậc đại giác. Nếu đức Phật không ôm ấp tâm niệm nghĩ về thân phận con người, làm sao ngài có được ba minh đặc biệt đó.

Khi đã thành Phật ngài nhớ tới những người bạn đồng tu khổ hạnh, đó là nhóm anh em ngài Kiều-trần-như nên tìm tới vườn Lộc Uyển. Gặp nhau, các vị đó nhận ra ngài rất đặc biệt nên mời thuyết pháp. Bài pháp đầu tiên Phật nói là pháp Tứ đế. Tứ đế là gì? Là khổ đế, tập đế, đạo đế và diệt đế. Khổ đế là quả đau khổ do sanh già bệnh chết của kiếp người. Nhân loại không ai

tránh được nên gọi khổ đế, đế là khẳng định không sai chạy. Quả khổ đó không phải ngẫu nhiên mà có, nó từ nhân. Nhân là tập đế, tức sự nhóm họp lại thành. Nhân nhóm họp lại thành quả. Nhân đó gồm những gì? Trong kinh kể có nhiều thứ, tựu trung có hai thứ chính là căn bản phiền não và tùy phiền não.

Căn bản phiền não có sáu thứ: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Tùy phiền não có hai mươi thứ, như: phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu... nhiều lắm. Chữ Hán giải hơi lâu, tôi chỉ kể đại khái thôi. Như vậy thân này không phải ngẫu nhiên có mà do nhân căn bản phiền não, cô đọng lại là tham sân si. Do tham, sân, si tạo thành thân. Như quý vị thấy thân mình già bệnh sắp chết thì có niệm gì? Sợ chết. Vì sao? Vì sợ mất thân. Sợ mất thân tức là muốn sống. Muốn sống gọi là tham sanh. Bởi tham sanh nên mất thân này muốn kiếm thân khác tốt xấu khổ vui gì cũng được, phải có thân kế mới được. Đó là nhân tạo thành nghiệp dẫn chúng ta thọ sanh đời sau. Thân kế tiếp hay thân hiện tại này do nhân của quá khứ hoặc nhân hiện tại tạo thành. Cứ thế tiếp tục sanh tử liên miên không bao giờ dứt, nên Phật gọi là luân hồi sanh tử. Cứ quanh vòng chết đi sống lại, chết đi sống lại mãi không cùng, chịu đau khổ triền miên. Đã có nhân sanh tử thì quả sanh tử không tránh được. Đó là nhân và quả đi trong luân hồi sanh tử.

Bây giờ muốn hết luân hồi sanh tử phải làm sao? Phải dẹp hết nhân sanh tử nên Phật dạy Đạo đế. Đạo đế là phương pháp diệt trừ nhân gây sanh tử. Trong đạo đế

có ba mươi bảy phẩm trợ đạo, như tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo... Ba mươi bảy phẩm này là phương pháp tiêu diệt mầm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... nói đủ là tất cả các thứ phiền não. Phiền não dẹp hết sẽ đi tới quả an vui là Diệt đế. Diệt đế còn gọi Niết-bàn.

Như vậy trong pháp Tứ đế có hai cặp: cặp thứ nhất là nhân quả của sanh tử, cặp thứ hai là nhân quả của Niết-bàn hay thoát ly sanh tử. Ai ôm ấp tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... là nuôi dưỡng nhân sanh tử đời sau. Ai muốn diệt hết những nhân này thì dùng phương pháp đạo để đi tới quả Niết-bàn. Niết-bàn có nhiều nghĩa nhưng nghĩa chánh là vô sanh, tức không còn sanh tử nữa.

Nếu đức Phật không chứng được Lộ tận minh, làm sao ngài biết từ nhân nào tạo ra sanh tử và phương pháp diệt sanh tử để đi tới Niết-bàn an lạc. Từ đầu ngài ôm ấp những nghi vấn, rồi từ từ giải quyết được những nghi vấn đó. Ngài thấy tường tận số kiếp của con người vì sao đi trong sanh tử, làm sao để giải thoát sanh tử. Thấy tường tận như thế ngài giác ngộ thành Phật, thỏa mãn được những gì từ buổi đầu ôm ấp. Nếu không có ba nghi vấn đó ngài không bỏ các vị tiên nhân để tìm tu cho tới giác ngộ. Nếu không có ba nghi vấn đó ngài cũng sẽ không chứng ba minh đặc biệt trên.

Trong pháp Tứ đế, Phật dạy người tu diệt hết nhân sanh tử thì được giải thoát. Nhưng ngài không nói giải thoát sanh tử, nên nhiều người đặt câu hỏi,

diệt hết nhân sanh tử được giải thoát là giải thoát cái gì, giải thoát rồi đi đâu? Nếu chúng ta không khéo, không biết tu cũng hơi hoang mang với nghi vấn này. Nói giải thoát là giải thoát cái gì đây. Bởi thuyết của Phật là vô ngã, không có cái ta, bây giờ nói giải thoát thì ai giải thoát. Đó là một nghi vấn lớn.

Quý Phật tử thử nghĩ nếu tâm mình được định, thì tham sân si mạn nghi ác kiến có khởi không? Nhất định là không. Tâm an định thì không dấy niệm, làm gì có tham, sân, si v.v... Như vậy tất cả phiền não gốc từ niệm mà khởi. Dấy niệm lên nghĩ cái đó tốt mình tham, cái kia xấu mình chê... Niệm khởi là gốc ban đầu để tạo nghiệp. Nghiệp xấu tốt gì cũng từ đó mà ra cho nên có niệm thiện niệm ác. Niệm thiện thì tạo nhân tốt, niệm ác tạo nhân xấu. Do niệm khởi tạo nhân thì quả sanh cõi lành cõi dữ, chứ không thể giải thoát sanh tử, vì còn niệm là còn tạo nghiệp. Nếu không còn niệm nào lúc đó nhân gì đưa tới sanh tử? Không còn niệm thì đâu có tạo nghiệp, không tạo nghiệp làm sao bị sanh tử dẫn đi được.

Chúng ta thấy đức Phật do tu thiền định mà sạch hết nghiệp, mới chứng quả giải thoát sanh tử. Bây giờ lúc ngồi thiền hoặc ngồi chơi bình thường, tâm quý vị không dấy niệm thì có phiền não không? Không. Lúc đó có mình không? Tâm không dấy niệm nhưng nghe, thấy vẫn tự nhiên, rõ ràng. Biết nghe, biết thấy, biết xúc chạm là có mình. Cái mình khi không niệm khởi có chấp ngã, chấp nhân không? Không niệm nên không chấp chi cả. Chỗ này hết sức quan trọng.

Lâu nay chúng ta lầm chấp thân tướng luôn biến chuyển sanh diệt là mình. Nếu thế khi nó hoại đi, mình ở đâu? Đó là điều không ổn. Kế nữa ta cho những ý nghĩ tốt xấu hơn thua v.v... là tâm mình. Ý nghĩ đó khi có khi không, như vậy chẳng lẽ mình cũng lúc có lúc không? Ý niệm là những bóng dáng gặp duyên thì phát, hết duyên liền mất. Vậy mà hiện giờ chúng ta bị nó chi phối trọn vẹn. Ai nghĩ hợp với mình, mình thương. Ai nghĩ khác mình, mình ghét. Buồn thương giận ghét cả ngày vì chấp những ý niệm là thật mình.

Người nào thấy thân này không thật, tâm niệm nghĩ suy không thật là thấy được một phần lẽ thật, một phần giác ngộ. Còn giác ngộ sâu thẳm là khi không có tất cả ý niệm, cái biết vẫn hiện tiền, không tướng không động. Do không tướng không động nên không vô thường sanh diệt. Đó là cái giải thoát sẵn nơi mình mà ta bỏ quên. Thời đức Phật, ngài không nói tới cái đó mà chỉ nói giải thoát sanh tử. Tại sao ngài không nói? Vì thời đó đức Phật đang bị áp lực của đạo Bà-la-môn. Đạo Bà-la-môn cho rằng có linh hồn bất biến, ngài sợ nếu nói có cái mình thật, người ta tưởng lầm đó là linh hồn hoặc thân ngã của Bà-la-môn. Phật chỉ nói dứt hết nhân sanh tử được giải thoát.

Tới thời các tổ, các ngài gọi đó là bản lai diện mục, tức mặt thật xưa nay sẵn có của mỗi người. Nói theo kinh đó là Phật tánh, chân tâm, giải thoát sanh tử... Như vậy giải thoát sanh tử là nhận ra cái chân thật của chính mình, cái đó không còn bị nghiệp dẫn đi

trong sanh tử nữa. Khi nào quý vị ngồi yên chừng năm phút không một niệm nghĩ suy, lúc đó có biết mình đang ngồi không? Biết rõ ràng nhưng không diễn tả được cái biết ấy, vì nó không có tướng mạo, không chỗ nơi. Một cái hằng hữu như vậy mà lâu nay chúng ta bỏ quên, nên cứ chịu trôi lăn trong sanh tử. Phật nói chúng sanh rất đáng thương.

Từ đức Phật đến chư tổ dạy không khác nhau. Các kinh A-hàm lấy Tứ diệu đế làm gốc, giải thoát là dứt hết mầm sanh tử. Mầm sanh tử từ ý niệm mà có. Như vậy niệm hết thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì hết sanh tử, hết sanh tử là giải thoát. Chư tổ cũng thế. Tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Hoa chưa đủ duyên, ngài tới chùa Thiếu Lâm chín năm xây mặt vào vách không nói gì cả. Đến lúc Thần Quang tới cầu đạo, đứng dưới tuyết cả đêm, gương mặt không thay đổi. Tổ nhìn ra thấy, hỏi:

- Ông đến đây cầu gì mà khổ hạnh như vậy?

Thần Quang trả lời:

- Bạch Hòa thượng, con đến đây cầu ngài dạy cho pháp giải thoát.

Tổ quở:

- Chư Phật và Bồ-tát thuở quá khứ tu hành có khi phải bỏ cả thân mạng để cầu đạo sau này mới được. Ông dùng chút ít khổ hạnh thế ấy làm sao cầu đạo được?

Ngài liền chặt cánh tay dâng lên nói:

- Con xin dâng cánh tay này để cầu đạo.

Bấy giờ tổ Bồ-đề-đạt-ma mới khen và nhận làm đệ tử, đổi hiệu là Huệ Khả tức có trí tuệ khá đó.

Câu chuyện mới nghe có vẻ thần thoại, nhưng thật tình hình ảnh ngài Huệ Khả chặt tay cầu đạo để nói lên tinh thần người muốn đạt đạo phải quên mình, không thể trọng thân mà đạt đạo được. Thân vô thường bại hoại mà chúng ta quý nó thì làm sao có được thân thật, nên trước phải xem thường thân hư giả. Phật tử ngồi thiền đau chân quá có rên không? Có. Đau nhưng chết không? Không. Không chết thì chưa sao, phải tập gan dạ coi thường thân. Nếu mình nuông chiều thân này thì không bao giờ tìm được cái cao siêu hơn.

Khi được tổ Đạt-ma nhận làm đồ đệ, một hôm ngài Huệ Khả thưa:

- Bạch Hòa thượng, tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm.

Tổ Đạt-ma bảo:

- Đem tâm ra ta an cho.

Câu nói nghe như đùa, nhưng ngài Huệ Khả không dám xem thường Tổ, vì vậy xoay tìm cái tâm ở đâu để đem ra. Tìm một hồi không được, ngài thưa:

- Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ngươi rồi.

Ngay đây ngài Huệ Khả liền nhận được pháp tu, thấy đường vào nên sụp xuống lạy Tổ. Tổ dạy đơn giản

như vậy có hợp với lời dạy của Phật trong pháp Tứ đế không? Lâu nay chúng ta cho tâm là cái suy nghĩ của mình. Nghĩ tốt, nghĩ xấu, nghĩ hay, nghĩ dở tất cả cái nghĩ đó gọi là tâm. Nhớ chuyện này, tính chuyện kia, chạy tứ tung thành ra tâm bất an. Lẽ ra Tổ phải dạy cách nào để an tâm, nhưng ở đây ngài không dạy, chỉ bảo “đem tâm ra an cho”, ngài Huệ Khả liền biết đường vào.

Bình thường chúng ta nghĩ đủ thứ, bây giờ tìm xem nó ở đâu lại không thấy. Không thấy là tan mất nên Tổ nói an tâm cho rồi. Tổ chỉ cách an tâm, mới nghe thấy như không chỉ gì hết. Rõ ràng quay lại tìm, nó không còn hình bóng tức là an. Để thấy tâm lăng xăng chỉ là bóng dáng chạy đuổi theo ngoại cảnh, không thật mà lâu nay chúng ta chấp nó là tâm thật của mình. Tâm lăng xăng ấy mất mới hiện bày tâm chân thật hiện tiền. Đó là chỗ thiết yếu của sự tu.

Như vậy muốn thấy được bản lai diện mục, chúng ta phải dẹp hết tâm lăng xăng. Hiện giờ ta đang sống với cái thật hay cái giả? Cái giả. Nhận thân giả, tâm giả là mình đó là tỉnh hay mê? Mê. Biết được cái giả không còn lệ thuộc vào nó nữa, sống với cái thật đó là giác. Thế thì tìm giác ngộ ở đâu? Quay lại mình tìm, chứ không ở đâu xa hết. Không còn những niệm sanh diệt là định. Do định trí tuệ phát sáng, tâm chân thật hiện tiền. Ngay đây là Niết-bàn, là không sanh tử. Cái không sanh tử luôn luôn có sẵn nơi chúng ta, không lúc nào rời mình mà mình bỏ quên. Vì vậy Phật gọi là mê, bởi mê nên chấp giả làm thật, cái thật lại không biết.

Bây giờ biết được cái giả, không lệ thuộc nó nữa mà trở về cái thật, nhà thiền gọi là trở về cố hương. Nhận lại tâm không dấy động, yên tĩnh đó có hợp với pháp Tứ đế Phật dạy không? Trong bát chánh đạo, cuối cùng là chánh định, tức tâm không loạn nên giải thoát sanh tử. Hoặc trong năm căn, tức năm cội gốc căn bản: tín, tấn, niệm, định, tuệ. Thứ tư là định, thứ năm là tuệ, có định rồi tuệ. Tuệ là cái thật của mình hiện ra, chứ không gì lạ.

Như vậy giáo lý Nguyên thủy là Tứ đế do Phật dạy với lời Tổ dạy không khác nhau. Không hiểu thế, chúng ta tưởng Tổ dạy lạ đời không giống trong kinh Phật dạy. Phật dạy tùy căn cơ chúng sanh mà nói đủ các pháp. Còn Tổ chỉ thẳng trọng tâm cái gì là nhân sanh tử, ngay đó mình biết khỏi đi quanh co gì hết. Bởi vậy Tổ dạy gọi là “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”, tức chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Tâm hư dối dừng theo, cái chân thật hiện ra là tánh. Nhận được tánh đó thì nhân thành Phật không nghi ngờ nữa.

Tới tổ Huệ Năng, ngài ngộ từ kinh Kim Cang. Tu-bồ-đề hỏi Phật: “Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm?” Phật dạy muốn hàng phục tâm thì tất cả chúng sanh hữu sắc vô sắc, hữu tướng vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng v.v... đều đưa vào vô dư Niết-bàn. Khi nghĩ về hình tướng gọi là chúng sanh có sắc, nghĩ về tâm tướng gọi là chúng sanh hữu tướng, nghĩ về cái không phải tướng gọi là phi phi tướng... Tất cả niệm nghĩ

của mình là chúng sanh, đưa chúng vào vô dư Niết-bàn là chỗ không sanh. Nó chạy ra mình đưa vào chỗ yên lặng là vô sanh. Đó là hàng phục tâm.

Đến an trụ tâm, Phật dạy: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Nghĩa là không nên để tâm dính mắc với sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trụ tâm như vậy là không chạy theo sáu trần. Thấy cảnh tâm không chạy theo cảnh, nghe tiếng tâm không chạy theo tiếng. Cứ nghe, cứ thấy mà không dính với nó là không trụ. Đó là an trụ tâm.

Lâu nay chúng ta cứ nghĩ phân biệt sắc thanh là tâm mình, vừa có tiếng liền chạy theo tiếng, vừa có sắc liền chạy theo sắc nên bị dính hoài. Bây giờ biết nó không thật mình không chạy theo, thấy sắc nghe tiếng v.v... đều an nhiên, đó là tâm an trụ. Tổ Huệ Năng ngộ được chỗ này nên thốt lên: “Không ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, không ngờ tâm mình xưa nay trùm khắp, không ngờ tâm mình xưa nay bất sanh bất diệt...” Ngài thấy tường tận nếu không để niệm chạy theo sáu trần, đó là tâm chân thật hàng thanh tịnh.

Khi chúng ta không dấy niệm, cái biết luôn thanh tịnh trùm khắp, không giới hạn. Biết mà không dấy niệm nên không sanh diệt. Khi thấy tường tận tâm đó Ngũ Tổ mới ấn chứng cho Lục Tổ và trao y bát. Lãnh được ấn chứng ngài ôm y bát về phương Nam. Có một nhóm đuổi theo giạt lại. Trong đó, thượng tọa Minh đuổi kịp. Lục Tổ để y bát trên bàn đá, không thấy quan trọng

vì ngài không có tâm tranh giành. Huệ Minh tới bưng lên không nổi nên đổi ý kêu: “Hành giả, hành giả! Tôi tới đây vì pháp, chứ không vì y bát.” Nghe vậy ngài từ trong bụi chui ra nói: “Nếu người cầu pháp thì hãy bình tĩnh để tâm yên lặng nghe ta nói.” Huệ Minh yên lặng giây lâu, Tổ bảo: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay đó, Huệ Minh có tỉnh.

Qua câu hỏi này, chúng ta cứ tìm câu trả lời, nhưng không ngờ không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính là bản lai diện mục rồi. Không nghĩ thiện không nghĩ ác thì tâm không dấy động. Lúc đó mặt thật xưa nay hiện ra, không có gì lạ hết. Như vậy ngộ đạo là nhận được tâm chân thật của mình. Rõ ràng như vậy, đó là gốc của sự tu, là gốc của giải thoát sanh tử.

Ngài Trúc Lâm Đại Đầu-đà trong bài Cư Trần Lạc Đạo, kết thúc bằng bốn câu kệ:

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hê khốn tất miên
Gia trung hữu bảo hươu tâm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, là ở giữa bụi trần như quý Phật tử mà vui với đạo. Muốn thế phải khéo tùy duyên. Tùy duyên bằng cách nào? *Cơ tắc san hề khốn tắc miên*, nghĩa là đói đến thì ăn một ngủ liền, thấy như không tu vì thảnh thơi quá. Nhưng thật ra người tu ăn ngủ không giống như người thế gian. Người thế gian ăn đòi món này món nọ, người biết tu cho gì ăn nấy, không khởi niệm đòi ngon, chê dở. Đó là khéo tùy duyên. Người thế gian nằm xuống trần trọc không chịu ngủ, người biết tu nằm xuống ngủ khò. Đó là khéo tùy duyên. Dù hình thức cư sĩ mà đói ăn một ngủ, không đòi hỏi kén chọn vẫn là người khéo tùy duyên.

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, tức là ngay trong nhà sẵn có châu báu, không nên tìm kiếm ở đâu. Châu báu ví dụ cho bản lai diện mục hay chân tâm sẵn có của mình. Cái đó quý hơn tất cả mọi thứ trên thế gian này. Vì tất cả mọi thứ trên thế gian thuộc về tướng vô thường sanh diệt, chân tâm không phải vô thường sanh diệt nên quý hơn tất cả. Chúng ta có sẵn rồi đừng tìm ở đâu hết, mà hãy xoay lại chính mình để nhận ra.

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên, nghĩa là đối với sáu trần chúng ta không dính mắc, đó là vô tâm, là thiên. Như vậy ngài dạy đúng như Lục Tổ đã dạy. Tâm không dính mắc là tâm an định, tâm an định thì trở về hòn ngọc báu trong nhà, chứ không đâu hết.

Từ đức Phật tới chư tổ đều chỉ cho chúng ta cái gốc này. Bao nhiêu công phu của mình nằm hết trong mọi sinh hoạt đi đứng nằm ngồi đều tu, không phải chỉ ngồi mới tu. Trong nhà Phật thường nói tu cả bốn oai nghi

đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng là lúc tu. Nhưng ngồi là ưu hơn hết, thù thắng hơn hết. Tại sao? Bởi vì khi chúng ta đi, mắt ngó cái này cái kia thành ra hơi xao lãng, có những niệm lặn tẩn dấy lên mình không thấy. Tuy tu nhưng chỉ thấy được niệm thô, còn niệm tế không thấy nên yếu. Đứng cũng vậy, thấy cảnh thấy người tâm duyên theo nên khó thấy rõ tâm mình, tu được nhưng không mạnh. Đến nằm lại càng yếu hơn nữa, nằm một chút thì ngủ nên không nhớ tu. Chỉ có ngồi là thù thắng hơn hết. Nhất là ngồi thiền tư thế vững vàng nên có sức mạnh tinh thần, nhìn thấy tường tận những dấy niệm lặn xăng, chúng ta dễ dẹp hơn mấy trường hợp kia. Cho nên giai đoạn đầu của công phu, ngồi là thiết yếu vì đủ sức mạnh dẹp phá vọng tưởng. Nếu nghe nói đi đứng nằm ngồi cũng tu rồi quý vị tha hồ thì tu lâu lắm. Từ sức mạnh của ngồi tu thuần thực, sau đó đi đứng mới có khả năng kìm chế.

Như vậy tu là dẹp hết những tâm vọng tưởng điên đảo. Dẹp hết vọng tưởng điên đảo rồi thì không còn phiền não. Nhất là khi chúng ta nhận được mình có cái chân thật, thấy ai mình cũng thương, không ghét. Đó là tâm từ bi. Không phải họ sống vừa ý mình thương, không phải họ khổ sở mình thương, mà thương vì họ có cái thật như mình nhưng họ quên, rồi sống trong lao đao lận đận khổ sở. Thương là thương như vậy, tổng thống cũng thương, người bần cùng cũng thương, không phân biệt người nghèo mới thương, người giàu không thương. Vì thương là thương cái mê của chúng sanh, có cái thật mà quên không biết nên khổ. Tình thương này chính là

lòng từ bi bình đẳng trong nhà Phật. Chỉ khi nào giác chúng ta mới có được thứ tình thương ấy, còn mê đừng nói từ bi. Mê thì chỉ thương ai vừa ý, ai đẹp mắt mình thôi, không bao giờ thương tất cả được.

Bây giờ chúng ta tu để nhận ra của báu, coi thường tất cả những thứ tạm bợ giả dối ở thế gian. Thân không quan trọng, ý niệm không quan trọng thì còn tranh hơn thua với ai, phải không? Chỉ người nào cho nó thật nên mới chấp, mới giành giật hơn thua đủ thứ. Chúng ta tu để thành Phật thì phải phải tìm gốc của Phật tu, ứng dụng đúng tinh thần Phật dạy, tu như thế mới có kết quả chứ. Cứ lằng xằng bao nhiêu chuyện bên ngoài, làm sao thấy được tâm chân thật không sanh diệt. Phải có những giờ phút lặng lẽ yên tĩnh, nhìn lại mình mới nhận ra được cái chân thật ấy. Tất cả những thứ bên ngoài là phương tiện, không phải gốc, quay lại tìm tường tận cái chân thật của chính mình mới là mục đích tối thượng trong đời tu.

Trọng tâm tu của đạo Phật mới thấy như bình thường, nhưng nó tối quan trọng. Con người biết được mình thì không còn ai hơn thua giành giật nữa, tất cả đều thương nhau như ruột rà, vì có cái gì để hơn thua! Tâm lằng xằng lộn xộn là tâm điên đảo, đã là điên đảo thì có gì đâu quý giá. Bởi vậy nên tu là trở về cái chân thật, trở về chính mình. Ngộ đạo là ngộ được cái thật nơi chính mình, không có gì lạ hết.



Ý NGHĨA LỄ TRUNG THU

Thường Chiếu – 1996

Nhân ngày lễ trung thu, chư tăng tại thiền viện Thường Chiếu tổ chức đêm tiệc trà trung thu và mời tôi chứng minh. Vì vậy tôi có mấy điều nhắc nhở chư tăng ni và Phật tử tu hành.

Điểm thứ nhất tôi nhắc về sự liên hệ giữa người tu chúng ta với ngày lễ trung thu. Chúng ta lợi dụng tết trung thu của nhi đồng, tổ chức lễ trung thu trong Thiền viện. Điều đó không thể tránh khỏi một số người phê bình quý thầy cũng vui chơi như trẻ con. Đây là điểm tôi cần giải thích rõ.

Đức Phật đã từng chỉ dạy cho người tu, nhất là người tu thiền. Muốn tu đến nơi đến chốn thì phải tập tâm mình không dính, không kẹt với sáu trần, giống như những đứa anh nhi. Anh nhi tức là trẻ nhi đồng. Đối với sáu trần nó không tham, không sân, không si.

Thấy thì thấy, nghe thì nghe, biết thì biết, nó không đắm mê hay dính kẹt như người lớn.

Cho nên khi Quốc sư Huệ Trung ở núi, có người hỏi: “Hòa thượng ở núi bốn mươi năm làm những gì?” Ngài kêu một đứa bé lại, vò đầu nó nói: “Tĩnh, tĩnh, đừng để người lừa.” Đó là ý nghĩa gì? Người tu đến giai đoạn buông xả hết tâm điên đảo vọng tưởng rồi, luôn luôn hằng tỉnh hằng giác, không bị sáu trần làm mê hoặc, lôi kéo. Do đó khi chúng ta ngồi yên tu, mọi công hạnh nằm ở chỗ phải luôn luôn tỉnh, luôn luôn giác, không chạy theo, không dính mắc với sáu trần. Đó là hạnh của anh nhi, tất cả người tu thiền cuối cùng cũng phải đến đó.

Người tu thiền khi tâm đã trong sáng, thanh tịnh rồi, lúc nào cũng vui vẻ, tươi cười, không ưu phiền, bực bội, tức tối. Nếu là một thiền sư mà cứ bực bội việc này, tức tối việc kia, phiền não dôn dập thì chưa phải thiền sư. Thiền sư tâm ý luôn luôn vui hòa, có những cử chỉ thái độ hồn nhiên cũng như trẻ con. Tại sao được như vậy? Không phải vì các ngài hạn chế, bắt buộc hay là dẫn ép, mà vì nơi các ngài tâm hồn đã trong lặng, không dính mắc cái gì bên ngoài, nên mới an ổn, vui tươi, hồn nhiên như bé thơ. Tâm hồn ấy nhà Phật gọi là hạnh anh nhi.

Thiền sư nhìn trẻ con ngây thơ, khờ dại, không buồn, không khổ, không lo. Chính những điểm ấy gần với người tu chúng ta, vì vậy ta muốn hòa vui với cái vui của trẻ nhi đồng. Đó là tinh thần tổ chức lễ trung thu của chư tăng ở đây. Không phải vì ham vui mà vì muốn

nhắc nhở nhau sống với tâm hạnh hồn nhiên, tươi đẹp của trẻ thơ. Đừng ai thắc mắc, đừng ai than phiền, đừng ai bực dọc, mới là hạnh chân thật của thiên tăng.

Ý nghĩa thứ hai, Ban tổ chức nói rằng đêm trung thu trăng tròn sáng rực. Chúng ta tu hành cũng muốn làm sao đi đến chỗ giác ngộ sáng suốt như trăng rằm đêm trung thu. Nói là nói theo văn chương vậy thôi, chớ thực tế trăng hôm nay sáng không? Trăng hôm nay tối, vì bị mây che. Tôi thường nhắc tất cả tăng ni, chúng ta tu không phải tìm tánh giác từ phương trời nào, mà cốt làm sao dẹp bỏ những vọng tưởng điên đảo nơi mình. Tánh giác nơi chúng ta, ai cũng có sẵn, nên Phật mới tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Nếu chúng ta không có tánh Phật thì Phật không bao giờ tuyên bố câu ấy.

Nơi chúng ta có sẵn tánh giác, tại sao mình không thấy? Tại vì vọng tưởng cứ liên miên, hết cái này tới cái kia, nó che lấp mãi nên cả ngày chúng ta không thấy được tánh giác. Giống như đêm nay, mặt trăng không phải không hiện hữu, nó sẵn sàng trên hư không, nhưng vì mấy đám mây đen cứ liên tục kéo tới che lấp, thành thử chúng ta nhìn thấy như bầu trời tối. Bầu trời tối không có nghĩa là không trăng. Trăng vẫn rất sáng, nhưng chúng ta không thấy là vì mây che. Nơi nào không có mây che, thì mới thấy trăng sáng.

Đức Phật và các vị Bồ-tát thấy rõ nơi mình có tánh giác hiện tiền, còn chúng ta không thấy là tại sao? Tại chúng ta bị những đám mây đen phiền não che phủ. Tuy không thấy nhưng nghe Phật, Bồ-tát nói chúng ta

có tánh giác, mình tin chắc và cố gắng dẹp tan vô minh, phiền não, chừng đó chúng ta sẽ thấy như đức Phật. Đó là lẽ thật mà tất cả chư tăng ni cũng như Phật tử đang ứng dụng tu hành. Chúng ta dẹp phiền não, dẹp vọng tưởng vì muốn cho ánh trăng giác ngộ hiện ra, chứ không phải tìm sự giác ngộ từ đâu đến. Sự giác ngộ đã sẵn nơi mình, giống như mặt trăng đã sẵn trong bầu hư không, chỉ bao giờ mây tan thì trăng hiện, khỏi cần tìm kiếm ở đâu xa. Chúng ta đừng mong thành Phật, đừng mong giác ngộ, mà chỉ làm sao dẹp bỏ tất cả vọng tưởng, tất cả điên đảo đang phủ che tánh Phật của mình, tự nhiên không cầu cũng sẽ thành Phật. Đó là điều tối thiết yếu của sự tu hành.

Ý thứ ba, tôi muốn nhắc nhở chư tăng ni phải chuyên sâu vào phần thực hành. Vừa rồi, tôi đọc lại kinh Pháp Cú của hòa thượng Thiện Siêu dịch. Trong đó Phật nói thế này, người tụng kinh giỏi mà không khéo tu, gọi là thầy tụng. Người thuyết pháp giỏi mà không khéo tu, gọi là thầy thuyết. Đọc tới đây tôi thấy có chỗ thấm. Vừa rồi lại có một người khách tương đối quan trọng tới thăm, hỏi tôi:

- Thiên viện của quý thầy nuôi tăng ni, như vậy những vị tăng ni ở Thiên viện chừng bao lâu mới mãn khóa ra làm Phật sự?

Tôi trả lời:

- Nếu là học thì bốn đến sáu năm mãn một khóa, còn tu thì không định năm. Bởi không định năm nên tôi không thể nói mấy năm mãn khóa.

Vị ấy hỏi tiếp:

- Như vậy những vị ở đây, chừng nào có thể ra làm Phật sự?

Tôi trả lời:

- Chừng nào tôi thấy những vị đó đầy đủ đức hạnh, thông hiểu Phật pháp sâu, đáng tin cậy thì tôi sẽ cho ra.

Ông ta liền bẻ lại:

- Làm sao Thầy biết người đó đáng tin cậy?

Tôi đáp:

- Người nào khi học lời Phật tử dạy, ứng dụng tu được, sống được với điều đó, thì tôi tin tưởng.

Ông bẻ thêm một câu nữa:

- Như vậy chúng của Thầy ở đây hoài, không cho đi đâu hết, làm sao biết người đó đủ sức thắng những việc trở ngại, đủ sức thắng sự nóng giận?

Tôi trả lời tiếp:

- Tuy chúng ở đây không đi đâu, nhưng Thiên viện cả trăm người, ở chung với nhau mỗi người mỗi ý, chắc rằng cũng sẽ có những bất đồng xảy ra. Nếu những bất đồng xảy ra mà người nào vẫn thản nhiên tự tại, không buồn không hờn không trách, thì tôi thấy người đó được. Còn nếu có bất đồng rồi đâm ra bực bội, sân si, hờn trách nhau, tôi thấy người đó chưa được. Vì vậy tôi nghĩ ở trong chúng cả trăm người, ai đã sống được với tinh thần tha thứ hòa nhã, biết mến thương huynh đệ,

không thù địch, không chống đối, không những hiểm độc để làm phiền nhau. Tôi tin rằng những người đó sẽ làm được Phật sự. Mai kia, khi ra ngoài dù gặp cảnh khó hơn, họ có thể thắng được không khó.

Nói đến đây vị khách mới bằng lòng. Tôi giải thích thêm:

- Giả sử tăng ni ở trong Thiền viện chúng tôi, có người tới hỏi: “Thưa thầy hoặc thưa cô: “Thế nào là tam độc?”, quý thầy cô sẽ giảng rõ tam độc là gì, tại sao nói nó độc. Nghe giảng như vậy quý vị có tin người đó chưa? Chắc rằng chưa tin. Chừng nào cảnh trái nghịch đến với họ, họ không nổi sân, lúc đó quý vị mới tin họ đã biết sân là độc. Gặp cảnh đáng ham muốn mà họ vẫn thản nhiên không ham muốn, quý vị mới tin họ đã dứt được lòng tham. Gặp những việc khó xử, họ vẫn thản nhiên tự tại, giải quyết một cách nhẹ nhàng, không phiền hà, không bực bội ai hết, quý vị mới tin họ có trí tuệ. Qua cách đối xử khi gặp những cảnh trái thuận, tăng ni vẫn tự tại giải quyết, vị đó là người đáng tin.

Giảng như vậy rồi, tôi mới sực nhớ câu kinh Pháp Cú, Phật dạy nếu mình tụng kinh giỏi mà không khéo tu thì gọi là thầy tụng, thuyết pháp giỏi mà không khéo tu thì gọi là thầy thuyết. Chúng ta nói tam độc rành quá, mà ai chọc tức nổi sân âm âm lên, như vậy mình chỉ biết thuyết, chứ đâu biết tu! Nghiệm qua điều này, tôi thấy lời Phật dạy quá thống thiết.

Chúng ta học thuộc lòng kinh, tụng bài này qua bài nọ, mà không khéo ứng dụng lời Phật dạy để tu sửa

nội tâm của mình cho được sáng suốt, trong sạch thì việc tụng ấy chỉ là biết tụng chứ chưa phải biết tu. Biết tu là biết ứng dụng, biết điều phục ngay nơi bản thân mình, nội tâm mình. Những điều xấu dở mình hàng phục thành hay tốt. Đó mới thật là người biết tu. Cũng vậy, dù mình thông thuộc được nhiều giáo điển, thuyết thao thao bất tuyệt, nhưng những gì mình nói ra cho người ta nghe, khi nó đến với mình, mình không thắng nổi, đầu hàng nó, như vậy cái thuyết của mình chỉ là thuyết suông, chứ không phải tu.

Tôi nói thế để tất cả tăng ni nhớ rõ, chúng ta là thầy tu chứ không phải thầy tụng hay thầy thuyết. Chúng ta học kinh, hiểu kinh để ứng dụng tu, đã ứng dụng tu thì phải sống đúng như thật lời Phật dạy. Biết cái đó xấu thì phải chừa bỏ, biết cái đó là tội lỗi thì phải tránh, biết cái đó tai họa trầm luân sanh tử thì phải vượt qua, đừng để mắc kẹt. Được như vậy mới là người biết tu. Học nhiều, đọc tụng nhiều mà không biết ứng dụng thì chưa phải là người khéo tu. Nên nói tới người tu đòi hỏi có sự ứng dụng cho đến nơi đến chốn.

Tôi nhớ lời tổ Đạt-ma trả lời với một học nhân:

- Thế nào gọi là Tổ?

- Hạnh giải tương ứng gọi là Tổ.

Giải là hiểu, hạnh là thực hành. Hai điều này thích hợp với nhau, cùng tương ứng với nhau mới thật là Tổ. Còn hiểu một đằng làm một ngả, thì không xứng gì hết, không hợp với ý Phật tổ dạy.

Hôm nay nhân ngày trung thu, tôi đem ba ý này để nhắc nhở tăng ni và Phật tử, nên hiểu rõ chúng ta là người tu thì phải hành. Thực hành lời Phật dạy để sống đúng với đạo lý, như vậy mới thật là người tu. Chúng ta đừng nói đạo lý ở ngoài môi mép mà trong thâm tâm không làm gì hết. Người như thế chưa phải thật tu. Tôi mong tất cả quý vị cố gắng thực hiện cho được những điều tôi nhắc nhở. Có thế mới xứng đáng với bốn phận và trọng trách của một người tu chúng ta.



TÌM NGỌC NHƯ Ý

Trúc Lâm – 2002

Hôm nay là buổi giảng tại thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt. Lần giảng này, tôi rút ruột ra nói chứ không phải giảng theo kinh sách. Rút ruột tức là ở trong lòng có gì thì lôi ra nói, không nói những thứ từ bên ngoài. Cho nên Tâm Kinh thường được gọi là kinh ruột vậy.

Ở đây có hai điểm rất quan trọng, tôi nhắc cho tăng ni, Phật tử nhớ. Chúng ta chủ trương tu thiền theo thiền tông, vậy chủ trương đó tu theo hệ thống nào? Hệ thống đó duy nhất hay có sai biệt? Đó là những vấn đề thiết yếu.

Người ta thường đặt câu hỏi: thời này là thời đại khoa học, con người tiến từng giờ, từng khắc để làm ra tiền bạc, nhưng những vị tu thiền nhất là chư tăng ni ở thiền viện, ngày đêm ba thời, sáu tiếng đồng hồ ngồi ngó xuống lim dim, không làm ra xu con nào hết,

không lợi ích cho ai, như vậy có phải là phí phạm thời gian quý báu của mình hay không? Nói cách khác có phải tiêu cực đối với xã hội hay không? Đó là vấn đề mà những người thích hoạt động, thích làm việc thường đặt ra.

Vì thế chúng ta phải thấy sâu, thấy rõ việc mình đang làm. Muốn tất cả chúng ta thấy sâu thấy rõ về vấn đề này, nên hôm nay tôi nói đề tài Tìm Ngọc Như Ý. Ngọc như ý chữ Phạn gọi là “ma-ni bảo châu”. Người thế gian thì tìm vàng tìm bạc, chúng ta tu thì tìm hòn ngọc như ý. Người đời thích làm ra tiền của nhiều để nuôi dưỡng thân xác thịt cho được sung mãn. Họ cho thân xác thịt là thật, là quý, nên tìm mọi phương tiện tạo nhiều vật chất để nuôi dưỡng nó được sung mãn. Nhưng giả sử nuôi thân này lên được một trăm ký, thì khỏe hay mệt? Mệt. Như vậy càng sung mãn thì càng hiểm nguy, cuối cùng nó thế nào? Nó trở thành một thây thú. Như vậy, suốt mấy mươi năm từ khi chúng ta có mặt ở trần gian cho tới ngày nhắm mắt, lo cho thân, bảo vệ thân, cuối cùng nó cũng phải tan rã. Thế thì sự nuôi dưỡng ấy có quý, có giá trị gì đâu. Vậy mà ngàn người muôn người như một, đều chỉ biết lo cho nó thôi. Đây là những người tầm thường, chỉ biết có thân.

Qua người khá hơn, lý tưởng hơn thì họ còn biết gì nữa? Biết đến cái tâm, tức phần tinh thần. Những gì họ suy gẫm theo cái nhìn, cái hiểu, cái học của mình và cho là đúng, là chân lý rồi thì bảo vệ, truyền bá suy nghĩ của mình đến cùng. Người khác cũng thế, mọi người trên thế gian, ai có lý tưởng cũng đều muốn truyền bá

lý tưởng của mình. Nhưng lý tưởng ông A khác lý tưởng ông B, thì hai người sẽ đi đến tranh cãi nhau. Nếu có thêm lý tưởng ông C nữa, sự việc sẽ dẫn tới đâu?

Có hai điều làm nhân loại đau khổ. Điều khổ thứ nhất là giành nhau vật chất để nuôi thân. Bởi giành nhau vật chất nên kẻ được người mất. Kẻ được thì vui cười hơn hở, người mất thì nổi giận oán thù. Cứ như vậy mà sát phạt nhau không có ngày cùng. Nhỏ thì giành giết nhau ở trong gia đình, anh em chia của nhiều ít sanh ra chuyện cãi vã. Còn lớn chút nữa thì tập thể này với tập thể kia, xí nghiệp này với xí nghiệp nọ. Lớn nữa thì nước này giành nước kia. Cứ như vậy mà gây đau khổ, con người không biết làm sao dừng được nổi khổ? Điều khổ thứ hai là chấp phần tâm. Ai cũng cho tâm mình nghĩ, tâm mình tưởng là chân lý. Người này cho nghĩ tưởng của mình là chân lý, người khác cũng cho nghĩ tưởng của mình là chân lý. Thế là năm ba cái chân lý gặp nhau. Chân lý số một cãi với chân lý số hai, chân lý số ba cãi với chân lý số bốn, rồi cả thế gian đều nhào lộn trong cái sát phạt, tàn hại nhau. Cái đau khổ của nhân loại là ở chỗ đó.

Đạo Phật thì khác hẳn. Đức Phật dạy cho chúng ta biết, đứng về vật chất thì thấy thân này hư giả. Song tiếc thay, thời nay người tu chưa thấy giả, hoặc có thấy chỉ thấy phần nào thôi, nên không can đảm nói thân này là giả. Đúng tinh thần, người học Phật luôn luôn thấy thân này là giả. Tại sao? Bởi vì nó có rồi mất, mà cái gì có rồi mất, thì cái đó không phải thật. Cái thật thì không mất. Cái tạm bợ qua thời gian rồi mất

thì làm sao thật được. Thế nhưng chúng ta không dám nói mạnh thân này giả, chỉ nói một cách hơi nhẹ nhàng thôi, “ờ giả”. Tại sao? Vì sợ nói giả một hồi, người ta chọc mình, mình chịu không nổi thành thua người ta. Người tu mà chưa can đảm nói thân này giả, thì hàng cư sĩ làm sao dám nói giả! Do không dám nói giả, thành ra cái giả ấy chỉ hơi ồm ồm, chưa rõ ràng gì hết. Vì vậy chúng ta tu chậm tiến, tu mà thiếu lòng từ bi.

Nếu chúng ta biết thân này là giả thì tất cả cái gì mình được, huynh đệ chung quanh không được, mình dư huynh đệ chung quanh thiếu, chúng ta chia sót. Huynh đệ chia sót với nhau để tạm sống, giữ nhiều làm gì? Như vậy có phải lòng từ bi tràn trề không? Đàng này chúng ta chưa dám nói thân giả, nên để dành. Bởi vì còn thật, còn sống lâu mà, nên để dành kha khá một chút. Người khác thiếu kệ họ, mình cũng không cần quan tâm. Hoặc mình đang ấm no, thấy người khác thiếu thốn, mình cũng không can đảm chia sót cho họ. Đó là tại vì chưa thật thấy thân giả. Nếu thật thấy thân này hư giả thì mọi nhu cầu của thân mình, chúng ta đều không quan trọng. Thấy ai thiếu thốn, mình giúp bằng cách này, cách nọ, như vậy mới thật là người thấy thân giả.

Người thế gian nói thấy thân giả là chán đời, yếm thế, nhưng không phải vậy. Nhờ thấy giả nên mình không tham, không tham nên dễ chia sót cho người khác. Chính nhờ thấy thân giả, chúng ta mới mở rộng lòng từ bi, chan rải chia sót với mọi người những ấm no, đói thiếu. Thấy giả mới làm được việc đó, còn thấy thật thì khó làm. Cho nên biết thân giả không có nghĩa là

tiêu cực yếm thế. Biết thân giả không có nghĩa là người trốn đời hay chán ngán thế sự.

Biết thân giả thì ai cần chúng ta giúp, bởi vì giữ nó cũng không còn. Bây giờ cần giúp người ta bớt khổ, mình sẵn sàng giúp, như vậy mới có tinh thần hy sinh. Nếu thấy thân này thật thì đâu nỡ hy sinh. Vì vậy người thấy thân giả vừa sẵn sàng chia sẻ vật chất cho mọi người, vừa sẵn sàng hy sinh thân mình để giúp người. Vậy thấy thân giả là lợi hay hại? Lợi. Hiểu như vậy chúng ta mới hiểu ý nghĩa chữ “giả” của đạo Phật. Những người nói đạo Phật cho rằng thân này và muôn sự muôn vật đều giả thì chán chết, không muốn làm gì hết, nên theo đạo Phật là bi quan yếm thế. Đó là tại họ không hiểu ý nghĩa giả của đạo Phật. Là người học Phật chúng ta phải hiểu cho sâu, nắm cho vững chỗ này, để tránh những hiểu lầm của người khác, mà cũng tránh hiểu lầm cho bản thân mình.

Nhiều người tu nói thân này giả, thôi mình lên núi nằm queo đó chờ chết cho rồi, cho thành thoi. Giả mà lại muốn cho nó thành thoi! Nếu giả thì sẵn sàng lăn xả vào làm việc, lợi ích cho mọi người, chớ sao lại muốn thành thoi? Muốn thành thoi là cứng dưỡng thân, mà cứng dưỡng là không thấy thân giả rồi. Người tu phải hiểu rõ thân này hư giả, để tránh nạn cứng dưỡng thân. Nếu thấy thân giả, tạm bợ, hư dối thì chúng ta chiến thắng được lòng tham vật chất. Dùng trí tuệ nhìn thấy đúng thân giả, nên phá tan lòng tham thụ hưởng, muốn bảo vệ thân. Như vậy nhờ trí tuệ phá si mê nên lòng tham mất. Chúng ta không còn giành giật về vật chất,

thì sự được mất vật chất không thấy quan trọng. Không thấy quan trọng thì còn gì đâu giành giật nhau, còn gì đâu sát phạt nhau, để giành phần hơn về mình. Như vậy là chúng ta khởi tranh đua, giành giật hay cướp bóc lẫn nhau. Nếu ai cũng thấy như vậy thì trên thế gian này không có sự giành hơn về mình cho thật nhiều, để những kẻ khác thua thiệt, mọi người sẵn sàng chia sớt lẫn nhau. Đó là tâm bình đẳng thương yêu, nhà Phật gọi là lòng từ bi.

Bước qua phần tâm. Người đời cho những suy gẫm, lý tưởng của mình là chân lý, là thật. Nghĩ nó là thật nên khi mình suy gẫm được một vấn đề gì cho là rất hay rất đúng, đem ra phổ biến. Có người khác suy nghĩ ngược lại với mình, họ thấy cũng rất hay rất đúng, nên họ cũng phổ biến. Hai cái đúng gặp nhau thì nảy sinh ra sự sát phạt lẫn nhau. Nhiều khi chúng ta tu mà vẫn mắc kẹt vào những sai lầm này.

Trong Phật giáo, chia ra nhiều giáo phái, nhiều pháp môn. Tại sao như thế? Vì đức Phật thấy rõ trình độ, căn cơ của chúng sanh sai biệt, không ai giống ai. Kẻ sống bằng tình cảm thì ngài dạy lấy lòng tin để hướng dẫn họ tu. Người sống bằng trí tuệ thì ngài dạy lấy trí tuệ làm hướng tu cho họ. Người thích linh thiêng Phật dạy thần chú v.v... đủ cách để độ hết mọi người. Mỗi pháp môn Phật dạy, nếu chúng ta tu đúng thì kết thúc cũng gặp nhau. Nhưng ngược lại khi bước vào mỗi pháp môn, tuy biết đó là Phật dạy, mà bên này chọi bên kia. Người khác tu không giống mình là không ưa rồi, có khổ chưa? Mình với mình một thầy mà không ưa nhau,

tại sao vậy? Vì ý tưởng không rập khuôn theo mình. Không rập khuôn theo mình thì mình không ưa. Như vậy có phải chúng ta mang bệnh độc tài không?

Phật đã biết chúng sanh có nhiều trình độ, nhiều căn cơ nên mới dạy nhiều pháp môn. Trong kinh thường dụ pháp của Phật như những phương thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có trăm ngàn căn bệnh hay trăm ngàn tâm bệnh thì Phật có trăm ngàn pháp môn để chỉ dạy họ tu, đạt được lợi ích. Tại sao chúng ta là con cháu Phật mà không có tâm rộng rãi? Lẽ ra chúng ta nên khuyến khích, ai tu pháp môn nào cũng phải tu đến nơi đến chốn, đừng nói ai hay ai dở. Đằng này ngược lại, chung trong đạo Phật với nhau, mà người này chỉ trích kẻ nọ, luôn luôn tìm cách kích bác lẫn nhau. Vậy nói sao đây? Người tu mà không thông cảm, không hiểu được nhau, có đáng buồn không? Ai tu pháp môn nào cứ bám vào pháp môn ấy cho là chân lý, là chánh; người khác tu không phải chân lý, là tà. Rồi cho mình tu hay, người kia tu dở, sanh ra chống đối nhau.

Những năm tôi còn học ở trường, thấy nhiều vị đến hỏi các thầy trụ trì: “Thưa Thầy con nghe nói tu thiền hay lắm. Như vậy tu thiền là sao, xin Thầy chỉ dạy cho?” Có thầy nói: “Đừng! Đừng. Tu thiền là điên nghen.” Cứ nói tu thiền điên, nhưng không biết tu làm sao mà điên. Cứ một bề nói tu thiền điên. Trong khi đó các nước như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản v.v... người ta tu thiền, thiên hạ đổ xô tới học, còn ở Việt Nam các thầy lại nói tu thiền điên, coi phải khổ không?

Từ cái nhìn hẹp hòi đó, đâm ra chúng ta tự đóng khung mình trong phạm vi quá chật hẹp.

Ngày xưa Phật tu thiền, tổ tu thiền, mà ngày nay con cháu nói tu thiền điên. Như vậy là một sự phản bội không thể tưởng tượng nổi. Nếu điên thì đức Phật đã điên rồi, các tổ đã điên rồi, đâu truyền tới bây giờ. Cho nên nói như vậy có phải là quá thiển cận không? Từ sự thiển cận đó đi đến chống đối nhau, không tới đâu hết. Cho nên chúng ta học phải học cho tới nơi, thấy cho tường tận. Tu Thiền, tu Tịnh... đều tốt cả, nhưng phải tu đúng theo tinh thần Phật dạy.

Có nhiều người thắc mắc hỏi tôi, người tu Tịnh độ niệm Phật, sau này chết sanh về Cực lạc, thầy tu Thiền chết về đâu? Hết chỗ về! Nghe nói vậy, ta tưởng như mình đã lạc lõng rồi. Nhưng sự thật, tại sao chúng ta không nhớ gốc của đạo Phật là cứu cánh Niết-bàn. Niết-bàn là chỗ cứu cánh, là vô sanh, không còn sanh thì lấy gì có tử? Người tu thiền, nếu theo thiền Nguyên thủy thì tới Diệt tận định, không còn thọ tướng hành thức gì nữa, tới chỗ đó mới gọi là vô sanh, chứng A-la-hán, nhập Niết-bàn. Còn người tu thiền theo Thiền tông, tới chỗ không còn niệm đối đãi sanh diệt nữa là vô sanh, vô sanh là Niết-bàn. Kẻ không biết, cứ nói về Cực lạc mới cứu cánh, còn nhập Niết-bàn chưa phải. Như vậy không biết đức Phật phải dạy sao bây giờ? Đó là cái thấy nông cạn của người học Phật, họ không biết chỗ nào là gốc, chỗ nào ngọn, cứ bị kẹt trong phương tiện, rồi trở lại chống đối người khác. Vì lẽ đó, chấp cái hiểu, cái tưởng, cái nhận định của mình là đúng, đó là bệnh rất lớn.

Trong kinh A-hàm, Phật nói câu tuyệt vời làm sao: “Khi chúng ta nghĩ tưởng điều gì, thì nói lên rằng đây là cái tưởng của tôi” thôi. Không nói cái nghĩ tưởng của mình đúng. Tại sao? Vì nghĩ tưởng hay suy tưởng là tướng sanh diệt, nó không phải chân lý, không phải chân lý thì không có cái nào đúng tuyệt đối hết. Nó chỉ đúng một phần, một góc cạnh mà chúng ta lại tưởng là tuyệt đối. Từ đó bám vào suy tưởng hạn hẹp của mình mà sát phạt nhau.

Người tu Phật phải dẹp hết tất cả những suy tưởng, còn kẹt hai bên là còn sanh tử. Bởi thấy còn đúng còn sai là sanh tử, thấy mình phải người quấy là sanh tử. Tới chỗ cứu cánh tâm chân thật là tâm không còn hai, còn hai là chưa phải chân thật. Cái cao siêu của đạo Phật là như vậy. Nghĩa là không cho chúng ta có cái nhìn đối đãi, so sánh đây hơn kia thua, có trọng có khinh. Vì thấy hay sanh ra ngạo mạn, thấy dở sanh ra khinh miệt, như vậy là tâm không tốt, phải bỏ tâm đó. Còn đối đãi là còn sanh diệt, còn sanh diệt thì chưa phải chân lý. Chân lý là không còn hai.

Quý vị thấy chấp thân, chấp tâm nguy hiểm như thế nào rồi. Nếu ai nhìn cũng như Phật dạy hết, thì thế gian này còn tranh đua giết hại nhau nữa hay không? Không giành nhau về vật chất, không giành nhau về lý tưởng, thì cuộc đời bình đẳng. Mọi người có mặt đều biết chúng ta có tạm đây nên thương nhau không hết, đâu có gì phải giành giật hơn thua. Hiểu như vậy, biết như vậy thì cả thế gian này là Cực lạc rồi. Ngược lại, ai cũng cho mình là tổ sư của một triết lý nào đó. Rồi phe này chống phe kia,

không ai cảm thông nhau, dẫn tới đấu tranh và đau khổ không có ngày cùng. Cho nên sự sát phạt nhau về vật chất có khi còn nhẹ hơn sự sát phạt nhau về tinh thần.

Như vậy trên hai phần tinh thần và vật chất, nếu không có tâm cởi mở, thấy đúng như thật, chúng ta sẽ sống rất đau khổ. Đạo Phật dạy chúng ta thoát ra ngoài hai cái vòng đó. Đối với thân thì biết nó là tạm bợ. Thân tạm bợ nên tất cả vật chất cung ứng cho thân cũng tạm bợ, có gì quan trọng mà phải giành giật, do đó chúng ta sẵn sàng chia sẻ với nhau. Biết tâm suy nghĩ của mình là tâm sanh diệt không thật, không phải chân lý, thì người nghĩ khác mình cũng không thật, thôi bỏ qua hết sống vui với nhau là được. Đừng giành hơn giành thua với nhau làm chi, đừng cho đúng cho sai làm gì, thì cuộc đời có gì là khổ nữa?

Chúng ta thấy cái cao siêu của đạo Phật cao vót nên người đời với không tới. Bởi với không tới nên họ gác qua một bên, cho đó là cái gì siêu hình, không thực tế. Thực tế là giành ăn, giành mặc với nhau đây. Sự thật điều Phật dạy rất đúng, rất thực tế. Ai không biết thân này tạm bợ, giả dối. Nhưng biết mà không dám biết. Khi nào đi đám ma thấy người ta chết, biết mai một mình cũng chết, nhưng đâu dám nói mình chết. Cứ nghĩ mình còn sống dài hơn nữa kìa, chứ không phải nay mai sẽ chết. Chúng ta thấy chết là sợ, vì không có cái nhìn bằng trí tuệ, mà chỉ nhìn theo tình cảm. Bám vào thân này làm chỗ tựa duy nhất nên rồi quý chuộng nó, bảo vệ nó. Do quý chuộng và luôn tìm cách bảo vệ nó nên việc đụng chạm với người khác không thể tránh khỏi.

Đó là hai điều mà người tu Phật phải hiểu cho thấu, cho tường tận để mai kia khi ra làm Phật sự, chúng ta mới không lầm lẫn, nếu không sẽ dễ bị kẹt lẩn.

Ví dụ như chúng ta tu thiền, Phật dạy phải được định. Định là gì? Nếu định của Tiểu thừa thì được Diệt tận định, nếu đại định thì không còn niệm thứ hai, đi đứng nằm ngồi đều vô niệm. Đại định thì không còn niệm sanh diệt, cho nên không còn tạo nghiệp đi trong luân hồi, gọi đó là giải thoát. Đức Phật dạy tu thiền là như vậy.

Đến Tịnh độ thì sao? Niệm Phật là dùng câu niệm Phật để đập chết ý niệm lăng xăng. Nhớ Phật thì không nghĩ, không tưởng đến những chuyện khác. Nhờ câu niệm Phật chí quyết, cho tới nhất tâm rồi thì mọi nghĩ tưởng đều tan biến không còn. Niệm Phật cũng tới nhất tâm bất loạn. Bất loạn là hết nghĩ tưởng, hết nghĩ tưởng sẽ được vô tâm, mà vô tâm là được đại định rồi. Vô tâm thì đâu còn tạo nghiệp cho nên hết sanh tử. Như vậy tới chỗ cuối cùng cũng gặp nhau, nhưng phương tiện Phật dạy tùy theo trình độ, căn cơ. Những pháp môn khác cũng vậy, đến chỗ cuối cùng đều tụ hội nhau hết, chứ không có sai biệt. Rất tiếc người đời, cũng như một số người trong đạo không thấy đến chỗ này, cứ nắm trên phương tiện sai biệt rồi cãi nhau, đi tới chỗ bất lợi, chống đối nhau. Đó là điều sai lầm lâu nay chúng ta mắc kẹt.

Người tu thiền cũng vậy. Như chúng ta biết vọng niệm vừa khởi biết nó là dối, không thật. Biết rồi chúng ta buông, cứ thế buông hết tất cả niệm, tới lúc nào đó

không còn vọng nữa thì cũng như niệm Phật tới nhất tâm. Vậy chỗ cứu cánh không hai đó mới là chân thật, mới cao siêu vượt ra ngoài. Bên Tịnh độ đến chỗ nhất tâm là chỉ còn một tâm. Một tâm ấy không còn niệm nào nên cũng gọi vô tâm. Bên tu Thiền được an định, an định rồi thì thể nhập Phật tánh là tánh giác. Như vậy không phải hết tất cả niệm chúng ta không còn gì, mà chúng ta còn cái chân thật. Niệm Phật tới chỗ vô niệm là nhất tâm thì thấy Phật. Như vậy trên đường tu rất rõ ràng, không có gì phải nghi ngờ nữa.

Nếu ai tu cho thật tới chỗ tốt cùng cũng đều gặp nhau hết. Lẽ thật như vậy. Như bên Công giáo người ta niệm Chúa, để làm gì? Niệm Chúa là để nhập được với thánh thể của Chúa. Khi niệm đến chỗ không còn niệm lãng xăng nữa thì nhập thánh thể Chúa, cũng như niệm Phật thấy Phật Di-đà vậy thôi. Vậy chỗ cứu cánh không khác, nhưng phương tiện lại khác. Nhưng người ta thường đi trong phương tiện, chứ không tới chỗ cứu cánh. Nếu đến chỗ cứu cánh thì gặp nhau, cười với nhau thôi, có gì đâu. Đức Phật Di-đà hay đức Chúa gặp nhau cũng cười thôi. Cho nên trên chỗ cứu cánh, không có gì chống đối nhau, nhưng trong phương tiện mà chấp phương tiện là cứu cánh thì sẽ dẫn đến chống đối nhau.

Như người tu ăn chay thấy người tu ăn mặn liền sanh khó chịu. Nhưng tu đâu phải ở ăn chay, ăn mặn. Chay mặn là phương tiện thôi, còn cứu cánh cần phải đạt được giác ngộ giải thoát, chứ không phải ăn chay ăn mặn. Chúng ta chỉ trên chay mặn đã cãi nhau rồi, thành ra hẹp hòi quá, thấy theo chỗ cạn cợt nông nổi

của mình, chứ không thấy được chỗ tốt cùng của đạo. Nhìn lại trên thế gian này, bao nhiêu đau khổ trút lên đầu con người, đều vì những cái nhìn không tốt cùng mà sát phạt nhau.

Chúng ta hiểu thấu rồi, chỉ thương con người sao hẹp hòi, nông nổi quá. Chỗ tốt cùng không chịu đi, mà đi trên những đoạn đường chưa phải chân lý, mới là phương tiện nhưng lại hài lòng. Cái khổ của chúng ta là cho những suy lý của mình đúng, không can đảm vượt ra ngoài những suy lý đó. Cho nên nhà thiền bắt chúng ta phải buông, phải dẹp hết những suy lý đó, để đi tới chỗ không còn hai. Không còn hai thì suy lý cái gì?

Chúng ta thấy các tổ nhà thiền dường như tàn nhẫn. Như hỏi thế nào là Phật, các ngài đập cho một cái, không biết nói gì? Vì không cho suy nghĩ, vừa suy nghĩ là mất Phật rồi. Ông vừa khởi nghĩ để hỏi thì đã mất Phật rồi, nên đánh đòn chứ không nói gì hết. Hiểu thế mới thấy các ngài đi tất quá. Do tất quá nên người ta không thể hiểu được, đâm ra nghĩ mình tàn nhẫn. Chứ thật ra đó là cái trực chỉ.

Sau này hệ thiền Lâm Tế, tức sau đời Tống tới đời Minh mới dùng câu thoại đầu. Câu thoại đầu cũng giống như câu niệm Phật thôi, nhưng khác nhau ở chỗ nghi và tin. Bên niệm Phật thì phải tin khẳng định, mình niệm sẽ được Phật đón. Bên thoại đầu thì khởi một câu thoại đầu rồi nhắc tới, nhắc lui hoài để khởi nghi như: “Trước khi cha mẹ chưa sanh, ta là cái gì?” Đặt cái gì hay ai đó để thành cái nghi. Hai bên khác nhau ở chỗ tin và nghi.

Nghi thì đi bằng trí tuệ, tin thì đi bằng tình cảm, thâm tín, tin sâu. Nếu ai tin sâu, niệm Phật sẽ được kết quả, hoặc ai nghi nhiều cũng được ngộ. Cho nên Thiên tông nói “đa nghi, đa ngộ” là vậy. Người tu Tịnh độ lấy câu niệm Phật làm phương tiện, người tu thoại đầu cũng lấy câu thoại đầu làm phương tiện.

Chúng ta tu nhiều khi không hiểu nhau. Đôi khi không hiểu nhau không phải ở lời nói hay cách dạy khác, mà tại vì cố chấp riêng. Chứ còn đi sâu, đi tới nơi chúng ta sẽ hiểu rõ, không có gì lạ. Cho nên từ tông Lâm Tế chuyển thành Tịnh độ rất gần, thay vì nghi đối qua tin niệm Phật thôi. Vì vậy sau này các chùa thiền theo tổ Lâm Tế chuyển thành Tịnh độ hết, là do như vậy. Nếu truy nguyên nắm cho tột gốc thì chúng ta hiểu rõ ràng, chứ không có gì lạ.

Còn chúng ta tu biết vọng. Thiền biết vọng này xuất phát từ đâu? Đó là câu hỏi mà hiện nay nhiều người đang đặt nghi vấn. Vì họ không thấy các tổ nói biết vọng, tại sao chúng ta tu thiền biết vọng? Ở đây, tôi sẽ nói rõ về vấn đề này. Bởi vì chỗ y cứ của tôi trước hết là kinh Hoa Nghiêm. Khi đọc kinh Hoa Nghiêm, tôi thấy trong đó có một đoạn Phật nói rằng: “Tất cả chúng sanh đều đầy đủ đức tướng trí tuệ Như Lai, bởi do vọng tưởng mà nó bị che phủ.” Như vậy đức Phật thừa nhận tất cả chúng ta đều có đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai. Trí tuệ đức tướng Như Lai có sẵn rồi mà tại vọng tưởng che phủ nên nó mờ đi. Bây giờ vọng tưởng dấy lên, mình thấy và bỏ thì nó hết che phủ, đúng theo lời Phật dạy trong kinh, không có gì khác.

Kế đó, chúng ta thấy tổ Bồ-đề-đạt-ma chỉ tâm cho tổ Huệ Khả. Ngài Huệ Khả hỏi: “Tâm con không an, nhờ Hòa thượng dạy pháp an tâm?” Tổ Đạt-ma bảo: “Dem tâm ra ta an cho.” Câu nói đó có tác dụng mạnh mẽ, bắt ngài Huệ Khả phải quay lại tìm coi cái tâm không an đó ở đâu. Khi quay lại tìm đáo để không thấy, ngài Huệ Khả thật thà thưa: “Con tìm tâm không được.” Tổ Đạt-ma bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi.” Đó là pháp an tâm. Ngài Huệ Khả thấy được con đường vào là từ chỗ ấy. An tâm bằng cách xoay lại tìm, nó mất. Đó là an. Chúng ta bây giờ phản quan nhìn lại tâm niệm dấy khởi, nó dấy khởi mình biết là vọng tưởng liền bỏ thì được an. Đó là pháp an tâm.

Sau khi nhập thất tôi đọc cuốn Thiền Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự của ngài Khuê Phong Tông Mật. Ngài cũng nói thẳng “Biết vọng tức là tu”. Còn đệ tử của Mã Tổ là thiền sư Vô Nghiệp, ai tới hỏi gì ngài cũng nói “chớ vọng tưởng”, đây cũng là đừng theo vọng tưởng thôi. Như vậy chúng ta mới thấy pháp mình tu có chỗ y cứ đàng hoàng. Từ kinh Phật cho tới các tổ, từ ngài Huệ Khả mãi về sau đều như vậy, chúng ta có chỗ y cứ.

Vậy chúng ta tu y cứ theo đường lối của chư tổ là phản quan nhìn lại chính mình. Nhìn lại chính mình, tôi chia ra hai chặng. Chặng thứ nhất nhìn lại vọng tưởng của mình. Vọng tưởng là cái bị thấy, nên có cái hay thấy. Cái hay thấy, thấy được vọng tưởng. Vọng tưởng là cái bị thấy, vậy cái hay thấy là gì? Có phải vọng tưởng không? Nếu cái bị thấy là vọng tưởng thì cái hay thấy là gì? Tôi nói đó là trí tuệ Bát-nhã.

Nhờ trí tuệ thấy biết đó là vọng là dối, thì cái bị thấy là con trâu, mà cái hay thấy là thằng chăn. Thằng chăn khôn hơn con trâu, cho nên thằng chăn thuộc về trí tuệ, con trâu thuộc về vọng tưởng. Trí tuệ Bát-nhã phá dẹp vọng tưởng, nên vọng tưởng dấy lên nó liền phá dẹp. Từ từ cho tới chừng nào vọng tưởng lặng, cũng như thằng chăn điều khiển con trâu tới khi thuần rồi, nó nằm yên đó. Tuy nhiên lúc này thằng chăn cũng còn đứng coi chừng. Bao giờ trâu mất thì thằng chăn cũng mất luôn. Đến chặng thứ hai: Chúng ta dùng trí tuệ Bát-nhã để phá vô minh, phá vọng tưởng. Khi vọng tưởng, vô minh hết thì trí tuệ cũng phải buông, mới thể nhập được pháp thân. Rõ ràng như vậy, chứ không phải chúng ta tu với tính cách tưởng tượng mà có bằng cứ, người xưa đã minh họa rõ ràng hình ảnh cho mình thấy.

Người nào tu mà nói rằng, không cần biết vọng tu cũng được. Như vậy cứ để vọng hoài, thử coi chừng nào nó hết? Chúng ta biết, ruồng bỏ như vậy mà lâu lơ lâu lác, còn chưa sạch thay, huống nữa là để mặc thì biết chừng nào hết? Chúng ta tu chỉ chuyên phản quan lại mình, phá dẹp vọng tưởng trong nội tâm. Chừng nào vọng tưởng hết thì trí tuệ dẹp phá vọng tưởng cũng lặng luôn. Vì không trâu thì chăn cái gì? Chăn ai? Nên tới đây thì cả hai đều lặng, thập mục ngư đồ diễn tả như một vòng tròn rộng lặng. Nhà thiền thường dùng từ “đầu sào trăm trượng” để nói chỗ này. Khi có cây sào thì có người trèo, người trèo từ dưới lên đến điểm chót, nhảy qua được không phải dễ. Từ có trâu và thằng chăn, lần lần trâu hết và thằng chăn cũng mất luôn, chứ thằng chăn còn đeo cây sào cũng không được. Thành ra phải

nhảy qua khỏi đầu sào trăm trượng, nghĩa là không còn năng không còn sở. Có sở thì phải còn năng. Hai cái đối đãi rõ ràng. Nhảy qua khỏi đầu sào trăm trượng mới thể nhập pháp thân. Nên bức tranh kế tiếp, không còn chặn giữ nhưng cái biết trùm khắp hiện tiền, đó là thể nhập pháp thân.

Khi nhảy qua khỏi đầu sào, có người bảo tu như vậy chỉ lo cho mình thôi, không lo cho ai hết. Phật dạy tu nhập Niết-bàn là vô sanh, vô sanh thì đâu có tái sanh lại. Như vậy thí chủ nuôi chúng ta đã đời, mình nhập Niết-bàn êm ru trong đó, ở ngoài này ai khổ mặc ai, ai chết mặc ai, ai trầm luân mặc ai. Đành không? Đạo Phật không phải như thế, mà nó mang tinh thần vị tha đầy đủ, khi nhập được pháp thân rồi, thì ứng dụng bản nguyện của mình, hiện ra báo thân, ứng thân. Chỗ nào cần báo thân thì hiện báo thân như trường hợp đức Phật Di-đà ở cõi Cực lạc. Người có chánh báo thế nào thì y báo ứng hợp thế ấy, để độ những chúng sanh hữu duyên với mình. Chỗ nào cần hiện ứng thân thì hiện ứng thân. Như vùng nào, xứ nào hồi trước có công có duyên với mình, thì ứng thân hiện ra đó trong thời gian ngắn để giáo hóa họ. Cho nên nhiều vị Bồ-tát hiện ra nơi này, nơi kia giáo hóa một thời gian rồi các ngài ẩn. Đó là dùng ứng thân và báo thân giáo hóa chúng sanh. Cho nên mục thứ mười là bức tranh vẽ ông già bụng phệ, quẩy bầu rượu xách cá chép đi vô xóm làng. Trong tứ nhiếp pháp, Phật gọi là đồng sự nhiếp để giáo hóa chúng sanh. Hiểu cho rõ đầu đuôi gốc ngọn thì chúng ta không sợ mắc kẹt gì cả.

Khi thể nhập pháp thân rồi, không còn sanh tử nữa. Nhưng người tu theo tinh thần này, luôn luôn có bản nguyện cứu độ chúng sanh. Vì cứu độ chúng sanh nên tùy duyên mà hiện ứng thân, báo thân để độ người, chứ không phải ngang đó là hết. Vô sanh mà vẫn sanh tùy nguyện, không phải cố định không còn sanh nữa. Vì vậy Phật chê nếu người nhập Niết-bàn, không trở lại độ sanh là tiêu cực, yếm thế. Trên tinh thần ở đây là không sợ sanh tử, cho nên các vị thiền sư xưa nay hay nói sanh tử như trò đùa, không có giá trị thật. Thấy như vậy mới lặn vào trong đó cứu độ chúng sanh. Còn người thấy nó thật thì không bao giờ dám vào.

Vậy chúng ta tu đường lối rất rõ ràng cụ thể. Đó là phần thứ nhất.

Đến phần thứ hai. Lâu nay tôi thắc mắc tại sao Ngũ Tổ lại đem kinh Kim Cang dạy Lục Tổ? Bây giờ tôi mới thấy rõ ràng, con đường thiền tông có hai lối. Lối như trên tôi đã nói là lối phản quan tự kỷ. Lối thứ hai là dùng trí tuệ Bát-nhã quét sạch hết ngoại cảnh, thân và cảnh đều quét sạch. Thân và cảnh đều quét sạch thì còn gì nghĩ, không còn gì nghĩ, lúc đó làm sao? Đây là chỗ kỳ đặc, các vị tổ tu theo lối này thường không chú trọng ngồi thiền.

Lục Tổ lấy kinh Kim Cang làm chỗ tựa. Trong kinh Kim Cang, Phật dạy trước phải phá chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả tức chấp thân. Đừng thấy thân thật, đó là bước đầu để tâm an. Không thấy thân thật nên không giành giật, không hơn thua gì về vật chất.

Khi thấy thân mình không thật, người không thật, chúng sanh, thọ mạng cũng đều không thật hết, thì còn gì cố chấp. Nếu thấy thân mình và người đều không thật, nhưng còn thấy cảnh thật cũng chưa được. Cho nên phải thấy sáu trần không thật. Hai câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề nêu lên đầy đủ ý nghĩa đó. Ngài hỏi làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm? Phật nói đừng thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là hàng phục tâm. Tại sao?

Tất cả mọi thứ suy nghĩ đều nghĩ hoặc cho mình, hoặc cho người, hoặc cho nhóm này nhóm nọ, hoặc nghĩ về cuộc sống. Những suy nghĩ ấy, chúng ta đều thấy không thật thì mình còn nghĩ làm gì. Nhưng như vậy chỉ mới phá được cái nhân, còn pháp ở ngoài chưa phá, phải thấy tất cả cảnh bên ngoài không thật nữa. Cho nên Phật dạy đối với sáu trần đừng vướng mắc, đó là an trụ tâm.

Như vậy thấy thân không thật, cảnh không thật thì chúng ta còn nghĩ cái gì? Quý vị thử nghĩ cho tôi một cái xem? Không còn gì để nghĩ nữa. Thấy thân không thật, cảnh không thật thì ngồi cười thôi. Tu theo tinh thần này, không có chần tâm mà phá cái chấp thân và chấp cảnh. Phá chấp thân chấp cảnh là dùng trí tuệ Bát-nhã, cho nên nói kim cương Bát-nhã. Vì trí tuệ Bát-nhã giống như kim cương, không gì rắn chắc bằng. Người nào sử dụng cách tu này thấu đáo tột cùng thì sẽ đạt đến Niết-bàn vô sanh. Bởi vì không còn gì để nghĩ, thì chúng ta nương vào đối tượng nào để nghĩ. Khi khởi nghĩ, chúng ta thường nghĩ về mình, về người, về cảnh...

Bây giờ thấy tất cả đều giả dối thì có gì đâu mà nghĩ, chỉ ngồi cười chơi vậy thôi. Nên cách tu này không theo dõi ở trong, chỉ phá bên ngoài, mà các vọng tưởng bên trong cũng tự hết. Còn cách tu ở trên là đi thẳng vô trong, khi ở trong lặng thì bên ngoài cũng yên theo.

Câu chuyện của ngài Ngưỡng Sơn tới với ngài Trung Ấp mang tinh thần tu theo cách phản quan tự kỷ. Ngài Ngưỡng Sơn hỏi:

- Thế nào là Phật tánh?

Ngài Trung Ấp bảo:

- Ta nói cho người nghe một ví dụ. Như người nuôi một con khỉ ở trong lồng có sáu cửa, bên ngoài con khỉ khác tới kêu chéo chéo nơi cửa này, con khỉ bên trong chạy ra đáp chéo chéo trả lại. Các cửa kia cũng vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn nói:

- Nếu con khỉ ở trong ngủ thì sao?

Ngài Trung Ấp nói:

- Ta với ông thấy nhau rồi.

Bởi vì con khỉ ngủ là cái tâm chạy theo cảnh lặng rồi, nên cảnh bên ngoài mặc nó, không cần phá. Tu theo cách phản quan không cần phá cảnh bên ngoài, mà chỉ cần phá nội tâm của mình. Bên trong đã lặng yên thì tất cả mọi thứ bên ngoài đều vô nghĩa.

Tu theo cách dùng trí tuệ Bát-nhã, thấy tất cả thân, cảnh đều hư giả, thì sẽ đạt đến chỗ vô tâm. Như thiền sư Duy Tín đời Tống nói: “Trước ba mươi năm

tôi thấy núi sông là núi sông. Sau gặp thiện tri thức chỉ dạy, tôi thấy núi sông không phải là núi sông. Bây giờ tôi lại thấy núi sông là núi sông.” Nghĩa là trước ngài thấy với phàm tình sông này đẹp, núi kia dài v.v... Nên nói núi sông là núi sông có thật. Nhưng sau khi được thiện hữu tri thức chỉ dạy, biết thân không thật, cảnh không thật, mọi việc đều không thật, thì núi sông không phải núi sông nữa. Phải ba mươi năm thấy nhuần nhuyễn như vậy, bây giờ tâm hết nghĩ tưởng rồi thì núi sông là núi sông. Trên cách tu, mỗi vị đi sâu vào một con đường. Tổ Huệ Khả đi sâu vào phản quan, tổ Duy Tín đi sâu vào trí tuệ Bát-nhã, phá dẹp các thứ kiến chấp.

Vậy thiên tông của chúng ta đi đường nào? Thiên của Sơ tổ Trúc Lâm dạy tu đường nào? Cả hai: vừa phản quan, vừa quán các pháp như huyễn. Có lúc nào ngài nói các pháp thật đâu. Đọc hết các lời giảng dạy của Tổ, chúng ta thấy ngài ứng dụng cả hai, vừa thấy các pháp không thật, vừa phản quan lại mình. Rảnh thì ngồi thiền để phản quan, đi ra ngoài thì thấy cảnh không thật. Người xưa đi thẳng một đường thì được, còn chúng ta bây giờ hơi yếu, nhìn vô trong thấy không thật, bước ra ngoài thấy cái gì cũng thật. Hoặc ngược lại thấy cảnh bên ngoài không thật, nhưng tâm chưa chịu dừng chạy theo vọng tưởng, cho nên phải dùng cả hai cách.

Chư tổ hồi xưa khi thấy được lẽ thật rồi, các ngài không cần ngồi thiền. Còn chúng ta bây giờ ngồi thiền mà đi ra ngoài cũng phải quán chiếu, cả hai hỗ tương nhau. Ngồi thiền để buông hết niệm vọng tưởng, khi ra ngoài thì phải thấy cảnh hư giả để không chạy theo nó.

Ví dụ vừa thấy người liền duyên theo người, ta phải tự quán chiếu “người giả dối”; thấy cảnh duyên theo cảnh, liền tự nhắc “cảnh giả dối” thì chặn được tâm vọng động. Nếu đạo lực yếu, mà ta không quán chiếu như vậy thì sẽ dễ mắc kẹt. Cho nên phải ứng dụng cả hai.

Tóm lại, đường lối tu thiền của chúng ta bây giờ là hợp tác cả hai ngành đó. Nắm vững được điều này, chúng ta mới không nghi ngờ. Nếu người ta hỏi mình tu theo tổ Huệ Khả hay theo tổ Huệ Năng? Tổ Huệ Năng đâu có phản quan, chúng ta vẫn không mắc kẹt. Vì mình còn yếu nên cần hợp tác hướng đi này với hướng đi kia của chư tổ, song chỗ cứu cánh không khác. Hiểu như vậy chúng ta mới không lúng túng khi bị người khác chất vấn về cách tu của mình.

Như trên tôi đã nói tìm ngọc ma-ni, song quý vị thấy chúng ta có tìm chưa? Thân này là xác thịt, là tướng vô thường bại hoại mà người ta cứ chạy ngược, chạy xuôi lo cho nó chu đáo, thỏa mãn, đó là tìm bạc tìm vàng. Còn ngay thân giả dối này chúng ta biết nó giả dối, tâm sanh diệt biết nó sanh diệt, để phăng tìm ra cái chân thật bất sanh bất diệt của chính mình là tìm ngọc ma-ni. Ở trong cõi vô thường tạm bợ này, mà ngồi phăng tìm cái chân thường, chuyện đó có phải là siêu xuất thế gian không? Đó là điều mà tất cả người tu chúng ta phải thấy.

Người thế gian chỉ biết có thân tạm bợ và tâm sanh diệt thôi, bỏ đi cái chân thật. Trong ba cái, chỉ biết có hai, bỏ quên một cái. Cho nên kinh Đại thừa luôn luôn nói chúng ta quên mình là chỗ đó. Cái thật của mình

mà lại bỏ quên, chạy theo hai thứ kia: một thứ vô thường sanh diệt, một thứ tạm bợ như bọt bóng. Họ cho hai cái đó là mình, còn cái thật bỏ quên. Chúng ta phăng tìm lại cái chân thật không sanh không diệt của chính mình, không phải hòn ngọc ma-ni vô giá sao! Người tìm vàng tìm bạc với người tìm ngọc, ai quý hơn ai? Ngồi thiền là tiêu cực phải không? Đó là một vấn đề, có đi sâu mới thấy giá trị thật của nó.

Tất cả những gì thế gian đuổi theo giành giật cho nhiều, đối với con mắt người tu chỉ là giả dối tạm bợ. Trong khi cái chân thật họ bỏ quên, không nhớ không biết, có đáng thương không? Đáng thương hay là đáng giận? Thường thường mấy đứa trẻ ngu ngốc làm gì sai bậy, cha mẹ giận nói đồ ngu, cốc trên đầu nó một cái. Lẽ ra cha mẹ từ bi thì phải thương, tội nghiệp nó ngu quá, thương nó không hết hơi đâu mà giận. Cũng vậy thế gian đang say mê theo cái tạm bợ giả dối, say mê theo những bóng dáng không thật. Bây giờ chúng ta thấy được cái thật, không nỡ bỏ họ. Đó là lòng từ bi của người tu.

Nhiều người hiểu chữ từ bi là cho cơm áo chút chút vậy thôi, hiểu như vậy thì hạn chế quá đi. Từ bi của đạo Phật là làm sao giúp cho người ta giác ngộ, biết được cái giả là giả, cái thật là thật, bỏ giả quay về thật. Đó mới là từ bi cứu muôn người. Đạo Phật dạy từ bi không chỉ cứu chúng sanh một đời này, mà cứu vô số kiếp luân hồi. Nếu chạy theo ôm giữ cái thân giả dối, cái tâm bóng dáng thì muôn kiếp luân hồi không có ngày cùng, sanh đi tử lại, sanh đi tử lại mãi.

Người đời sanh ra hoặc giàu hoặc nghèo, hoặc khổ hoặc vui, nhưng ít chục năm rồi cũng mất. Mất rồi tiếp tục sanh trở lại, cứ như vậy lên xuống, lên xuống. Thế thì những cái được đó có gì thật đâu, được rồi mất được rồi mất. Như vậy tất cả là trò đùa, không có gì giá trị hết. Còn cái chân thật luôn luôn có bên mình nhưng họ không biết. Vì vậy đạo Phật tìm đủ mọi phương tiện để chỉ cho chúng sanh biết họ có cái chân thật. Nhưng trước khi muốn chỉ cho người biết, mình phải biết trước, phải sống được với nó thì chỉ người ta mới tin. Nếu mình không biết, không sống được, mà chỉ dạy cho người, đó là nói lý thuyết suông chơi thôi, không đi tới đâu hết.

Cho nên người học Phật là phải tu. Chúng ta phải tìm đủ cách ngăn chặn để đừng kẹt đừng dính với trần cảnh, phá hết tất cả cố chấp về thân, về tâm. Phá tan những thứ chấp đó rồi mới thoát ra được vòng sanh tử luân hồi. Nếu không phá được chúng thì muôn đời đi trong sanh tử. Đời này được gặp thầy gặp bạn, đời sau trở lại chưa chắc được gặp. Thế nên được làm người, được tu hành, được gặp thầy bạn nhắc nhở là chuyện phi thường hiếm có, chứ không phải thường.

Mấy huynh đệ vào chùa tu, mà chỉ lo đi cúng đi bái thôi, thì chừng nào biết được lẽ thật này? Không biết được lẽ thật này làm sao tìm được con đường giải thoát sanh tử. Việc giải thoát hết sức giản đơn, còn niệm còn nghĩ là còn tạo nghiệp, còn tạo nghiệp là còn luân hồi sanh tử. Lặng hết ý niệm, chỉ còn một tâm thanh tịnh hằng giác hằng tri, không có tạo nghiệp thì không đi

trong sanh tử. Tâm hằng giác hằng tri không người nào thiếu, tại sao chúng ta quên nó đi? Biết không thiếu mà không thềm nhớ. Ví dụ quý vị ngồi chơi thanh thoi nhìn trăng trong gió mát mà không nghĩ gì hết, thì chúng ta đang hiện tiền, đâu đợi suy nghĩ mới biết trăng trong gió mát. Tự nó thấy, tự nó biết, tự biết là tâm đang hiện tiền. Tâm có sẵn nhưng vì bóng này, bóng kia cứ hiện ra che khuất hoài nên chúng ta không nhận ra được.

Mượn cái gương làm ví dụ sẽ thấy điều này rất rõ ràng. Chúng ta có bệnh theo bóng quên gương. Khởi nghĩ là bóng, tâm hằng tri hằng giác là gương. Gương là thể của bóng, nhưng ta chỉ nhớ bóng mà quên thể gương. Bao giờ lặn hết những niệm lăng xăng thì cái thể chân thật hiện tiền. Muốn lặn hết niệm lăng xăng thì hoặc chúng ta chuyên phản quan lại nó, hoặc phá hết các thứ chấp bên ngoài, hoặc bao gồm cả hai cách: nhìn vào trong để buông, nhìn ra ngoài để thấy tất cả hư giả, thì chúng ta sẽ dẹp được nó không nghi ngờ gì hết. Con đường tu của đạo Phật là con đường siêu thoát phi thường, phi thường nhưng rất bình thường. Kinh nói bình thường tâm thị đạo. Vì rất bình thường nên nói người ta không tin.

Chỗ thâm yếu này hiểu rồi, chúng ta mới thấy cái kỳ đặc của đức Phật. Ngài ngộ đạo nên thấu suốt rõ bản tánh muôn pháp nhưng không muốn nói, vì nói thẳng chỗ mình biết người ta không hiểu. Đợi tới khi chư thiên năn nỉ dùng phương tiện, chừng đó ngài mới lập bày phương tiện giáo hóa chúng sanh. Cho nên pháp Tứ đế,

Thập nhị nhân duyên v.v... đức Phật giảng trong mấy chục năm đều là phương tiện. Sau trong hội Linh Sơn, ngài chỉ đưa cành hoa sen lên rồi nhìn xem ai hiểu được mình. Khi nhìn tới ngài Ca-diếp thấy Tôn giả mỉm cười, đức Phật thọ ký cho ngài Ca-diếp ngay.

Thật ra sự việc đưa cành hoa lên, không có giá trị bằng con mắt nhìn. Ngài nhìn từng người, nhìn tới Ca-diếp thấy Tôn giả cười thì thông cảm liền. Như vậy Ca-diếp cười thấy hoa sen hay cười cái gì? Nhà thiền gọi là “tứ mục tương cố”, tức bốn mắt nhìn nhau. Mắt Phật và mắt đệ tử nhìn nhau, biết người đó hiểu được mình nên Phật cười vui nói: “Ta truyền chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm cho Ma-ha Ca-diếp.” Cái ấy sẵn đó mà không nói được. Tới khi Phật thấy có người lãnh hội được điều ngài muốn nói, nên chẳng ngần ngại tuyên bố truyền trao chánh pháp cho.

Đó là tôi nói về đường lối căn bản tu của mình. Bây giờ bước qua chặng thứ hai là lý vô sanh.

Chúng ta tu mà nghĩ nhập Niết-bàn êm ru, không còn gì hết thì buồn chết. Vô sanh là không sanh, không sanh thì không tử, không sanh không tử thì không biết nó ra làm sao, đâm ra buồn. Sự thật chữ “không” của đạo Phật là chỉ lẽ thật của muôn pháp. Thường thường nói muôn pháp giai không hay các pháp tánh không. Nói như vậy người ta nghe bi quan quá. Tại sao tánh không? Chữ “tánh” nghĩa chính của nó là từ thuở ban sơ sẵn như vậy. Cho nên tánh không là cái sẵn không của muôn pháp, nó như vậy. Chúng ta thử kiểm tra xem có pháp nào buổi ban sơ sẵn có không? Kể cả thân này

ban sơ cũng không sẵn có, mà phải đợi duyên hợp. Duyên hợp từ chỗ nào? Từ chỗ không. Từ chỗ không duyên hợp mới được. Duyên hợp thành có, đã có hợp thì phải tan, mà tan lại thành không. Cái sẵn không đó trước sau không thêm không bớt, không sanh không diệt. Các pháp duyên hợp thì có sanh có diệt, có thành có hoại. Còn cái không sẵn đó làm gì có sanh diệt. Hiểu như vậy mới là hiểu lý Bát-nhã.

Chúng ta biết các pháp hay tất cả muôn vật ban sơ là không, đợi duyên hợp mới có, nên tất cả cái có đó đều hư dối. Duyên hợp hư dối, không có gì thật hết và có hợp thì phải có tan. Cho nên từ thấy được tánh không, chúng ta mới thấy các pháp hư dối, thấy các pháp hư dối thì tâm hết vướng mắc. Nếu ai nghe nói thân giả dối không chịu, như vậy gọi là gì? Là mê, mê tổ chứ không phải mê con cháu, quá ư là mê! Con người duyên theo cái tạm bợ mà sống, quay quần giành giật, đủ thứ chuyện trong cái giả dối đó, như vậy có phải mê lầm lớn lao không?

Từ tánh không, chúng ta biết muôn pháp như huyễn. Bởi tánh không nên trước nó không, sau hoại cũng thành không, còn một chặng có thì như huyễn như hóa, có gì thật đâu. Như vậy từ lý tánh không, chúng ta thấy tột được các pháp không thật, đó là trí tuệ Bát-nhã. Nhiều người đọc Bát-nhã thấy khó hiểu, vì Phật nói cái không đó, không sanh, không diệt, không thêm, không bớt, không gì hết. Vì trong tánh không, có cái gì để thêm đâu, còn tất cả cái có trong tánh không ấy đều tạm bợ giả dối, không thật tí nào hết.

Nếu nhìn sự vật theo trí tuệ Bát-nhã, chúng ta có phê phán đẹp xấu, hay dở, hơn kém không? Ai nói đẹp xấu hay dở, hơn kém ta chỉ cười thôi, không chen vô đó để bàn cãi. Ngược lại, nếu người ta nói cái đó đẹp, mình nói xấu thì sẽ cãi nhau. Rõ ràng con người cãi nhau trong cái điên đảo, chứ không có lẽ thật. Nhờ thấy được các pháp tánh không, chúng ta dẹp hết những vướng mắc, kết thúc đi đến chỗ đối cảnh vô tâm. Cho nên ý nghĩa đối cảnh vô tâm ở đây rất rõ ràng.

Nhiều người thắc mắc tới chỗ vô tâm, không còn gì nữa hết? Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói chuyển bát thức thành tứ trí, chỗ khác nói chân không mà diệu hữu, chứ đâu phải là hết. Nếu hết tu làm gì? Cho nên chân không nghĩa là không có tất cả những cái giả dối sanh diệt, chứ không phải không ngơ. Không có tất cả giả dối sanh diệt, nhưng có diệu dụng phi thường, nên nói chân không mà diệu hữu. Vì vậy đức Phật sau khi đạt đạo rồi, ngài có tam minh, lục thông, đủ thứ hết. Như vậy đức Phật mới biết dạy chúng ta, chứ mất hết thì ngày nay đâu có giáo pháp để chúng ta nương theo tu hành. Đến chỗ chân thật cứu cánh ấy rồi, chúng ta không cầu cũng vẫn có đủ các thứ thần thông diệu dụng. Điều này trong kinh Phật diễn đạt qua ba thân là: pháp thân, báo thân và hóa thân hay ứng thân. Tùy theo các chúng sanh mà ứng dụng để giáo hóa họ. Tu mà sợ tới đó không còn gì là lầm lẫn lớn. Chỉ sợ mình không được tới đó thôi.

Với tinh thần người tu thiền, thể hiện lòng từ bi là cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi trầm luân sanh tử,

chứ không phải hết nghèo hết khổ. Giúp cho dân chúng bớt nghèo, bớt khổ là bổn phận của người cư sĩ, những vị giàu có ở thế gian. Còn tăng ni chúng ta phải đi sâu, phải làm cho được bổn phận của mình là giải thoát trầm luân sanh tử. Muốn giải thoát trầm luân sanh tử thì chúng ta phải dạy, phải hướng dẫn Phật tử thấu suốt được trí tuệ Bát-nhã, thấy biết rõ ràng. Đây gọi là dùng kiến trí tuệ để ruồng phá tất cả những dây đang ràng rịt thế gian, chặt cho đứt hết, đưa mọi người tới chỗ tự tại, an vui. Đó là trách nhiệm chính yếu của người tu. Nhiều người lầm lẫn, thấy việc ngồi chuyên tu là tiêu cực, phải đi làm việc này việc nọ mới được. Làm việc thiện thì tốt, nhưng trọng tâm của người xuất gia là phải nhớ đến sự giác ngộ giải thoát, đừng đem cái cứu cánh biến thành phương tiện.

Người xuất gia không có mục đích gì khác hơn là cầu giác ngộ, giải thoát sanh tử. Đó là trọng tâm, là mục đích. Cho nên chúng ta phải chỉ dạy thế nào cho những người đi sau cũng được giác ngộ, giải thoát sanh tử, đó mới đúng là mục đích của người tu. Giúp người bớt khổ tạm thời chỉ là phương tiện thôi, không phải mục đích. Cho nên tất cả tăng ni ai cũng phải thấy bổn phận của mình, thấy hướng đi của mình, đừng lầm lẫn, lệch lạc. Nếu không như thế thì uống đi một đời tu, không đạt đến mục đích mình mong muốn ban đầu. Thấy biết rõ được đường lối như vậy thì trên đường tu sẽ vững, không có thói chuyển. Ai đó công kích, chê bai, biếm nhẽ mình cũng không lay động. Nếu không như thế, chúng ta dễ bị ngôn ngữ thế gian làm lay chuyển. Được khen thì vui,

bị chê thì buồn, rồi cũng chạy theo dư luận bên ngoài, không vượt khỏi những trần tục của người đời.

Người tu là người thoát tục. Thoát tục là thoát ngoài vòng thế tục, không bị chê khen, phải quấy, hơn thua của đời lôi cuốn. Chúng ta phải đứng ngoài tất cả dư luận mới thoát tục được. Tôi từ thủy chí chung mục tiêu không đổi khác. Những năm về trước dạy tăng ni, Phật tử cũng dạy tu, tạo thiền viện cũng để tăng ni tu. Mục đích đã nhắm, tôi cứ thế mà tiến. Tiến tu thì Tam bảo gia hộ chúng ta nhất định thành công, còn chạy theo dòng đời sẽ bị nó cuốn luôn hồi nào không hay, tới chừng hối hận thì đã muộn rồi.

Tôi nghĩ rằng nhớ được những điều này thì trên đường tu quý vị không còn lầm lẫn nữa, có thể đi được tới chỗ mà xưa kia quý vị không dám nghĩ mình có thể tới được. Đó là điều tha thiết, là những lời chí thiết nhắc nhở của tôi trong buổi giảng hôm nay. Mong tất cả quý vị nghe hiểu rồi ứng dụng tu cho được, để xứng đáng là người xuất gia, xứng đáng với bản nguyện của mình, xứng đáng với lòng trông đợi của thầy tổ, cha mẹ, anh em. Người đi tu không nên cô phụ hết công ơn của cha mẹ, thầy tổ, cuối cùng trở thành người vô dụng, không xứng đáng với phẩm chất của một người tu Phật.



NHẮC NHỞ TU HỌC

*Dạy chư tăng Thường Chiếu
nhân ngày về thăm Hòa thượng
tại thiền viện Trúc Lâm*

Hôm nay tôi có ít lời nhắc nhở tất cả quý vị những điều cần thiết trên đường tu hành. Trước hết tôi nói về tinh thần xây dựng thiền viện Trúc Lâm và ý hướng của tôi mai sau cho chư tăng hiểu. Ngày xưa ở Thường Chiếu tôi cũng đem hết khả năng, tâm lực để hướng dẫn dạy dỗ chư tăng tu hành, giúp quý vị có đạo lực mạnh mẽ. Nhưng vì tôi không hợp khí hậu ở Long Thành nên cứ đau hoài, việc dạy dỗ bị ngưng trệ, không được viên mãn. Sau khi nghỉ dưỡng bệnh ở Đà Lạt, tôi thấy khí hậu thích hợp với tôi. Có thể tôi là sơn tăng, ông thầy ở núi quen rồi nên xuống đồng bằng không chịu, cứ bệnh hoài. Lên Đà Lạt tôi thấy cảnh và khí hậu trên đây thích hợp với người tu thiền nên tiến hành xin đất cất thiền viện.

Khí hậu ở đây mát mẻ. Máy chú thấy đó, đôi ba hôm nay ngồi thiền ít đổ mồ hôi như ở Thường Chiếu, đó là điều thứ nhất tôi thích. Điều thứ hai, trong khung cảnh rừng núi vắng vẻ rất tiện lợi cho người tu thiền. Điều thứ ba, trên này xa Thành phố, ít ồn nên những tiếng động bên ngoài không làm mình xao xuyến, nhờ vậy sự tu hành dễ tiến bộ. Do đó tôi cho đây là nơi lý tưởng, muốn tạo một cái duyên cho chư tăng ni dễ tu. Tuy nhiên vì còn mới mẻ, việc sắp đặt chỗ ăn chỗ ở giới hạn, cũng như giấy tờ của máy chú chỉ được chừng mực thôi, không như ở Thường Chiếu. Vì vậy tôi chỉ nhận trên bốn mươi vị tăng, bốn mươi vị ni tập tu trong giai đoạn đầu.

Nói thế không có nghĩa tôi dồn hết tâm lực ở đây mà bỏ quên Thường Chiếu. Tôi nghĩ rằng ở Thường Chiếu hiện giờ đa số những huynh đệ mới nhiều hơn huynh đệ cũ. Các vị ấy được tu học tại Thường Chiếu trước, sau nếu đủ duyên sẽ lên đây chuyên tu. Còn những vị ở đây khoảng thời gian chừng năm năm bảy năm, nếu sự tu hành tiến triển có khả năng đáng tin cậy, quý vị cũng phải gánh vác những Phật sự nơi này nơi khác. Lúc đó những huynh đệ ở Thường Chiếu có chí quyết tu muốn được yên tĩnh thì tôi sẽ chọn lên đây, không phải nơi này chỉ dành cho những người ở đây mãi mãi, hoặc những vị ở Thường Chiếu thì ở đó mãi mãi.

Tôi nghĩ đợt đầu những người đi trước phải chịu nhiều cực khổ nên cần sắp đặt ổn định. Tu một thời gian đâu đó đàng hoàng đáng tin cậy, khi nào Phật pháp cần tôi sẽ cho quý vị đi nơi này nơi kia để mở mang hoặc về phụ giúp Thường Chiếu. Đồng thời tôi cũng nói

cho huynh đệ biết, tôi chọn Thường Chiếu là trung tâm giữa Chơn Không và Trúc Lâm. Vì Thường Chiếu ở giữa, nơi đó dễ tụ hội chư tăng ni và Phật tử. Trên này quá xa, còn ở Vũng Tàu cũng nhỏ. Chỉ có Thường Chiếu là đủ điều kiện hơn hết. Cho nên dù muốn dù không Thường Chiếu cũng là trung tâm quan trọng của các thiền viện, nhất là các thiền viện thuộc hệ thống của chúng ta hiện giờ. Như vậy mấy huynh đệ đừng nghĩ rằng ở dưới đó thua thiệt, mà chính là quý vị đang ở một trung tâm quan trọng của các thiền viện. Những vị cũ tôi đã từng có những buổi giảng giải hoặc nói chuyện, còn những vị mới lâu lắm tôi mới có cơ hội gặp nên ít nói chuyện.

Hôm nay gặp quý vị ở đây tôi nhắc hai điều. Trước kia tôi đã từng nói trong nhà Phật, nhất là trong nhà thiền, thường dạy chúng ta khi phát tâm tu hành phải phát tâm mãnh liệt, kiên cố, vững chắc. Huynh đệ bỏ cả sự nghiệp thế gian để vào đạo tu hành, nếu chỉ vì buồn chán hoàn cảnh ở ngoài mà vào chùa tu, thì phát tâm không kiên cố. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, sở dĩ mình bỏ hết sự nghiệp thế gian vào đạo tu, là vì thấy biết rõ Phật pháp là con đường cứu khổ cho mình và chúng sanh. Cho nên chúng ta khẳng định phải tiến tu để thực hiện cho được hai điều cao quý ấy. Không phải mình đi tu vì những lý do tầm thường yếu ớt, mà đi tu vì lý do cao thượng. Đã là cao thượng thì phải khẳng định cuộc đời của mình không bao giờ lay chuyển. Dù gặp cảnh vui cảnh buồn, gặp khó gặp dễ, nhất định phải vượt qua hết. Đừng để những tầm thường vui buồn thương ghét làm trở ngại sự tu của mình.

Nếu quý vị bị những vui buồn thương ghét làm trở ngại, đó là tâm không kiên cố không vững chắc. Vì vậy mấy huynh đệ phải nhớ luôn luôn phát tâm vững chắc. Chính tâm vững chắc giúp chúng ta an ổn tu hành. Người thật tu không mong cầu điều gì, chỉ làm sao tu từ ngày mới phát tâm vào đạo cho tới ngày mình nhắm mắt, không bao giờ bị ngoại duyên làm xao động, không bao giờ bị ngoại duyên lôi cuốn chạy theo nó. Đó là tâm kiên cố.

Huynh đệ xuất gia ở đây cũng có nhiều vị trung niên lớn tuổi, có kinh nghiệm cuộc đời nên những khổ vui của thế gian đã thấy biết rồi, không còn lạ lùng nữa. Vì vậy khi bước vào đạo phải lập chí thật vững, không để vui buồn thế gian lôi kéo trở lùi, không bao giờ có niệm quay về hưởng thụ. Thật ra không có cái gọi là hưởng thụ, mà chỉ lao vào đau khổ thôi. Biết rõ như vậy nên sự tu hành của mình chỉ có một con đường tiến, không nghĩ gì khác, không có lối thứ hai, thứ ba. Không lùi không dừng lại mà luôn luôn phải tiến, tiến cho tới phút cuối cùng. Dù đời này chúng ta tu chưa viên mãn, nhưng cứ nỗ lực tinh tấn mãi mai kia nhất định sẽ được kết quả. Nếu không đủ một trăm phần trăm, ít ra cũng được sáu bảy mươi phần trăm. Đó là sự thật.

Mấy huynh đệ mới tu thời gian ngắn mà đòi kết quả thế này thế kia, không được liền nản, thối tâm. Đó là chuyện không hay. Ở thế gian người đời muốn học tới cử nhân, tiến sĩ, không thể năm ba năm đạt được kết quả, ít nhất cũng phải mười năm trở lên. Cả một cuộc đời

chuyên cần việc học mới đến nơi đến chốn. Cấp bằng thế gian còn phải như thế, huống là chúng ta tu chuyển hóa cả một cuộc đời phàm phu thành thánh nhân. Chuyện đó không đơn giản, không dễ dàng mà chúng ta cứ muốn mau là điều không đúng. Bởi vậy chúng ta phải đi từng bước từng bước thật vững. Luôn luôn bước không được dừng, dù bước chậm cũng bước, đừng bao giờ dừng lại. Đó là người quyết tâm tiến tu cầu thoát khổ cho mình và cứu khổ chúng sanh. Đây là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai phải luôn luôn nhớ mình tu cả đời, chứ không phải tu có năm bảy năm. Chúng ta không bao giờ thấy lười thấy mỏi, không phải chỉ siêng năng những năm đầu thôi. Các chùa thường nói nhất niên Phật tại tiền, nhị niên Phật thăng thiên, tam niên Phật đi đâu? Phật về Cực lạc mất rồi, bỏ mình lại bơ vơ. Ý nói người mới vào chùa năm đầu tinh tấn trăm phần trăm nên Phật tại tiền. Qua năm thứ hai giảm xuống tám chục phần trăm nên nói Phật thăng thiên. Qua năm thứ ba, thứ tư lùi lại chỗ cũ nên Phật về Cực lạc mất tiêu, không còn ở gần mình nữa. Đó là nói người tu không có tâm bền bỉ lâu dài. Thế gian thường ví những người như thế là đầu voi đuôi chuột. Trước coi hùng hổ lắm, nhưng rốt sau không ra gì.

Người tu làm sao trước sau như một. Vì vậy trong kinh Phật thường dạy chúng ta, mỗi sáng phải rờ đầu một lần để tự nhắc mình là người xuất gia, không có quyền lui sụt. Quyết tâm tu cả đời, tự nhiên mình đi từng bước rất vững, không vội vàng, vì vội vàng sẽ vấp ngã.

Chúng ta cứ đi mãi dù đường xa mấy rồi cũng phải tới. Nếu đường xa mà ta chạy gấp, chạy một đôi mệt quá, sưng chân sưng cẳng lúc đó muốn dừng muốn chán. Cho nên cần đi vững và bền, dù đời này chưa xong chúng ta cũng tiến gần tới mục đích đã nhắm. Đó là điều hết sức thiết yếu trên đường tu hành.

Quý vị đã quyết tâm tu phải hiểu tường tận lời Phật dạy. Nếu quyết tâm tu mà không hiểu lời Phật dạy thì quyết tâm đó trở thành rỗng. Vì vậy chúng ta phải hiểu Phật pháp cho thấu đáo. Chúng ta tu theo Phật thì những gì Phật dạy phải nghe, phải học và phải hiểu rõ ràng thấu đáo. Đừng nói tôi tu thôi không cần học, hoặc nói học để hiểu không bằng cố gắng hành. Nói như vậy là lầm. Không học làm sao hiểu, không hiểu làm sao hành? Cho nên Phật thường ví dụ người tu giống như người đi đường. Trước hết họ phải có đôi chân mạnh, kế đó có cặp mắt sáng. Nếu đôi chân mạnh mà mắt mù họ sẽ đi lạc. Nếu đôi mắt sáng mà đôi chân què thì đi không được. Cho nên cả hai phải hỗ tương nhau.

Đôi chân mạnh là sự quyết chí tu hành, đôi mắt sáng là đạo lý cần phải hiểu thấu đáo. Nhờ hiểu thấu đáo chúng ta biết đường nào chánh, đường nào tà, đường nào ngay, đường nào cong. Biết rõ ràng như thế thì không đi đường tà, luôn luôn đi đường chánh. Không vào những nẻo cong queo nguy hiểm mà luôn đi đường thẳng để tiến tới mục đích đã nhắm. Người có chí tu cương quyết, vững mạnh, kiên cố, lâu bền là cặp chân rất mạnh. Nhưng nếu không nắm vững đạo lý là con mắt chưa sáng.

Cho nên thời gian ở thiền viện, mấy huynh đệ ráng học kinh Phật dạy hoặc lời tổ nhắc nhở. Chỗ nào chưa hiểu nghiên ngẫm tới lui cho kỹ, một ngày nào đó nó sáng ra. Như vậy đường tu mới yên ổn, vững chắc. Nếu thiếu hiểu biết, không thấu đáo kinh điển là trở ngại lớn trên đường tu. Vì vậy ở thiền viện lúc nào cũng nhắc nhở mấy huynh đệ phải học. Nhưng người ta thường có bệnh ham tu hoặc ham học. Người ham tu không cần học, người ham học lại biếng tu. Đó là hai cực đoan.

Chúng ta làm sao quân bình được việc học và tu hỗ tương nhau. Học để biết tu, tu để tin hiểu hơn những điều đã học. Ví dụ mấy huynh đệ làm vườn, muốn trồng cây trước phải biết cây đó thuộc giống gì, tốt hay xấu, kết quả ra sao? Khi hiểu biết rồi, nhưng hiểu để mà hiểu, chứ không chịu trồng thì có kết quả không? Không có. Hiểu rồi phải ứng dụng trồng. Vì vậy thiền viện bắt buộc mấy huynh đệ mỗi ngày đều học và mỗi ngày đều tu.

Chính tôi đã kinh nghiệm rất kỹ về điều này qua những năm tôi ở Phật học viện. Chúng tôi cắm đầu học mười năm trời, từ Sơ đẳng lên Trung đẳng, rồi Cao đẳng. Mười năm học đó thời gian tu hết sức ít, nhiều lắm chỉ được hai thời công phu tối và khuya. Có khi không công phu luôn, nhất là gần thi thì bỏ hết, cứ cắm đầu học. Học rồi đâu có thì giờ tu, phải đi giảng đi dạy lại cho người sau. Thành ra học hiểu giảng dạy cho ai tu, chứ bản thân mình không tu. Thật là đau!

Bởi không có thì giờ tu nên học giáo lý, hiểu mà phần ứng dụng không có kinh nghiệm. Do đó có tình trạng nhiều giảng sư nói rất hay nhưng lâu lâu bị một con cọp công đi. Đó là kết quả học hiểu và nói suông mà không thực hành. Bởi thiếu hành nên không có đạo lực, bị duyên quuyến rũ liên rớt. Việc học rất hay rất cần, nhưng phần hành không thể thiếu. Do đó ở thiền viện tôi không đặt việc học như ở học viện. Ở học viện học để thi cử, để ra giảng dạy, còn ở thiền viện học để tu.

Huynh đệ nhớ lại thời đức Phật, ngài có dạy cho chư tăng học để lấy cấp bằng không? Không có. Phật dạy cho chư tăng hiểu giáo lý rồi tu. Chư tăng tụ họp lại gặp Phật, Phật giảng cho hiểu, hiểu rồi tu. Cứ như vậy lần lần nuôi dưỡng học tu, học tu cho tới ngày đạt kết quả tốt đẹp. Do vậy các đệ tử của Phật hiện đời chứng quả A-la-hán hay thành Bồ-tát chẳng hạn, đó là nhờ học và tu cân phân.

Nếu chúng ta nghiêng một bên, nói ham tu rồi cắm đầu tu mà không hiểu gì hết, khi tu gặp những chướng ngại đâm ra hoảng hốt, thối tâm. Hoặc giả khi tu thấy những hiện tượng lạ lùng đâm ra mừng, cho mình thành thánh, nói bậy nói bạ, đó là trái với đạo lý. Bởi vậy ham tu mà không chịu học hoặc ham học mà không chịu tu đều là bệnh lớn. Hai bệnh này làm cho người tu bị trở ngại rất nhiều.

Huynh đệ mới xuất gia một hai năm, ráng học và tu cho quân bình. Càng lâu càng dài sự tu càng mạnh. Tuy nhiên lúc đầu việc tu còn khó khăn, ngồi thiền đau nhức, thức khuya buồn ngủ. Đó là những trở ngại của sự tu

nhưng cố gắng chúng ta sẽ vượt qua hết. Máy huynh đệ bây giờ phức lớn lắm, trên có thầy, có các vị lãnh chúng hướng dẫn kim chế cho tu, dưới có huynh đệ cùng nhắc nhở nhau. Thành ra tu có thầy có bạn đàng hoàng. Những năm tôi ngưng giảng dạy, lên núi tu một mình ở Pháp Lạc thất tại Vũng Tàu. Thời gian trước đi học cũng giảng dạy nên ít tu, vì vậy ngồi thiền không quen. Tới chừng bắt đầu hạ thủ công phu tu thiền, cái chân nó đã cứng ngắc rồi, kéo lên đau gần chết. Lại không có ai kèm, không ai theo dõi mình, thành ra tôi phải ngồi thiền trước cái tủ kiếng. Tôi nhìn vô coi mình ngồi ngay không, chứ có ai sửa giùm đâu. Vậy mà tôi cũng ráng tập. Ban đầu ngồi được nửa giờ, lần lần tăng ba mươi lăm phút, rồi tới bốn mươi phút, một giờ. Mỗi lần thêm năm phút là mỗi lần đau, đau thấu ruột gan chứ không phải vừa. Nhưng tôi ráng, ráng tới được một giờ. Có lần tôi ráng tới một giờ rưỡi, lúc đó cái chân tê cứng tới bụng, tôi tưởng như nó chết. Tôi chấp nhận chết tại bờ đoàn không xuống, thử cho mày chết một chuyến. Mà khá sao nó không chết, tôi xả ra xoa bóp kỹ càng, sau ngồi nữa.

Tôi thắc mắc tại sao người xưa ngồi hai ba tiếng, có khi cả một hai ngày không sao, mình ngồi có một giờ rưỡi mà như gần chết vậy, không biết tại sao? Tôi nghĩ mình phải cố gắng tiến nữa thử coi có chết không. Thế là tôi tiến lần lần từ một giờ rưỡi tới một giờ ba mươi lăm, bốn mươi rồi tới hai giờ. Bỗng dưng lúc ấy hết tê, tôi mới giật mình. À, rõ ràng qua cái chạng đó thì khỏe lại, khi hết tê lần lần tôi ngồi khỏe hơn. Sau này có mấy chú mấy cô ngồi tám tiếng, mười tiếng, mười mấy tiếng. Rõ ràng chúng ta cố gắng nó sẽ qua, không như mình tưởng chắc chết,

chịu không nổi. Hồi xưa tôi hay lặp đi lặp lại câu “nếu chịu nổi thì chưa chết, nếu chết thì chịu hết nổi. Cho mày chết trên bồ đoàn luôn, không xấu hổ.” Tu không ra gì thì xấu hổ lắm, cho nên chấp nhận chết trên bồ đoàn, nhưng nghĩ vậy lại không chết.

Ngày xưa tôi tu một mình không thầy, không bạn, chỉ có những bộ kinh gói đầu nằm, như cuốn Pháp Yếu Tu Tập Tọa Thiền Chỉ Quán của Trí Khải đại sư, Tọa Thiền Tam-muội, Lục Diệu Pháp Môn, Tham Thiền Yếu Chỉ... tôi đã dịch sang tiếng Việt. Tôi y cứ mấy bộ đó như bản đồ để theo dõi việc tu của mình. Khi công phu gặp trục trặc, tôi giở ra coi. Về kinh, nhất là bộ Lăng-nghiêm, tôi lấy đó làm chuẩn, để biết cái nào ma mình tránh, cái nào không phải ma mình tu. Cứ thế tôi tự mày mò, ráng tìm ra con đường tu thiền rõ ràng như hôm nay. Đã bao nhiêu ngày tôi phải khóc, vì thấy mình tu mù mù mịt mịt, chỉ biết lạy Phật mà khóc thôi, không biết làm sao hơn.

Huynh đệ bây giờ tu khỏe hơn tôi ngày trước rất nhiều. Thầy bạn không thiếu, kinh sách có đủ, vừa trực trặc khó khăn liền có người nhắc nhở, ngồi thiền đúng hay sai có người sửa, gục có người đánh cho tỉnh. Như vậy quá tốt mà tu không được là lỗi tại quý vị. Trên đường tu chúng ta không nên xem thường, phải thấy là việc tối quan trọng của cuộc đời mình. Phải quyết tiến, quyết làm cho được mới mong đạt kết quả. Người xưa bảo “Muốn là được, quyết là thành.” Tôi lấy câu đó làm căn bản, việc gì quyết định tiến tới thì nhất định sẽ thành công. Nếu chúng ta làm trong ngờ vực, hoặc làm lung chùng thì khó thành công.

Nói cho mấy chú biết rõ như thế để khéo ứng dụng tu. Chúng ta có khả năng vươn lên chứ không phải không, nhưng vì ý chí không mạnh, quyết tâm không cao nên bị trở ngại vươn lên không nổi. Nếu ý chí mạnh, quyết tâm cao nhất định chúng ta sẽ vươn lên không nghi ngờ. Việc tu không phải khó, mà khó vì chúng ta không quyết tâm, không bền chí. Nếu quyết tâm bền chí, con đường tu sẽ có kết quả. Người xưa cũng khóc lên khóc xuống như mình chứ đâu phải các ngài thành thoi. Có những vị ngồi thiền ngủ gục quá, các ngài tự trị bằng cách trèo lên cháng ba cây ngồi. Ngồi đó nếu ngủ gục, cắm đầu xuống hố chết luôn. Nhờ vậy sợ quá mãnh tĩnh, không dám gục. Các ngài liêu tới mức đó mới qua được những chướng duyên, đâu phải người xưa làm gì cũng dễ, mình làm khó. Người xưa gặp rất nhiều khó khăn, như trưởng lão Mục-kiền-liên khi ngồi thiền cũng bị ngủ gục giống hệt chúng ta ngày nay. Vì vậy mấy huynh đệ đừng hiểu lầm riêng cá nhân mình tu khó, người khác tu dễ. Người xưa tu đạt kết quả là do các ngài đã vượt qua bao nhiêu khó khăn, khổ nhọc. Ngày nay chúng ta tu cũng phải chấp nhận mọi khó khăn, đau khổ để vươn lên.

Đức Phật từ một vị hoàng tử trở thành người xuất gia sống hết sức đơn giản. Chỉ có ba y, một bình bát đi khát thực, không có gì là sự nghiệp hết. Trước đó ngài đã tìm chỗ này chỗ kia học, không thỏa mãn nên tự tu tập khổ hạnh, cho tới chỉ còn da bọc xương. Cuối cùng ngài thấy phương pháp này chưa phải cứu cánh, nên sống bình thường lại. Sau đó ngài tọa thiền dưới cội bồ-đề trải qua bốn mươi chín ngày đêm, tuệ giác phát sinh

mới đạt đạo. Như vậy ngài trải qua bao nhiêu khó khổ mới được kết quả thành Phật mỹ mãn. Nếu ngài nói mình gốc Bồ-tát, ngồi đạo tràng năm bảy ngày ngộ đạo, thì chúng ta ngày nay tu không được là phải. Ngài khổ như vậy chứ đâu phải đơn giản. Năm năm tầm đạo, sáu năm khổ hạnh mới thành tựu đạo quả.

Chúng ta sánh với ngài khổ chừng bao nhiêu phần trăm? Chẳng được bao nhiêu phần trăm, mà còn than “tu coi bộ phiền quá, khổ quá!” Yếu đuối như vậy làm sao đạt được kết quả cao quý. Cho nên huynh đệ phải lập ý chí, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khổ để vươn lên. Nhờ khó khổ tôi luyện mình mới cứng cáp mạnh mẽ. Có cứng cáp mạnh mẽ cộng thêm ý chí hỗ trợ mới dễ đạt đạo. Nếu chúng ta lơ là lười thôi thì khó có thể đạt đạo. Người nào vào đạo với tinh thần tu cầm chừng thì không bao giờ tiến được. Có tiến chẳng cũng chỉ ở chùa quét lá đa, chờ già nhắm mắt được vô nghĩa địa nào đó. Vậy thôi.

Người tu phải gan dạ, cương quyết. Nhờ gan dạ cương quyết mình vượt qua hết khó khăn. Hết khó khăn mới được an lạc. Tôi khẳng định với mấy huynh đệ, tu là một nguồn an lạc, không phải khổ đau. Nhưng muốn hưởng an lạc trước phải trải qua những khó khăn, gian khổ. Chính ngài Hoàng Bá đã nói muốn ngửi được mùi thơm của hoa mai phải chịu qua một mùa đông lạnh lẽo. Có chịu lạnh thấu xương mới ngửi được mùi thơm hoa mai. Con đường chúng ta đi là con đường tươi sáng tốt đẹp, nhưng muốn tiến tới chỗ tươi sáng tốt đẹp, phải qua những khúc quanh co chông gai lầy lội.

Mấy huynh đệ nhìn từ đức Phật, tới các tổ, rồi tới quý thầy gần mình, vị nào làm được chút ít Phật sự, được nhiều người quý mến, đều phải chịu cực khổ, gian lao. Chúng ta tu là chọn con đường cao quý tốt đẹp, không phải chọn con đường đau khổ. Nhưng vì cao quý tốt đẹp nên phải chịu khó chịu cực, vượt qua những khó khăn ban đầu mới đến chỗ cao quý an lạc.

Ở thế gian nếu tuổi thanh niên thì chỗ nhắm là có gia đình, phải không? Mà có gia đình là tiến lên con đường hạnh phúc hay con đường đau khổ? Có gia đình rồi thì có con, bắt đầu nuôi con. Một đứa nuôi chưa xong, lại thêm đứa nữa. Chừng ba bốn đứa thì đầu tắt mặt tối. Lo cho đứa này chưa hết tới đứa kia, muốn con được khỏe mạnh, ăn học tới nơi tới chốn với người ta, đủ thứ lo. Con lớn lo cho có đôi bạn. Chừng đó mình già khản sắp chết. Như vậy đó là con đường tối hay sáng? Con đường tối tăm mà tất cả người đời đều phải chấp nhận.

Chúng ta ở đây đi trên con đường rất tươi sáng, sẽ tiến vào được cảnh tự do tự tại. Bước vào đạo là tự do tự tại rồi, vì có gì ràng buộc đâu. Trong chùa chỉ ràng buộc theo nội quy của thiền viện. Ràng buộc cho mình yên tu, chứ không phải ràng buộc để làm khổ mình. Ở ngoài con đau cha mẹ có ngồi yên không? Không. Còn trong thiền viện, giả sử huynh đệ đau thì đưa xuống bệnh xá có người chăm sóc. Chăm sóc chu đáo mà không phải lo rầu như cha mẹ. Anh em huynh đệ hay mình bệnh cũng vậy, đều được chăm sóc như nhau, khỏi vay nợ, khỏi lo chuyện gì cả. Thanh thoi.

Nhiều khi ở thế gian, cha mẹ hy sinh trọn đời cho con, tới con lớn lên chắc gì nó hiếu thảo. Có đứa không thèm nuôi cha mẹ mà còn nói nặng nhẹ nữa. Trong đạo, chúng ta tu hành có đức hạnh, đệ tử xuất gia đối với thầy tổ rất quý kính, đệ tử tại gia cũng thương. Khi cần gì họ sẵn sàng giúp đỡ mình. Như vậy con đường nào sáng hơn? Ở thế gian càng ngày càng lún sâu trong nghiệp ác, còn chúng ta đi tu càng ngày càng gỡ bỏ những điều xấu xa, càng ngày càng tốt. Đứng về nghiệp ác nghiệp thiện, người tu đã chọn con đường lành. Giả sử chúng ta tu chưa giải thoát sanh tử, khi trở lại cũng bảo đảm đi đường lành. Nếu ở thế gian tới già chưa chắc mình không tạo nghiệp ác. Đã tạo nghiệp ác thì nhắm mắt dễ gì trở lại làm người.

Hơn thế nữa, nếu chúng ta cố gắng vươn lên, từ một con người phạm phu thường tình, gội rửa sạch hết những thói phạm tình, lần lần tiến lên thành thánh, đẹp đẽ biết chừng nào. Cả thế gian đều quý đều kính. Nên biết con đường chúng ta đã chọn là con đường lý tưởng cao siêu, còn con đường thế gian là con đường đen tối đau khổ, nên tránh xa. Quý vị nào tu hành để tâm lui sụt, lâu lâu lùi bước, đó là muốn trở lại con đường tối tăm đầy hiểm họa. Như vậy rất uổng công mình đã chọn lựa một con đường tốt, mà không đầy đủ ý chí nghị lực để đi suốt con đường ấy. Cho nên muốn thoát khỏi hầm lửa hay muốn vào hầm lửa đều do chúng ta quyết định cả thôi.

Mong chư tăng tự lo liệu lấy đời tu của mình!



TÂM BÌNH THƯỜNG LÀ ĐẠO

Từ trước tôi thường nói “Tâm bình thường là đạo”, song chỉ nói tổng quát hoặc nói xa gần để quý vị thâm nhận, chứ không nói thẳng. Hôm nay tôi chỉ thẳng cho quý vị thấy và nhận ra để ứng dụng tu hành.

Triệu Châu đến hỏi ngài Nam Tuyền:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Triệu Châu hỏi:

- Lại có thể nhằm tiến đến chăng?

Nam Tuyền đáp:

- Nghĩ nhằm tiến đến là trái.

Triệu Châu hỏi:

- Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?

Nam Tuyên đáp:

- Đạo chẳng thuộc biết và chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì chẳng nghi, ví như hư không thênh thang rộng rãi đâu thể gắng nói phải quấy.

Ngay đó Sư ngộ.

Mọi người tu, ai cũng nghĩ mình phải thấy (ngộ) được đạo, và nghĩ rằng đạo là cái gì cao siêu ở ngoài mình. Triệu Châu cũng có tâm niệm như chúng ta, khi được ngài Nam Tuyên trả lời “tâm bình thường là đạo”, Sư chưa đủ sức tin. Vậy, tâm bình thường là tâm nào? Tâm nhớ chuyện năm xưa nghĩ chuyện năm tới có phải là tâm bình thường không? Vừa dấy niệm là động, mà động thì bất bình thường. Tâm bình thường là tâm lặng lẽ sáng suốt, thấy biết rõ ràng, như mặt nước phẳng lặng không gợn sóng. Ngài Nam Tuyên chỉ thẳng: “tâm bình thường là đạo”, qua lời chỉ thẳng mà Triệu Châu chưa nhận ra nên hỏi: “Lại có thể nhằm tiến đến chăng?” Sư nghĩ tiến để đạt đạo. Song, nghĩ tiến đến là bất bình thường, mà bất bình thường thì không phải đạo. Vì vậy, ngài Nam Tuyên nói: “Nghĩ nhằm tiến đến là trái.” Vừa nghĩ tiến đến là động, mà động là bất bình thường nên trái đạo. Nhưng Triệu Châu cũng chưa nhận, bèn hỏi thêm: “Khi chẳng nghĩ làm sao biết là đạo?” Sư cho đạo là cái gì phải do suy nghĩ mà biết, nay không cho suy nghĩ thì làm sao biết đó là đạo? Ngài Nam Tuyên bảo: “Đạo chẳng thuộc biết và chẳng biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký, nếu thật đạt đạo thì chẳng nghi, ví như hư không thênh thang, rộng rãi đâu thể

gắng nói phải quấy.” Nghĩa là tâm lặng lẽ sáng suốt đó là đạo, vừa dấy niệm muốn biết nó là vọng giác, còn ngu ngơ không biết gì là vô ký, cả hai đều sai. Nếu thật đạt đạo, tức là nhận ra cái lặng lẽ chân thật thì không còn nghi ngờ gì cả, lúc đó tâm rộng rang thênh thang, không thể nói là phải hay quấy. Vừa nói phải quấy là có niệm hai bên thì trái đạo. Ngay đó Triệu Châu ngộ được “Tâm bình thường là đạo”. Tôi đã nói trắng ra quý vị có nhận được không?

Tôi dẫn thêm một thiền sư khác, Sùng Tín con nhà bán bánh bao, ở trước cổng chùa. Mỗi ngày Sư đem ít cái bánh cúng dường thiền sư Đạo Ngộ. Đạo Ngộ ăn xong thường để lại một cái bánh bảo:

- Ta cho người ăn để ân huệ cho con cháu.

Một hôm Sư tự nghĩ: “Bánh là ta đem đến, cứ sao Hòa thượng lại cho ngược lại ta? Biết đâu không có ý chỉ.” Sư bèn đến hỏi Đạo Ngộ.

Đạo Ngộ bảo:

- Bánh của ông đem đến, ta cho lại ông có lỗi gì?

Sư nghe lời này, hiểu được thâm ý, liền xin xuất gia. Đạo Ngộ bảo:

- Người trước sùng phước thiện, nay tin lời ta, có thể gọi là Sùng Tín.

Từ đây, Sư hầu hạ luôn bên thầy, một hôm Sư thưa:

- Từ ngày con vào đây đến nay, chưa được thầy chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày người vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy tâm yếu cho người.

Sùng Tín hỏi:

- Thầy chỉ dạy ở chỗ nào?

Đạo Ngộ bảo:

- Người dâng trà lên ta vì người mà tiếp, người bưng cơm đến ta vì người mà nhận, người xá lui ra thì ta gặt đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Sư cúi đầu im lặng giây lâu, Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay câu nói đó, Sư khai ngộ. Lại hỏi thêm:

- Làm sao gìn giữ?

Đạo Ngộ đáp:

- Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm chẳng có thánh giải khác.

Khi Thị giả dâng chung trà, Thầy đưa tay nhận chung trà, lúc đó có suy nghĩ gì không? Thầy đón nhận chung trà mà không có một niệm suy nghĩ, nhưng không phải là không “biết”. Khi Thị giả dọn cơm xá mời, thì Thầy bước tới ngồi và cầm đũa ăn, lúc đó thế nào? Ngồi ăn cơm Thầy cũng không suy nghĩ. Khi Thị giả xá chào lui ra thì Thầy gặt đầu, lúc gặt đầu Thầy cũng không suy nghĩ. Như vậy, trong những động tác hằng ngày mà chúng ta không khởi một niệm nghĩ suy, đó là tâm yếu. Tâm yếu hiện hữu rõ ràng trong mọi hành động,

nếu nhận được chỗ đó thì chỗ nào không chỉ dạy tâm yếu? Vậy, tâm yếu mà Đạo Ngô chỉ đây có khác với tâm bình thường mà ngài Nam Tuyên chỉ ở trước không? Tuy nhiên, ở đây đặc biệt là khi Sùng Tín cúi đầu suy nghĩ về tâm yếu thì Đạo Ngô chỉ thẳng: “Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.” Trong những hành động bình thường, ngay đó mà nhận ra cái chân thật sẵn có nơi mình, vừa khởi nghĩ nó liền bị che khuất. Ngay khi đó Sư khai ngộ. Chúng ta thấy tâm yếu là gì rồi phải không? Và khi ngộ rồi, muốn gìn giữ nó phải làm sao? Đó là vấn đề then chốt. Được ngài Đạo Ngô dạy: “Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm chẳng có thánh giải khác.” Mặc tánh tiêu dao ở đây không có nghĩa rời rảnh thân đạo chơi chỗ này xứ nọ tùy hứng đờn ca, thổi sáo, ngâm vịnh... Người như thế là cuồng tăng phóng túng. Ngài Đạo Ngô dạy tùy tánh tiêu dao, chứ không phải tùy thân tiêu dao, phải hiểu rõ chỗ này. Vậy, tánh tiêu dao là thế nào? Tánh thấy, tánh nghe... có sẵn nơi mỗi người vốn không động, không giới hạn; bởi không động, không giới hạn nên nó rộng rang thênh thang. Và vì thênh thang không động không phiền cứ mặc nó, không kìm không giữ là mặc tánh tiêu dao. Lâu nay chúng ta tu nghĩ là phải kìm giữ cho tâm thanh tịnh; nếu kìm giữ là trái với tự tánh rồi. “Tùy duyên phóng khoáng” là duyên đến thì tùy duyên bất biến không vướng không bận, không bị duyên trần làm phiền nhiễu. Sơ tổ phái Trúc Lâm nói:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc san hề khốn tắc miên.

Ở trong cõi đời mà vui với đạo, tức là vui với tâm bình thường, rồi tùy duyên đói thì ăn mệt thì ngủ. Tùy duyên phóng khoáng là trong cuộc sống bình thường đến giờ ăn thì ăn, đến giờ làm việc thì làm việc, đến giờ ngủ thì ngủ... không có vọng niệm làm bận lòng, tâm an nhiên thênh thang tự tại. Ví dụ quét chùa hay nhổ cỏ mà tâm vẫn thênh thang rỗng rang không có một niệm dấy khởi đó là tùy duyên phóng khoáng. Chứ không phải tùy duyên phóng khoáng là đói vào quán ăn, ăn nhậu say sưa, mệt thì nằm ì ngoài đường phố mà ngủ, gặp nữ sắc cũng không ky, gặp ca vũ cũng không chừa... Đó là cuồng tăng cuồng thiền, hiểu lầm hiểu loạn, không đúng lẽ thật, làm cho người chê cười, làm cho người mất hết tín tâm. Những trọng điểm này quý vị lưu ý để nắm vững mà tu, nếu hiểu lầm một chút thì họa. Tôi nhắc lại, tánh giác nơi mỗi người vốn lạng lẽ thênh thang sáng suốt, hằng ngày sống bình thường, đến giờ làm việc thì làm việc, đến giờ ăn thì ăn, đến giờ nghỉ thì nghỉ... không khởi niệm, không kìm, không giữ, tuy nhiên vẫn ở trong nếp đạo đức. Đó là mặc tánh tiêu dao tùy duyên phóng khoáng. Cũng như ngài Nam Tuyền người dâng trà thì tiếp trà, dâng cơm thì nhận cơm, xá chào thì gật đầu, buông hết vọng tưởng điên đảo của phàm phu, đó là đạo. Thông thường, người tu hành chưa hài lòng với nếp sống bình thường như đã nói mà mong có cái gì phi thường, khác lạ của bậc thánh, muốn thấy hào quang, muốn biết quá khứ vị lai... Đó là bệnh, nên ngài dạy “chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác”, khi vọng tưởng điên đảo sạch rồi thì ngang đó là thánh, chứ không có thánh ở ngoài đến. Tức là đừng được tình phàm là vọng tưởng,

vọng tưởng là chủ của nghiệp, là nhân luân hồi sanh tử, thì giải thoát. Vì không sanh không diệt nhưng hằng tri hằng giác không phải thánh là gì? Có nhiều người nghi sau khi vọng tưởng lặn hết thì còn cái gì? Chỉ cần hết vọng tưởng thì tánh giác hiện tiền không cần thêm gì nữa cả. Nhưng chẳng mấy người có đủ lòng tin.

Đa số đều mong hết phiền não để có thêm cái gì khác, không ngờ hết tình phạm (vọng tưởng) thì ngay đó là thánh. Vì mầm sanh tử luân hồi hết thì đó là đạo, là giải thoát, là chỗ thiết yếu mà ngài Đạo Ngộ đã chỉ dạy.

Ngài Triệu Châu ngộ đạo nơi ngài Nam Tuyền, ngộ ngay chỗ “tâm bình thường là đạo” nên sau này ngài cũng dạy như thế. Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư bảo:

- Ở trong điện.

- Trong điện đâu phải bùn đất đắp thành tượng?

- Phải.

- Thế nào là Phật?

- Ở trong điện.

- Con mê muội xin Thầy chỉ dạy.

- Ăn cháo xong chưa?

- Ăn cháo xong.

- Rửa bát đi!

Tăng nhân đây đại ngộ.

Tăng muốn biết “thế nào là Phật”, được ngài Triệu Châu chỉ “ở trong điện”. Ngài chỉ Phật tánh không rời thân năm uẩn (ở trong điện) thế mà tăng không nhận ra, khởi tâm so lường. Phật ở trong điện được đắp bằng bùn đất, chỉ là tượng vô tri để thờ, không phải là Phật mà tăng muốn biết. Ngài Triệu Châu nói “phải” là ngài xác định nơi thân năm uẩn có tánh giác chứ không phải tượng Phật trên bàn. Thế mà tăng không hội lặp lại câu hỏi “Thế nào là Phật?” Ngài vẫn đáp “ở trong điện”. Tăng vẫn không hội, bèn thưa: “Con mê muội xin Thầy chỉ dạy.” Ngài hỏi: “Ăn cháo chưa?” Tăng đáp: “Ăn cháo xong.” Ngài bảo: “Rửa bát đi.” Tăng nhân đây mới đại ngộ. Vậy, Tăng ngộ cái gì? Cái ngộ của vị tăng này có khác với cái ngộ của ngài Sùng Tín không? Ở trước, dâng trà thì tiếp, dâng cơm thì nhận, xá lui ra thì gạt đầu, ở đây ăn cháo xong thì rửa bát. Có thân thì tùy duyên sinh hoạt mà hành động, tuy nhiên tâm vẫn bình thường? Chư tổ chỉ dạy nhau là chỉ dạy cái mà chính mình đã nhận được từ nơi thầy là “Tâm bình thường”, song mỗi vị có mỗi thuật độc đáo riêng, người căn cơ thấp kém khó mà biết được. Tại sao hỏi “ăn cháo chưa?” rồi bảo “rửa bát đi” mà lại ngộ đạo, vậy đạo ở chỗ nào?

Sau, thiền sư Hoàng Trí có làm tụng để ca ngợi chỗ này:

*Chúc bái linh giao tẩy bát bồn
Hoát nhiên tâm địa tự tương phù
Như kim tham bảo từng lâm khách
Thả đạo kỳ gian hữu ngộ vô.*

Dịch:

*Cháo xong liền dạy rửa chén tô
Bỗng nhiên tâm địa tự tương phù
Hiện nay là khách từng lâm cũ
Hãy nói khoảng này có ngộ không?*

Thật là xuất cách, người vào đạo với tâm thao thức thiết tha cầu Phật, nên khi hỏi “ăn cháo xong chưa?”, thưa “ăn cháo xong” bảo “rửa bát đi”, liền ngộ đạo. Nếu là người không thao thức thiết tha cầu Phật, dù có dùng phương tiện thiện xảo thế mấy để chỉ, cũng vẫn là kẻ dung thường không thấy được lý đạo.

Ăn cháo, rửa bát có phải là bình thường mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng không? Nếu thông đoạn trước đến đây chúng ta không thấy lạ.

Ngài Động Sơn Thủ Sơ, khi còn là một thiền khách, đến tham vấn nơi ngài Vân Môn, ngài Vân Môn hỏi:

- Ông vừa rời chỗ nào?

Thủ Sơ thưa:

- Rời Tra Độ.

Vân Môn hỏi:

- Mùa hạ rồi ở đâu?

Thủ Sơ đáp:

- Ở chùa Báo Ân tại Hồ Nam.

Vân Môn hỏi:

- Rời nơi ấy lúc nào?

Thủ Sơ đáp:

- Ngày hai mươi lăm tháng tám.

Vân Môn bảo:

- Tha ông ba gậy, đến nhà tham thiền đi.

Được hỏi, Thủ Sơ đáp một cách thật thà, không một chút điêu ngoa, tại sao ngài Vân Môn nói “tha ông ba gậy” rồi bảo xuống nhà thiền? Thủ Sơ có lỗi gì?

Thủ Sơ thắc mắc, hôm sau đi thẳng vào thất ngài Vân Môn thưa:

- Hôm qua nhờ ơn Hòa thượng tha ba gậy, con không biết lỗi tại chỗ nào?

Vân Môn bảo:

- Cái túi cơm! Giang Tây, Hồ Nam liền thế ấy!

Ngay câu nói này Sư đại ngộ.

Vân Môn quả Thủ Sơ là cái túi cơm. Giang Tây là chỗ hoằng hóa của Mã Tổ, Hồ Nam là chỗ hoằng hóa của Thạch Đầu. “Liền thế ấy” là sao?

Hỏi “ở đâu”, thưa “ở Tra Độ”. Hỏi “mùa hạ rồi ở đâu”, thưa “ở chùa Báo Ân tại Hồ Nam”. Hỏi “rời nơi ấy lúc nào?”, thưa “ngày hai mươi lăm tháng tám”. Sự việc ấy có phải là bình thường không? Hỏi đâu đáp đó rõ ràng, không suy nghĩ không phải tâm bình thường là gì? Ngài Vân Môn muốn làm dậy sóng nên nói “tha ông ba gậy”. Thuật khai ngộ của ngài Vân Môn quá kỳ đặc, ngài nói “tha ông ba gậy” làm cho Thủ Sơ bần khoản

thắc mắc không biết mình có lỗi ở chỗ nào, nên hôm sau Thủ Sơ đến phương trượng hỏi, khi hỏi bị quở “cái túi cơm!” Ngài Vân Môn chê Thủ Sơ không thông minh giống như cái túi cơm vậy. Mã Tổ (Giang Tây), Thạch Đầu (Hồ Nam) cũng đều chỉ dạy cái bình thường ấy thôi. Ngay đó Thủ Sơ ngộ đạo. Qua câu chuyện, không ai khỏi ngạc nhiên chỗ “tha ông ba gậy”. Chính nhờ cái thuật làm dậy sóng đó của ngài Vân Môn mà Thủ Sơ mới nhận ra cái “chân thật bình thường” sẵn có nơi chính mình. Các thiền sư đâu có dạy điều gì khác, các ngài chỉ thẳng cái chân thật cho chúng ta là trong mọi sinh hoạt không dấy niệm nghĩ suy là đạo, là tâm bình thường, là Phật. Vậy, có người nào không có cái đó? Ai cũng có mà không dám nhận!

Sa-di Cao hầu chuyện với ngài Dược Sơn, qua những câu đáp, ngài biết đó là một Sa-di xuất cách, nên mới khoe với các đồ đệ lớn như Vân Nham, Đạo Ngộ. Hai vị này tỏ vẻ chưa tin, nên ngài mới hỏi lại Sa-di Cao:

- Ta nghe ở Trường An rất náo loạn, người có biết chăng?

Sư thưa:

- Nước con an ổn.

Dược Sơn hỏi thêm:

- Người do xem kinh được hay thưa hỏi được?

Sư đáp:

- Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thưa hỏi được.

Dược Sơn hỏi:

- Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thưa hỏi sao chẳng được?

Sư đáp:

- Chẳng nói họ không được, chỉ vì không chịu thưa nhận.

Ngài Dược Sơn nói: “Ta nghe ở Trường An (thủ đô nhà Đường) rất náo loạn, người có biết chẳng? Sa-di Cao trả lời “nước con an ổn”. “Nghe” tiếng động bên ngoài ồn ào là náo. “Thấy” kẻ qua người lại lộn xộn là loạn. Khi hỏi: “Ta nghe Trường An náo loạn người có biết chẳng?” Ngài Dược Sơn muốn hỏi Sa-di Cao có thấy có nghe sự náo loạn bên ngoài không? Đó là cái bầy dọ dẫm coi sư đang chạy theo cảnh bên ngoài hay hằng sống với tánh thấy tánh nghe chân thật của mình. Sa-di Cao trả lời “nước con an ổn”. Người qua lại xôn xao mà tánh thấy của Sa-di Cao không xôn xao, tiếng động ồn ào mà tánh nghe của Sa-di Cao không ồn ào. Náo loạn là chuyện bên ngoài chứ tánh thấy tánh nghe của Sư không động không loạn. Sư trả lời như thế chứng tỏ rằng Sư hằng nhớ cái chẳng động của mình mà không để tâm chạy theo ngoại trần. Nếu được hỏi “có nghe náo loạn không?” Trả lời “có nghe náo loạn” là người đã để tâm duyên theo cảnh vật bên ngoài mà quên cái không động hằng hiện hữu nơi chính mình. Như vậy, để thấy người xưa muốn trắc nghiệm xem người tham học còn vọng ra ngoại trần hay hằng sống với cái chân thật của chính mình, chỉ nêu câu hỏi, qua câu trả lời thì biết người ấy thế nào. Qua câu trả lời của Sa-di Cao,

Dược Sơn chấp nhận ngay. Tuy thế, Vân Nham và Đạo Ngộ vẫn chưa tin, ngài Dược Sơn mới trắc nghiệm thêm: “Người do xem kinh được hay do thừa hỏi được?” Sa-di Cao đáp: “Chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thừa hỏi được.” Nếu trả lời do xem kinh hay do thầy chỉ bảo thì cái đó từ bên ngoài mà được. Tánh thấy tánh nghe là cái chân thật có sẵn nơi mỗi người, đâu đợi xem kinh mới có hay do thầy dạy mới được, nên Sư trả lời “chẳng do xem kinh được, cũng chẳng do thừa hỏi được.” Mới nghe qua như phủ nhận công ơn chỉ dạy của thầy tổ, nhưng lẽ thật là như vậy. Thầy tổ chỉ là người khơi dậy đánh thức để chúng ta xoay lại nhận ra cái chân thật đã có sẵn mà từ lâu nay chúng ta bỏ quên. Ngài Dược Sơn hỏi tiếp: “Có lắm người chẳng xem kinh, chẳng thừa hỏi sao chẳng được?” Để xác định lần nữa, ngài Dược Sơn bẻ lại: “Ông nói chẳng do xem kinh chẳng do thừa hỏi mà được, vậy biết bao người không xem kinh không thừa hỏi sao chẳng được?” Sư đáp: “Chẳng nói họ không được, chỉ vì không chịu thừa nhận thôi.” Ai cũng có sẵn cái tánh biết chân thật, mà vì không chịu nhận nên coi như không được. Được hay không được là do biết thừa nhận hay không thừa nhận; nếu biết thừa nhận thì tự tại giải thoát, còn không thừa nhận thì chạy theo ngoại cảnh phiền não khổ đau đi mãi trong luân hồi sanh tử.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay tôi dẫn chuyện ngài Tử Hồ bắt ăn trộm, chuyện này rất lý thú nên tôi hay kể, mỗi lần kể là mỗi lần mới. Trong pháp hội của ngài Tử Hồ có trên năm trăm tăng chúng. Một hôm, giữa đêm bỗng ngài la to:

- Ăn trộm, ăn trộm.

Chúng kéo nhau chạy đến, ngài chụp ôm vị tăng đến đầu tiên nói:

- Bắt được rồi, bắt được rồi.

Vị tăng bị bắt hoảng hốt thưa:

- Dạ con, không phải, không phải.

Ngài nói:

- Phải, phải, chỉ tại ông không dám nhận thôi.

Trong pháp hội cả năm trăm người ai cũng có cái chân thật mà không dám nhận, buộc lòng ngài phải dùng phương tiện kỳ đặc chụp ôm một vị tăng la to là ăn trộm. Tăng đính chính: “Dạ con, chứ không phải ăn trộm.” Ngài nói “Phải, phải, chỉ tại ông không dám nhận thôi.” Tăng nói “Không phải” là không phải ăn trộm. Ngài nói “phải, phải” là chỉ cho mọi người ai cũng có sẵn tánh giác chân thật. Trò nói “không phải”, thầy nói “phải, phải”, nghe như cùng đối đáp nhau, nhưng ý hai bên thật là khác xa muôn dặm. Hình ảnh thầy chụp trò nói là “ăn trộm”, trò đính chính “dạ con, không phải ăn trộm”. Thầy lại khẳng định “phải, phải, tại người không dám nhận”. Thật thủ thuật quá kỳ đặc nói lên lòng từ bi đáo để bao giờ chúng ta quên được!

Chư tổ xưa dùng nhiều phương tiện kỳ đặc, để chỉ cho người học đạo nhận ra tánh giác chân thật sẵn có mà từ lâu tự bỏ quên. Riêng tôi không có phương tiện thiện xảo, nên mới dẫn chuyện của người xưa để nhắc cho quý vị nhớ và nhận ra cái chân thật của mình, hầu thoát ly sanh tử dứt khổ đau.

Qua những câu chuyện mà tôi vừa dẫn giải, nếu quý vị nhận được tánh giác chân thật nơi chính mình, quý nó như hạt minh châu vô giá, thì lời dẫn giải của tôi hôm nay là hữu ích, tức tôi là kẻ có công. Nếu quý vị không nhận được hay nhận được mà xem thường, cho rằng ai ai cũng có, thì có gì quan trọng rồi vẫn cứ sống buông trôi theo dục lạc đi mãi trong luân hồi sanh tử thì tôi là kẻ có tội. Vì muốn cho quý vị có đủ lòng tin mà tiến tu để trở thành người hữu dụng, nên tôi không ngại rụng hết lông mày vì quý vị mà chỉ thẳng.



PHÁP PHẬT LÀ THUỐC TRỊ TÂM BỆNH CỦA CHÚNG SANH

*Nói chuyện với đoàn bác sĩ Phật tử thành phố
Hồ Chí Minh, ngày 08-01-2000*

Trong kinh Phật dạy pháp của Phật là những phương thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Chúng sanh có tám muôn bốn ngàn phiền não, thì Phật có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Như vậy mỗi pháp của Phật trị mỗi bệnh của chúng sanh. Nếu chúng sanh có bệnh, biết rõ bệnh của mình, lấy pháp của Phật trị thì bệnh sẽ lành. Còn người có bệnh mà không biết thì chịu thua, hoặc biết bệnh nhưng không biết thuốc cũng không dùng được.

Như vậy pháp Phật là pháp trị bệnh cho chúng sanh. Thế nhưng pháp Phật đã có hai ngàn năm trăm mấy chục năm rồi, mà bệnh chúng sanh cũng không hết, bởi vì chúng sanh nhiều bệnh quá.

Như chúng ta đã biết, sau khi đức Phật giác ngộ dưới cội bồ-đề rồi, ngài tìm đến năm anh em ông Kiều-trần-như để hóa độ. Bài pháp đầu tiên Phật nói là Tứ diệu đế. Tứ diệu đế chia ra hai phần, một phần chỉ ra sự đau khổ, một phần dạy cách diệt đau khổ.

Về phần đau khổ, Phật chỉ thân này chứa đựng bao nhiêu sự đau khổ, nên có thân là có khổ. Vậy cái khổ đó ai đặt ra, từ đâu đến? Đức Phật bảo cái khổ đó có nguyên nhân. Nguyên nhân đó là gì? Gọi là Tập. Như vậy khổ là một lẽ thật, nguyên nhân tạo khổ cũng là một lẽ thật. Vì vậy nên nói Khổ đế, Tập đế.

Khổ đã không phải ngẫu nhiên đến mà có nguyên nhân. Vậy khi biết nguyên nhân rồi muốn cho hết khổ thì phải tiêu diệt nguyên nhân gây khổ. Tiêu diệt được nguyên nhân gây khổ thì sẽ hết khổ. Nhưng muốn tiêu diệt nguyên nhân đau khổ không thể nói suông, mà phải có phương pháp. Cũng như thầy thuốc biết bệnh đang hành, bệnh nhân đang khổ, thì phải truy nguyên tìm ra vi trùng gây bệnh. Biết chính xác vi trùng rồi thì phải diệt vi trùng, diệt vi trùng xong mới hết bệnh. Nhưng nói diệt vi trùng suông thôi thì không được, phải có phương thuốc cụ thể, mới diệt hết vi trùng.

Cũng vậy, Phật dạy tất cả khổ của chúng sanh đều có nguyên nhân. Nếu chúng ta tra cứu biết rõ nguyên nhân rồi thì phải tiêu diệt nó, muốn tiêu diệt nó phải có phương pháp. Nên Phật nói Khổ đế là quả, Tập đế là nhân. Diệt đế là diệt hết nhân khổ. Muốn diệt hết nhân khổ phải có phương pháp, phương pháp đó là Đạo đế.

Có phương pháp mới dùng phương pháp ấy diệt hết nguyên nhân đau khổ. Do đó, Diệt đế là quả giải thoát, còn nhân của quả giải thoát là Đạo đế, tức phương pháp diệt khổ.

Đức Phật dạy chúng sanh tự tâm bệnh đâu khác gì việc của các thầy thuốc đang làm. Đạo Phật rất thực tế, không nói chuyện viễn vông xa vời. Ai có bệnh chỉ cần dùng thuốc đúng thì trị lành bệnh. Trị lành bệnh là hết khổ, nên nói đạo Phật là đạo cứu khổ chúng sanh.

Ở thế gian, thầy thuốc trị về thân bệnh. Trong đạo, Phật trị tâm bệnh. Giữa hai việc điều trị đó, việc nào quan trọng hơn? Điều trị tâm bệnh quan trọng hơn. Bởi vì dù thầy thuốc hay mấy, biết bệnh nhân đang bị đau tim, hay đau phổi. Thầy thuốc có thuốc nhưng người bệnh cứ rầu, cứ buồn, thì trị nổi không? Không nổi. Vì tâm người bệnh không an, không vui thì điều trị khó lành. Vì vậy nên tâm bệnh rất là hệ trọng. Nếu thầy thuốc có được hai phương thuốc, một trị thân bệnh, một trị tâm bệnh thì hay biết mấy. Trị như vậy mới toàn hảo, còn chỉ một phần thì chưa được.

Để trị tâm bệnh Phật dạy những pháp để tiêu trừ nguyên nhân sanh ra bệnh. Bệnh của chúng sanh tới tám muôn bốn ngàn, pháp của Phật cũng có tới tám muôn bốn ngàn. Nhưng nói về cội gốc của bệnh, thì có sáu thứ căn bản phiền não. Trước khi nói pháp trị bệnh chúng ta cần phải biết các thứ bệnh. Bệnh tình đó đang thế nào, muốn giới thiệu thuốc thì phải biết hậu quả hay hiện trạng bệnh đang hoành hành ra sao.

Bây giờ thử nghiệm lại tất cả chúng ta trong hiện đời khổ hay vui? Nếu vui thì không có bệnh, không bệnh thì cần gì thuốc. Nếu có bệnh mới tìm nguyên nhân gây bệnh và trị bằng cách nào? Trong nhà Phật nói con người bị bốn, hoặc tám thứ khổ vây hãm, không ai thoát khỏi. Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, có ai khỏi đâu? Như vậy quả thật chúng ta là bệnh nhân rồi. Ngoài ra còn ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thành khổ. Nghĩa là thương yêu xa lìa khổ, oán thù mà gặp mặt hoài khổ, mong muốn không được khổ, thân này tự bại hoại không an khổ. Kiểm lại trong tám thứ khổ chúng ta đều có đủ. Rõ ràng xác định được chúng ta là bệnh nhân rồi, thì mới nói tới trị liệu.

Muốn trị bệnh thì phải phăng tìm nguyên nhân. Nguyên nhân nào sanh ra những thứ khổ đó. Phật nói nhiều lắm nhưng ở đây tôi chỉ kể sáu thứ: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Vì có nhân này nên có quả kia. Thí dụ như tham, căn bản là tham sống. Có người nào không tham sống sợ chết đâu? Nhưng rồi cũng phải chết, bởi vậy nên khổ. Bây giờ mình hết tham sống thì không sợ chết. Mà không sợ chết thì đâu còn khổ.

Từ tham sanh bao nhiêu thứ khổ. Đức Phật chia ra hai thứ: một là tham về ngũ dục, hai là ngũ trần. Tham ngũ dục là: tài, sắc, danh, thực, thùy. Tài là tiền của, sắc là sắc đẹp, danh là danh vọng, thực là ăn uống, thùy là ngủ nghỉ, năm món này là ngũ dục mà mình tham. Từ những tâm tham này sanh ra các thứ khổ kia. Vậy chúng ta phải lấy thuốc gì để trị bệnh tham.

Tham tài phải lấy hai thứ thuốc hòa hợp lại trị. Thuốc thứ nhất là *bố thí*, thuốc thứ hai là *vô thường*. Phật dạy tất cả tài sản của chúng ta bị năm nhà cướp lấy. Năm nhà là gì: 1. Nước lụt, 2. Trộm cướp, 3. Con bất hiếu, 4. Lửa cháy, 5. Vua chúa hay quan quyền tìm cách cưỡng đoạt. Như chúng ta chứng kiến nạn lụt miền Trung vừa rồi, bao nhiêu năm dành dụm chỉ một cơn lũ là cuốn sạch, không còn gì cả. Như vậy tài sản của chúng ta có bảo đảm đâu, nên Phật nói nó thuộc về năm nhà. Nếu không bị lụt, có khi bị cháy cũng rụi. Không cháy thì bị trộm cướp, không bị trộm cướp thì con bất hiếu phá hết sự nghiệp. Không bị con cái thì gặp những thế lực bên ngoài cưỡng bức cướp lấy.

Tuy nói tiền bạc của cải của mình nhưng không bảo đảm giữ được lâu dài, như vậy tham để làm gì? Nghĩ đến lý vô thường chúng ta bớt tham. Bớt tham thì bớt khổ. Con người thường có bệnh hễ tiền của trong tay thì được một đòi hai, được hai đòi bốn, muốn thêm hoài. Ở đây Phật dạy phải xả, phải bố thí. Nên nghĩ chúng ta có bao nhiêu đủ ăn rồi, phần dư bố thí cho người. Như vậy là bớt lòng tham. Người dư dả đi bố thí, vì biết rằng của cải giữ không được, không có tâm gom góp, keo sến là đã trị được bệnh tham tài. Rõ ràng có bệnh thì có thuốc. Biết được nguyên nhân tham tài, mà cầu bất đắc nên khổ. Muốn nhiều của nhưng muốn hoài không được thì khổ. Bây giờ mình đem ra bố thí tức không cần giữ gìn nữa thì đâu còn lòng tham. Mà không tham thì đâu có khổ.

Người tham sắc Phật dạy dùng thuốc *quán bất tịnh* để trị. Bởi vì khi tham sắc thì thấy người đẹp, tự nhiên chúng ta nghĩ ngợi người đó đẹp thế này, người đó quý, sang thế nọ v.v... Ngược lại nếu chúng ta quán thân mình bản thủ không ra gì, thân mọi người cũng vậy. Quán đến khi mình gồm thân mình, thì thân người khác mình cũng gồm luôn. Mà gồm thì hết tham. Đó là cách trị bệnh tham sắc.

Người tham danh phải dùng pháp quán *vô thường*. Bởi vì mọi thứ trên đời này được rồi sẽ mất. Thí dụ như người ứng cử tổng thống được đắc cử, thì bốn năm năm cũng hết nhiệm kỳ, có còn mãi đâu? Bởi nó không bền, vì vậy phải quán vô thường, quán nó là khổ hai thứ hòa hợp. Khi chưa được danh phải lo lắng chạy chọt đủ thứ là khổ. Khi được rồi sợ mất lại khổ nữa. Nếu thật sự nó mất thì càng buồn. Cho nên quán tham danh gốc là khổ đau. Người không hiểu danh dù được mời gọi cũng không muốn. Nếu có làm việc gì thì vì tất cả lợi ích chung chứ không vì danh vị của mình. Đã vì tất cả lợi ích chung thì được không mừng, mất cũng không lo, như vậy mới không khổ.

Bệnh tham ăn (thực) cũng là gốc của khổ. Phải dùng hai thứ thuốc *vô thường* và *bất tịnh* hòa lại. Thức ăn khi còn ở miệng thì quý, nhưng nuốt qua khỏi cổ rồi thì hết quý. Giả sử nó không chịu vào mà ụa ra thì có gồm không? Như vậy nó quý khi còn ở ngoài. Nuốt vô rồi nó trở thành dơ, đâu phải là quý. Tại vì chúng ta cứ mê say nên cho là quý. Nếu thấy như nhớp thì đâu có tham.

Lại một điều nữa, thức ăn ngon được bao lâu? Chỉ một hai phút ở trong lưỡi trong miệng thôi, qua khỏi cổ thì hết ngon rồi, nên nó tạm bợ vô thường, tham làm gì. Xét như vậy thì bớt được tham ăn.

Bệnh tham ngủ. Nhà Phật dạy muốn trừ bệnh tham ngủ phải dùng thuốc *vô thường*, thuốc *ting tẩn* hòa lại. Nên nghĩ mạng sống này không bao lâu, không có gì bảo đảm. Giờ nào còn sống thì mừng giờ đó, qua giờ khác thì không thể biết được. Vì thân này rất mỏng manh, rất tạm bợ. Nên chúng ta hiện sống, có những việc đáng làm, mà không lo làm, cứ nằm ngủ hoài. Nhà Phật dùng câu: “Cần tu như lửa cháy đầu”, nếu đốm lửa rơi trên đầu thì chúng ta chân chờ hay phủi ngay. Vô thường đến bất kể lúc nào, chúng ta không thể lường trước được. Vì vậy giờ nào còn sống, còn khỏe thì nên làm tất cả những gì có thể làm, chứ không bỏ trôi ngày giờ lãng phí một cách vô ích. Như vậy vừa quán vô thường, vừa ting tẩn thì trừ được bệnh tham ngủ. Tôi thường nói với tăng, ni muốn trị bệnh tham ngủ thì phải dùng cây roi ting tẩn mà đánh cho nó thức.

Như vậy là trị năm thứ ngũ dục bằng năm thứ thuốc rồi. Ở đây tôi không nói ngũ trần vì ngũ trần cũng anh em với ngũ dục vậy thôi.

Qua sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Bệnh tham đã có mấy bài thuốc ở trên rồi, đến đây khỏi phải nhắc lại. Kế bệnh sân, thì trị bằng hai thứ thuốc *từ bi* và *nhẫn nhục*. Nhẫn nhục là giải quyết cấp thời, khi người ta làm trái ý,

mình nổi sần lên liền phải nhấn, buông xả đi thì gọi là nhấn nhục. Buông xả đừng được cơn thịnh nộ rồi, nhưng lâu lâu nhớ lại cũng tức. Nghĩ rằng người ta nói bậy, làm bậy, mình mới giận. Nhưng nếu chúng ta biết nghĩ lại, tại vì ngu si nên họ làm quấy thật đáng thương. Nghĩ như vậy mới hết giận luôn, chứ còn dè nén, mai mốt nhớ lại giận nữa thì không được. Cho nên có thuốc nhấn nhục mà không có thuốc từ bi thì cũng dễ tái phát. Có nhấn nhục rồi phải có từ bi quán theo sau đó. Bởi vì nếu chúng ta có tình thương thì lỗi nhiều thấy ít, nếu không thương thì lỗi ít thấy nhiều, không thể thứ tha được. Vì vậy phải vừa nhấn nhục, vừa quán từ bi mới trị hết bệnh nóng giận.

Đến si, tức si mê. Si mê có hai tầng bậc: Thứ nhất không biết gì là tội, gì là phước, gì là tà, gì là chánh, không phân biệt rành rẽ. Đó là si mê hạng thấp.

Tuy nhiên quý Phật tử thử xét lại xem thiện, ác chúng ta đã phân biệt rành chưa? Đôi khi chúng ta tưởng như mình đã biết rất rành về thiện ác, nhưng có nhiều cái thiện mà thành ác, ngược lại ác lại thành thiện. Thí dụ cô giáo phạt học trò lười, trốn học hoài thì thấy như ác. Nhưng nhờ phạt nó sợ cố gắng học, như vậy là ác hay thiện? Còn giả sử như kẻ ghìen á phiện bị ủa mưa, có người thấy vậy mua á phiện đưa cho họ hút, như vậy thiện hay ác? Mới nhìn như thiện vì kẻ đang khổ, cho hút thì họ đỡ khổ, nhưng sự thật thì ác vì làm cho họ ghìen hoài. Nên nhiều việc mới nhìn thấy thiện, mà hậu quả lại ác hoặc ngược lại mới nhìn thấy ác

nhưng hậu quả lại thiện. Vì vậy phân biệt thiện ác cũng không phải dễ, phải có trí tuệ mới có thể phân biệt được. Phân biệt được thiện ác mới phân biệt được tội phước. Cái gì tội, cái gì phước? Nếu việc làm giúp ích được người lâu dài thì có phước. Còn việc làm trước mắt thấy như thiện mà tạo thành cái khổ cho người lâu dài thì trở thành ác. Như vậy thiện ác thật khó xử, khó giải quyết. Nhưng nếu chúng ta phân biệt được thiện ác thì tội phước mới không lầm lẫn.

Cũng vậy tà chánh rất khó phân biệt. Có những trường hợp mới nghe như phải, như chánh, nhưng mà rốt cuộc lại tà. Như có người trong đạo Phật, rất cung kính Phật. Bởi quá cung kính nên tin đức Phật có đầy đủ vạn năng xin cái gì cũng được. Vì vậy mỗi khi có tai nạn hoặc gặp vui buồn cứ đến xin Phật cầu Phật. Quan niệm như vậy là đã thành tà. Cung kính Phật tại sao lại tà, đó là vấn đề mà đôi khi Phật tử chúng ta không nhận ra. Đức Phật từng tuyên bố “ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai”. Vậy chúng ta xin Phật cho hết tai họa thì có ngược lại lời ngài nói không? Phật dạy một đàng, chúng ta làm một ngả, không phải tà là gì? Trong đạo, người mắc kẹt bệnh này rất nhiều. Tu thì không chịu tu mà cứ xin. Phật dạy dùng pháp để trị tâm bệnh mà chúng ta cứ xin là sao? Có nhiều Phật tử nói tôi theo đạo Phật mười năm rồi, mà động tới thì phiền não đủ thứ. Tu mà không hết khổ thì đạo Phật vô hiệu, không giá trị. Như vậy kẻ ấy làm tăng giá trị đạo Phật hay làm giảm giá trị đạo Phật? Việc này thật tế nhị. Quý Phật tử phải hiểu tin Phật là nên tin điều gì và không nên tin điều gì.

Người ta cứ ỷ lại vào Phật, cầu mong Phật cho cái này cái nọ. Được như ý thì nói Phật linh, rủ nhau đi chùa. Nếu không được như ý thì Phật không linh.

Phật dạy chúng ta phương pháp tu, nếu có nóng giận nên tu pháp gì, đâu có cầu ai. Ứng dụng pháp Phật để tu thì phiền não giảm, đau khổ bớt. Như vậy Phật cứu khổ cho mình rồi. Cũng như thầy thuốc khám bệnh, cho thuốc, nhưng bệnh nhân không chịu uống. Vậy làm sao hết bệnh? Kẻ ấy thầy thuốc cũng chịu không có cách nào khác. Phật là thầy thuốc trị tâm bệnh cho chúng sanh. Nhưng chúng sanh không chịu dùng thuốc thì làm sao hết bệnh, nên theo đạo Phật mà vẫn tà như thường. Hiện nay có rất đông người theo đạo Phật như vậy.

Nhiều huynh đệ than phiền nói tôi tu mà cứ chỉ trích người này chỉ trích người kia. Vì tôi thấy việc tà mà không xây dựng, không chỉ dạy thì đối với Phật pháp tôi đã có tội rồi. Do đó muốn phân biệt tà chánh rất là khó.

Đó là chưa kể nhiều người tuyên bố mình là Bồ-tát tái thế để độ chúng sanh, hay họ tuyên bố có câu chú lá bùa trị lành tất cả bệnh. Quý Phật tử nghĩ sao, điều đó chánh hay tà? Phật dạy không có vị Bồ-tát nào hiện thân ra đời mà vỗ ngực xưng tên ta là Bồ-tát cả. Bồ-tát đi lẫn trong quần chúng hành mật hạnh Bồ-tát. Nếu nói ta là Bồ-tát sẽ được người cung kính lễ lạy thì làm sao hành hạnh Bồ-tát? Người bệnh cần phải cõng đi bệnh viện thì Bồ-tát làm. Người gặp cảnh nghèo đói cần giúp thì Bồ-tát giúp thêm lạng, không hiện tướng khác người.

Đôi khi vì thử người, Bồ-tát hiện thân thấp kém để thử người mến đạo. Nếu xưng Bồ-tát, mọi người đều quý kính hết thì làm được gì. Tự xưng Bồ-tát còn không phải hạnh Bồ-tát, huống nữa tự xưng Phật thì chúng ta bái chào không nên lại gần, vì đó là giả.

Điểm kế nữa, người dạy tu mà bảo phải thề độc, nếu bỏ đạo sẽ bị đọa địa ngục v.v... Như vậy tà hay chánh? Chắc chắn là tà rồi. Bởi tà nên họ sợ người ta bỏ. Vì vậy bắt thề độc, lỡ vô rồi phải trung thành. Đó là tà giáo, nhiều Phật tử bị lầm đáng thương lắm.

Đức Phật dạy chúng ta quy y Phật thề tránh điều dữ nguyện làm việc lành, chứ không thề thốt gì hết. Lúc nào không muốn tu nữa thì thôi, không có chuyện hăm dọa bỏ đạo bị đọa địa ngục. Phân biệt tà chánh phải dùng trí tuệ. Muốn trị bệnh si mê thì vận dụng trí tuệ quán chiếu mới trị được. Bởi vì từ si mê người ta tạo đủ thứ nghiệp, chịu đủ thứ khổ. Nay muốn có trí tuệ chúng ta phải: một, học chánh pháp (hữu sư trí); hai, tu thiền định (vô sư trí). Lấy trí tuệ dẹp si mê.

Phần thứ nhất tôi nói về si mê cạn, đến phần thứ hai tôi nói về si mê sâu. Si mê sâu là giả mà tưởng là thật, cái thật lại không biết. Như thân này giả mà chúng ta tưởng thật. Đó là si mê. Si mê sâu này rất nguy hiểm vì chấp giả làm thật, nên không bao giờ biết được cái thật. Đến tâm cũng chấp cái giả của tâm cho là tâm thật. Trong kinh Lăng-nghiêm, phần bảy chỗ hỏi tâm, Phật hỏi ngài A-nan:

- Cái gì là tâm của ông?

Ngài A-nan trả lời:

- Bạch Thế Tôn cái hay suy nghĩ là tâm con.

Phật quở:

- Cái đó không phải tâm ông.

Ngài hoảng hốt hỏi Phật.

- Vậy con không có tâm sao?

Phật nói:

- Ông có tâm, nhưng cái suy nghĩ đó không phải là tâm ông.

Phật liền dùng thí dụ chàng Diễn-nhã-đạt-đa đứng trước mặt gương soi mặt, thấy đầu mặt rõ ràng trong gương. Khi úp gương xuống đầu mặt mất. Ông ôm đầu chạy nói: “Tôi mất đầu rồi, tôi mất đầu rồi.” Tại sao ông ôm đầu chạy lại la mất đầu? Tại chấp bóng cho là đầu thật, nên mất bóng liền ôm đầu thật chạy la mất đầu. Chúng ta cũng vậy, suy nghĩ phân biệt mà cho là tâm mình. Thật ra đó là duyên theo bóng, nghĩ về người thì có bóng người, nghĩ về vật có bóng vật. Nó lảng xảng nhưng tìm lại thì mất dạng. Không phải bóng là gì? Khi không suy nghĩ, không tính toán gì hết, lặng yên, lúc đó có tâm mình không? Tâm là cái biết, mắt thấy biết, tai nghe biết... Vậy mà chúng ta không bao giờ nhận cái đó, cứ nhận bóng dáng cho là mình. Như vậy chúng ta có giống Diễn-nhã-đạt-đa không, cứ chấp bóng là tâm mình. Chấp bóng là mình tức chấp tâm giả cho là thật, thì không bao giờ thấy được tâm thật.

Tại sao chúng ta phải tu thiền. Tu thiền để cho cái tâm tạm bợ bóng dáng đó lặng xuống, nếu theo nó liên tục thì làm gì thấy cái thật. Tôi thường thí dụ như cái gương, nhìn vào thấy có bóng người, bóng vật. Lúc đó chúng ta thấy mặt gương rõ không? Bởi mãi lo thấy bóng mà quên gương, lúc không thấy bóng mới nhận ra mặt gương luôn trong sáng. Cũng vậy, tâm chúng ta luôn hiện tiền trong sáng. Nhưng vì chúng ta chạy theo vọng tưởng nên quên tâm. Khi dừng được vọng tưởng, cũng như gương không có bóng, mặt gương hiện rõ ràng. Chúng ta tu thiền chủ yếu là vì thế.

Tâm theo cảnh là tâm tạo nghiệp, buồn thương giận ghét là mầm tạo nghiệp. Nếu không nghĩ ngợi lằng xằng thì có buồn thương giận ghét không? Tâm không buồn thương giận ghét đâu có sanh diệt. Tâm không sanh diệt mới thật là cái chân thật của mình. Do đó si mê tầng thứ hai này rất sâu. Tầng thứ nhất vừa nói có thể biết liền, còn thứ si mê này thật thâm trầm, Phật gọi đó là vô minh.

Đối với si mê cạn thì chúng ta dùng trí tuệ hữu học phân biệt chánh, tà. Đối với si mê sâu chấp giả làm thật thì phải có công phu tu. Từ trí do huân tu mới nhận chân được lẽ thật. Đây là nhân giải thoát sanh tử.

Tóm lại, muốn trị bệnh si mê phải dùng thuốc trí tuệ và thiền định. Trí tuệ là trí hữu học, còn thiền định để phát huy trí vô sư. Như chỉ thắp đèn mới phá được bóng tối. Nếu không như thế thì làm sao phá được phiền não. Cho nên người học Phật không có trí tuệ thì không làm sao phá được phiền não. Vì trí tuệ phá si mê.

Mà si mê thì sanh ra phiền não. Si mê chấp thân, si mê chấp tâm v.v... Bao nhiêu khổ đau theo đó mà ra.

Đến bệnh mạn, tức ngã mạn. Tại sao chúng ta có bệnh khinh mạn hay ngã mạn này? Vì một là chấp thân, hai là chấp tâm. Thí dụ người đẹp, sang cả thì thấy ta hơn thiên hạ, hoặc người thông minh học giỏi cũng thấy ta hơn người. Từ hai thứ chấp thân chấp tâm; thân đẹp thì cho là quý, tâm lanh lợi thì cho là khôn ngoan, sanh bệnh ngạo mạn. Bệnh này phải dùng thuốc *vô ngã* để trị. Vô ngã có hai: Về thân thì do tứ đại hòa hợp, về tâm thì tất cả suy nghĩ đều là vọng tưởng hư dối, có gì thật đâu mà chấp. Ta đã không thật mà trọng mình khinh người là điều vô lý. Nên dùng pháp quán vô ngã, thân tứ đại duyên hợp nên không có ngã thật, tâm cũng là bóng dáng của ngoại trần, nên cũng không thật, có gì là khôn có gì là hơn. Lấy vô ngã để phá ngã mạn, đó là thuốc trị bệnh mạn.

Đến nghi, nghi có hai loại: Trong nhà thiền hay nói *đa nghi đa ngộ* thì cái nghi này là nghi quý. Còn nghi bệnh là nghi mình, nghi Tam bảo; nghi không biết Phật có thật không, pháp Phật dạy có đúng không, các thầy tu có thật không. Do nghi như vậy nên đối với Tam bảo mất hết lòng tin. Kế, nghi mình tu không nổi. Đã nghi mình, nghi Tam bảo thì làm sao tiến được. Cho nên muốn hết nghi phải lấy thuốc *chánh tín* để trị. Tức là lấy lòng tin. Lòng tin ở đây là từ trí tuệ mà có, chứ không phải tin mù quáng. Tin có hai: Tin do trí tuệ gọi là chánh tín, tin một cách mù quáng gọi là mê tín. Chữ tin này cần phải hiểu cho rõ ràng.

Dùng chánh tín tức là lòng tin chân chánh để dẹp cái nghi. Chánh tín là tin thế nào? Một: Tin Tam bảo bằng trí tuệ, đức Phật có thật hay không, chúng ta phải tra khảo tìm hiểu cho rõ. Khi nào biết thật có đức Phật là con người tu hành thành đạo, tin được Phật rồi. Thứ hai là tin pháp của Phật. Pháp này đúng sự thật hay huyền hoặc sai với chân lý. Nếu đúng thì chúng ta mới tin pháp. Thứ ba là tin tăng, những vị xuất gia tu theo Phật gồm có tăng ni. Các vị này có tu chân chánh hay không? Nghiệm xét thấy hoàn toàn chân chánh đúng với chánh pháp của Phật mới tin. Nhờ biết nhận định từ trí tuệ nên gọi là chánh tín. Vì vậy Phật dạy phải văn tư tu. Xét đủ rồi mới đủ lòng tin Tam bảo. Tin Tam bảo là tin tha, kể đến phải tự tín, tức là tin nơi mình. Tin chắc rằng mình có thể tu được. Nhờ tin như vậy nên mới cố gắng tu. Nếu không, chúng ta sẽ sợ mình ăn chay không nổi, ngồi thiền không nổi. Không tin mình thì không thể làm gì được, mặc dù tin Tam bảo. Cho nên tin Tam bảo còn phải tự tin nữa. Những việc Phật làm được chúng ta cũng làm được. Mình sẽ tu được, không thua ai. Lòng tự tín phải mãnh liệt như vậy. Tóm lại, lấy thuốc chánh tín để trị bệnh nghi ngờ.

Cuối cùng là ác kiến. Trong phần ác kiến có: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Ở đây, tôi chỉ nhấn mạnh phần tà kiến, bởi vì phần này rất tế nhị. Thường người ta nói tà là lệch là nghiêng. Kiến ở đây không phải thấy mà nhận định. Tà kiến nghĩa là nhận định một cách sai lầm. Thí dụ như nói chết là hết, hoặc cho rằng chết rồi, linh hồn vẫn còn hoài,

A trở lại làm A, muôn kiếp vẫn là A thôi. Đây là tà kiến, vì một bên chấp đoạn kiến, một bên chấp thường kiến. Ngoài ra như chuyện đến núi Sam xin vay tiền Bà Chúa Xứ về làm ăn v.v... Đây là vừa thuộc về mê tín, vừa là tà kiến.

Nếu nói Bà Chúa Xứ linh thiêng, ai vay tiền Bà đều phát đạt hết thì từ Long Xuyên lên Châu Đốc mọi người phải giàu hết vì họ ở gần, dễ chạy lên vay. Nhưng thực tế xét kỹ từ Long Xuyên lên Châu Đốc hay vùng lân cận được bao nhiêu người giàu? Lẽ ra từ gần tới xa. Nhưng ở gần đã không xin được thì ở xa làm sao xin được. Tin như vậy là tin nhắm nhí, tin tà kiến. Tà kiến ngay con người mình, cứ nghĩ mình có linh hồn, mình chết rồi linh hồn còn nguyên trở lại làm người v.v... Nhà Phật gọi như thế là tà kiến, vì chấp thường kiến. Còn cho rằng chết là hết không có nhân quả báo ứng gì cả thì thuộc về đoạn kiến, cũng là tà kiến.

Trong đạo Phật không nói còn mãi, cũng không nói chết là hết. Quan trọng là phải làm sao nhận ra nơi con người mình phần nào sanh diệt, phần nào không sanh diệt. Nhận được như vậy rồi, phải làm sao cho phần không sanh diệt không bị phủ che. Còn trên mặt sanh diệt, nói còn hoài là sai, nói hết cũng sai. Bởi vì lâu nay người ta hay nói cái gì mất rồi là hết, nhưng sự thật không hết. Tất cả đều là một vòng chuyển biến tụ tán, tụ tán. Kể cả các hình thức nhỏ nhất như bụi đất v.v... Cục đất to đập nát thành bụi nhỏ, nhìn cục đất thì thấy mất, nhưng nó thành cát bụi chứ không mất,

chỉ chuyển biến đổi hình đổi dạng thôi. Thân này cũng vậy khi hoại đất trả về đất, nước trả về nước, gió trả về gió, lửa trả về lửa chứ không mất, không hết. Vậy mà chúng ta thường nhận định sai lầm, chết là hết. Đó là tà kiến. Nên người Phật tử phải biết từ thể xác đến tinh thần đều tùy duyên. Chúng luân chuyển tụ nơi này tan nơi kia chứ không hết. Tùy duyên luân chuyển tức là luân hồi.

Biết rõ nguyên nhân tạo thành luân hồi như vậy mới có thể chặn đứng nó lại. Hiểu thế mới tu giải thoát sanh tử. Nhiều người nói tu để giải thoát sanh tử, nhưng hỏi giải thoát cái gì, làm sao giải thoát thì không biết. Nếu chấp thân sanh diệt là thân mình, chấp tâm sanh diệt là tâm mình, đó là tiếp tục tạo nghiệp luân hồi, không bao giờ dừng. Còn không chấp hai thứ đó mà sống được với cái chân thật không sanh diệt của mình thì không tạo nghiệp. Đó là giải thoát, không bị lôi cuốn đi trong sanh tử nữa.

Có người hiểu lầm đạo Phật, nói đạo Phật là đạo cứu khổ nhưng sao quý thầy ít làm việc từ thiện hơn người tu đạo Chúa. Thầy chỉ giảng kinh như vậy thì cứu khổ chúng sanh chỗ nào? Bởi vì cái nhìn của đạo Phật khác đạo Chúa. Thí dụ như thấy đứa bé ra bãi biển vun cát làm núi non chơi, một lát sóng biển ào lên cuốn trôi mất hết, rồi nó tiếp tục làm nữa, cũng bị cuốn trôi mãi, như vậy tội nghiệp nó tốn công vô ích, sao không làm gì khác hay hơn.

Đây cũng vậy, nếu chúng ta còn luân hồi, bỏ thân này tự lại thân khác kiếp kiếp đời đời không ra khỏi. Nên Phật nói không có khổ nào lớn bằng khổ luân hồi. Cuộc sống mấy chục năm ra gì, có thiếu, có đói cũng là tạm thời. Dài thì chết muộn, ngắn thì chết sớm, tất cả cũng phải chết, không ai thoát được. Như vậy điều đáng lo nhất là làm sao ngay nơi thân này đừng tiếp tục làm việc vô ích nữa. Chúng ta xét xem cứ mỗi lần sanh ra chết đi, ta làm được những gì cho người cho mình. Hay sanh ra lớn lên rồi già chết, đời này qua đời khác. Cứ như vậy hoài thật là vô lý. Nên Phật nói đi trong luân hồi không có khổ nào bằng. Cứu khổ chúng sanh là làm sao cho họ thoát khỏi luân hồi. Đó là gốc của đạo Phật. Điều này chỉ có Phật thấy chứ chúng ta đâu thấy. Con người chỉ thấy đói rách và những thứ cần thiết trong cuộc sống. Mà thân này đã tạm bợ thì những thứ phụ thuộc trong cuộc sống càng tạm bợ hơn. Vì vậy Phật nói khổ từ đời này sang đời khác liên tục không biết khi nào dừng.

Trong kinh đức Phật dạy rằng: “Cái khổ bị thiêu đốt ở địa ngục chưa phải là khổ, cái khổ làm ngựa quý đói khát chưa phải là khổ, cái khổ làm trâu ngựa kéo cày kéo xe chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ.” Cho nên đức Phật nói vô minh mê lầm là khổ nhất. Bởi vì nó dẫn mình đi trong luân hồi vô số kiếp. Phá được nó, không còn lầm lẫn nữa, gọi là giải thoát sanh tử. Được vậy mới thật sự hết khổ. Đạo Phật hết sức thâm sâu, chỉ vì người ta không biết nên mới phê phán thế này thế nọ.

Vì đạo Phật đưa chúng ta đi quá cái tầm thường của con người, nên con người khó tin khó nhận. Đức Phật thấy tội cội nguồn nên ngài thương chỉ dạy cho chúng ta đến chỗ đó mới là cứu cánh. Không phải tu chút ít được phước sanh cõi lành mà cho là đủ. Sợi dây xích dù bằng vàng, nốt chúng ta trong nhà lầu cũng bằng vàng, nhưng chúng ta vẫn thấy khổ như thường. Bởi vì còn dây xích là còn khổ. Dù xích vàng hay sắt gì cũng đều khổ hết. Khi nào thoát khỏi dây xích mới hết khổ. Giải thoát là như vậy. Cho nên đạo Phật không khuyên chúng ta tu để đời sau được sanh lên cõi trời, mà phải giải thoát sanh tử. Đó mới là cội gốc.

Thế nên chúng ta phải biết những gì đức Phật dạy là những phương thuốc trị bệnh cho chúng sanh hết khổ. Từ bệnh tham, bệnh sân, bệnh si v.v... những bệnh đó bớt được là bớt khổ. Nếu được hết sạch thì sẽ đi đến chỗ giải thoát sanh tử. Những phương pháp Phật dạy gọi là Đạo đế. Dứt được mầm đau khổ là Diệt đế, là giải thoát sanh tử.

Như vậy học Phật, tu Phật là phải ứng dụng phương pháp Phật dạy. Thầy thuốc cũng vậy, chẩn bệnh, cho thuốc, bệnh nhân phải uống thuốc mới lành bệnh. Nếu cứ xin thầy cho tôi hết bệnh mà không chịu uống thuốc thì có lành bệnh không? Đạo Phật vì thế rất thực tế chứ không phải huyền hoặc như người ta tưởng.

Hiểu được vậy mới thấy giá trị đạo Phật rất chân thật. Người Phật tử không hiểu vô tình làm cho đạo Phật trở thành mê hoặc. Lỗi đó tại ai? Cũng tại một phần

ở nhà chùa. Giáo lý Phật dạy quá rõ ràng mà người tu không áp dụng, không đem ra dạy, lại dạy những chuyện đầu đầu rốt cuộc nhìn đạo Phật có khác gì ngoại đạo. Những gì ưu, những gì quý của đạo Phật cũng không biết. Cứ nói đạo nào cũng dạy ăn hiền ở lành thôi. Mà không biết gốc của đạo Phật là thế nào. Vì không thấy được điều đó nên ngày nay theo đạo Phật, mai một theo đạo khác, miễn đạo nào cũng ăn hiền ở lành là được. Như vậy là không hiểu đạo Phật.

Hôm nay nhân gặp gỡ quý vị thầy thuốc nên tôi nói về thuốc của đạo Phật. Bởi vì bác sĩ, thầy thuốc là thực tế khoa học, thì đạo Phật cũng thực tế khoa học không có gì huyền bí hết. Chỉ tại người không hiểu và nhận định sai lầm thôi.

Mong quý vị suy gẫm kỹ và ứng dụng tu hành cho có kết quả.

